

VLADIMIR TCHIKOV  
GARY KERN

# KGB

---

## HỒ SƠ BÍ MẬT

---



**KGB Hồ Sơ Bí Mật**

**Vladimir Tchikov**

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

# TABLE OF CONTENTS

KGB: HỒ SƠ BÍ MẬT

LỜI GIỚI THIỆU

LỜI TỰA CỦA ROBERT LAMPHERE

PHẦN I: MỘT CHUYẾN VIẾNG THĂM NƠI LƯU TRỮ TÀI LIỆU

NHỮNG TÀI LIỆU LƯU TRỮ TRONG CUỐN SÁCH

QUÁ NHIỀU ĐIẾP VIÊN

BÍ MẬT VỀ BOM: BA LOẠI BÍ MẬT

MỘT BỨC ĐIỆN CỦA LUÂN ĐƠN

SỰ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI MỸ

PHẦN II: NHỮNG NGUỒN GỐC CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM

STALIN, CON NGƯỜI ĐA NGHỊ

NHÀ BÁC HỌC - ĐIẾP VIÊN

BÍ MẬT VỀ CÁI CHẾT CỦA MỘT TÊN ĐỨC QUỐC XÃ

MỘT NHÀ VẬT LÝ TRẺ TÁO BẠO

STALINE THAY ĐỔI Ý KIẾN

BARBU VÀ PHÒNG THÍ NGHIỆM SỐ 2

BARBU VÀ NKVD

PHẦN III: NHỮNG ĐIẾP VIÊN TÌNH BÁO

NGUYỄN TỬ ĐÃ LÀM VIỆC THE NÀO, TƯỚNG FITINE NGHIÊN CỨU HỒ SƠ

"COMPANERO"- BROWN

ISRAEL ALTMAN ĐÃ SẴN SÀNG

THE CÒN VỢ ÔNG TA?

NHỮNG NGHỊCH LÝ ĐƯỢC LẤY LÀM ĐÍCH

NHỮNG PHƯƠNG PHÁP THÔNG MINH VÀ MẠO HIỂM CỦA SÚNG MÁY

MỘT ĐÊM Ở LOUBIANKA

MỘT BƯỚC NGOẶT

NGUỒN THÔNG TIN MỚI

PHẦN IV: BÍ DANH "LE JEUNOT"

ARTHUR FIELDING ĐANG SẴN SÀNG

DỰ ÁN MANHATTAN

KẾ HOẠCH GÌN GIỮ

NHIỆM VỤ Ở MIỀN ĐẤT MỚI MÊXICÔ

PARIS TỐT HƠN MỘT BUỔI THÁNH LỄ

BOM TRONG HỘP KLEENEX

ĐIỀU GÌ TỐT SẼ KẾT THÚC TỐT ĐẸP

PHẦN V: STALIN SỞ HỮU BOM

NHỮNG NHÀ BÁC HỌC NGUYỄN TỬ YÊU CẦU HOÀ BÌNH

THUYẾT TAM VỊ NHẤT THỂ

ĐỒ VẬT GIÁ TRỊ LỚN

SAU HIROSHIMA: SỰ MỆNH Ở COPENHAGUE

ĐÁNH GIÁ

THỜI KỲ BẰNG GIÁ

BỮA TỐI Ở PARIS

NHỮNG ÂM MƯU

SỰ PHÂN HẠCH "50-50"

NHIỆM VỤ CUỐI CÙNG

LESLIE VÀ LUIS CHẠY TRỐN

PHẦN VI: VỢ CHỒNG NHÀ KROGER

ĐIẾP VỤ LUÂN ĐƠN (I)

ĐIẾP VỤ LUÂN ĐƠN (II)

"NHỮNG NGƯỜI ĐI NGHỈ MÁT"

SHAH

HÀNH ĐỘNG CUỐI CÙNG

PHẦN VII: NHÀ Ở MAXCOVA

PHÂN QUYẾT

“CÔNG NHẬN”

BƯU KIẾN CỦA GARY KERN - VẤN ĐỀ NGUYÊN TỬ - ĐẠI TIỆC TÀI LIỆU

NƠI THIÊNG LIÊNG NHẤT, BỘ HỒ SƠ BOM A

CUỘC CHIẾN VÌ CÁC CHƯ THẦN NÚI OLYMPE

BẢNG CHỨNG GIẬT MÌNH

CHÚNG TA BIẾT GÌ VỀ GIÁN ĐIỆP HẠT NHÂN CỦA STALIN?

# LỜI GIỚI THIỆU

“Việc sử dụng bom A chống Nhật Bản, các vụ thử chất phóng xạ ở Mỹ cũng như ở Liên bang Xôviết, cuộc chạy đua vũ trang không ngừng giữa hai cường quốc, các thảm họa hạt nhân đã xảy ra hoặc sắp xảy ra trong tương lai, sự tàn phá của các loại rác hạt nhân... Vấn đề nguyên tử vốn không thể tránh khỏi từ bản chất, sẽ ngày càng trở thành một phần không thể tách rời của lịch sử thế giới. Nhưng vấn đề này sẽ tồn tại mãi với thời gian...”

Gary Kern, nhà văn Mỹ, người hợp tác viết nên cuốn sách này khẳng định.

Thật vậy, sức tàn phá và sự hủy diệt ghê gớm của vũ khí hạt nhân, vũ khí hủy diệt không cần phải bàn cãi, thế nhưng tại sao một vài cường quốc vẫn tiếp tục chạy đua vũ trang? Phải chăng họ đang khẳng định sức mạnh về quân sự nhằm “cân bằng” thế giới như nhiều chính trị gia phân tích?

Cuốn sách “KGB - Hồ sơ bí mật” hé mở những thông tin có tính tối mật lần đầu tiên được tiết lộ trong tập hồ sơ mang mã số: 13676 được cất giấu trong kho lưu trữ của KGB, tổ chức tình báo nổi tiếng của Liên bang Nga sẽ giúp độc giả có thêm thông tin về quá trình chạy đua vũ trang mà cụ thể là việc nghiên cứu, sản xuất và thử nghiệm bom nguyên tử của Nga và Mỹ, hai cường quốc vẫn được coi là mạnh nhất trên thế giới.

Nhà xuất bản Công an Nhân dân tổ chức dịch và xuất bản cuốn “KGB - Hồ sơ bí mật” trên tinh thần tôn trọng ý kiến dù còn trái ngược nhau ngay trong nội dung cuốn sách và tất nhiên các thông tin trong cuốn sách chỉ được coi như những tài liệu có tính chất tham khảo.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách tới độc giả.

Hà Nội, tháng 10 năm 2004  
Nhà xuất bản Công an Nhân dân

# LỜI TỰA CỦA ROBERT LAMPHERE

Tôi không có ý định phê phán toàn bộ cuốn sách này nhưng tôi chỉ dám đưa ra một vài nhận xét mà tôi được biết, theo quan điểm của một nhân viên làm việc cho FBI - người không đứng về phía tác giả, người không cùng gặp những khó khăn trong cuộc chiến giữa Cơ quan tình báo Xôviết và Mỹ. Tôi hy vọng rằng những nhận xét này sẽ giúp ích cho độc giả khi muốn tìm hiểu về lịch sử của các điệp viên tình báo Xôviết được cài bí mật vào trong dự án Manhattan.

Từ năm 1945, tất cả những cố gắng đầu tiên của tôi đều nhằm mục đích phá hoại hoạt động tình báo của Xôviết. Đến thời kỳ này, tôi đã có bốn mươi năm kinh nghiệm, với cương vị là một điệp viên đặc biệt của FBI. Trong suốt những năm chiến tranh, tôi đã cống hiến tất cả, không chỉ để đấu tranh chống lại bọn tội phạm của Liên bang mà còn đấu tranh để chống lại hoạt động gián điệp của bọn Đức quốc xã. Một lần bọn Đức quốc xã đã bị bại trận, FBI tỏ ra rất hài lòng về việc làm của họ. Tuy nhiên, một vài năm tiếp theo, FBI chỉ quan tâm đến một lĩnh vực chuyên biệt. Mặt khác, vấn đề chống đối với Cơ quan tình báo Xôviết trong thời gian này, dường như ngày càng không rõ ràng. Ban đầu, tôi sợ rằng con đường tôi đang đi không có lối thoát và tôi cũng cảm thấy bất bình khi đề cập đến vấn đề này.

Tuy nhiên, tôi đã hoạt động trong lĩnh vực này, chính xác là mười năm liên tục. Năm 1947, tôi bị chuyển từ New York đến Tổng hành dinh của FBI ở Washington và được đề bạt làm Cảnh sát trưởng của một đội chuyên phụ trách vấn đề hoạt động gián điệp của Xôviết. Sau đó tôi chịu trách nhiệm trong một đơn vị chuyên phân tích, giải mã những bức thông điệp giữa lãnh sự quán của Xôviết ở New York và Trung tâm của KGB ở Matxcova. Mật hiệu của KGB đã bị khám phá. Chúng tôi đã có tất cả những dữ liệu cần thiết trong những bức điện chặn được. Tôi đã nhắc lại câu này trong một cuốn sách của tôi có tên Chiến tranh FBI-KGB; Lịch sử một điệp viên đặc biệt (1986), được viết với sự hợp tác của Tom Schachtman và tôi sẽ nói một vài từ có ẩn ý xa hơn. Từ một cách tổng quát, những đánh giá ban đầu của tôi rất chính xác: Cơ quan tình báo Xôviết hoạt động thực tiễn không ngừng. Đó là một hành động nhằm vào lợi ích của người Mỹ. Công việc đã cho phép tôi tiếp xúc với những nhà cựu Cộng sản Mỹ trước đây như Elisabeth Bentley chẳng hạn, hay với một số điệp viên tình báo Xôviết như thám tử về bom nguyên tử Klaus Fuchs. Đây là không kể đến một số trường hợp làm tôi cảm động và bối rối như Julius và Ethel Rosenberg.

Hiếm khi người ta nhắc đến, đặc biệt trong các tác phẩm viết về chiến tranh lạnh, việc FBI không tập trung duy nhất đến sự đe dọa của Xôviết trong nửa cuối những năm bốn mươi. Trong thời gian Chiến tranh thế giới thứ hai, FBI ra sức bảo vệ Mỹ chống lại hoạt động gián điệp và sự phá hoại được thực hiện bởi sức mạnh của Xôviết. Dường như tất cả sức lực và nhân lực của FBI đều dành cho lĩnh vực này. Chẳng hạn như năm 1944, FBI có tổng số bảy nghìn nhân viên, trong đó hơn một nghìn người hoạt động tại văn phòng ở New York. Đây là những nhân vật quan trọng nhất và hoạt động hiệu quả nhất. Trong số hàng nghìn điệp viên này, có khoảng năm mươi hoặc sáu mươi điệp viên trong một đơn vị chuyên phụ trách về vấn đề hoạt động gián điệp của Xôviết. Những điệp viên khác phụ trách một số vấn đề như “tội phạm Liên bang” hay “những điệp viên phát xít”. Trong cuốn sách của tôi có viết về việc săn lùng, chống lại tên gián điệp của Đức quốc xã Erich Gimpel và đưa ra ý kiến về sự phân bổ sức mạnh của chúng.

Trong những năm ba mươi và đầu những năm bốn mươi, tổ chức phản gián Mỹ phải đương đầu với nhiều kế hoạch của Xôviết, nhưng với FBI thì đó chỉ là điều thứ yếu. Khi tra cứu những hồ sơ của cơ quan, tôi được biết và rất ngạc nhiên khi thấy lĩnh vực này hoạt động rất ít. Những lời cảnh báo của kẻ phản bội người Xôviết Victor Kravtchenko ở FBI năm 1944 về ý định chống đối của Liên bang Xôviết và trò chơi hai mặt của Stalin là một tiết lộ đối với tôi. Tiếp theo đó, những kinh nghiệm cho thấy rằng, FBI có quá nhiều lý do trong lĩnh vực này. Tất cả những phương cách có lợi cho Liên bang Xôviết, “Một đồng minh lớn” của chúng tôi trong thời gian chiến tranh, “Một ông bác Joe dũng cảm” theo như cách gọi của báo chí Mỹ đối với Stalin, để cài người bí mật vào Chính phủ Mỹ và hoạt động gián điệp phá hoại chương trình chế tạo bom

nguyên tử của chúng tôi. Điều mà họ làm đã thể hiện được tính cách và tài năng thực sự trong cơ quan tình báo của họ. Cơ quan tình báo NKVD-KGB (tiền thân của KGB) luôn có những cuộc chạy đua đối đầu với FBI.

Trên thực tế, việc cài lên người Xôviết vào trong Chính phủ Mỹ đã bắt đầu từ những năm ba mươi. Khi đó, một điệp viên tình báo Xôviết tên là Gaik Ovakimia đã được cài lên vào Chính phủ Mỹ với sự giúp đỡ của một viên chức Cộng sản tên là Jacob Golos. Năm 1941, FBI đã bắt sống tên này. Khi Bộ trưởng Tư pháp đang chuẩn bị buộc tội ông ta thì Hội đồng Nhà nước đã can thiệp và để cho Gaik trở về Xôviết. Sau khi Liên bang Xôviết bị Đức quốc xã tấn công, họ đã có một “chính sách không rõ ràng” khi đưa ra xét xử một trong những điệp viên chủ chốt của họ ở Mỹ. Từ Mỹ trở về Matxcova, Ovakimia và một số sĩ quan khác của NKVD-KGB được FBI biết đến như Vassili Zaroubine (hay còn gọi là Zoubiline), Anatoli Yatskov (hay còn gọi là Yakovlev) và William Fisher (biệt danh là Rudolf Abel). Độc giả sẽ gặp một nhà vật lý đã làm việc phía sau những dây thép gai của Los Alamos, một người đàn ông mà hiện nay đã xây dựng và tiết lộ những bí mật cho Xôviết, bí danh của ông là Persée.

Một vài năm sau, sau những sự kiện này, đặc biệt là sau khi Los Alamos bị cài người bí mật, tôi mới có ý thức về những kế hoạch đe dọa của NKVD ở Mỹ trong chiến tranh lạnh. Năm 1948, tôi đã phải trang bị cho mình một nhân viên giải mã siêu hạng tên là Merdith Gardner, người mà tôi đã cung cấp những tài liệu, thông tin ông ta cần. Quả thực, tôi rất khâm phục trước sự khéo léo của ông ta. Với sự khéo léo ấy, ông đã đọc được những mật mã của NKVD vẫn còn hiệu lực từ năm 1944 đến mùa xuân năm 1945. Giải mã được những bức thông điệp mật của Xôviết là niềm mơ ước của một người hoạt động trong lĩnh vực chống phản gián. Bởi vì khi những bức thông điệp này được ghi ngày thì việc giải mã được là một việc rất quan trọng. Công việc đã cho phép chúng tôi nhận dạng được hơn hai trăm người có liên quan đến hoạt động gián điệp của Xôviết. Điều đó có nghĩa là một số người trong bọn họ đã bị theo dõi.

Những bức thông điệp được giải mã cho chúng tôi biết rằng, Trung tâm Matxcova đã chỉ đạo các kế hoạch ở Mỹ như thế nào. Ở Matxcova, người ta đã quyết định những phương pháp như thế nào, về cách tuyển mộ, thậm chí cả những chi tiết về thời gian biểu, nơi hoạt động, mật khẩu và những cuộc gặp ở New York ra sao đều được giải mã. Không một điệp viên nào ở Mỹ chỉ làm việc duy nhất cho ông chủ của mình mà họ đều có mối liên hệ thường xuyên với người cấp trên của họ ở Loubianka. Cuốn sách của Vladimir Tchikov được viết dựa trên bộ hồ sơ số 13676 của KGB sẽ giới thiệu với chúng ta một bức tranh toàn cảnh về sự tác động tương hỗ này, đặc biệt là sự phối hợp thường xuyên giữa các điệp viên tình báo của Xôviết ở New York với Trung tâm Matxcova.

Tuy nhiên, những bức điện được giải mã mà Tchikov sử dụng không trùng khớp với trí nhớ của tôi về những bức điện mà tôi và Gardner đã đọc được. Chúng quá dài dòng và hoàn chỉnh. Những bức điện mà chúng tôi đã giải mã đều được soạn thảo bằng ngôn ngữ điện báo, nó không giống với ngôn ngữ mà FBI đã sử dụng. Duy nhất chỉ có một từ “ERPT”, có nghĩa là “hãy gửi câu trả lời bằng máy điện báo đánh chữ” (một loại máy in văn bản từ xa). Phần mở đầu của tác giả cho tôi hiểu rằng, Tchikov đã quyết định truyền những bức điện đó bằng một thứ ngôn ngữ mang tính văn học hơn. Với vốn hiểu biết của mình, ông đã tránh được sự tương đồng ngôn ngữ văn học với ngôn ngữ địa phương, giúp người ta giải được một số mật mã. Tuy nhiên tôi nghĩ rằng ông ta là một người đáng tin hơn, cũng có thể năng động hơn khi gửi cho người Xôviết những bức điện với văn phong ngắn gọn như vậy.

Vì sự bí mật trong việc này, tôi luôn khát khao được thăm lại “thế giới tình báo” của Xôviết một lần nữa, nhờ cuốn sách này của Tchikov. Khi đi tản bộ trên các khu phố lân cận của Thành phố New York, nơi mà một người đàn ông trong chiếc áo măng-tô dài, lấy phấn đánh dấu lên đường hay lên những chiếc ghế của công viên. Ông ta hỏi người qua đường một cách băng quơ: “Năm ngoái chúng ta không thấy gì ở Madrid?”. Tôi đã học được nhiều điều mới lạ ở bậc thầy trong ngành tình báo Anatoli Yatskov. Tôi cũng biết rằng ông Yatskov - phó đại sứ của Xôviết luôn theo dõi tôi. Khi gặp Morris và Lona Cohen, những người mà tôi chưa biết mặt nhưng tôi chắc chắn rằng, họ có quan hệ với Đại tá Rudolf Abel và Julius, Ethel Rosenberg. Tôi cũng được biết một số thông tin về cuộc tiếp xúc giữa Cohen với một tên gián điệp về nguyên tử khác, trong đó Tchikov khẳng định rằng, ông ta luôn sống ở Mỹ và hoàn toàn tự hào về những gì mà

ông ta đã thu được và tiết lộ cho Xôviết, những kế hoạch chế tạo bom nguyên tử của Mỹ. Tuy nhiên, những kế hoạch đó vẫn còn ở trong bóng tối chưa được xác minh. Chính bí mật về nhân vật mang tên Persée (bí danh của Mlad được các phương tiện thông tin đại chúng của Mỹ và Xôviết gọi) là trung tâm điểm của cuốn sách này.

Bí danh của tên gián điệp này mượn theo tên gốc của thần thoại Hy Lạp. Những bức thông điệp của KGB mà chúng tôi giải mã được có rất nhiều bí danh, thường được lấy từ tên gốc của Hy Lạp. Homère là bí danh quan trọng nhất. Hẳn ta đã câu kết với một kẻ phản bội người Anh là Donald Maclean, thành viên của mạng lưới tình báo nổi tiếng Cambridge của Anh. Trong cuốn “Chiến tranh thầm lặng của tôi” của ông ta, Kim Philby, một thành viên khác của mạng lưới này đã nhắc lại những ý định của FBI, là muốn nhận dạng Homère. Tôi luôn nghĩ rằng, đoạn này trong cuốn sách là một bức thông điệp, đã khéo léo để các nước phương Tây biết rằng, ông ta đã tiết lộ với KGB các giải mã của chúng tôi về những bí danh của họ. Một bí danh khác được lấy từ thời cổ đại; Tyr, có nghĩa là New York. Tôi có cảm giác rất rõ là một ai đó trong bộ máy của NKVD-KGB có sở thích về thần thoại Hy Lạp.

Về vấn đề vợ chồng nhà Rosenberg đối với Tchikov chẳng có gì đáng nói cả. Là Đại tá của KGB, ông phụ thuộc vào bản phác thảo chính thức của Cơ quan tình báo này về vấn đề vợ chồng họ, bản phác thảo mà trong suốt bốn năm luôn phủ nhận rằng, họ là điệp viên tình báo của Xôviết. Sự phủ nhận này hoàn toàn trái ngược với lời nói của Nikita Khrouchtchev, người khẳng định là đã nghe Stalin và ông Bộ trưởng Ngoại giao Molotov nhận xét rằng, vợ chồng nhà Rosenberg đã cung cấp cho Xôviết những thông tin rất quý giá. Những thông tin này hoàn toàn trái ngược với cuốn hồi ký của một cựu điệp viên tình báo Pavel Soudoplatov. Theo ông, có thể điệp viên Ovakimian đã tuyển mộ vợ chồng nhà Rosenberg, họ đều là những điệp viên quan trọng. Chủ đề này đã bị một công bố của CIA bác bỏ vào năm 1995, khi họ chặn lên được bốn mươi chín bức thông điệp của Xôviết, trong đó có lời giải thích của vợ chồng nhà Rosenberg về nghề hoạt động gián điệp nguyên tử của họ. Những bức thông điệp này đã được Meredith Gardner cung cấp, giải mã hàng loạt, và việc công bố hai nghìn tài liệu khác cũng được biết đến. Ít nhất thì Tchikov cũng mô tả được một chân dung mà nhà Cohen và chính họ mong muốn tìm kiếm.

Tôi đã gặp Đại tá Vladimir Tchikov ở Matxcova. Chúng tôi đã nói chuyện cùng nhau và cùng làm ba bộ phim. Năm 1990, tôi đã quay phim riêng để đưa ra ý kiến của cá nhân tôi về vợ chồng nhà Cohen và về hoạt động gián điệp của Xôviết nói chung, và nó đã được thể hiện trong bộ phim tài liệu của Nga. Bộ phim này có sự cộng tác của Tchikov với tư cách là một người cố vấn bộ phim “Nửa thế kỷ bí mật”. Những thước phim này đã được sử dụng trong một bộ phim của Anh “Những người hàng xóm xa lạ” (1991). Cuối cùng, Tchikov và tôi đã quay một bộ phim tài liệu ba phần với tiêu đề “Quả bom đỏ” đã được kênh truyền hình Discovery của Mỹ phát năm 1994.

Những lần gặp gỡ với Tchikov là những kỷ niệm rất đáng nhớ đối với tôi. Ông ta xiết chặt tay tôi với vẻ thân thiện và oai nghiêm như “những ngôi nhà ở Loubianka”, cứ như thể chúng tôi đã là bạn cũ của nhau và cuộc chiến giữa FBI và KGB đã thuộc về quá khứ xa xưa. Sau đó ông ta đã chuẩn bị cho tôi một chuyến viếng thăm bảo tàng của KGB, đặc biệt là thăm bên trong tòa nhà này. Nó đã được sửa sang rất cẩn thận từ hai năm trước. Chính nơi đây tôi đã được nhìn thấy những tài liệu, những đồ vật, chúng gợi cho tôi nhớ tới những con người mà tôi đã biết, như Rudolf Abel chẳng hạn. Một lần khác, chúng tôi cùng nhau đến bờ sông Moskova, lúc đó có cả một người phiên dịch và một người quay phim cũng đi cùng. Người dựng chương trình yêu cầu tôi bỏ áo khoác ngoài nhưng không có nó tôi cảm thấy lạnh vô cùng. Tôi liên tục đặt câu hỏi cho Tchikov và ông ta cũng trả lời tôi không ngừng, nhưng chúng tôi không giữ lại được trong mình bao nhiêu và cảnh quay này không có trong phim. Tôi để ý thấy, mỗi một lần tôi đặt câu hỏi hay đề cập đến một vấn đề vẫn còn gây cản trở đối với người Nga, đặc biệt một thời gian ngắn sau khi Liên bang Xôviết sụp đổ, những người khác thì rất lúng túng nhưng Tchikov lúc nào cũng trả lời một cách thẳng băng, không do dự. Ông ta là người có năng lực nhất.

Đối với tất cả những gì thuộc về lịch sử mà ông ta đã kể trong cuốn sách này về chủ đề ông Persée và nhà Cohen, tôi vẫn cần ở nhà hoạt động tình báo này những bằng chứng và nhân



chứng có sức thuyết phục hơn. Tôi không chấp nhận khả năng có một điệp viên khác hoạt động bên trong dự án Manhattan và chúng tôi không bao giờ lật tẩy ý đồ này. Chúng tôi đã biết được năm người cài lên vào, nhưng tại sao lại không phải là một người nữa? Các chuyên gia sẽ thành công trong việc nhận diện Persée ngay sau khi đọc những thông tin mà Tchikov cung cấp trong cuốn sách của ông, đó là một sự hồi hộp.

Một điều chắc chắn rằng, Léontine Cohen là một người đưa thư cho Persée và Klaus Fuchs. Nhóm quay phim “Nửa thế kỷ bí mật” nói về mối quan hệ của Cohen - Fuchs, mối quan hệ mà tôi đã phủ nhận. Bây giờ tôi mới thấy mối quan hệ đó đã thất bại. Tuy nhiên, tôi nghĩ rằng vợ chồng nhà Cohen đã có những điệp viên liên lạc giữa Đại tá Abel và vợ chồng nhà Rosenberg sau khi ông Yatskov, một sĩ quan tiếp xúc với gián điệp của họ rời Mỹ năm 1946. Theo cách nhìn nhận này, tôi rất lấy làm lạ khi Youri Sokolov được phái đến nhà Cohen tháng sáu năm 1950, ra lệnh cho họ rời Mỹ, sau đó vợ chồng nhà Rosenberg đã bị bắt. Ông ta nhắc lại cho tôi sự ảnh hưởng này ở Matxcova, chính xác là trong những thuật ngữ mà Tchikov đã sử dụng ở chương năm của cuốn sách. Tôi hỏi Sokolov là, tại sao Abel không bị phái đi nhưng ông ta không trả lời. Đây chính là một trong những điều bí mật của thời kỳ này. Điều đó chứng tỏ rằng lịch sử rộng lớn hơn những gì mà chúng tôi đã biết.

Tchikov đã đi theo dấu vết của vợ chồng nhà Cohen sau khi họ trốn khỏi Matxcova. Ông đã làm nảy sinh mối liên hệ giữa những hoạt động trong quá khứ của họ ở Mỹ cùng với Persée, Abel và công việc của họ ở Anh với Gordon Lonsdal.

Một nửa thứ hai trong hành trình rất dài của họ trên đường hoạt động tình báo đã bị “che giấu”, đó là kế hoạch Portland, xuất phát từ những dữ liệu bí mật về phương pháp dò tìm tàu ngầm nguyên tử lấy cắp của Hải quân Hoàng gia ở Dorset được chụp vào những thước phim nhỏ và chuyển về Matxcova. Kế hoạch này đã được báo chí Anh đưa tin, đặc biệt là việc bắt giữ, vụ án vợ chồng nhà Cohen và Lonsdale năm 1961, đã có rất nhiều cuốn sách viết. Tchikov đã kể lại những thời kỳ của “hậu trường” mà nó đã sinh ra những thay đổi, mối quan hệ giữa cuộc sống và câu chuyện này. Thậm chí những chi tiết được xây dựng dựa trên “ngôi nhà nhỏ nông thôn nổi tiếng của điệp viên tình báo” của Ruislip ở ngoại ô Luân Đôn, nơi mà vợ chồng nhà Cohen ở và sau đó là nhà Kroger.

Ở chương cuối, tác giả để cho Cohen và Kroger tự nói về mình. Ông đã được phỏng vấn cho một bộ phim năm 1989 nhưng có thể nó lại không được sử dụng. Họ đã gọi lại những năm trong quá khứ, tình cảm của họ với Chủ nghĩa Cộng sản, sự kiên nhẫn trong công việc của họ đối với sự tính toán của Cơ quan tình báo Xôviết. Tôi thấy rằng mục đích và sự tận tâm của họ đều là vì Chủ nghĩa Cộng sản và Liên bang Xôviết - Nơi đã khích lệ vợ chồng nhà Rosenberg, họ muốn chết hơn là tiết lộ những gì họ biết. Lòng tin của họ quá ngây thơ đến nỗi tôi không thể căm ghét họ như tôi đã căm ghét Kim Philby, một sự phản bội đối với văn phòng Tổng hành dinh của FBI. Ngược lại, tôi thấy vợ chồng nhà Cohen và Kroger cũng rất thống nhất, cũng xúc động và tôi lấy làm ngạc nhiên về sự tin cậy của KGB đã đặt nơi họ. Tôi thường nói, có thể họ chỉ là những con tốt trong tay để KGB sử dụng. Nhưng dù sao đi chăng nữa, tôi vẫn cảm thấy hài lòng khi biết rằng họ đã sống khá lâu để nhìn nước Nga bị sụp đổ với toàn bộ hệ thống Chủ nghĩa Cộng sản và Liên bang Xôviết mà họ đã từng yêu quý và phục vụ. Đó là một niềm an ủi nho nhỏ đối với tôi khi thấy cuộc sống của họ ở Matxcova, sau tám năm trong nhà tù của Anh, không có gì hạnh phúc hơn và họ cũng mang nỗi niềm nhớ nhung nước Mỹ, đất nước mà họ đã từng muốn tiêu diệt.

Robert Lamphere

# PHẦN I: MỘT CHUYẾN VIẾNG THĂM NƠI LƯU TRỮ TÀI LIỆU

Hai năm trước khi Liên bang Xôviết sụp đổ, tôi đã được hưởng một ân huệ đặc biệt của Chính phủ, đó là được xem tập hồ sơ về bom nguyên tử từ lâu đã được KGB giữ bí mật. Ngày đầu tiên của tôi ở Sở lưu trữ là một dấu ấn không thể phai nhòa được. Nó đã bắt đầu bởi một chặng đường ngắn ngoài thành phố.

Khi đó tôi trèo lên một trong những chiếc xe ca công cộng mà mỗi buổi sáng nó vẫn thường rời Matxcova, điểm xuất phát là Trung tâm KGB. Trên xe đã đầy khách. Sau khi tôi chú ý đến sự có mặt của người này hay người khác, và họ đã ngồi xuống ghế và chìm trong suy tư của họ. Ai có thể biết được công việc gì đang chờ đợi họ đây? Phần tôi, tôi cũng tiến hành công việc như một ngày bình thường, chẳng có gì đặc biệt để làm. Nhưng trong thâm tâm tôi lại có một sự xúc động mạnh, bởi vì hôm trước tôi mới nhận được câu trả lời đồng ý yêu cầu của tôi về việc tiếp xúc với bộ hồ sơ “tuyệt mật” này, nó xuất hiện một cách thần diệu không thể tin được. Tôi sợ rằng Chính quyền thay đổi ý kiến trước khi tôi đến nơi lưu trữ tài liệu này. Chính vì lo sợ việc đình chỉ đó nên tôi đã leo lên chiếc xe car này.

Tiết trời tháng mười có mưa rất lạnh. Chúng tôi đi trong cơn gió lốc. Người lái xe nhìn vào đồng hồ rồi phóng rất nhanh và bất thần. Rời khỏi trung tâm thành phố chỉ trong vài phút, chiếc xe car vượt rất nhanh giữa làn sóng những người đi đường. Những người lái xe khác cũng hoàn toàn biết rằng, những người trên xe này đang có việc gấp vì ai. Chẳng mấy chốc chúng tôi đã vượt ra khỏi con đường vòng bao quanh thành phố và chúng tôi tiếp tục đi thẳng theo hướng Đông - Nam. Một rừng thông men theo con đường và một tấm pa-nô vút qua nhanh như chớp trong mắt tôi với dòng chữ: “Khu vực bảo vệ nước”. Tôi nghĩ rằng chúng tôi đang nhìn thấy một tấm pa-nô giống như tấm pa-nô nhỏ ở trên đường Langley-Virgine. Chúng tôi đã chạy xe trong gần một giờ đồng hồ.

Mục đích của tôi về vấn đề bom nguyên tử chính là chủ đề mà chúng tôi đã nghĩ tới ở Nga cách đây hai năm, nhưng lúc đó còn quá sớm để nghĩ đến việc nài xin được mở bộ hồ sơ đã bị “đóng” - đó là cách diễn tả của người Nga để nói lên sự “kín đáo” hay “bí mật”. Những cuộc nói chuyện của tôi với những sĩ quan có thâm niên trong ngành tình báo như Antoli Yatskov và Vladimir Barkovski đã cho tôi biết sự tồn tại của cặp vợ chồng người Mỹ Kroger, đã bị bắt vì làm gián điệp ở Anh trong suốt hơn tám năm trời nhưng lại không bị kết tội ở Mỹ.

Tôi thấy rất kỳ cục rằng, sự liên lụy của ông ta trong dự án Manhattan Engineer District (tên gọi chính thức dự án bom A của Mỹ) cũng không được biết đến, thậm chí cả sự nghi ngờ của chính quyền Mỹ. Ở Mỹ, sự chú ý tập trung chủ yếu vào vợ chồng nhà Rosenberg hơn là nhà Kroger. Bởi vì người Mỹ coi nhà Rosenberg như những điệp viên của Anh. Tôi cũng muốn biết rõ về sự tính toán này của họ.

Cuối cùng chúng tôi đã đến Yassenevo, trụ sở đầu tiên của Cục tình báo Nga (KGB) (hay còn gọi là ủy ban An ninh Quốc gia). Ban lãnh đạo này đôi khi được gọi tên là “Rừng” vì lý do môi trường thiên nhiên của nó, do ngành tình báo về nước ngoài phụ trách. Trụ sở này của KGB được đặt ở Yassenevo từ năm 1972 - khi đó rời từ văn phòng ở Quảng trường Dzerjinski (nay là Quảng trường Loubianka). Nó được gọi là Trung tâm hay trái tim của Matxcova. Sự chuyển chỗ này không chỉ vì sự phát triển trường tồn của nhiều cơ quan tình báo khác nhau, của các “Organe”, tên người ta thường gọi để chỉ các phòng ban của KGB, mà nó còn là mong muốn duy trì của những người tập sự để cử đi hoạt động ở nước ngoài, tách riêng với những người đi du lịch. Tòa nhà hai tầng mới toanh chìa ra khu rừng với vẻ kiêu hãnh, bề ngoài được bao bọc bởi lớp kính và kim loại, thường được nước mưa rửa sạch. Chiếc xe ca của chúng tôi đi chậm và dừng lại trước trạm kiểm tra, sau đó chúng tôi đi tiếp vào bãi đỗ xe mới xuống.

Tôi bắt đầu bước chân vào những căn phòng nằm sát ngay lối đi vào. Khi qua cửa soát vé, tôi đưa hộ chiếu và giấy thông hành của tôi cho họ xem. Bởi vì tính rất cẩn thận, tôi đã gọi điện từ hôm trước nên cũng không phải đợi lâu. Sau khoảng năm phút, người ta đưa cho tôi một chiếc thẻ bị đục lỗ màu kem, trên đó có ghi lời giới thiệu đồng ý cho tôi đi thẳng về phía bức tường bê tông, sau đó lại vượt qua hàng rào dây thép gai để đi tới vùng cấm. Những người vệ binh và những chú chó đang tuần tra ở đó. Một tòa nhà chính cách lối vào gần ba trăm mét, được xây thành hai cánh rất giống chữ Y đặt trên đất. Càng đi vào trong, người ta có thể đọc được một cuốn sách khổng lồ mở sẵn dựng lên bầu trời xám xịt. Tôi đi qua một chiếc cửa kính đôi mà không phải xuất trình chiếc thẻ có những lỗ đục chỉ dẫn nơi tôi được vào. Tôi được tiếp đón bởi một bức tượng nửa người của Feliks Dzerjinski - Người sáng lập ra Tcheka (Ủy ban đặc biệt - tên gọi trước đây của KGB). Ở phần dưới bức tượng được điểm tô bằng những bông hoa tươi mới hái. Đã trang bị những chỉ dẫn cần thiết, tôi đi qua một dãy tiền sảnh lát đá hoa và đến một chiếc thang máy chạy rất nhanh. Nó chạy với một tốc độ rất nhanh nhưng lại rất nhẹ nhàng như đang dẫn một khối lượng vào cái dạ dày trống rỗng của tôi. Các kiến trúc sư Phần Lan đã thiết kế ngôi nhà này với chiếc thang máy cực kỳ hiện đại. Tôi ra khỏi tầng thứ hai mươi và bắt đầu tiến hành điều tra nơi để những tài liệu lưu trữ.

Tôi được hộ tống đến một chiếc ca bin, nơi những tập hồ sơ đang đợi tôi. Họ bỏ ra hết và giao cho tôi một chuyên viên lưu trữ cùng với một chiếc tủ sắt. Trên bàn, tôi đã phát hiện ra hàng nửa tá hộp cáctông lớn màu thép, được gắn xi niêm phong. Mỗi một chiếc đều mang một dòng chữ to: HỒ SƠ “DATCHNIKI 13676”.

Từ Datchniki (có nghĩa là người đi nghỉ mát vào mùa hè) làm tôi nghĩ đến một cái phòng của nhà văn Maxime Gorki. Chính câu chuyện của nhà tư sản thất tình này đã được dựng thành những bi kịch cá nhân vào mỗi mùa hè trong các biệt thự của người Nga ở vùng lân cận của Matxcova. Từ này thường được viết trên những tấm áp-phích sân khấu dán ở Matxcova và sau đó là ở phòng của Maxime Gorki, với người hùng Vlas trong giai cấp vô sản của ông, và là danh mục các vở kịch thường được biểu diễn ở Xôviết. Đặc biệt nhà hát kịch Maly đã rất giỏi khi diễn Datchniki trong những năm bản lề của thế kỷ, trước những cuộc cách mạng. Tuy nhiên tôi biết rằng, “Hồ sơ Datchniki 13676” không chỉ liên quan đến những người đi nghỉ mát vào mùa hè ở nông thôn Nga, mà còn liên quan đến những người thuê một ngôi nhà nhỏ tạm thời ở nông thôn nước Anh xa xôi. Đó chính là “hồ sơ của những người ở trong những ngôi nhà nhỏ đó”. Tôi cũng biết rằng bộ hồ sơ này không chỉ kể về những câu chuyện của những kỳ nghỉ hè mà còn kể về một câu chuyện cực kỳ nghiêm túc có pha chút tình cảm.

Người nhân viên đưa cho tôi một cuốn sổ hướng dẫn. Tôi ký vào đó và tôi chỉ rằng tôi đã có giấy phép để phá xi niêm phong những hộp cáctông trước mặt tôi. Tôi tiến hành như theo giấy phép của đích thân ông chủ của KGB Vladimir Krioutchkov và theo lời thỉnh cầu của người đứng đầu ban lãnh đạo Leonid Chebarchine. Tôi đã gửi đề nghị ban đầu đến ông Chebarchine, đến nỗi mà ông ấy nói quá rằng, dự án của tôi đã được sự đồng ý của hai sếp. Tôi chỉ sợ rằng họ thay đổi ý kiến sau khi suy nghĩ, hoặc theo gợi ý của một ai đó. Thời gian tiền định đã đến. Tôi không thể chần chừ khi phá dấu niêm phong này: tôi có cảm giác rằng mình đang đi vào một lãnh địa mà hôm qua vẫn còn bị cấm.

Tôi phá dấu niêm phong một cách cẩn thận và giữ cái nắp hộp cáctông đầu tiên. Tôi phát hiện ra ở bên trong có một tập hồ sơ bằng giấy màu vàng rất to. Ở góc bên trái phía trên có dòng chữ ngắn gọn và nét chữ rất to, đại ý là: “Tuyệt mật”, phía dưới có dòng chữ “Không được tiết lộ khi không có giấy phép của các giám đốc”. Và cuối cùng, ở giữa có một dòng chữ đậm:

“Hồ sơ 13676”.

Và ở dưới dòng chữ này ghi:

Bắt đầu từ năm 1938

Quyển I

Một trang hồ sơ đã bị vàng úa đi bởi thời gian và trang đầu tiên đã bị rách ra khỏi bộ hồ sơ. Nó mang dòng chữ: “Danh sách những người có thể được tiếp xúc với bộ hồ sơ này”. Nó bao gồm sáu người, tất cả những người này tôi đều biết. Đó là những người đàn ông đã chỉ huy

những kế hoạch tình báo ở nước ngoài, một số người trong bọn họ đã được làm việc trực tiếp với “Những người ở những ngôi nhà nhỏ”. Tôi đã thêm những chỉ dẫn của riêng mình:

Họ và tên: Tchikov Vladimir Matveievitch

Cấp bậc: Đại tá KGB của Liên bang Xôviết

Chức vụ: Cố vấn thứ nhất Văn phòng báo chí

Tôi thêm những mô-típ và những nghiên cứu tìm tòi của tôi để làm gì: “Chúng ta hãy nghiên cứu một tài liệu viết về vợ chồng nhà Kroger, người đã hợp tác với Cơ quan tình báo Xôviết ở New York và Luân Đôn. Những điệp viên này đã được cài lên vào dự án Manhattan của Mỹ trong khuôn khổ dự án bom nguyên tử đã được sáng lập. Họ đã lấy được những thông tin bí mật ở căn cứ hải quân của Portland của Anh, nơi có những người làm việc liên quan đến vũ khí sinh học đã được thực hiện”.

Những thỏa thuận sơ bộ ban đầu đã được giải quyết. Tôi đọc nhanh bộ hồ sơ đầu tiên trong hộp các tông đầu tiên. Tổng số có mười bảy hộp, mỗi một hộp chất đầy những hồ sơ và tài liệu có giá trị không thể tưởng tượng nổi: những bản hồi ký được đánh máy, những thông điệp viết tay, những văn bản đã được giải mã, lời dẫn tiểu sử, giấy chứng nhận, những bức ảnh, các văn kiện và tài liệu có nguồn gốc từ rất lâu hoặc gần đây, tất cả đều có liên quan đến thế giới không nhìn thấy được mà nó đang ở cạnh cái thế giới nhìn thấy được này, một thế giới được biết đến với tên gọi “những kế hoạch bí mật”. Chắc chắn nơi này lưu trữ tất cả những “chú cá” đã vượt qua mắt lưới trong mê lưới rộng lớn của ngành phản gián Mỹ và Anh. Bởi vì cả FBI, CIA và MI5 (cục Tình báo Quốc phòng Anh) cũng rất muốn nhúng tay vào? Nhưng thời gian đã thay đổi, chiến tranh lạnh đã kết thúc và tôi đã có cơ may làm quen với thế giới này. Tôi đã lấy quyển sổ ra khỏi túi sách và tôi bắt đầu từ những trang cuối cùng. Tôi cầm lấy một bộ hồ sơ mang tên “Tuyệt mật, được bảo vệ vô thời hạn” và tôi bắt đầu làm việc.

# NHỮNG TÀI LIỆU LƯU TRỮ TRONG CUỐN SÁCH

Sau chuyến viếng thăm đầu tiên này, tôi thường xuyên quay trở lại Yassenevo cho dù trời mưa hay tuyết rơi, thậm chí trong cái nóng nực của mùa hè, để nghiên cứu từng hộp cáctông, từng bộ hồ sơ, từng tập tài liệu. Đã đến lúc một cuộc viếng thăm nơi lưu trữ tài liệu là cần thiết để xác minh hay làm một việc duy nhất; đôi khi tôi cũng cần đọc lại một tài liệu một cách tổng thể và hoàn tất những ghi chép của tôi. Tôi đã làm việc với bộ hồ sơ mang số 13676 từ tháng 10 năm 1989 đến tháng 8 năm 1990.

Tất nhiên những khai thác của tôi trong tập hồ sơ này đã gọi cho tôi những tìm tòi nghiên cứu thêm. Khi biết rằng vợ chồng nhà Kroger sống ở Matxcova với những chiếc chứng minh thư giả, tôi đã được phép xem tất cả những thứ đó. Những cuộc gặp gỡ, tiếp xúc với họ cho tôi biết được những thông tin chi tiết cá nhân không có trong bộ hồ sơ chính thức. Tôi đã phỏng vấn ông Yatskov, một sĩ quan tiếp xúc với gián điệp của họ ở Mỹ, và một số nhân vật khác có liên quan. Những hồ sơ của KGB có liên quan đến dự án bom A của Xôviết được tập hợp dưới đầu đề Enormoz. Đó là bí danh theo sự bố trí của Tình báo Xôviết và theo sự chỉ đạo của dự án Manhattan (một sự sao chép của người Nga theo từ tiếng Anh Enormoz, từ tiếng Nga có nghĩa là énorme<sup>[1]</sup>). Khi tiếp xúc với toàn bộ hồ sơ Enormoz, được rất ít người Nga đồng ý, tôi có thể khẳng định rằng tôi đã nhìn thấy nhiều hơn những gì tôi tưởng. Tôi đã góp phần mình cùng những nhà nghiên cứu khác, đặc biệt là những tiết lộ về vụ “thời kỳ chính trị trong sáng” và về những chủ đề lịch sử khác của Xôviết.

Khi cuốn sách của tôi bắt đầu hình thành, tôi đã phải chuẩn bị những mẫu tin mật cho bản tin đặc biệt của KGB. Tôi cũng không thể không cho đăng tải những bức thông điệp của câu chuyện này trên phương tiện thông tin đại chúng. Trong suốt năm 1991, tôi đã viết ba bài báo dài. Đầu đề của phần một có tên “Cơ quan Tình báo Xôviết đã phân hạch từ bom nguyên tử của Mỹ như thế nào?” được xuất bản trong hai số liên tiếp ngày 16 và 17 trên tuần báo Temps Nouveau (nó còn được xuất bản bằng tiếng Anh trên tờ New Times). Lần đầu tiên tôi kể về vợ chồng nhà Kroger với cương vị là một “điệp viên tình báo nguyên tử”, bài báo đã tạo ra một lợi ích đáng kể không chỉ ở Nga mà còn ở nước ngoài.

Hai bài báo kia chỉ được xuất bản ở Nga. Bài “Từ Los Alamos đến Matxcova” trên tờ Soyouz, phụ chương của tuần báo Izvestia, phát hành số 21 và 22. Còn bài “Vợ chồng nhà Kroger” đăng trên nguyệt san của Artem Bonovik, Soverchenno Sekretno (có nghĩa là cực kỳ bí mật) ra số 6. Cả ba bài báo này là dịp đầu tiên đăng tải những hồi ký của nhà vật lý Xôviết Igor Kourchatov về những thông tin liên quan đến bom A.

Những ngày cuối cùng tiếp xúc với những bộ hồ sơ này của tôi đó là vào mùa hè năm 1991. Khi đó cuộc đảo chính giữa người đứng đầu KGB Vladimir Krioutchko nổ ra thất bại và ông đã bị bắt tù với tư cách là thành viên của Ủy ban khẩn cấp (GKTCHP). Tuy nhiên giấy phép mà ông đã đồng ý cho tôi hay những nhà nghiên cứu khác vẫn có giá trị (tháng 1 năm 1994, ông đã được Duma Quốc gia Nga ân xá). Nước Nga đã đi vào thời kỳ thay đổi tăng tốc. Khi Liên bang Xôviết tan rã, Cộng đồng các quốc gia độc lập tách ra và KGB cũng được tách ra làm hai. Có thể gọi cơ quan thứ nhất là cơ quan tình báo phụ trách ở nước ngoài (theo tiếng Nga là Sloujba Vnechenei Razvedki Rossii). Trung tâm này đã thành lập Cơ quan phản gián Liên bang (FSK) phụ trách an ninh trong nước. Dù sao thì nó cũng có một cái gì đó phức tạp dưới nhiều phương diện khác nhau. Nhưng những thay đổi này không thể ngăn cản tôi theo đuổi công việc của mình.

Năm 1992, bản thảo của chương đầu tiên “Những điều phi pháp” đã được hoàn thành. Theo nguyên tắc ở cơ quan tình báo này, tôi phải viết tay gửi cho KGB để được sự đồng ý của họ. Lý do của nguyên tắc này là tất nhiên: cho phép cơ quan này xác minh rằng việc sử dụng những bộ hồ sơ là hợp lý, nếu những hồ sơ được sao chép lại một cách trung thực, kết quả cuối cùng không “thần tình” với cơ quan này. Năm trăm trang viết tay chứa đựng một số lượng lớn những tài liệu, cho dù đầy đủ, trong một đoạn hay tóm tắt tôi cũng đã hoàn thành được trang cuối cùng: “Không phải biện bác những điểm có liên quan đến những hoạt động của Ủy ban An

ninh quốc gia” (KGB)

“Không phải bình luận”

“Được ký: A.P. Kandaourov

ngày 03 tháng 7 năm 1992”.

Kể từ năm 1992, chương “Những điều phi pháp” đã có những thay đổi đáng kể, nhưng phần tài liệu quan trọng còn lại giới thiệu về cuốn sách mà Stalin đã lấy được bí mật về bom nguyên tử của Mỹ như thế nào. Vậy là tôi có thể khẳng định rằng mối quan hệ mà tôi đã làm về lịch sử của các điệp viên tình báo Xôviết được biết đến dưới cái tên “Vợ chồng nhà Kroger”, dựa trên những nguồn tài liệu lưu trữ bí mật mà tính chính xác của nó đã được KGB xác nhận. Tất nhiên, tôi là người có trách nhiệm duy nhất viết thành thể loại văn học và giải thích tính lịch sử của những tài liệu này.

Để thu tóm những nguồn thông tin, tài liệu đầu tiên mà tôi sử dụng là bộ hồ sơ số 13676 của KGB. Đầu đề của chương “Những người đi nghỉ mát mùa hè” được lấy từ mười bảy hộp cáctông tài liệu, ba trăm năm mươi đến bốn trăm trang sách bằng cáctông, tổng số là hơn sáu trăm trang. Duy nhất tôi và sáu nhà nghiên cứu khác được tiếp xúc với những hồ sơ này. Thứ hai, những cuộc tiếp xúc của tôi với những nhân vật chủ chốt trong bộ hồ sơ, vợ chồng nhà Kroger, những sĩ quan tình báo tiếp xúc với gián điệp của họ và những thành viên khác của KGB. Điều thứ ba mà tôi phải làm là, tìm những hồ sơ khác của KGB, những cuộc nói chuyện, những tác phẩm ẩn hành bao gồm: các bài báo và những quyển sách, ít nhiều vẫn còn mới và chủ yếu được xuất bản ở Nga. Tôi không do dự khi sử dụng những bài phát biểu, những tài liệu còn khiếm khuyết, cùng với sự tưởng tượng để biến nó thành cái của riêng mình. Về phía Mỹ, các tài liệu và những phân tích được nhà biên dịch Gary Kern của tôi giúp đỡ. Trừ những chỉ dẫn trái ngược, những ghi chú phía dưới trang là của ông ấy. Tôi nghĩ rằng độc giả sẽ bắt đầu quan sát các yếu tố khác nhau cấu thành nên cuốn sách trong tổng thể của nó.

Cuốn sách này được viết dưới dạng một “câu chuyện mang tính chất tài liệu” hay “tính lịch sử”. Ở Nga đó là loại sách khơi lại truyền thống cổ xưa và nổi tiếng. Cách sử dụng chủ yếu ở đây được dựa trên một loạt tài liệu, trao đổi thư tín, những nhân chứng, đặt vào các tình huống và tập hợp chúng thông qua những cảnh có thể chấp nhận được những cuộc hội thoại hay sự miêu tả của các cá nhân có liên quan. Trong một số trường hợp, những cảnh này có thể được dựng lại, những cuộc hội thoại có thể được bịa, những điều bộ được giả vờ. Nhưng công nghệ tưởng tượng văn học không phủ nhận tính hiệu lực của các yếu tố cấu thành cuốn sách này; độc giả phải hiểu rằng, đơn giản đó chỉ là những cách thức được sử dụng để đem lại cho cuộc sống một câu chuyện thật lịch sử. Trong những trường hợp khác, những cảnh, những cuộc hội thoại, những miêu tả được sử dụng một cách cẩn thận theo nguồn tài liệu nói hoặc văn bản viết khi các nhân chứng và tài liệu vẫn tồn tại. Tôi cố gắng xác định những phân biệt này dần dần theo sự tiến triển trong câu chuyện.

Tôi muốn nói thêm rằng, những tài liệu, những bức thư v.v... thì không bao giờ được bịa. Tất cả đã được rút ngắn, những cấu trúc sao chép được sửa lại. Về vấn đề những tài liệu mật của cơ quan tình báo, chủ yếu là những văn bản đã được giải mã, ngôn ngữ có thể đã được sửa lại để tránh sự khô khan của văn phong trên điện báo hay tránh sự trùng khớp văn học với những mật mã hoặc văn phong hành chính. Hiện nay những thông tin được coi là bí mật đã bị xóa đi. Tuy nhiên, không một nội dung của văn bản nào được phép thay đổi, không bao giờ nói X mà lại gặp Y hay thực tế cuộc gặp này không diễn ra, hoặc ngược lại.

Kiểu phong cách này hay được sử dụng ở Nga. Ở Mỹ, tờ Nouvel of Fact cũng biết khá rõ, thậm chí cả trên truyền hình Docdrama cũng biết. Dù sao những cách này được giới thiệu dựa trên sự giống nhau với truyện tài liệu ở Nga và một sự khác biệt phải được kiểm tra. Tờ Nouvel of Fact và truyền hình Docdrama đưa ra một vấn đề khá giật gân; họ dám dựng lại những cảnh có thể chấp nhận được là có thật hoặc tưởng tượng, đôi khi được thêm một số chi tiết, một sự kiện đã đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng được độc giả biết đến. Chúng được coi như những tác phẩm thuần túy mang tính chất giải trí hơn là những nguồn thông tin nghiêm túc.

Ngược lại, truyện tài liệu của Nga thường được chấp nhận như là kể lại những sự việc trước đây chưa được biết đến. Trong thời kỳ của thuyết không tưởng và sự phản đối chính sách của Chính phủ Xôviết, những nghiên cứu lịch sử và các khảo cứu của các giáo sư đều bị theo dõi một cách cẩn thận và bị quy chế hóa. Dạng kể chuyện thường được phép giao cho những thông tin chưa được xuất hiện ở đâu bởi vì nó có nhiều điểm chung với sự tưởng tượng.

Dường như điều chính xác nhất giống với phương Tây về cách mà tôi sử dụng đó là “truyện lịch sử”. Chúng tôi nói về lịch sử mới đây, một thể loại mà tôi không được phép thay đổi những chữ hay làm giả mạo những kết luận, hay bất kỳ sự tự do tưởng tượng nào. Mục đích của tôi là kể lại sự thật lịch sử về những điệp viên tình báo của bom A, đồng thời sắp xếp những tài liệu thực, những hồi ký, những nhân chứng cũng như những giả thiết, một nguyên do duy nhất cuối cùng là tất cả những điều đó đã được nghiên cứu tường tận.

Tôi vô cùng biết ơn về sự hợp tác không thể đánh giá được của Leontine và Morris Cohen, “vợ chồng nhà Kroger” đã tiếp đón tôi tại nhà họ ở Matxcova, và đã trả lời rất kỹ những câu hỏi của tôi, đã chịu đựng với lòng khoan dung nhân từ những cuộc viếng thăm liên tiếp của tôi.

Anatoli Yatskov đã kể cho tôi biết về kế hoạch mà Cơ quan Tình báo Xôviết tiến hành ở Mỹ để khám phá ra bí mật của bom A và với quan điểm của một trong những người chủ chốt của kế hoạch, Vladimir Barkovski, Leonid Kvasnikov, Alexandre Feklissov, Youri Sokolov và Youri Permogorov, tất cả những cựu chiến binh của ngành tình báo “nguyên tử” Xôviết đã đồng ý cho những cuộc gặp gỡ của tôi và họ đã đưa ra những quan điểm của mình, đồng thời đưa ra những kết luận đặc biệt. Những kỷ niệm mà tôi có được càng trở nên quý giá hơn khi mà một trong những người này qua đời: Leontine Cohen (1992), Anatoli Yatskov (1993) Leonid Kvasnikov (1993) và Morris Cohen (1995). Youri Drozdov đã từng là người đứng đầu của một số kế hoạch bí mật ở nước ngoài, làm cố vấn của tôi và có trách nhiệm xác minh những vụ việc nói đến trong bản thảo viết tay bằng tiếng Nga. Ông Boris Kozlovov, giám đốc Viện Nghiên cứu Lịch sử khoa học tự nhiên và công nghệ đã đọc văn bản tiếng Nga với cách nhìn nhận khoa học, cũng như Tiến sĩ Vật lý toán học Vladimir Vizghine đã làm điều đó. Igo Preline, một tác giả đã có hơn ba mươi năm kinh nghiệm trong ngành tình báo đã đọc lại bản thảo viết tay cuối cùng dưới hai góc độ nghề nghiệp và văn học đã đưa ra nhiều gợi ý và nhiều sửa chữa. Đương nhiên tôi là người duy nhất chịu trách nhiệm cuối cùng.



# QUÁ NHIỀU ĐIỆN VIÊN

Tiết lộ xúc động mạnh nhất của tập hồ sơ mang số 13676 đó là sự tồn tại của một điệp viên thứ hai của Xôviết hoạt động ở Los Alamos, Nouveau - Mexique, nơi chế tạo bom A trong khuôn khổ dự án Manhattan. Điều ngạc nhiên thứ hai là, Klaus Fuchs, người đàn ông đã bị lật tẩy và bị bỏ tù năm 1950 vì đã giao bí mật về bom nguyên tử cho Xôviết. Bởi vì Fuchs, người điệp viên thứ hai này là một nhà nghiên cứu khoa học về bom nguyên tử, là người trực tiếp liên lụy đến việc chế tạo bom. Những thông tin do ông ta cung cấp trong những lần tiếp xúc với những người Xôviết trong đó có Leontine Cohen là rất quan trọng, nếu không cấp trên đã lấy thông tin từ Fuchs. Khi những dòng này được viết thì ông vẫn còn sống. Ông được gọi là Persée, trong những bài viết mới đây về điệp viên nguyên tử của Xôviết, nhưng mật danh thực sự của ông là Mlad, người ta có thể dịch là “Jeunot”.

Chúng ta sẽ thấy rằng Fuchs và Mlad không phải là những điệp viên duy nhất hoạt động ở Los Alamos. Ý định đầu tiên của tôi là vượt ra khỏi “sự hạn hẹp” đến một bước tiến bộ hơn trong cuốn sách này nhưng những tình huống bất ngờ xảy ra buộc tôi từ bây giờ phải đề cao. Tình huống bất ngờ mà tôi nghe được đó là sự xuất bản cuốn hồi ký của một sĩ quan của KGB đã nghỉ hưu. Cuốn sách này đã từ chối tất cả những gì mà chính tôi và bất kỳ ai biết về điệp viên bom nguyên tử của Xôviết: cuốn những điệp vụ đặc biệt; hồi ký của một bậc thầy điệp viên Xôviết Pavel Soudoplatov (được viết với sự hợp tác của Anatoli Soudoplatov, con trai của tác giả và cặp vợ chồng người Mỹ Jerrold và Leona Schechter). Cuốn sách này chủ yếu bàn về các tác phẩm trong nghề hoạt động gián điệp như: Những vụ ám sát, những vụ bắt cóc, sự phá hoại và sự quấy phá thường xuyên. Những vấn đề này không thuộc phạm vi của tôi nên tôi không tranh luận. Tuy nhiên cuốn sách này có một chương viết về “những điệp viên nguyên tử” mà tôi tự ý bình luận.

Soudoplatov khẳng định rằng Robert Oppenheimer, người chỉ đạo về vấn đề khoa học của dự án Manhattan, đã đồng tình với Enrico Fermi và Leo Szilard, một trong số nhà vật lý có danh tiếng tầm cỡ quốc tế, có thể đã hợp tác với một số điệp viên của Xôviết và giao cho họ những bí mật về bom nguyên tử. Soudoplatov viết: họ hành động không như những điệp viên đã được tuyển mộ mà như những tổ chức hoạt động độc lập, muốn làm trái với nguyên tắc hay muốn xem xét những nơi khác, trong khi đó những nhà bác học trẻ hơn lại hoạt động theo sự tính toán của NKVD để cướp đoạt phòng thí nghiệm của họ. Họ đã làm bản báo cáo dài dòng về hoạt động của họ và thể hiện sự hợp tác rất nhiệt tình. Vả lại Soudoplatov bị George Gamow theo đuổi, nhà vật lý nổi tiếng hoạt động cho Xôviết, đã bị buộc phải hợp tác vì sự đe dọa của gia đình ở Ucraina. Kể cả Szilard và Gamow đều không làm việc ở Los Alamos nhưng Soudoplatov khẳng định rằng những đồng nghiệp của họ thường xuyên hỏi và nài xin họ những phân tích khác nhau về các vấn đề được đặt ra. Ông đòi hỏi một khả năng về điệp viên nguyên tử, về phẩm chất của người đứng đầu một phòng ban của NKVD, phòng S.

Việc xuất bản cuốn sách của Soudoplatov đã gây ra một cú sốc đối với cơ quan tình báo nước ngoài (SRE). Tác giả không nói một câu với các cựu đồng nghiệp của mình, dù sao ông cũng đã gặp một vài người như Vladimir Barkovski, chỉ một vài ngày trước khi cuốn sách ra đời vào tháng 4 năm 1994. Những nghiên cứu được hồi thúc trong những hồ sơ của Enormoz. Nhưng không gì có thể tìm ra được những luận cứ của ông đã khẳng định liên quan đến Oppenheimer, Szilard, Fermi và Gamow. Yatskov, người đã đánh giá cao những luận cứ này theo kinh nghiệm của riêng ông thì vừa qua đời. Tất nhiên theo lời gở tội của Soudoplatov, người ta có thể nhắc lại rằng, mức độ tuyệt mật, dưới chế độ Stalin có thể định nghĩa là “tiếng kêu mạnh mẽ” như điều mà Robert đã quan sát và viết lời tựa cho cuốn sách. Tuy nhiên có cả những nguồn thông tin khác được nói đến trong hồ sơ, đến nỗi mà những người đàn ông này có quyền nói dối chính họ. Thêm vào đó, Soudoplatov chỉ tiếp xúc với những hồ sơ của Enormoz vào tháng 9 năm 1945 đến tháng 10 năm 1946, ngày mà phòng S của ông bị thanh lý. Tóm lại, nhân chứng của ông về các điệp viên nguyên tử xuất hiện không được đầy đủ thông tin, còn sai sót và lạm dụng sự thổi phồng của và SRE đã cho biết quan điểm này trên báo chí.



Một bài báo của tờ Izvestia đã nhạo báng với đầu đề “Robert Oppenheimer chỉ có thể là một điệp viên của Xôviết khi ông ta có một mạng lưới tình báo chẳng biết gì”, đồng thời đưa ra danh sách các điệp viên được biết đến để hoạt động cho kế hoạch ở Los Alamos. Serguei Leskov, một chuyên gia của tờ Izvestia về vấn đề bom nguyên tử đã viết: “Ông ta đã thông báo với chúng tôi ở SRE. Chúng tôi có những nguồn thông tin khác, còn những nguồn thông tin mà Soudoplatov cung cấp không phải là nguồn thông tin này. Theo những người thân cận của kế hoạch Manhattan cho biết, trong dự án này có những hoạt động của một số điệp viên Xôviết mà tên tuổi của họ cho đến nay vẫn chưa được tiết lộ. SRE thừa nhận rằng Klaus Fuchs đã bị kết án 14 năm tù ở Anh vì tội hoạt động gián điệp và Mlad đã bị nêu trên báo chí. Xôviết bố trí mười điệp viên trong hàng ngũ có thể so sánh được, trong đó có sáu người hoạt động ở Mỹ còn bốn người hoạt động ở Anh. Đó là những gương mặt đầu tiên cho kế hoạch của cơ quan tình báo, đến tận ngày mà họ vẫn chưa biết gì về FBI”.

Bản tin chính thức của Văn phòng báo chí thuộc SRE đã được hãng tin Itar-tass đưa tin ngay sau đó, rất chính xác vào ngày mùng sáu tháng năm. Dưới chữ ký của Tatiana Samdlis, thư ký văn phòng báo chí, ông đã viết rằng:

“Vũ khí nguyên tử, rồi vũ khí nhiệt hạch đã được chế tạo ở Xôviết chủ yếu nhờ vào một tiềm lực khoa học kỹ thuật rộng lớn kết hợp với sự tiến bộ kỹ thuật và trí tuệ. Trong trường hợp này phải kể đến sự đóng góp quyết định của một nhóm rất đông các nhà nghiên cứu Xôviết. Việc góp phần của cơ quan tình báo vào việc chế tạo bom A của Xôviết, hành động đáng kể và tài năng của họ trong lợi ích của nhà nước đóng vai trò thứ yếu. Liệu người ta có nhận xét rằng những hồ sơ lưu trữ của SRE, như cuốn “những điệp vụ đặc biệt” là một sự kiện được xác nhận, một phát minh khám phá trong sáng và đơn giản. Trên nguyên tắc chung, những cơ quan đặc biệt tránh bình luận về phương pháp làm việc và nguồn thông tin của họ. Tuy nhiên trong trường hợp đặc biệt này, chúng tôi có thể tự cho phép mình khẳng định rằng những luận cứ có trong cuốn sách mà Cơ quan Tình báo Xôviết đã có được, những dữ liệu về bom nguyên tử của các nhà khoa học như E.Fermi, L.Szilard, R.Oppemheimer và những nhà khoa học khác thì không phù hợp với thực tế”.

Người đọc bản thảo của Soudoplatov có thể đánh giá rằng, từ then chốt trong văn bản này là từ “trực tiếp”, trong trường hợp của R.Oppenheimer có thể là một nguồn “gián tiếp” Tôi có một ý kiến khác, tôi sẽ giải thích tại sao? R.Oppenheimer đã được tuyển mộ, sắp đặt và đối xử như thế nào? Chúng ta thấy vấn đề này ngày càng gần hơn.

Soudoplatov thừa nhận là giao việc tuyển mộ của R.Oppenheimer cho Grigori Heifetz, “trụ sở” chính của NKVD ở San Francisco, hoạt động dưới sự chỉ đạo của lãnh sự quán và ông Brown - phó lãnh sự quán. Theo lời ghi chú trong tiểu sử, có thể Grigori Heifetz đã gặp Oppenheimer lần đầu tiên vào tháng 12 năm 1941 trong một buổi tối quyên góp quỹ dành cho những người tỵ nạn Tây Ban Nha. Một cuộc gặp gỡ khác trong buổi tiệc cốc-tai và cuối cùng ông đã gặp và đối đầu với Oppenheimer trong một dịp ăn trưa cùng tháng đó. Một nhà vật lý tầm cỡ đã báo cho ông ta biết về mối lo sợ của ông rằng, những người Đức quốc xã có thể chế tạo được một quả bom nguyên tử trước các đồng minh của mình. Ông đã truyền thông tin này cho Trung tâm qua một thông điệp đã giải mã từ Đại sứ quán của Washington. Bức điện này mang một lời khẳng định khác đến từ Luân Đôn thông báo rằng, Anh đang chế tạo một loại bom có chứa Uranium (chúng ta sẽ trở lại bức điện này ở chương đầu). Vì vậy, Trung tâm đã gửi Semion Semionov sang Mỹ và bố trí ở đó một mạng lưới gián điệp về bom nguyên tử. Trong thời gian này Heifetz đối xử với Oppenheimer như một người bạn thân và duy trì mối quan hệ với ông thông qua người vợ của ông làm trung gian. Một điệp viên khác của NKVD, Elisabeth Zaroubine cũng làm như vậy. Thậm chí Soudoplatov chỉ thực hiện trong ít ngày. Chúng tôi thực sự ở trong thời kỳ của Los Alamos, nơi mà tháng 11 năm 1942 Oppenheimer đã được chọn để thực hiện dự án Manhattan. Soudoplatov khẳng định rằng, những thông tin đã bị lấy cắp ở Los Alamos đã được truyền đến Washington và New York, từ đó ở Matxcova, trong một số trường hợp, qua một cửa hàng ăn của Santa Fe, nơi mà người ta gọi là “trạm bất hợp pháp”. Năm 1944, theo đuổi Soudoplatov, Heifetz trở lại Matxcora “và bắt đầu tính toán đến những cảm giác của mình liên quan đến Oppenheimer và những nhân vật quan trọng có liên quan đến việc nghiên cứu nguyên tử”.

Điều mà Soudoplatov không nói rõ chính là Heifetz không có trong hồ sơ Enormoz. Người ta không thấy bất kỳ một bản báo cáo hay một bức thông điệp nào của ông có liên quan đến Oppenheimer hay bom A. Trở về Matxcova năm 1944, ông được giao trách nhiệm soạn thảo một bản báo cáo về những hoạt động ở Mỹ. Bản báo cáo này đã được lưu giữ ở đó, ông không hề nêu tên Oppenheimer hay bom nguyên tử nào cả. Cũng không tồn tại ít nhất một bộ hồ sơ nào để khẳng định vai trò quan trọng mà Soudoplatov đã đóng góp cho Heifetz trong khuôn khổ của kế hoạch Enormoz. Cũng không có hồ sơ nào về Oppenheimer, Fermi, Bohr hay những nhân vật khác. Thậm chí tên của họ cũng không xuất hiện trong các bức thư. Và người ta tìm kiếm một cách vô ích trong các hồ sơ của quán rượu Santa Fe vì chắc chắn rằng, nơi này là chỗ che giấu và bảo đảm cho hoạt động. Soudoplatov đã dành cho Oppenheimer một con đường rất thú vị, hay đúng hơn là cách mà ông đã sử dụng:

“Oppenheimer và Fermi, với tư cách là đầu mối của những thông tin, đã trao cho những bí danh: Etoile là Editeur, Etoile không chỉ dùng cho bí danh của Oppenheimer mà còn dùng cho những nhà vật lý và nhà nghiên cứu khác của dự án Manhattan. Với những tên này ông đều tiếp xúc, mà thực tế họ là những điệp viên đã được tuyển mộ. Những bí danh này được thay đổi theo thời gian khác nhau vì lý do an toàn; mặt khác, biệt hiệu Etoile có thể để chỉ cả Oppenheimer và Fermi”.

Tôi mong muốn độc giả tưởng tượng về sự lằng lằng giữa hai hay nhiều nguồn thông tin - mà những thông tin này gán cho cùng một bí danh. Tất nhiên là có thể ghép cùng một bí danh cho cùng một nhóm người, tuy nhiên mỗi thành viên trong nhóm phải có sự chỉ định riêng của mình (chúng ta sẽ quan sát hiện tượng này trong câu chuyện về một nhóm có tên là “Volontaires”. Trên thực tế, theo như Soudoplatov đã viết, những bí danh này thường xuyên được thay đổi vì lý do an toàn. Nhưng để giải quyết những chuyện này bằng một cách nào đó, không một ai, thậm chí cả Trung tâm cũng không thể biết những thông tin nào xuất phát từ một cá nhân (Oppenheimer) hay một nhân vật khác (Fermi) hay một nhân vật thứ ba đi ngược lại với lẽ thường và chẳng có gì để nói về nguyên tắc của cơ quan tình báo. Tình thế bắt buộc tôi phải nhìn nhận rằng, hình ảnh một nhà vật lý vĩ đại đã xuất hiện trong cuốn “Những điệp vụ đặc biệt” không phù hợp với thực tế.

Rõ ràng là đã tồn tại một điệp viên của Xôviết có bí danh là Star (gốc tiếng Nga có nghĩa là Già nhưng theo tiếng Anh lại là một người thuộc về thế giới của Chúa). Chúng ta sẽ gọi bí danh này là Bạn Già. Thật vậy, ông đã có một trong những cuộc tiếp xúc của Persée - Mald nhưng những cuộc tiếp xúc này đã không thể xác minh được. Tuy nhiên tôi có đủ tư cách để khẳng định rằng, ông ta không phải là Oppenheimer và cũng không phải là Fermi.

Một điểm cuối cùng, Soudoplatov đã kể với chúng tôi về niềm đam mê lịch sử của một nhà bác học trẻ mà NKVD đã gửi đến Đan Mạch tháng 11 năm 1945 để tham khảo ý kiến của nhà vật lý nổi tiếng Niels Bohr về một vấn đề quan trọng, đó là việc xây dựng nhà máy phản ứng hạt nhân đầu tiên của Xôviết. Soudoplatov khẳng định là đã nói điều này với Yakov Terletski một thời gian ngắn trước khi ông này qua đời vào năm 1993 và đã nghe ông ta kể rằng Bohr rất run sợ khi thực hiện lời yêu cầu mà người ta yêu cầu ông hợp tác với Xôviết; có thể ông đã chế ngự được tình cảm của mình và xây dựng một biểu đồ để đưa ra những lý do thất bại - vấn đề này đã được giải quyết.

Trên thực tế, những vấn đề đó diễn ra một cách khác nhau. Trong chương năm của cuốn sách sẽ nhắc lại cho chúng ta bản tường trình nhiệm vụ có chữ ký của Lavrenti Beria, lãnh đạo cao cấp của NKVD trong thời kỳ của ông chủ lớn Soudoplatov. Tiếp theo đó, một bản báo cáo của Terletski về nhiệm vụ này đã được công bố sau cuốn sách của Soudoplatov; nó cũng sẽ được kể đến. Trong thời kỳ của Bohr đã có một bàn tay run rẩy nhưng không phải là một nắm tay.

Stalin đã đánh cắp được bom nguyên tử của Mỹ như thế nào, được hưởng lợi trong vụ việc của Soudoplatov về một điểm quan trọng; nó đã dẫn đến một bản tin của SRE đăng trên tờ Ivestia khẳng định về sự tồn tại của Persée. Độc giả không tin tưởng vào mình tôi để biết rằng ông ta đã sống ở Los Alamos với một điệp viên của Xôviết và Klaus Fuchs - một điệp viên chưa bao giờ bị lật tẩy và hiện nay ông ta vẫn còn sống. Chính vợ chồng nhà Kroger và Persée - điệp

viên Mald là những người mà tôi muốn nói đến chứ không phải Oppenheimer.

Cuốn “Việc thu gom những đồ tước đoạt và những khó khăn của thực tế”, đã viết về một trong những lời phê bình của Soudoplatov. Có thể không ai biết rõ về lịch sử bom A của Xôviết. Theo sự hiểu biết của tôi thì chẳng có ai tiếp xúc hoàn toàn với các hồ sơ ở các nơi lưu trữ trong thời kỳ hậu Xôviết. Người có khả năng tiếp xúc rộng nhất có thể lại không biết nơi để những hồ sơ có liên quan. Họ có thể là những chuyên gia trong một vài lĩnh vực, tất nhiên là không thể biết hết. Tốt hơn hết là chúng ta hãy khai thác những hồ sơ mà chúng ta biết, trích những thông tin có giá trị và những quyền sách của nhà nước. Đó là điều mà tôi dự định làm.

Nhưng trước khi kể về câu chuyện của Mald và vợ chồng nhà Kroger, tôi sẽ phải trả lời ba câu hỏi: Trước tiên là, người ta đã gọi “bí mật” về bom nguyên tử là gì? Ngoài một khái niệm chung về bí mật khoa học, chúng ta không thể nói một cách thích đáng về tất cả những gì đã bị lấy cắp ở Los Alamos và nơi khác? Thứ hai, các nhà nghiên cứu Xôviết đã làm gì trong thời kỳ này? Họ chỉ là những người sao chép thông thường những khám phá của nước ngoài hay họ tạo ra một tiềm năng khoa học tuyệt vời? Và cuối cùng, NKVD đóng vai trò gì trong việc chế tạo bom A?

Tôi sẽ cố gắng trả lời ba câu hỏi này trong hai chương đầu. Con đường tôi phải đi là, cố gắng chỉ ra chương trình này của Xôviết đã diễn ra như thế nào và tại sao lại diễn tiến như vậy. Rất nhiều tài liệu được sử dụng trong những chương này chưa được công bố bao giờ, một số tài liệu khác chỉ mới được công bố trong những năm gần đây. Và cuối cùng tôi đã sử dụng chúng - những tài liệu mới nhất, không có sẵn như các nhà nghiên cứu khác.

Câu chuyện về vợ chồng nhà Kroger và Mald được bắt đầu ở chương ba. Chương này chủ yếu dựa trên tập hồ sơ nổi tiếng mang số 13676, các chương tiếp theo cũng vậy. Khi những sự kiện và những lời phân tích thêm là cần thiết, tôi đã phải tìm thêm nguồn thông tin khác. Tôi nhấn mạnh về điểm này bởi vì những lời phê bình vụn vặt có thể là phê bình tác giả vì đã sử dụng tài liệu chưa được công bố (chúng ta có thể thẩm định như thế nào?), hay những tài liệu đã được công bố (điều gì còn mới nữa? Tất cả điều đó đều biết rồi). Tôi phải nhờ đến tài liệu này hay tài liệu khác nhưng chủ yếu là những cuốn sách được viết dựa trên các hồ sơ, phụ đề của chúng từ đầu.

Câu chuyện sẽ được sáng tỏ dần từ bên trong vấn đề vũ khí nguyên tử. Nó sẽ tiết lộ về những hoạt động của hai điệp viên Xôviết khó nắm bắt nhất, lợi hại nhất. Câu chuyện sẽ nói về vai trò của họ trong cái gọi là kế hoạch gián điệp của thế kỷ - vụ đánh cắp bom A. Tôi sẽ giải thích động cơ và phương pháp của họ, tôi sẽ chỉ rõ cách mà họ đã sử dụng trong hồ sơ đầu tiên. Tôi sẽ đi theo dấu vết của họ và vụ bom A. Nó khiến tôi nhớ lại những vấn đề lịch sử, chính trị và đạo đức. Qua đó đưa ra sự đánh giá về thành công và thất bại của họ, và đưa độc giả đến những kết luận mà nó vẫn chưa được rõ ràng.

Vì thế cuốn sách này không thể trả lời được tất cả các vấn đề, nó chỉ trả lời được một vài vấn đề và làm mất đi một vài nghi ngờ - trong một lĩnh vực vẫn còn được giữ bí mật, tôi không thể làm gì hơn được.

Vladimir Tchikov

Matxcova 1995

# BÍ MẬT VỀ BOM: BA LOẠI BÍ MẬT

Hẳn là ở Mỹ chẳng có loại bí mật nào được giữ kín bằng bí mật về việc chế tạo bom nguyên tử. Khi Igor Gouzenko, một quan chức mật của Đại sứ Xôviết ở Ottawa rút lui và tiết lộ về kế hoạch hoạt động gián điệp đang diễn ra ở Canada dưới sự kiểm soát của Cơ quan Tình báo Quân đội (GRU) thì các nước phương Tây đều đồng thanh kêu là không xứng đáng. Những người Canada và người Mỹ cảm thấy rằng, họ bị những người Nga phản bội - như người ta đã gọi tất cả những người Xôviết. Đến bây giờ, những tình cảm nồng hậu mà họ đã dành cho đồng minh của họ trong chiến tranh thế giới thứ hai đang bị nguội lạnh đi. Bởi vì những người Xôviết đã dám tuyền mộ một cách xảo trá những nhà nghiên cứu và những nhà chính trị để thu thập những thông tin bí mật về vấn đề bom A. Những người Mỹ bày tỏ một cách tự do ý kiến của mình trong chiến tranh, khi xem xét thái độ của họ thấy rằng, họ rất quan tâm đến chế độ của Xôviết. Một sự mất thăng bằng trong tinh thần đã bắt đầu. Tất nhiên, Gouzenko không phải là người duy nhất chịu trách nhiệm về việc phát động chiến tranh lạnh, những tiết lộ của ông về hoạt động gián điệp bom nguyên tử của Xôviết đã được một trong những tờ báo viết năm 1946 nhưng nó không chắc chắn một chút nào.

Để tự an ủi mình, những người Mỹ trong thời kỳ này nói rằng, vụ đánh cắp này không quá nghiêm trọng. Mạng lưới gián điệp đã bị phát hiện ở lãnh thổ nước ngoài, cách xa trung tâm nghiên cứu nguyên tử của Mỹ. Nhờ sự cách li những công việc về bom, những điệp viên của nước ngoài đã không thể khám phá được tất cả bí mật.

Khi Allan Nunn May, chuyên viên khoa học số một của mạng lưới Canada bị đưa ra xét xử ở Luân Đôn. Ông ta nhấn mạnh rằng, ông không giao "bí mật về bom nguyên tử" nhưng ông chỉ "bổ trí một thời gian để các nhà bác học nước ngoài nghiên cứu về bom".

Những điệp viên của Nhà nước Canada và Anh đã bị bỏ tù và những cuộc tiếp xúc của họ với người Xôviết trở nên hấp tấp hơn. Kế hoạch đã bị dừng lại, những người Mỹ có thể tin rằng chương trình quốc gia về bom A của họ có thể vẫn được bảo vệ. Nhìn chung người ta đều nghĩ rằng, với phương tiện riêng của mình, Xôviết sẽ phải mất từ mười đến hai mươi năm mới đạt được sự ngang bằng, nhưng với khoảng thời gian này cũng đủ để người Mỹ tích lũy được một lượng vũ khí nguyên tử đáng kể.

Nhưng, mùa hè năm 1949, các nhà nghiên cứu Mỹ đã phát hiện ra những dấu hiệu của một vụ nổ nguyên tử ở Trung Á của Xôviết. Vào tháng 9 năm đó, Tổng thống Mỹ Truman thông báo rằng Xôviết đã cho nổ một quả bom nguyên tử. Hãng tin Itar-Tass đã đáp lại rằng, những người làm việc cho Kazakhstan chỉ đơn giản là đào đất để xây dựng những dãy barie và đào những kênh đào, Itar-Tass xác định rằng, xét cho đủ lẽ thì Liên bang Xôviết đã giải quyết được vấn đề bom nguyên tử từ hai năm trước. Dù sao thì người ta vẫn nghĩ rằng, lời tuyên bố của hãng tin Itar-Tass, tất nhiên, sự độc quyền của Mỹ về bom nguyên tử đã chấm dứt từ bốn năm rồi. Chắc chắn nước này đã có một lời khuyên can có ích dưới dạng hai trăm quả bom A, nhưng sự chần chừ về tâm lý thì thật khủng khiếp. Người ta luôn tự hỏi, Liên bang Xôviết bị tàn phá bởi chiến tranh, vậy làm thế nào để họ bắt kịp quá nhanh với thời thế trong sự muộn màng của họ. Phải chăng bí mật đã bị đánh cắp? Câu trả lời đã được đáp lại trong một vài tuần.

Vào tháng giêng năm 1950, một trong những nhà lãnh đạo của Trung tâm Nghiên cứu Năng lượng Nguyên tử của Harwell (Anh) đã bị bắt và kết tội vì đã giao những bí mật cho Liên bang Xôviết. Người ta biết rằng, Allan Nunn May là một nhà Cộng sản và trong nhiều năm liền ông đã đấu tranh rất tích cực chống lại bọn Đức quốc xã - quê hương của ông. Năm 1993, ông lưu trú sang Anh, nơi đây ông đã khởi đầu một sự nghiệp sản lạn trong ngành vật lý nguyên tử. Sau khi Đức quốc xã bị Xôviết tấn công vào năm 1941, ông đã đề nghị được phục vụ cho Chủ nghĩa Bonsevic và ông đã trở thành một điệp viên hiếm có. Hai năm sau, ông đã sang Mỹ với một nhóm nhà bác học Anh để làm việc cho dự án Manhattan. Ở Los Alamos, ông làm việc cho nhóm của Hans Bethe, phòng lý thuyết, ông ở lại đó từ năm 1944 đến năm 1946. Ông là người có mặt trong ngày lịch sử tháng 7 năm 1945, khi quả bom nguyên tử đầu tiên nổ ở sa mạc Alamogordo. Vụ kiện của ông Old Bailey - Luân Đôn tháng 3 năm 1950 đã được làm sáng tỏ bởi

một lời thú nhận đầy đủ đã được viết, điều đó cho thấy Trung tâm Nghiên cứu nguyên tử của Mỹ đã bị Cơ quan Tình báo Xôviết - NKVD cài lén người vào. Nhưng dù sao đi chăng nữa thì bí mật về bom A đã bị đánh cắp.

Diễn biến bất ngờ này đã được Tổng thống Truman sử dụng khi ông cho phép đặt một quả bom mới ở xưởng, loại bom mạnh hơn, mặc dù dự án ban đầu đã không được thử nghiệm trong mọi chuẩn mực và tiếp sau đó ông đã tỏ ra rất tồi. Hệ thống mới kế tiếp này được gọi là “siêu bom”, một loại bom nhiệt hạch, bom Hydrogene hay là bom H. Loại vũ khí tưởng tượng này, việc chế tạo nó có thể làm được khi có những kế hoạch kiểm tra sớm kích thước của một quả bom A đã gắn cho nó một bộ phận nổ, nó đã phát triển với sức mạnh cao hơn một nghìn lần quả bom đã hủy diệt Thành phố Hiroshima của Nhật Bản. Với kế hoạch này, Mỹ đã bị chông chênh trong chương trình chế tạo bom Hoka Suzu Iwa Masaki Banzo Ladori, Xôviết có thể chạy theo được. Cuộc chạy đua vũ trang đã bắt đầu khởi sự.

Một vài tháng sau, vẫn năm 1950, FBI đã bắt giữ Julius và Ethel Rosenberg. Những tình cảm mà những người Mỹ đã gây dựng trong thâm tâm họ về đồng hương của họ mạnh hơn tình cảm được sinh ra bởi Klaus Fuchs, một kẻ tị nạn Đức. Pavel Soudoplatov muốn nhìn thấy ở nhà Rosenberg “một cặp vợ chồng ngây thơ, luôn mong muốn hợp tác, người đã làm việc cho chúng tôi theo những mô-típ lý tưởng”, nhưng ông cũng là người đóng vai “một công nhân mỏ” trong việc thu thập những bí mật về vũ khí nguyên tử cho tình báo Xôviết. Từ năm 1945 đến năm 1946, công việc đòi hỏi một khả năng đặc biệt về mô-típ mà ông đã lãnh đạo Ủy ban đặc biệt của NKVD trong hoạt động do thám nguyên tử. Nhưng, như chúng ta đã biết trong phần giới thiệu, những đánh giá của ông về hoạt động do thám nguyên tử đã không được công nhận.

Khi đối diện với những lời khẳng định của Pavel Soudoplatov, SRE của Nga đã dừng lại và theo quan điểm của KGB: vợ chồng nhà Rosenberg chưa bao giờ phục vụ cho Cơ quan Tình báo Xôviết. Đó chính là quan điểm mà tác giả cuốn sách không nói sai. Tuy nhiên, nếu người ta chấp nhận ý kiến rằng, vợ chồng họ đã liên quan đến hoạt động gián điệp về nguyên tử, thì rõ ràng họ không thể có ảnh hưởng của một Klaus Fuchs, một nhà khoa học có trình độ cao. Từ năm 1941 đến năm 1949, ông đã cung cấp cho Xôviết những thông tin, những tập hồ sơ vô giá, chẳng hạn như những bản báo cáo về truyền ga, hay phương pháp tách Uranium 235 trong bom nổ mang tên “Litte Boy” đã được chế tạo ở Los Alamos; những cuộc thám hiểm bắt đầu từ Harwell và một loạt dự án khác ở Anh, Mỹ và ở Canada.

Dù sao thì Fuchs, một công dân của Anh bị kết án mười bốn năm quản thúc, và tiếp đó là chín năm quản thúc vì thái độ cư xử, khi vợ chồng nhà Rosenberg, người Mỹ, lại chuốc lấy án tử hình. Cái chết khủng khiếp của họ trên ghế điện ở Sing Sing tháng sáu năm 1953 đã gây ra nhiều cuộc thảo luận trong nhiều năm, nhưng phần lớn các nhà bình luận đã đồng ý rằng, họ đã bị kết án tử hình bởi vì, đối với “người Mỹ vĩ đại”, họ là một loại phản bội tồi tệ nhất: một người đàn ông và một người đàn bà đã giao bí mật bất khả xâm phạm nhất của quốc gia, bí mật về sự sống sót và sức mạnh thế giới ở một đất nước mà khi xảy ra vụ kiện của họ, người Mỹ coi đó là kẻ thù chết người.

Vậy đâu là điều cốt lõi trong bí mật này và nó đã được bảo vệ như thế nào? Trước khi theo dấu vết của hoạt động gián điệp về nguyên tử của Xôviết chúng tôi phải trả lời những câu hỏi này, bởi vì sẽ không có sự thích đáng để nói về “những bí mật đã bị đánh cắp” mà lại không có ít nhất một ý kiến chung về bản chất tự nhiên của họ. Sau cùng, vấn đề không phải là “bộ lông cừu màu vàng, chiếc nhẫn của Nibelung, hay thứ thuốc nước thần diệu của Nàng công chúa ngủ quên trong rừng mà nó là những dữ liệu dễ sợ, những công thức khoa học, những thủ tục có thể sinh ra và có thể xác minh được”. Nói tóm lại chúng tôi có những vụ việc về luật của thế giới vật lý.

Quả bom nguyên tử được hiểu với ba lý do cưỡng bức. Trước tiên, những nhà khoa học đã bị làm theo một âm mưu, bị mê hoặc và cuối cùng là bị quyến rũ bởi khả năng thực tế của việc chế tạo bom. Họ đã bị ra tòa chỉ vì “cơ sở bom nguyên tử”, nhiều tác giả đã nhấn mạnh điều này, bởi vì duy nhất nguyên tử Uranium, phân tử tự nhiên cuối cùng quan trọng của bom nguyên tử tự tách thành hai phân tử khác nhau khi người ta ném nó với những Electron nổ chậm đồng thời ngay lập tức giải phóng năng lượng của nó và một vài Nơ tron, những Nơ tron

tự do này, theo đúng như lý thuyết nó đã phá vỡ những nguyên tử khác, những nguyên tử đến lượt nó giải phóng neutron đồng thời tạo ra một phản ứng dây chuyền. Những nhà bác học đã tham gia vào cuộc đều có cảm tưởng rằng, họ đã thành công trong việc kích thích một phản ứng dây chuyền. Họ đã có thể giải phóng nguồn tài nguyên của toàn thế giới để chế ngự và chế tạo nó. Có thể nó cũng kháng lại những triển vọng và trở thành những hậu quả. Robert Oppenheimer đã không nói với các nhà khoa học ở Los Alamos vào tháng 11 năm 1945, mà ba tháng sau, sau khi hai Thành phố Hiroshima và Nagasaki bị ném bom, với nội dung sau:

“Nếu các ông đi sâu vào vấn đề này, rõ ràng là chúng ta làm việc này, bởi vì đó là một tổ chức cần thiết. Nếu các ông là một nhà khoa học, các ông không thể dừng lại ở đó được. Nếu các ông là một nhà khoa học, các ông sẽ tin rằng, khám phá ra thế giới này vận động như thế nào là một việc nên làm; thật tốt khi khôi phục nơi con người sức mạnh lớn nhất để có thể làm chủ được thế giới và điều chỉnh nó theo sự hiểu biết và giá trị của nó”.

Sau đó quả bom A được chế tạo bởi vì Đức quốc xã đã tham gia vào cuộc chiến để làm bá chủ thế giới. Các đồng minh sợ rằng, những nhà vật lý của Hitler chế tạo cho hắn một quả bom A. Con ác mộng của Fuhrer về vũ khí nguyên tử thì quá khủng khiếp khi thấy những quốc gia bị đe dọa. Trước tiên là Anh, sau đó là Mỹ và Nga cùng lao vào những chương trình mà Nhà nước đã bỏ kinh phí ra hỗ trợ.

Điều đã đưa chúng ta đến lý do cuối cùng trong việc chế tạo bom là lý do quan liêu giấy tờ. Một lần việc cấp vốn bị ngưng trệ rồi lại được thực hiện. Một lần các công nhân được tuyển mộ, những thí nghiệm được đưa vào và được lặp lại. Nói tóm lại những đầu tư của nhà nước được tiến hành một cách tuyệt vời. Dự án này không thể bị bỏ dở nữa, thậm chí Hitler còn lâu mới có được bom và Reich III sẽ bị suy sụp trước khi đồng minh trang bị cho họ những tên lửa nguyên tử riêng. Theo một số nhà sử học cho biết, vẫn lý do đó khiến Tổng thống Mỹ Truman quyết định đem bom A đi phá hoại nước Nhật. Với hai tỷ đô la, hai trăm nghìn công nhân, một ngành công nghiệp có thể so sánh với ngành ô tô trong nước mà lại cho một kết quả không ra gì và không có gì để sản xuất? Chính sự quan liêu trong bộ máy hành chính mà đã dẫn đến một kết cục trong việc chế tạo bom.

Vậy bí mật trong dự án này là gì? Trước đây, trước khi Hitler nói về cuộc chiến chống lại Châu Âu, mỗi khám phá về vật lý nguyên tử đều được cộng đồng khoa học thế giới chia sẻ. Đó là vào buổi đầu những năm bốn mươi, khi mà những nhà khoa học bắt đầu xem xét để áp dụng cho ngành quân sự những kết quả nghiên cứu của họ, thì những nguồn thông tin theo định kỳ và những cuộc họp của các nhà khoa học ngày càng hiếm dần, những thực nghiệm về phân hạch nguyên tử đã chìm vào bí mật. Ở thời kỳ này, những nguyên tố căn bản của phân hạch nguyên tử và phản ứng dây chuyền bây giờ mới được biết đến và thấy trong tất cả các nước có công nghệ kỹ thuật tiên bộ. Nhưng những phương tiện hiệu quả nhất để phản ứng dây chuyền, để kiểm tra nó và rút ra những áp dụng còn lại phải khám phá. Điều còn lại vẫn là bí mật của bom A, bởi vì những máy móc yêu cầu để vượt qua mức độ siêu vũ trụ, lượng bom nguyên tử có thể nhìn thấy được nằm trong tay con người, ta phải tăng năng lượng cho một phản ứng nguyên tử dây chuyền, đồng thời lập chương trình giải phóng nó, đây là một công việc cực kỳ phức tạp và khó.

Nhưng làm thế nào để qui chế hóa các hoạt động của các neutron khi chúng thấm qua chất và lan tỏa ra trụ có Urani? Làm thế nào để sự phân hạch hoạt động theo cách đồng nhất trong một phản ứng dây chuyền, chỉ trong một giây thôi quá trình phản ứng của nó đã diễn ra một triệu phản ứng mà không nổ trong một đoạn nhưng lại bị bốc hơi sang dạng khác, không bỏ ngang sang một con đường? Làm thế nào để đạt được sự thuần khiết của các chất phóng xạ và ngăn chặn được những chất thải của sự phân hạch để chúng không gây ra sự ô nhiễm từ? Làm thế nào để chế tạo được một loại bom có kích thước khá nhỏ có thể vận chuyển ra chiến trận được? Làm thế nào để thử nghiệm một hệ thống tỏa năng lượng ra hơn một nghìn lần so với việc đốt cháy một lượng các bon tương đương. Tóm lại, một hệ thống có khả năng đẩy dạn ra một thế giới khác? Làm thế nào để đưa lửa vào một hệ thống mà không phải đương đầu với việc mở đột ngột bằng vũ trụ chẳng hạn? Đó chỉ là một vài vấn đề mà những người góp ý kiến về bom đặt ra. Ngay từ đầu cuộc phiêu lưu này, tất nhiên những cuộc thí nghiệm phải được thực hiện, trong đó đòi hỏi sự cố gắng của những phòng thí nghiệm lớn, được trải ra trong

hiều năm. Tính hiệu kỳ không lúc nào làm thỏa mãn các nhà khoa học mà nó chỉ có thể đặt những nghiên cứu tìm tòi vào một điểm chắc chắn, trong đó những lợi ích và ngân sách quốc gia đóng vai trò quan trọng để đạt được những kết quả đích thực.

Tất nhiên “bí mật về bom nguyên tử” chủ yếu thuộc về lĩnh vực kỹ thuật. Theo cách của một trò chơi hết sức phức tạp nhưng lại hợp lý, để được giải quyết cần phải có thời gian, tiền bạc và nhân lực. Tất nhiên nếu các bạn có khả năng chiếm hữu những tiến bộ khoa học được người khác nghiên cứu thì họ đã tàn phá và bỏ trò chơi này trước các bạn. Họ đã tập hợp được những đầu óc thông minh nhất và huy động những phương cách không thể thiếu được cho nhiều cuộc thí nghiệm lớn. Các bạn có thể tiết kiệm những cuộc thí nghiệm, cả những sai lầm nữa, không kể đến những chi phí lớn mà đồng ý ngay với giải pháp. Và nếu các bạn hy vọng rằng những “người khác” lạm dụng các bạn và giấu giếm một cách bất chính những kết quả trong công việc của họ, các bạn sẽ không có một chút dẫn đo nào khi đẩy những cánh cửa phòng thí nghiệm của họ và chộp lấy kế hoạch, sự tính toán của họ. Nói theo phép ẩn dụ ở đây là thái độ của Liên bang Xôviết đối với dự án Manhattan.

Trong trật tự các ý kiến, những chú ý sau đây của Philip Morrison, người làm việc trong một ê-kíp của Los Alamos thì thật thích đáng:

“Kể từ năm 1945, chắc chắn không còn tồn tại bí mật về bom nguyên tử nữa. Bí mật đã được khám phá. Sự phân hạch đã sẵn sàng để hoạt động có hiệu lực. Tôi phải làm gì trong chuyện này? Và điều đó là gì? Ít ra công có sáu mươi cách để giải quyết những chuyện này. Tất nhiên tôi không biết mỗi một chương của truyện này được viết như thế nào, thậm chí tôi tin điều đó rất gần. Để biết được điều đó là hơi quá đối với duy nhất một người đàn ông. Cũng có thể hơi quá khi nói trong một cuốn sách. Cũng thật quá khi giữ một tờ giấy. Nhiều sự khéo léo tài tình, những phòng thí nghiệm rất nhiều người, những nhà máy, máy móc, công nhân hoạt động như thế nào? Đó là một ngành công nghiệp chứ không phải là một mệnh lệnh của bác sĩ”.

Loại bom nguyên tử có thể mang một “sự thống nhất” đã được chế tạo ở Los Alamos và đã giao cho Matxcova những năm bốn mươi dưới dạng thủ tục, những bản vẽ và dữ liệu thực nghiệm đã được thay thế bằng những hệ thống hoàn hảo của tên lửa đạn đạo xuyên lục địa có đầu phức hợp mang chức năng hidro hóa. Sự nghiên cứu vẫn được tiếp tục và những tiến bộ đã được hoàn thành. Chúng ta không nói về một loại bom có neutron theo kích thước của một quả bóng chày. Trong bối cảnh này, những kế hoạch ban đầu của bom A đã bị phá vỡ vì tính lỗi thời của nó nhưng dù sao nó vẫn được bảo mật. Theo quy định bảo mật quốc gia, chúng được bảo vệ ít nhất là bảy con dấu và bảy cánh cửa thép. Các cường quốc siêu mạnh không mong muốn sự phát triển của vũ khí nguyên tử, chúng còn là một khái niệm nguyên thủy đối với những nước đang phát triển. Và lại, khi đó hệ thống nguyên tử có thể được áp dụng một cách đặc biệt - các vũ khí tiến bộ, các ngư lôi v.v... Phòng thí nghiệm của Los Alamos ở Mỹ và Viện Nghiên cứu Kourtchatov của Liên bang Xôviết đã bắt đầu cạnh tranh về nguyên tử và sau đó lại hội hợp để kiểm tra sự phân chia tài liệu về vũ khí nguyên tử. Đúng là từ nay trở đi, tất cả các nước có một trung tâm nguyên tử đều có thể đưa vào vận hành một tên lửa nguyên tử, nếu nó là khuynh hướng của nước đó. Loại bom A có plutoni, về mặt kỹ thuật mà nói thì nó đã lỗi thời vì nó luôn mang sự nguy hiểm cho nhân loại.

Giá cả cho việc chế tạo vũ khí nguyên tử, khả năng tìm ra loại vũ khí này của những nước khác, sự phản đối của cả nhân loại tất nhiên đã ngăn cản những người yêu thích khám phá và tìm tòi. Theo một vài sự phản kháng cho thấy, phần lớn các nước dường như đã hiểu rằng, trong ba yếu tố về kế hoạch, kinh tế, quân sự và môi trường thì việc có một quả bom lớn là khả năng có lợi hơn cả. Việc kết thúc chiến tranh lạnh cho chúng ta có quyền hy vọng được bước vào một kỷ nguyên không có vũ khí nguyên tử. Khi các kho dự trữ vũ khí hủy diệt hàng loạt là một gánh nặng đối với những nước mang nó vì nó có thể dẫn đến một sự hủy diệt. Trong điều kiện này, bí mật về kỹ thuật có thể chấp nhận rằng nó chưa bị xâm phạm và không thuộc về quá khứ nữa. Nó không còn là nguồn cảm hứng của các nhà vật lý nổi tiếng nữa. Nó cũng không còn là điều tưởng tượng của công chúng nữa. Nó chỉ là điều quan tâm của những nước “bất lương”, một nền độc tài yếu kém và chủ nghĩa khủng bố.

Tóm lại, bí mật về mặt kỹ thuật và công nghệ không phải là điều duy nhất liên quan đến vũ



khí nguyên tử. Ở đây vẫn còn có sự liên quan đến Cơ quan Tình báo, những liên quan đến vấn đề chính trị, sinh học và lịch sử. Nếu chúng ta nhìn lại về quá khứ trong thời đại chúng ta, ta đang cố gắng để hiểu những sự kiện đã làm thay đổi cuộc sống của chúng ta, đương nhiên là chúng ta đang quay về những vấn đề không rõ ràng, về những vấn đề chưa có câu trả lời. Bởi vì chúng ta luôn sống trong bóng tối của bom nguyên tử và sự siêu mạnh của nó sau này. Chúng ta quay về nguồn gốc của chúng ta nếu điều đó khó hiểu và khó giải thích.

Những vấn đề mà chúng ta đặt ra là một mệnh lệnh về mặt đạo đức hơn là sự cấu tạo. Động cơ nào đã đẩy Xôviết phải bắt kịp Mỹ về mặt vũ khí nguyên tử? Làm sao họ lại đạt được điều đó trong thời gian ngắn như vậy? Bởi tài năng của các nhà bác học của họ, bởi sự khéo léo của các điệp viên hay sự phối hợp của cả hai? Ai là người liên quan đến cuộc phiêu lưu mạo hiểm này? Người ta đã làm chuyển hướng dòng chảy lịch sử hay một kết quả thực tế cho dù nó rất nhỏ?

Đó là những vấn đề mà ngày nay chúng ta luôn quan tâm. Và hiện nay chỉ một số câu trả lời được xác định rõ. Nhưng nó vẫn còn tồn tại một loại bí mật thứ ba, loại bí mật mà các bạn không bao giờ được tiết lộ.



# MỘT BỨC ĐIỆN CỦA LUÂN ĐÔN

Vào năm 1941, gần như sau cuộc tấn công bất ngờ của Đức quốc xã xâm chiếm Xôviết, Trung tâm của NKVD ở Matxcova đã nhận được một loạt báo cáo từ “những nơi theo dõi quan sát của Cơ quan Tình báo nước ngoài, khiến họ dự đoán được những bước phát triển mới và sự gây ấn tượng mạnh của tình hình quân sự. Ở Luân Đôn nhận được một bức điện đã được mã hóa nói về cuộc họp của một ủy ban mà công chúng không hề biết gì. Ủy ban này thảo luận về một số vấn đề, theo một vài chuyên gia thì có thể đạt kết quả, một số quyết định đã được đưa ra có liên quan đến số phận của hàng triệu người. Bức điện của Luân Đôn đã được dịch và tóm tắt bằng tiếng Nga. Chúng ta hãy xem nó trước khi phân tích vấn đề này:

“Tuyệt mật

Mémorandum

Số 6881/1065 ngày 25 tháng 9 năm 1941-Luân Đôn

Vadim chuyển một bức điện của Liszt liên quan đến một cuộc họp của Ủy ban Uranium, vào ngày 16 tháng 9 năm 1941. Cuộc họp được “ông chủ” (Hankey) điều hành.

Những điểm sau đã được xây dựng trong cuộc họp này:

Một người đại diện của kho vũ khí Woolwich mang tên Fergusson đã thông báo rằng, bộ phận nổ của bom có thể được đưa vào sử dụng trong vài tháng nữa. Cũng không cần thiết và không đảm bảo được một tốc độ tối thiểu của sự vận hành liên quan đến vụ nổ hàng loạt của sáu nghìn Piê/giây. Sự khai thác có thể diễn ra sớm. Tuy nhiên, trong trường hợp này sức mạnh của việc nổ nó sẽ không thể so sánh được với sức mạnh của một vụ nổ bình thường.

Đến tận bây giờ, nhiều sự phán đoán chỉ thẩm định được về mặt lý thuyết mà thôi, vẫn còn thiếu những dữ liệu về tầm quan trọng trong các kiểu mẫu của uranium 235. Nhưng, đối với những neutron tốc độ, một vài chỉ dẫn cho chúng ta thấy rằng kiểu uranium 235 đặc biệt không khác với uranium bình thường. Người ta phỏng đoán rằng, những biện pháp và sự tính toán cần thiết sẽ được thực hiện vào tháng 12.

Những cuộc thử nghiệm được dự kiến trong một tương lai không xa để đưa ra quyết định về tỷ trọng của các neutron trong không gian bao gồm các khối lượng lớn tiếp giáp với uranium 235 và để đảm bảo cho việc nổ có hiệu quả hơn.

Chuyện đó đã xảy ra cách đây ba tháng, hãng Metropolitan - Vickers đã nhận được một số yêu cầu về thiết bị cho hai mươi tầng, nhưng gần đây mới nhận được giấy phép. Một đặc ân đã hoàn toàn giúp cho lời yêu cầu này.

Hãng công nghiệp hóa học đã ký một hợp đồng sản xuất hexafluorure của uranium nhưng vẫn chưa bắt tay vào sản xuất. Dựa vào nitrate của uranium, vẫn còn một phương pháp đơn giản hơn trong việc sản xuất đã được cấp bằng sáng chế ở Mỹ.

Trong suốt cuộc họp này, Ủy ban thông báo rằng, những thông tin liên quan đến những loại thiết bị tốt nhất cho việc truyền bá có thể đạt được ở Mỹ.

Trong cuộc họp ngày 20 tháng 9 năm 1941, Ủy ban của những người đứng đầu Bộ Tổng Tham mưu đã tán thành một giải pháp, ngay lập tức đưa vào xưởng trong một nhà máy của Anh sản xuất loại bom có chứa uranium.

Vadim yêu cầu sự ước lượng những thông tin của Liszt liên quan đến Uranium.

Potapova” [\[2\]](#)

Số báo này của Potapova ra năm 1941 là tài liệu lâu đời nhất trong những bộ hồ sơ liên quan đến bom nguyên tử của Xôviết mà KGB-SRE đã mở ra cho các nhà nghiên cứu. Nó đã đóng góp thêm vào bộ hồ sơ được để lại cho các nhà khoa học Nga thời kỳ đầu năm 1992. Khi mà những nhà vật lý làm việc về bom A của Xôviết nhìn thấy những bằng chứng trong bài báo này, họ đã không công bố vấn đề này. Nhưng đã quá muộn. Những bản được đăng trên tạp chí đã mở

đường ra nước ngoài hay bất kỳ nơi nào các nhà nghiên cứu có thể tra cứu được vấn đề này nhờ hệ thống cho mượn của các thư viện. Từ nay trở đi, những dữ liệu này được tập hợp lại trong một cuộc thảo luận diễn ra với quý mô toàn thể giới về hoạt động gián điệp nguyên tử.

Để nhận xét vấn đề này qua nội dung của nó, số báo năm 1941 được biết đến như tài liệu đầu tiên trong hàng loạt dữ liệu về khoa học kỹ thuật trình độ cao. Thậm chí, nó không được ủy ban Uranium của Anh xác nhận, nhưng cực kỳ bí mật như tiếng gọi của nó. Số báo này cũng bỏ qua việc giải thích những khái niệm khoa học, hay rất hiếm như là một phần của khái niệm được sử dụng cho khái niệm về bom có chứa uranium như nó đã được chấp nhận. Tất nhiên, Trung tâm của NKVD, trước đây đã được những bức điện từ Luân Đôn nói về những tiến bộ được thực hiện ở Anh về mặt vật lý nguyên tử.

Thực tế dường như số báo này đã tập hợp hai bức điện; bức thứ nhất thông báo rằng, văn phòng của Luân Đôn đã gửi những thông tin từ Liszt, bức thứ hai được viết từ những thông tin rất kỹ lưỡng này. Những lý do của cách làm này mang ý nghĩa sau: Chống lại một tổ chức phản gián có thể sẽ chặn được một trong hai bức điện riêng rẽ. Đó là kỹ thuật tầm thường của Konspiratsia và “cuộc mưu phản”, một khái niệm của Nga có nghĩa là tập trung những quy tắc của một trò chơi lén. Hai bức điện bị mã hóa được gửi từ Luân Đôn đã được Trung tâm của Matxcova giải mã để xếp vào một chuyên đề đặc biệt. Một lần được giải mã, những văn bản này có thể được viết dài trong một số báo hoặc được cô đọng (trên tờ Spraka bằng tiếng Nga) như chúng ta vừa đọc ở trên.

Chúng ta hãy xem tờ Spraka gần hơn để thấy tận mắt một cách chính xác những gì đã xảy ra. Dòng đầu nói: “Vadim truyền một bức điện của Liszt liên quan đến một cuộc họp của Ủy ban Uranium”. Điều này có nghĩa là một điệp viên của NKVD đã gửi một bức điện được đánh số (hay còn gọi là dùng mật hiệu) đến Matxcova mang một thông tin được cung cấp bởi một điệp viên có bí danh là Liszt và người này đã thu thập được những thông tin liên quan đến một cuộc họp cực kỳ bí mật của một ủy ban được gọi là Uranium.

Những thông tin của các điệp viên này được truyền về bằng ngôn ngữ nói hoặc bằng viết, trong trường hợp cụ thể này, bản báo cáo của Liszt được viết và bao gồm những thông tin chính của Chính phủ Anh. Những bức điện bị mã hóa được gửi từ nước ngoài về Trung tâm đều được truyền tải qua máy điện báo, đài hoặc qua thư. Trong trường hợp này, bức điện của Vadim được giao trực tiếp qua tay một người đưa thư.

Người viết bức thư, Elena Potapova đã đọc những bức điện được giải mã của Vadim và những tài liệu của Anh mà có thể nó đã được sát nhập vào đó và được tóm tắt tất cả bằng tiếng Nga cho cấp trên. Trong trường hợp của Leonid Kvasnikov, người đứng đầu của ngành “tình báo khoa học”, hay trường hợp của Pavel Fitine, người đứng đầu về các hoạt động ở nước ngoài. Potapova, người đã tập trung trình độ tiếng Anh của mình cho một số lĩnh vực khoa học. Ông còn là tác giả của nhiều cuốn hồi ký có trong những bộ hồ sơ về bom nguyên tử. Tiếp đó, Potapova phải dịch những thông tin do Klaus Fuchs và Mlad cung cấp.

Chúng ta hãy hành động theo những nhận dạng này. Vadim chính là Anatoli Gorski, một “trụ sở” của NKVD ở Luân Đôn. Khái niệm “trụ sở” được gán cho một điệp viên của NKVD - KGB khi chuyển ra nước ngoài một cách hợp pháp, như một thành viên của một cơ quan đại diện của Xôviết, hoặc một bút danh với những giấy tờ giả và nghề “nói dối”. Trong trường hợp này hay trường hợp khác, ông lãnh đạo một “trụ sở” mà chúng ta chỉ rõ dưới khái niệm của “trạm tình báo”, nhưng cách gọi phổ biến hơn là “mạng lưới gián điệp”. Dù hợp pháp hay không, nơi này theo dõi những hoạt động tình báo bí mật của Xôviết. Không chỉ với những người dân trong những nước có vấn đề mà theo dõi cả những quan chức và trụ sở khác của Xôviết, trừ những người liên quan đến kiểu hoạt động này.

Từ năm trước, Gorski đã trở thành một “trụ sở” hợp pháp ở Luân Đôn. Ông được sử dụng như một đại sứ của Xôviết cùng với một đội ngũ các cố vấn. Với tuổi đời ba mươi tư, Anatoli Gorski là một người béo mập, lùn và rất kiêu cách. Mái tóc vàng hoe chải về phía sau, đôi lông mày rất rậm, cặp mắt xanh và lạnh lùng ẩn dưới cặp kính. Ông là một kiểu mẫu hoàn toàn của chế độ quan liêu Xôviết rất cứng rắn, không hài hước và khó tính. Cả sự nghiệp của ông đã dành cho NKVD. Là một nhân viên mang bí số, ông quyết định không phạm bất kỳ sai lầm nào

và ông phạm sai lầm trong chuyện này bởi một người khác. Nguyên tắc hành động của ông là vì cấp dưới của ông: “Hãy cố gắng đừng phạm những lỗi gây hại”. Hoàn toàn không có sự nhiệt tình, ông là một người có tính chuyên nghiệp cao, đến nỗi mà những đồng nghiệp của ông luôn phải tôn trọng trước tài năng và cách phân xử của ông. Ông tỏ ra là một con người lịch sự mang nét của người phương Tây, diễn đạt bằng tiếng Anh với giọng điệu không chê vào đầu được và ông cũng tỏ ra thân thiện.

Sau đó, trong mùa hè năm 1944, Gorski được chuyển đến Đại sứ quán của Liên bang Xôviết ở Washington, với cương vị là Thư ký thứ nhất và đổi tên là Anatoli Gromov. Ông có nhiệm vụ lôi kéo những nhà Cộng sản Mỹ, những gián điệp tự nguyện trong mạng lưới của NKVD, mà không được ra lệnh cắt đứt tất cả các mối quan hệ với những người thân trong Đảng của họ. Những thành viên trong Đảng rất nghi ngờ với con mắt của những nhà cầm quyền, hơn nữa họ cũng nói rất nhiều. Một trong những người tình nguyện là Elizabeth Benteley, người rất tức giận về những mệnh lệnh của Matxcova nhưng lại rất tin tưởng điều này ở FBI. Sự “che đậy” của Gorski đã bị khám phá nên vào cuối năm 1945 ông phải trở về Matxcova.

Khi một điệp viên tình báo sống hợp pháp ở nước ngoài bị bắt quả tang vì hoạt động gián điệp, thường thì người này được phép trở về nước mình. Hai Chính phủ có liên quan đều chơi cùng một trò. Một bên thì chống đối việc kết tội, một bên lại phản đối sự trong sạch của ông ta, trong khi đó các quan hệ ngoại giao lại được tiến triển rất nhanh. Khi một người “bất hợp pháp” bị lật tẩy thì trò chơi lại khác: một người đóng vai người phúc thẩm, nhưng người kia lại phủ nhận việc kết tội ông ta. Thiếu quy tắc trong ngoại giao, người đàn ông này buộc phải chạy trốn, đi con đường đã đi và những giấy tờ giả được chuẩn bị trước hay nhờ một sự may mắn nào đó mang đến. Nếu ông ta đã làm điều đó thì ông ta sẽ bị bắt và bị đưa ra xét xử. Chính phủ của ông chối bỏ hoàn toàn trách nhiệm đối với ông.

Vladimir Barkovski, trợ lý của Gorski, đã không nói dối trong cuốn hồi ký. Nhưng không còn nghi ngờ gì nữa, ông đã tham gia vào công việc biên tập. Là một kỹ sư tin học, ông có nhiệm vụ thẩm định những thông tin do Liszt cung cấp và viết lại những đoạn mang tính kỹ thuật cho trung tâm. Barkovski đã nổi danh nhờ việc cung cấp cho nước ông những phương cách để bảo vệ những con tàu chống lại mìn có từ trường của Đức vào mùa hè năm đó, tức là một vài ngày sau khi Đức quốc xã xâm chiếm Xôviết. Một sĩ quan của Hải quân Hoàng gia Anh đã giao những kế hoạch chi tiết của một hệ thống chống tên lửa mà không giải thích rằng, những người Anh cũng rất cần thiết bị này. Người Xôviết nhanh chóng tìm ra cách sử dụng khi họ vừa bước vào chiến tranh. Trên thực tế, Igor Kourtchatov, ông chủ tương lai trong dự án bom A của Xôviết vừa mới bắt tay vào vấn đề này. Nhưng dù sao thì kế hoạch này cũng đến rất nhanh như một sự ban tặng bất ngờ. Barkovski đã lấy được ở đó sự đảm bảo hơn để trau dồi kiến thức và khai thác một “nguồn thông tin” có thể chấp nhận được.

Trẻ hơn Gorski bốn tuổi, Barkovski luôn tỏ ra là một người rất lịch sự. Ông luôn có cổ áo rộng và thắt cavát nhưng lại không mang những nét quá đặc biệt như ông chủ cục cằn của ông ta. Không béo cũng không gầy, ông có mái tóc màu sẫm chứ không phải là đen huyền. Ông có cặp mắt, cái miệng, cái mũi rất đẹp và cân đối, rất “bình thường”. Ông có những nét thân thiện và rất vô tư. Tóm lại nhờ có dáng vẻ bề ngoài này mà Barkovski được các điệp viên tình báo khác đánh giá rất cao. Ông đi mà không bị phát hiện.

Nguồn thông tin của Gorski về lĩnh vực thông tin của bom nguyên tử có cả tên John Cairncross. Ở thời kỳ đó, bí danh theo tiếng Nga của người đàn ông này là Liszt và được người ta dịch thành “Feuille”, sự sai lỗi chính tả này vẫn còn được tiếp diễn trong văn học bằng tiếng Anh. Nhưng theo tiếng Nga thì từ Liszt cũng là một sự sao chép lại tên của một nhà soạn nhạc tên là Liszt. Theo ông Barkovski, người được phỏng vấn về vấn đề này cho biết, bí danh Liszt được gán cho Cairncross vì lý do ông ta rất ham mê âm nhạc cổ điển của Liszt. Dù sao đó cũng là sự xâm phạm những nguyên tắc chặt chẽ của “Thánh Konspiratsia” và cũng không hiếm khi những bút danh bị đánh dấu bởi một sự xâm phạm cá nhân. Donald Maclean, một điệp viên tình báo khác của Xôviết mà chúng ta sẽ gặp trong diễn biến của tác phẩm này, ban đầu cũng được đặt tên là Sirota (Orphelin), người cha tốt bụng của ông đã qua đời năm 1932. Anthony Burgess, một người đồng tính luyến ái mà cũng được biết đến với bí danh là Madchen (Demoisell). Cairncross được gọi là Molire khi ông viết cuốn hồi ký về một tác giả viết lịch sử

nổi tiếng của Pháp - chính Maclean đã trở thành Homre.

Cả Cairncross và Maclean đều thuộc nhóm sinh viên “căn bản” được NKVD tuyển mộ ở Đại học Cambridge và sau đó đã được chỉ rõ bằng cách gọi mang tính di truyền của “mạng lưới của Cambridge”. Những thành viên khác của nhóm này là Kim Philby, Anthony Burgess và Anthony Blunt. Cairncross là người thuộc xứ cossais có nguồn gốc quý tộc. Trong khi đó những người kia lại là những “đứa trẻ ương bướng” của tầng lớp quý tộc Anh mà những đứa trẻ này thì rất ghét tầng lớp tư sản. Họ đối xử với ông rất thô lỗ nhưng ngược lại ông đối xử với họ rất trịch thượng. Ông khinh những kẻ giàu có độc ác, ưa thích những người nghèo tử tế và tôn thờ chủ nghĩa trừu tượng. Họ có một điểm chung là dựa vào lý luận của Chủ nghĩa Mác-xít để chống lại các tầng lớp.

Quan điểm chính trị của năm thành viên trong “mạng lưới của Cambridge” đã được hình thành trong những năm ba mươi. Những nhân chứng về sự suy thoái nền kinh tế trong đất nước của họ và những thiếu thốn kéo dài của tầng lớp nghèo khổ, những kẻ thù của chủ nghĩa Phát-xít đã phát triển trên lục địa, họ tin rằng sẽ tìm thấy trong “kinh nghiệm của người Nga” một giải pháp cho các vấn đề thế giới. Nhờ có công nghiệp hóa mà việc làm đã tăng nhiều, việc chữa bệnh được miễn phí và phổ cập giáo dục. Những chương trình này của những người theo Stalin - Nga đã lôi cuốn họ trong phạm vi mà họ tìm thấy ở đó một con đường cho lương lai. Gắn chặt với một hệ tư tưởng mà nó có thể trừng phạt tầng lớp thống trị và xây dựng nền độc tài của giai cấp vô sản ở tất cả các nước, năm thành viên này đã tìm cho họ một lý do riêng.

Hơn nữa, như rất nhiều tác giả đã khẳng định điều đó, họ là những nhà tâm lý học hướng về những hoạt động bí mật mà cho phép họ đấu tranh, thậm chí tiêu diệt tầng lớp mà họ ghét. Thêm vào đó, hành động này đã góp phần củng cố họ trong tình cảm ngoài trách nhiệm chung, đồng thời được trang bị thêm trình độ và kiến thức đặc biệt. Bởi vì được làm việc trong cơ quan của Chính phủ nên họ luôn muốn chống lại Chính phủ, chống đối bằng cách tiết lộ những bí mật của họ. “Tôi không thể khẳng định là tôi yêu thích công việc của tôi - Một ngày Maclean đã tuyên bố ở Trung tâm của NKVD – nhưng tôi chấp nhận rằng đó là một trong những mảnh đất trong cuộc chiến đấu lớn của tôi mà tôi cảm thấy phù hợp nhất và tôi có ý định kiên trì đến tận khi tôi phải tiết lộ những nghĩa vụ của tôi”.

Tất nhiên họ biết rằng, khi bị lật tẩy, họ sẽ bị hạ nhục như những kẻ phản bội nhưng lời phán quyết đối với họ lại dựa trên sự không hiểu biết và người ta tin rằng họ là “sức mạnh tiến bộ của nhân loại” và đã biểu dương họ như những nhà tư tưởng và những anh hùng. Đó là những gì đã xảy ra. Năm 1983, tờ Izvestia đã cho đăng tiểu sử của Maclean và miêu tả ông như một “người đàn ông có nhiều phẩm chất đạo đức, một người Cộng sản tận tâm, một người bạn nhiệt tình” (New York Times số ra ngày 12 tháng 3 năm 1983).

Cairncross là người cuối cùng trong số năm người được tuyển mộ (ông là người thứ năm và là người lâu bị phát hiện ra). Ông đã tiến lại gần sau khi NKVD chất vấn rất lâu bốn người kia theo lý do của họ. Những nhân chứng của họ rất xác thực, đôi khi được điều tiết bởi những nhận xét tỏ ý khinh rẻ về sự thiếu “phẩm chất” của ông. Là người có học vấn xuất sắc nhưng ông đôi khi còn cầu thả trong cách ăn mặc và lời nói. Năm 1936, ông không gặp một khó khăn nào khi vào làm ở Bộ Ngoại giao, nơi mà môi trường không còn phù hợp nữa, những thành kiến cổ lỗ sĩ từ những đồng nghiệp của ông chỉ có thể làm tăng thêm niềm tin của ông vào Chủ nghĩa Mác-xít. Sau khi đã đảm nhận nhiều chức vụ, năm 1940, ông đã trở thành Thư ký đặc biệt của ngài Maurice Hankey. Kể từ khi có sự thăng chức này, đối với Matxcova, ông là một nguồn thông tin không thể đánh giá được. Hankey là Thư ký của Hội đồng Bộ trưởng, ngoài những thành công này ông còn góp phần vào việc thay đổi vị trí ở Cơ quan Tình báo nổi tiếng của Anh SIS. Người đàn ông hời đầu và để ria mép này, với cái nhìn xuyên thấu, đã gây một ảnh hưởng đáng kể ở trong lòng Chính phủ với tư cách là Chủ tịch của nhiều Hội đồng và ủy ban. Cairncross, người đã được tiếp xúc với thư tín của ông, cùng một lúc đã mở những hồ sơ của ông ta ở Trung tâm.

Ủy ban về Uranium mà Liszt nói trong bản báo cáo của ông ta hồi tháng chín năm 1941, thực chất là Ủy ban Khoa học (SAC) do Hankey chủ trì. Được thành lập vào tháng 10 năm 1940, Ủy ban Khoa học này không ngừng cố vấn cho Chính phủ Anh về vấn đề khoa học nguyên tử mới

thành lập. Mười năm trước đó, Hankey là Thư ký của Ủy ban Quốc phòng Vương quốc Anh, đã đồng tình với Ernest Rutherford, Giám đốc phòng thí nghiệm của Cavendish, nói rằng những điều lạ lùng này đã xảy ra trong khoa học và rất tốt khi có “một mắt trên”. Rutherford là người đã phát hiện ra hạt nhân nguyên tử và phóng xạ nhưng ông lại tự hỏi về khả năng của năng lượng nguyên tử và nghi ngờ rằng liệu nó có thể sản xuất được không. Cũng trong thời gian này, ông có cảm giác rằng nó có thể mang lại sức mạnh quan trọng nhất cho nền quốc phòng. Hankey đã nghĩ rằng, năng lượng nguyên tử thì không sử dụng được và ông còn biết những vấn đề có liên quan mà “chúng ta có thể ngủ với đôi tai của chúng ta”. Không phải là ông chỉ nghe một tai về vấn đề này, sau đó ông cố vấn của ông Rutherford đã theo dõi những sự phát triển ngẫu nhiên này.

Vào mùa hè năm 1940, đề tài này đã trở thành một vấn đề cực kỳ khẩn cấp. Sự phân hạch uranium đã được thực hiện và những thí nghiệm đã sẵn sàng cho việc gây ra một phản ứng dây chuyền được kiểm tra. SAC đã duy trì những cuộc họp tại các văn phòng của Nghị sĩ Hankey ở Bộ Tài chính để nghe những lời “chứng minh của nhiều nhà bác học nổi tiếng”, như những gì mà Nghị sĩ Hankey đã nhớ. Cuối tháng 8 năm 1941, ông rất quan tâm đến bản báo cáo của Maud Committee bao gồm hai hồ sơ: “Từ cách sử dụng uranium đến việc chế tạo một quả bom” và “Việc sử dụng uranium như một nguồn năng lượng”. Trong hồ sơ thứ nhất, Maud Committee đã gợi ý rằng, một phương pháp thu được năng lượng từ uranium sẽ mở ra một triển vọng tuyệt vời cho thời gian hòa bình và ông đảm bảo rằng sau chiến tranh, những cố gắng này sẽ được phô ra theo ý nghĩa của nó.

Bởi vì tập trung vào một số thông tin quan trọng và đưa ra những cách thức rõ ràng nên bản báo cáo của Maud đã được dùng làm cơ sở quyết định các vấn đề liên quan đến năng lượng nguyên tử ở Anh cũng như ở Mỹ. Ủy ban khoa học của Hankey là cơ quan đầu tiên quan tâm đến vấn đề này, nó cho phép cơ quan này một vị trí đặc biệt là tăng tốc hay kìm hãm các chương trình nguyên tử ở Tây Âu. Vào tháng 9 năm đó, SAC đã tổ chức bảy cuộc họp để nghiên cứu về bản báo cáo này. Ngày 25 trong cùng tháng đó ông đã giới thiệu bản báo cáo của riêng ông ở Hội đồng Bộ trưởng “đã xóa đi một vài nghi ngờ và ủng hộ tính khả thi của dự án”.

SAC vẫn tiếp tục hoạt động trong suốt thời gian chiến tranh, cho đến khi hai Thành phố của Nhật Bản là Hiroshima và Nagasaki bị ném bom. Mặc dầu Hankey đã rời Chính phủ năm 1942, ông vẫn phản đối lại chính sách mà Roosevelt đã mở rộng và việc ông Churchill đồng ý và áp đặt sự “đầu hàng vô điều kiện” ở Đức, ở Nhật. Cuối cùng, ông nghĩ rằng dự án này sẽ kéo theo việc sử dụng bom A trong phạm vi mà người Nhật tuân phục theo qui tắc của họ, không đầu hàng trước khi bị tiêu diệt hoàn toàn. Dưới con mắt của ông, việc ném bom người Nhật là một tội ác. Ông lý luận, nếu người Đức đã giải quyết được vấn đề bom nguyên tử trước tiên và sử dụng bom chống lại đồng minh thì sau khi chiến tranh kết thúc, họ sẽ có thái độ như một tội phạm chiến tranh và những tên tội phạm này có thể bị treo cổ.

Bản báo cáo của Maud được ủy ban của Hankey bảo lãnh, chiếm một vị trí đặc biệt trong lịch sử bom A. Nó là thành quả của sự lao động vất vả của một ủy ban được George Paget Thomson lãnh đạo và có sự sửa chữa của James Chadwich, Douglas Cockcroft và một số nhà vật lý lỗi lạc khác của Anh góp sức. Đối với bí danh của ủy ban, Thomson đã chọn một từ của một câu được tiết lộ trong một bức điện mà Niels Bohr đã gửi cho ông. Câu này là “Maud Ray Kent”. Điều mà Thomson không biết đó là bức điện đột nhiên bị cắt bớt làm mất phần ghi chú của Bohr gửi cho một người phụ nữ tên là Maud Ray đang ở Trường Tình báo Kent và dạy tiếng Anh cho các con của ông. Thomson và các đồng nghiệp của ông không phân biệt được ý nghĩa nào trong câu này mà phải cầu cứu đến Maud để biết ẩn ý của câu này là gì. Sau chiến tranh, khi mà ủy ban của Maud vẫn còn tồn tại, như chúng ta đã biết, một số nhà sử học đã khẳng định rằng, bí danh này có ý nghĩa là “Việc áp dụng uranium trong quân đội làm tiếng nổ”, một chữ ký hiệu đầu tiên không tương ứng một chút nào với yêu cầu của bí mật.

Ủy ban của Maud được củng cố thêm trong các hoạt động của ông bằng một giác thư khác được chia làm hai phần, được Rudolf Peierles và Otto Frisch soạn thảo vào tháng 3 năm 1940. Hai nhà vật lý lưu vong, một người là người Áo và người kia là người Đức đã khẳng định rằng, những chuyên gia khoa học khác trong cùng ngành có thể khám phá ra bí ẩn của bom nguyên tử và họ đã bấm hồi chuông cảnh báo. Không gì chứng tỏ được điều này dễ dàng đến như vậy.

Họ sẽ xây dựng kế hoạch cho một hệ thống chỉ năm kilôgam mà có thể phát ra tiếng nổ tương đương với nhiều tấn thuốc nổ. Trên thực tế kế hoạch này là dự án đầu tiên về bom nguyên tử. Người đến trước của quả bom bốn tấn ruồi là “Little Boy” đã được mở rộng ở Nhật bằng một vụ ném bom B-29 mang tên Enola Gay.

Trong suốt quá trình chế tạo bom, chiếc máy chế tạo được Peierls và Frisch gọi là “bộ phận khởi động” hay còn gọi là “súng có Uranium”. Việc phát nổ có thể là do sự tiếp giáp nhanh bên trong của xilanh với hai khối Uranium đặt ở phần cuối được gọi là “đạn” và “bia”, nó sẽ sinh ra phản ứng dây chuyền. Uranium được sử dụng không phải là loại Uranium được tìm thấy trong trạng thái tự nhiên mà ở dạng đồng vị của U 235, chỉ có 71% quặng tự nhiên. Các nhà nghiên cứu xác định rằng Uranium là tác nhân tích cực cho việc phân hạch nguyên tử và không chỉ loại Uranium 238 chứa 99,28% là quặng. Đồng vị tự nhiên thứ ba, Uranium 234 chứa 6% quặng và gây ra tác dụng không đáng kể. Peierls và Frisch đã nhận thấy rằng, điều kiện đầu tiên phải hoàn thành khi chế tạo một quả bom A là phải tra cứu thông tin của một cuốn sách viết về Uranium 235. Từ Uranium tự nhiên có chứa một số lượng không đáng kể trong quặng Urani và trong một số quặng quý hiếm khác. Điều đó tạo nên một sự sáng tạo trong quyết định về những đánh giá trước đây, được ước lượng bằng một khối lượng lớn Uranium cần thiết để chế tạo một quả bom nguyên tử. Nó đã tạo nên sự ảo tưởng về một loại bom có thể chuyên chở được. Peierls và Frisch đã tính toán rằng, với những phương pháp thích hợp được rút ra từ một cuốn sách viết về Uranium 235 có thể là một vụ áp-phe trong nhiều tuần liền, trong khi đó bom A đã được sản xuất theo dây chuyền. Uranium có thể phân hạch cao phải được bảo quản trong các lô để gia công và có thể được tập hợp dưới dạng hàng loạt những quyết định.

Ở thời kỳ này, một lần nữa chúng ta hãy dựa vào bức thông điệp Spravka của NKVD. Đặc biệt ở thời kỳ mà vẫn còn mờ mịt về “tốc độ tối thiểu một chuyển động của vụ nổ lớn với 6.000 pied/giây”. Giá trị 6.000 pied/giây là sự đánh giá ban đầu về tốc độ mà hai liều thuốc súng có Uranium được tập hợp thành “sự chuyển động liên quan”. Bức Spravka chỉ rõ rằng, với cùng tốc độ tối thiểu thì “sức mạnh của vụ nổ sẽ không thể đo được là nó có mạnh hơn vụ nổ bình thường không”. Vụ nổ có thể xảy ra sớm, có nghĩa là quả bom và môi trường xung quanh lúc đó có thể bị nổ tung lên.

Bức Spravka sử dụng một vài thuật ngữ về vật lý nguyên tử, theo những dự báo trong tương lai thì phải kiểm tra lại: một loạt các nhận định, thuật ngữ “cross section”, sự phân hạch. Thuật ngữ đầu tiên được Peierls đưa vào để chỉ số lượng Uranium cần thiết sinh ra một phản ứng dây chuyền. Bất kỳ khối lượng Uranium nào dôi trên neutron đều không nổ mạnh, bởi vì bề mặt của nó rộng so với khối lượng. Một số lượng lớn neutron được giải phóng bởi sự phân hạch có thể không va chạm với hạt nhân khác trước khi nó bắn trúng bề mặt và thoát khỏi khối lượng đó. Khi bề mặt giảm so với khối lượng, nghĩa là khối lượng nặng, những neutron được sinh ra ở bên trong dễ va chạm với các hạt nhân trước khi những hạt nhân này tỏa ra, nó làm tăng thêm khả năng của một phản ứng dây chuyền có thể gây nổ. Chính khối lượng này được gọi là khối lượng tới hạn.

Số lượng neutron “Fuyard” có thể giảm ở mức độ tối thiểu nếu người ta cắt một khối lượng Uranium trong một chiếc thùng bằng thép hay bằng chì mà ta vẫn gọi là “phương tiện bảo vệ”. Những neutron thoát ra khỏi bề mặt lại gây ra phản ứng với lớp bảo vệ này về phía trung tâm nên có rất nhiều cơ may để tạo thành một khối lượng giới hạn từ một “khối” nhỏ hơn. Một lớp bảo vệ bằng nước trong, nước đục hay cacbon dưới dạng nguyên chất có thể được sử dụng để cho phản ứng chậm lại hoặc làm giảm bớt. Sử dụng một “điều hòa” là quyết định quan trọng để kiểm tra sự phân hạch nguyên tử và để gây nên một vụ nổ, hoặc một số lượng lớn năng lượng, một quả bom, một nồi hơi, thậm chí một vụ nổ nguyên tử hay một trung tâm nguyên tử.

Khái niệm cross section có ý nghĩa rằng tất cả các hạt nhân được giấu trong một neutron thì không nhất thiết phải phân hạch. Trong một số trường hợp, nó phải hút về phía nó hay phải đẩy hoặc phân giải nó. Khả năng thực hiện của mỗi quá trình trong ba quá trình này, sự phân hạch, sự hút hay phân giải những neutron - được biết đến dưới cái tên gọi là Cross section. Cross section của một hạt nhân nguyên tử sẽ khác theo các nguyên tố, theo các đồng vị và theo tốc độ của các neutron. Được biểu thị theo phân số của centimét vuông, nó có thể được đánh giá như là tầm quan trọng của mục tiêu bên trong từ kích thước bên ngoài. Rộng hơn là mục



đích, rộng hơn là sự tiềm tàng và nó nhỏ hơn khi nó được thu nhỏ.

Bức Spravka còn chỉ ra rằng những người Anh cũng vẫn chưa đo được Cross section của Uranium 235 để phân hạch bởi lectơlông nhanh. Một trong những lý do trong chuyện này là những người thí nghiệm đặc biệt chỉ ném bom có lectơlông chậm của Uranium 238. Một lý do khác là: số lượng Uranium 235 cho các cuộc thí nghiệm là đông đủ. Nhưng bản báo cáo đưa ra với lý do và giả thiết rằng, Cross section của Uranium 235 để phân hạch bởi các nguyên tử nhanh có thể không khác, về mặt ý nghĩa, với Uranium tự nhiên. Frisch đã nhấn mạnh đến việc sử dụng những neutron nhanh với Uranium 235 duy nhất như là một sự xây dựng lý luận. Đó là một giả thiết chưa được thẩm định dẫn đến việc “súng có Uranium”.

Việc tách Uranium 235 ra khỏi Uranium tự nhiên là khâu kỹ thuật cuối cùng mà chúng ta xem xét. Bốn phương pháp đã được đưa vào vận hành là: nhiệt năng, điện từ, quay ly tâm và dùng gaz. Phương pháp cuối cùng này, được gọi là “sự khuếch tán”, ít nhiều phụ thuộc vào trọng lượng của Uranium 235 so với Uranium 238. Khi chuyển đổi Uranium bằng gaz, hexafluorure từ Uranium và kiểm tra nó, người ta đạt được một hỗn hợp có chứa một tỷ lệ Uranium 235 lớn hơn, nhẹ hơn và “rây” hơn Uranium tự nhiên. Nhưng loại “Uranium làm giàu” này thì không dễ dàng đạt được: loại gaz được mang tên “hex” thì rất khó điều khiển và kiểm tra việc chế tạo nó cũng rất khó. Người ta đã bắt đầu bằng việc chuyển những cái rây nhỏ mịn và cho qua nước của Seltz bay hơi cho đến khi đạt được loại gaz “hex” với số lượng nhỏ. Người ta tưởng tượng nó như một nhà bếp! Nhưng rất nhanh, người ta đã mở rộng những phương pháp tinh luyện từ việc khuếch tán của “hex” qua một số lượng lớn bộ lọc bằng kim loại hay nhiều “lớp”, từ quá trình có hai mươi lớp mà Matxcova đã báo hiệu. Tất nhiên để đạt được số lượng Uranium làm giàu được đánh giá cao như vậy, số lượng hệ thống bộ lọc phải được vận hành hàng nghìn lần; trong thời gian hoạt động, khí gaz phải được chuyển sang trạng thái rắn. Những vấn đề kỹ thuật mà một nhà bình luận đã viết: “chúng được coi như không thể vượt qua được và không một chút nào hướng về chiến tranh”.

Rõ ràng là cùng một cách pha trộn Uranium có chứa mười lần tỷ lệ bình thường từ Uranium 235 không giàu lắm để chế tạo bom. Frisch đã thành công khi xây dựng rằng, chỉ cần đồng vị nguyên chất cũng làm nên chuyện. Bản báo cáo từ Luân Đôn đến Matxcova trước khi những lập luận chung chưa được khẳng định. Bây giờ chúng ta đã biết rằng chính Frisch và Peierls là những người có lý, thậm chí Uranium 235 không thể thực hiện được ở trạng thái nguyên chất. Tuy nhiên một sự pha trộn đạt được 90% hẳn là đủ.

Chúng ta hãy quay trở lại với Giác thư của họ. Trong phần thứ hai, ông đã xem xét đến những tác dụng có thể đoán trước được của loại vũ khí mới này. Loại bom có chứa Uranium 235, được hai nhà bác học viết, có thể là điều mà “người ta không cưỡng lại nổi” và nó có khả năng phá hủy bất kỳ nơi nào và sự tăng lực nào. Đôi khi mục đích của nó có thể là không hủy diệt nhiều người dân khi chất phóng xạ lan ra. Những nhà bác học đã chỉ ra rằng, nước Đức đã làm việc trên một loại bom có cùng trật tự và họ đã ngăn ngừa rằng có thể sẽ không ai thắng nổi ông Reich III nếu dự án đó thành công. Ngay khi đó họ nói tiếp rằng, lời khuyên can duy nhất có hiệu quả trái ngược với Wechrmacht, sẽ là sự đe dọa việc sử dụng chống lại ông với cùng loại vũ khí. Thậm chí, trong Giác thư năm 1940 của họ, Peierls và Frisch đã báo trước về sự chạm trán của các cường quốc sau chiến tranh. Nó sẽ không phải là Anh với Đức mà có thể sẽ là Mỹ với Liên bang Xôviết, có nguy cơ qua lại lẫn nhau. Chúng ta đã gọi điều đó là MAD (Mutually Assured Destruction).

Giác thư Peierls-Frisch đã mang lại điều tốt cho cơ quan, biết được quy chế của bí mật quốc gia và ông Maud Committee đã cho bắt đầu những cuộc thảo luận mà Peierls và Frisch, do là những người nước ngoài, đã bị khai trừ trước tiên. Sau khi đã hoàn thành bản báo cáo của ông năm 1941, Maud đã gia hạn những cuộc họp của ông để phân công hoạt động của ông một cách dứt khoát vào cuối năm. Để không làm mất ảnh hưởng của ông. Theo lịch sử chính thức của Cơ quan Năng lượng nguyên tử Anh, một thời gian quý giá có thể đã mất, không có những hoạt động của Maud, có thể một vài tháng nhưng nó mang tính quyết định. Bản báo cáo của Maud đã thúc mau những diễn tiến, những điều mà ông phải thực hiện về loại bom này trước khi chiến tranh kết thúc. Trong những giai đoạn tiếp theo, ông đã tiến xa hơn cả Hankey ở Bộ Chiến tranh, sau đó là Churchill và cuối cùng là Roosevelt.

Thậm chí trước khi Thủ tướng Anh và Tổng thống Mỹ được biết về sự phát triển cuối cùng của sự việc này, những tài liệu đã được gửi đến Trung tâm của NKVD ở Maxcova. Cứ như là Loubianka đã có mặt trong danh sách những đối tác bí mật nhất của Chính phủ Anh, trong một trường hợp nào đó, nó là điều thực tế.



# SỰ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI MỸ

Những bản báo cáo từ Luân Đôn được gửi về không ngừng. Chắc chắn nó sẽ kỹ thuật hơn những bản báo cáo ban đầu, nhưng sau chuyến bay của chúng tôi về lĩnh vực vật lý nguyên tử, hẳn là nó đã không đặt ra những vấn đề đối với độc giả.

“Cực kỳ bí mật

Bản báo cáo số 7073, 7081/1096 ngày 3 tháng 10 năm 1941 từ Luân Đôn.

Vadim thông báo cho chúng tôi về một bản báo cáo từ Liszt, đệ trình ở văn phòng chiến tranh ngày 24 tháng 9 năm 1941, về những dự án của Ủy ban Uranium.

Bản báo cáo đề cập đến những vấn đề sau:

Việc tính toán tốc độ tới hạn phụ thuộc vào chất mà người ta tạo nên từ Cross section của sự phân hạch nguyên tử của Uranium 235. Người ta nghĩ rằng tốc độ tới hạn nằm ở trong khoảng từ mười và bốn mươi kilôgam. Người ta đã tạo được số lượng này bằng việc dựa vào những thông tin có liên quan về những đặc tính của Uranium 235 và phản ứng xảy ra giữa những neutron nhanh với những nguyên tử hạt nhân của các nguyên tố khác.

Hãng hóa chất công nghiệp Imperial đang tung ra chiến dịch sản xuất chất hexafluorure từ Uranium. Công ty này đã sản xuất được ba kilôgam chất này. Việc sản xuất F235 được tiến hành thông qua việc khếch tán hexafluorure từ Uranium ở trạng thái gaz qua một loạt những lá mỏng hay lưới sắt cực kỳ mỏng.

Việc xây dựng nhà máy ngăn cách này đã đặt ra những vấn đề lớn sau đây:

1. Hexafluorure từ Uranium phá hủy hệ thống dầu bôi trơn. Trong khi đó những chất bôi trơn đặc biệt này phải được lọc. Thậm chí trong trường hợp này, cần phải bố trí những nắp đậy kín gaz.

2. Hexafluorure từ Uranium tự biến đổi trước hơi nước. Thậm chí khi tiếp xúc với độ ẩm, hexafluorure từ Uranium có phản ứng ăn mòn những thiết bị.

Spravka liệt kê những vấn đề khác nữa trước khi kết luận:

Người ta nghĩ rằng nhà máy này sẽ cần đến mười chín nghìn thiết bị máy móc của mười tầng, chính vì vậy diện tích bề mặt của nhà máy phải được mở ra hàng vài chục héc ta.

Số lượng tổng thể của hexafluorure từ Uranium có thể không vượt qua con số nửa tấn mỗi ngày. Vả lại, lĩnh vực hóa học của nhà máy có thể chỉ chiếm một phần nhỏ.

Cần phải nhắc lại rằng, tác hại của bom nguyên tử trong việc phá hoại là đáng kể, bầu khí ở nơi phát ra vụ nổ sẽ đầy tràn những phóng xạ, nó có thể phá hủy cuộc sống bình thường của những nơi xung quanh.

Potapova”.

Tất nhiên là bản báo cáo cuối cùng của Ủy ban Hankey ra đời ngay hôm sau bản báo cáo này. Kết luận về vấn đề này là, dự án bom có Uranium phải được đưa vào xưởng ngay lập tức, với mục tiêu hoàn thành việc chế tạo nó trong khoảng thời gian từ hai đến năm năm, giả thiết cuối cùng này có vẻ như mang tính hiện thực hơn cả. “Tất cả phải được tiến hành - bản báo cáo của SAC đã nói như vậy - cần phải tăng tốc những công việc để chúng hoàn thành càng nhanh càng tốt”. Bản báo cáo xác định những nhiệm vụ tức khắc, chẳng hạn như đo Cross section của Uranium 235, đồng thời gợi ý rằng, một “nhà máy phi công” được xây dựng là dấu hiệu báo trước của một nhà máy chính sẽ thích hợp hơn với những kết quả nghiên cứu mới nhất. SAC yêu cầu sự hợp tác của Canada và Mỹ. Tất cả đều chỉ rằng Chính phủ Vương quốc Anh có thể sẽ duy trì việc kiểm tra việc nghiên cứu trong nước. Tất nhiên bom là của người Anh. Chúng ta có thể khẳng định rằng NKVD đã chiếm đoạt được bản báo cáo này, thậm chí nó không có mặt trong số những tài liệu hiện nay mà được SRE, Cơ quan kế nhiệm của NKVD “giải phóng”.

Vào tháng 11, có một bức điện từ Luân Đôn gửi đến và thông báo về những tiến triển mới

trong kế hoạch dự án bom nguyên tử: Anh cần có một Hội đồng Tài chính và đã cầu viện đến sự đóng góp của Mỹ trong việc sản xuất bom. Tổng thống Roosevelt đã bảo lãnh những trao đổi thông tin khoa học và kỹ thuật với Anh và gửi cho Thủ tướng Anh Churchill một bức điện cá nhân nói rằng tất cả những cố gắng trong dự án quan trọng này đã được tiến hành và đều đặt vào lợi ích chung.

Tổng thống Mỹ đã để mắt đến vấn đề vũ khí nguyên tử từ tháng 10 năm 1939, cái ngày mà người bạn của ông là nhà kinh tế Alexander Sachs đã đến thăm ông ở Nhà Trắng và đã khẳng định với ông về sự xuất hiện “một loại bom có sức mạnh và tầm xa kỳ lạ”. Ông Sachs là người mang bức thư của nhà bác học Albert Einstein đến cho Tổng thống. Có thể nhà bác học lỗi lạc này đã gợi ý với Chính phủ Mỹ hãy đề phòng với nguồn Uranium của họ và nghiên cứu sâu hơn về vật lý nguyên tử, đồng thời báo về những kết quả nghiên cứu về lĩnh vực này. Dù sao cũng phải thừa nhận rằng, những thí nghiệm thu được từ Uranium tự nhiên, Einstein cho rằng loại bom mới này thì quá to để chở bằng máy bay, chỉ có thể dẫn tới biển xanh của những cảng nước khác. Nhà bác học này đã đưa ra kết luận và nhắc lại rằng, nếu nước Đức đã gia hạn bán vũ khí cho Tiệp Khắc thì hẳn là họ đã có những kinh nghiệm riêng về lĩnh vực nguyên tử.

Khi đối mặt với nguy hiểm này, Roosevelt phản ứng ngay lập tức bằng việc mời Viện Hàn lâm khoa học Quốc gia thành lập một Ủy ban cố vấn về Uranium. Ủy ban này được thành lập nhưng đi vào hoạt động rất chậm chạp; năm sau lại thành lập một Ủy ban Nghiên cứu về quốc phòng thay thế ủy ban này, với người đứng đầu là ông Vannevar Bush. Ủy ban này cũng nhận một loạt các nghị sĩ, đến nỗi mà tháng 10 năm 1941, trong những kết luận của Maud đã chỉnh sửa những giả thiết của nhà bác học Einstein về kích thước của bom và dự báo rằng kích thước của bom đã giảm để có thể vận chuyển bằng máy bay, Roosevelt đã thay thế bằng một Tập đoàn cao cấp về chính trị dưới sự chỉ đạo riêng của ông ta. Một trong những quyền ưu tiên của ông là học người Anh nhiều hơn nữa và làm cho người Mỹ không còn cái đuôi ở “mẫu quốc”.

Trước bản báo cáo của Maud, sự tiến hành của Mỹ về bom A diễn ra song song với sự tiến hành ở Anh. Những nhà bác học lớn bị Hitler trục xuất khỏi Châu Âu như Mussolini - Einstein, Leo Szilard, Edward Teller, Hanh Bethe, Enrico Fermi và một số nhà bác học khác đã sát nhập vào những trường đại học và họ tự biết những công việc của người này hay người khác. Ý thức được hậu quả không tránh khỏi về mặt quân sự trong việc này, họ đòi hỏi được sự ủng hộ của Chính phủ. Sự hợp tác giữa Anh và Mỹ rất thân mật nhưng không phải lúc nào cả hai nước đều mong muốn điều đó. Sau bản báo cáo của Maud, với sức mạnh tuyệt vời về kinh tế và kỹ thuật của mình, Mỹ muốn tiến xa hơn nữa trong chiến tranh Châu Âu và bắt đầu vượt lên trước Anh trong lĩnh vực nghiên cứu “chất nổ”.

Ở phòng thí nghiệm về luyện kim của Đại học Chicago, ông Enrico Fermi và nhóm nghiên cứu của ông đã đặt một đồng Uranium - cacbon thiên nhiên đủ để họ có thể đạt được một phản ứng dây chuyền được kiểm tra vào cuối năm 1942. Ở Đại học California, ở Berkeley, Glenn Seaborg và nhóm nghiên cứu của ông đã mô tả được những nguyên tử nhân tạo có nguồn gốc từ Uranium được gọi là “chất sinh ra trong lò phản ứng hạt nhân” như: neptunium (nguyên tử 93) và plutonium (nguyên tử 94). Họ đã thừa nhận rằng nguyên tử của plutonium bị vỡ một cách dễ dàng dưới sự oanh tạc của các neutron chậm, nó được phát hiện và báo trước phạm trù thứ hai của bom A, loại bom có plutonium, thậm chí loại bom này còn được gọi với cái tên “người đàn ông béo”, nó đã hủy diệt thành phố Nagasaki của Nhật.

Tôi đã làm trước một chút. Chúng ta hãy quay trở lại bức điện hồi tháng 11 năm 1941. Nó được gửi cho Viktor, có nghĩa là gửi cho Pavel Fitine, người đứng đầu Phòng đối ngoại của NKVD từ năm 1939. Được coi như một bậc trí thức, ông được biết đến bởi sự phán đoán chín chắn và sự suy nghĩ kỹ càng của ông. Về những vấn đề có liên quan đến bom nguyên tử, ông đã tham khảo ý kiến của ông Leonid Kvasnikov, bí danh của Anton, người đã lãnh đạo một Cơ quan Khoa học Kỹ thuật nhỏ ở bên trong của NKVD (ở Nga còn gọi là Cơ quan Khoa học và Công nghệ NTR). Trên thực tế, chính Kvasnikov là người đầu tiên báo cho Cơ quan đặc biệt này biết về vấn đề quan trọng của vật lý nguyên tử.

Năm 1940, xông lên thẳng những địa danh nổi tiếng có những sự kiện xảy ra, Kvasnikov gửi những bức điện cho các cơ quan “trụ sở” trong nước những nghiên cứu mới về vật lý nguyên

tử. Trong những bức công điện đặc biệt được lưu giữ trong hồ sơ của KGB, ông đã dẫn dò các bậc thầy trong ngành tình báo được cài lên vào các phòng thí nghiệm và đưa tin về những gì đã diễn ra. Ông đã cung cấp những hướng dẫn chính xác về loại tin cần lấy, đồng thời dựa vào những bản tóm tắt khoa học đã đọc được ở các quảng cáo của nước ngoài. Khi mà phần lớn các nhà vật lý trên thế giới đã chứng tỏ sự rụt rè trong những tiên đoán của họ liên quan đến năng lượng nguyên tử, một số người nghĩ rằng đó là một vụ áp-phe trong tương lai gần. Kvasnikov, một nhà hóa học của tổ chức là như vậy. Ông lao vào con đường này một cách mãnh liệt, bằng chứng là nếu sự định hướng khoa học mà ông tham gia ở bên trong của NKVD được tiết lộ bằng việc trả tiền, và nó dẫn đến việc lãng phí thời gian và tiền của, nó có được những năng lượng có thể được sử dụng tốt hơn cho sự cần thiết của chiến tranh, thì hẳn là ông đã không có đường công danh trong cơ quan này. Nhưng bây giờ, sau một năm, những bản báo cáo đã xác minh những lời cảnh báo của ông, thậm chí nó còn được xem xét lại.

Cùng một lúc, hai bức điện rất có lợi đến từ Mỹ. Trong trường hợp này, người gửi là một người gốc Mỹ, một người bạn của Liên bang Xôviết. Bức điện đầu tiên thông báo rằng một trong những người bạn của ông được giới thiệu để đóng góp phần mình vào việc tìm kiếm những bí mật về vũ khí dựa trên năng lượng nguyên tử. Theo một bức điện khác, một người bạn cung cấp tin ở trong một phái đoàn được cử sang Anh hợp tác công việc để đưa bom A vào vận hành. Những mẫu tin nghe đồn này được viết một cách rõ ràng lên một bảng chung to. Fitine và Kvasnikov tin tưởng rằng, chương trình phối hợp Anh - Mỹ liên quan đến vấn đề bom nguyên tử là một điều hiển thực.

PHẦN II:  
NHỮNG NGUỒN GỐC CỦA PHÒNG THÍ  
NGHIỆM

# STALIN, CON NGƯỜI ĐA NGHỊ

Đối với Leonid Kvasnikov, người đứng đầu Cơ quan Khoa học và Kỹ thuật, và ông chủ của ông ta là Tướng Pavel Fitine, Trưởng phòng Phòng đối ngoại. Một điều chắc chắn rằng, người Anh và người Mỹ đã thực sự lao vào dự án bí mật để chế tạo một loại vũ khí chiến tranh với sức mạnh chưa từng có trước đây. Vấn đề không phải là một cấp thấp của tôn ti trật tự bảo vệ thông tin mới quan trọng này. Đã đến lúc phải đệ trình lên một người có quyền tối cao ở NKVD - Cục cảnh sát nhân dân[3].

Nhưng không thuộc về điều mà Cục Cảnh sát Nhân dân muốn. Người chịu trách nhiệm có khả năng và hiệu quả Lavrenti Beria, được biết đến với dáng vẻ nghi ngờ bên ngoài của ông, một con người tàn bạo như bao người đàn ông khác của Stalin. Nhưng ông khác ở những người khác - Molotov hay Malenkov - đó là sự thể hiện một nét mặt được kích lệ bởi sự say mê của ông chủ, một nét tính cách của Beria xuất hiện trên những nét khuôn mặt ông. Ông có đôi môi dày và cong vào, cái mũi vừa dài vừa to, cái trán hói và dốc tạo cho ông có dáng vẻ của một người thi hành và nó được củng cố thêm bởi cái nhìn lạnh lùng của đôi mắt đen sau cặp kính trề xuống tận mũi. Vào cuối năm 1941, ông đã có danh sách những người được lãnh thưởng lớn: ông đã quyết định cho người tiền nhiệm và đội của ông ký hàng trăm án tử hình, trong đó có cả mười lăm nghìn sĩ quan Ba Lan bị tàn sát ở Katyn, đuối hàng trăm nghìn người của vùng Baltes và Ba Lan ra khỏi gia đình và bắt đi đến các doanh trại ở Siberia, theo dõi vụ ám sát của Trotsky ở Mexico, đồng thời khuyên răn một hay hai nhà thơ trong nước. Chính quyền của ông mở rộng hoạt động tình báo cả bên trong lẫn bên ngoài, với một bộ máy kiểm soát hệ thống nhà tù và ở biên giới. Người ta cũng không tính đến những điểm cốt yếu của ông, với những sự ngây thơ trong vở kịch của một nữ diễn viên Balê thon thả với giọng hát tuyệt vời hay của Bolchoi, hay việc hàng trăm người bị bắt giữa thành phố và bị tổng lên xe. Nhưng người chỉ đường khôn ngoan và thông minh của nhân dân Xôviết như người ta đã gọi Stalin đã miễn cho ông những lỗi nhỏ này, với điều kiện là công việc luôn tin tưởng nơi ông.

Beria có thời gian rất lâu để thu hút sự chú ý của Stalin khi ông hoạt động trong ngành cảnh sát mật của Transcaucasie với những tên khác nhau như Tcheka, GPU, NKVD. Sau khi Stalin thống trị được chính quyền hoàn toàn, Beria đã trở thành người đại diện trong vùng, là người thầy và là “lãnh chúa” của những người dân ở Georgie, Arménie, Azerbaidjan. Năm 1935, ông đã trả nợ cho ông chủ của mình và xuất bản một cuốn sách có tên là Lịch sử những tổ chức Bolchevich ở Transcaucasie. Cuốn sách này được viết để chứng tỏ rằng, khi mà Lênin, từ nước ngoài, đã chuẩn bị cuộc đảo chính lật đổ Bolchevich tháng 10 năm 1917, Stalin cũng làm việc này ở nhà. Cả hai người này đều đồng nhất, họ là những người bạn chiến đấu vì lý do cách mạng. Tóm lại, như một biểu tượng đã nói, “Stalin chính là Lênin ngày nay”. Việc bóp méo lịch sử một cách thô thiển đã làm hài lòng nhiều ông chủ và nó đã được dùng làm nguyên mẫu cho một trào lưu văn học viết về tiểu sử của một vị thánh đang tràn ngập trong nước. Beria rất giỏi khi mang chiếc mũ ở nơi và vị trí của ông chủ ông, nó cũng chẳng mất vốn mất lãi gì đối với ông. Đó là một từ chỉ áp dụng cho Stalin, ít có dịp để hoàn thành những nhiệm vụ này. Vào năm 1938, Stalin đã đề bạt ông làm người đứng đầu của NKVD.

Beria đã nhận được bản báo cáo mà Anh và Mỹ đã làm việc liên quan đến một quả bom không thể tưởng tượng nổi và ông đã quyết định thông báo với Stalin về bản báo cáo này. Stalin và ông cũng là chỗ thân cận của nhau. Cả hai người đàn ông này đều nói cùng một thứ ngôn ngữ của vùng Georgie. Hoàn toàn hy sinh tận tụy cho Stalin, ông làm tròn tất cả những nhiệm vụ mà cấp trên giao cho. Điều đó nói lên rằng, ông biết rất chính xác những điệp viên tốt và trung thành cũng chẳng đáng là bao, nếu không muốn nói là không có gì. Ông làm điều ông cần và Stalin hoàn toàn có thể thanh toán người cuồng tín của ông, như là ông đã thanh toán những người tiền nhiệm của ông, không phải không vâng lời và cạnh tranh. Beria là người trung thành, bởi vì ông biết rằng, ngay ngày “thanh toán” thì có thể tỏ ra một chân trời.

Nếu người ta tin Nikita Khrouchtchev ở điều này, Beria hoàn toàn đồng ý với quan điểm của một Stalin bị hạ gục bởi bệnh chảy máu não, nhưng ông lại bị đau ở gối và đã nắm trong tay

mình một quyền lực khi người đàn ông này lấy lại bình tĩnh. Molotov đã khẳng định trong cuốn hồi ký của ông rằng, có thể Beria đã nói với những người bạn còn sống của Stalin rằng, ông ta đã “cứu vớt tất cả bọn họ” và nói cho họ biết rằng ông ta đã cứu Stalin khỏi chết, hay ít ra cũng hoãn được sự can thiệp của bác sĩ. Những tác giả gần đây nhất lại khẳng định rằng, Beria đã có ý định thay đổi chính sách mà Stalin đã thiết lập, đồng thời giải phóng chế độ, thống nhất lại hai miền Đông và Tây Đức sau khi nhà độc tài này chết. Nhưng ông ta đã phải đột ngột dừng những dự án khả thi này vì ông bị bắt vào tháng 6 năm 1953, ba tháng sau khi chìm trong sự chờ đợi. Vậy đâu là một phần sự thật trong việc tính toán này. Rõ ràng rằng, Beria biết rất rõ ông chủ của mình và tỏ cho ông ta biết một sự cẩn trọng đặc biệt trong những bản báo cáo với ông.

Vào một buổi tối của tháng 11 năm 1941, ông đi từ Loubianka đến Điện Kremlin. Stalin vẫn còn làm việc rất muộn và tất cả các sĩ quan của Matxcova cũng làm việc ở đó. Beria trèo lên tầng thứ hai và rất có thể ông được người bảo vệ hói đầu Alexandre Poskrebychev đưa vào phòng của Stalin một cách yên lặng trong sự ngự trị của ông chủ ở khắp mọi nơi. Văn phòng của ông Tổng Bí thư Đảng Cộng sản, Chủ tịch Hội đồng của Liên bang Xôviết, là một người trung thành và rất khiêm tốn, được bày biện trong không gian theo một phong cách nghiêm túc của Lenin: một căn phòng, một chiếc bàn dài trải khăn xanh và một chiếc bản đồ được treo trên tường cùng với một bức chân dung của Lenin. Tất cả những bức tường của các phòng trong Liên bang Xôviết đều được trang trí ảnh Lenin hoặc Stalin, đôi khi chỉ một mình Stalin. Điều mà Beria và Stalin nói trong suốt cuộc họp này, tất nhiên chỉ một mình họ và Poskrebychev biết, nhưng điều mà Beria đã nói với người khác thì đã được giữ tuyệt mật theo truyền thống của KGB. Kể từ đó ông có thể tạo dựng lại được bộ phim về cuộc họp này.

Stalin không nghe Beria nữa và bảo ông ta im, theo như thói quen của Stalin, ông thường giơ tay phải lên. Sau khi bỏ tay xuống ông nói:

— Hãy đợi một phút, Lavrenti. Những người Đức đang đứng trước Volokolamsk và anh, tôi kể cho anh nghe những câu chuyện lịch sử đáng buồn ngủ. Tôi không tin là anh có thể chiến thắng trong chiến tranh bởi vì tôi cũng chỉ biết vài nguyên tố hóa học mà thực tế không ai nhìn thấy bao giờ. Anh không có cảm giác rằng vấn đề ở đây là một sự phao tin đồn nhảm ư? Đối với tôi dường như họ đang cố gắng đánh lạc hướng các nhà bác học Xôviết trong công việc của họ về một loại vũ khí mới, làm mất cân bằng nền kinh tế và làm chệch hướng bộ máy công nghiệp của chúng tôi ra ngoài đường ray chiến tranh.

Khi bày tỏ sự nghi ngờ và lúng túng của mình với Cục Cảnh sát Nhân dân, có thể là do ý thức, ông nói thêm:

— Ông Lavrenti, tôi rất muốn biết, liệu theo luật tự nhiên có cho phép một vụ nổ với sức mạnh bằng hàng nghìn tấn TNT? Hãy gửi những tài liệu này cho những nhà bác học của tôi thẩm định.

Cuộc gặp gỡ đã kết thúc.

Stalin không quan tâm đến những nhà nghiên cứu bình thường làm việc trong viện nghiên cứu này hay viện nghiên cứu khác về sự lựa chọn hay khả năng tư vấn của họ, mà ông quan tâm đến những nhà bác học xuất thân từ những trại tập trung hay được tập hợp trong các nhà tù, nơi mà họ đã hoàn thành nhiệm vụ và công việc được nhà nước giao cho. Những nhà bác học này, một vài người trong số họ đã nổi danh trên toàn thế giới, đã bị nhốt trong những trại làm việc sau khi bị chứng minh là hoạt động gián điệp và phản bội. Nhưng, ngay khi bắt đầu chiến tranh, Stalin đã quyết định đơn vị tiềm lực của họ sẽ vượt qua những tội phạm nông cuồng này; ông đã kéo họ ra khỏi địa ngục để dùng họ “cho những viện nghiên cứu đặc biệt”, ở đó họ ăn mặc một cách cẩn thận, được nuôi nấng chu đáo và họ được trang bị từ những chiếc giường đến những chiếc ga trắng. Họ không phải là không có những người hầu, để làm việc nhiều giờ liền, ngày này qua ngày khác, tuần này qua tuần khác cho những dự án của chiến tranh. Một số thì say sưa với công việc nghiên cứu về kỹ thuật viết bằng mật mã, một số lại nghiên cứu về tàu ngầm nguyên tử, vũ khí sinh học thế hệ thứ ba. Họ được đặt tên là Charachka (có nghĩa là “nơi thủ đoạn”) chỉ những sử dụng mới của họ. Ở nước Nga Xôviết, thậm chí sự tồn tại của những nhà tù này được giữ bí mật một cách tuyệt đối. Những viện nghiên cứu được đặt ở

Matxcova, Bolchevo, Taganrog hay ở một nơi khác đều không được biết đến, kể cả những người chết hay những gia đình của những tù nhân. NKVD điều hành họ theo như sự phân chia đặc biệt của Goulag. Đến nỗi mà, khi Stalin ra lệnh cho Beria gọi “những chuyên gia khoa học của chúng tôi”, ông ta nghĩ ngay đến những người tù của Charachka.

Độc giả không ngừng tưởng tượng rằng, những nhà vật lý được tiếp xúc bởi Beria đã ở trong một tình huống khó xử nhất. Vấn đề của Stalin như một bài toán khó hiểu mà một ông vua trong truyện cổ tích phải phục tùng. Mặt khác nếu họ cung cấp những câu trả lời sai thì một viên đạn vào gáy là không thể thoát được, nếu những câu trả lời đúng thì họ sẽ được sống trong điều kiện tiện nghi tương đối. Những nhà vật lý của Charachka biết điều mà họ phải làm để được sống, qua đó họ rút ra một điều là “Có thể chế tạo được một quả bom chứa Uranium nhưng việc đó mất rất nhiều thời gian”.

Câu trả lời này đã cứu thoát họ ngay lập tức, nhưng nó có tác dụng gọi cho Beria trong một tình huống tương tự. Vào mùa xuân năm 1941, khi mà những điệp viên tình báo ở nước ngoài làm bản báo cáo về những chuẩn bị trong chiến tranh của Hitler, Stalin từ chối không tin vào những điều này, đồng thời ông còn nghi ngờ những phương tiện đã truyền những thông tin nhằm được lấy từ Anh, trái ngược với Đức quốc xã, những đồng minh mà ông hằng tin tưởng. Tất nhiên, Beria không tin tưởng ở bất kỳ ai, đó là nguyên tắc dưới chế độ của Stalin. Nhưng nếu những bản báo cáo về năng lượng nguyên tử là chính xác, điều đó sẽ rất nhanh, với những hậu quả thảm thương đồng thời đối với Nhà nước Xôviết, và đối với cả ông ta, Beria. Những điệp viên ở Luân Đôn cho ông ta biết rằng, người Anh đã lao vào việc chế tạo một loại bom có Uranium, những chuyên gia - tù nhân của ông đã nói với ông rằng việc đó sẽ mất nhiều thời gian. Vậy làm sao ông có thể giới thiệu thông tin không chắc chắn này với Stalin theo cách để tự bảo vệ ông?

Vậy là ông đã quyết định hỏi một nhà khoa học ở ngoài Charachka, Viện sĩ Hàn lâm Abram Ioffe, một nhà vật lý nổi tiếng nhất ở Liên bang Xôviết. Chính Ioffe đã chỉ đạo việc phân bố những viện nghiên cứu ở nhiều thành phố trong nước. Chúng được đặt tên là Viện Vật lý - Công nghệ (LPT), nơi đây đã đào tạo cả một thế hệ những nhà nghiên cứu nổi tiếng. Vậy Beria đã có lý khi nghĩ rằng, một người đàn ông như vậy thì không thể dẫn đến sai lầm được.

Nhưng Beria ý thức được sự phức tạp của khoa học và tính chính trị trong vấn đề này, ông đã tránh tất cả những câu trả lời liên quan đến vấn đề Charachka và cũng có thể là vấn đề khác ông không nói rằng ông sẽ có thể chế tạo được một quả bom nguyên tử, nhưng không phải không lâu. Ông nói rằng không thể chế tạo được bom - trong nhiều tháng chứ không phải ngay bây giờ. Ông nghĩ nhà máy cũng phải mất ít nhất là hai hoặc ba thập kỷ. Sự đánh giá bi quan này tuy nhiên vẫn còn lạc quan hơn những điều mà ông đã dự đoán hai năm trước đây: “Nếu bậc thầy trong công nghệ tên lửa - ông đã nói với một trong những đồng nghiệp của mình - là một vụ áp-phe của năm mươi năm tới, thì việc sử dụng năng lượng siêu nguyên tử lại là một vụ áp-phe của thế kỷ”.

Beria nói rằng, với câu trả lời của Ioffe, ông đã dự tính được thực tế và ông đã quay sang nhìn Stalin, người đang ở nhà của Kountsevo. Ông bắt đầu nhắc cuốn sách hướng dẫn lên theo thói quen:

— Ông đã có lý, ông bạn Stalin. Ông đã có lý khi nghi ngờ những dữ liệu trong bản báo cáo của Luân Đôn. Rất rõ ràng, đó không phải là một cái gì khác ngoài sự phao tin đồn nhằm mà những người Anh đã gửi cho chúng ta để buộc chúng ta vào cuộc một cách vô ích và không có mục đích.

— Vậy những nhà khoa học của chúng ta nói gì?

— Những nhà khoa học của chúng ta, ông bạn Stalin, họ không thấy gì xa hơn ngoài cái mũi của họ. Nhưng Viện sĩ Hàn lâm Ioffe cho tôi biết rằng, việc sử dụng Uranium cho những mục đích quân sự, hiện nay không có gì khác ngoài một ý kiến. Ông ta còn nói rằng, một thập kỷ là không đủ để chứng tỏ điều đó có thể làm được hay không và vũ khí nguyên tử hoàn toàn chỉ là một giả thiết. Nó có thể được chế tạo nhưng nó vẫn chưa có thực.

Stalin chìm trong yên lặng và rút ống tẩu ra. Ông nói rằng, lúc mà Hồng quân Liên Xô chịu



đừng hết đợt bại trận này đến đợt bại trận khác và lúc mà lực lượng của Đức quốc xã đang đứng trước cánh cửa của Matxcova, thì việc tiếp tế các phương tiện chiến tranh như máy bay, xe tăng và súng ra mặt trận là vấn đề khẩn cấp. Ông chấm dứt việc thảo luận về những bản báo cáo của tình báo nước ngoài.

— Đúng, ông Lavrenti, chúng ta không còn thời gian để nghĩ. Tôi không biết một loại bom siêu hạng nào. Nhưng hãy để mắt chú ý đấy.

Beria ra đi với niềm tin rằng, ông sẽ không làm phiền ông chủ trước khi có được những bằng chứng xác thực về vấn đề này. Trong lúc này đây, vấn đề khẩn cấp là không để bọn Đức quốc xã tràn vào Matxcova, và Hồng quân, với sự tăng cường từ Siberia sẽ có thể hoàn thành được nhiệm vụ này.

# NHÀ BÁC HỌC - ĐIỆN VIÊN

Mặc dù việc đó có làm hài lòng hay không thì vấn đề bom nguyên tử vẫn còn đó. Cuối năm 1941, Liên bang Xôviết đã thuê một trong những điện viên hiệu quả nhất về vấn đề thám tử nguyên tử. Không chỉ đơn giản là một điện viên chỉ biết quan sát những chuyện bên ngoài, mà còn là một nhà khoa học bên trong, hoàn toàn liên quan đến việc chế tạo của một chiếc máy khổng lồ.

Chính vào tháng 9 năm 1933, một sinh viên trẻ và là nhà quân sự chính trị của Đại học Leipzig và Kiel, thoát khỏi chế độ của Đức quốc xã Hitler đến Anh. Những người bạn trong Đảng Cộng sản Đức của anh giấu điều nguy hiểm này và một ngày nào đó họ mời anh đóng vai một nhà lỗi lạc trong việc xây dựng Đảng Cộng sản Đức, đồng thời cung cấp cho anh những phương cách trốn thoát, nhưng vẫn còn một điều gì đó chưa biết. Đến từ Douvre với một boc quần áo, không tiền, không biết tiếng Anh nhưng anh ta vẫn thành công, nhờ sự giúp đỡ của một người hàng xóm, anh gặp gỡ với một nhà công nghiệp giàu có tên là Ronald Gunn. Là “Người bạn đường” của những người cộng sản và một người bạn của Liên bang Xôviết. Gunn đã cho anh tạm trú ở nhà ông ta và bảo lãnh cho anh ta với ông Nevill Mott, Giáo sư vật lý của Đại học Bistol, trường này được trợ cấp bởi gia đình bà Gunn. Ông Mott, một thành viên của Hiệp hội quan hệ và hợp tác văn hóa với Xôviết, đã chia sẻ những quan điểm chính trị với ông Gunn; hơn nữa ông còn nói tiếng Đức và đã tiếp đón anh trong phòng thí nghiệm của những người lưu vong Đức của ông. Trong đó có cả ông Hans Bethe, người đáng lẽ phải trở thành Trưởng khoa lý thuyết của Đại học Los Alamos. Fuchs đã trở lại nhóm với danh nghĩa là một nhà nghiên cứu.

Trong suốt bốn năm tiếp theo, Fuchs đã tập trung vào nghiên cứu vật lý và tiếng Anh. Ông nổi danh nhờ cái vẻ thanh liêm và kín đáo tự nhiên của mình, đặc biệt là sự siêng năng trong công việc và khả năng về toán học. Gầy đét đeo một cặp kính, ít cởi mở, vụng về trước những sự thay đổi ngẫu nhiên trong cuộc sống thường ngày nhưng lại giỏi chuyên môn, ông cũng là một mẫu người cổ điển của nhà bác học. Ông đã có được bằng tiến sĩ vào cuối năm 1936 và vào Đại học Édimbourg làm việc dưới sự chỉ đạo của ông Max Born, một trong những nhà vật lý nổi tiếng nhất của thời kỳ này. Chính nhờ đối tác - môn đệ của ông ta mà ông đã bắt đầu cho đăng tải những bản báo cáo khoa học gây được sự chú ý của các nhà vật lý khác, chẳng hạn như ông Rudolf Peierls. Thế là ông đã đi được chặng đường ba mươi năm.

Ở Anh, Fuchs không hề giữ bí mật những ý kiến về những người Cộng sản của ông. Cùng với ông Mott, ông thường xuyên đến những cuộc họp của Hiệp hội quan hệ và hợp tác văn hóa với Xôviết. Trong một số cuộc họp, những bản báo cáo phô trương của Xôviết được đạo diễn để trình bày và làm hài lòng những người tham dự. Nhân dịp những độc giả này làm tăng tính hiệu quả của vở kịch, Fuchs đã bỏ thói quen nhút nhát để đóng vai nhân vật Andrei Vychinski, một Chương lý tòa phúc thẩm của Liên bang Xôviết, mới hôm qua vẫn lên án những người đã từng là nhà lãnh đạo của Đảng và anh hùng nhân dân. Vai này ông đã đóng với sự “lạnh lùng độc ác mà tôi sẽ không bao giờ nghi ngờ rằng một thanh niên trẻ lại có thể bình tĩnh và kín đáo đến như vậy”, và ông Mott cũng phải công nhận như vậy. Ở Édimbourg, ông tiếp tục tham gia vào Hiệp hội quan hệ và hợp tác văn hóa với Xôviết và tổ chức một Ủy ban hành động chống phát xít cùng với ông Hans Kellermann, một nhà vật lý khác của Đức cùng trường đại học. Những hoạt động của ông không thu hút được sự chú ý đặc biệt và nó cũng không phải là hoạt động mang tính căn bản của thời gian này và nơi này.

Từ một cách ít gây ấn tượng, Fuchs là thành viên bí mật của Đảng Cộng sản Đức mà không bao giờ thông báo điều này cho những người bạn mới của ông biết. Ngoài những ngày lưu trú ở Anh và giữ liên lạc với Đảng, ông còn gặp gỡ ông Jurgen Kuczynski, một nhà Cộng sản Đức gốc Ba Lan, thông qua trung gian mà ông đã gửi được những bản truyền đơn về Đức. Kuczynski, một con người đầy tài năng và phương tiện hành động, đã duy trì những liên lạc với Đảng Cộng sản Đức, Đảng Cộng sản Anh, một cánh tả của Đảng Lao động, một sự đối lập của tổ chức “những người biên giới” và nhiều nhân vật quan trọng ở Matxcova. Fuchs đã biết điều đó

từ khi ông làm việc ở một trường đại học của Đức.

Vào tháng 8 năm 1939, Fuchs nài xin Văn phòng gia đình cho ông được là công dân Anh. Cũng trong tháng này, Đức quốc xã và Liên bang Xôviết đã ký một Hiệp ước không xâm lược, Hiệp ước Molotov - Ribbentrop nổi tiếng này đã gây ra sự lầm lẫn, sự rối loạn tinh thần, việc kiểm tra gây sự chia rẽ trong nội bộ những người Cộng sản và những người “bạn đường”. Nếu người ta tin điều đó là sự thú nhận của ông vào năm 1950, thì Fuchs đã chứng tỏ những nghi ngờ đầu tiên của ông về chính sách đối ngoại của Xôviết, nhưng cuối cùng ông cũng đã chấp nhận rằng, “những nghi ngờ của tôi là sai lầm và Đảng đã có lý”. Một tháng sau đó, được đảm bảo về sự trung lập của Xôviết, Đức đã tấn công Ba Lan, Anh cũng tuyên chiến với họ. Bảy mươi nghìn người Đức và Áo ở Anh, trong đó có Fuchs được coi là những kẻ thù nước ngoài. Vào tháng 5 năm sau đó, ông đã bị nhốt vào trại tập trung ở đảo Man, rồi lại được chuyển về trại của Sherbrooke ở Québec. Vào tháng 12, ông được trả tự do và trở về Anh, ở đây sự nghiệp của ông nổi lên nhanh chóng.

Vào đầu năm 1940, Otto Frisch rời Đại học Birmingham đến Liverpool để truyền giao những kinh nghiệm của ông về Plutonium, cùng với sự hợp tác của ông James Chadwick. Sự hợp tác nổi tiếng Peierls - Frisch đã bị cắt đứt, Peierls nghĩ đến Klaus Fuchs, người mà ông đã nhiều lần gặp ở Đại học Édimbourg và là người mà ông đã đọc những bản báo cáo khoa học được viết với sự hợp tác của ông Born. Có sự cho phép của Cơ quan Tình báo trong đó và Peierls đã yêu cầu Born và Mott những ưu tiên dành cho ông Fuchs. Trong thời gian này, chính ông Peierls cũng là người lưu vong và đã có được quốc tịch Anh, từ việc này, một sự tiếp xúc không hạn chế với thế giới bí mật của việc nghiên cứu nguyên tử ở Anh. Phòng thí nghiệm Đại học Birmingham của ông đã trở thành một bộ phận tất yếu trong dự án bom A của Anh, nó được mang bí danh là “Tube Alloys”. Nhưng trong hồ sơ của Fuchs còn có hai cuốn sách tham khảo: cuốn thứ nhất ghi năm 1934, xuất phát từ lãnh sự quán của Đức và liên quan đến những nhà Cộng sản trước đây của họ; cuốn thứ hai là một lời xác nhận về bản báo cáo này của MI5 (Cơ quan An ninh thuộc Cục Tình báo Quốc phòng Anh) đã dựa theo lời khai của một người lưu vong. Trong chốc lát Đức và Liên bang Xôviết đã trở thành đồng minh của nhau, Fuchs có thể được coi là người đại diện chính đáng. Nhưng những lời đảm bảo trong phạm vi lớn, sức mạnh trong việc chống phát xít và lợi ích của họ trong việc tham gia vào một chương trình quân sự quan trọng dựa vào lượng dự bị có thể kế tiếp chủ nghĩa Cộng sản của họ. Tháng 6 năm 1941, thậm chí biết trước được công việc đang đợi ông, Fuchs đã có được hệ số thanh thải, sự cho phép an toàn. Chính ông đã gửi cho Cơ quan Hành động mật của Anh (Nguyên tắc về bí mật quốc gia) lời tuyên thệ trung thành.

Công việc thuận cho Fuchs, một điều chính xác rằng SAC đã dành ưu tiên đặc biệt cho ông: Việc tính toán về khối lượng tới hạn của Uranium 235. Fuchs đã giải quyết hoàn toàn vấn đề tách đồng vị của Uranium bằng phương pháp khuếch tán ga, quá trình này đã được chuyên môn hóa. Ông vừa thâm nhập vào một lĩnh vực ít được biết đến mà Đức quốc xã đã sử dụng để tấn công Xôviết. Fuchs nhanh chóng đưa ra quyết định của mình.

Việc chế tạo bom nguyên tử, ông đã nói, có thể sẽ quay sang chống lại Xôviết. “Trong thời kỳ này - ông đã giải thích trong lời thú nhận của mình - tôi hoàn toàn tin tưởng vào chính sách của Xôviết, và tôi nghĩ rằng, những đồng minh phương Tây đã suy nghĩ và cân nhắc khi để cho Nga và Đức chiến tranh không khoan nhượng với nhau cho đến lúc chết. Tôi không có ít nhất một do dự nào khi giao tất cả những thông tin cho người quản lý của tôi, thậm chí, một cách ngẫu nhiên, tôi đã cố gắng tập trung vào những thông tin liên quan đến những kết quả trong công việc riêng của tôi”. Thậm chí ông đã đánh máy những bản báo cáo hàng tháng của ông với bản sao bằng giấy than của ông Peierls, người mà ông đã đến ở và cả bản sao về lần gặp gỡ với Xôviết của ông khi tung tích chưa được biết đến.

Trong một cuộc phỏng vấn của hãng sản xuất phim Đức Joachim Helvig từ những năm tám mươi và đã được xuất bản (bằng tiếng Nga) năm 1991, Fuchs đã giải thích về việc ông đã bắt đầu như thế nào:

“Khi tôi bắt đầu làm việc về những vấn đề của một phản ứng dây chuyền Uranium - Nơtron, một điều hiển nhiên đối với tôi là những cuộc thí nghiệm này có thể đã đánh dấu một bước

ngoặt và một cuộc cách mạng trong công nghệ hiện đại. Trước khi có được niềm tin này, tôi đã gặp một người bạn Anh nào đó vào cuối năm 1941 trong một trong những dịp tôi đi du lịch ở Luân Đôn, một người bạn mà tôi chắc chắn rằng ông ta cũng có được những thông tin của những nhà lãnh đạo Xôviết, những thông tin mà tôi cũng có. Tôi đã biết ông ta một cách rất chung chung, theo bản chất những thông tin của tôi, tôi đã trở lại Trường Đại học Birmingham.

Trong chuyến du lịch tiếp theo của tôi ở Luân Đôn, người bạn này đã cho tôi địa chỉ của một người phụ nữ Luân Đôn mà tôi phải gặp trong một thời gian chính xác. Trong thời gian nào đó, địa chỉ ở Luân Đôn này đã trở thành nơi trú ngụ của tôi. Sau đó, một phương pháp tinh vi nhất đã được áp dụng cho những cuộc gặp này: đến giờ hẹn, tôi phải quay trở về nhà một người bạn, trong trường hợp này là một người phụ nữ. Chúng tôi đã thảo luận nhiều vấn đề và ấn định những cuộc hẹn mới, với những ký hiệu và dấu hiệu riêng...”

Từ “một người bạn nào đó” của Luân Đôn, một lần nữa không ai khác ngoài Jurgen Kuczynski. Trong những năm sau đó được đề bạt vội vã làm Giám đốc của Viện kinh tế và Viện hàn lâm Khoa học Đông Đức, ông đã nhớ lại những cuộc gặp gỡ của ông với ông Fuchs:

“Để bắt đầu, tôi đã cho ông ta tiếp xúc với một người bạn ở lãnh sự quán Xôviết nhưng sau đó cuộc tiếp xúc này đã bị hủy bỏ, tôi đã cho ông ta đi theo hướng “Sonia”. Vậy là hai lần liên tiếp tôi đã cho ông ta tiếp xúc với những người đại diện của Xôviết. Công việc mà ông ta làm là giữ những thông tin cũng như những điều quan trọng, người chỉ huy của ông ta đã quyết định giao những thông tin này cho Xôviết. Đó là điều mà tôi cảm thấy hoàn toàn đúng thậm chí còn cần thiết trong tình huống này nữa... Tôi luôn luôn đánh giá cao ông Klaus Fuchs không chỉ là một nhà Cộng sản mà còn là một nhân vật có tầm cỡ...”

Người bạn đầu tiên được Kuczynski giới thiệu cho ông ta là Semion Kremer, được coi như là thư ký của tùy viên quân sự Xôviết. Ông Fuchs chỉ biết ông ta dưới cái tên bí danh là “Alexandre”. Như là ông ta đã chỉ ra trong lời thú nhận của mình, người bạn (chỉ Kuczynski) “đã duy trì mối quan hệ thường xuyên với những nhân vật mà tôi hoàn toàn không biết, và trong đó tôi chỉ biết một điều duy nhất là họ đã truyền cho những nhà lãnh đạo Xôviết tất cả những thông tin mà tôi có thể đưa cho họ”.

Một cái tên vỏ bọc, khác với những bí danh khác, được sử dụng để trao đổi liên lạc và ít nhiều đã công khai. Đó là cái tên mà một phần ba trong số họ có thể đã nhìn thấy hoặc nghe thấy, nó được biết đến như một cái tên mà nó mang; khi mật danh chỉ được sử dụng để trao đổi bí mật thì chúng đã được mã hóa và có thể không được biết đến một cách thực thụ. Một cái tên vỏ bọc có thể là một cái tên bình thường và thực thụ, kiểu như “Sam”, khi mà mật danh, chúng ta đã nhìn thấy, có thể chỉ là một biệt hiệu hoặc là một cái gì đó hoàn toàn tưởng tượng như Orphelin, Demoiselle, v.v..

Việc Kremer sử dụng tên vỏ bọc suýt nữa đã làm hỏng nhiệm vụ của Fuchs. Đương nhiên Fuchs rất bí mật và lén lút, nhưng ông ta không biết những nguyên tắc của Konspiratsia. Sau cuộc gặp gỡ đầu tiên với “Alexandre” ở Kensington Palace Garden, nơi ở của Hyde Park, không xa lãnh sự quán của Xôviết. Fuchs đột nhiên có những nghi ngờ về chủ đề của người đối thoại với ông, và ngày lưu trú tiếp theo ở Luân Đôn vào tháng 12, ông đã trở lại lãnh sự quán để xác minh điều đó. Một điều hạnh phúc ngẫu nhiên, Kremer đang ở đó và đã dùng biện pháp để làm cho ông ta yên tâm, nhưng sáng kiến không suy nghĩ của Fuchs đã trở thành một sự vi phạm nghiêm trọng đến Konspiratsia. Chính bởi điều huyền diệu đó mà các nhà lãnh đạo Anh không phát hiện ra và không đặt ông dưới sự theo dõi. Cũng sự huyền diệu mà Kremer có thể bắt tay vào công việc sau khi tên phản bội Walter Krivitsky bị phỏng vấn bởi MI5 vào mùa thu năm 1940, đã xác định một cách quả quyết Fuchs là một tên gián điệp. Dù sao đi chăng nữa, sau điều sai lầm lớn của Fuchs, sự cẩn trọng đã được thắt chặt hơn. Hai người đàn ông này đã gặp gỡ nhau nhiều lần, trong những lần gặp này Fuchs thông báo cho Kremer rằng, một nhà máy tách đồng vị đã được xây dựng ở đất nước của Galle nằm ở phía Bắc, và người Mỹ đã hợp tác với Anh về dự án bom nguyên tử. Đối lại, ông đã lấy được những mưu mẹo của Kremer trong trò chơi của Cơ quan Tình báo với nhiều bí mật. Sau đó bộ hồ sơ đã được chuyển cho một sĩ quan tiếp xúc với gián điệp khác.

Người đàn ông mà Fuchs gọi là “một người bạn khác” và Kuczynski gọi là “Sonia” là chị gái

của Kuczynski, Ursula. Chính một người lính kỳ cựu được đào tạo ở Matxcova, và những người tiền nhiệm cũng cho biết rằng, Ursula, trong trường hợp này, cùng với nhân vật huyền thoại Richard Sorge đã hoạt động gián điệp ở Trung Quốc và Nga. Nghệ thuật truyền radio bí mật là khả năng riêng của bà ta. Khi đến Anh, bà ta đã qua nhiều trạm cảnh sát của TSF có trải thảm nhung và ghế thấp. Cưới một người chồng mang quốc tịch Anh Leon Beurton và bà được nhập quốc tịch Anh dưới cái tên của Len Brewer, bà cùng với một người con chuyển đến Kidlington với một cái tên khác là Mrs. Ruth Brewer. Chồng bà là một người có cảm tình với Đảng Cộng sản, đã ở lại Nga, nơi mà ông phải đối mặt với những vấn đề về thị thực nhập cảnh. Kidlington ở gần với Oxford và gần Birmingham hơn là Luân Đôn. Từ giữa năm 1942 đến năm 1943, Fuchs gặp Sonia thường xuyên ba hoặc bốn lần một tháng ở Banbury, nằm ở giữa đường của hai thành phố này. Trong một bộ phim tài liệu trên truyền hình có tên Bom Đỏ (1944), "Sonia Đỏ", đến nay Ruth Werner mới kể về những cuộc gặp gỡ bằng xe đạp ở những chỗ giao nhau trên con đường ở nông thôn.

Sonia nhắc lại rằng, chính Fuchs đã giao cho cô một quyển sách màu xanh có rất nhiều tài liệu khoa học, những tài liệu mà cô thường mang về nhà một cách kín đáo bằng xe đạp. Ở thời kỳ này, ông không hạn chế trong việc giao những bản báo cáo liên quan đến những hoạt động riêng của ông, nhưng ông đã thu tóm được những gì đã xảy ra thông qua ba trăm trang sách. Trở thành công dân của Anh vào tháng 6 năm 1942, ông đã có thể tiếp xúc với toàn bộ những tài liệu được xếp vào loại "top bí mật", trong đó bao gồm những bản báo cáo của điệp viên Paul Rosbaud, cũng hoạt động ở Đức, nghiên cứu về quân đội của Đức quốc xã. Những tài liệu này có thể là con đường cho những điệp viên khác.

Fuchs có thể hoàn toàn không biết rằng Jurgen, "Alexandre" và "Sonia" làm việc cho GRU, Cục Tình báo Trung ương gần Bộ Tổng Tham mưu, tên gọi chính thức của Cơ quan Tình báo Quân sự Xôviết. Những chi tiết này không làm ông quan tâm và ông vẫn tập trung vào việc giao tài liệu. Sonia đã truyền những gì mà bà ta thu nhận được qua làn sóng ngắn của radio, nhưng khi dụng cụ này quá to và đòi hỏi cực kỳ kỹ thuật, bà ta lại gửi chúng qua tay của Kremer, người đã dẫn chúng đến vụ kiện giao liên ngoại giao. Cũng từ cách này mà bà ta chuyển những tài liệu từ văn phòng chiến tranh của ông Churchill, được cha của bà là ông Robert lấy, người đã có những quan hệ với giới lãnh đạo, đặc biệt với ông Stafford Cripps, Đại sứ của Anh ở Xôviết. Chính Sonia đã được cha cô tuyển mộ thay cho GRU. Chính cô cũng chuyển những tài liệu đã lấy được từ tay của cha cô. Jurgen hầu như đã len lỏi đi khắp nơi. Ông ta cũng được Sonia tuyển mộ.

Một cuộc cạnh tranh dữ dội giữa GRU và NKVD - KGB luôn diễn ra, thậm chí người ta có thể tự hỏi rằng, không biết bằng biện pháp nào mà hai cơ quan này lại có thể chia sẻ những thông tin mà Fuchs đã thu thập được trong những năm đầu tiên. Rút cục thì Stalin đã nhận được những bản báo cáo từ phía này hay phía khác và người ta đã có lý khi giả định rằng, ông ta đã giữ những thông tin về hoạt động của nhà bác học - thám tử. NKVD không chiếm lấy nguồn thông tin này vào cuối năm 1943, thời gian mà Fuchs đã đến Mỹ để trở lại kíp của ông ở Los Alamos. Ngay khi ông tiếp xúc với "Raymond" (tức Harry Gold), người đã chuyển những kiện hàng của ông cho một sĩ quan tiếp xúc với gián điệp của Xôviết tên là Antonli Yakovlev, tên thật của ông ta là Yatskov.

Fuchs đã thuật lại với những lời lẽ mang ý nghĩa tác dụng tâm lý trong cuộc sống hai mạng mà ông ta đã thực hiện:

"Tôi đã cầu viện đến chủ nghĩa triết học Macxít của tôi để lập kế hoạch trong đầu theo hai nơi khác nhau. Một ngăn, bên trong nó cho phép tôi có những người bạn, những quan hệ cá nhân, sự giúp đỡ của người này hay người khác, trong tất cả những lĩnh vực riêng, sự ra đi của một người đàn ông mà tôi mong muốn, và sự ra đi của người đàn ông mà trong tất cả các lĩnh vực cá nhân, tôi mới có, với những người bạn của tôi trong Đảng Cộng sản hay thân với Đảng. Tôi có thể được tự do, thoải mái và hạnh phúc với những người khác mà không sợ bị phát hiện bởi tôi biết rằng nơi khác sẽ có thể can thiệp nếu tôi tiến gần sự hạn chế nguy hiểm. Tôi có thể quên nơi khác và tất nhiên tin vào ông ta. Tất nhiên trong thời kỳ này, tôi đã trở thành một người đàn ông tự do bởi vì tôi đã thành công, ở một nơi khác, tôi có thể hoàn toàn độc lập với lực lượng xã hội xung quanh. Khi tôi mang một cái nhìn về dĩ vãng, về tình trạng của tôi, cách

tôi nhất xác định đối với tôi dường như là “chứng tâm thần phân lập được kiểm tra”.

Nhiều sĩ quan tiếp xúc với gián điệp có thể phát biểu với vẻ ngấm ngấm theo kiểu đề nghị này.

# BÍ MẬT VỀ CÁI CHẾT CỦA MỘT TÊN ĐỨC QUỐC XÃ

Dấu hiệu thứ hai về sức mạnh bí mật mà nó đã lớn dần trong nhiều nước khác nhau, ít nhiều đã đến lúc người ta mong đợi - vở kịch của Nga về những kế hoạch quân sự.

Cuối tháng hai năm 1942, Hồng quân đã tung ra một chiến dịch tấn công kinh ngạc chống lại quân đội đồn trú của Đức ở Krivaya Koza, không xa Taganrog lắm. Cứ một trăm sáu mươi người đàn ông của quân đội đồn trú thì có mười người bị bắt làm tù binh, còn những người khác ở trong sự lạnh giá của Vịnh. Trong số những chiến lợi phẩm có một cuốn sổ tay dày được bọc bìa cáctông của một người chỉ huy đã được phát hiện trong một chiếc va li, sau khi người chỉ huy này và người lái xe của ông ta bị giết chết trong chiếc xe con. Khi được phỏng vấn, những tù binh tuyên bố rằng, người chỉ huy này không thuộc những người của quân đội đồn trú mà là ở đội công binh. Ông ta đến Krivaya Koza lần thứ hai trong ba ngày, trong cuộc hành trình Marioupol - Taganrog, nhưng lần cuối cùng đã quá muộn để trở về căn cứ của ông ta. Buộc phải qua đêm, ông ta đã bị một cuộc tấn công bất ngờ. Cuốn sổ của ông ta đã được nghiên cứu một cách kỹ lưỡng. Trong đó có những tập giấy poluya dường như là những mẫu in sẵn, những biểu đồ và những sự miêu tả. Không có gì lớn để làm với chúng, đến nỗi mà ông chánh đội đã giao lại nó cho một sĩ quan của NKVD. Starinov cũng không biết tiếng Đức và lại gửi nó cho một sĩ quan thân Đức.

Câu cuối cùng này không gây xúc động một chút nào: “Đó là vấn đề mà tôi không biết tổng hợp bằng cách nào, người bạn đại tá của tôi đã khẳng định. Những thể phẩm, như thói quen hay nói của những người “tóc xoắn”. Và đó cũng là điều ngu ngốc về vấn đề năng lượng nguyên tử”.

QG không đòi lại cuốn sổ tay bỏ túi đó, Starinov đã giữ nó và trở lại những vấn đề được rút ra từ các mỏ. Vào tháng tư, trở về từ Matxcova, ông đã dừng lại trước GKO - Ủy ban Quốc gia về quốc phòng ở phố Jdanov. GKO bao gồm cả Bộ Khoa học do ông Serrgui Kaftanov lãnh đạo, một người đàn ông với dáng vóc cao to, rất oai nghiêm và vạm vỡ. Starinov không tiếc sức với Stepan Balezine, trợ lý của Kaftanov, và đến lượt ông cũng ủng hộ ông chủ của mình. Từ một thỏa thuận chung, hai ông đã đưa ra thỏa thuận rằng, văn bản bằng tiếng Đức này được viết theo nét chữ Latinh, rất dễ giải mã và không dễ sợ như chữ gôtic (chữ cổ), chúng cũng không liên quan đến “những thể phẩm” mà liên quan đến quá trình phân hạch nguyên tử. Ở cấp độ lý thuyết thì văn bản này có lợi cho công nghệ hơn là sự trong sạch của khoa học kỹ thuật. Họ biết điều đó có nghĩa là: Marioupol và Taganrog là những nhân vật của trung tâm khai thác mỏ.

Starinov không hoàn toàn thực hiện ý nghĩa đích thực của sự việc, mà bốn mươi ba năm sau, khi đọc lại cuốn hồi ký của Kaftanov liên quan đến chương trình nguyên tử được biết: “Balezine và Kaftanov đã đoán rằng, điều đó hoàn toàn không phải do ảnh hưởng ngẫu nhiên mà một sĩ quan của Đức quốc xã bị giết chết ở Krivaya Koza khi đi tản bộ ở một số vùng miền Nam của đất nước, chúng bị chiếm đóng bởi Đức quốc xã. Ông ta đang đi tìm kiếm Uranium”.

Cuốn hồi ký của Kaftanov còn cho biết về lịch sử cuốn sổ tay nhỏ. Được dịch ra tiếng Nga, cuốn sổ này được gửi cho ông Alexandre Leipunski, Giám đốc phòng thí nghiệm vật lý nguyên tử ở Viện vật lý nguyên tử IPT của Kharkov. Từ IPT của Kharkov, nơi phân hạch nguyên tử liti đã được thực hiện vào năm 1932, là điểm mấu chốt trong nghiên cứu vật lý của Xôviết. Leipunski giữ vai trò hàng đầu ở đây, tuy nhiên ông đã có những nghi ngờ về triển vọng của một phản ứng dây chuyền và ông nghĩ rằng, cần phải hoàn thành một khối lượng công việc lớn trước khi đạt được điều đó. Một mặt ông là người khám phá, mặt khác ông lại là người bảo thủ, cũng như ông Ioffe, người sáng lập IPT của Kharkov.

Trong cuộc hội thảo năm 1939 về vấn đề vật lý nguyên tử được tổ chức ở Kharkov, Youli Khariton và Yakov Zeldovitch, được sự bảo vệ của ông Nikolai Semionov ở Viện hóa học và vật lý Leningrad, đã mở ra hai hướng chỉ đạo mới về phản ứng dây chuyền, với việc sử dụng một là Uranium 238, hai là chất tiết chế của nước nặng, hoặc đồng vị của Uranium 235. Giả thiết cuối cùng này được hai nhà vật lý khác của IPT Kharkov là ông Viktor Maslov và Vladimir Chpinel



tán thành, và vào tháng 10 năm 1941 họ đã có được tấm bằng sáng chế của Văn phòng ứng dụng quân sự về nghiên cứu khoa học. Nó được đặt tên là “Từ việc sử dụng Uranium như một chất nổ và độc hại”, nó nằm trong khoảng thời gian có giác thư ngoại giao của Peierla-Frichs (tháng 3 năm 1940) và bản báo cáo của Maudsley (tháng 7 năm 1941), tất cả hai bản báo cáo này đều xa lạ ở Nga. Nhưng Maslov và Chpinel đã gặp nhau trong những nơi có phản ứng chính thức không thuận lợi cho người đồng nhiệm của họ ở Anh. Những tháng sau đó, họ đã gõ tất cả những cánh cửa, trong đó có cả cánh cửa của Hồng quân nhưng không thành công vì không được sự ủng hộ. Chiến tranh nổ ra ngay lúc bấy giờ. Maslov được gọi đi chiến đấu và đã chết trong chiến trường, trong khi đó Chpinel được lệnh gấp rút quay trở về Alma-Ata ở Kazakhstan, với IPT của Kharkov. Ở đó ông thực hiện những công việc liên quan trực tiếp đến sức mạnh của chiến tranh. Một người tên là Fritz Lange nào đó, là bạn hay đồng nghiệp của người này hay người khác, mang quốc tịch Đức, bị bắt đi ngay lập tức ở “tủ ngầm”. Đến nỗi mà sáng kiến ra đi của Kharkov chỉ đạo một chương trình của Xôviết về bom A đã bị rơi vào một ngõ cụt.

Leipunski đã rút lui đến Oufa, thuộc phía Đông Nam của Kazan và đã nhận được cuốn sổ tay của một sĩ quan Đức từ Matxcova gửi về, trả lời không chậm trễ rằng, ông ta không thấy gì ở đó và không biết những nhà vật lý Xôviết. Tất nhiên, bọn Đức quốc xã đã làm việc về những ứng dụng của năng lượng nguyên tử trong quân đội, tuy nhiên vấn đề này vẫn chưa được giải quyết trước mười lăm hay hai mươi năm. Bởi những hậu quả này, ông đã nhận định không đúng lúc về Liên bang Xôviết trong việc hoang phí tài nguyên thiên nhiên trong chương trình này, có thể nó sẽ kéo dài trong chiến tranh.

Thật khó để nói về sự cẩn thận của Leipunski về những lý do không thể nói ra của ông về vấn đề khoa học hay những người tiền nhiệm của ông. Ông là một trong những nhà bác học đã bị bắt vào những năm ba mươi và bị kết án một cách tương tự như, đi sai lệch con đường chống chủ nghĩa Macxit hay những hoạt động chống Cách mạng. Bảy hoặc tám vị trưởng phòng ở Viện Nghiên cứu của Kharkov đã bị bỏ tù cùng tội danh với người sáng lập và ông giám đốc của họ. Những nguy hại này được chỉ đạo không phải để chống lại những nhà vật lý, họ nằm trong khuôn khổ của một vụ thanh trừng với quy mô toàn quốc gia, mà đỉnh điểm của nó là vào năm 1937.

Leipunski đã có may mắn trong chuyện này: sau một năm ở tù, ông đã được trả tự do, Hiệp ước Molotov - Ribbentrop đã có tác dụng, tất nhiên, sau tất cả mọi chuyện thì Đức quốc xã và Xôviết đã trở thành người bạn tốt của nhau. Người đàn ông cẩn thận này có kinh nghiệm gì trong chuyện này. Về vấn đề chính trị không được thương lượng trong khi đó chúng ta lại đánh giá cao đồng thời cả những nhược điểm và những thành tích cao siêu của nhà vật lý này dưới chế độ Stalin.

Kaftanov có ý thức về những khó khăn này, vấn đề là Leipunski hay người khác, nhưng ông ta không chạy theo những thông báo của Leipunski. Bởi vì có một nhà vật lý khác, trẻ và táo bạo luôn đẩy ông vào sự mạo hiểm.

# MỘT NHÀ VẬT LÝ TRẺ TÁO BẠO

Ở Anh, Mỹ hay ở Nga, những nhà bác học có tên tuổi đều có lý do và sợ rằng, Đức quốc xã là nước đầu tiên chế tạo ra loại bom “có chứa uranium”. Đặc biệt, từ khi Đức là nước đầu tiên thành công trong việc phân hạch nguyên tử uranium.

Sự kiện này đã xảy ra vào tháng 12 năm 1938 ở Viện Nghiên cứu Hoá học Kaiser - Wilhelm, nằm ở ngoại ô Thủ đô Berlin. Nhóm nghiên cứu đầu tiên này có ông Otto Hahn và Fritz Strassmann. Thí nghiệm của họ đã được Irène và Frédéric Joliot - Curie xác minh ngay tháng sau đó, tức là vào năm 1939 ở Paris. Thí nghiệm này cho biết rằng, hạt nhân uranium đã bắn ra những neutron chậm và tách thành hai phần. Hai cựu đồng nghiệp của Hahn và Strassmann là ông Lise Meitner và Otto Frisch đang lưu vong ở Scandinave giải thích rằng, chỗ vỡ mà những người Pháp gọi là “sự phân hạch” thông qua phương pháp loại suy với phân tử, có thể giải phóng một năng lượng không thể tin được. Từ nay trở đi, nó có thể được tính trung bình theo công thức nổi tiếng của nhà vật lý Albert Einstein là  $E=mc^2$  (năng lượng là một khối lượng tăng theo bình phương vận tốc ánh sáng). Thậm chí một đơn vị uranium có thể sinh ra rất nhiều năng lượng, khoảng một triệu đơn vị cacbon. Một vụ nổ của nó có thể so sánh với hàng nghìn tấn thuốc nổ TNT.

Mặt khác, thí nghiệm của ông Hahn và Strassmann đã chỉ ra rằng, những phần tách ra của hạt nhân nặng hơn khối lượng của nó. Có thể chính nó phát ra những neutron, từ đó có khả năng sinh ra một phản ứng dây chuyền. Đó chính là ý kiến của nhà vật lý người Hunggari Leo Szilard - người đã xem xét khả năng này từ năm 1933. Szilard đã được thông tin về thí nghiệm của Hahn - Strassmann thông qua ông Niels Bohr, và Otto Frisch đã báo cho biết. Trong một vài ngày, sự kiện “phản ứng dây chuyền” đã gây xôn xao dư luận trong cộng đồng các nhà vật lý nguyên tử thế giới. “Cơn sốt về Uranium” đã lan ra rất nhanh. Một số cuộc họp của các nhà vật lý đã diễn ra vào cuối tháng giêng năm 1939 ở Washington do George Gamow - một nhà vật lý đã trốn khỏi Liên bang Xôviết từ ba mươi năm trước đây tổ chức. Họ đã được tiếp đón và bảo lãnh bởi những con người tuyệt vời như: Niels Bohr, Enrico Fermi, Edward Teller, Hans Beth và Otto Stern. Cuộc họp này đã cho thế giới biết về sự đăng quang của một kỷ nguyên hạt nhân nguyên tử; đồng thời hứa hẹn với thế giới một nguồn năng lượng dư thừa và sự phá huỷ của nó không thể tưởng tượng nổi.

Các nhà vật lý Xôviết đã được thông tin về những sự kiện này từ ông Frédéric Joliot - Curie trong cuộc trao đổi của ông ta với Ioffe và thông qua những quảng cáo của tờ New York Times và tờ Physical Review. Leipunski, Khariton và Zeldovich đã cùng nhau lao vào công việc mà chúng ta đã nêu trên. Ông Igor Kourtchatov, một trong những nhân vật sáng giá nhất được Ioffe bảo vệ, đã làm việc trong phòng thí nghiệm của ông ta ở IPT của Leningrad. Họ phục vụ cho dự án trên để kiểm tra và phát triển hơn nữa những phát minh của người Đức.

Một trong những học trò của ông là Gueorgui Fliorov và Lev Roussiov, đã xác định một cách có kinh nghiệm rằng, hạt nhân uranium tách ra có thể giải phóng từ hai đến bốn neutron. Nó làm tăng cơ may sự phân hạch nguyên tử. Trong khuôn khổ của một thí nghiệm khác, ông Fliorov, một thành viên làm việc cùng với nhóm của Constantin Petrjak, đã cải tiến đến nỗi căn phòng inốc hoá đó có thể cho họ khả năng quan sát sự phân hạch tự động từ uranium. Có nghĩa là sự tách những hạt nhân từ uranium nặng không bắn ra neutron. Với một sự ngạc nhiên đến ngạc nhiên, Kourtchatov đã làm lại thí nghiệm này ở tàu điện của Matxcova để xác định tác dụng của nó, nếu có những tia vũ trụ. Sau khi đã nhận được sự đồng ý cần thiết của Hội đồng thị chính, ông đã chuyển những vật liệu cồng kềnh trong những khu phố của Thành phố Matxcova và sau đó là khắc phục được sự ngập ngừng của những người lái tàu điện. Những nhà vật lý không chính thống này phần nào đã đạt được mục đích của mình: thí nghiệm được tiến hành dưới lòng đất cũng như trên mặt đất. Ở đó hoàn toàn không có những tia vũ trụ.

Vào tháng sáu năm 1940, tất cả những nhà nghiên cứu đều phấn khởi bởi ông Kourtchatov đã hào hiệp từ chối ký kết công việc của họ để gửi một bức điện cho tờ Physical Review của Mỹ - một trong những quảng cáo chính của số đặc biệt, và viết thư cho Viện Hàn lâm Khoa học

Matxcova nhằm yêu cầu sự ủng hộ và thừa nhận tính khẩn thiết của việc phân hạch nguyên tử. Ông Ioffe đã tung ra một quả bóng nhưng theo những người trong đội nghiên cứu trẻ này thì quả bóng đó lăn không nhanh.

Được triệu tập đến Thủ đô để trình bày một bản báo cáo, Kourtchatov và những người đồng nghiệp của ông đã gặp một vài trở ngại nhưng cuối cùng họ đã thành công trong việc thành lập được một Ủy ban về uranium, trong khuôn khổ của Viện Hàn lâm Khoa học. Vitali Khlopiné - Giám đốc Viện Nghiên cứu radium ở Leningrad làm người đứng đầu ủy ban này. Trong nhóm của ông có những nhân vật tên tuổi nhất trong ngành khoa học Xôviết như: Abram Ioffe, Vladimir Vernadski, Alexandre Fersman, Serguei Vavilov và Petr Kapitsa. Mỗi một người trong nhóm của họ, sinh từ thế kỷ trước, đều là những người đứng đầu trong một lĩnh vực nghiên cứu nào đó. Họ đã từng nghiên cứu về luật tự nhiên dựa trên những trường khoa học và họ chấp nhận với danh nghĩa là những thành viên của Viện Hàn lâm Khoa học. Kourtchatov vừa mới bước sang tuổi ba mươi sáu còn ông Youli Khoriton thì bước sang tuổi ba mươi tư. Họ là những người trực tiếp chỉ đạo những phòng thí nghiệm này dưới sự bảo trợ của ông Ioffe. Họ thuộc về thế hệ của “những nhà khoa học đang lớn lên”. Khi đó không có những Viện sĩ hàn lâm nhưng có những tiến sĩ khoa học. Họ đã đưa vào Ủy ban một số lượng lớn những thành viên trẻ. Fliorov Petriak và Roussinov vẫn chưa đến ba mươi tuổi, là những người giữ vị trí dưới họ.

Ủy ban về uranium đã bắt đầu thực nghiệm những đường ray vật lý nguyên tử của Xôviết. Họ đặc biệt chú ý đến việc đảm bảo những vật liệu và trang thiết bị khoa học công nghệ. Những kế hoạch này được xây dựng để nghiên cứu và khai thác những mỏ uranium; sản xuất nước nặng và phát triển những phương pháp làm giàu uranium. Nguồn ngân sách của dự án đã được trợ cấp trong đó bao gồm các trang thiết bị xây dựng. Tuy nhiên, tiến độ thực hiện còn quá chậm, còn phụ thuộc vào ông Kourtchatov và những con sói trẻ của ông ta - những con sói này chỉ biết giậm chân tại chỗ và chỉ biết một cuộc cách mạng khoa học duy nhất.

Đối với Kourtchatov, sự ưu tiên hàng đầu hoàn toàn dành cho việc xây dựng hàng loạt những cuộc thí nghiệm sử dụng uranium 238 thay vì uranium 235. Khi làm việc với uranium 235 có thể sẽ cho kết quả nhanh hơn, nhưng chỉ sau khi đã đạt được định mức mong muốn, nhưng việc đó mất thời gian rất nhiều. Tháng 8 năm 1940, Khariton và Kourtchatov đã gửi một cuốn sổ chép tay cho ông Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học, trong đó nhấn mạnh đến những triển vọng trong thời gian dài của năng lượng nguyên tử và họ yêu cầu Chính phủ mở ngân sách cần thiết cho dự án này. Phải ba tháng sau đó mới có câu trả lời trong một cuộc họp được triệu tập ở Matxcova. Khlopiné và Ioffe liếc mắt nhìn về phía Kourtchatov - họ nói: Đây là một dự án trong tương lai rất xa - “một giấc mơ đẹp”. Không chán nản chút nào, những “kẻ tự phụ”, trẻ tuổi này quay sang phía ông Nikolai Seminov - ông chủ của Khariton và là người chấp nhận với Chính phủ. Trong bức thư gửi cho giới lãnh đạo, ông Seminov đã dùng những lý lẽ của Kourtchatov để nhấn mạnh đến những khả năng tiềm tàng về mặt quân sự, đó là một quả bom có sức công phá mạnh hơn bất cứ loại vũ khí nào đã từng được biết đến trước đây trong lịch sử. Tuy nhiên Chính phủ đã không thấy được sự khẩn thiết trong dự án này và cũng chẳng có động thái nào. Tháng 6 năm 1941, cuộc tấn công của Đức quốc xã đã nổ ra trước khi các nhà vật lý của Leningrad có được câu trả lời.

Cũng trong ngày Đức quốc xã tấn công, Kourtchatov đã quyết định bỏ mặc ngành vật lý nguyên tử và dùng những tài năng của mình phục vụ cho chiến tranh. Ông khuyên những người đồng nghiệp của mình nên làm việc hơn nữa trong lĩnh vực này, phải trở nên có ích cho đất nước bằng hành động trực tiếp và ngay lập tức. Fliorov đã nghe theo ý kiến của ông. Ông đã cho triệu tập một đội quân “những người tình nguyện của dân” và theo một khoá học trong suốt bốn tháng trời về kỹ thuật vũ trụ, sau khi ông tham gia vận hành một hệ thống tự động ra khỏi đường lượn xoắn. Một nhóm khác đã khám phá ra những vai trò của khoa học điện tử trong quân đội, đó là những phương tiện thông tin liên lạc và công nghệ kỹ thuật của DCA. Những người được gọi là tụt hậu đã giúp họ chuyển những phòng thí nghiệm đến những nơi rất xa và tiến hành những dự án quân sự. Tất cả những thí nghiệm đều tạm ngừng, những kế hoạch bị đóng băng còn trang thiết bị thì vứt bỏ. Và từ đó ngành vật lý nguyên tử Xôviết rơi vào tình trạng ngủ đông.

Phần lớn những nhà vật lý đã thích nghi được với hoàn cảnh. Fliorov là một người không có

khả năng thực sự trong lĩnh vực này. Là một người có dáng vóc mảnh, gầy lại bị hói sớm, ông luôn nghĩ rằng mình như một chú chim luôn chăm chú với một cái nhìn cố định. Ông có một cái mũi dài và cái cằm hơi bị hót. Những người bạn của ông không hề biết về việc ông không có khả năng, kể cả trong suy nghĩ và những nguy hiểm đối với sức khỏe của ông. Run lên cầm cập trong thư viện lạnh giá của Iochkar - Ola, cách Thủ đô Matxcova tám trăm kilômét về phía Đông, ông đã có thể dừng lại để tìm hiểu những điều khó hiểu về năng lượng nguyên tử; làm và làm lại những phép tính về phản ứng dây chuyền. Có ý kiến cho rằng, Đức là nước đứng đầu trong việc nghiên cứu hạt nhân nguyên tử. Họ đã có những cố gắng rất lớn trong ngành công nghiệp thì chắc chắn có những tiến bộ trong phòng thí nghiệm về bom nguyên tử. Tuy nhiên ý kiến này đã dần dần chìm vào sự mệt mỏi. Liệu ưu tiên khẩn thiết nhất Chính phủ có thực sự quan tâm ngay? Liệu những nhà vật lý Xôviết có giúp đỡ đất nước nhiều hơn bằng cách dùng sự khéo léo của mình cho các ngành khoa học kỹ thuật công nghệ khác nhau đã được biết đến và làm việc theo nhóm để thúc đẩy những công nghệ mới, những cuộc cách mạng? Tất nhiên những việc họ làm là rất có ích nhưng nhiều người cũng có thể làm được những việc đó. Trong khi đó, việc họ làm chỉ mang ý nghĩa duy nhất là trách nhiệm phải làm. Càng ngày ông càng nghĩ rằng, thật là một sai lầm nghiêm trọng khi rời phòng thí nghiệm để ra chiến trường.

Trong trạng thái suy nghĩ như vậy, Fliorov đã viết thư cho Ioffe, đồng thời lệnh cho Kazan và IPT của Leningrad với mục đích thuyết phục ông ta rằng, việc nghiên cứu bom nguyên tử phải được tiến hành ngay lập tức. Ioffe đã trả lời và mời ông đến Trung tâm Thành phố Tata cách đó sáu trăm kilômét về phía Đông Nam để xây dựng một bản báo cáo gửi Viện Hàn lâm Khoa học. Fliorov được nghỉ phép một tuần vào tháng 11 năm 1944 nên ông đã tranh thủ đi du lịch, nhân thể giới thiệu bộ hồ sơ với ông Ioffe. Ông Kapista và Hội đồng các nhà bác học đã nhóm họp ở một trường đại học. Dù sao những “ông già này” cũng cảm động và không quay lại quyết định cũ nữa. Trong thời gian chiến tranh, vấn đề không phải là giữ bỏ những khả năng lớn của con người và những gì có liên quan mà dự án bom nguyên tử đòi hỏi. Và Fliorov vẫn không đạt được kết quả.

Tuy nhiên vẫn có những người đàn ông không bao giờ từ bỏ dự án này. Ngay buổi tối hôm sau, ông đã soạn một bức thư tuyệt vọng gửi cho quân sư của ông là Kourtchatov để nói với ông ta về những nỗi lo sợ của mình, đồng thời thông báo với rằng, sau khi đã tính toán, hai kilôgam rưỡi uranium có thể sinh ra một vụ nổ tương đương với một nghìn tấn thuốc nổ. Ông đã thuyết phục để Kourtchatov không thể bỏ nửa chừng tác phẩm người mở đường của ông. Tất cả họ đều có thể trở lại Leningrad để tụ họp và làm việc về bom nguyên tử.

Kourtchatov - người đã bị thu hút bởi chương trình khử từ những con tàu của ông ta, chắc chắn sẽ đưa ra câu trả lời[\[4\]](#).

Giữa lúc đó, Fliorov đã được chuyển cùng với đội trinh sát của ông đến miền Nam nước Nga. Vào tháng hai năm đó, ông được phong hàm trung uý và đến đóng quân ở Voronej, cách Matxcova bốn trăm tám mươi kilômét về phía Nam. Ở đó, ông đã sắp xếp công việc để thường xuyên đến thư viện của trường đại học. Ông đã tìm thấy những bộ sưu tập nguyên ven ở đây. Khi nghiên cứu những thời kỳ đặc biệt đã gây tiếng vang, ảnh hưởng đến việc khám phá về phân hạch tự nhiên của ông. Những nghiên cứu của ông không mang ý nghĩa cho lắm bởi vì Staline viện lý do là chúng không có tác dụng gì đối với việc phát triển vật lý ở nước ngoài. Bỗng nhiên ông đã đọc qua tất cả những quảng cáo có sẵn về chủ đề này. Nhưng khi đọc nhanh những tạp chí nước ngoài, trong đó có những tập tài liệu rất mới và khó hiểu đã có ở Voronej, ông không tìm thấy một sự phản ứng nào trong công việc. Tuy nhiên, ông đã phát hiện ra một vài điều quan trọng hơn. Khi thở hơi bằng hai lỗ mũi trong phòng đọc lạnh đó, Fliorov đã lật từng trang với hy vọng phát hiện ra bất kỳ bài báo nào liên quan đến vật lý nguyên tử. Nhưng ông đã không tìm thấy gì. Chúng đều vắng mặt. Sau này, ông mới biết, không chỉ ở những bài báo của nhà bác học Anh, Pháp, các nước Châu Âu tham gia vào chiến tranh đã cất những bài báo của những nhà bác học Mỹ, kể cả những quảng cáo về lĩnh vực này cũng đều bị ngưng trệ.

Ông đã có lý. Theo sự xúi giục của Leo Szilard, những nhà vật lý Mỹ đã quyết định, vào mùa xuân năm sau, tạm ngừng công bố những công việc của họ và để mặc người Đức trong bóng tối. Người Anh cũng tiến hành như vậy. Cũng như quan sát của Richard Rhodes trong cuốn sách nói về bom A của ông, sự thiết lập nên bí mật rồi lại phản bội lại bí mật, những cường

quốc tế giới, trừ Nga đều lao vào chương trình chế tạo vũ khí nguyên tử bí mật.

Từ nay trở đi, không gì có thể làm cho Fliorov ngừng mọi chuyện được. Ông đã viết thư cho Kourtchatov, cho Kaftanov và Ioffe. Mỗi một lần bức thông điệp của ông đều có nội dung: “Chúng ta phải chế tạo được bom nguyên tử ngay lập tức!” Không nhận được câu trả lời hài lòng, vào tháng tư ông đã quyết định “tấn công” mạnh hơn. Chắc chắn lá thư trước của ông do một thư ký mở xem. Ông viết vội trên một tờ giấy để đọc:

“Thư ký của bạn Staline

Ông bạn thân mến!

Tôi cầu mong ông hãy mang những điều cốt yếu trong lá thư này, đích danh sự quen biết của Iossif Vissarionvitch. Chỉ có ông bạn Staline mới có thể giải quyết được vấn đề: hãy cố gắng và đảm bảo với tôi là bức thư này đến được tay ông ấy. Trước khi chuyển bức thư này cho ông bạn Staline của tôi, ông làm ơn hãy sửa lại văn phong và đánh vào máy giúp tôi”.

Trong kiến nghị lịch sự gửi người đứng đầu Nhà nước này, Fliorov lúc đó mới hơn hai chín tuổi, đã biểu lộ rất nhiều nỗi chua xót dai dẳng của mình để thuyết phục những đồng nghiệp nhiều tuổi hơn, tài ba lỗi lạc hơn quan tâm đến những triển vọng của vũ khí nguyên tử. Ông viết:

“Ioffif Vissarionvitch thân mến!

Mười tháng đã qua, kể từ khi chiến tranh bắt đầu. Trong suốt thời gian này, tôi luôn có cảm giác như đập đầu vào tường đá.

Phải chăng tôi đã nhầm?

Liệu tôi có đánh giá quá cao về tầm quan trọng của “vấn đề uranium” không? Những gì mà dự án uranium cho là tưởng tượng lại có triển vọng rất tuyệt vời, nó mở ra một giải pháp có giá trị... Chắc chắn sẽ không có một cuộc cách mạng trong kỹ thuật công nghệ nào (nói chung) như những dự án đã được đưa ra từ nhiều tháng trước chiến tranh, nhưng về mặt kỹ thuật quân sự thì một cuộc cách mạng thực sự sẽ xảy ra. Việc đó có thể không có sự tham gia của chúng ta, thậm chí thế giới khoa học rất ít, trước đây cũng như bây giờ, sự trì trệ luôn luôn thống trị.

Ông biết đấy, Ioffif Vissarionvitch, lý lẽ nào thường xuyên chống lại uranium nhất. Điều đó quá tốt để trở thành hiện thực. Rất hiếm khi thiên nhiên cưỡng đoạt con người”.

Ở đó Fliorov đã đề cập đến một vài chủ đề phụ, bảo đảm cho cuốn sách những chỉ dẫn vạn năng mà ông viết không vì những lý do phát triển cá nhân, cũng không phải để miễn trừ những nghĩa vụ quân sự. Ông đã đổi mới những phê bình của ông gây thương tổn đối với danh dự của các Viện sĩ hàn lâm. Nhưng ông cũng không làm những việc đó theo danh dự cá nhân - ông nhấn mạnh. Ông cũng không phải không biện minh để từ chối ưu tiên đối với những đòi hỏi của ngành quân sự hiện nay. Điều mà ông muốn, đó là Chính phủ, ngoài ra cần có những kế hoạch ngắn hạn, coi như là một dự án dài hạn để góp phần chiến thắng bọn Đức quốc xã. Để kết luận, ông đã đưa ra lời đề nghị táo bạo:

“Tôi tin là rất cần thiết khi tập hợp một cuộc họp, trong đó có sự tham gia của các Viện sĩ hàn lâm như: ông Ioffe, Fersman, Vavilor, Khlopine và Kapitsa (những thành viên của Viện hàn lâm khoa học Liên bang Xôviết); các ông Chủ tịch Landau, Alikhanov, Artsimovitch, Frenkel, Kourtchatov, Khariton và Zeldovitch, các ông Giám đốc Migdal và Gourevich. Rất mong muốn được mời ông C.Petrjak tham dự.

Tôi yêu cầu thời gian một giờ ba mươi phút cho bản báo cáo này. Sự có mặt của ông Ioffif Vissarionvitch, cá nhân hay toàn đoàn là mong muốn lớn nhất...

Theo một cách chung nhất, đó là thời gian không thuận tiện cho một cuộc tranh đấu khoa học kiểu này, nhưng nó lại liên quan đến tôi. Tôi thấy ở đây có một cách duy nhất để chứng tỏ rằng tôi đã có lý và tôi có quyền để quan tâm, chú ý đến uranium. Bởi vì những cách khác - khi tiếp xúc với A.F.Ioffe - những bức thư gửi cho người bạn Kaftanov không có một tác dụng nào và chúng đã qua đi một cách đơn giản. Tôi đã không nhận được một câu trả lời nào từ khi tôi gửi những bức thư, thậm chí cả năm bức điện gửi cho ông bạn Kaftanov. Ngoài cuộc thảo luận



về dự án của Viện Hàn lâm Khoa học, họ có thể thảo luận tất cả mọi vấn đề, trừ vấn đề về uranium.

Chính trong bức tường yên lặng này, tôi hy vọng là ông ta sẽ phá vỡ nó bởi vì lá thư cuối cùng của tôi đã đề cập đến vấn đề này. Sau đó, tôi sẽ từ bỏ và đợi Đức, Anh hay Mỹ giải quyết vấn đề đó. Nhưng kết quả sẽ là một sự quan trọng nào đó, ít ai biết đến trách nhiệm từ bỏ của tôi trong công việc này ở Liên bang Xôviết”.

Để kết luận, Fliorov đã phàn nàn rằng, những nhà vật lý đã xử lý vấn đề uranium như một câu chuyện khoa học viễn tưởng. Tất cả mọi người hãy tin rằng, bom nguyên tử là hoàn toàn có thể[5].

Ấn tượng đã được gây ra bởi bức thư của Fliorov gửi cho Stalin và nó đã được lặp lại nhiều lần trong nhiều cuốn sách cùng với những bài báo. Một số tác giả đã đưa ra lý do chính là, Stalin đã thúc họ hành động. Một số tác giả lại cho rằng, bức thư này chẳng có tác dụng gì. Tuy nhiên, lập luận chung đã chấp nhận rằng, Stalin đã nhận được bức thư này hoặc một bản tóm tắt của bức thư, có thể ông sẽ đồng ý những kết luận này. Khi đó, những kết luận đó có thể là của riêng ông. Chắc chắn rằng Fliorov không nhận được câu trả lời trực tiếp.

Khi kể lại thời kỳ này trong cuốn hồi ký của ông, Serguei Kaftanov không hề nói về bức thư này cũng như năm bức điện mà Fliorov đã không nhận được câu trả lời. Ông nhớ rằng, bức thư của Fliorov đã gửi cho ông để thương lượng ý kiến bất lợi của Leipunski và tin tưởng vào cuốn sổ tay của Đức quốc xã. Ông viết rằng, ba vấn đề đó đã thúc ông chọn lựa chương trình vũ khí nguyên tử cho Xôviết: Cuốn sổ tay, một bức thư của Fliorov và những lời đồn đại từ Đức về một loại siêu vũ khí mới. Trên thực tế, loại vũ khí này là một khẩu súng đại bác khổng lồ hơn là một quả bom nguyên tử.

Sau khi đã hỏi ý kiến của Ioffe và hành động trong khuôn khổ của Ủy ban Quốc phòng Nhà nước (CED), Kaftanov đã có một đề nghị mới, đó là thành lập một Trung tâm khoa học để làm việc về dự án vũ khí nguyên tử. Bức thư của ông đã được gửi đến các cấp, thông qua cấp chỉ đạo trực tiếp để gửi đến văn phòng làm việc của Stalin. Sau khi suy nghĩ rất lâu, cuối cùng văn phòng này đã đưa ra ý kiến đồng ý.

Đó là một trong những lời giải thích của Kaftanov về vấn đề này.

Tất nhiên, những điều đó không đơn giản một chút nào. Nếu người ta tin vào điều đó theo một tác giả khác, Serguei Snegov, thì bức thư đã gây xúc động cho Kaftanov chính là lời kêu gọi của Fliorov với Stalin. Nó đã được gửi đến một ngành khoa học của CED. Chúng ta tưởng tượng một cách dễ dàng những tình cảm mà Kaftanov đã thể hiện khi nhìn thấy những “lời phê bình trong một bức thư của những nhà hướng dẫn, nhà giáo dục và những người lao động trên toàn thế giới để kéo lê những bước chân”. Thậm chí ông đã có giả thiết rằng, Stalin có thể đã khuyến khích Fliorov, người sẽ xông vào để đón nhận lấy sự ủng hộ của Stalin. Snegov đã phác thảo một kết luận có vẻ rất hài lòng: Kaftanov đã soạn một bản báo cáo ủng hộ bức thư của Fliorov, người đã được miễn nghĩa vụ quân sự và được triệu tập đến Matxcova. Kaftanov và Balezine được Fliorov phụ tá, từ nay trở đi ra sức bắt tay vào công việc và làm phát triển ngành vật lý hạt nhân nguyên tử của Xôviết.

Tuy nhiên, họ không thể làm công việc này một mình được. Họ phải cậy nhờ vào tất cả mọi người cùng phòng làm việc với họ.

# STALINE THAY ĐỔI Ý KIẾN

Một vài tuần trước đó, Beria đã quyết định rằng ông phải chuẩn bị những dữ liệu từ nước ngoài để giới thiệu với Staline một bản báo cáo về vấn đề nguyên tử. Bản báo cáo này có nội dung như sau:

Kz4

Tuyệt mật

Liên bang Xôviết

Bản số 1

Cục Cảnh sát Nhân dân

Tháng 3 năm 1942, Matxova

Ủy ban Quốc phòng Nhà nước Liên bang Xôviết

Ông bạn Stalin

Ở nhiều nước Tư bản, song song với những nghiên cứu được tiến hành về phân hạch hạt nhân nguyên tử với mục đích phát triển thêm một nguồn năng lượng mới, họ còn bắt đầu nghiên cứu để sử dụng năng lượng nguyên tử cho mục đích quân sự.

Năm 1939, những công việc nghiên cứu đã được bắt đầu với quy mô lớn ở một số nước như Anh, Pháp, Mỹ và Đức. Họ chú ý đến việc vận hành một phương pháp sử dụng uranium đã tạo ra những vụ nổ mới. Những nghiên cứu này được bảo vệ một cách bí mật và nghiêm khắc nhất.

NKVD đã có được những tài liệu tuyệt mật này nhờ vào sự thu thập tình báo về các hoạt động của Ủy ban uranium - Cơ quan đã nghiên cứu về vấn đề năng lượng nguyên tử từ uranium, họ là...

Kể từ đó, cuốn sổ tay này đã trình bày một cách ngắn gọn những biện pháp hướng dẫn chương trình bom A của Anh mà chúng ta đã biết. Cuốn sách này viết rằng, những mỏ uranium chính đều nằm ở Canada, Congo, Bỉ (Zaire), vùng Tiệp Khắc và Bồ Đào Nha. Để làm cho Stalin sáng tỏ vấn đề này, cuốn sách đã giới thiệu những căn cứ chính về bom uranium dựa trên những tính toán của Peierls. Theo những tính toán này, mười kilôgam uranium 235 có thể cho khối lượng tới hạn để tạo ra một vụ nổ tương đương với một nghìn sáu trăm tấn thuốc nổ TNT. Bí mật về bom nguyên tử được định nghĩa như một trò chơi ghép hình ba mảnh:

“Sự phức tạp khác thường của việc sản xuất bom từ uranium nằm trong quá trình tách một phần hoạt động của uranium, uranium 235 từ những chất đồng vị khác của nó, khi chế tạo một lớp vỏ bọc bên ngoài có thể ngăn cản sự phân rã và đạt được tốc độ cần thiết của chuyển động khối lượng”.

Liên bang Xôviết đã có được ông Klaus Fuchs - với vị trí đó, ông đã làm việc về cánh cửa bí mật đầu tiên: đó là việc tách những chất đồng vị. Tuy nhiên, Beria không dựa vào ông, trong đó những bản báo cáo đã đổ dồn về GRU. Một lời ghi chú viết tay ngay ở trang đầu tiên của tập hồ sơ lưu trữ Enormoz đã nói rằng “Liszt đã có được lời xác nhận cuối năm 1941” mà Maclean là một trong những nguồn thông tin và những tài liệu về từng người. Cần phải có thời gian để xử lý tất cả.

Để gây sự chú ý một cách nghiêm túc, chương trình của Anh, có thể để tránh sự mạo hiểm nghi ngờ về việc tung tin đồn nhảm, Beria đã kết luận rằng, cuốn sổ tay đó có năm trang được đánh máy chữ khi nhìn qua giá, trong đó có những cơ quan và nhà máy liên quan. Kết luận đã nêu rõ:

“Để đưa ra sự quan trọng và khẩn thiết về việc sử dụng thực hành năng lượng nguyên tử từ uranium 235 cho những mục đích quân sự của Liên bang Xôviết. Đó là một sự sáng suốt:

1) Xem xét thời cơ để tổ chức thành lập một đội chuyên gia tư vấn khoa học có liên quan với Ủy ban Quốc phòng Nhà nước để hợp tác, nghiên cứu và huy động những cố gắng của tất cả



những nhà bác học, tất cả những tổ chức nghiên cứu của Liên bang Xôviết tham gia nghiên cứu về vấn đề năng lượng nguyên tử từ uranium.

2) Trình lên một số chuyên gia hàng đầu một cách bí mật những tài liệu về uranium mà NKVD hiện đang có để xin ý kiến họ về những vấn đề liên quan; đánh giá và xử lý tất cả những thông tin tình báo về vấn đề này”.

Chúng ta thấy một vấn đề ở đây là, Beria và Fliorov cùng nghĩ về một vấn đề như nhau. Hình như cuốn sổ tay của ông đã nằm trong tay Stalin từ tháng ba và cơ bản đã được Kvasnikov chỉnh sửa - ông là người đã được sự ủng hộ bất ngờ của một nhà vật lý trẻ búng bình. Nhưng ở đó, Fliorov đã tự hỏi về một cơ may để tiến hành, để xông vào cuộc thi đấu với những đối thủ lạ mặt được trang bị tốt hơn. Chính Beria khẳng định là đã sử dụng những thông tin bí mật được các điệp viên ở nước ngoài thu thập nhằm tuyển chọn danh sách những nhà bác học của nước đó.

Sự kết hợp giữa ngành khoa học Nhà nước với ngành tình báo sẽ là một yếu tố quan trọng để bắt đầu chương trình bom nguyên tử của Xôviết.

Theo cuốn sổ tay của ông, Beria đã thực hiện một chuyến viếng thăm mới tới Điện Kremlin. Theo thói quen của mình, Stalin ngồi trên chiếc ghế phôi to, với dáng vóc của một người đàn ông nhỏ bé, trong bộ đồng phục và một đôi ủng được đánh bóng. Beria không cao hơn Stalin nhiều lắm. Ông bắt đầu với bản báo cáo của mình. Ông chỉ biết rằng, mỗi một lần ông ở lại một mình với ông chủ thì dường như cuộc sống riêng tư của ông có điều gì đó liên quan. Ông ta cũng giống như tất cả những người đàn ông mà chúng ta đã gọi là “những nhà lãnh đạo Xôviết”. Trên khuôn mặt rỗ này ít nhiều đã xuất hiện những nếp nhăn, đặc biệt là sự nhăn nheo trên cặp mắt vàng. Đây là “nhà lãnh đạo Xôviết” đang cảm thấy run rẩy bên trong mà không hề biết rằng số phận của ông hiện nay đang bị giấu kín. Ông sẽ không đi được và có thể đêm nay ông sẽ bị bắt, thậm chí sẽ có những chiếc răng bị vỡ vì tra tấn. Trong khi đó đầu đề của các tờ báo lại thông báo rằng, sự phản bội của ông là một cách xử sự coi như không có chuyện gì xảy ra. Trong mỗi cuộc gặp gỡ, cho dù thành công hay không thì điều quan trọng là được phân bổ những mệnh lệnh về việc này hay việc khác và tình cảm vẫn còn có ích đối với những người chỉ huy tối cao.

Luôn luôn ngắn gọn và hiệu quả, Beria đã đưa ra một cái nhìn tổng thể về những thông tin mà cơ quan tình báo đã cung cấp. Stalin hoàn toàn không hài lòng. Vậy những người Anh đang nghĩ gì? Tuy nhiên, Stalin đã tin rằng, Anh và Liên bang Xôviết đã thống nhất giúp đỡ, tương trợ lẫn nhau về mặt quân sự. Trong thời gian trước đó, ông Molotov - Bộ trưởng Ngoại giao Xôviết đã thông báo với Stalin một sự sắp xếp về quan điểm này với ngài Đại sứ của Anh - Stafford Cripps. Hiệp ước

Cripps - Molotov đã đề cập đến vấn đề trao đổi thông tin khoa học và quân sự với người Anh - một nước đứng về Chủ nghĩa tư bản và Chủ nghĩa đế quốc, thậm chí đến tận lúc tấn công Hitler - kẻ thù số một. Stalin đã phát hiện ra sự gian lận của họ. Họ đã giấu ông những bí mật quân sự của mình.

Họ có thực sự đang chế tạo một quả bom nguyên tử hay không? Theo lý trí suy đoán của những người đa nghi của Stalin cho thấy rằng, phải bác bỏ ý kiến cho là họ đã gửi cho Stalin những thông tin giả mạo. Sau tất cả mọi chuyện, bây giờ Anh đang là đồng minh của Liên bang Xôviết chống lại Đức quốc xã. Vậy là lợi ích của họ đã góp phần đẩy nhanh thất bại của Wehrmacht. Họ đã gửi cho Xôviết những chiếc máy bay, tàu chiến, vũ khí trong khuôn khổ cho mượn và cho thuê. Thậm chí Mỹ đã gửi cho một nhà máy của Xôviết những chiếc xe tải, những bộ quần áo và tất cả những gì còn lại. Vậy tại sao họ lại giữ bí mật về bom nguyên tử của họ? Đặc biệt tất cả sự việc này giống như một kế hoạch phao tin đồn nhằm được những điệp viên của Beria ở nước ngoài cho biết, với mục đích để chia rẽ đồng minh và làm cho Xôviết suy yếu.

Stalin nhìn trừng trừng vào Beria. Khuôn mặt ông mọi khi rất tẻ nhạt và dờ dẩn như một chiếc mặt nạ bằng thạch cao bỗng nhiên sắc thái trở nên thay đổi, tinh tế và rực rỡ hẳn lên, khi ông bắt đầu nghiên cứu về những nét tính cách của một người nào đó. Hai cặp mắt của ông bỗng trở nên sáng hơn và nhìn chăm chăm không chớp mắt về phía đôi phương. Trong khi đó, họ lại để ý những dấu hiệu của sự gian lận, sự mờ ám và do dự, những ý tưởng xung quanh cặp

mắt sắc lạnh và nặng nề này. Ông đã hướng cuộc hội thoại theo một hướng nguy hiểm:

— Chính ông và những người bạn của ông thường xuyên nói với tôi rằng, chúng ta không phải lúc nào cũng tin vào những nguồn tin tình báo của chúng ta. Chính ông cũng đã nói rằng, rất nhiều điệp viên trong các trạm tình báo của chúng ta ở nước ngoài là công cụ đặc lực với những kẻ thù của dân tộc.

Beria đã hiểu rất rõ những điều ám chỉ này. Ngay khi ông bắt đầu và tiếp tục, nền An ninh Xôviết đã được đặt dưới những sự thanh trừ và luôn luôn lấy cớ là khử bỏ những kẻ thù của dân tộc - một khái niệm được Lenin phát minh ra để chỉ bất kỳ ai không đồng tình với Đảng và Stalin. Họ đã thiết lập một đội ngũ những người trong xã hội, trong đó có cả những người không đồng tình với ông. Tchéka đã được Feliks Dzerjinski "tẩy sạch" vào năm 1926. Còn Fliks đã chết - một cái chết giả vờ mà như thật. Kẻ ám sát ông ta là Viatcheslav Menjinski - người bị nghi ngờ là đã đầu độc ông ta. Nhóm Guépéou - nhóm kế tiếp của nhóm Tchéka trước đây cũng lần lượt bị Menjinski thanh trừ. Ông này cũng chết một cách giả vờ như thật và kẻ ám sát Guenrikh Yagoda lại bị nghi ngờ là đã đầu độc ông. NKVD là tiền thân của nhóm Guépéou đã bị kẻ thù của nhân dân của ông ta loại bỏ. Đó chính là Guenrikh Yagoda - người bị chết một cách không bình thường vào năm 1938. NKVD đã đổi mới và cũng chịu sự thanh trừ của Nikolai Iejov - kẻ thù dân tộc - người đã bắn Yagoda và tất cả những người bạn của ông ta. Trước khi ông ta bị bắn, Iejov đã thanh lọc nhóm tình báo ở nước ngoài của ông bằng việc phái gấp những tên giết người và những kẻ chuyên bắt cóc sang Châu Âu và Châu Mỹ - nơi bọn chúng lưu vong thường xuyên hoặc bất thường. Chúng bắt cóc họ ngay giữa thành phố hoặc thuyết phục họ. Nhờ có nhiều lời hứa danh dự và nhiều phần thưởng dù muốn hay không đều phải trở về Matxcova - nơi mà những kẻ tra tấn và xử bắn đang đợi họ. Rất nhiều người trong số nạn nhân này là người Tchékiste rất tận tâm, hoàn toàn bị chinh phục bởi nhà Cộng sản lý tưởng và trung thành với Liên bang Xôviết. Sự đối xử vô cùng bất công này đã đẩy làn sóng hoảng sợ trong tất cả nội các của NKVD, từ đó đã sinh ra tâm tính bảo thủ và sự tự vệ cá nhân. Chính công việc của Beria là thanh trừ những cơ quan mà người ta gọi là những Cơ quan An ninh Quốc gia. Khi đó, tức là vào năm 1938, ông cũng là người giữ trọng trách. Ông đã bắt đầu bằng việc xử bắn Iejov và những người bạn của ông ta, tất nhiên họ là kẻ thù của dân tộc.

— Đúng vậy - ông bạn Stalin - Ông ta trả lời - Hiện nay, ở các cơ quan tình báo của chúng ta đều có trò chơi hai mặt. Đã đến lúc họ phải lật tẩy những thông tin đáng nghi ngờ. Chính vì vậy chúng ta phải tẩy sạch và thanh trừ hoàn toàn, tận gốc những trạm tình báo của chúng ta ở nước ngoài. Tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn một vài sĩ quan tình báo của chúng ta rất đáng tin tưởng.

Điều mà Beria không thể nói ra, đó là tất cả những cuộc thanh trừ theo lệnh của Stalin, dưới sự chỉ đạo chung và sự theo dõi thường xuyên, trực tiếp của cá nhân ông. Sự tiêu diệt những người có năng lực nhất, kinh nghiệm nhất của NKVD là tác phẩm của ông, không ngoài ai khác? Không phải ông chủ? Trên thực tế, lý do để thanh trừ những người đàn ông tài năng này hoàn toàn không có sự báo trước của Stalin. Điều này đã được thể hiện trong những bản báo cáo của họ, đặc biệt là những sự kiện xảy ra ở Châu Âu. Những người chỉ dẫn và nhà giáo dục đều bị thuyết phục rằng, Đức quốc xã có thể sẽ tôn trọng Hiệp ước Molotov - Ribbentrop từ năm 1939; rằng bọn họ có thể ném lửa và máu vào Châu Âu còn để Liên bang Xôviết sống trong hoà bình. Hitler nghĩ rằng, thật là điên rồ khi lao vào cả hai mặt trận chiến tranh. Sau khi Châu Âu bị kiệt sức và bị phá huỷ trong một thời gian rất lâu, những kẻ tàn phá đã bị tắm trong bể máu và Hồng quân không thể đến đó để thu gom những tàn tích của chiến tranh được. Tất cả những nguồn tin tình báo đều bác bỏ những ý kiến này và cho đây chỉ là sự phao tin đồn nhảm.

Vậy là những người phao tin đồn nhảm đã bị đánh dấu bằng một "nhãn hiệu" làm mất giá trị của các điệp viên ở nước ngoài hoặc những điệp viên kẻ thù của dân tộc "trong nước" hay một số người này hay người khác. Họ đã bị kết tội là chơi trò hai mặt.

Không một bằng chứng nào được đánh giá là cần thiết, vả lại trong chuyện này cũng không thể tìm được một bằng chứng xác đáng. Những trạm tình báo ở nước ngoài đã bị sụp đổ. Việc này không thể quy chụp cho một người không có một chút kinh nghiệm nào từ trước chiến tranh. Sự tấn công của Đức quốc xã chống lại Liên bang Xôviết xảy ra rất lâu. Những nhân viên

tình báo có khả năng thì lại không thận trọng. Họ đã biết trước điều đó và ngày hôm sau Chính phủ Anh mới thông báo và cũng ngày hôm đó họ mới được thông báo về sự tấn công của những người lính đảo ngũ của Đức. Có thể họ đã bơi qua một dòng sông dọc theo đường biên giới của Xôviết. Cuộc sống của họ trở nên cực kỳ nguy hiểm khi được báo trước về cuộc tấn công của Hitler. Ở Xôviết, điều này rất có giá trị với họ, thậm chí bị tra tấn đến chết. Tất cả những điều đó khiến Stalin tỏ ra cẩn thận hơn với cơ quan tình báo nước ngoài. Tất nhiên không kể đến việc thừa nhận lỗi của mình. Ông luôn bắt đầu bằng việc không tin: không tin những nguồn thông tin tình báo tuyệt vời của NKVD ở Berlin - nơi mà Arid Harnack được mệnh danh là "Corse"; Harold Schulz - Boysen được mệnh danh là "cổ hủ" và "Beritenbach"; không tin những bản báo cáo đặc biệt giàu tính thông tin của Richard Sorge và của Sandor Rado - một người trong số họ đã từng làm việc cho Cơ quan Tình báo Quân sự GRU, dưới mệnh lệnh chung của Berzin - người đã bị xử bắn vào năm 1938. Nhưng Stalin không muốn tin vào điều đó. Ông bị bàng hoàng bởi kế hoạch "Barbarossa" đã xảy ra vào đêm chủ nhật 22 tháng 6 năm 1941. Nhân dân Xôviết đã phải trả giá trên những dòng sông đầy máu vì sự tự ám thị và khát lần khát lượt này của quân đội.

Để giữ thể diện, chắc hẳn là bây giờ Stalin đã phát minh ra một bản phác thảo mà theo đó ông có thể dự báo được tất cả và Hiệp ước ngừng chiến có thể mang lại cho ông một sự nghỉ ngơi. Tất cả những người bạn của Liên bang Xôviết ở nước ngoài, tất cả "những người bạn đường" tiếp tục dùng bản phác thảo về những sự kiện này. Nó có thể tồn tại đến khi báo chí trên thế giới được tự do và cuối cùng là đạt được một quy chế. Beria cũng như tất cả những nhân vật khác được đào tạo ở Liên bang Xôviết đều biết rằng, đó chỉ là một huyền thoại không hơn nhưng ông ta đã...

Và cả thế giới đều làm như vậy.

Tuy nhiên, tầm quan trọng và sự phức tạp của hồ sơ liên quan đến chương trình bom nguyên tử của Anh là điều mà Stalin phán đoán tốt khi đánh giá về khía cạnh khác của tầm huy chương. Ông không chán ghét việc thay đổi ý kiến. Trái lại, sự lật ngược bất ngờ là đặc quyền của một "ông vua chuyên chế" trong biện pháp mà ông ta buộc những thuộc hạ phải cảnh giác suốt đời.

Stalin đặt câu hỏi cho Beria:

— Hãy nói cho tôi biết, theo ý ông - Lavrenti - tại sao người Anh chế tạo được một loại bom nguyên tử lại giấu chúng ta? Và tại sao họ lại chia sẻ những thành quả và những thí nghiệm khoa học của họ với người Mỹ?

Beria đã chuẩn bị sẵn cho câu hỏi này.

— Theo ông, ông bạn Stalin ạ! Thủ tướng Anh Churchill đã đi đến kết luận rằng, ông không thể tự cho phép mình chờ đợi và nhìn tương lai. Bầu trời của nước Anh đang mở ra ở Luftwaffe. Nhưng, theo những chỉ dẫn trong bức thông điệp của ông bạn Fitine cho thấy, những người Anh hiểu rất rõ rằng họ không thể tiến hành chế tạo bom nguyên tử một mình được. Họ cần những người Mỹ, chính vì điều đó mà họ đã hợp tác với người Mỹ.

— Vậy là - Stalin ra lệnh - Chính họ đã chuẩn bị loại vũ khí này chống lại chúng ta. Những đồng minh của chúng ta đã phản bội sự cam kết làm việc có liên quan của họ với chúng ta về những dự án quân sự. Cơ quan tình báo của chúng ta ở nước ngoài đã chỉ cho chúng ta những bước đi phải theo. Fliorov đã có lý, chúng ta không thể trì trệ mãi trong việc tiến hành dự án này.

Người đàn ông thép (theo tiếng Nga là Stal) đã đưa ra quyết định nhưng không thận trọng. Ông đã dự định tiến xa một bước có tính toán và suy nghĩ một cách thận trọng. Trong một lần nào đó, lợi thế này đã được thừa nhận. Ông đã đưa ra những mệnh lệnh để vận động hàng triệu người trở thành những con người có phẩm chất đạo đức, đặc biệt là ở khu Kolkhoze và ở những công trường công nghiệp lớn, thậm chí cả trên những mặt trận. Quyết định thực hiện một dự án trong toàn bộ ngành công nghiệp chiến tranh cho việc nghiên cứu nguyên tử xứng đáng với cách xử lý như vậy.

Vậy là - Lavrenti kết luận - Chúng ta phải xác minh và kiểm tra lại những thông tin đến từ Luân Đôn. Hãy gửi hồ sơ này cho ông bạn Fitine. Có thể chiến tranh vẫn còn kéo dài - ai mà

biết được. Loại vũ khí này có thể tạo nên một kết quả quyết định. Trong khi chờ đợi, chúng ta phải hỏi ý kiến những chuyên gia giỏi nhất của chúng ta. Hãy triệu tập họ đến đây, trong phòng làm việc của tôi - các ông Abram Ioffe, Nikolai Semionov, Vitali Khlópine và những thành viên khác của Viện Hàn lâm Khoa học. Hãy báo cho họ biết rằng hai ngày nữa sẽ tiến hành cuộc họp.

— Nhưng chúng ta thấy đó, họ đã đi tha hương và đang ở rất xa và không thể cản trở được mục đích của Beria.

Stalin không bao giờ lo lắng đến hoàn cảnh cũng như những chi tiết cụ thể trong cuộc sống của những người mà ông muốn gặp. Có thể ông ấn định một ngày để gặp một người cố vấn, buộc phải có mặt ở đó, chỉ một nơi hẹn cho tất cả.

— Vậy thì sao? Stalin nói - Hãy mang một chiếc máy bay đến đón họ.

# BARBU VÀ PHÒNG THÍ NGHIỆM SỐ 2

Trên thực tế, cuộc họp với các nhà khoa học đã không diễn ra đúng ngày dự định. Nhiều sự kiện khác đã chồng chéo lên nhau. Có thể Stalin đã tiến hành một cuộc họp không rõ ràng, không có những thông tin đáng lo ngại từ nước ngoài. Dưới đây là bức điện của Gorski gửi cho Fitine:

Trung tâm Matxcova

Tuyệt mật, khẩn cấp!

Ở Viktor

Chúng ta đã có những dữ liệu quan trọng đáng tin cậy, chứng tỏ rằng một loại vũ khí nguyên tử đang được chế tạo tại Viện Nghiên cứu Kaiser - Wilhelm ở Đức dưới sự chỉ đạo của ông Otto Hahn, ông Werner Von Heisenberg và Karl von Weizsacker. Một số Tổng giám đốc của Wehrmacht đã khẳng định rằng loại vũ khí này có thể đảm bảo được chiến thắng của Reich trong chiến tranh. Vật liệu ban đầu được sử dụng trong việc nghiên cứu nguyên tử là nước nặng. Việc sản xuất được Nhà máy Norsk Hydro ở Rjukan Na Uy đảm nhiệm. Những chương trình này luôn được xem xét lại theo cách, số lượng nước nặng được giao cho Đức bởi những nhà máy đã đạt được mười nghìn đơn vị mỗi năm.

Vadim

Tóm lại, bức điện này chỉ thừa nhận những thông tin đã được công bố từ hai năm trước đó trên tờ New York Time :

Theo thông tin của một số hãng truyền hình rất đáng tin cậy cho biết, Chính phủ Đức quốc xã có thể đã biến những nghiên cứu được thực hiện trong những phòng thí nghiệm của Mỹ và có thể những nhà bác học nổi tiếng nhất truyền đạt lại khi họ tập trung sức lực tìm giải pháp cho vấn đề này. Người ta biết rằng, mỗi một nhà bác học Đức làm việc trong lĩnh vực này cũng như các nhà vật lý, hoá học và kỹ sư đều nhận được lệnh huỷ bỏ tất cả những nghiên cứu khác và dành đặc quyền cho nhiệm vụ nghiên cứu này. Họ cũng biết rằng, tất cả những nhà nghiên cứu đã làm tròn nhiệm vụ của họ với một sức mạnh và sự nhiệt tình, hăng hái trong các phòng thí nghiệm của Viện Nghiên cứu Kaiser - Wilhelm của Đức ở Berlin".

Những bản báo cáo về sự phát triển của Mỹ (vấn đề này được đề cập ở chương sau) bắt đầu đến cùng một lúc, có nghĩa là vào mùa hè năm 1942 không thể ngờ rằng, Đức quốc xã và những người Anh - Mỹ lại lao vào cuộc chạy đua vũ trang mà trong đó kẻ chiến thắng có thể được lợi lớn trong cuộc chiến và trên thế giới. Nếu Liên bang Xôviết không tham gia vào cuộc cạnh tranh này có thể họ sẽ bị Đức quốc xã tiêu diệt, hoặc trong trường hợp khả quan nhất cũng có thể bị Anh và Mỹ thống trị sau chiến tranh. Đã đến lúc cần phải hành động.

Việc đầu tiên cần phải làm đó là triệu tập một cuộc hội thảo khoa học. Stalin đã giao cho Beria tiếp xúc thêm với các nhà vật lý và những nhà hoá học để triệu tập họ tham dự một cuộc họp đặc biệt của GKO (Ủy ban Quốc phòng Nhà nước). Chương trình nghị sự chỉ có một điểm duy nhất: "Ở Liên bang Xôviết - làm việc về bom nguyên tử". Ông Abram Ioffe, ông Petr Kapitsa, Vitali Khlopine, Nikolai Semionov và Vladimir Vernadski đã được mời tới dự. Cuộc họp này được diễn ra ở Điện Kremlin vào mùa thu năm 1942 và một số báo cáo đã được xây dựng trong cuộc họp này. Nhưng bất hạnh thay, những văn bản cuối cùng này vẫn được lưu trữ tại phòng lưu trữ của Tổng thống và vẫn chưa được sử dụng. Tuy nhiên, chúng ta đã có một bản tường trình thứ hai trong tay của Leonid Kvasnikov. Ông ta đã có được những bản phác thảo gốc từ tay viên sĩ quan trưởng Nikolai Pavel và sau đó là những người phụ tá của Kourtchatov. Trên cơ sở này, chúng ta sẽ cố tái thiết.

Viên sĩ hàn lâm Ioffe là người đầu tiên phát biểu ý kiến:

— Những người bạn bác học Xôviết, khi chúng ta xem xét để tiến hành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và kỹ thuật quả là hết sức phức tạp. Chúng ta chỉ thấy duy nhất một nhân tố tích cực: chúng ta biết rằng có một giải pháp về vấn đề bom nguyên tử nhưng những nhân tố tiêu cực

thì nhiều hơn rất nhiều. Người Anh đã triệu tập được một số nhà bác học lỗi lạc nhất thế giới trong lĩnh vực nghiên cứu nguyên tử. Các ông đã biết tên của họ, đó là: Niels Bohr, Otto Frisch, Rudolf Peierls, Hans Halban, Lev Kowarski, Joseph Rotblat và Franz Simon mà không nói gì đến những người Anh như ông Fredrick Lindemann, John Cockroft và James Chadwich. Có thể chúng ta rất ít chuyên gia tầm cỡ mà mỗi người trong số họ đều làm hai việc: công việc trong ngành và công việc phục vụ chiến tranh. Anh đã có những Trung tâm nghiên cứu quan trọng ở Oxford, Birmingham, Cambridge và Liverpool. Trong khi đó chúng ta có rất ít Trung tâm với quy mô lớn như hiện nay. Tất cả những trung tâm của chúng ta có đều dành cho chiến tranh và đang ở trong tình trạng rất tồi tệ. Các nhà khoa học Anh có thể nhấn mạnh đến một cơ sở công nghiệp vững chắc. Cơ sở của chúng ta lại yếu kém hơn và đã bị chiến tranh tàn phá thiệt hại nhiều. Những trang thiết bị nghiên cứu đã nằm rải rác ở nhiều nơi khác nhau và trên thực tế, chúng không thể sử dụng được nữa.

Stalin cắt ngang lời ông:

— Ông cũng như những nhà bác học khác, ông không được từ bỏ dự án này. Tất nhiên, điều đó sẽ thuận tiện hơn nhiều nếu không xảy ra chiến tranh. Ông phải hiểu được điều đó chứ không phải nói theo cái giọng điệu bêu bao như ông bạn Ioffe. Nhưng ông không quên rằng, Liên bang Xôviết đã sắp đặt cho ông hai điều có lợi. Thứ nhất là, hệ thống bộ máy Chính phủ đã tổ chức và huy động những nguồn thông tin. Thứ hai là, các nhà bác học đã báo cho tôi biết về vấn đề này, đó là mức độ phát triển mà ngành khoa học của chúng ta đã đạt được trong lĩnh vực bom nguyên tử.

Stalin có thói quen rất hà tiện trong lời nói, ông chỉ thích đề cập đến những vấn đề chính, kết luận ngắn gọn và điều khiển người khác. Nhưng, khi ông giải quyết vấn đề quan trọng, ông lại sẵn sàng nói ba hoa một cách vui vẻ, lần này cũng như vậy.

— Hẳn là những bước đi đầu tiên trong việc chế tạo bom nguyên tử của chúng ta sẽ rất khó khăn, nhưng nhiệm vụ của chúng ta là phải đạt được điều đó. Trong dự án này cần phải có một sự cố gắng lớn, những chi phí rất lớn và phải có một số lượng lớn thành viên tham gia. Chúng ta cần phải hoàn thành tốt những nhiệm vụ trong ngành công nghiệp và khoa học công nghệ mới. Trước tiên, chúng ta phải phục hồi các Viện Nghiên cứu, tiến hành việc sản xuất những trang thiết bị khoa học cũng như các cuộc thí nghiệm. Trong khi việc này được tiến hành, ông bạn Beria phải sử dụng hơn nữa hiệu quả tiềm tàng của khoa học công nghệ đối với vị trí của ông. Liệu ông ta có thể lãnh đạo được những nhà bác học với sự ân cần và sự cân nhắc, đồng thời khuyến khích và ủng hộ họ, đặc biệt là tổ chức và tập hợp được họ? Tôi chắc chắn một điều rằng, chúng ta sẽ có thể hoàn thành được công việc lớn lao này một cách nhanh và ít tốn kém nhất.

Không còn gì để nói, Stalin đã đưa ra quyết định. Liên bang Xôviết sẽ tham gia vào dự án bom nguyên tử. Những nhà bác học có mặt trong phòng, là những người trực tiếp liên quan đến hoặc không liên quan đều phải ủng hộ chương trình này. Thời gian của những lời phê bình đàm tiếu đã qua. Stalin vẫn còn tiếp tục nói:

— Tôi hiểu rất rõ rằng, việc chế tạo loại bom siêu hạng này sẽ đòi hỏi một chương trình mang tầm cỡ lớn đối với Chính phủ. Chúng ta sẽ thực hiện được điều đó, mặc dù còn nhiều điều lệ thuộc vào thời gian của cuộc chiến. Nhiệm vụ đầu tiên của chúng ta là phải phát triển những ngành công nghiệp có liên quan và làm cho chúng đạt được hiệu quả như ban đầu. Thứ hai là chúng ta phải tìm ra những phương sách trực tiếp nhất và chi phí ít tốn kém nhất. Những nhà nghiên cứu tài năng nhất phải giữ những vị trí chủ chốt và chỉ đạo công việc cho nhiều nhà bác học theo một phương hướng cực kỳ chuẩn xác. Những quan chức hành chính trong các Văn phòng của Bộ và Văn phòng Chính phủ phải được thông báo trước rằng, những nhà bác học không hề lệ thuộc vào họ trong trường hợp này, họ phải có định hướng riêng trong công việc.

Sau khi đã phác thảo ra một kế hoạch trước cử tọa, Stalin đã dừng hẳn trước khi đổi giọng. Nhà độc tài đầy sức mạnh đã biến thành một người đối thoại khiêm tốn và nhìn đồng nghiệp một cách thân thiện.

— Và bây giờ - Stalin nói - Tôi rất thích nghe các ông. Các ông cần phải nghĩ bao nhiêu thời gian cho vấn đề này?

Viện sĩ hàn lâm Ioffe đành phải chấp nhận sự không bằng lòng của Stalin khi Stalin đưa ra những khó khăn trong dự án, nhưng đó chỉ là một nhà bác học, không phải là một nhà ngoại giao. Trong hoàn cảnh này, ông ta đã đưa ra ý kiến một cách thân thiện về thời gian có thể đoán trước được của dự án. Việc chế tạo một quả bom nguyên tử phải mất từ mười lăm đến hai mươi năm. Ông ta vẫn chưa tìm ra một phương cách nào nhanh hơn để dễ dàng đạt được điều đó.

Lại không hài lòng một lần nữa, Stalin đã bắt đầu nổi cáu:

— Không, những người bạn bác học, lịch làm việc như thế này thì chúng ta không thể đạt được điều đó. Có thể vì những lý do đó, các ông phải phân bổ những tài năng và năng lượng theo một cách hợp lý nhất. Về phía chúng tôi, chúng tôi phải làm mọi cách cho nhiệm vụ của các ông được tiến hành dễ dàng hơn. Chúng tôi có thể giúp đỡ các ông bằng nhiều cách khác nhau. Chẳng hạn, chúng tôi có thể cung cấp cho các ông những thông tin đang thiếu. Chỉ cần các ông báo cho ông bạn Beria biết là loại dữ liệu nào các ông cần và được lấy từ đâu. Điều đó có thể thúc mau công việc của các ông một cách dứt khoát.

Vấn đề đặt ra là cần phải biết rằng, liệu có thể thu thập được những thông tin từ nước ngoài, theo cách mà việc nghiên cứu nguyên tử đã phát triển bí mật và những tạp chí khoa học đã không ngừng công bố trên những bài báo về chủ đề này.

— Điều đó ông không phải bận tâm - Stalin trả lời một cách rất bình tĩnh và dứt khoát. Chúng ta phải có một ai đó để phụ trách công việc kiểu này.

Không một chút nghi ngờ, Beria cảm thấy hơi bị “cơn”, trong cách ám chỉ của ông khi biết rất rõ điều này, trong khi đó các nhà bác học khác lại không biết là những dữ liệu về vấn đề nghiên cứu này từ đâu đến.

— Bây giờ - Stalin nói - chúng ta phải quyết định xem ai là Giám đốc của ngành khoa học.

Ngay lúc đó ông đã đưa ra quyết định Ioffe sẽ là người đứng đầu của dự án này mặc dù ông đã biểu lộ những điều e ngại. Việc này là không thể tránh được bởi vì Abram Ioffe là một nhà vật lý giỏi nhất của Liên bang Xôviết. Tất cả mọi người đều tôn trọng quyết định này của Stalin, cũng như tất cả những người đã từng làm việc với ông trong quá khứ, đều làm việc dưới sự chỉ đạo của Ioffe. Và nếu việc đó tiến hành quá chậm thì có thể Stalin và Beria sẽ luôn luôn thúc giục.

— Việc này cần phải - Stalin nói tiếp - có một nhà bác học quan trọng hàng đầu và có đầu óc tổ chức tuyệt vời. Đó cũng là lý do mà tôi đã đề bạt ông bạn Ioffe. Tôi tin là ông có thể vượt qua được tất cả những khó khăn trong dự án này nếu chúng ta đề bạt ông làm Giám đốc. Ông là một người có năng lực, có khả năng làm việc một cách nghiêm túc với những gì là chính yếu và những gì là thứ yếu, và ông ta có thể đưa ra những quyết định trong thời gian chính xác.

Một đề nghị được đưa ra bởi Stalin chỉ có thể tập hợp được sự thống nhất chung chung. Nhưng đối với Ioffe, một điều rất ngạc nhiên là Hội nghị đã yêu cầu, ứng cử viên phải được xê dịch và viện cớ về lý do tuổi tác của ông. Khi đó ông ta đã ở tuổi sáu mươi một. Ông ta yêu cầu được ưu tiên chỗ của ông cho một nhà bác học trẻ đã từng làm được rất nhiều việc lớn, đó là Igor Kourtchatov.

Stalin quan sát Abram Ioffe rất lâu. Cũng như mọi tình huống giống như vậy, sự yên lặng đã dần dần tan biến. Với khuôn mặt không thể dò được ý nghĩ, nhà độc tài này có vẻ đang chiêm ngưỡng sự táo bạo của nhà bác học. Ông ta không thường xuyên được người ta chọn là người đứng đầu. Vậy còn Kourtchatov thì sao? Sự lựa chọn thứ hai rõ ràng nhất là Petr Kapitsa. Người đàn ông này đã từng làm việc với một thành viên của Thượng Nghị viện Anh Rutherford ở Cambridge và ở Matxcova. Ông ta có một Viện Nghiên cứu riêng mà Nhà nước Xôviết đã khoan dung bố trí cho, sau khi tịch thu giấy phép đi du lịch nước ngoài của ông trong một dịp từ bảy năm trước đây. Nhưng còn Kourtchatov thì sao?

— Tôi không biết ông viện sĩ hàn lâm này - Cuối cùng Stalin đã nói.

— Nhưng ông ta không phải là một viện sĩ hàn lâm. Ông ta là một giáo sư.

— Thế chúng ta thiếu các văn sĩ hàn lâm ư?



Ioffe im lặng không nói. Để phá vỡ bầu không khí nặng nề này, Kaftanov bắt đầu nói.

— Trong trường hợp này, tôi đề nghị Viện sĩ hàn lâm Kapitsa lên nắm quyền.

— Ông muốn nói điều gì?

Câu hỏi của Stalin đã được gửi đến cho Kapitsa. Ông ta đã trả lời rằng, ông ta hoàn toàn đồng ý nhưng với một điều kiện. Stalin, người không hề quan tâm một chút nào về những mặc cả, chau mày lại và hỏi điều kiện gì.

— Ông bạn Stalin à, ông cho phép tôi mời nhiều nhà bác học từ Anh đến Nga và nhiều nhà vật lý và nhiều người đến tham gia?

Lúc đó Molotov cũng có mặt ở đó và ông ta đã giải thích cho Stalin hiểu những ý nghĩ của ông chủ ông ta và Stalin đã đoán được điều đó không một chút khó khăn:

— Điều kiện của ông không thể chấp nhận được. Ông có thể được phục hồi lại chức năng của mình.

Cơ hội tốt đã đến với Ioffe và ông đã lặp lại yêu cầu của Kourtchatov.

— Ông ta là một người vẫn còn trẻ và đầy năng lực - Ông nói thêm.

Stalin đã đưa ra quyết định nhanh chóng:

— Rất tốt, ông bạn Ioffe ạ. Nhưng ông hãy làm điều đó cho một viện sĩ hàn lâm để ông ta có đủ quyền hạn cần thiết. Sau thời gian đó, Kourtchatov đã được bầu vào Viện Hàn lâm Khoa học nhưng không gặp bất kỳ một khó khăn nào. Vấn đề là, chỉ có duy nhất một chỗ ghế dành cho thành viên mới lại thuộc về ngành vật lý và Abram Alikhanov đang là ứng cử viên. Khi tên tuổi của Kourtchatov được tung ra, Kapitsa biện bác bởi vì đã có hai ứng cử viên cho một ghế, những thành viên khác phải chọn một trong hai. Ông ta nói thêm rằng, sự ưu tiên của ông ta dành cho Alikhanov. Ý kiến của ông ta đã được thông qua và Alikhanov được chọn còn Kourtchatov không được bầu chọn vào vị trí này.

Là một người có học, Beria đã ra lệnh bố trí một vị trí thứ hai theo sự sắp xếp của các nhà vật lý, điều này cũng đúng như mong muốn của Stalin. Và cuối cùng Kourtchatov cũng được bầu chọn vào vị trí này.

Với chức năng là một người chịu trách nhiệm chính, đứng đầu một chương trình, Stalin đề cử bạn ông là Viatcheslav Molotov, người trợ lý đầu tiên của ông và Chủ tịch của GKO; Hội đồng Nhân dân (được xem như là thuộc Chính phủ). Khi đã lao vào trò chơi, tuy nhiên, một điều hiển nhiên là, ở đó Molotov chỉ là một khán giả mà thôi và ông Beria mới là người làm công việc đó. Chính ông Beria đã được Stalin đưa cho những lời chỉ dẫn.

Sau khi cuộc họp kết thúc, Stalin đã phát biểu rằng, vẫn chưa có một ngày ấn định nào để kết thúc dự án này. Tuy nhiên, Stalin đã khuyến khích những người tham dự không nên quên rằng, một thanh kiếm của Damoclès đang được treo trên đầu của nước Nga. Ông nói với dụ ý gần hơn:

— Các ông phải tìm ra những phương cách để bảo vệ đất nước của mình, tránh xa những mối đe dọa và làm được điều đó càng nhanh càng tốt. Các ông biết rằng, tôi rất chắc chắn trong chuyện này, sự quan trọng của vũ khí nguyên tử đối với mỗi một người trong đất nước mà chính các ông cũng ở trong đất nước đó. Còn vấn đề gì khác không?

Các nhà bác học đã không nói một lời.

— Không còn vấn đề gì cả.

Beria đã trả lời thay cho họ.

— Vậy thì, tôi mong muốn các ông gặt hái được nhiều thành công, hỡi những người bạn của tôi - Stalin kết luận.

Trong khi các nhà bác học, từng người một rời khỏi ghế, họ đều biết rằng, có thể Stalin sẽ không chấp nhận bất kỳ một điều gì.

Vẫn còn tồn tại những bản tường trình khác về cuộc họp này, hay ít nhiều vẫn còn kết quả của cuộc họp khá ngắn gọn nhưng lại mâu thuẫn với văn bản khác. Tôi chỉ nói về bản phác thảo

của ông Igor Golovine, người tham gia cuộc họp và sau đó còn là người viết tiểu sử cho ông Kourtchatov. Theo ông ta, tất cả những điều đó đã diễn ra theo cách sau: Sau khi những ứng cử viên của Ioffe và của Kapitsa phải rời bỏ, Stalin đã gợi ý rằng, ông Giám đốc của dự án phải là “một người ít nổi tiếng và trẻ trung hơn; người làm công việc này phải làm cho nó trở thành tác phẩm trong cuộc sống”. Ioffe đã dành những ưu tiên cho Alikhanov và Kourtchatov, Stalin cũng dừng việc lựa chọn ở nhân vật cuối cùng này. Golovine đã dẫn ra theo nguồn tin của người chỉ huy Makhnev, một trong những người phụ tá của Beria. Ngay khi chúng ta có những giây phút dành cho cuộc họp, chúng ta sẽ phát hiện ra điều gì đã xảy ra[6].

Dù sao thì chúng ta cũng có thể chấp nhận với Golovine rằng, “sự trẻ trung” này là câu nói chính trong chương trình mới. Trong suốt mùa thu năm 1942, Kourtchatov đã để râu, có thể do yêu cầu của một ai đó nhằm thay đổi dáng vẻ non trẻ bên ngoài. Dáng vẻ này có thể được quan sát trên những bức ảnh hiếm có đã được công bố, thậm chí từ ba mươi năm qua, ông ta mang một dáng vẻ trẻ trung của một người đàn ông không có râu. Khi Stalin đề bạt, ông ta đã gần bước sang tuổi bốn mươi. Nhờ có bộ râu này đã tạo thêm dáng vẻ của ngài Viện sĩ hàn lâm thêm hoàn thiện hơn, một nhân vật mới với bộ râu dài và đen. Khi có bộ râu này, mọi người thường trêu chọc ông với biệt danh là “Boroda” hay “Barbu” và ông ta đã trả lời rằng, ông sẽ không cạo râu trước khi chương trình năng lượng nguyên tử được thực hiện. Có thể ông sẽ để râu trong suốt cuộc đời.

Ngay sau khi đến Matxcova, Barbu đã hỏi ý kiến Balezine và Kaftanov để bắt đầu thành lập nhóm của ông. Với ý kiến rằng, những người đứng đầu của ngành khoa học được tập hợp bởi nhiệm vụ hành chính; bởi những dự án riêng của họ và những điều bắt buộc trong thời gian chiến tranh. Và họ phải có nhiệm vụ theo dõi công việc của những nhân vật có khả năng như Ioffe hay Kapitsa, và Barbu đã chọn những người trẻ hơn để bảo vệ những nhân vật quan trọng. Những người đó là, Youli Khariton, Yakov Zeldovitch, Abram Alikhanov, Anatoli Alexandrov, Lev Artsimovitch, Isaac Kikoine, Igor Panassiouk và tất nhiên là có cả Gueorgui Fliorov. Trong đó có cả một số nhân vật tầm cỡ như Vitali Khlopine, người đàn ông này đã làm hỏng dự án nguyên tử từ năm 1940 mà ông ta đã xử lý, khi đó Alexandre Leipunski đã bị một “cuốn sổ tay của người Đức”, viết những lời khinh bỉ và trong đó có cả những lời viết về những triển vọng của bom nguyên tử. Kourtchatov không những tuyển chọn những nhà vật lý mà còn những nhà hoá học, những chuyên viên kỹ thuật có thể mang những tài năng đặc biệt của họ dành cho một dự án được quan niệm như một “Mosai” phức tạp.

Barbu đến Kazan, Oufa và những thành phố khác để thống kê những trang thiết bị đã sơ tán ở đó vì lý do an toàn, và nếu có dịp chúng có thể được trưng dụng theo sự tính toán riêng của ông. Ông đã thăm dò những vùng lân cận ở Matxcova cùng với Balezine và một số nhân vật khác để xác định một nơi phù hợp với Trung tâm của ông. Ông bắt đầu bố trí phòng thí nghiệm của ông trong những khu đất hoang của Viện Nghiên cứu trước đây đã bị rút khỏi, nhưng rút cục ông chọn một ngôi nhà ba tầng, nằm giữa một cánh đồng khoai tây thuộc vùng ngoại ô, không có một vật gì xung quanh ngoài những bụi cây, những cánh đồng và một con sông. Khu này có nguồn gốc từ một Viện Nghiên cứu về y học thực nghiệm, nhưng có thể những công việc ở đây vẫn chưa kết thúc và ngôi nhà này vẫn chưa bao giờ được chiếm giữ. Đó là một nơi lý tưởng bởi vì nó dễ dàng thích nghi và cũng không loại bất kỳ ai. Vì lý do về màu sắc, nó đã được gọi với cái tên là Ngôi nhà đỏ.

Khi Kourtchatov tập hợp được nhóm của mình, đưa ra kế hoạch và chỉ đạo những cuộc hội thảo trong những văn phòng tạm thời thì trận chiến ở Stalingrad đã hoành hành. Ngày mùng 2 tháng 2 năm 1943, Tướng Friedrich von Paulus không thể cắt đứt được sự bao vây của Hồng quân và đã ra hiệu đầu hàng để cứu sống chín mươi nghìn người trong quân đội của ông ta. Cũng trong thời kỳ này, trụ sở của Stalingrad đã bị lấy đi một phần, thậm chí nó đã kéo dài trong thời gian một năm. Vào tháng 7, Kharkov đã được trả tự do. Cuộc chạy đua trong chiến tranh đã bị đảo lộn. Sức mạnh của Wehrmacht đã bị phá vỡ và nó tiếp tục là nguyên nhân của những nỗi đau khủng khiếp trước khi hoàn toàn bị tiêu diệt. Sự đe dọa về một loại siêu vũ khí của Đức quốc xã vẫn chưa bị loại bỏ, nhưng từ nay trở đi có thể Anh và Mỹ là những nước đầu tiên chế tạo ra bom nguyên tử.

Kourtchatov đã xác định lại thứ tự những ưu tiên của ông đó là: xây dựng một trụ uranium

tự nhiên để có thể thực hiện một phản ứng dây chuyền được kiểm tra; mở rộng những phương pháp tách đồng vị và để lập nên những kế hoạch thiết thực về bom. Ông đã giao những tài liệu này cho GKO [\[7\]](#).

Ở Ngôi nhà đỏ này an ninh cực kỳ chặt chẽ bởi vì người ta đã bố trí những nhân viên bảo vệ xung quanh. Những người lính của Ouzbeks được đưa đến đây để làm nhiệm vụ này. Ông phải phát minh ra một bí danh. Khi ông Kirill Snetkov quay trở về FTI của Kharkov và tiến hành công việc nghiên cứu vật lý nguyên tử. Kourtchatov đã ra lệnh cho phòng thí nghiệm của ông đặt tên là “Labo số 1”, có thể là tỏ sự tôn kính hoặc mang ý nghĩa lịch sử. Đối với Trung tâm riêng của ông, ông đã chọn tên là “Labo 2”.

# BARBU VÀ NKVD

Tật khó để ghi ngày một cách chính xác những giai đoạn trước đây, nhưng cuối năm 1942, GKO đã hoàn toàn xây dựng được một chương trình liên quan đến năng lượng nguyên tử trong khuôn khổ của Viện Hàn lâm Khoa học và ông Kourtchatov được đề bạt là người đứng đầu. Sắc lệnh chính thức này được ban hành ngày 11 tháng 2 năm 1943. Kourtchatov vẫn không được miễn nhiệm vụ của mình ở ngành Hải quân đến tận cuối tháng, nhưng từ nay trở đi ông sẽ hoàn toàn chuyên tâm vào vấn đề bom nguyên tử. Những người viết hồi ký, thường là những đồng nghiệp của ông, đã làm xuất hiện những thay đổi từ một đến hai tháng trong những ngày đã ghi của họ[8].

Điều mà những người viết hồi ký không biết hoặc chỉ nghi ngờ một cách lơ mơ rằng, ngay từ ban đầu, Labo 2 đã có một ban đặc biệt, không phải ở Ngôi nhà đỏ mà ở chính Điện Kremlin. Theo những chỉ dẫn của Beria, một phòng nhỏ đã được đặt ở tầng ba của một toà nhà, nằm trong khu vực kho chứa vũ khí của một sĩ quan NKVD để có thể gặp Kourtchatov ở đó và giao cho ông ta những thông tin bí mật được chuyển từ nước ngoài về thông qua Trụ sở tình báo ở nước ngoài. Người sĩ quan này là Leonid Kvasnikov, Giám đốc Cơ quan Tình báo Khoa học và Kỹ thuật (NTR) và Lev Vassilevski đã thay thế vị trí này một thời gian. Căn phòng này đơn sơ như những căn phòng khác: một phòng làm việc, một chiếc ghế phôi, một chiếc đèn, một điện thoại. Kourtchatov ở lại đó nhiều giờ liền trong đêm để nghiên cứu những tài liệu đã lấy được. Cũng chính từ đó ông bắt đầu tiếp xúc với NTR để thẩm định lại những gì mà ông vừa đọc được và yêu cầu những tài liệu phụ thêm. Một chi tiết rất vui: lần đầu tiên đến Điện Kremlin để cầu viện thêm cacbon thiên nhiên, Kourtchatov có thể đã làm gián đoạn sự phòng vệ khi xuất trình tấm thẻ hộ chiếu, khi đó ông chụp ảnh không để râu. Chúng tôi có thể tự khẳng định rằng, để đi tới những căn phòng nổi tiếng, Kourtchatov đã trang bị cho mình một giấy thông hành mà bộ râu đẹp lại không có.

Nhưng trong một phần của câu chuyện này nó lại có mặt. Bởi vì từ nay trở đi ông sẽ làm việc với NKVD, Kourtchatov hay “Boroda” sẽ góp phần tạo thành bí danh Borodine. Nguyên tắc của nó đối với chúng ta là một điều tất nhiên, như nó đã được dùng cho các đồng nghiệp của ông ta nhưng với một ánh mắt lạ thì bí danh này có thể sinh ra một điều mập mờ, có thể ám chỉ đến tên của một nhà soạn nhạc hay một Hoàng tử Igor nào đó.

Đây là một hệ thống những viên chức. Những tài liệu được mang từ Anh và Mỹ đến Trung tâm đều do một nhóm chuyên xử lý thông tin gửi đến và có thể chúng đã được dịch ra tiếng Nga. Những năm đầu tiên, vào tháng 3 năm 1943 đến tháng 9 năm 1945, tất cả những tài liệu này buộc phải đệ trình một cách tổng thể cho Kourtchatov để ông ta đưa ra quyết định là, thông tin nào được chia sẻ với ai. Anh trai của ông Kourtchatov là Boris cũng là một nhà vật lý, có thể đã hành động theo tên của ông, ông ta là người duy nhất không phải là thành viên của

Labo 2 được xem những tài liệu này. Kể từ năm 1945, có nghĩa là sau thảm kịch ở Hiroshima và Nagasaki, một trình tự mới đã được đưa vào vận hành để tránh cho ông Kourtchatov sự lao động nặng nhọc mà nó đang làm ông nặng trĩu cả đầu. Những tài liệu đã dịch ra một lần được gửi đến cho một Ủy ban kỹ thuật, ở đó ông Youri Terletski, nhà toán học và vật lý đã bước sang tuổi ba mươi ba, soạn thảo một cách tóm tắt nội dung của nó sau khi ủy ban này quyết định một số tài liệu sẽ được phân phát cho một số nhà vật lý theo quyền lực và tài năng của họ. Bốn thành viên của Labo từ nay trở đi sẽ được phép xem những tài liệu đã được lấy cấp này, đó là: Kourtchatov, Khariton, Alikhanov và Kiloine. Họ phải ký tắt những bản mẫu của họ, ghi chú trên những tờ giấy rời và khôi phục lại tất cả một lần khi công việc của họ kết thúc.

Những tài liệu này có thể được lưu giữ trong ba chiếc tủ. Chiếc tủ thứ nhất chứa những bức điện có nguồn gốc từ nước ngoài. Tủ thứ hai chứa những tài liệu đã dịch nhưng không có những bí danh của các điệp viên. Tủ thứ ba chứa những tài liệu để huỷ bỏ. Kourtchatov là người hoàn toàn được phép tra cứu nội dung tài liệu trong những chiếc tủ này.

Những đánh giá của Kourtchatov liên quan đến những tài liệu đã được lưu trữ, chắc chắn



rằng, từ nay trở đi chúng sẽ được KGB-SRE “giải phóng”. Tài liệu lâu đời nhất trong hàng loạt tài liệu này dài bằng mười bốn tờ giấy viết tay, với nội dung sau:

Tuyệt mật

Gửi ông bạn M.G. Pervoukhine

Phó Chủ tịch Hội đồng Nhân dân

Kiểm tra những tài liệu mà tôi có chứng tỏ rằng những gì họ đạt được có giá trị rất lớn, xem chúng không thể đánh giá được đối với Nhà nước và nền khoa học của chúng ta.

Một mặt, những tài liệu này chứng tỏ tầm quan trọng trong công việc nghiên cứu về uranium đã được tiến hành ở Anh; mặt khác, họ đã cho chúng ta cơ may để có thể đạt được những chỉ dẫn chính yếu cho những nghiên cứu riêng của chúng ta. Điều đó cho phép chúng ta chầm dứt một cách nhanh chóng những giai đoạn mà nó có thể đòi hỏi một công việc khó khăn khi trình bày vấn đề này. Điều đó còn mang lại cho chúng ta những hiểu biết về những phương tiện khoa học công nghệ mới, giúp chúng ta giải quyết chính những vấn đề này.

Khi Kourtchatov đánh giá cao những thuận lợi mà ông có để do thám công việc của những người khác. Ông tiếp tục theo khái niệm của công nghệ cao, quan sát từng chi tiết những vấn đề về tách đồng vị, từ khi khai thác và phân hạch nguyên tử ta có kết luận:

Như chúng ta đã chỉ rõ điều đó, những tài liệu này buộc chúng ta phải kiểm tra lại những ý kiến của chúng ta về nhiều mặt của vấn đề và chỉ ra ba hướng nghiên cứu trong công việc này là một điều mới mẻ với những nhà vật lý Xôviết:

- 1) Tách đồng vị của uranium 235 bằng phương pháp phân hạch.
- 2) Thực hiện việc đốt cháy nguyên tử trong một hợp chất gồm uranium và nước nặng.
- 3) Nghiên cứu những đặc tính của EkaOs 238/94[9].

“Trong kết luận cho thấy, cần phải làm rõ khối lượng tổng thể những dữ liệu có trong những tài liệu để chỉ ra rằng, về mặt kỹ thuật thì có thể giải quyết được tất cả các vấn đề về uranium nhanh hơn. Những nhà bác học của chúng ta báo cho biết những tiến bộ đã được ghi nhận nhờ công việc được thực hiện ở nước ngoài”.

Ở trang cuối cùng này, Kourtchatov đã tiết lộ với chúng ta rằng, không phải ông không có những nghi ngờ về sự tung tin đồn nhảm. Thực tế ông đã viết:

“Đương nhiên, vấn đề được đặt ra là phải biết rằng, liệu những tài liệu đã có được và được dịch ra có phải là những tiến bộ thực sự trong quá trình nghiên cứu ở Anh, và vấn đề không phải là một âm mưu nhằm làm thất lạc những nghiên cứu của chúng ta. Vấn đề này cực kỳ nặng nề đối với chúng ta bởi vì trong những lĩnh vực nghiên cứu chủ yếu của chúng ta (trừ trang thiết bị công nghệ), cho đến tận bây giờ vẫn không có khả năng xác minh được những dữ liệu đã lấy được.

Nhưng một cuộc kiểm tra đáng chú ý về những tài liệu này cho chúng ta phải suy nghĩ rằng, họ đã diễn đạt một cách chính xác về sự tiến triển trong công việc.

Một vài những kết luận, thậm chí những kết luận đã trình bày đến những mặt cực kỳ quan trọng của công việc đã làm tôi nghi ngờ, những dữ liệu khác dường như ít được chứng minh hơn, nhưng đó là do những nhà nghiên cứu của Anh, không phải do sự yếu kém của chúng ta”

Chúng ta đã thấy rằng, ngay từ mùa xuân năm 1943, tất cả những máy móc đã được đưa vào vận hành cho sự hợp tác có hiệu quả giữa NKVD và Labo 2 để chế tạo ra bom nguyên tử. Những điệp viên tình báo như Maclean và Fuchs đã chiếm những tài liệu thuộc “top bí mật”. Họ bắt đầu tiếp xúc với những tài liệu này của Xôviết được lưu trữ ở Matxcova. Ở đó những tài liệu này đã được xử lý và giao cho Kourtchatov. Ông sẽ hành động theo những đánh giá của họ và chọn lựa để sử dụng cho chương trình của ông, tiếp theo đó là trình bày những yêu cầu riêng của họ.

Chúng ta đã xem xét qua những nhân vật chính trong tổ chức này nhưng vẫn chưa gặp một trong những điệp viên tài hoa nhất của ngành tình báo nguyên tử Xôviết cũng như hai sĩ quan tiếp xúc với gián điệp của họ. Tôi muốn nói về Persée-Mlad và cặp vợ chồng người Mỹ đã được

biết đến với biệt danh là Kroger. Khả năng hợp tác, của họ đã được khởi động trong những năm trước.

PHẦN III:  
NHỮNG ĐIỆP VIÊN TÌNH BÁO



# NGUYÊN TỬ ĐÃ LÀM VIỆC THẾ NÀO, TƯỞNG FITINE NGHIÊN CỨU HỒ SƠ

Stalin rất hiếm khi tin tưởng những bản báo cáo đầu tiên về vấn đề nghiên cứu nguyên tử ở nước ngoài nhưng ông lại thấy rất cần thiết khi hỏi thăm những gì đã xảy ra. Sau những chuyến thăm của Beria cuối năm 1941, ông đã cho triệu tập hai sĩ quan khác của NKVD. Một người là Pavel Fitine - người đứng đầu Văn phòng ở nước ngoài, còn người kia là Vassili Zaroubine, được đặt tên với biệt danh mới là “Trụ sở” ở New York. Stalin cho họ biết rằng, mục đích chủ yếu của họ là góp phần vào chiến thắng Đức quốc xã bằng mọi cách của Cơ quan tình báo. Vấn đề liên quan đến Mỹ, những nhiệm vụ tiếp theo của họ đã được ấn định:

— Tự trang bị cho mình tất cả những thông tin có thể có ở Văn phòng chiến tranh của Mỹ và những Cơ quan tình báo của US về chủ đề những kế hoạch của Hitler trong chiến tranh chống lại Liên bang Xôviết.

— Thu thập những thông tin về những mục đích bí mật của Anh và Mỹ trong chiến tranh, nếu có thể ghi cả ngày mà họ đã ấn định để mở mặt trận thứ hai.

— Thu thập tất cả những thông tin, mà theo những thông tin này Churchill và Roosevelt đã chuẩn bị hoà bình để tách Hitler rồi quay sang tấn công Liên bang Xôviết.

— Theo dõi sự phát triển của kỹ thuật quân sự và những vũ khí ở Mỹ, đồng thời đặc biệt chú ý đến chương trình mới về bom uranium; thu thập tất cả những thông tin có thể cho phép Trung tâm đánh giá những ý định thực sự của Mỹ trong lĩnh vực chế tạo bom nguyên tử.

Đó là những chỉ dẫn mà bất kỳ nhà lãnh đạo có đầu óc thực tế nào cũng đưa ra cho nhóm điệp viên tình báo, nhưng một trong những lời khuyên này đã tạo nên đặc tính của Stalin. Đó là tài năng mà ông có để nghi ngờ những người khác khi chính ông muốn làm những việc đó. Khi Beria bị bắt, sau cái chết của Stalin và bị kết tội, những tội ác khác đã gây ra sự đảo lộn trong Chính phủ Xôviết khi nghiên cứu về hoà bình để tách Đức quốc xã trong chiến tranh. Ông đã nhắc lại rằng, cách mà ông đã làm chỉ là làm theo mệnh lệnh của người đứng đầu.

Mùa hè năm 1941, ông đã tuyên bố, khi Wehrmacht xông vào Matxcova dường như là để thống trị. Stalin đã đưa ra những tín hiệu về hoà bình cho Hitler thông qua sự can thiệp của Ivan Stamenov, Đại sứ của Bulgarie ở Liên bang Xôviết. Khởi xướng này đã vi phạm đến Hiệp ước ký giữa các đồng minh và có thể tặng cho Đức quốc xã một phần lãnh thổ của Liên bang Xôviết từ Pologne, những nước thuộc vùng Baltique và phần lớn nhất của Ucraina khi trao đổi tạm ngừng các hành động quân sự.

Dù sao thì Stamenov cũng không giao bức thông điệp, và Hitler cũng đã ném nó đi, không coi nó là quan trọng và chiến tranh vẫn cứ tiếp tục. Bản phác thảo được đưa ra bởi Beria không được chấp nhận và ông đã bị chết. Tuy nhiên một điều thực tế là, Stalin luôn luôn nghi ngờ những người khác từ cách nghĩ cũng như sự lắt léo mà ông đã có.

Bây giờ Stalin đã sợ rằng, những đồng minh mới của ông sẽ tập hợp lại với đồng minh cũ để chống lại ông. Nỗi sợ này đã ngự trị nơi ông trong suốt những năm chiến tranh, đến tận lúc chiến tranh gần kết thúc, khi Quân đội Đức ở Italia đầu hàng trước quân Mỹ, Stalin đã buộc tội Roosevelt đã có âm mưu hoà bình để tách với Hitler. Không gì lạ hơn những quan tâm của Roosevelt: ông ta không phải là người nghĩ ra ý tưởng đầu hàng vô điều kiện của quân Nhật và Đức? Ngài Tổng thống mong muốn rằng, “ông bác Joe”, đó là tên trù miên mà ông ta đã gọi Stalin, hoặc là liên lụy cùng với những nguyên tắc sau chiến tranh. Ông tiếp tục hành động theo phán đoán này ở Yalta.

Sau khi Stalin tiếp đón Fitine và Zaroubine, những lời hướng dẫn này được trình bày theo sự chỉ dẫn chung của “26s” (s có nghĩa là bí mật) và được phân phát cho những mạng lưới tình báo của Xôviết ở khắp nơi trên thế giới. Còn nhà hướng dẫn và giáo dục tiếp tục đề phòng những bản báo cáo về loại siêu vũ khí này; việc do thám bom nguyên tử đang ở trong một sự ưu tiên hoàn toàn dành cho tất cả những cặp mắt bí mật và những đôi tai bí mật của Cơ quan

Tình báo Matxcova.

Trước khi những tình huống thời sự này xảy ra, Trụ sở của Mỹ đã bị liên lụy nhiều trong mạng lưới tình báo công nghiệp. Gaik Ovakimian, một người đàn ông vừa lùn vừa mập, có mái tóc cao mọc, với những nét của người Nga mặc dù tên ông ta là người Mỹ, đang chỉ đạo mạng lưới. Ông ta ẩn náu dưới sự đảm bảo của một khách hàng của Amtorg - Tổ chức Thương mại Xôviết ở New York, nhưng trên thực tế lại là một Trụ sở của NKVD từ năm 1932. Những điều khó chịu bắt đầu nảy sinh từ năm 1941. FBI phát hiện ra một vài người trong những cuộc tiếp xúc của ông đã bị bắt và bị buộc tội nhưng không được truyền tin với tư cách là một điệp viên nước ngoài. FBI đã kết luận cho ông quyền ưu tiên về mặt ngoại giao và nói lảng với khoản tiền bảo lãnh hai trăm nghìn đô la. Vợ ông và những thành viên khác đã bị gửi trả về nước, trong khi đó ông ta được ở lại Mỹ trong những điều kiện không được làm sáng tỏ. Đó chính là lúc chiến tranh bùng nổ. Văn phòng Nhà nước đã quyết định trao đổi ông ta để chống lại người Mỹ đang ở Xôviết. Ngày 23 tháng 7, ông ta đã rời San Francisco lên một con tàu của Xôviết, nhưng những người Mỹ đã hứa là không bao giờ phải nhìn thấy đất nước họ. Matxcova khẳng định rằng, họ đã biến mất trước khi Đức quốc xã bất ngờ xâm chiếm lãnh thổ của Xôviết.

Một lần Ovakimian “bị lật mặt nạ” do trợ lý của ông ta là Pavel Pastelniak tiết lộ. Người đàn ông này có cương vị là một nhân viên ở Tổng lãnh sự quán của Liên bang Xôviết ở New York. Trên thực tế, đó là một nhân viên của NKVD. Ông ta có nhiệm vụ cài lén vào những nơi nhập cư của Nga, Ucraina và Do Thái, thậm chí cả ở Đảng của những người Trotskiste của Thổ Nhĩ Kỳ. Năm 1938, ông ta là người có trách nhiệm về mặt An ninh của Xôviết trong những cuộc triển lãm mang tính toàn cầu. Bí danh của ông ta là Louka.

Sau khi Ovakimian khởi hành và trước khi Zaroubine đến, trạm tình báo của New York đã gửi một bức điện cho Fitine ở Trung tâm Matxcova. Người ta đã kể lại về một người nào đó tên là Altman mà ông ta có nhiều vấn đề trong cuốn sách này. Trong lúc này, ông ta cho phép tôi giữ kín tung tích của ông ta.

Tuyệt mật!

Trung tâm Matxcova

Đến Viktor

Cuộc tiếp xúc được xây dựng với Altman. Bí danh của ông ta là Luis. Ông ta sẽ làm việc với Twain.

Luis đã được giao nhiệm vụ triệu tập những nguồn thông tin giúp chúng ta có được những thông tin về thuộc địa của Đức và về những chủ đề khác được quan sát tỉ mỉ theo sự chỉ đạo của Trung tâm.

Để tạo thuận lợi cho công việc, tôi nài xin sự thừa nhận của ông để cho phép Luis tuyển mộ một người lãnh đạo riêng cho một số điệp viên. Ông đã biết tính cách của từng ứng cử viên được tuyển dụng.

Twain chính là Semion Semionov, một kỹ sư của Amtorg. Tỏ ra là một con người cực kỳ lịch sự, dáng người mảnh, khuôn mặt tròn với những nét tinh tế của người Do Thái dưới vàng trán rộng. Nó tạo cho ông dấu ấn của một người tài năng và có văn hoá. Ở Mỹ từ rất lâu, đã có bằng kỹ sư của Viện Công nghệ Massachusetts, không nói đến Viện dệt Matxcova, ông có một cách nói rất duyên dáng và thông minh hơn so với những điệp viên khác dưới sự kiểm soát của ông - họ chỉ biết ông dưới tên “Sam”.

Semionov và Pastelniak chỉ huy một “Trạm” từ New York đến Washington vào tháng giêng năm 1942, người kế nhiệm họ là Ovakimian và Zaroubine. “Trụ sở” mới do ngài Thư ký thứ ba, rồi thứ hai ở Đại sứ quán Xôviết chỉ huy, cũng không thể ngăn cản Twain đến New York lưu trú trong nhiều ngày. Ông đã đến đó cùng với người vợ của ông là bà Élisabeth - một người nổi tiếng trong Cơ quan tình báo với vai trò của một điệp viên kích động trong lần bắt bớ Yakov Blumkine, một trong những người bị kết án đầu tiên và bị xử tử ở Nga vì đã mưu phản cùng với Trotski (ông ta bị xử bắn tháng 12 năm 1929). Zaroubine là một người đàn ông vừa lùn vừa mập, vẻ bên ngoài giống như “một con heo”, có cảm giác như được củng cố bởi cái mũi tẹt và cặp kính tròn, không có gọng cũng chẳng có kính. Trong suốt những ngày lưu trú ở Mỹ, vợ

chồng ông ta đã sử dụng bí danh là Zoubiline.

Chúng ta hãy trở lại bức điện của Pastelniak. Sau khi đã có ý thức về chuyện này, Fitine đã gọi Kvasnikov đến và chỉ cho ông ta thấy rằng.

— Vậy chúng ta phải quyết định như thế nào về vấn đề của Luis và Leonid Romanovitch?

— Đường như tôi có cảm giác rất tốt - Kvasnikov trả lời - Tôi nghĩ rằng, ông ta xứng đáng với niềm tin của chúng ta và chúng ta có thể giao cho ông ta những trách nhiệm.

— Tin tưởng ở ông ta là một chuyện, còn tuyển mộ ông ta lại là chuyện khác. Theo nguyên tắc chung, chỉ có những sĩ quan tình báo mới được thực hiện những công việc kiểu này.

— Tôi biết, nhưng ông ta là một trường hợp đặc biệt đối với các điệp viên tình báo của chúng ta ở nước ngoài.

Fitine suy nghĩ một lúc.

— Tốt, Leonid Romanovitch, tôi sẽ lưu ý những nhận xét của ông. Nhưng tôi tin rằng, rất cần thiết phải đưa ra quan điểm của riêng tôi về vấn đề ông Luis trước khi quyết định, liệu ông ta có tài năng hay không để được tuyển dụng. Hãy làm một phiếu nhận dạng cho những nhân viên của chúng ta.

— Tốt - Pavel Mikhailovitch

Mười lăm phút sau đó, một sĩ quan trẻ đến tự trình diện với Fitine ở văn phòng.

— Ngài cho phép tôi chứ, thưa ông bạn chỉ huy?

— Chủ đề gì vậy?

— Ông đã yêu cầu những thông tin về vấn đề của Luis?

— Tôi đã yêu cầu một cái phiếu nhận dạng cá nhân.

— Nó đã sẵn sàng. Tôi mang nó cho ông.

— Nhanh vậy sao?

Fitine ra hiệu cho viên sĩ quan này tiến lại gần hơn để nghiên cứu kỹ vấn đề này. Ông chú ý đến chiếc phù hiệu của người lính nhảy dù cài trên chiếc áo đồng phục của viên sĩ quan trẻ.

— Chúng ta đã tự nhìn nhận lại chưa?

— Trên thực tế, đây là một người bạn chỉ huy. Cách đây một năm rưỡi, Ủy ban Trung ương Đảng - ông đã nói với tôi về sự giả vờ của tôi ở Cơ quan tình báo.

— Đúng, bây giờ tôi đã nhớ. Ông đã nhớ chưa?

— Sĩ quan Yatskov, Anatoli Antonvitch, đã tốt nghiệp Đại học Matxcova. Trước khi phục vụ Cơ quan tình báo, tôi đã là một thành viên chính thức trong đơn vị của Dounavev.

— Vậy chúng ta là những người bạn cũ của nhau. Và bây giờ, Trung uý Yatskov, chúng ta thấy đây, đã soạn thảo cho tôi rất công phu [\[10\]](#).

Yats đưa cho ông chiếc áo sơ mi mỏng bọc tờ

Spravka liên quan đến Luis.

Fitine bắt đầu đọc với giọng rất to:

— “Cohen, Morris, sinh năm 1910, người Mỹ, độc thân, là công nhân, thành viên của Đảng Cộng sản Mỹ, đã làm việc ở Cơ quan tình báo năm 1938 với những mô típ lý tưởng...”

Sau khi đọc hết từ đầu đến cuối, Fitine ngược mắt nhìn về phía Yatskov.

— Tôi phải nói rằng, việc đó thực hiện rất tốt. Nhưng tôi nghĩ rằng, tôi phải nhìn tận mắt tập hồ sơ liên quan đến Luis.

Nửa giờ sau, tập hồ sơ 13676 đã nằm gọn trong tay ông chủ Cơ quan tình báo nước ngoài. Ông mở ra một trang tự thuật được đánh máy và nó được đảm bảo bằng một đoạn rất khó đọc. Đoạn đầu này do chính Luis viết ra.

Và hiện giờ, tất cả những tài liệu bằng tiếng Anh, ban đầu được tập hợp trong hồ sơ số

13676, đã được chuyển đi nơi khác, thậm chí nó rất cần thiết phải dịch từ tiếng Nga sang tiếng Anh.

Đây là những gì mà Fitine đã đọc:

“Bố mẹ tôi đều là những người nhập cư. Mẹ tôi là người gốc Vilna. Cha tôi là người gốc Taraschi, gần Kiev. Họ sống ở Harlem, thuộc phía Đông của New York. Những người Nga và người Ucraina thường xuyên tụ tập ở nhà cha mẹ tôi để nghe những đĩa hát mà họ đã thu thập được, để hát những bài hát rất quần chúng và tổ chức những buổi khiêu vũ điệu polka, điệu gopak. Những điều mà tôi đặc biệt quan tâm là những câu chuyện về chủ đề của một đất nước mà tôi chưa bao giờ được biết đến, đó là nước Nga. Mỗi một lần họ nói với nhau về điều này, tôi lại thấy sự khát khao được ngược mắt nhìn về đất nước, nơi có tổ tiên chúng tôi ở đó. Điều mong muốn này đã lớn lên dần theo năm tháng cùng với biết bao nhiêu sự kiện đã xảy ra.

Bởi vì nước Nga không phải là một nước như những nước khác. Nó trở thành một nước mẫu mực trong một xã hội mới và tất cả các nước đều hướng về đất nước này. Vậy tại sao khi các nước phương Tây đang chìm trong sự suy thoái kinh tế một cách trầm trọng mà nước Nga lại bắt tay vào một nhiệm vụ phi thường để hoàn thành kế hoạch năm năm lần thứ nhất? Tôi cũng vậy, Liên bang Xôviết đã quyến rũ tôi rất nhiều bởi vì mỗi một người có cơ may được làm việc ở đất nước này, trong khi đó ở Mỹ thì ngược lại, chúng tôi đang bị thất nghiệp. Nói ngắn gọn, cũng như những người ở phương Tây, tôi đã bị quen bởi những ý tưởng của XHCN, là hiện hình của một cấu trúc xã hội tự do nhất thế giới.

Năm 1936, ở Đại học của Illinois, tôi đã gia nhập tổ chức thanh niên Cộng sản. Nhưng tôi đã nhanh chóng bị trục xuất khỏi trường vì đã có những đóng góp cho những truyền đơn chính trị mà chúng tôi đã in trong đêm để kịp sáng hôm sau bỏ vào bưu điện. Khi tôi trở về New York, tôi đã là thành viên của Đảng Cộng sản Mỹ.

Ở thời kỳ này, cuộc khủng hoảng kinh tế đang trên đường tan biến, nhưng nạn thất nghiệp vẫn luôn còn đó, thậm chí có đến cả mười bảy triệu người. Trên thực tế mà nói thì không thể tìm được một công việc nhưng những người bạn trong Đảng của tôi đã tìm cho tôi một công việc, thực chất là một công việc tạm thời đi đưa báo và những tạp chí tiến bộ, với công việc này tôi được trả mười lăm đô la một tuần. Và rồi, tôi đã tìm được một công việc làm thợ sắp chữ trong một nhà in, rồi lại làm thợ cơ khí trong một nhà máy và nhân viên trong một khách sạn ở New York.

Năm 1936 là thời kỳ của những cuộc mít tinh và những cuộc biểu tình có lợi cho nước Cộng hoà Tây Ban Nha. Ở Mỹ, cũng như ở tất cả mọi nơi trên thế giới, sự tập trung lực lượng bắt đầu diễn ra. Một mặt, những lực lượng hoà bình, của sự tiến bộ và dân chủ, mặt khác, những kẻ đồng lõa của trào lưu phản động, sự ức hiếp của chế độ độc tài. Mỗi một người tự đưa ra cho mình một cách lựa chọn: Bạn về phía nào? Đối với tôi, vì rất nhiều lý do, tôi chỉ có thể tập hợp những người bảo vệ nước Cộng hoà. Việc này diễn ra đúng lúc được đề bạt để củng cố sự tin tưởng vào chính trị của tôi. Trong suốt cuộc họp ở Madison Square Garden (tháng hai năm 1937), tôi đã là một trong những người đầu tiên đến một cách tự nguyện, không ngần ngại, đối với Đội hiến binh quốc tế Abraham Lincoln”.

Trong cuốn tùy bút tự truyện của mình, Morris Cohen đặc biệt nhấn mạnh đến những định hướng chính trị của ông. Nhưng đối với những Cơ quan Tình báo Xôviết, chàng thanh niên trẻ người Mỹ bình thường này, nước da không quan trọng lắm. Là một vận động viên điền kinh, luôn nở nụ cười trên môi, với mái tóc mỏng và cong làn sóng, anh ta mong muốn trở thành một cầu thủ bóng đá và trở thành một ngôi sao trong đội bóng của Trường Cao đẳng James Monroee ở Bronx. Những thành tích của anh bắt đầu nổi trội từ năm 1931 và anh đã được nhận vào Trường Đại học Mississippi, nơi anh bị gãy chân và đã trở thành một gánh nặng cho đội tuyển của anh. Bốn năm sau, vào năm 1935, anh đã có tấm bằng Cử nhân Khoa học công nghệ. Tiếp năm sau, anh lại đăng ký vào học tại Trường Đại học Illinois (thuộc bang California) để theo học những khoá học không chỉ về khoa học mà cả về lịch sử. Cũng chính năm đó, chúng tôi đã gặp anh ta khi anh tham gia vào những hoạt động chính trị căn bản. Một lần anh ta đã trở về New York, nơi cha anh là Harry bắt đầu làm ăn rất phát triển.

Ông Harry và bà vợ Herschel rất khó chịu khi thấy cậu bị tàn tật, nghèo khổ và ngày càng yếu

đi. Nơi họ, những bằng chứng về một sự suy sụp lớn không bao giờ quên được. Chàng thanh niên trẻ Morris đã được nuôi dưỡng trong một môi trường xã hội công bằng lý tưởng và trong những ánh sáng, không phải trong khát vọng giàu có. Bắt đầu làm việc từ năm lên chín tuổi, anh ta đã làm những công việc bán thời gian, chủ yếu là lao động bằng chân tay, đặc biệt là công việc của một người phục vụ, bồi bàn. Anh đã kiếm sống ở bên đồ xe tô ở Mississippi, vì anh nghĩ rằng ở đó, những chi phí cho cuộc sống sẽ rẻ hơn nhưng thực tế những chi tiêu của anh lại thường quá mức. Vậy, anh là một người bất hạnh trong một đất nước mà đã tấn công anh bằng sự tàn bạo và phân biệt chủng tộc, nơi không tìm thấy một nhà cải cách nào để chia sẻ quan điểm của mình. Ở Illinois, Tổ chức của những thanh niên Cộng sản, trong đó có một số giáo sư làm nòng cốt và một sinh viên với cậu ta. Khi trở về New York, Morris đã có âm mưu chuyển những cuốn sách mỏng và những tờ báo về, trong đó bao gồm cả những bản dịch bằng tiếng Anh được dịch từ tiếng Nga và hành trình này đã đi suốt cuộc đời anh. Anh đã trở thành một chiến binh Cộng sản.

Khi đọc lướt qua tập hồ sơ của Cohen, Tướng Fitine, không một chút nghi ngờ nào đã có một nụ cười mãn nguyện theo đánh giá của Đội hiến binh Quốc tế. Những sĩ quan của Bộ Ngoại giao đã biết rằng, Đội hiến binh Quốc tế đã dự trữ và tuyển mộ những thành viên của tình báo Xôviết như thế nào. Nhưng trường hợp tuyển mộ của Israel Altman thì hoàn toàn đặc biệt.

# “COMPANERO”- BROWN

Những người tình nguyện của Đội hiến binh Quốc tế đã gia nhập vào một thế giới lý tưởng, lãng mạn, với nhiều mảnh khoé nhưng lại có thể nguy hiểm đến tính mạng. Công việc của họ bắt đầu bằng việc xâm nhập vào Tây Ban Nha thông qua con đường bất hợp pháp, với những tấm hộ chiếu giả và dưới một cái tên chiến tranh. Khi vượt qua những dãy đồi núi nằm giữa Pháp và Tây Ban Nha, họ phải chịu đựng nhiều thử thách và phải vâng lời những mệnh lệnh, sau đó họ phải đến Albacete, Tổng hành dinh của Đội hiến binh, nơi mà họ phải phân chia thành những tiểu đoàn và được gửi đến những trận chiến. Một vài tuần sau khi đưa ra quyết định tham gia, chàng thanh niên trẻ này phải lao vào giữa làn bom đạn và cuộc sống lúc này không là một giấc mơ nữa.

Trong số hàng nghìn người đàn ông đã sống sót trong lần chuyển tiếp đột ngột này có Israel Pickett Altman, hai bảy tuổi, người đã nhanh chóng đến dãy núi Pyrénées vào tháng 7 năm 1937. Hoàn toàn xúc động trước những người bạn của mình, sự can đảm, sự tận tâm và sự hiểu biết về Chủ nghĩa Macxít, anh đã nhanh chóng được đứng trong hàng ngũ điều khiển về chính trị trong tiểu đoàn súng tiểu liên Mackenzie/Papineau và được đề bạt là hai công dân danh dự của Canada. Vào thời gian cuối năm, tiểu đoàn của anh đã thi hành nhiệm vụ với những chiếc xe tăng của Xôviết trong cuộc chiến đẫm máu của Fuentes de Ebro và đã bị thương bởi một tràng súng. Bị thương cả hai chân, anh ta không bao giờ hồi phục sức khoẻ hoàn toàn được và phải tự đi lại một cách khó khăn đến những ngày cuối đời. Bị thương ở vùng bụng dưới, anh đã chuốc lấy một cái án rất nặng đó là không bao giờ có con được nữa. Nhưng anh ta đã sống sót.

Bị buộc phải ngồi tại giường của bệnh viện ở Barcelon, Altman đã làm được một điều mà được gọi là một cuộc cách mạng: đó là anh đã học gao Lênin và Stalin. Sau ba tháng, anh đã đọc được cuốn sách và đây cũng là thời gian anh được điều trị tương đối cơ bản để xuất viện. Anh được triệu tập đến một ngôi nhà có cột với những bức tường cao bao quanh cách đó hai bước. Ngôi biệt thự này của một nhà quý tộc ở Saragosse và hiện nay là Trụ sở của Trường Tình báo và phá hoại ngầm của quân đội Cộng hoà. Ở vị trí kiểm tra, Altman được tiếp đón bởi một lực sĩ rất to khoẻ có cái mũi tet và bộ râu ngắn màu ghi. Người đàn ông này mặc một chiếc áo khoác kaki không có méch đệm cầu vai và cũng chẳng có dấu hiệu đặc trưng nào để phân biệt với những loại áo khác.

Tất cả theo người hướng dẫn đi qua một khu vườn rồi đến những ngôi nhà của trường này, người đàn ông này thông báo cho Altman bằng tiếng Anh một cách trôi chảy rằng, những người đại diện của mười hai nước, trong đó có cả Mỹ, cũng đang học tập ở đây để trở thành những người điều khiển radio, những người thu hút những nhân tài và những chuyên gia cho những kế hoạch lật đổ. Anh ta nói thêm, sự chỉ huy của đội hiến binh Abraham Lincoln đã tiến cử Altman theo học những khoá về chuyên dẫn radio với lý do anh bị thương. Sẽ đến lượt Altman thử thái độ của mình khi hoàn thành những nhiệm vụ của Cơ quan tình báo Xôviết[\[11\]](#).

— Cám ơn Companero - Altman chào.

Người đàn ông này im lặng nhưng anh biết rõ là phải nói những gì.

— Xin lỗi, nhưng tôi phải gọi anh như thế nào đây?

— Hãy gọi tôi là Brown là đủ rồi.

Dưới cái tên giả mạo này đã che giấu một “Trụ sở” của NKVD ở Tây Ban Nha. Nhiệm vụ chính của anh ta là cố vấn cho Chính phủ Cộng hoà về lĩnh vực an ninh. Trong sự nghiệp của mình, anh ta đã từng mang nhiều biệt danh khác nhau, nào là Lev Nikolski, Lev Nikolaiev, Igor Berg, đây là không kể đến những tên họ không phải là của Nga mà chưa bao giờ được tiết lộ. Anh ta được sinh ra ở Leiba Lazarevitch Feldbin. Nhưng cũng chính với tư cách là người phản bội Alexandre Orlov, anh đã được đi vào lịch sử và trở thành một nhân vật nổi tiếng. Anh ta cũng có trong hồ sơ của KGB, dưới số hiệu 32476, được xếp đặt theo sự bố trí của Oleg Tsarev - một cố vấn như tôi ở Văn phòng báo chí của SRE. Tập hồ sơ này đã được xuất bản thành một cuốn sách mang tên Deadly Illusions , được soạn thảo với sự hợp tác của một người Anh tên là



John Costello.

Orlov bắt đầu công việc của mình bằng một việc làm lén lút ở Pháp, rồi Áo và Anh. Ở Tây Ban Nha, Orlov đã gặp điệp viên tình báo nổi tiếng Kim Philby, sau đó vào Tổng hành dinh của quân đội Franco với tư cách là một phóng viên thường trú của tờ Time ở Luân Đôn. Chỉ huy cả ba nhân vật nổi tiếng, anh đã lãnh đạo những kế hoạch chiến tranh du kích chống lại những người theo Chủ nghĩa dân tộc, đồng thời tổ chức những “đơn vị di động” có nhiệm vụ vây hãm những người Trotskite trong hàng ngũ những người Cộng hoà. Trong số những nạn nhân của anh ta, người ta thấy có cả Andreu Nin - người lãnh đạo của POUM (Đảng Hợp nhất những công nhân Mác xít), trong đó sự biến mất rất lâu này đã tạo nên một bí mật.

Mưu mô của Orlov đã trở thành một huyền thoại. Khi biết rõ những cuộc nổi loạn tập thể sẽ bị nghiêm trị ở Nga, cùng với việc triệt hạ Đảng, quân đội, cảnh sát mật, ông ta đã đưa ra quyết định không trở về đất nước. Nhưng bằng cách này hay cách khác, ông vẫn dự phòng được công việc của một điệp viên tình báo để góp phần phục vụ đất nước. Với những lý do sợ bị ám sát, ông ta đã từ chối không tuân theo mệnh lệnh phải hồi hương mà ông ta đã dùng những đề phòng cần thiết để tự vệ và bảo vệ vợ con tránh khỏi sự săn lùng của những kẻ giết người của NKVD đang ở Châu Âu để hoàn thành nhiệm vụ của họ.

Những linh cảm của ông đã không nhầm. Ngày 9 tháng 7 năm 1938, ở Barcelone, ông đã nhận được một bức điện mật mã thông báo với ông rằng, phải đến Anver để gặp một người đại diện của Trung tâm ở mạn tàu của Xôviết. Orlov không có thời gian dài để hiểu rằng chỉ có một nghĩa duy nhất là: bắt giữ. Thay vì gửi chiếc vali đựng văn kiện ngoại giao, trong đó có bản báo cáo về việc tuyển dụng Altman, Orlov đã gửi nó cho người thuyền trưởng Strik - một giáo viên của trường Barcelon, và sau này là người hùng của cuộc Đại chiến ái quốc. Tên thật của Strik là Kirill Orlovski. Sau đó Orlov truyền bức điện này về Trung tâm để thông báo rằng, ông sẽ có mặt ngày 14 ở mạn thuyền Svir như ông đã nhận được mệnh lệnh. Và chính xác là ngày 14, ông đã biến mất cùng gia đình.

Được trang bị một hộ chiếu ngoại giao, Orlov đã đến Paris, sau đó lại có một visa Canada để đến một thế giới mới. Vì ông không đến cuộc gặp mặt, NKVD đã đưa ra ý kiến của một nhà nghiên cứu không kết quả. Từ nay trở đi, ông sẽ có mặt trong tất cả các tài liệu được gọi với cái tên Nevozvrachtchenetz, như là một sự phản bội tổ quốc và tất nhiên là lãnh một bản án tử hình. Nhưng Orlov đã có cách để thoát khỏi cái án tử hình này.

Cuối tháng 7 năm đó, một chiếc xe taxi đỗ trước cổng của Đại sứ Xôviết ở Paris chở một người đàn ông trạc sáu mươi tuổi đến đây gửi một bức thư. Chiếc taxi này khởi động lại và chở một người đưa tin không có nhân dạng, là hàng xóm của Orlov. Nhân viên của đại sứ nhìn thấy trong tay của ông ta có một chiếc phong bì có đề địa chỉ ở trên: “Cá nhân một cách nghiêm túc. Gửi cho Nikolai Ivanovitch Iejov. Không ai được mở ngoại trừ Chved”. Iejov là sếp của NKVD còn Chved là bí danh của Orlov. Bức thư này đã được chuyển về Trung tâm.

Orlov đã trình bày những lý do khiến ông ta phải chọn cách đi lưu đày cùng với gia đình. Viện dẫn hành động của mình “không thể tiến gần đến các hoạt động của Đảng cũng như chính quyền Xôviết”, mặc dù đã nhận lệnh của Lenin và lá cờ đỏ. Ông phàn nàn một cách cay đắng về cái bẫy đã giăng ra cho ông:

“Đối với tôi thật rõ ràng là trong những quyết định của mình, các ông có thể đã muốn thanh lý tôi bằng việc đưa ra nhiều biện pháp cứng rắn trong bộ máy. Bất kỳ ai cũng khẳng định rằng, để tiếp tục sự nghiệp, tôi phải trải qua nhiều tội ác với những phương cách kỳ cục, với hy vọng là được trao thưởng sau khi đã thực hiện tốt kế hoạch. Bằng chứng là thiếu những kế hoạch trong khi lại cố ném tôi ra khỏi mạn tàu như là một kẻ thù của dân tộc. Thật rõ ràng là, số phận của tôi đã bị niêm phong và cái chết luôn rình rập tôi”.

Gọi lại với Iejov những chiến công và những mất mát của ông ở Tây Ban Nha, Orlov đã giải thích rằng, đó không phải là sự đe dọa dùng hình phạt thích đáng để ngăn cản sự có mặt của ông ở mạn tàu:

“Chính sau khi thực hiện, nghĩa là đáng lẽ sau khi tôi bị xử tử và vợ tôi bị đi lưu đày hoặc bị xử bắn, con gái tôi bị bệnh, lúc đó nó mới 14 tuổi, được tìm thấy ở thành phố. Nó đã bị những



đưa trẻ khác và những người lớn truy đuổi bởi vì nó là “con gái của một kẻ thù dân tộc”. Dù sao con gái tôi cũng là con của một hoàng gia Cộng sản và một chiến binh, con của một người đàn ông là niềm tự hào của nó và tôi không thể chịu đựng được nữa”.

Orlov đã dành những điều xỉ nhục cho Mikhail Spiegelglass, một trong những “kế hoạch” của NKVD ở Châu Âu. Vào tháng 9 năm 1937, Mikhail Spiegelglass - cái tên này có nghĩa là “Gương soi” đã chỉ đạo việc ám sát Ignatz Poretski - một nhân vật được biết đến dưới cái tên Ignace Reiss - bậc thầy trong ngành tình báo ở Châu Âu - người đã ghê tởm bởi sự thanh trừ chính trị, đã “quyết định giữ khoảng cách với ông và trở lại với Lenin, theo thông tin và lý do của ông ta”. Orlov đã gán cho Mikhail Spiegelglass là một người theo chủ nghĩa cơ hội tồi tệ nhất của loài người và đã gửi cho Mikhail Spiegelglass một danh sách những sai phạm. Tóm lại, kẻ giết người lưu động sẽ không thoát khỏi những án phạt và ông ta đã bị bắt ở Matxcova và đã chết sau đó một năm.

Orlov đã kết thúc bức thư bằng cách hoà giải:

“Nếu các ông muốn để chúng tôi yên lặng, gia đình tôi và tôi, tôi sẽ không bao giờ lao vào một hoạt động có nguy cơ làm hại Đảng hay Liên bang Xôviết. Tôi đã không bao giờ gây ra điều gì đáng tiếc xảy ra đối với Đảng và đất nước tôi. Tôi thề về điều này: cho đến những ngày cuối cùng của tôi, tôi sẽ không nói ra một lời nào làm tổn hại đến điều mà vì nó tôi đã cống hiến cuộc sống của mình...

Chved ký tên”

Để thêm sức mạnh vào lời thề này, Orlov đã gửi một bức thư đến “cảnh sát bảo hiểm cuộc sống” của mình. Đó là một danh sách những tên cực kỳ bí mật và những kế hoạch mà ông đã bị liên can, đồng thời nói rõ loại thông tin mà ông có khả năng công bố nếu ông bị mưu hại chết. Nếu người ta tin vào điều này theo hồ sơ của Mikhail Spiegelglass ở NKVD, lejov hoàn toàn xúc động: ông đã đưa ra mệnh lệnh là sẽ không đụng đến Orlov trong trường hợp ông ta bị phát hiện. Tóm lại, mưu mô của Orlov là tổng tiền cảnh sát mật Xôviết và và buộc tổ chức này phải chấp nhận.

Một luật sư cho ông gặp gỡ với Francis Bidble, một luật sư người Mỹ. Orlov đã đưa ra những lời đảm bảo và nhận giấy phép bằng miệng sang lưu trú tại Mỹ. Sau đó, chính Orlov và gia đình đã bí mật sống vất vưởng một cách khó hiểu dưới cái tên Alexander và Maria Berg, chủ yếu là ở Cleveland, từ năm 1938-1953. (Con gái của họ đã bị một trận sốt thấp khớp và đã chết vào hồi tháng 7 năm 1940).

Những Cơ quan tình báo Mỹ, bị cản trở bởi tiết lộ đến chậm của một kẻ phản bội người Xôviết - một người chỉ huy, đột nhiên đối tốt với Orlov. Ông được triệu tập đến một loạt những cuộc gặp gỡ, trước tiên là với FBI, và sau đó là với CIA. Mấy năm sau, vào những năm năm mươi, ông đã phải ra trước toà án của tiểu ban ở Thượng Nghị viện trong phạm vi an toàn và cung cấp những bằng chứng nặng nề chống lại Mark Zborowski - một điệp viên của Xôviết hoạt động ở New York. Ông đã kể một cách rõ ràng, vào năm 1936, ông đã tổ chức chuyển kho dự trữ vàng từ Tây Ban Nha, trị giá khoảng sáu trăm nghìn đô la về Xôviết như thế nào vì những “lý do an toàn”. Số vàng này không bao giờ được trả lại. Vào năm 1963, ông đã soạn thảo tay nội dung cuộc chiến tranh du kích. Khi trao đổi những bằng chứng này một cách thực tâm, ông đã nhận được một sự đối xử đặc biệt và đã trở thành công dân của Mỹ. Đến tận lúc qua đời năm 1973, khi ông đã bước sang tuổi bảy tám, ông vẫn được Thượng Nghị viện Mỹ đánh giá cao vì những đóng góp của ông trong hoạt động chống tình báo phản gián của Mỹ; một số tài liệu tưởng niệm về đóng góp của ông ở đây đã được xuất bản thành sách với tựa đề Sự kế thừa của Alexandre Orlov. Những giấy tờ này đã được cất tại Cục lưu trữ quốc gia và chỉ có thể được sử dụng từ trước năm 1999.

Được phép tự hỏi rằng liệu Orlov có thực sự giữ lời và không bao giờ nói những lời có hại đến Đảng và Liên bang Xôviết không.

Cuốn sách của ông đã thể hiện rõ sự lạm quyền của Đảng và những lời chứng của ông đã làm sáng tỏ những phương cách hoạt động gián điệp của Xôviết. Việc ông kể về vụ ăn cắp vàng của Tây Ban Nha không phải mục đích là cải thiện mối quan hệ giữa Tây Ban Nha và Nga. Nhưng

với những kế hoạch đang diễn tiến thì ông lại câm như hến, chỉ tiết lộ với Mỹ những thông tin đã được khám phá, từ “những tài liệu lịch sử”. Còn vấn đề liên quan đến Zborowski, Orlov biết rằng, ngay bây giờ ông đã bị FBI lật tẩy và điều đó chỉ là đổ thêm dầu vào lửa. Còn vấn đề liên quan đến chính ông, ông rất cẩn trọng khi tiết lộ rằng, ở Tây Ban Nha, ông đã từng chỉ huy những đội đặc công tiến hành khử những người Trotskiste. Ông đã tuyển mộ những người Mỹ có tư tưởng duy tâm và những chiến binh của Đội hiến binh quốc tế. Hoặc trước thời kỳ ở Tây Ban Nha, trong suốt thời kỳ ở Luân Đôn, ông đã liên quan đến việc tuyển mộ những nhân vật chủ chốt trong “mạng lưới tình báo Cambridge” như Kim Philby, Donald Maclean và Guy Burgess không kể đến khoảng ba mươi điệp viên tình báo khác mà chưa bao giờ được xác minh. Trong những lĩnh vực này, Orlov là một người dù sao cũng giữ lời hứa và đã giấu FBI và CIA những thông tin quan trọng sống còn trong hai mươi năm.

Chính những điều này đã làm Orlov thực sự không xứng đáng với phẩm chất của một điệp viên tiếp xúc với gián điệp của Xôviết. Ông đã thoát khỏi Iejov và cũng trốn khỏi Stalin nhưng lại trung thành với lý tưởng của Lenin và quan niệm của Nhà nước Xôviết. Sau khi Stalin qua đời, KGB đã tự phó mặc trong một thời kỳ theo những đánh giá về “những thiệt hại” là do Orlov và người phỏng vấn trong hai lần trong những năm qua ở Cleveland. Kết luận cuối cùng rằng, Orlov là một người yêu nước. Và ông đã được trao một giấy thông hành để trở về nước nhưng cách mà ông được trao, với thời gian, trở nên khác lạ. Và người ta có thể tin tưởng ở ông.

# ISRAEL ALTMAN ĐÃ SẴN SÀNG

Sau mỗi một kế hoạch tuyển mộ, tất cả những người Tchékiste đều soạn thảo một bản báo cáo về trình tự, chỉ ra những mô típ đã được tiến hành trong việc tán thành việc tuyển mộ mới này, đồng thời nói rõ những chuẩn bị để đọc tham luận và trình bày lại những đoạn hội thoại có thực. Companero Brown - Alexandre Orlov - đã kết thúc một trong những bản báo cáo này từ ngày hôm kia. Khi Orlov nhận được một bức điện ấn định cuộc hẹn gặp đầy nghi ngờ, ông phải rời Barcelone một cách vội vàng và đã để lại bản báo cáo phía sau ông. Một tuần sau Companero Altman cũng rời thành phố nhưng sau đó ở lại Tây Ban Nha đến tận tháng mười. Rồi ông ta trở lại Mỹ với tấm hộ chiếu mang tên Israel Altman. Đây chính là tên thời chiến tranh của Morris Cohen.

Trong bản báo cáo gửi về Matxcova mà nó được cất trong hộp cáctông đầu tiên của hồ sơ 13676, Orlov đã viết rằng, Mỹ rất lúng túng khi họ kết thúc cuộc hội thoại đầu tiên. Để thoát khỏi trạng thái tinh thần này - Orlov viết - ông nói về những sự việc có thể xảy ra được phát động bởi Hitler về một cuộc chiến thế giới, điều đó có nghĩa là Đức sẽ trở thành một nước đi xâm chiếm từ khi Đức quốc xã lên nắm chính quyền và cuối cùng, Cơ quan tình báo Xôviết không có nhiệm vụ nào quan trọng bằng việc lật tẩy những ý đồ của những kẻ theo Hitler muốn tấn công Liên bang Xôviết.

Khi mà Tướng Fitine biết rõ những lời bình luận của Orlov, cuối năm 1941, ông không có một lý do nào để không hài lòng, thậm chí còn khẳng định những tình cảm cũng như lòng trung thành của Orlov khi chào từ biệt Cơ quan đặc biệt và từ nay trở đi được xếp vào loại bậc thầy. Vượt qua khỏi sự lúng túng của Altman cũng không thể đưa ra một nghi ngờ nào, bởi vì ông đã có tất cả những lý do để suy nghĩ lại trước khi thực hiện một bước quyết định. Không gì có giá trị bằng những lý do mà Orlov đã đưa ra cho Altman để đưa ra quyết định: ngăn cản Hitler không đi tới quyền bá chủ trên toàn thế giới. Động cơ chống chủ nghĩa phát xít luôn là một điểm quan trọng trong việc tuyển mộ ở nước ngoài, đặc biệt là ở Đội hiến binh quốc tế. Chỉ có một điểm có khả năng làm Fitine sững sốt đó là ý kiến rằng, Altman đã hiểu những nghi ngờ mà Orlov đã làm do đang trí. Vậy Altman có thể nuôi mỗi nghi ngờ nào?

Câu trả lời đã được cung cấp trong một tài liệu mà lúc đó Fitine không có trong tay. Tất nhiên, NKVD luôn lo lắng về chủ đề tuyển mộ cuối cùng của Orlov, nó được thực hiện trong thời gian quá ngắn trước khi ông rời bỏ Đảng và một vài thông tin đã tiết lộ rằng, vào mùa hè năm 1942, trước khi có sự xâm nhập của Morris Cohen (tức là Israel Altman, tức là Luis...) vào trong Quân đội Mỹ, viên sĩ quan tiếp xúc với gián điệp Anatoli Yatskov đã yêu cầu ông soạn thảo một bản báo cáo riêng về sự kiện này. Điều mà Cohen đã viết công khai, chắc chắn là, phần tu từ học của ông ta đã lỗi thời nhưng cũng có một vài thông tin ngạc nhiên.

Theo bản báo cáo được xây dựng dưới dạng một cuộc hội thoại và trung gian (trong bản dịch bằng tiếng Nga) là tập hồ sơ số 13676, "Companero Brown" đã bắt đầu bằng việc phỏng vấn "Companero Altman" về những tình cảm của ông đối với nước Nga. Tiếp theo đó là một câu trả lời dài, trong đó Altman khẳng định lại sự trung thành của ông đối với cuộc cách mạng thế giới. "Từ khi chúng tôi tin vào sự kiến tạo của một tổ chức tự do trên trái đất - ông viết - không ai khác ngoài chúng tôi - những người Cộng sản Mỹ, luôn luôn tìm thấy ở nước Nga Xôviết một tấm gương tuyệt vời". Còn đối với Altman, nước Nga là một lợi thế để bắt đầu việc quan hệ với tất cả các nước.

Điều gì khiến ông Brown đáp lại bằng việc bày tỏ những tình cảm: "Năm 1917, chúng tôi đã chiến thắng hân hoan dưới ngọn cờ của chủ nghĩa quốc tế, được giơ lên bởi những người công nhân trên toàn thế giới". Chúng tôi sẽ gợi ý với Altman rằng, ông Brown đến từ nước Nga và ông đã đặt câu hỏi cho ông Altman như ông đã từng đặt câu hỏi với một nhà tình báo. Ông Brown khẳng định rằng, đây là một trường hợp thực tế. Altman đã nắm lấy dịp này để phỏng vấn ông ta về chủ đề thanh lọc chính trị.

Tại sao những "kẻ thù của dân tộc" lại tập trung ở Nga quá đông? Và tại sao người ta lại lật

tẩy họ trong số những người đàn ông mà trước đây được đánh giá là những người Bonsevic trung thành nhất? Altman đã nghĩ đến những nhà lãnh đạo của Đảng Bonsevic, trong đó có ông Rykov, Tolski và ông Boukhaine cùng với những vị tướng của Hồng quân như: Toukhatchevski, Yakir và Ouborevitch vừa mới bị xử bắn. “Tôi đã cố để hiểu rằng, một chuyện như vậy đã có thể xảy ra như thế nào – ông than vãn – nhưng không ai cho tôi một lời giải thích có thể chấp nhận được”.

Brown đã hỏi Altman là ai đã nói với ông về điều này.

Altman trả lời: ông Companero Strik,

Companero Alfredo, Companero Guttiero.

Trước tiên, chúng ta hãy nhìn ông ta, đó là ông Kirili Orlovski. Companero Alfredo chính là Staislav Vaupshasov, cố vấn của Xôviết trong cuộc chiến tranh du kích của Tây Ban Nha. Vì Strik đã được dạy học ở trường tình báo của Barcelone nên trong suốt cuộc Đại chiến thế giới thứ hai, ông đã chỉ huy một đội quân du kích thuộc vùng Biélorussie và việc này đã mang lại cho ông danh hiệu Anh hùng của Liên bang Xôviết. Còn Companero Guttiero vẫn chưa có tung tích.

Chúng ta hãy mượn một đoạn hội thoại tiếp theo trong bản báo cáo verbatim của Cohen. Một lần nữa, những trường hợp buộc chúng ta phải sử dụng một bản dịch tiếng Nga (rồi tiếng Pháp). Theo bản gốc thì cuộc hội thoại này được sử dụng bằng tiếng Anh.

Brown: Họ đã nói gì với ông?

Altman: Tôi có cảm giác, tất cả họ đều tin rằng thực sự có rất nhiều kẻ thù của dân tộc ở Nga và họ phải xử bắn tất cả.

Brown: Hoàn toàn, Companero Altman, tôi sẽ cố gắng giải thích với ông về chuyện gì đang xảy ra trên đất nước chúng ta. Ông chỉ biết một số trong những nhân vật thông minh này và tài năng của họ đã được thể hiện ở Nga. Vấn đề ở đây là, chính Stalin luôn luôn nghi ngờ những con người tài giỏi này. Chính vì vậy chính ông và các đồng nghiệp của mình trong tổ chức NKVD như Yagoda, Iejov hay Arganov đã tàn sát và tiếp tục tàn sát những người giỏi nhất của đất nước, những người hoàn toàn vô tội nhưng lại bị kết tội là có xu hướng chống Đảng và tham gia vào những tổ chức đối lập. Stalin luôn luôn sống trong trạng thái lo sợ bị truất quyền cá nhân. Chính vì điều đó nên ông đã gieo nỗi đau cho nhân dân. Một điều cay đắng mà người ta chấp nhận, đó là ông ta đã trở thành nguy hiểm đối với chúng ta, những sĩ quan tình báo nước ngoài, đang sống ở đây và ở nước ngoài. Mỗi một tháng, có một người gọi chúng ta đến Matxcova để bắt ở đó... và một vài người đã biến mất trên đường trở về.

Altman: Vậy ông nghĩ gì khi Stalin là một Franco của Nga?

Brown: Đúng, Stalin là một thảm kịch đối với đất nước chúng ta. Thậm chí ngay sau khi Lenin qua đời, ông ta đã bắt đầu bố trí cho quân đội một vị trí quan trọng trong nền độc tài riêng của ông khi tổng khừ một trong những người bạn của ông ra khỏi Đảng. Đó là những người đàn ông khỏe mạnh, đầy năng lực và suy nghĩ chín chắn nhưng khi phải làm việc với một bạo chúa thì họ phải che giấu sự tin tưởng thực sự của mình để không bị là nạn nhân trong tương lai.

Altman: Tôi không hiểu gì về tất cả những chuyện đó. Nhà nước phải bảo vệ những công dân, trong khi đó chính ông đã gây cho họ chiến tranh - Theo những sĩ quan cấp cao, những nhà bác học, những nhà chính trị, thậm chí cả những điệp viên tình báo của ông. Tôi tự hỏi điều gì sẽ xảy ra đối với các ông khi trở về Nga. Sau tất cả, điều đó không còn là bí mật nữa: Flanco đang ở ngưỡng của sự chiến thắng và chẳng mấy chốc tất cả chúng ta phải rời Tây Ban Nha.

Brown: Đúng vậy. Khi điều đó xảy ra, tôi biết mình phải làm gì.

Altman: Vậy làm gì?

Brown: Rất rõ ràng, tôi sẽ không trở về Nga nhưng tôi sẽ trung thành với nước Nga cho đến chết. Chúng ta sẽ cùng nhau phục vụ nước Nga, anh và tôi, ở nước ngoài.

Altman: Nhưng ông không sợ chuốc lấy sự căm thù từ những người đồng hương của ông và điều sỉ nhục, companero Brown? Ông không sợ đồng hương của ông không bao giờ hiểu ông và

ông luôn bị đối xử như một kẻ phản bội?

Brown: Tôi luôn nghĩ đến điều đó... nhưng Stalin không thể sống mãi được. Tất cả sẽ thay đổi theo thời gian và sự thật sẽ chiến thắng. Sau này, người dân sẽ có những ý kiến khác về những người đàn ông như chúng ta.

Theo bản báo cáo của Cohen, tôi tin rằng cần phải tranh luận để có một vài giải thích. Độc giả có thể sẽ ngạc nhiên rằng, một con người đầy bản lĩnh nghề nghiệp như Orlov mà lại cho phép thực hiện một cuộc hội thoại ngây thơ, thậm chí còn nguy hiểm, với một người tập sự mới toanh. Người đồng tác giả người Mỹ của tôi đã hơn một lần đưa ra lời biện bạch này: tại sao - ông ta tự hỏi - một điệp viên lại xảo quyệt đến nỗi chúng ta chỉ biết theo cuốn sách *Illusions mortelles*, nó đã thoát khỏi lejov, để tống tiền Stalin, lừa gạt FBI và CIA, Thượng Nghị viện Mỹ mà ông ta lại xuất hiện ở đây, hoàn toàn trái ngược với tính cách và sự nghiệp của mình? Làm thế nào chúng ta có thể tin tưởng vào lời chứng của Cohen?

Trong chuyện này có nhiều lời giải thích có thể. Trước tiên, Altman - Cohen hoàn toàn không phải là người mới vào nghề. Ông ta là thành viên của Đảng Cộng sản Mỹ, một cựu chiến binh của Đội hiến binh Abraham Lincoln và đã từng tốt nghiệp Trường tình báo Barcelone. Với nhiều lý do như vậy nên ông đã được chọn làm thành viên mới đáng tin cậy. Thứ hai, Orlov rất cần không chỉ một điệp viên trong trắng, ngây thơ mà còn cần một người bạn ý tưởng, một người bạn chiến đấu có thể thiết lập một mối quan hệ vững chắc và tin tưởng với ông. Nếu Orlov không tiết lộ với Altman về trò chơi này, thì tất cả sự thật về việc trấn áp quần chúng nhân dân ở nước Nga Xôviết, theo thời gian, ông ta cũng có thể phát hiện ra và có thể khi đó ông ta sẽ cắt đứt quan hệ với NKVD và mang theo những bí mật này đi. Cuối cùng, Orlov áp ủ ngay từ bây giờ những dự định rời bỏ đảng, cuộc hội thoại của ông với thành viên mới có thể có giá trị như một bức điện gửi đến Matxcova. Ông hoàn toàn nghi ngờ rằng, Altman đã bị phỏng vấn về chủ đề của ông.

Bản báo cáo sau đây sẽ minh chứng:

Brown: Bây giờ đến lượt tôi đặt câu hỏi. Hãy nói cho tôi biết, ông *companero* Altman, tại sao ông - một người Mỹ, lại quyết định giúp đỡ những người cộng hoà Tây Ban Nha?

Altman: Đó là một điều hoàn toàn dễ hiểu đối với tôi, nếu hiện nay một cuộc nổi dậy chống lại Cộng hoà Tây Ban Nha hay bất kỳ một quốc gia nào có thể sẽ là nạn nhân của chủ nghĩa phát xít trong tương lai. Ngay khi tôi bắt đầu suy nghĩ về cuộc sống riêng tư của tôi, về những điều chân thực, tôi tự hỏi liệu chúng ta sẽ đi đâu và tại sao chúng ta lại sống. Và tôi đã hiểu một điều rằng: con đường chắc chắn nhất tiến về hạnh phúc đó là những gì diễn ra bởi sự bảo vệ những giá trị của toàn nhân loại - đó là tự do, dân chủ, hoà bình và công lý. Khi phục vụ một nhà quý tộc chúng ta phải biết tự bảo vệ chính mình. Tôi luôn tin tưởng vào sự trong sáng trong những khát vọng của người đàn ông giữ lòng trung thành. Đó là lý do tại sao mà tôi không thể làm sai lệch những sự kiện ở Tây Ban Nha. Đơn giản là tôi không có quyền.

Brown: Tôi thấy ở ông, ông *Companero* Altman, một người bạn chiến đấu trong trận chiến chung của chúng ta. Đó là lý do mà tôi có thể gợi ý với ông để ông ở lại cộng tác thường xuyên với chúng tôi.

Altman: Bằng cách nào?

Brown: Tôi sẽ nói với ông điều đó. Ông biết một điều chắc chắn rằng, không một nước nào trên thế giới có thể bỏ qua việc thành lập Cơ quan tình báo và không một Cơ quan tình báo nào lại có thể bỏ qua những cộng tác viên; nó có thể tồn tại trong hai dạng: một số thì làm việc vì tiền, một số thì làm vì niềm tin. Trong trường hợp của chúng ta, chúng ta chỉ có thể là những người thuộc dạng thứ hai. Tuy nhiên, chúng tôi thống nhất là sẽ giúp đỡ ông về mặt vật chất. Đối với tất cả những gì là mục đích của sự hợp tác, hãy tin tưởng ở tôi, họ sẽ thực hiện việc xiết chặt quan hệ giữa Mỹ và Liên bang Xôviết.

Về vấn đề này, Brown đã đưa ra lập luận của mình về việc chống lại Hitler, để đạt được sự tấn công về phía mình chống lại Liên bang Xôviết. Và cuộc hội thoại này đã kết thúc:

Altman: Đúng, ông *companero* Brown, lo lắng lớn nhất của các dân tộc trên thế giới, đó là thoát khỏi chủ nghĩa phát xít Đức, thoát khỏi những biện pháp mà Đức quốc xã đang tiến hành

để bá chủ toàn thế giới. Trong số những nước nằm ngoài Châu Âu, trong đó có Mỹ luôn thể hiện sự căm tức đối với Xôviết.

Brown: Khi mọi người có ý thức về những nguy hiểm đang đe dọa họ thì họ sẽ biết đâu là thù, đâu là bạn của họ. Hiện nay tôi luôn tin tưởng một điều rằng, ông có thể trở thành một người bạn của đất nước chúng tôi, đó là lý do tôi cần đến sự giúp đỡ của ông.

Altman: Nhưng việc đó quá nguy hiểm.

Brown: Chúng tôi sẽ làm tất cả để giảm những nguy hiểm một cách tối thiểu nhất. Với điều kiện, tất nhiên, ông phải quan sát những nguyên tắc của Konspiratsia và tuân thủ một cách chu đáo những chỉ dẫn và yêu cầu của chúng tôi.

Altman: Nói cách khác, đó là sự diễn tấu một mình?

Brown: Không, ông companionero Altman, chúng tôi sẽ không làm điều đó đối với những người bạn của mình.

Altman: OK. Vậy tôi có thể giúp ông như thế nào?

Brown: Ông hãy chuẩn bị những khả năng có thể nhưng không phải ở đây mà là ở Mỹ. Ở đó, sự giúp đỡ của ông cực kỳ quý giá đối với người Nga.

Altman: Tốt, nên tôi có thể giúp ông bằng bất kỳ cách nào, trong một thời điểm khó khăn... tôi đã sẵn sàng.

Brown: Cảm ơn, companionero Altman, chúng ta có thể cùng chiến đấu với nhau cho hạnh phúc của người Nga, đơn giản, chúng ta sẽ là những người bạn đồng hành khác nhau của trái đất.

Altman: Ông muốn nói gì?

Brown: Việc đó rất đơn giản. Ông tiến hành cuộc chiến từ lãnh thổ của Mỹ, còn tôi thì tiến hành từ trạm của tôi từ Châu Âu. Chúng ta không thể trở về Tây Ban Nha được nữa. Tôi sẽ tiếp tục làm việc với ông ở Mỹ.

Altman: Tuy nhiên, tôi muốn để ông phát huy khả năng mà ông đã có.

Brown: Điều đó thì không thể. Ông không thể làm gì ở đó được, ông companionero Altman, Cơ quan tình báo có những luật riêng, và nghề nghiệp, cũng như tất cả mọi người khác, đều có một quy tắc cư xử. Vậy thì, kể từ ngày hôm nay, tôi sẽ bảo đảm an toàn cho ông và không để trường hợp nào gây nguy hiểm đến ông. Không, không phải lúc này mà là lúc ông quay trở về. Một người của chúng tôi sẽ tìm ông ở New York. Hãy giữ mật khẩu. Người đàn ông này sẽ nói với ông: "Brown rất hân hạnh được chào ông" và ông sẽ trả lời: "Ông ấy vẫn sống ở Salzburg?". Rồi ông ta nói: "Không, bây giờ ông ta ở Hambourg". Sau sự trao đổi, ông có thể làm quen với người đàn ông này. Chiếc bưu thiếp cũng là một phương tiện để tiếp xúc. Ông có thể nhận được một chiếc thẻ với một câu có nội dung như sau: "Tất cả công việc của ông sẽ thành công".

Altman: Bao nhiêu người sẽ được biết về sự hợp tác của tôi với Cơ quan tình báo Xôviết?

Brown: Ở đây, tôi là người duy nhất biết điều này. Về phần tôi, có hai hoặc ba người ở Trung tâm.

Altman: Vậy tôi có thể làm gì cho nước Nga sau một lần trở về Mỹ?

Brown: Trong lúc này thì không. Ông hãy tiếp tục như không có chuyện gì xảy ra, hãy liên lạc với những người bạn của ông ở Mỹ - những người đến với ông ở Tây Ban Nha, ở đội Hiến binh quốc tế, với những người đặc biệt có thể đã tiếp xúc với những thông tin về quân sự hoặc kinh tế. Người ta có thói quen nói trong công việc: "Bạn không làm việc của mình nếu bạn không kiếm được bạn mới ở nước bạn". Đó là một nguyên tắc rất tốt đối với ông trong việc quan sát. Hãy để tôi nói với ông một điều. Điều đó có thể tỏ ra xa lạ, nhưng công việc của ông chủ yếu là khuyên răn về đạo đức và chủ nghĩa nhân đạo. Bởi vì nó chủ yếu làm cho chúng ta, cho ông và cho tôi ít quan trọng bằng thế giới điên loạn này trở thành một cái hồ chung của chúng ta hay một Vườn tình yêu của toàn nhân loại.

Cohen đã có kết luận về đoạn hội thoại này. Tuy nhiên, có thể nó sẽ có giá trị hơn khi Fitine không biết những thể thức trong việc tuyển mộ của ông, bởi vì những nghi ngờ, thậm chí không chú ý đến, về chủ đề Stalin không thể, thông thường, không dùng lời giới thiệu cho một

ứng cử viên của Cơ quan tình báo. Tóm lại, trong khi Cohen soạn thảo bản báo cáo của mình, ông cũng đã tự tỏ ra là một trong những điệp viên tình báo của Xôviết, cũng chính vì lý do này mà ông đã phục vụ trong Quân đội Mỹ ba năm trời.

Bản báo cáo của Orlov - bản báo cáo mà Fitine đã đọc được kết thúc như sau:

“Khi Altman chấp nhận hợp tác với Cơ quan tình báo Xôviết ông ta hoàn toàn biết rõ việc gì cần phải làm. Tôi chắc chắn rằng, ông ta không bị thúc đẩy bởi một người có đầu óc mạo hiểm mà là sự tin tưởng của ông ta với chính trị, bởi sự gắn bó với công cuộc cách mạng thế giới. Khi ca ngợi những giá trị như tự do, dân chủ và hoà bình, ông đã quyết tâm cống hiến cho họ cả cuộc đời mình để mang những tảng đá xây dựng một xã hội công bằng đối với tất cả những người dân trên trái đất”.

Có một lý lẽ có lợi cho Cohen - người không có trong bản báo cáo của mình cũng không có trong bản báo cáo của Orlov: có thể ông ta không biết rằng, người sĩ quan tuyển mộ của ông - companero Brown, trên thực tế lại là ông Alexandre Orlov. Ông ta cũng không biết companero Brown đã và sẽ làm điều gì. Và trong nhiều năm liền, có thể ông ta cũng chẳng biết tin gì về companero Brown.



# THẾ CÒN VỢ ÔNG TA?

Khi tìm hiểu kỹ về phần trước nữa của bộ hồ sơ mang số 13676, Tướng Fitine đã phát hiện ra một bức điện được giải mã mà không biết vì lý do nào ông chưa bao giờ được biết. Một lần nữa, chúng ta hãy đọc nó:

“Bởi vì điểm xuất phát ngẫu nhiên ở trạm của chúng ta (có nghĩa là rezidentoura của New York) Luis ưu tiên cho vợ ông ta - Leontine Teresa Petka, sinh năm 1913 ở Adams, Massachussetts, gốc Ba Lan. Bà ta bắt đầu làm việc từ khi mười bốn tuổi, đã từng là một người trông trẻ, một người ở và một người phục vụ, năm 1927 bà rời đến New York sống cùng cha mẹ. Năm 1935, bà đã gia nhập Đảng cộng sản Mỹ và hiện nay là một nhân viên trong nhà máy không lực chuyên sản xuất những vũ khí cho máy bay chiến đấu. Ông Luis đã quen Petka năm 1937 trong một dịp mít tinh ủng hộ Cộng hoà Tây Ban Nha”.

“Tình yêu và chính trị hoàn toàn không liên quan đến nhau” - có thể Fitine đã tự biện bạch. Nhưng sau khi đọc xong, ông được biết rằng trong trường hợp đặc biệt chúng có thể hoà hợp rất tốt. Sự cảm thông về phía đất nước Tây Ban Nha, ý chí bảo vệ lòng nhân ái và công lý, đó là những gì được tập hợp trong con người Leontine và Luis. Bức thông điệp tiếp theo:

“Bà ta muốn tham gia vào đội Hiến binh Abraham Lincoln, tất cả như Luis, nhưng những cố vấn của bà ở Đảng Cộng sản - chi bộ New York đã thuyết phục bà ở lại Mỹ và làm việc trong đất nước này”.

Sau khi đã đọc lại văn bản này, Fitine đã đặt tập hồ sơ bên cạnh và gọi điện cho Kvasnikov. Người cuối cùng này không biết những lý do của cuộc gọi nên ngạc nhiên:

— Họ vẫn không nói về sự định giá của Luis với ông?

— Có, nhưng tôi muốn nói với ông một chuyện khác.

— Tôi đến đây.

Khi bước vào phòng làm việc của sếp, Kvasnikov đã nhận thấy ngay trên bàn tập hồ sơ cá nhân của một điệp viên. “Ngài chỉ huy - ông tự nhủ - đã đọc tập Spravka và ông ta đã có những nghi ngờ về chủ đề ông Luis. Lúc đó ông ta bắt đầu hỏi về tập hồ sơ của ông”.

Ông ta đã nhằm

— Leonid Romanovitch - Fitine nói vừa ngược nhìn về phía người cấp dưới của ông và hỏi - Tại sao bức điện cuối cùng của Luis với những đề nghị của ông ta lại được đặt trong tập hồ sơ mà không có một câu trả lời? Phải nhắc lại bao nhiêu lần rằng, một tài liệu không hoàn thành không được để trong hồ sơ?

— Đó là lỗi của tôi, ông bạn chỉ huy ạ. Chúng tôi đã làm một bản báo cáo gửi cho trợ lý của ông, nhưng tôi không biết vì lý do nào mà nó lại không mạch lạc. Khi đó, nếu tôi không lầm thì ông đang ở Áo.

— Đúng vậy, nhưng ông phải đợi tôi về và báo cho tôi biết chứ. Nếu chính ông và trợ lý của tôi nghĩ rằng, người phụ nữ này không thể làm một nhân viên tốt, ông phải dừng cảm thông báo điều đó với rezidentoura chứ. Tôi hiểu đó là một vấn đề tế nhị mà Luis đã đặt ra đối với ông, ông ta chỉ ngăn cản ông phải đưa ra quyết định thay vì để chuyện đó tạm ngưng... Tất nhiên tình báo là một nghề cực kỳ nguy hiểm. Một vài sĩ quan tình báo đã nghĩ rằng, một người phụ nữ không thể trở thành một điệp viên tình báo bí mật được, bởi vì, một cách tự nhiên, bà ta có nhiều lý do về mặt phản ứng tình cảm mà một người đàn ông dễ có thể thu hút được sự chú ý của bà ta. Ngược lại, do ảnh hưởng của sự căng thẳng thần kinh liên miên, bà ta có thể cảm thấy cần, theo khuynh hướng tự nhiên không thể cưỡng nổi, tin tưởng ở một người để tìm sự thông cảm với mình.

— Nhưng một người đàn ông cũng có thể biểu hiện những tình cảm đó - Kvasnikov biện bác - đặc biệt khi ông ta làm việc trong sự cô đơn hoặc ông ta làm việc một cách lén lút ở một đất nước xa lạ.

— Chính xác - Fitine công nhận - Chúng ta hãy quan sát một chút những chuyện này. Luis phải biết điều mà ông ta phải làm. Ông ta hiểu rằng, dù sớm hay muộn thì vợ ông ta cũng tỏ ra thất vọng. Điều gì đã xảy ra đối với ông ta? - bà ta tự hỏi. Tại sao ông ta luôn căng thẳng, nghi ngờ và che giấu? Có thể Thiên Chúa đang bảo vệ chúng ta - trong một ngày đẹp trời bà ta đã phát hiện ra những mối quan hệ của chồng mình với chúng ta. Vậy, chúng ta có cho phép tuyển mộ bà ta? Hơn nữa, từ nay trở đi, bà ta làm việc trong một môi trường có lợi cho chúng ta.

Khuôn mặt của Kvasnikov sáng hẳn lên.

— Để nói với ông sự thật, chúng tôi hy vọng rằng tự ông và trợ lý của ông sẽ đưa ra một quyết định cho trường hợp này.

Người chỉ huy những kế hoạch ở nước ngoài đã cầm tập hồ sơ của Luis và mở trang cuối cùng, trang có bức điện từ New York và viết: “Hãy nhắc lại vấn đề tuyển mộ sau khi bổ sung thông tin. Fitine”.

Ông quay về phía Kvasnikov và nói:

— Có thể Twain - một sĩ quan tiếp xúc với Luis có thể gặp vợ của anh ta với một lý do nào đó và đưa ra ý kiến về thái độ của mình trong công việc với tư cách là một điệp viên tình báo.

— Rất tốt, Pavel Mikhaïlovitch, tôi sẽ chuẩn bị những lời chỉ dẫn cho New York ngay từ ngày hôm nay.

— Chúng ta cần phải biết càng sớm càng tốt về chủ đề người phụ nữ này... cách sống, thái độ và sự nghiệp của bà ta...

— Tôi biết.

Một tháng sau, một bức thư được gửi đến từ rezidentura của New York. Bức thư này nói về những cảm tưởng của Twain về vấn đề Leontine, trong đó có những lời tán thành. Trong suốt cuộc hội thoại đã thực hiện được với bà ta, Semionov đã khám phá ra ở một nữ chiến binh đầy nhiệt huyết những ý tưởng của một đảng viên Đảng Xã hội và một người đầy thiện cảm đối với nước Nga Xô viết. Semionov nhận thấy ở bà ta những phẩm chất cần thiết của một điệp viên tình báo ở nước ngoài: bà ta trình bày rất tốt và luôn tỏ ra là một người lanh lợi và dũng cảm, có thể thắng người khác bằng lý lẽ của mình. Bà nói rất thẳng thắn về cuộc sống đầy khó khăn của mình và không tìm cách để che giấu những chi tiết gây bất lợi cho mình. Twain thấy bà ta là một người bạo dạn và hơi đa cảm nhưng ông nghĩ rằng, với sự luyện tập bà ta có thể tự chinh phục được con đường đi. Ông hoàn toàn chú ý đến một vài năng khiếu của một diễn viên - nó có thể tỏ ra rất hữu ích. Nhìn chung tất cả đều tốt, đặc biệt chú ý đến những ý kiến và lòng trung thành của bà ta với nước Cộng hòa Tây Ban Nha và những hành động về mặt pháp lý và đạo đức. Twain còn thấy ở bà khả năng thích ứng với công việc của NKVD.

# NHỮNG NGHỊCH LÝ ĐƯỢC LẤY LÀM ĐÍCH

Tướng Fitine đã đọc xong tập hồ sơ mà khi đó ông đang có. Ông đã chuẩn bị đưa ra quan điểm về vấn đề Leontine Petka. Trước khi biết kết quả về những suy nghĩ của mình, đồng thời bổ sung những kiến thức mà chúng ta đã có về người phụ nữ này và chồng bà ta theo những tập hồ sơ mà Fitine không có. Tập hồ sơ mang số 13676 có những đoạn tự truyện được soạn thảo bởi Kroger - có nghĩa là chính vợ chồng nhà Cohen - được viết vào những năm tám mươi, một thời gian rất lâu sau thời kỳ của Fitine. Vậy là họ đã lưu lại thời gian mà chúng ta quan tâm, thậm chí cả những thông tin chi tiết về cá nhân. Một lần nữa, chúng ta lại phải làm việc với những bản dịch tiếng Nga, những bản gốc bằng tiếng Anh được xếp ở nơi khác.

Dưới đây là một vài ngôn từ của Morris Cohen được viết trong câu chuyện về tình yêu với Leontine, hay ông còn gọi là Lona.

“Đến tận sau khi chúng tôi gặp nhau ở Madison Square Garden, chúng tôi đã thờ hờn hển ở quán cà phê. Lona có vẻ như to hơn trong bộ trang phục màu xanh da trời cùng với chiếc mũ trắng. “Lỗi” duy nhất của bà là tỏ ra quá duyên dáng như một người phụ nữ đã có chồng mà vẫn có ánh mắt dò xét. Sau đó, bà ta đã bị xiêu lòng trước những người đàn ông “có ích” với những nét mặt quyến rũ. Dù sao thì tôi cũng đã tỏ ra đối lập, chắc là quá khiêm tốn và rụt rè. Tôi thề rằng sẽ chiến thắng những đặc ân về tình cảm của người phụ nữ này. Ngày hôm đó, ở quán cà phê, tôi cũng không ở xa để xin bà ta số điện thoại, sau đó tôi lại đi Tây Ban Nha. Tôi đã không gặp lại bà ta trước hai năm.”

Leontine Cohen đưa ra ý kiến riêng của mình về câu chuyện:

Khi tôi gặp Morris lần đầu tiên, ông ta có ảnh hưởng đối với tôi như một vị thánh. Tôi rất muốn tránh ông ấy, bởi vì những người có cái đầu thánh thì thường được biểu hiện lên mái tóc trên đầu. Nhưng Morris lại tỏ ra lịch sự, ông giải thích những ý kiến, những quan điểm một cách táo bạo, không sợ bất kỳ ai. Và nếu họ đồng ý với những ý kiến của những người khác, cặp mắt của ông lại sáng lên niềm hạnh phúc và niềm phấn khởi.

Khi cặp mắt của chúng tôi nhìn vào nhau lần đầu tiên, Morris đã quay mặt đi, cũng có thể là do sự lúng túng, hoặc do sự giống nhau trong cái nhìn của tôi, đó là điều mà tôi hoàn toàn tin tưởng. Điều đó đã làm tôi lo lắng, bởi vì, đến tận lúc đó, tất cả những gì tôi đã đọc được trong mắt một người đàn ông đang nhìn tôi với vẻ ngưỡng mộ. Tình yêu của người phụ nữ trong tôi đã bị tổn thương; tôi cảm giác như mình không cưỡng lại nổi, và tôi có cảm giác là hiếm khi mình bị xúc phạm bởi ông ta...”

“Tôi nghĩ rằng, điều quan trọng nhất trong cuộc sống đó là lòng kiên nhẫn, khả năng chờ đợi. Chàng thanh niên trẻ Morris này thực sự biết chờ đợi, đó là một trong những phẩm chất đáng quý của ông ta. Tất nhiên ông ta có một dòng máu lạnh đáng ao ước. Nếu như những dây thần kinh của ông ấy đôi khi tan vỡ (sau tất cả, chúng tôi chỉ là những con người), khác biệt với những người khác, ông ta sẽ biết giấu những tình cảm của mình. Tốt, tất cả diễn ra như đã chờ đợi. Lòng kiên nhẫn là chìa khoá và bí mật trong nhiều thành công của ông ấy”.

“Khi trở về từ Tây Ban Nha, ông ấy cũng không có gì thay đổi đáng kể. Tất cả vẫn bình tĩnh, chính xác và tính lịch sự không thay đổi nhưng tôi không biết vì lý do nào mà ông lại quá cẩn trọng trong những đề nghị và hành động của mình. Một ngày, tôi hỏi ông ta: “Ông Morris, ông có muốn là chính mình không? Ông có thể giữ bí mật, nhưng không quá mức. FBI luôn luôn chú ý đến những người quá bí mật và hay phòng ngừa. Đặc biệt, khi họ biến mất khỏi New York trong thời gian dài, nếu không ông sẽ tự để lộ”

Ông ta cười trong sự lúng túng và nói rằng: “Nếu một người phụ nữ muốn một cái gì đó, người đàn ông đã có sự lựa chọn; một là ông ta làm những gì người phụ nữ này muốn hoặc là hoàn toàn ngược lại”. Và ông ta đã tìm ra một lý do để rời chỗ: ông ta được coi như một nhân viên tin tưởng và phải được gửi đi trong cả nước. Ông muốn gì - sự nói dối theo bản năng trong cuộc hội thoại ngắn đôi khi đắt giá hơn sự thật.

“Đương nhiên, tôi bắt đầu nghi ngờ rằng, ông ta đã tiết lộ những hoạt động bí mật khi quan hệ với Liên bang Xôviết. Những nghi ngờ của tôi được đưa vào việc Morris luôn tỏ ra rất trung thành và tận tâm với nước Nga Xôviết và ông ta bắt đầu tỏ ra lo lắng một cách vụ lợi đối với những gì mà tôi nghĩ về những ý kiến và niềm tin của ông ta đối với những nước thân Xôviết.

“Ngày 22 tháng 6 năm 1941 là ngày mà Đức quốc xã tấn công chống lại Liên bang Xôviết, chúng tôi đã cưới nhau trong một thành phố nhỏ ở Connecticut. Chúng tôi cũng không biết rằng, chiến tranh đang nổ ra giữa Đức quốc xã và Liên bang Xôviết. Ngay sau đó chúng tôi đã hiểu ra rằng, chúng tôi đang đi đến một thảm họa ở New York. Morris thì rất giả bộ với thông tin mới này, nhiều ngày ông ấy sống trong tình trạng lo sợ kinh hoàng.

“Một ngày đẹp trời, ông ấy đến nhà với một bó hoa hồng trên tay, rồi ông bình tĩnh đặt nó lên chiếc bàn nhỏ ở lối đi vào. Tôi đã nhận ra điều đó và tôi chờ đợi xem điều gì sẽ xảy ra. Tôi có cảm giác rất rõ ràng, ông ấy có điều gì đó đang muốn chia sẻ với tôi nhưng ông rất khó giải quyết. Tôi hiểu rằng mình phải đặt câu hỏi với ông nhưng không hiểu sao lời nói của tôi cứ đọng lại trong miệng. Morris cũng biết rằng tôi muốn hỏi ông một số vấn đề và ông đã dẫn tôi đi về phía những bông hoa được đặt trên chiếc bàn nhỏ. Nhưng ông lại yên lặng. Tôi thấy ông đang bị quấy rầy, bị chịu đựng những nghi ngờ. Cuối cùng tôi đã không chịu được nữa: “Nào, ông hãy nói mau đi chứ!”. Một mối và thất vọng, ông đứng ở đó, loạng choạng trước cái bàn”.

Chúng ta hãy đọc tiếp một đoạn quyết định trong những kỷ niệm của Morris Cohen:

“Đã từ lâu tôi rất do dự khi cho Lona biết những mối quan hệ của tôi với Cơ quan tình báo Xôviết. Tất nhiên tôi hiểu rằng, chẳng có nghĩa gì khi tiếp tục cuộc chơi, đó là che giấu bà ấy. Đặc biệt, khi tôi được biết quyết định của Maxcova cho phép chúng tôi, Lona và tôi bày trò giả vờ. Thậm chí biết rằng làm việc cùng nhau, như một cặp vợ chồng tử tế là một giải pháp tốt nhất, chính vì vậy tôi rất do dự, liệu mình có phải nói với bà ấy những quan hệ bí mật của mình với nước Nga?

“Sau tất cả, Lona và tôi là những con người hoàn toàn khác nhau: bà ấy là một trận bão còn tôi là một vách đá dựng đứng không thể nào đánh chiếm được. Bà ấy nói rằng tôi phải giữ bình tĩnh. Bà ấy cũng rất kiên nhẫn còn tôi thì bình tĩnh và điềm đạm. Bà ấy luôn bận còn tôi thì ngồi không. Mặc dù có tính cách hoàn toàn trái ngược nhau nhưng cuối cùng tôi vẫn quyết định rằng, dù sao tôi cũng phải tự nghe, trách nhiệm của tôi là việc tuyển mộ.

“Khi tôi tiết lộ với bà ấy về sự hợp tác của tôi với nước Nga, chính là lúc bà ấy không kết tội tôi là kẻ phản bội. Tôi phải giải thích với bà ấy ý nghĩa thực sự của động từ “phản bội”.

“Bây giờ tôi luôn nghĩ đến điều đó, rằng nếu tôi phản bội ý thức của tôi, niềm tin của tôi, rằng nếu tôi hành động trái ngược với những ý tưởng đang nuôi dưỡng quan điểm cá nhân, tất cả cho những đánh giá về lợi ích cá nhân thì tất cả hoàn toàn khác. Bởi vì những người đó có thể trách bà là đã phản bội đất nước, bạn bè, những người đang sống và bà phải tự vấn về những bài học đạo đức của mình.

“Trong những năm này, tôi luôn ý thức rằng, chỉ có thể tự cho phép mình quan sát với sự thanh thản nhưng lại căm tức những nhà lãnh đạo Mỹ vẫn đang duy trì những mệnh lệnh đối với chủ nghĩa xã hội ở Nga, đó là điều mà tôi tin. Dù sao thì nước Mỹ vẫn đang ủng hộ chế độ phát-xít mà tôi không thể chịu nổi, đó là những lý do mà tôi sẵn sàng đi bảo vệ nước Cộng hòa Tây Ban Nha. Dù sao Chính quyền Mỹ đã châm lửa cho việc mở rộng và chế tạo bom nguyên tử nhằm mục tiêu đưa nhân loại đến một thảm họa toàn cầu. Vậy nếu tôi, với sự giúp đỡ của thượng đế, tôi đã chiến đấu và tự chiến đấu cho mục đích chung, với tư cách là người đứng đầu cho sự thật và công lý, trong đó có cả niềm tin của tôi. Trong trường hợp này hoàn toàn không có sự phản bội. Ngược lại, đó là nhiệm vụ phải dũng cảm thực sự. Và khi tôi nói tất cả điều đó với Lona, tôi nhớ rằng, bà ấy đã cầm lấy bó hoa hồng đặt xuống bàn và hôn lên từng bông hoa một trong bó hoa năm bông đó[\[12\]](#).

Còn đây là những hồi ức của Leontine:

“Nếu có dịp, Morris biết tự giới thiệu đường hướng chính trị của mình. Phương pháp của ông ấy rất đơn giản: ông ấy thường đi đến những lý lẽ nhưng trong thời gian này, ông xử sự như là cuộc hội thảo đang cắt bỏ đặc quyền của ông mãi mãi. Có thể ông có khả năng chấp

nhận thái độ này, bởi vì trong cuộc sống của ông, quan điểm chính trị đã bị ý tưởng xã hội chủ nghĩa đánh gục. Ngay trong những năm còn trẻ, ông đã lao vào một cuộc đấu không cần nhìn về phía sau.

“Ông ấy đã bám chặt lấy phong trào của Đảng Cộng sản từ năm mười sáu tuổi và niềm tin của ông đã không hề thay đổi. Ông đã nghiên cứu về học thuyết của chủ nghĩa Mac và Lenin từ lâu mà không cần sự giúp đỡ của ai. Ông ấy nói với tôi rằng, ông đã tìm thấy nhiều đồng minh lý tưởng trong số những người Nga ở Tây Ban Nha. Chính nơi đây ông đã xây dựng cho mình niềm tin rằng, tất cả quần chúng nhân dân trên thế giới đều phải đấu tranh cho hoà bình, cho ý tưởng tự do, bình đẳng và tình thân ái, chống lại sự phân biệt, chia rẽ và đặc quyền của một giai cấp hoặc một tầng lớp.

“Với thời gian, tôi đã hiểu được rằng, về phần ông ấy không có một sự phản bội nào: cuốn tiểu sử của ông, những chân lý xã hội và những lợi ích trong tầng lớp của ông là một nhân chứng rõ ràng. Ông ấy chỉ đơn giản muốn đưa một chút lý do vào thế giới và ông ấy rất muốn tôi giúp đỡ.

“Ông ấy nói với tôi: “Bà phải giúp tôi, bà Lona. Khi một người đàn ông và một người phụ nữ làm cùng một việc thì sẽ chắc chắn và tốt hơn cho cả hai người”

“Như tôi đã hỏi ông ấy: “Nhưng tại sao nước Nga lại cần những điệp viên ở Mỹ trong khi chính Đức lại làm nên chiến tranh?” Ông ấy đã trả lời tôi không một chút do dự:

“Điều đó có vẻ như rất lạ nhưng đối với những người Nga hôm nay thì tình báo là đường bảo vệ. Chính vì vậy tôi phải đến để giúp họ.

“Nhưng đó là hoạt động gián điệp! Tôi đã bác lại.

“Tôi không đồng ý với cách gọi đó - ông ấy nhắc lại. Khi cuộc chiến tranh đang diễn ra, có thể hàng nghìn người, thậm chí hàng triệu người Xôviết sẽ hy sinh mạng sống của mình, đó không phải là lúc tranh luận nhưng là lúc hành động!”.

Về phía mình, Morris đã viết:

“Tôi có thể giải thích với Lona rằng, từ nhiều thế kỷ nay, nhiều nước đã có hoạt động gián điệp để thu thập thông tin không chỉ để biết những phương cách hành động của người khác mà còn có cách tốt nhất để bảo đảm nền an ninh riêng của họ. Những người đàn ông đã tìm kiếm và phân tích những thông tin từ rất lâu rồi. Từ bốn thế kỷ trước Công nguyên, một Bộ trưởng của Trung Quốc tên là Sun Tsou đã chỉ ra rằng, hoạt động tình báo tốt còn quan trọng hơn chính cuộc chiến tranh, và chiến thắng hàng trăm trận đấu không phải là đỉnh điểm của cuộc chiến, sự khôn khéo có thể đảm bảo cho nền an ninh không cần phải tham gia vào cuộc xung đột<sup>[13]</sup>. Sự đi lên và lúc suy tàn của các dân tộc hay những quốc gia phụ thuộc vào thái độ của nước đó trong việc có được và sử dụng những thông tin của những nước láng giềng, điều này mang ý nghĩa sống còn đối với sự sống sót của đất nước đó.

“Sau sự sai lầm mang tính lịch sử này, tôi cầu mong để Lona không kể với bất kỳ ai về cuộc hội thoại này. Tôi đã nói thêm rằng, đó là bí mật tuyệt đối nhất, trong khi quan sát, mà chúng tôi dành cho không chỉ cuộc sống riêng của chúng tôi mà cho cả những người Nga đang làm việc ở New York.

“Thật ngạc nhiên bởi lời nhận xét của tôi, bà ấy đã hỏi tôi một cách rụt rè: “Nhưng điều đó không khủng khiếp đối với ông?”

“Tôi đã trả lời: “Đúng, chắc chắn, trong lúc mà dường như mỗi một người qua đường đang nhìn và biết bà là ai. Và rồi có một ý kiến bực mình rằng, mỗi một lúc, bà có thể chạy trong nguy hiểm và bị bắt”.

# NHỮNG PHƯƠNG PHÁP THÔNG MINH VÀ MẠO HIỂM CỦA SÚNG MÁY

Một lần nữa tập hồ sơ được xem xét tỉ mỉ, Tướng Fitine đã quyết định rằng, ông Luis và vợ ông xứng đáng với niềm tin của Văn phòng Ngoại giao của NKVD. Ông đã ghi lại một bức điện đã mã hoá và viết:

New York

Tuyệt mật

Gửi Maxime

Cho gửi lời biết ơn của Trung tâm đến ông Luis về việc làm có hiệu quả của ông đối với chúng tôi. Hãy thường xuyên mang đến cho ông ấy sự ủng hộ về tinh thần cũng như vật chất. Đừng để ý đến việc chi tiêu.

Và từ lúc này, bí danh Leslie được gán cho Leontine. Hãy hướng vào việc thu thập những thông tin bí mật ở nơi làm việc của mình, có nghĩa là ở nhà máy sản xuất máy bay; chúng tôi đặc biệt quan tâm đến những dữ liệu về kỹ thuật và chiến thuật của những chiếc máy bay chiến đấu nguyên mẫu.

Theo những thông tin của chúng tôi, một nhà máy sản xuất động cơ máy bay và vũ khí ở Hartford đang chuẩn bị đưa ra một loại súng máy kiểu mới theo một dây chuyền sản xuất. Tôi muốn ông lập một kế hoạch, với sự tham gia tạm thời của Leslie, giúp ông có thể lấy được một nguyên mẫu theo ý định của các kỹ sư của chúng ta.

Viktor

Nhân vật Maxime được bức điện này gửi tới là bí danh của Vassili Zaroubine, hay còn gọi là Zoubiline, người mà chúng ta đã gặp trong suốt câu chuyện. Trợ lý của ông ta là Twain, hay còn gọi là "Sam" và Semionov, chúng ta hoàn toàn biết rõ. "Công việc có hiệu quả" - điều mà Fitine đã ám chỉ Morris Cohen kéo theo hàng nửa tá các điệp viên ở New York và các vùng lân cận khác. Thông tin liên quan đến nhà máy của Hartford là lấy từ nguồn của Leontine. Thậm chí tất cả đã được quyết định để áp dụng những chỉ thị cuối cùng.

Cuộc tiếp xúc của bà Leslie ở nhà máy Hartford với một kỹ sư trẻ mà chúng ta gọi chính là Allen. Chính trong những lần bà hay lui tới nhà máy ở New York mà ông đã quen biết bà. Bà ta trang điểm rất quyến rũ, trước tiên là để thu hút sự chú ý của ông ta, sau đó là sự chi phối đối với ông ta. Bà đang ở trong tình huống dồn "một người mù". Có nghĩa là thuyết phục ông ta cung cấp thông tin bí mật cho bà, nhưng không tiết lộ cho ông ta biết về việc làm mà những người cung cấp thông tin có thể đã đi về phía Matxcova.

Vấn đề bây giờ là tự trang bị cho mình một chiếc súng máy. Trong khi tranh luận về nhiệm vụ này với chồng mình, bà Leslie rất lo lắng liệu Allen có thể hỏi và tố cáo bà. Luis, người đang tìm cách để đưa ông ta vào nghề, nhắc lại với cha ông ta Harry (người bán hàng thực phẩm ở Bronx) rằng, ông ta đang tìm ra một điều có thể áp dụng cho hoạt động gián điệp: "Nếu ông thấy rằng tình huống này bất lợi cho ông thì ông hãy làm tất cả để thay đổi nó có lợi cho ông" hay: "Nếu ông có tình cảm với những người không làm điều mà họ phải làm, đừng tính đến đến họ". Và cuối cùng: "Nếu ông thấy rằng mình nguy hiểm thì đừng tính đến tôi mà tính đến những nhân vật khác".

Đó là những câu châm ngôn tuyệt vời - Leontine đồng ý nhưng bà Leslie phải làm gì khi Allen sẽ tố cáo âm mưu của bà?

— Hãy nhắc lại với ông ta, Morris vừa nói vừa biểu lộ một vẻ sáng suốt mà ông chưa bao giờ thể hiện với người phụ nữ này - Rằng ông ta đã giao cho bà một bí mật công nghiệp. Nếu đó không phải là trường hợp này, bà sẽ không biết gì về chủ đề súng máy. Không có gì đối với sự lộ liễu này, ông ta sẽ có nguy cơ bị tổng cổ khởi công việc và bị đưa ra tòa.



Đối mặt với hệ thống lý luận, Allen chấp nhận một cách vui lòng những gợi ý của Leontine và đã nài xin một khoản tiền thù lao hai nghìn đô la. Kể từ đó, việc tuyển mộ đối với Luis trở thành một trò trẻ con. Allen đã tự gán cho mình mật danh là Frank. Có thể mật danh này có nghĩa là, đi ra từ nhà máy với những khẩu súng máy, ngoại trừ súng đại bác, quá dài và quá nặng để mang đi một cách bí mật. Khẩu súng này là một yếu tố quan trọng trong tổng thể, tất cả những nhân vật liên quan trong nhiệm vụ này đều phải bóp óc suy nghĩ để giải quyết vấn đề này: Leontine - Leslie, Allen - Frank, Morris - Luis, Semionov - Twain, Pastelniak - Louka, Zoubiline - Maxime và đến cả Fitine - Viktor.

Một cách ngẫu nhiên, Matxcova đã gợi ý rằng, nếu Frank có dáng vóc cao to một chút, thì ông ta có thể giấu khẩu đại bác đằng sau lưng, dưới chiếc áo măng-tô. Thật là một sự ngẫu nhiên tốt đẹp, ông ta có dáng vóc cao to cần thiết. Và ê-kíp của Mỹ đã quyết định áp dụng kế hoạch này. Vào một ngày đẹp trời, Allen ra khỏi nhà máy Hartford với dáng đi thẳng đứng và bước đi kỳ quặc khác thường. Một vài ngày sau, Luis đến từ New York mang theo một cái hộp đựng chiếc vĩ cầm trống rỗng. Chiếc súng đại bác được đặt ở trong và đóng chặt nắp lại. Luis trở về nhà bằng tàu cùng ngày hôm đó, với dáng vẻ bề ngoài như một nhạc công.

Đây không phải là phần đầu của kế hoạch; ông đã dừng lại ở việc đưa “dụng cụ âm nhạc” vào Trụ sở Lãnh sự quán của Liên bang Xôviết, luôn bị FBI theo dõi. Tất cả những người chưa nổi tiếng đang cố gắng để đi vào bên trong của Lãnh sự quán có thể bị tra hỏi. Hãy đưa chiếc đại bác cho một nhân viên của Lãnh sự quán ngoài thành phố để trình bày những bất lợi, nhân viên có vấn đề này có thể làm một chủ đề theo dõi về “nhân cách”. Cuối cùng Luis cũng tưởng tượng ra một giải pháp. Trong khu biệt cư đen của người Do Thái, ông đã tìm được một căn phòng của một kẻ vô gia cư cũng tạm chấp nhận được nhờ vào sự giúp đỡ của một số điệp viên. Và ông đã đưa bộ “dụng cụ âm nhạc” cho một người đàn ông tử tế nhưng lại ăn mặc rất khó coi, với một chiếc quần dài màu hoa cà và một chiếc áo vét-tông kẻ ca-rô màu ghi. Người đàn ông tử tế này cầm trong tay một chiếc đũa của người chỉ huy dàn nhạc. Cuộc tiếp xúc phải được diễn ra ở chợ trời Harlem.

Sau đó, người đàn ông này đóng vai những người bán hàng và đưa cho vị khách quen bộ “dụng cụ âm nhạc” này, nhưng phải xác định chính xác “người chỉ huy”. Giờ đã đến, người mua xuất hiện và trao đổi với người bán. “Cái hộp của ông giá bao nhiêu?” Sau khi đã nhận được khoản tiền, trả bằng đôla, người bán hàng đưa bộ “dụng cụ âm nhạc” này vào trong chiếc xe con với vẻ sung sướng trong sự tiếp đón nồng nhiệt của người mua và họ rời khỏi chợ ngay.

Kế hoạch đã được diễn ra một cách nhanh chóng. Bản mẫu đầu tiên của chiếc súng máy ngay lập tức được đưa đến Lãnh sự quán, rồi được chuyển về Matxcova bằng một chiếc túi đựng văn kiện ngoại giao. Sau đó, khi Mỹ theo như Hiệp ước sẵn sàng chiến đấu, bắt đầu giao cho Liên bang Xôviết những máy bay được trang bị súng máy loại mới, kế hoạch đã thành công là bởi vợ chồng nhà Cohen đã làm mất giá trị của nó. Nhưng món quà bất ngờ của Hiệp ước sẵn sàng chiến đấu không tiết lộ điều gì với họ về thành tích của những điệp viên táo bạo và tận tụy ở Matxcova.



# MỘT ĐÊM Ở LOUBIANKA

Gần như một thời gian sau kế hoạch “súng máy”, một sự đánh giá về công việc của Luis đã có ở Trung tâm. Bức điện mã hoá đã được gửi đến cho Pentrov 3 - bí danh của Viktor Abakoumov, trợ lý của Beria, hoàn toàn sợ hãi báo trù lên sự tàn bạo và độc ác của ông ta:

Trung tâm Matxcova.

Tuyệt mật, quan trọng

Gửi Petrov

Đúng theo sự chỉ đạo của 26s, Luis đã tuyển mộ điệp viên Morton cho những động cơ ý tưởng. Và hiện giờ, Morton đã lược sử dụng để nghiên cứu về kiều dân Đức ở New York và tạo điều kiện thuận lợi cho việc tuyển mộ một trong những thành viên năng động như Richard, một trong những chuyên gia về vấn đề quân sự. Chúng ta đang nghiên cứu những phương cách để đưa lên Morton vào trong ngành công nghiệp phức tạp của Maryland, nơi mà người ta bắt đầu sản xuất ra những vũ khí mới cho Quân đội Mỹ.

Hơn nữa, Luis đã có hai nguồn thông tin giá trị, đó là Frank và Ray. Nhân vật cuối cùng này đã thu thập cho chúng ta những dữ liệu bí mật về rada và những sonar[\[14\]](#) những hình vẽ, tiêu chuẩn kỹ thuật sẽ được giao thông qua thư.

Chúng ta tin là phải nói thêm rằng, việc tuyên truyền của Mỹ vẫn còn khẳng định rằng, Liên bang Xôviết đã ký phản bội Hiệp ước không xâm lược trước chiến tranh, điều đó cho phép Hitler đổ trách nhiệm cho những nước láng giềng. Với hậu quả này, vấn đề được đặt ra là phải cắt đứt những quan hệ kinh tế, thương mại với Liên bang Xôviết. Những môi trường phản động nhất, ở Mỹ, đã tán thành mở rộng việc xâm chiếm do Đức quốc xã - Hitler tiến hành, và hy vọng rằng, Đức và Nga sẽ cùng kiệt sức trong một bể máu, sau đó Mỹ và Anh có thể đưa những chế độ bù nhìn vào Đức và vào Liên bang Xôviết. Những dữ liệu mà chúng ta có để chứng nhận rằng, những nhà lãnh đạo của Mỹ và Anh tự giao những mặc cả bí mật nhằm chỉ cung cấp cho Liên bang Xôviết những công nghệ về mặt quân sự đã được sử dụng duy nhất cho mục đích phòng vệ.

Maxime

Abakoumov không mất thời gian cũng không mất một từ nào để trả lời:

Quyết định của Đảng Cộng sản - của NKVD

Gửi ông bạn P.M. Fitine.

Hãy ra lệnh chuẩn bị văn kiện cho MID (Bộ Ngoại giao) về những mục đích của Mỹ và Anh liên quan đến việc trợ giúp về mặt quân sự - kỹ thuật ở Liên bang Xôviết.

Sau khi đã biết được quyết định này, Fitine đã kiểm tra lại lịch trong văn phòng của mình và nhận thấy rằng con số 20 h00 được vẽ rất cương quyết bằng bút chì đỏ. Ông nhớ lại rằng, Abakoumov đã báo trước rằng, chính xác là vào giờ đó sẽ diễn ra một cuộc họp của Bộ tham mưu. Ông ngược mắt lên nhìn về phía chiếc đồng hồ cũ treo trên tường. Cuộc họp đã diễn ra sáu phút. Fitine đi thẳng về phía chiếc tủ để lấy những tập hồ sơ rồi rời khỏi căn phòng.

Một phút trôi qua và ông đã đến. Ông ngồi xuống và triệu tập Yatskov và Kvasinov. Cả hai người đàn ông này đã sẵn sàng, bởi vì khi đó Stalin hay cá nhân ông Loubianka rất hiếm khi trở về nhà trước ba giờ sáng.

Sau khi Abakoumov phát biểu một vài ý kiến, Fitine tiếp tục với giọng điệu cứng rắn hơn:

— Tôi đã được nghe những lời chê trách trầm trọng về vấn đề việc làm trong những trạm tình báo của chúng ta ở nước ngoài. Đặc biệt là những gì liên quan đến việc thu thập thông tin quan trọng cho ngành quốc phòng. Chúng ta đang ở trong cuộc chiến. Những người Xôviết sẽ tự giết chết mình vì thiếu vũ khí quân sự. Các ông phải hiểu rằng, tất cả sự thiếu trách nhiệm trong lĩnh vực này cũng là một sự phản bội.

Yatskov và Kvasinov nhìn nhau. Cái nhìn này không thoát khỏi ánh mắt của vị tướng này, ông nói tiếp:

— Đó là lỗi của chúng ta nếu Liên bang Xôviết không chuẩn bị cho cuộc chiến. Chúng ta phải đồng tâm nhất trí một cách tuyệt đối. Nhưng tôi cũng không tìm cách để khiển trách một ai. Đó không phải là vấn đề. Tổ quốc của chúng ta đang ở trong tình trạng lâm nguy. Điều đó có nghĩa là, nhiệm vụ khẩn thiết nhất của chúng ta không phải là thu thập những thông tin quan trọng mà chúng ta phải lao vào những kế hoạch có tầm cỡ để chúng ta có thể thu thập được những thông tin bí mật về quân sự của đối thủ. Công việc đầu tiên của chúng ta là, chúng ta phải tập trung vào những loại vũ khí mới. Các ông hãy nhớ lại những gì mà ông chủ của OSS[\[15\]](#) đã nói ở Mỹ. Và hiện nay chiến tranh không chỉ đang diễn ra trên các mặt trận mà còn ở nhiều mặt trận khác nữa. Đó cũng là điều mà Thủ tướng Anh Churchill đã nghĩ. Nhưng, tất nhiên, sự đánh giá của đồng nghiệp Vadim của các ông vẫn chưa được rõ cho lắm, nó vẫn chưa được phát ra hẳn. Vậy là đã hai tháng rồi, thậm chí còn lâu hơn chúng ta không nhận được thông tin từ Gorski. Ông ta đã gửi cho chúng ta một bản báo cáo về Ủy ban uranium, và ông ta đã nói rằng, ông không hề lo lắng về công việc đang làm.

Fitine không gất gao nữa và tiếp tục:

— Nhưng những đối thủ tình báo của chúng ta vẫn chưa ngủ. Hôm qua, chúng ta nhận được một bức điện đã được mã hoá từ Tướng Skliaro thông báo với chúng ta rằng, họ đã tuyển mộ ở Luân Đôn một nhà bác học nguyên tử hàng đầu trong dự án. Tôi rất tò mò rằng, liệu có phải là chúng ta đã làm việc đó. Nhà bác học này thay đổi một cách thường xuyên ở Đại sứ quán Xôviết và theo ông chủ riêng của mình, ông ta sẽ giao những bí mật về bom nguyên tử cho Liên bang Xôviết. Cần phải tin rằng, những chàng trai của chúng ta đang ngủ với hai tai. Dù sao đi nữa, đó là một việc làm xấu đối với Cơ quan Tình báo Quân sự và Abakoumov đã hứa là cung cấp thông tin này cho Lavrenti Pavlovitch, với tư cách cá nhân, để biết liệu điệp viên này có thể đã chịu thua chúng ta.

Fitine ngừng lại một lúc rồi quay về phía Kvasnikov và nói:

— Hãy chuẩn bị một bức điện mã hoá gửi cho Luân Đôn và báo với Gorski về sự vụng về của ông ta. Hãy thông báo cho ông ta chuyển càng nhanh càng tốt điệp viên Charles đến tiếp xúc với Trụ sở của chúng ta. Yêu cầu ông ta có một cuộc gặp gỡ với Tướng Skliarov và làm cho ông ta hiểu rằng, vụ việc này không cần thúc đẩy bằng sự can thiệp cần thiết của Beria.

— Đồng ý - Kvasnikov chấp thuận. Nhưng có một cơ may duy nhất nào đối với Cơ quan Tình báo Quân sự để chúng ta bắt tay vào một nguồn thông tin có giá trị?

— Nếu Beria phải can thiệp, điều đó sẽ rất tồi tệ với họ. Ông ta không thể làm gãy xương sống của bất kỳ một ai, ông cũng đã biết rõ điều đó. Ông ta là người duy nhất có trách nhiệm cho vận hành bom nguyên tử. Là vậy đó!

Ông nhận thấy rằng, điệp viên mới Charles, người ta cũng hiểu ông ta là Klaus Fuchs, đang bị cột vào GRU đến tận cuối năm 1943, ngày mà ông rời Anh đến Mỹ. Ngay sau đó, tập hồ sơ của ông được chuyển đến NKVD. Vào tháng hai năm 1944, cuộc tiếp xúc mới của ông ta với Raymond - người Mỹ tên là Harry Gold ở New York, và những dàn xếp tiếp theo cho một cuộc gặp về sau. Trong lần gặp gỡ tiếp theo, Fuchs đã giao những thông tin tình báo về việc xây dựng một nhà máy tách đồng vị ở Oak Ridge, Tennessee - nơi có thể sản xuất uranium làm giàu cần thiết cho việc chế tạo bom nguyên tử. Fuchs đã biết rất rõ công việc này, thậm chí cả địa điểm này từ khi ông chịu trách nhiệm thực hiện việc tính toán cho quá trình phân hạch gaz. Được sự bảo vệ của Peierls, ông có cơ hội để tiếp cận với nhiều nguồn thông tin khác mà ông đã không chuyển về. Theo sự đón nhận, ngay lập tức Raymond chuyển chúng cho một sĩ quan tiếp xúc với gián điệp để gửi về Trung tâm.

Sau khi đã tức giận vì vấn đề tuyển mộ của Fuchs, Fitine đề cập sang một vấn đề khác nhưng vẫn với giọng điệu gay gắt và khó tính. Ông muốn biết tại sao ông không nghe thấy gì về vụ việc của viên sĩ quan Twain, hay còn gọi là Semion Semionov. Dường như ngài trợ lý của “Trụ sở” ở New York rất sợ có một nhân viên của FBI theo dõi. Ông đã gửi hai bức thư cho Trung tâm nhưng duy nhất chỉ có bức thư thứ hai mới được gửi đến cho Fitine. Kvasniko và Yatskov

nói một cách khẳng định rằng, không hề biết đến bức thư này, sau đó Fitine ra quyết định, từ nay trở đi tất cả thư báo chuyển về Trung tâm đều phải trình cho Fitine. Ông đưa cho Kvasnikov chiếc áo sơ mi màu trắng bọc lá thư thứ hai của Twain. Kvasniko và Yatskov đọc một cách cẩn thận:

Chào những người bạn thân mến! Tôi đã có dịp để thông báo với các bạn lá thư thứ hai, khi nhắc lại yêu cầu của tôi về việc thay thế. Trong việc này, tôi cầu mong các bạn đừng đánh giá ý định của tôi như một hành động nhút nhát hay như một mong muốn ra đi khỏi đây càng nhanh càng tốt, bởi vì đó không phải là trường hợp này. Vấn đề trở nên rất nguy hiểm khi tôi giữ nó ở đây. Có quá nhiều cặp mắt của Pieuvre theo dõi tôi, điều đó đã tạo nên những khó khăn trầm trọng không chỉ đối với tôi mà còn ảnh hưởng đến cả những người mà tôi có dịp làm việc cùng ở đây, ở Tyr.

Tất nhiên, tôi không phải suy diễn rằng, một sự đe dọa chắc chắn đang treo lơ lửng trên đầu tôi. Dường như không phải là nguy hiểm đang hiển hiện và ngay lập tức. Ít ra tôi cũng không cảm thấy điều đó, nhưng tại sao tôi lại chờ đợi những chuyện đó xảy ra ngay lập tức và gây ra một thảm họa?

Mặt khác, tôi cũng cầu mong các bạn hãy biết rằng, khi một người bạn mới đến đây, tôi phải đi cùng với người bạn ấy trong ít nhất là hai hoặc ba tháng để dạy cho anh ta cách tiến hành công việc. Đây không phải là một nhiệm vụ dễ dàng, hơn nữa những người cộng tác của chúng ta đã tản đi các nước mà ở họ mỗi người cũng có một tính cách khác nhau.

Chắc chắn tôi đồng ý rằng, thật không dễ dàng một chút nào khi tôi đi tìm một người kế nhiệm, nhưng cũng chính vì lý do này mà tôi cầu xin các bạn một lần nữa hãy đồng ý với bức thư của tôi và hãy nắm bắt nó một cách chính xác những ý định và động cơ trong bức thư này.

Gửi những lời chào của những người Bolchevích.

Twain

Bức thư này của Twain đã cung cấp cho chúng ta hai bí danh phụ: Pieuvre (theo tiếng Nga là sprout) là để chỉ FBI và Tyr là thành phố của New York. Kvasnikov mang bức thư này đến cho ông chủ của mình và chờ đợi.

Tướng Fitine kết luận tình huống này. Semionov - người luôn luôn bị theo dõi đang kiệt sức và nhìn thấy ma ở khắp nơi. Nhưng dường như những người bạn của ông ta ở Trung tâm đã quên rằng, ông ta đang làm việc trên thực địa. Semionov là một trong những điệp viên tình báo giỏi, có thể không phải chịu những nguy hiểm. Nếu ông ta bị vạch trần, việc đó có thể làm nên một tit báo lớn trên hầu khắp thế giới và làm hỏng những mối quan hệ chính trị. Cần phải để cho ông ta nghỉ ngơi một chút.

Kvasniko vừa phản đối vừa khẳng định rằng, họ đã có những tình huống rất tốt trong tay. Vấn đề ở đây là, Semionov đang rất khó khăn để thay thế. Không một điệp viên nào có sự tinh thông và năng lực đang sẵn sàng.

— Ông không phải tự tạo ra cho mình một vấn đề - Fitine nói - Ông thấy ai ở đây, trước chúng ta? Yatskov! Tại sao ông ta lại không thể thay thế được vị trí này? Ông ta có kinh nghiệm làm việc một cách kế hoạch, không phải dựa vào số đông, chắc chắn, nhưng dẫu sao thì... Và ông ta có thể học được ở nơi làm việc. Hơn nữa tôi biết rõ hồ sơ Luis và tôi nhận thấy rằng, ông ta đã xử lý nó với sự thông minh tuyệt vời.

— Tôi không có một lời biện bác nào, Pavel Mikhailovitch - Kvasnikov nói.

Đây không hoàn toàn là trường hợp của Yatskov.

— Nhưng tôi không biết tiếng Anh - Ông nói một cách ngẫu nhiên. Tiếng Pháp mới là thứ tiếng mà tôi đã được học. Sao ông không thể cử tôi đi Pháp?

Nhưng Fitine không muốn nghe điều gì

— Ông sẽ đi Mỹ. Chúng tôi đồng ý cho ông chuẩn bị ba tháng để học tiếng Anh. Nếu thời gian đó không đủ, ông có thể kết thúc việc học tiếng Anh của ông ở Mỹ.

Vấn đề đã được điều chỉnh, không một lời biện bác nào được chấp nhận nữa.

Fitine chuyển cuộc hội thoại sang cho Luis, dường như ông đang cần một sự nghỉ ngơi. Ông kiêm nhiều chức năng trong việc tuyển mộ như thư báo; tiếp xúc với các trưởng nhóm, có nghĩa là mạng lưới tình báo được gọi với cái tên “Những người tự nguyện”. Cơ quan tình báo NKVD yêu cầu ông là một người ôm đồm, ông thầy Jacques của ngành tình báo.

— Tôi vẫn chưa thấy vấn đề này ở đâu - Kvasnikov nói.

— Ông không nhìn thấy vấn đề này ở đâu ngay cả khi Luis làm việc với sáu người? Vậy ông đang nghĩ gì, ông bạn Yatskov?

Ông vừa được chỉ rõ để thay thế Semionov mà người ta có thể chống lại ông ta. Ông trả lời rằng, mạng lưới tình báo được đặt ở New York và những vùng xung quanh có thể được giao cho Leslie, trong khi Luis, với tư cách là một công dân Mỹ, sẽ sẵn sàng để thực hiện những việc tuyển mộ ở nhiều nước có những điệp viên tình báo của Xôviết hoạt động.

Hài lòng với câu trả lời phù hợp này, Tướng Fitine bắt tay vào công việc ngay lập tức:

— Hãy gửi một bức điện cho Maxime.

Chiếc đồng hồ từ cổ xưa đang phát ra những tiếng đều đặn, theo nhịp điệu trở đi trở lại của quả lắc; bỗng nhiên Fitine nhận ra, ông đã thức đến tận hai giờ sáng. Ông tự nhủ rằng, họ đang có đủ điều kiện để làm việc này.

— Hãy gọi xe đi - Ông nói với họ - Các ông hãy về đi. Tôi đợi bản báo cáo của các ông về bức điện mã hoá ở New York vào lúc mười một giờ sáng mai.

Những người bạn của tôi đã rời cuộc họp trong một trạng thái nhẹ nhõm, nhưng chắc chắn vẫn có những lo lắng trong những ngày tiếp theo.

# MỘT BƯỚC NGOẶT

Chỉ nhận được một số bản báo cáo tự nhiên mang tính giai thoại, Cơ quan tình báo Xôviết không nhận được bất cứ một thông tin trực tiếp nào liên quan đến việc nghiên cứu bom nguyên tử của Mỹ từ thời gian đầu chiến tranh cho đến tận giữa năm 1942. Những nguồn thông tin từ Anh của họ cho biết rằng Mỹ đã đạt được nhiều thành công, tiến bộ trên thực địa nhưng trong sự tiến bộ này họ rất ít tiết lộ chia sẻ một chút những bí mật với Đồng minh hoặc cho biết những dấu hiệu hoạt động trong lĩnh vực này. Chủ đề này đã được xử lý ngày càng cẩn trọng hơn, thậm chí những khái niệm về “năng lượng nguyên tử” hay “bom nguyên tử” đều bị các báo và tạp chí gạt ra, và hầu như không nói gì trong các quảng cáo khoa học. Cơ quan tình báo NKVD đang mò mẫm trong bóng đêm và đã biết điều này.

Chúng ta hãy nhớ rằng, những trạm tình báo ở nước ngoài được tổ chức bởi Leonid Kvasnikov, đang ra sức theo đuổi tất cả sự phát triển của vật lý nguyên tử ở nước ngoài. Vào tháng 3 năm 1942, Beria đã gửi một giác thư rất dài cho Stalin về vấn đề bom nguyên tử; sau đó hai người đã thảo luận về vấn đề này. Mặc dù có những nghi ngờ với người này hay người khác về sự phao tin đồn nhảm từ Anh gửi về nhưng họ vẫn tin tưởng rằng, vì những bản báo cáo mới đây của tình báo nước ngoài, việc phát hiện ra cuốn sổ tay của nhà vật lý Đức quốc xã ở Krivaya Koza cũng như những bức thư của chàng thanh niên Fliorov mà mọi chuyện đã được chuẩn bị. Theo lệnh của Stalin, Beria uỷ thác cho Tướng Fitine kiểm tra tình huống này. Đến lượt Fitine giao cho Leonid Kvasnikov việc thu thập về lĩnh vực khoa học. Kvasnikov đã hỏi ý kiến ông Kourtchatov để biết được điều mà mình phải tìm kiếm. Tóm lại, chiến tranh đang ở cực điểm và những nhiệm vụ khẩn thiết về quốc phòng luôn được dành ưu tiên. Tuy nhiên, dần dần NKVD phải tập trung vào vấn đề này.

Ngày 14 tháng 6 năm 1942, Fitine đã đánh một bức điện mã hoá gửi đến Luân Đôn và New York:

Tuyệt mật

Số 834/23

Những bản báo cáo cho chúng ta biết rằng Nhà Trắng đã cấp những khoản tiền quan trọng cho một trong những dự án khoa học đặc biệt bí mật để sản xuất ra một loại bom nguyên tử. Những dự án tương tự này đang ở Anh và Đức.

Chúng ta hãy nhìn về phía trước, tôi mong muốn các ông hãy dùng những biện pháp thích đáng để thu thập được những thông tin về những chủ đề sau:

— Những phương pháp khoa học kỹ thuật trọng yếu và những biện pháp đã được áp dụng trong việc chế tạo ra một quả bom nguyên tử, trong đó bao gồm những kế hoạch, những yếu tố cấu thành của nhiên liệu nguyên tử và máy mớ của nó.

— Những phương pháp tách đồng vị từ uranium, với ưu tiên dành cho những phương pháp có lợi.

— Những yếu tố về tốc độ âm thanh, vật lý neutron và sự phân hạch nguyên tử.

— Những thay đổi về chính sách hiện nay và trong tương lai của Mỹ, Anh và Đức liên quan đến vấn đề bom nguyên tử.

— Bộ nào chịu trách nhiệm trực tiếp đến việc nghiên cứu bom nguyên tử, những công việc đó được thực hiện ở đâu và dưới sự chỉ đạo của ai.

Viktor

Ở Washington DC, nơi ông làm việc cho Đại sứ quán của Liên bang Xôviết và ở New York, nơi ông thường xuyên đến bất ngờ, Zaroubine nói một câu với những người chịu trách nhiệm quan trọng của ông: hoạt động tình báo nguyên tử là ưu tiên trước hết trong ngày. Những sĩ quan của Ủy ban phụ trách về mua bán của Xôviết trong những thành phố đầu tiên và ở Amtorg là thứ hai, những tổ chức với hàng nghìn nhân viên, đang khai thác tất cả các chi nhánh

mà họ mở ở Mỹ trong chiến tranh đều tôn trọng “những người Nga” - hãy nghe những người Xôviết ở đó - như những đồng minh, những người bạn, thậm chí là những anh hùng. Gặp một chút trở ngại hoặc không hề có sự chống đối khi người Nga đi thăm các nhà máy, những trang trại, toà nhà thương mại, căn cứ quân sự, những bằng sáng chế chính thức và những thư viện để khám phá ở đó những thông tin về mặt quân sự, công nghiệp và khoa học kỹ thuật. Không chấp nhận trong những lĩnh vực bí mật, tuy nhiên họ hy vọng là thu thập được những mẫu tin không trực tiếp.

Khi họ rời bỏ công việc này, một nguồn thông tin mới bỗng nhiên lại hiện ra, chính xác là đến từ một trong những vùng bí mật. Những lời đề nghị của Matxcova đang được chấp thuận. Bỗng nhiên, theo ông chủ riêng, Matxcova quyết định đến gần với các Cơ quan Tình báo của Xôviết.

# NGUỒN THÔNG TIN MỚI

Việc đó đã xảy ra ở trong tàu điện của New York. Morris Cohen, không có giấy phép lái xe nên luôn luôn sử dụng các phương tiện công cộng. Vào một ngày mùa xuân năm 1942, khi đang đi trên một con đường, vượt qua một đám đông đi về phía xe lửa, Morris đã gặp một người bạn cũ. Ông nhớ rất rõ về người bạn này bởi vì họ đã cùng nhau đấu tranh trên chiến trường của nước Cộng hoà này trong thời kỳ nội chiến ở Tây Ban Nha. Họ đã dừng lại để tán gẫu một lúc. Người bạn nói rằng, có thể ông ấy chỉ ở lại New York trong mười lăm ngày, đó là thời gian đi thăm những người bạn bị ốm. Morris cho ông ta biết rằng ông đang làm việc ở Amtorg - Ủy ban Thương mại của Xôviết. Thông tin này làm ông bạn rất quan tâm. Phải chăng Morris không thể cho ông ta biết một người đại diện của Lãnh sự quán Xôviết? Nếu hỏi Morris điều đó, thì đó là vì người đàn ông này đang làm việc trong một phòng thí nghiệm nghiên cứu về một dự án thuộc "top" bí mật để chế tạo ra một loại vũ khí không tưởng. Theo ông ta, Liên bang Xôviết phải biết rõ dự án này, và ông ta sẵn sàng cung cấp tất cả những thông tin liên quan đến chủ đề này. Tuy nhiên, ông ta không thể tự nói điều đó với Morris; ông ta sẽ nói duy nhất với một sĩ quan Xôviết. Không hề tiết lộ về những mối quan hệ riêng của mình với các Cơ quan của Xôviết, Morris đã ghi tất cả những thông tin chỉ dẫn của người bạn này và hứa sẽ làm những gì ông có thể.

Nguồn thông tin mới mà Cohen có được đã lan đến Semionov và Zoubiline. Nhưng ai đã gửi về Matxcova bức điện đã được mã hoá này:

Luis đã được biết một thông tin, Arthur Fielding, gặp gỡ một cách rất tình cờ ở tàu điện. Khi biết rằng Luis là nhân viên ở Amtorg, người đàn ông này đã yêu cầu được làm quen với một nhân vật của Bộ tham mưu Xôviết. Ông ta rất do dự khi chính mình tìm kiếm những sĩ quan Xôviết, ông sợ rằng mình sẽ trở thành mục tiêu của mạng lưới tình báo Mỹ. Ông đã nói với Luis rằng, ông ta đang làm việc trong một phòng thí nghiệm đặc biệt bí mật, nơi loại vũ khí mới đang được nghiên cứu sản xuất.

Nguồn thông tin này cho chúng ta biết rằng, vấn đề ở đây là một phòng thí nghiệm bí mật ở Chicago và Fielding là một nhà bác học nổi tiếng phụ trách vị trí then chốt trong dự án bom nguyên tử. Ông ta còn ở lại Tyr trong hai tuần nữa. Trong cuộc tiếp xúc với ông ta, Luis đã có một nhận xét rất rõ ràng rằng, Fielding hoàn toàn muốn giúp đỡ chúng ta.

Vậy chúng ta hãy bật đèn xanh cho Luis hãy tuyển mộ ông ta. Ông ta đã giúp chúng ta hoàn thành những nhiệm vụ tương tự và luôn luôn thành công. Tôi mong muốn lời đề nghị của tôi phải được xem xét một cách nhanh chóng, vì thời gian lưu trú của Fielding ở Tyr rất ngắn.

Maxime

Trong tài liệu mà chúng ta vừa đọc, bí danh của nhà bác học nguyên tử đã được thay đổi. Chính tôi đã thay thế tên thật của ông ta bằng cái tên "Fiedling". Lý do trong chuyện này là, khi tôi viết cuốn sách này thì ông ta vẫn còn sống ở Mỹ. Ông ta đang có đường công danh sán lạn cùng với gia đình và đó cũng là chính sách không thay đổi của KGB - SRE, cũng như tất cả các điệp viên tình báo khác sẽ không được tiết lộ thân thế của một điệp viên khi không được phép.

Tuy nhiên tôi có cảm giác rất rõ ràng, thời kỳ này Fielding đang là một nhà vật lý nguyên tử trẻ, được giao nhiệm vụ ở phòng thí nghiệm của ngành luyện kim hay phòng "Met Lab" của Đại học Chicago. Đó chính là thời gian cuối năm 1942, sau khi có sự điều chỉnh của Ủy ban uranium, và dự án của Mỹ về bom A bắt đầu được thực hiện. Arthur Compton, một nhà vật lý trẻ nổi tiếng của đại học, chịu trách nhiệm tổ chức và vận hành kế hoạch chế tạo bom nguyên tử đang gia hạn thời gian đủ để có thể quyết định kết cục của chiến tranh. Trong một vài tháng tiếp theo, Met Lab đã phát triển việc nghiên cứu về chất plutonium và bắt đầu xây dựng một trụ uranium - cacbon thiên nhiên; mở rộng hệ thống tiếng nổ. Sự kiên trì cũng tăng theo tầm quan trọng của dự án này - đã vượt qua con số từ bốn trăm đến một nghìn hai trăm năm mươi người làm việc ở phòng 42-Met. Labo; đồng thời thu hút nhiều nhà bác học thuộc các Trung tâm khác như: Princeton, Illinois và Berkeley. Trong giai đoạn này của chương trình, những



nhà bác học được tự do đi lại tùy thích ra bên ngoài phòng thí nghiệm. Fielding đang ở New York khi ông ta gặp gỡ với Cohen vào tháng năm. Họ đã quen biết nhau từ thời chiến tranh của Tây Ban Nha. Nhưng khác hẳn với Morris, Fielding không bao giờ tình nguyện đi chiến đấu.

Tướng Fitine đã đọc xong bức điện của Maxime - Zaroubine và đưa cho Kvasnikov.

— Ông đề nghị gì, ông Leonid Romanovitch?

Kvasnikov vừa kìm nén sự kích thích của mình.

— Chúng ta không thể để lỡ một cơ hội tốt như vậy! Người ta sẽ không bao giờ tha thứ cho chúng ta điều đó!

— Ai không tha thứ cho chúng ta? Lavrenti Pavlovitch?

— Không. Con cháu chúng ta.

— Chúng ta hãy làm tốt nhất để sống đến tận ngày mai - Fitine đáp lại một cách khô khan - Chúng ta sẽ quan tâm đến thế hệ tương lai.

Ông nhìn về phía Kvasnikov và nói tiếp:

— Phải chăng đó là một sự thách đố? Hay một việc sắp đặt để hại người khác?

— Tôi không nghĩ như vậy, Pavel Mikhailovitch, thậm chí tất cả đang ở trong tư thế sẵn sàng. Chúng ta đã biết một số trường hợp rồi đó, không phải sao, một số nhà bác học nổi tiếng đã phục vụ nhiệt tình cho một nước ngoài?

— Ông nói về một nhân viên mới, tôi giả định là như vậy về người đàn ông đã trình diện ở Đại sứ quán của chúng ta ở Luân Đôn để làm việc cho chúng ta?

— Chính xác. Tôi không nghĩ rằng những nhà bác học tầm cỡ như Fielding hay Fuchs lại bị FBI đe dọa và thậm chí còn kích động họ chống lại Xôviết. Điều đó không thể chấp nhận được. Tôi tin rằng họ luôn có ý thức trách nhiệm về những gì họ đang làm cho dự án bom nguyên tử và những hậu quả hiện nay. Họ có thể hối tiếc khi tham gia vào công việc này. Ít nhiều họ cũng nghĩ được rằng, việc đó sẽ rất nguy hiểm một khi Mỹ và Anh là hai nước duy nhất có bom nguyên tử, và vì thế họ có thể giúp Nga tự trang bị cho mình loại vũ khí này để tạo sự cân bằng trên thế giới.

— Tôi không chắc rằng họ lại có ý nghĩ chín chắn về những động cơ không rõ như tạo sự cân bằng đó - Fitine đáp lại - Fuchs là một nhà bác học, chính ông ta là người khởi động cho dự án này. Đó là một nhà Cộng sản và là một người có nhiều thiện cảm với Liên bang Xôviết. Còn Fielding, tôi không biết ai đã thúc đẩy ông ta, nhưng ông cũng là một người có thiện cảm với Xôviết như ông Fuchs. Chúng ta sẽ biết nhiều hơn khi ông ta được tuyển mộ. Nhưng tôi không hiểu tại sao ông ta lại kéo về nhiều nguy hiểm đến như vậy. Đó là một sự phản bội lớn và nếu ông ta tham gia, đó là một cái án tử hình...

— Có thể ông ta nghĩ rằng, tốt hơn hết là để duy nhất một người chết cho nhiều người khác được sống.

— Có thể - Fitine đồng ý - Nhưng chúng ta phải có nhiều thông tin về sự tính toán của ông ta và chúng ta phải chắc chắn rằng ông ta sẽ xứng đáng với niềm tin của chúng ta.

— Chỉ có Luis mới có thể làm được việc đó, và chỉ sau khi Luis bắt đầu làm việc với ông ta. Chúng ta không còn ai khác có thể biết rõ về Fielding.

— Thế còn Fuchs? Luis có thể biết rõ và thu thập thông tin về người đàn ông này?

— Đúng thế - Kvasnikov đồng ý - Nhưng Fuchs đang ở Anh còn Fielding lại đang ở Mỹ. Chúng ta cũng không có một tiêu chí nào để đánh giá việc này. Trong một vài ngày nữa, Fielding sẽ rời New York và chúng ta phải thúc Luis có cuộc gặp gỡ để bàn về việc tuyển mộ.

Tướng Fitine nghĩ một lúc rồi bắt đầu cười.

— Rất tốt, Leonid. Ông có biết ông đang truyền thụ một chủ nghĩa một cách tuyệt vời không. Nhưng ông hãy nhớ là nếu việc đó không tốt thì tôi không phải là người duy nhất chịu trách nhiệm. Cả hai chúng ta sẽ phải đưa ra câu trả lời. Ông đừng lo lắng quá, Pavel Mikhailovitch à, Kvasnikov xin đảm bảo việc đó. Ông có thể tin vào trực giác của tôi. Mọi chuyện sẽ tốt đẹp

thôi.

— Vâng! (Fitine lại đảm nhiệm công việc của một nhân viên hành chính). Hãy chuẩn bị một bức điện mã hoá gửi cho New York. Luis đã được phép của chúng ta tuyển mộ Fielding.

Một điệp viên mới của Xôviết đang được hình thành.

PHẦN IV:  
BÍ DANH “LE JEUNOT”

# ARTHUR FIELDING ĐANG SẴN SÀNG

Ngay sau khi được bật đèn xanh cho việc tuyển mộ. Fielding, Morris Cohen đã có cuộc hẹn gặp với ông ta ở “Alexander” - một nhà hàng nhỏ ở Grand Concourse, thuộc vùng Bronx. Thực tế nhà hàng này đã không tồn tại mà được thay thế bằng một cửa hàng lớn cùng tên. Cả hai kẻ mưu phản này đều không kéo dài sự có mặt ở nhà hàng này mà đến một cửa hàng tạp phẩm của ông Harry - cha của Cohen ở số nhà 1244 cùng phố. Ở đó, trong quầy hàng hoa quả và rau, việc tuyển mộ được bắt đầu. Sau đó Cohen đã soạn thảo một bản tường trình rất dài về cuộc gặp gỡ này. Trong bản tường trình có đề cập đến việc đi du lịch từ Matxcova và được ghi lại trong tập hồ sơ mang số 13676.

Chúng ta sẽ kể theo bản dịch tiếng Nga, nơi mà Cohen đã ám chỉ bằng bí danh Tây Ban Nha của Luis. Về phía nhà vật lý, một lần nữa chúng ta sẽ gọi ông là Fielding. Một vài sửa chữa nhỏ đã được tiến hành đối với văn bản để đảm bảo sự liên kết.

Luis: Thưa ông Arthur, được sự cho phép của cơ quan Có thẩm quyền Nhà nước Xôviết, tôi hoàn toàn đánh giá cao lời đề xuất của ông và khẳng định một vài điểm quan trọng.

Fielding: Đồng ý, tôi sẵn sàng. Nhưng trước khi chúng ta bắt đầu, tôi rất muốn biết tại sao họ lại cử ông đến đây để đại diện cho họ. Nếu họ nghĩ rằng không phải là tôi đã làm những việc đó, chúng ta có thể chấm dứt cuộc gặp gỡ ở đây và chúng ta hãy ra về.

Luis: Điều đó không cần thiết. Nếu họ đã cử tôi đến đây chính là để cuộc gặp gỡ này đảm bảo an toàn cho ông. Đối với một nhà bác học như ông, tất cả những cuộc tiếp xúc với những người Xôviết đều bị cấm.

Fielding: Đúng vậy. Rất tốt, vậy thì chúng ta hãy bắt đầu. Ông hãy đặt câu hỏi của mình?

Luis: Các ông đang tiến hành công việc gì, Arthur, ông sẽ trở về Nga và thông tin nào ông sẽ mang về cho họ?

Fielding: Để không có một sự hiểu lầm nào trong mối quan hệ của chúng ta, hãy đưa cho họ nội dung của hồ sơ này. Tôi tin là họ sẽ thấy được một vài điều giá trị của nó. Và nói với họ rằng tôi thuộc một nhóm những nhà bác học có khả năng tiếp xúc với những công việc bí mật.

Luis: Loại việc bí mật nào?

F: Đó là một kế hoạch phát triển rộng một loại vũ khí hủy diệt, có khả năng huỷ diệt tất cả sự sống trên trái đất.

L: Loại vũ khí này gọi là gì?

F: Bom nguyên tử.

L: Ý tưởng về loại vũ khí khủng khiếp này là của ai?

F: Khó mà nói được điều đó. Những người đầu tiên nghĩ đến nó là những người Đức nhất là từ khi họ chuẩn bị cho chiến tranh. Sau đó, nhà khoa học Hungari, Leo Szilard, người đã thấy được sự nguy hại của chủ nghĩa phát xít ở Châu Âu, đã yêu cầu những nhà vật lý Mỹ không xuất bản những bài báo về vật lý nguyên tử nữa. Chính ông ta đã thuyết phục Albert Einstein ký vào bức thư gửi cho Tổng thống Roosevelt đồng thời nói với ông ta rằng nếu những nhà bác học Đức chế tạo thành công loại bom hủy diệt và đặt nó vào tay bọn Đức quốc xã thì đó là một thảm họa cho thế giới. Chính vì lý do đó mà rất nhiều nhà vật lý Mỹ, trong đó có cả những nhà bác học đến từ Châu Âu, đã yêu cầu Tổng thống trợ cấp cho việc nghiên cứu của họ về chất uranium. Cuối năm vừa rồi, Nhà Trắng đã đồng ý với đề nghị đó và đã trợ cấp những khoản tiền lớn. Đó là những gì mà tôi biết.

L: Điều gì sẽ xảy ra tiếp theo?

F: Đầu tiên, những thí nghiệm về năng lượng nguyên tử sử dụng thông thường đã kết thúc và trong mỗi một thí nghiệm đều nghiên cứu về việc chế tạo ra một quả bom nguyên tử. Đối với tất cả những phòng thí nghiệm, nhiệm vụ chính bây giờ là thực hiện phản ứng dây chuyền với

chất uranium 235...

Rồi Fielding mô tả quá trình của hạt nhân nguyên tử mà chúng tôi đều biết, vậy nên nhắc lại cũng vô ích. Để kết luận, ông ta tuyên bố rằng phòng thí nghiệm của ông ta là trung tâm thực nghiệm của dự án và hoạt động của nó đang diễn ra suôn sẻ tất cả nhằm mục đích đánh bại Đức trong cuộc chạy đua về bom nguyên tử và giành thắng lợi trong chiến tranh. Trung tâm Los Alamos khi đó vẫn chưa có.

Luis: Tôi hiểu. Arthur. Nhưng chúng ta hãy quay trở lại câu hỏi ban đầu của tôi.

F: Câu hỏi gì nhỉ, Luis! Tôi đã quên mất rồi.

L: Tôi quan tâm tới lý do thúc đẩy ông tìm cách tiếp xúc với người Nga và đưa cho họ những thông tin bí mật.

F: Tôi cho rằng ông hiểu về tôi không nhiều lắm. Lý do là tôi luôn bất đồng ý kiến với những người vì một sai lầm của lịch sử để xuất hiện một nhà nước xã hội trên bản đồ thế giới. Ông biết rõ điều đó, ít ra tôi còn đồng ý với những người tin rằng có thể sửa được sai lầm này bằng cách sử dụng chủ nghĩa phát xít Đức hoặc một quả bom nguyên tử.

Fielding làm một sự đột kích mới trong lĩnh vực vật lý để kết luận:

F: Tôi có một hy vọng lớn rằng không chỉ Mỹ, mà cả Nga có loại vũ khí chết người này. Điều đó sẽ tạo ra một sự cân bằng trên thế giới. Anh không động vào tôi và tôi cũng không động vào anh. Vì họ đã nói, một sự hoà bình giả tạo còn tốt hơn một sự tranh cãi ngọt ngào. Bây giờ tôi hy vọng anh đã hiểu, tại sao tôi muốn gặp những người Nga rồi chứ

L: Đúng, ông đã thuyết phục được tôi rồi. Bây giờ, về sự an toàn cá nhân của ông, những người bạn Xôviết đã nói với tôi rằng ông có thể an tâm rằng thông tin khoa học mà ông cung cấp sẽ không bao giờ được sử dụng theo cách có hại cho ông. Nó sẽ tuyệt đối được giữ bí mật. Tên thật của ông chỉ có tôi và một người Nga biết. Họ cũng yêu cầu nói để ông yên tâm rằng sự giúp đỡ của ông với nước Nga sẽ không bao giờ làm thiệt hại cho nước Mỹ.

F: OK. Điều đó làm tôi an tâm và hy vọng.

L: Họ giao cho tôi trách nhiệm nói với ông rằng họ đã làm tất cả để cho ông một sự đảm bảo về vật chất, nếu có dịp.

F: Vì tình yêu Chúa, đừng bao giờ nói về điều đó. Tôi sẵn sàng hợp tác với họ vì lý do nhân đạo chứ không phải vì tiền!

L: Tốt rồi, bây giờ hãy tìm những giải pháp an toàn cho những cuộc tiếp xúc tới.

F: Tôi sẽ phải làm gì?

Louis - Cohen đưa cho Fielding những hướng dẫn liên, quan tới "Konspiratria". Ông ta nói rằng vào mỗi cuộc gặp người ta sẽ đưa ra một danh sách những vấn đề mà những nhà bác học Nga quan tâm. Sau đó hai người chia tay nhưng không quên nói địa điểm và ngày giờ cuộc hẹn tới, Cohen thêm lời nhận xét trong báo cáo của ông ta.

Ban đầu, khi Fielding đề nghị tôi để ông ta tiếp xúc với một người Nga, tôi không khỏi băn khoăn: "Đây có phải là sự khiêu khích của FBI không?". Những nghi ngờ của tôi chỉ được tiêu tan khi nghe ông ta nói rằng lương tâm và ý thức công dân của ông ta không thể chịu đựng được rằng Liên Xô không có vũ khí trước một sự nguy hiểm ngày càng lớn về một cuộc chiến tranh lớn, cuộc chiến tranh hạt nhân. Và họ sẽ có nguy cơ bị áp đảo. Trong khi cung cấp những tài liệu mật liên quan đến công việc, Fielding từ chối nhận tiền lương và khẳng định lại rằng ông ta làm như vậy chỉ vì những lý do nhân đạo.

Tôi phải ghi nhận rằng Fielding là một người mạnh bạo, chắc chắn và quyết đoán. Ngoài khoa học, ông ta còn đánh giá rất đúng về tình hình chính trị trên thế giới như tình hình trong những nấc thang quyền lực của Chính phủ Mỹ.

Ngay sau khi đã tuyển mộ Arthur Fielding, Morris Cohen cũng được tuyển vào... trong Quân đội Mỹ. Mặc dù việc phục vụ quân đội đã làm ông ta đổi hướng hoạt động bí mật vì mục đích của Xôviết nói chung và công việc đầy hứa hẹn nói riêng, ông ta không có lời biện bác nào, chức năng của người lính tạo cho ông được dịp chống lại Đức quốc xã bằng những phương tiện

khác nhau. Ba mươi hai năm và những vết thương trong cuộc nội chiến ở Tây Ban Nha không miễn cho ông ta nghĩa vụ trong chiến tranh, vậy nên người ta đã lấy dấu vân tay mà ông đã để lại trên cơ thể những hạ sĩ và được chuyển tới Alaska vào tháng 6 để thực hiện chương trình Prêt-bail. Mùa hè năm 1942, một con đường mới đã được mở ra để phát triển việc vận chuyển từ Châu Mỹ sang Nga. Những máy bay của Mỹ sẽ chở liên tục với số lượng lớn hàng hoá, máy móc, đạn dược từ Great Falls, Montana tới Fairbanks, Alaska, tại đây hàng hoá sẽ chuyển sang những máy bay Nga và bay về phía đường băng hạ cánh ở Siberie. Morris được bổ nhiệm vào công việc này trong vòng hai năm sau đó được chuyển sang Anh để chuẩn bị dỡ hàng sang Normandie.

Leontine cũng bị bắt buộc đưa dấu vân tay vì cô ta làm việc trong một nhà máy đạn dược. Như vậy nhà Cohen đã để những dấu hiệu không thể xoá được trong những hồ sơ của US, nơi mà FBI có quyền động tới. Những dấu hiệu này cho phép nhận dạng những nhân vật bí ẩn Peter và Helen Kroger khi họ bị bắt vào tháng 1 năm 1961 ở Luân Đôn, nơi mà họ phải để lại dấu tay.

Một lần Morris Cohen phải đi công tác nên cần phải có một người khác để chăm nom Fielding. Đó là một nhân viên mang mật hiệu là Star (trong tiếng Nga là “cũ”). Nhân viên này được nêu trong lời nói đầu của tác phẩm mà trong đó tôi chỉ ra rằng anh ta đã được nhận dạng trong cuốn sách của Pavel Soudoplatov. Tôi không được tự do nói về anh ta, nếu không anh ta là nhân vật đầu tiên đảm nhận chức năng liên lạc của nhà vật lý trẻ - có nghĩa là giao những thông điệp cho Arthur Fielding và nhận những tài liệu của ông ta. Những biệt danh của Fielding sẽ được nói sau.

Hệ thống này hoạt động tới tận cuối năm. Lúc này Xôviết có hai nguồn cung cấp thông tin về việc chế tạo bom nguyên tử: Klaus Fuchs ở Trường Đại học Birmingham, người giao tài liệu cho Sonia, liên lạc của GRU và Arthur Fielding, ở Met Lab giao tài liệu cho Star, liên lạc của NKVD. Chúng tôi không quên những điệp viên bí mật của mạng lưới Cambridge, đã mắc nối với nhiều văn phòng của Chính phủ Anh và đã cung cấp nhiều thông tin có giá trị của quốc gia hoặc của nước ngoài. Ngoài những nguồn thông tin từ bên trong còn có những thông tin bên ngoài - những sĩ quan Xôviết, những nhân viên, những điệp viên, và cả những điệp viên nước ngoài, những người có cảm tình hoặc những người bạn đã thu thập được những lời đồn, những mẩu thông tin nhờ công việc của họ. Sang năm mới, tình hình được cải thiện đối với những cơ quan tình báo Xôviết.

# DỰ ÁN MANHATTAN

Sau khi Fielding được tuyển mộ và Cohen rời khỏi Mỹ, có một sự thay đổi lớn trong chương trình bom nguyên tử của Mỹ. Vannevar Bush, ông chủ của Viện Camegie và thành viên của nhóm chính trị cao cấp của Rossevelt, bắt đầu hết kiên nhẫn. Nhiều ủy ban dân sự về năng lượng hạt nhân tỏ ra không hiệu quả, nên đã quyết định cho tạm ngừng hoạt động và lập ra một cuộc kiểm tra vũ trang. Theo gợi ý của ông ta, tháng 8 quân đội US nhận nhiệm vụ trù liệu, xây dựng và giám sát những trung tâm chế tạo bom nguyên tử. Tướng Leslie Groves, người xây dựng Pentagone, chịu trách nhiệm về dự án có tên ngụy trang là Manhattan Engineer District. Ngay sau đó, người ta gọi ngắn gọn là “dự án Manhattan”.

Đứng đầu nhóm khoa học - tập hợp những nhà thiên tài mà lịch sử biết đến - Groves bố trí Robert Oppenheimer, một nhà vật lý đến từ Harvard, mới chỉ ba mươi tám tuổi. Groves và Oppenheimer chọn một địa điểm cách xa sự huyền ảo của thành phố và những cái nhìn soi mói. Họ đã tìm được một cao nguyên rộng rãi và khô cằn ở Nouveau Mexique. Nó được gọi là Los Alamos, “những cây bạch dương”, theo cái tên của một trường học cạnh đó. Ba năm tiếp theo từ tháng 11 năm 1942 đến tháng 10 năm 1945, Groves thực hiện việc kiểm tra về dự án - việc xây dựng, những sự tiếp tế và sự an toàn - trong khi Oppenheimer chịu trách nhiệm về những việc nghiên cứu, những thử nghiệm và những nhu cầu, cả về vật chất lẫn tinh thần của những nhà bác học. Sự hợp tác Oppenheimer Groves là một liên minh rất khó khăn giữa khoa học và quân đội, giữa cá nhân và tổ chức, giữa suy nghĩ tự do và quy chế đến nỗi mà nó đã tiêu tốn một số lượng lớn sách vở phim ảnh và những cuộc thử nghiệm. Tất cả những gì liên quan tới dự án được bảo vệ như bí mật số một của Mỹ. Một bức tường im lặng hoặc những từ ngữ lừa phỉnh đã được dựng lên xung quanh trung tâm, ngay cả những người xung quanh cũng không biết cái gì diễn ra trong đó. Khu vực đã được bố trí trên đỉnh cao nguyên - một “cái bàn” được dựng lên - với độ cao 35.000 SantaFe, một trong những thành phố cổ của Old West, với dân cư là người Ấn Độ và Tây Ban Nha nhanh chóng chuẩn bị cho những người vừa mới đến.

Để lên đến Colline, theo cách gọi của người phụ trách, chỉ có một con đường duy nhất, được đào qua một núi đá vôi đi qua khu bản xứ của người Ấn Độ, đi xuống để qua Grande và đi ngoằn ngoèo lên đỉnh dốc mới thấy dãy Jemez Mountanis. Qua hàng nghìn những khó khăn, sau đó tại cửa ra vào, những người qua lại được kiểm tra bởi cảnh sát, những giấy thông hành còn hiệu lực phải được trình ra và những sự cho phép được ghi nhận. Một hàng rào xung quanh khu vực cấm tất cả trong đó bao gồm cả những điệp viên.

Việc xây dựng ở Los Alamos hoàn thành vào tháng đầu tiên của năm 1943 ngay cả những thay đổi hoặc sắp đặt vẫn diễn ra trong suốt thời gian khu vực này tồn tại. Những nhà bác học và gia đình của họ bắt đầu tới vào tháng 2 và 3, họ sống trong những khu nhà đơn điệu và không tiện nghi. Công việc khoa học bắt đầu với những hội nghị định hướng và những cuộc tranh luận, sau đó là những thử nghiệm. Những kết quả đầu tiên được đưa ra vào giữa năm. Vậy là dự án Manhattan ở Los Alamos và Labo 2 ở vùng ngoại ô Matxcova, khởi động gần như trong cùng một thời gian, mặc dù với những phương tiện hoàn toàn khác nhau.

Cơ quan tình báo Xôviết đã được thông báo về dự án Manhattan từ khi nó còn đang thai nghén và đã theo dõi từng chặng phát triển của nó với khả năng có thể. Từ New York, Zazoubine gửi một báo cáo ngắn gọn về Trung tâm:

Tuyệt mật.

Matxcova Trung tâm.

Bí mật

Cho người bạn Viktor

Chứng nhận: 834/23 của ngày 14 tháng 6 năm 1942.

Tình hình nảy sinh sau khi Mỹ tham gia chiến tranh chống lại Nhật Bản đã buộc chính phủ và Pertagone mưu tính một hành động quyết định liên quan tới việc ứng dụng năng lượng nguyên



tử trong quân đội. Tất cả những phòng thí nghiệm phân hạch chất uranium đặt ở New York, Berkeley, Princeton và Chicago đã bắt đầu hoạt động đúng theo một kế hoạch duy nhất có tên là Manhattan. Chính phủ đã chấp thuận cho quân đội trách nhiệm tổ chức tất cả những hoạt động cần thiết. Họ đã mất nhiều thời gian để quyết định về việc lựa chọn khu vực cho trung tâm khoa học. Cuối cùng họ đã chọn một vùng cao nguyên gọi là Los Alamos, thuộc nhà nước Nouveau Mexique. Đó là một khu vực khô cằn bên cạnh bờ Altantique. Thỉnh thoảng có những hải quân Đức đổ bộ làm nhiệm vụ thám thính và một diện tích lớn dân cư ở đó phải chịu những thiệt hại do tai nạn xảy ra trong những cuộc thử sơ bộ. Trong khi chờ đợi, các nhà bác học, các kỹ sư, kỹ thuật viên đã dựng những lều trại quanh khu vực. Đối với những người có lều trại thì được đón hàng ngày từ thành phố Santa Fe.

Những người bên ngoài chỉ được vào khu vực khi có sự cho phép của cơ quan OSS (tiền thân của CIA) của William Donovan. Tất cả dân cư của “thành phố bom A” những người lao động cũng như gia đình của họ được phép vượt quá giới hạn vào chủ nhật cuối cùng của mỗi tháng. Tất cả những giao dịch, vào cũng như ra đều bị kiểm dịch. Cấm mang thông tin ra khỏi Los Alamos. Mọi người phải báo cáo với cơ quan quân đội và cơ quan an ninh về những tin tức mà họ biết được, về sự tiếp xúc với bên ngoài và về những người tham gia tiếp xúc với những người bên ngoài về chủ đề của dự án Manhattan.

Hệ thống an ninh đã được đặt ra với những mục đích sau:

— Thông báo tất cả về sự rò rỉ thông tin về dự án hạt nhân.

— Đảm bảo rằng sự sử dụng bom nguyên tử sẽ gây ra một sự ngạc nhiên lớn.

— Không cho Nga biết về những khám phá khoa học và tất cả những chi tiết về dự án của Mỹ và của những nhà máy sản xuất từng bộ phận của bom.

— Giới hạn thông tin của mỗi nhân viên theo quyền hạn và nhiệm vụ của riêng mình: anh ta chỉ biết những gì liên quan tới công việc của anh ta, không hơn.

— Mỗi đơn vị phải làm việc theo nhiệm vụ của mình mà không biết được nhiệm vụ của đơn vị khác.

Cơ quan an ninh gồm khoảng 500 thành viên giữ một vị trí đặc biệt trong dự án Manhattan. Những nhân viên của FBI đặc biệt có tai mắt rất nhiều ở Los Alamos và Santa Fe nơi những nhà bác học và các chuyên gia ở. Những người nổi tiếng trong số họ và những người có khả năng nắm giữ được tất cả những bí mật được đặt dưới sự theo dõi. Họ không được rời chỗ ở của họ sau mười giờ đêm. Nơi làm việc của họ được tập trung che giấu. Tất cả những cuộc nói chuyện điện thoại của họ đều bị nghe lén. Theo FBI, những nhà bác học không phải gốc Mỹ có thể quy ngã và tiết lộ bí mật nên bị đặt dưới sự kiểm tra đặc biệt.

Báo chí trung tâm không sử dụng những từ Los Alamos, dự án Manhattan, bom uranium, eka-osmium, không gọi những từ địa lý như Hanford và Oak Ridge nơi những nhà máy được trừ liệu để chiết xuất chất phetonium và uranium.

Mặc dù những giải pháp an ninh rất nghiêm ngặt, chúng tôi làm tất cả những gì cần thiết để thâm nhập vào những nơi tin cậy ở Los Alamos.

Maxime

Mọi người có thể tự hỏi về những điều mà Zazoubine Maxime nói về “làm tất cả những gì cần thiết”. Một tình báo Xôviết hoặc một nhân viên quốc tịch Mỹ có thể hy vọng đến được Santa Fe như thế nào, vượt qua con đường hoang vắng, những dây kẽm gai mà không gây báo động cho đội tuần tra sao? Và ngay cả khi vào được bên trong thì một người lạ có thể phát hiện ra điều gì? Sự phân tán công việc, sự kiểm duyệt, sự theo dõi. Sự an toàn của dự án Manhattan có vẻ hoàn toàn kín như bưng.

Chắc chắn rằng, việc tiếp cận khu vực này là không thể thực hiện được. Tuy nhiên Los Alamos không phải là một xí nghiệp đủ nhu cầu và tự túc. Nó được giúp đỡ bởi những phòng thí nghiệm, những viện nghiên cứu và những nhà máy ở Canada, Anh và Mỹ, điều này tạo thuận lợi cho những cơ quan tình báo Xôviết. Vậy nên suốt trong năm 1942, GRU đặt mạng lưới tình báo ở Canada mà 3 năm sau, 20 thành viên của nó đã bị lật tẩy do sự phản bội của Igor

Gouzenko. Raymond Boyer, chuyên gia về tên lửa đã được tuyển mộ và Allan Nunn May, chuyên gia về hợp kim của Cambridge, đã được móc nối vào năm sau. Vậy là, Fuchs ở Birmingham và Fielding ở Chicago đã được kéo vào những cuộc thí nghiệm gắn với dự án Manhattan.

Cả hai người đã được chọn theo định mệnh mở lối trong lĩnh vực này để đột nhập vào thành trì của việc nghiên cứu hạt nhân của Mỹ. Họ không được cử đến đó bởi GRU hoặc NKVD; chính xác hơn, họ đã được mời bởi những nhà lãnh đạo Mỹ nhờ danh tiếng khoa học của họ. Đầu 1943, Robert Oppenheimer đã đề nghị Fielding và một vài đồng nghiệp của ông ta ở Met Lab tới Los Alamos. Điều đó xảy ra vài tháng sau khi nhóm của Fermi ở Chicago đạt được phản ứng dây chuyền đầu tiên đã được kiểm tra. Sau đó, vào cuối năm, Fuchs đến Mỹ với một nhóm nhà bác học Anh. Cả nhóm được dẫn bởi một quan chức của Maud Committee, James Chadwick; gồm Rudolf Peierls và người mới nhập quốc tịch Otto Frisch. Fuchs thuê một căn hộ ở New York, và có một phòng thí nghiệm ở Trường Đại học Columbia và bắt đầu những tính toán cho nhà máy khuếch tán của Oak Ridge mà ông ta không được phép tới thăm.

Đầu năm 1944, NKVD liên hệ với ông ta và thu thập được từ ông ta những thông tin để hoàn thành rất nhiều tài liệu. Người liên lạc là Harry Gold mà ông ta biết dưới biệt danh là Raymond. Hai người đàn ông gặp nhau khoảng 6 lần từ tháng 2 và tháng 7. Sau đó Hans Bethe, Giám đốc đơn vị lý thuyết của Los Alamos, yêu cầu Peierls đến khu vực và chính khi đó Peierls nghĩ tới người được che chở của mình (Fielding không nhìn thấy điều gì với sự chỉ định của Fuchs). Fuchs trở lại nhóm T-1, chuyên gia trong những vụ nổ do áp suất và tính năng động. Chính ông ta và Fielding làm trong trung tâm nghiên cứu trong suốt chiến tranh mà không ai trong số họ ngờ rằng người kia lại là tình báo.

Đúng là Fuchs đã bị kiểm tra bởi bên quân đội và được đánh giá là chấp nhận được, ngay cả khi sự cởi mở của ông ta có thể khiến cho Groves phải dè dặt. Mặt khác, Fuchs được biết đến bởi những giao tiếp của ông ta ở Anh và những nghiên cứu được lặp lại bởi J. Edgar Hoover, sếp của FBI, về khả năng vận hành của ông ta được thúc đẩy bởi War Department, với sự đảm bảo rằng cơ quan an ninh Anh đã nghiên cứu trường hợp của ông ta và khẳng định khả năng của ông ta. Sự thật, được biết đến khi Fuchs bị lật tẩy là việc kiểm tra do Anh thực hiện là rất hời hợt.

Để thích hợp với sự phát triển trong chương trình nguyên tử của Mỹ, những Cơ quan Tình báo Xôviết có một vài thay đổi. Beria muốn có người giúp ông ta giám sát Labo 2 và để làm được điều đó, ông ta kéo Boris Vannikov ra khỏi nhà tù nơi anh ta đang bị giam giữ. Vannikov, phụ trách của lực lượng vũ trang, đã bị bắt trước chiến tranh vì đã chống lại sự ảnh hưởng nguy hiểm của những nhà cầm quyền về những quyết định trong lĩnh vực quân đội; và sau cuộc tấn công của Đức quốc xã, rõ ràng chính ông ta đã có lý. Beria dẫn ông ta từ nhà tù thẳng tới Kremlin để thuyết phục Stalin để ông ta vào chức vụ cũ. Và Vannikov giữ một vị trí trong dự án của Xôviết được so sánh với vị trí của Groves ở Mỹ, mặc dù rất ít quyền lực.

Đầu 1943, Leonid Kvasnikov khẩn trương tới Mỹ để lãnh đạo nhóm tình báo hạt nhân Xôviết với biệt danh là Enormoz. Lev Vassilevki bổ nhiệm vào DST (ban khoa học và kỹ thuật) ở Mátxcova. Những phụ tá của Kvasnikov ở Mỹ là Seminov, người không thể thay thế mặc dù cũng sợ ông ta bị lật tẩy và Anatoli Yatskov, người thay thế Seminov vì cuối cùng ông này phải về quê hương tháng 3 năm 1944. Yatskov đảm nhận việc lãnh đạo chung khi Kvasnikov bị gọi về năm 1945 và Yatskov ở Mỹ tới cuối năm sau. Zazoubine trở lại Nga năm 1944.

Từ khi tới Los Alamos, Fielding trở thành điệp viên số 1 của Xôviết. Nhưng việc bố trí cho ông ta gặp những người liên lạc và đưa tài liệu là không phải dễ. Ông ta cho biết rằng ông ta không thể rời khu vực Los Alamos mà không có sự cho phép của Groves và trong những tình huống như vậy Groves cũng phải bắt buộc báo động cho FBI. Vậy nên ông ta gợi ý rằng họ sẽ gặp nhau mỗi năm một lần bên bờ biển trong kỳ nghỉ. Đối với Cơ quan Tình báo Xôviết, đề nghị này không thể chấp nhận được. Họ đề nghị ba tháng gặp một lần, vào chủ nhật cuối cùng của tháng thứ ba, trong khu vực gần Los Alamos. Một liên lạc khẩn cấp từ New York tới Albuquerque cách khu vực đó 60 dặm, với lý do là đi nghỉ ở bờ biển vì nguyên nhân sức khỏe. Fielding có thể đi thăm thành phố như một khách du lịch. Địa điểm cuộc gặp có thể là một nhà

thờ gần ga xe lửa; giờ - vào buổi chiều. Nếu vì một lý do nào đó, cuộc hẹn bị huỷ thì cuộc hẹn bù lại vào chủ nhật sau, và nếu cứ như vậy thì kéo dài tới tận cuối tháng sau. Trong trường hợp Fielding biết trước là ông ta không thể đến chỗ hẹn, ông ta sẽ gửi một lá thư gồm một câu là: "Tôi không thể vắng mặt trong thời gian này". Điều này có nghĩa là cuộc hẹn sẽ bù vào tháng sau. Nếu có cuộc hẹn khẩn cấp, ông ta sẽ viết rằng ông ta thích nghỉ vào một ngày xác định, đó chính là ngày của cuộc hẹn. Tôi không biết rõ là ông ta viết cho ai.

Theo qui định của "Konspiratsi", một điệp viên tới cuộc hẹn phải có một dấu hiệu để có thể nhận dạng được ngay từ xa. Khuôn mặt và dáng vẻ bên ngoài không thể đủ, người liên lạc có thể là một người mới, hoặc một người thay thế chưa gặp ông ta bao giờ. Vậy nên ông ta yêu cầu Fielding mang một chiếc túi giấy tờ màu vàng khi tới nhà thờ. Nếu ông ta cảm thấy nguy hiểm và muốn huỷ cuộc gặp ông ta phải xoay chiếc túi theo kiểu như muốn quảng cáo. Bên mới của chiếc túi có nghĩa là mọi việc đều tốt. Chi tiết quan trọng: một chiếc đuôi cá phải thò ra khỏi túi.

Bạn đọc có thể buồn cười về màn kịch Mélô kiểm hiệp này, đó là một cách chắc chắn đấy. Điều tác giả người Mỹ của tôi làm cho tôi nhận xét rằng một con cá khá to thò ra khỏi túi xách, cá ướp lạnh hoặc cá tươi sẽ nhanh chóng bị chảy ra hoặc bốc mùi dưới cái nắng của Nouveau-Mexique. Không nói đến những trở ngại khi mua, mang theo rồi vứt bỏ đi. Fielding thực sự không thể giấu những tài liệu quý giá trong một cái túi đầy cá ươn. Còn nếu như Fielding bị theo dõi, việc mua cá sẽ gây nghi ngờ vì ông ta không thể đun nấu ở Albuquerque và cũng không thể mang nó về Los Alamos trước khi nó bị chết (chặng đường về phải mất hơn một giờ, thậm chí là hai giờ). Với tất cả những rắc rối này, tôi chỉ có thể trả lời rằng: dấu hiệu đặc biệt này được đưa ra từ Trung tâm ở Mátxcova và Mátxcova không thể cân nhắc những đặc thù của địa phương.

Khi việc nhận dạng xong, người liên lạc phải giới thiệu với Fielding theo qui định. Anh ta sẽ nói: "Xin lỗi, ông có biết nơi nghỉ hè nào là tốt nhất cho bệnh rối loạn hô hấp không, Sandia hay Rio Grande?". Fielding sẽ trả lời: "Nơi nghỉ có khí hậu tốt nhất là trong núi Rocheusses, ở đó có các bác sĩ rất tốt".

Đương nhiên, cần phải có một biệt danh cho Fielding khi liên lạc với NKVD và cho những yếu tố quan trọng khác của dự án Manhattan. Đó là Mlad (le Jeunot). Los Alamos thành Carthage (Camp 2), phòng thí nghiệm khoa học của ông ta, Parthénon, quả bom, Gorgone. Trừ đối với điệp viên, ý tưởng được phỏng theo truyền thuyết Hy Lạp: vì Persée, Fielding-Mlad, trong hang động Gorgone phải né tránh người đẹp Méchese, mà mái tóc xoắn biến thành những con rắn, cái nhìn khủng khiếp của nàng biến tất cả những sinh vật sống thành đá; Mlad phải lừa cô ta nhờ sự phản chiếu của cái khiên để có thể chặt đầu cô ta và cứu nhân loại. Có thể có một nhà thơ thông thạo ở NKVD hoặc một người tình luôn cảm thấy thất vọng về vùng đất chuyên bán sách cổ nổi tiếng.

Tạm biệt Arthur Fielding. Từ nay về sau, chúng tôi nói về ông bằng biệt danh Mlad.

# KẾ HOẠCH GÌN GIỮ

Như chúng tôi đã nói, Lavrenti Beria là một người hay nghi ngờ. Thật khó mà báo cho ông ta tin tốt lành là một nhà bác học Mỹ đã sẵn sàng phục vụ Xôviết và ông ta nhanh chóng được đưa vào trung tâm nghiên cứu nguyên tử của US, bị tách biệt và canh gác rất nghiêm ngặt. Không tin tưởng vào Anh và Mỹ mặc dù đã là đồng minh của Nga, họ luôn giấu ông ta những bí mật quân sự, vì chỉ huy cứng đầu này luôn phân nản là bị thông tin sai lệch và tìm cách phỉ báng những nghiên cứu khoa học, những bản vẽ, kế hoạch và những tính toán bắt đầu chảy dồn về New York. Chiếc hộp mà Mlad giao cho Luis, trong đó gồm 180 trang ghi chép trên giấy peluya, đã nằm rất nhiều tuần trong két của ông ta trước khi được gửi cho Barbu.

Người ta có thể nhận định được phản ứng của Kourtchatov về việc gửi đi của NKVD qua một giác thư ngoại giao mà ông ta gửi cho Mikhail Pervoukhine, phó chủ tịch của chính phủ. Người này cùng với Molotov, chịu trách nhiệm chính của UB chuyên ngành năng lượng nguyên tử do Beria thành lập.

Cuối chương 2, chúng tôi đã kiểm tra tài liệu đầu tiên của phòng lưu trữ của Kourchatov, “được phóng thích” bởi KGB-SRE. Được ghi ngày 7 tháng 3 năm 1943, ông ta đọc quyền đánh giá những nghiên cứu được cung cấp bởi Cairncross hoặc Donald Maclean. Giác thư ngoại giao thứ hai, soạn ngày 22 tháng 3 năm 1943, liên quan tới những bài báo được xuất bản bởi những nhà vật lý Mỹ trước khi họ quyết định giấu giếm những nghiên cứu của họ, trước tiên là giấu những người Đức, sau đó là giấu công chúng. Kourtchatov không thấy gì sau đó tới tháng 6 năm 1940, đến nỗi mà, trong một nghĩa nào đó, ông ta thu thập được những tài liệu khoa học trước đó ba năm. Nhưng giác thư ngoại giao tiếp theo đó, soạn ngày 4 tháng 6 năm 1943, gồm hai mươi tám trang giấy viết tay, và đưa lên tạp chí hai trăm tám mươi tư công trình của Mỹ. Ông ta nói về nguyên tử 93 và 94 (neptunium và plutonium), về phương pháp điện từ để tách những chất đồng vị và những trụ từ uranium - nước nặng. Đương nhiên, Barbud đã hưởng những bản sao, những tài liệu của những chất mới. Mặc dù chúng tôi không biết chắc chắn nguồn cung cấp và nội dung của chúng, nhưng ngày tháng, nguồn gốc từ Mỹ và cùng thời gian của dự án Manhattan cho phép giả định rằng Mlad đã được tham gia vào công việc. Hơn nữa, pin điện nhờ uranium-graphique đã được chế tạo thành công ở Mét Lab, nơi mà Mlad làm việc. Và Kourtchatov nói rõ ràng: “Đương nhiên, việc đạt được những thông tin kỹ thuật chi tiết liên quan tới những hệ thống này, ngay cả ở Mỹ là tối cần thiết”.

Mặc dù Kourtchatov phần khởi nhưng Beria rất cảnh giác. Ông ta yêu cầu tăng sự xác nhận những tài liệu từ nước ngoài. Sự đòi hỏi càng tăng bởi những tình cảm mà ông ta nuôi dưỡng đối với Leonid Kvasnikov, người đã thâm nhập sâu vào tình báo nguyên tử ở Mỹ. Ngay cả khi ông ta đã xác nhận sự bổ dụng của Kvasnikov là do trình độ của ông ta, Beria cũng không bao giờ tin vào “cơ sở”. Những lý do của ông ta mang tính chất cá nhân. Năm 1940, khi đi công tác ở Varsovie, Kvasnikov quen với Goerge Pérezadzé, một người thuộc chi nhánh của giáo hội George ở nước ngoài. Pérezadzé đã khẳng định với ông ta rằng, những năm trước, vào năm 1919, khi những người Bolchevic đã chiến thắng và giành được quyền kiểm soát ở Nga, Lavrenti Pavlovitch Beria đã có liên hệ với những tình báo Anh. Khi quay trở về Moscou, Kvasnikov chuyển lời chào của Pérezadzé tới Beria nhưng không nói gì về sự khẳng định của ông ta. Đây là một sai lầm nghiêm trọng. Beria ngờ rằng Pérezadzé có thể đã tiết lộ quá khứ của ông ta cho Kvasnikov nên ông ta đã có những mưu đồ, trực tiếp hoặc thông qua cấp dưới để điều tra xem ông mục sư kia đã nói những gì cho Kvasnikov.

Kvasnikov nhanh chóng nhận ra rằng mình bị nghi ngờ nhưng ông ta không bao giờ thay đổi câu trả lời trong khi khẳng định rằng không bao giờ gặp Pérezadzé một mình mà trong buổi thảo luận với nhiều người, nên ông ta không thu thập được điều gì. Beria không tin nên mỗi lần tin tức từ New York về, ông ta đều nghi ngờ khả năng của Kvasnikov và cho rằng đó là những tin tức sai lệch.

Tuy nhiên ông ta đã tìm được cách điều tra. Mọi chuyện xảy ra trong buổi thảo luận với Fitine và Vassilevski về chủ đề là Mald. Beria hỏi Kvasnikov có nhận được lệnh tìm hiểu xem

nhà vật lý đã lấy tin tức thế nào không và Vassilevski trả lời là không. Họ phải bảo vệ điệp viên của họ và nếu họ cố gắng phát hiện xem ông ta đã có được những thông tin quý báu trong hoàn cảnh nào thì điều đó có nguy cơ dẫn đến những nguy hiểm rất nghiêm trọng.

Trong trường hợp này, Beria đối lại, họ chỉ có thể hỏi trực tiếp Mlad. Vassilevski cho rằng kiểu tìm hiểu thế này, có thể làm cho nhà bác học bối rối và làm cho ông ta nghĩ rằng mình không tin tưởng ông ta nữa, vậy nên sẽ làm ông ta hoảng hết. Beria mất kiên nhẫn và bắt đầu gào lên khi Fitine có ý kiến:

— Chúng ta có thể có được những thông tin của Mlad mà không làm cho ông ta gặp rủi ro.

— Làm thế nào? - Beria hét.

— Qua trung gian là một điệp viên đáng tin cậy.

— Ai?

— Charles.

Ý tưởng của Fitine mang một dấu ấn của thiên tài: sử dụng một điệp viên để kiểm tra một điệp viên khác, mà điệp viên này không biết điệp viên kia. Những nghiên cứu của Fuchs về việc tách các chất đồng vị sáp nhập vào dự án Manhattan và nó gắn rất chặt với công việc của Rudolf Peierls. Những câu hỏi có thể đặt ra cho ông ta mà không cần chứng nhận về nguồn gốc của chúng, cũng như những đề nghị về công việc. Những câu trả lời và những tài liệu gửi đi có giá trị nội tại, tất cả dùng để kiểm tra Mlad.

Mọi người có thể tưởng tượng rằng Fuchs – Charles cũng là nguồn cung cấp thông tin sai lệch nhưng ngay trong sự ngẫu nhiên này sự so sánh với Mlad được xác định. Điều đó nói lên rằng thực sự Fuchs không thể cung cấp những thông tin sai lệch. Ông ta đã là một điệp viên thực sự của Xôviết và được tin tưởng hoàn toàn trước khi Mlad tham gia vào nhóm. Beria tán thành kế hoạch phỉnh phờ Kvasnikov.

Từ đó, rất kín kẽ, Fuchs phải trả lời những câu hỏi hoặc đưa ra những tài liệu nhằm xác minh lại những tư liệu được Mlad cung cấp. Khi ông ta gia nhập Los Alamos năm 1944, ông ta có một vị trí lý tưởng để hoạt động tình báo. Những dấu vết của kế hoạch gìn giữ này có thể thấy được, nhưng còn khá mơ hồ, trong lời thú nhận của Fuchs với ông Dr Michael Perin tháng 1 năm 1950. Hoạt động gián điệp giả vẫn diễn ra suốt giai đoạn tra hỏi, đánh giá và bỏ tù của ông ta.

Vậy nên có thể nói rằng Cơ quan Tình báo Xôviết đã đặt một bản nhạc hai bè giống hệt nhau tại Los Alamos. Họ đã không đơn độc. Khoảng cuối chiến tranh ít nhất cũng có sáu điệp viên Xôviết hoạt động trong kế hoạch Manhattan đó là: Mlad, Charles, Caspar, Méthode, Idée và Calibre. Để đảm bảo an toàn cho họ, có một số người liên lạc như Star, Raymond, Leslie. Ba trong số những nhân vật này từ nay sẽ quen thuộc với người đọc đó là: Mlad, Charles và Leslie. Carpar là biệt danh của Bruno Pontecorvo; Calibre là biệt danh của David Greenglass, người cung cấp những tin tức quan trọng về việc chế tạo vỏ bên ngoài của bom; Raymond chính là Harry Gold, người liên lạc giữa NKVD với Fuchs. Việc xác định Star, Méthode và Idée vẫn chưa được cung cấp.

Trong cuốn sách của mình, Pavel Soudoplatov nói rằng ông ta không thể nhớ được Persée trong hoạt động gián điệp nguyên tử. Trái lại, ông ta nhớ một bức điện của NKVD từ New York, tháng 10 năm 1945, cung cấp những thông tin từ Charles (tức là Fuchs), từ Star và từ Mlad. Ông ta xác định người đầu tiên là Fuchs, người thứ hai, Oppenheimer và Fermi, người thứ ba, Bruno Pontecorvo.

Nhận dạng đầu tiên là chính xác, tôi không thừa nhận người thứ hai trong lời dẫn của tôi. Người thứ ba là không đúng. Thực tế Mlad là biệt danh đầu tiên được trung tâm trao cho Persée. Theo trung tâm, Mlad (Jeunot) tạo thành một cặp với Star (le vieux), người liên lạc của ông ta. Còn về Cohen, gần đây, họ gọi là Persée, do mối quan hệ với Gorgone (la bombe). Để tạo sự liên kết của câu chuyện, chúng tôi sử dụng tên thực là Mlad.

Nhưng, mới đây đã có một sự đảm bảo khác đã được sáng tỏ rõ ràng hơn. Khi những người Mỹ bắt đầu che giấu công việc quan trọng nhất của họ đối với Chính phủ Anh và tuyển chọn những nhà bác học Anh, MI6 đã vào cuộc. Nếu người ta tin tưởng Vladimir Barkovsko thì cơ

quan của Xôviết và Luân Đôn đã nhận được từ những điệp viên địa phương của họ những tài liệu khẳng định sự tồn tại một nguồn ở Mỹ: Người Anh ăn cắp những tài liệu của Mỹ để sử dụng chúng trong chương trình của họ. Về nguồn đó, NKVD có thể yêu cầu mà không sợ những thông tin sai lệch: Maxcova chỉ nhận được ít thông tin giá trị về kế hoạch Manhattan qua trung gian của cơ quan bí mật British.

# NHIỆM VỤ Ở MIỀN ĐẤT MỚI MÊXICÔ

“Ba tháng không đủ để cho tôi học tiếng Anh - Anatoli Yatskov nhớ lại - Tôi đã đến Mỹ với bao điều e ngại. Cũng may là nhiệm vụ đầu tiên của tôi là đóng vai người đón tiếp những người Mỹ. Qua tiếp xúc với họ, tôi đã học được ngoại ngữ nhanh hơn. May mắn hơn là chính Twain đã giúp tôi trong nhiệm vụ khó khăn này”.

Twain Semion Semionov - đã đào tạo Yatskov, ông ta đã cung cấp những kỹ thuật tình báo trên đất Mỹ. Ông dạy Yatskov thích nghi với những lễ thói địa phương, đi về đúng giờ, làm quen với những nhân vật quan trọng để làm giảm đi mối quan tâm của FBI. Ông còn dạy cả những thủ thuật để cắt đuôi, thiết lập những cuộc hẹn, và khuyến khích tham gia gặp gỡ với một điệp viên đến từ xa. Sau đó, ông ta hướng Yatskov kết nối với một vài điệp viên của ông ta, trong đó có Luis và Leslie tức Morris và Leontine.

Yatskov, nhận biệt danh là Alexei và sử dụng như một tấm lá chắn những cái tên “Jonhn Doe”, “Johnny” hoặc đơn giản là “John” khi ông ta nói chuyện với những điệp viên Mỹ. Ông ta chỉ gặp Luis hai lần trước khi ông này đi Alaska. Từ đó ông ta tập trung suy nghĩ về Leslie. Điều đó diễn ra đúng lúc trung tâm ở New York đang tự hỏi sẽ cử điệp viên nào tới Nouveau - Mexique để liên lạc với Mlad. Chỉ có những người gốc Mỹ có thể được cử tới khu vực này vì trọng âm trong lời nói có thể gây chú ý.

Ngoài vấn đề quốc tịch, còn phải có sự thông minh, hiểu biết và sức khỏe tốt. Ba nhân vật đã được đề cử: Klibi, Pylos và Leslie. Theo những thông tin đưa ra thì Klibi không thể đi xa lâu như vậy. Pylos đã hai lần làm hỏng những cuộc hẹn bí mật vì những lý do vớ vẩn. Chính vì vậy Leslie đã được chọn.

Trước sự khẩn cấp của công việc, Yatskov đã có sáng kiến tuyệt vời tiếp cận Leslie khi cô này tới nơi làm việc, ông đã đưa cho Leslie một tấm vé được cuộn lại. Khi tới nhà máy, cô ta đã giơ nó ra và phát hiện thấy thời gian và địa điểm cuộc hẹn khẩn cấp được ghi trên đó. Ngày hôm sau, “Johnny” giao nhiệm vụ cho cô ta. Đây là những điều mà ông ta nói:

“Hãy xin nghỉ ốm vì bệnh đau họng dai dẳng và đến Nouveau-Mexique để chữa bệnh. Vùng núi cao Sandia thuộc Albuquerque là khu vực lý tưởng để ở và chữa bệnh đấy. Hãy đến ở khách sạn hoặc nhà dân. Hãy kết bạn với những người xung quanh và dân địa phương. Đừng tách mình ra khỏi đám đông, chủ nhật đi xe buýt tới Albuquerque. Nếu vì một lý do nào đó, cô nhớ hẹn tới Mlad vào hôm đó thì tuần sau phải đến lại. Nếu trong khi cô và ông ta đang trò chuyện, cô phát hiện bị theo dõi hoặc có mối đe dọa nào thì hãy đóng vai là đôi tình nhân. Ngoài ra, phải giữ bình tĩnh và chú ý tới nhiều chi tiết”.

Leslie đi một mình dưới tên thật và căn cước của mình. Vì không có thời gian làm giấy chứng nhận bị bệnh ở nơi làm việc, cô đến gặp bác sĩ và phàn nàn về hy vọng của mình rồi đề nghị được nghỉ làm. Tất cả đã được đệ trình với nhà máy và cô đã được nghỉ. Trước khi đi, “Johnny” gặp lại cô để dặn dò:

“Để không gây chú ý của FBI, cô đừng mua vé đến thẳng Sân Fe, mà đến Chicago. Cô nghỉ một ngày tại Chicago sau đó hãy mua vé đi Albuquerque. Nếu cô nhận thấy bị theo dõi, hãy cứ làm những điều mà cô định làm như không có gì xảy ra. Nhưng nếu điều đó xảy ra khi cô gặp gỡ Mlad ở Albuquerque, thì đừng đến đó mà hãy trở về Sandia. Trong trường hợp khẩn cấp, hãy phát huy tài năng hài hước và sắc đẹp của cô, những người đàn ông có thể chết vì cô nhưng cô không được chết vì họ”.

Khi Mlad đưa cho cô chiếc hộp thì phải ngồi sát vào anh ta, không được để khoảng cách giữa hai người. Sau đó hai người có thể đi dạo một vài bước trên phố trước khi chia tay. Đừng để những tài liệu nhận được từ anh ta trong phòng của một người khác và trong mọi trường hợp đừng rời mắt khỏi chúng khi ở khách sạn. Nếu hoàn cảnh không cho phép thì cô nên trở về ngay trong ngày.

Theo nguồn tin của chúng tôi ở nhà ga, những hành khách có thể bị kiểm tra - không chỉ giấy



tờ mà còn cả hành lý. Nếu cô bị hỏi, thì hãy bình tĩnh. Đừng quên rằng vào lúc khó khăn nhất, chính cô phải làm chủ chứ không phải đối thủ của cô. Cô hãy nhớ: sợ hãi là kẻ thù của logic. Vậy nên cô hãy giữ bình tĩnh hết mức có thể. Sự cẩn trọng là rất cần thiết trong nghề của chúng ta. Nhưng đôi khi điều đó vẫn chưa đủ, cô phải có óc sáng tạo và lòng dũng cảm. Hãy cứng rắn lên. Nếu cần thiết phải liên hệ với tôi thì hãy viết thư hoặc gửi điện báo nhưng là địa chỉ riêng của cô. Hãy để chìa khoá trong hộp thư của cô khi từ Nouveau-Mexique trở về, cô làm thế nào để như cô vừa ở New York”.

Những lời chỉ dẫn như vậy tất cả gián điệp đều có thể tận dụng.

# PARIS TỐT HƠN MỘT BUỔI THÁNH LỄ

Leslie đi du lịch tới Nouveau-Mexique vào cuối tháng 7 năm 1943. Cô thuê một phòng trong khách sạn Sandia, nghỉ ngơi ở đó và sáng 25, tức chủ nhật, cô tới Albuquerque để gặp Mlad ở đó. Tới sớm một giờ, cô đi bộ chậm chậm về phía nhà thờ mà ở phía trên có chữ thập bằng sắt, có thể nhìn thấy từ mọi phía. Cô đảm bảo rằng không ai theo dõi mình, và không có gì khả nghi, cô đã tới điểm hẹn lúc một giờ chiều.

Cô quan sát xung quanh. Người đàn ông mà “Johnny” cho cô xem ảnh không ở đó. Cô đến sát nhà thờ để chiêm ngưỡng kiến trúc và đưa mắt xung quanh để tìm Mlad. Cô biết rằng mình phải tiếp cận Mlad vì ông ta không biết cô. Nhưng mười phút trôi qua, rồi mười lăm phút, hai mươi phút, ông ta vẫn chưa xuất hiện. Để không gây chú ý, cô quyết định đi lòng vòng vài bước.

“Tại sao ông ta không đến?” Cô tự hỏi khi đi qua phố nơi có những công trình tuyệt vời được trang trí theo kiểu Mêxicô chói chang dưới ánh mặt trời. Cô cho rằng có thể mình đã nhầm lẫn ngày giờ cuộc hẹn nên đã đi dạo khoảng một giờ sau đó mới quay lại khu nhà thờ vào khoảng hai giờ nhưng cũng không có kết quả gì. Cô lại đi và cứ một giờ lại quay lại. Hôm đó, Mlad không xuất hiện. Tuần sau, sự việc cũng diễn ra như vậy. Cô bắt đầu lo lắng. Có thể Mlad đã đến tuần trước nhưng cô đã không gặp? Hay ông ta bị ốm, ông ta nhầm địa điểm, hay ông ta phản bội? Ông ta có nhớ cuộc hẹn không? Ông ta có quay trở lại vào tuần sau không? Cô có phải trở về không? Cô không biết ông ta ở đâu, liên hệ với ông ta như thế nào, cô không có cách nào để tìm ra ông ta ngay được. Nỗi lo sợ dần vất cô, nhưng phải làm gì vào tuần còn lại nếu không là tự xoay sở lấy trong cái vỏ bọc này. Cô chỉ là một công nhân nhà máy đang đi chữa bệnh.

Tuy nhiên, sáng thứ hai tiếp đó, cô soạn một bức điện tới địa chỉ riêng của mình: “Harry không tới. Tôi chỉ biết ngừng đợt chữa bệnh của mình. Leslie”. Cô nhận được câu trả lời từ New York. Nó ngắn gọn nhưng rõ ràng: “Hãy chờ đợi thêm. Paris tốt hơn một buổi thánh lễ. Johnny”. Trong thời gian này, Leslie cảm thấy chán ghét Mlad, mặc dù cô đã cố gắng kìm nén. Hàng ngày cô dành thời gian đi dạo và ngắm phong cảnh ở Sandia, còn buổi tối thì đọc sách hoặc nói chuyện thân mật với những người trong khách sạn. Sự chờ đợi và không tin tức đã làm cô rất thất vọng.

Lại một lần nữa, chủ nhật tiếp theo, cô đi xe ca từ Sandia tới Albuquerque. Vừa quan sát xung quanh, cô đi bộ dọc theo đường phố tới nhà thờ để tới quảng trường vào đúng giờ hẹn. Đó là thời điểm mọi người ra khỏi nhà thờ sau khi cầu nguyện. Một số người về nhà ngay, còn một số đứng trò chuyện ngay sân trước giảng đường. Bỗng nhiên, Leslie nhận ra trong đám đông một người đàn ông thấp béo khoảng bốn mươi tuổi, mang chiếc túi màu vàng. Cô tự nhủ rằng có thể chính là người này. Cô đi thẳng tới chỗ ông ta.

— Xin lỗi, ông có biết nơi nào tốt nhất để chữa rối loạn hô hấp không, Sandio hay Rio Grande?

Người đàn ông nhìn cô không nói gì. Leslie tiến thêm và hỏi:

— Thế nào? Ông muốn đứng như trời trồng trước mọi người à?

Có vẻ hoảng sợ, người đàn ông quay gót. Khi đó, Leslie mới nhận ra rằng cô đã quên một chi tiết quan trọng: đuôi cá giả thò ra khỏi túi.

Cô nhìn chiếc túi và không thấy đuôi cá. Cô biết là mình nhầm. Bỗng người đàn ông tiến lại:

— Tôi thấy có gì không ổn. Tôi có thể giúp gì cho cô.

— Không, thưa ông, không ai có thể giúp tôi. Tôi phải tự xoay sở thôi. Chúa sẽ phù hộ tôi. Tạm biệt.

Người đàn ông nói có vẻ ẩn ý:

— Cô đồng ý ăn trưa với tôi chứ? Cô làm tôi thích thú đấy. Cô có mái tóc thật đẹp.

Ông ta đến gần cô và chạm vào người cô, cô hất mạnh ra:

— Đừng tán tỉnh. Hãy rút đi! Tôi không cần ông.

Cô rời khỏi quảng trường rất nhanh.

Thất vọng khi không gặp được Mlad, Leslie trở về Sandia, cô đi thẳng về phòng và để nguyên quần áo đi nằm. Đó là phản ứng tự nhiên đối với một người đã ba tuần nay sống trong thất vọng. Cô nghĩ: có thể Mlad “không ở Réserve” - đây chỉ là cái tên mà nhóm Xôviết ở New York gọi Los Alamos. Nhưng nếu ông ta ở đó, chỉ có ba lý do có thể giải thích cho sự vắng mặt của ông ta: ông ta quyết định cắt đứt với Cơ quan Tình báo Xôviết vì sợ hãi; có điều gì đó ngăn cản ông ta, có thể cuộc hẹn sẽ có hại cho ông ta nên ông ta quyết định chờ đợi, lý do thứ ba có thể ông ta nhầm lẫn thời gian hoặc địa điểm cuộc hẹn.

Leslie loại trừ lý do đầu tiên: Mlad đã quả quyết chọn tình báo Xôviết và ông ta không phải con người đi ngược với lý tưởng của mình. Lý do thứ hai có thể chấp nhận được: ông ta là người thận trọng và không muốn ai bị nguy hiểm. Lý do thứ ba là ít thuyết phục hơn cả: ông ta không thể quên thời gian cũng như địa điểm của cuộc hẹn quan trọng như vậy. Vậy đúng là ông ta cần trọng. Điều đó có nghĩa là cô phải có mặt một lần nữa trên quảng trường trước nhà thờ.

Nhưng kéo dài ngày nghỉ ở Sandia sẽ có vấn đề. Kỳ nghỉ ốm của cô đã hết và cô phải đi làm. Làm thế nào đây? Lại gửi điện cho “Johnny” và để ông ta quyết định? Điều đó không có ý nghĩa gì. Dù ông ta có quyết định thế nào thì cô vẫn đi làm muộn. Cô có thể ở lại thêm một tuần nữa!

Vậy là cô quyết định đến Albuquerque lần cuối cùng và nếu Mlad không xuất hiện thì cô sẽ đi thẳng ra ga để trở về.

Chủ nhật tiếp theo đó là ngày 15 tháng 8, Leslie tới Sandia với chiếc vali. Cô để nó ở phòng giữ hành lý ở Albuquerque và đi tới điểm hẹn. Cô nhận ra một người đàn ông ra khỏi quán cà phê và đi về phía nhà thờ. Ông ta đội một chiếc mũ rơm, một chiếc áo sơ mi thể thao trắng và đôi săng đan cùng màu. Nhưng hơn tất cả ông ta cầm trên tay một chiếc túi màu vàng có đuôi cá thò ra.

Ông ta kia rồi! Cuối cùng thì ông ta đã đến - tim Leslie đập rộn lên vui mừng. Nhưng khi họ tiến đến gần nhau, cô lại quên mất những câu phải nói, cô lắp bắp:

— Xin lỗi... tôi có thể hỏi ông... Mlad dừng lại, nhìn cô vẻ sốt ruột, ông ta không muốn mất thời gian với một người qua đường:

— Vâng, thưa bà cần gì?

Không thể nhớ được từ nào, Leslie đứng như trời trồng, cô mỉm cười như đang gặp một người bạn cũ. Ông ta có vẻ thông cảm. Khoảng khắc trôi qua, Mlad trở nên căng thẳng, ông ta tự hỏi đây có phải là trò khiêu khích của FBI không. Nỗi lo sợ của ông ta càng lớn khi ông ta nghe Leslie hỏi bằng cái giọng nài nỉ:

— Vậy ông có mang nó theo không?

Bị sốc bởi câu hỏi, ông ta nhìn xung quanh rồi quay chiếc túi để lộ nhãn hiệu của cửa hàng. Đó là một ký hiệu báo động:

— Có, tôi có mang một vài thứ - Ông ta chỉ chiếc túi xách - Một con cá trê hơn cân rưỡi.

Nhận câu trả lời mà không ngờ tới, đến lượt Leslie căng thẳng. Bỗng nhiên cô chợt nhớ phải nói câu cần thiết nhưng cô thất vọng vì không nhớ ra. Trong khi cô nhíu mày vuốt tóc suy nghĩ. Mlad nhìn cô soi mói, thất vọng nhưng ông ta hy vọng rằng ký hiệu báo động sẽ giúp ông ra khỏi nguy hiểm.

Cuối cùng thì Leslie nhớ ra:

— Xin lỗi, ông có biết nơi nào tốt nhất chữa bệnh rối loạn hô hấp không, Sandio hay Rio Grande?

Mlad bất ngờ vì người liên lạc là một phụ nữ, ông ta có vẻ do dự. Sau đó lấy lại trấn tĩnh, ông trả lời nhỏ:

— Nơi khí hậu tốt nhất là trong vùng núi Rocheuses. Ở đó có một bác sĩ giỏi.

Mặt khẩu liên lạc đã đúng. Họ nhìn nhau hài lòng. Mlad cầm tay Leslie và nói:

— Ở đây có rất nhiều người khả nghi. Chúng ta đi về phía quán cà phê đi. Con tức giận dâng lên trong lòng Leslie:

— Ông làm gì từ bốn tuần nay? Chủ nhật nào tôi cũng đến đây. Hôm nay ông mới xuất hiện.

— Vâng - Ông ta nói về hối hận - Đó là lỗi của tôi, tôi đã nhầm tháng.

Đó là lý do mà cô cho là ít khả năng nhất.

— Được rồi, ông có mang gì không?

— Có.

Leslie hài lòng. Mlad bỏ chiếc đuôi cá vào trong đáy túi và lấy ra một cuộn giấy. Chúng bị đen khi in. Ông ta đặt vào tay cô.

— Đây là tất cả những cái mà tôi có thể đưa cho cô.

— Xin cảm ơn. Ít nhất thì tôi không thể trở về tay không - Cô nói giọng xúc động.

Cô để cuộn giấy vào cái giỏ và hỏi:

— Tôi phải gọi ông thế nào?

— Hãy coi tôi như những người khác - Ông ta trả lời - trước khi nói thêm một cách nghiêm khắc - Morris đã nói với tôi rằng theo quan điểm của cô, mỗi người chỉ được biết điều mà anh ta có thể biết. Theo cách này, chúng ta không thể gây nguy hiểm cho nhau.

— OK - Leslie đồng ý.

— Theo cách mà cô tiếp cận tôi - Ông ta nói tiếp - Tôi cứ tưởng cô là điệp viên của FBI.

— Tôi xin lỗi, nhưng quả thực tôi không còn kiên nhẫn được. Ông tin là dễ dàng đến đây cả ba chủ nhật và đi loayh quanh hàng giờ để đợi ông?

— Vì những gì tôi mang cho cô hôm nay, cô có thể đến đây mỗi ngày này hàng năm không?

Leslie bật cười. Họ đi trên phố như một cặp tình nhân. Mlad nói:

— Tôi rất tiếc, nhưng tôi buộc phải trở về.

— Tôi cũng vậy.

Bây giờ cô đã có những tờ giấy quý giá trong tay, cô cảm thấy thoải mái, cô thấy tiếc là phải chia tay với ông ta.

— Hãy gửi tới Morris lời chào của tôi - Mlad nói - Khi nào cô trở về?

Leslie nhìn đồng hồ:

— Khoảng một giờ nữa.

— Sao, một giờ nữa? - Ông ta kêu lên - Cô muốn nói rằng nếu hôm nay tôi không đến...

— Tôi sẽ về mà không có gì.

Ông ta nói lời xin lỗi một lần nữa, sau đó hai người chia tay nhau.

Trong thế giới tình báo, những cuộc gặp gỡ rất ngắn ngủi và sự chia tay cũng thật nhẹ nhàng.

# BOM TRONG HỘP KLEENEX

Leslie vui mừng. Nỗi lo lắng và sợ hãi của cô đã tan biến, cô có thể trở về một cách bình thản. Nhưng mọi việc không đơn giản như cô nghĩ. Khi đến nhà ga, trước mỗi toa tàu, hai cảnh sát giữ những hành khách để kiểm tra mọi túi xách và vali của họ. Cô phải làm gì? Quay trở lại khách sạn Sandia? Điều đó có thể gây nghi ngờ, kỳ nghỉ ốm của cô đã hết. Hơn nữa, cũng không giải quyết được gì khi cô quay lại vì cảnh sát - hoặc những lính liên bang mặc quân phục cảnh sát - sẽ ở đó hôm sau hoặc hôm sau nữa. Cô phân vân.

Cô đang giữ trong túi của mình một quả bom nguyên tử - không phải một quả bom nổ ngay, chắc chắn như vậy, nhưng những tài liệu có thể giúp chế tạo ra nó. Cô biết rằng những tài liệu này có một giá trị hơn tất cả những điều mà cô tưởng tượng. Matxcova đang chờ đợi chúng một cách lo lắng.

Nếu chúng được phát hiện trên người cô, người ta sẽ bắt cô, Mlad sẽ bị nhận dạng và việc tham gia vào dự án Manhattan sẽ bị đổ bể. Mối quan hệ giữa Mỹ - Nga sẽ xuống dốc và hoà bình sau chiến tranh sẽ bị đe dọa. Mlad và chính cô nữa không thoát khỏi sự buộc tội phản bội. Họ sẽ bị coi là những kẻ phản trắc trong lịch sử nước Mỹ và sẽ bị hành quyết. Những thế hệ sau sẽ căm thù họ.

Cô phải thận trọng, tốt hơn là trở lại Sandia, liên lạc với New York và soạn thảo một kế hoạch. Nhưng giải pháp này chắc chắn sẽ mất nhiều thời gian và có thể phát sinh nhiều yếu tố mới và nguy hiểm hơn. Không, cô sẽ quyết định tại đây và ngay bây giờ. Cách này hay cách khác, cô phải đưa được quả bom qua trạm kiểm tra.

Trong những tình huống như vậy, quy định của hoạt động tình báo là tự quyết định. Leslie nhớ lại những chỉ dẫn mà "Johnny" đã khuyên cô: Cô hãy tự làm chủ mình chứ không phải đối thủ. Cần phải táo bạo và dùng trực giác. Chuyển tàu đi Chicago sắp khởi hành. Đó là chuyển tàu mà cô sẽ đi. Cô quyết định như vậy và chuẩn bị một kế hoạch.

Đầu tiên, cô đóng vai là người đến muộn, cô vội vàng đến đúng lúc tàu sắp chuyển bánh cố đánh lạc hướng bằng cách lấy có là mất vé hoặc không biết để nó ở đâu. Cô tỏ vẻ bối rối để lấy cảm tình của cảnh sát. Cô có thể đạt được điều đó nhờ sự quyến rũ của mình.

Quyết định được thực thi, Leslie đi vào nhà ga, lấy lại hành lý ở phòng gửi và mang vào trong toilette nữ. Ở đó, cô mở vali, lấy ra một quyển sách, để vé tàu vào giữa rồi lại đặt quyển sách vào chỗ cũ. Cô phải tìm nơi cất giấu những giấy tờ của Mlad. Chiếc ví và vali là không thể được, túi xách lại càng không Leslie sẽ cầm theo chiếc hộp Kleenex như bằng chứng của căn bệnh... Một ý tưởng nảy ra, cô cầm một nắm mùi xoa để ra và cho tài liệu vào trong hộp rồi để những chiếc mùi xoa lên trên. Thật là hoàn hảo. Cô kiểm tra lần nữa. Bây giờ, cô đã sẵn sàng. Đồng hồ chỉ cho cô thấy rằng bốn phút nữa, tàu sẽ chuyển bánh. Cần phải đến đó ngay. Cô sắp xếp lại hành lý và ra khỏi toilette, chiếc hộp Kleenex để dưới khuỷu tay. Cô nhận ra trên sân ga những hành khách cuối cùng đang lên tàu Chicago "Hãy bình tĩnh - cố tự nhủ - Hãy đi đường của cô, không được nhìn xung quanh". Một phụ nữ mảnh khảnh chạy về phía tàu, chiếc vali bằng da bên tay phải, chiếc cặp và chiếc túi bên tay trái cùng với chiếc hộp Kleenex dưới khuỷu tay. Mọi người nhìn cô thông cảm. Cô chạy về phía toa tàu, cô sẽ ném chiếc vali vào bên trong khi hai người lính chặn đường cô.

— Tôi có thể kiểm tra giấy tờ của cô - Một trong hai người đó nói.

— Cả chiếc cặp nữa - Người kia nói tiếp.

— Tại sao các ông muốn kiểm tra? - Cô vừa hỏi vẻ ngạc nhiên, vừa rút trong ví ra những giấy tờ và những chỉ dẫn của bác sĩ - Tôi sắp nhỡ tàu rồi - Cô nói, mắt hướng về chiếc đồng hồ ở nhà ga.

— Cô đừng lo, tàu sẽ không chuyển bánh khi không có sự ra hiệu của chúng tôi.

— Vậy à.

Một người chỉ chiếc vali và cô nhanh chóng mở nó ra. Ông ta lật đi lật lại đồng quần áo trong đó.

— Có chuyện gì xảy ra vậy? - Cô hỏi.

— Không có gì đặc biệt cả - Người đàn ông trẻ trả lời với nụ cười - Chúng tôi phải kiểm tra tất cả.

— Để làm gì?

— Để chắc chắn rằng những hành khách không mang đồ cấm.

Không giải thích gì thêm, Leslie nhìn người đàn ông đứng tuổi đang kiểm tra hành lý của cô. Người trẻ thu hút sự chú ý của cô và cô liếc mắt tình tứ với ông ta.

— Vé của cô đâu? Ông ta hỏi.

Đây là câu hỏi mà cô đang đợi.

— Ồ vâng, nó ở đâu đây thôi - Cô trả lời, giọng không chắc chắn.

Cô bắt đầu lục lọi chiếc vali, bỏ mọi thứ ra ngoài. Sau đó cô lục đến chiếc cặp, cô đảo lộn mọi thứ bên trong. Chiếc hộp Kleenex chuyển từ tay nọ sang tay kia khi cô lục tìm vé. Chính lúc đó một ý tưởng nảy ra trong đầu, ý tưởng này sẽ không làm hài lòng chồng cô cũng như các ông chủ Xôviết. Tại sao không giao chiếc hộp cho người lính trẻ đang đáp lại những cái nhìn tình tứ của cô và tiếp tục việc lục tìm giả mạo này? Ý tưởng này quá táo bạo, cô đặt chiếc hộp vào tay người lính:

— Ông cầm giúp tôi được không?

Người lính vâng lệnh và nhìn cô lục tìm trong chiếc cặp mà không thể giúp được gì cho cô. Thời gian trôi qua, đoàn tàu rú lên hồi còi cuối cùng - Một sự hoảng sợ thực sự bao trùm lấy cô. Chiếc khoá của vali bị hỏng, vali không đóng lại được nữa, tất cả trở nên lộn xộn. Cuối cùng người lính già thấy quyển sách và lấy ra khỏi vali. Ông ta lật giở quyển sách, chiếc vé rơi ra.

— Đây rồi - Leslie kêu lên vẻ sung sướng - Cảm ơn, cảm ơn! Tôi đã quên mất là để trong đó.

Bây giờ phải sắp xếp lại, chỉnh chiếc khoá của vali. Hai người lính làm giúp cô, sau đó lại giúp cô lên tàu. Âm hiệu sẵn sàng đã được đưa cho người ở đầu máy, tàu chuẩn bị chuyển bánh. Cô đã có vali, cặp xách tay, túi xách, vé cầm trên tay nhưng người lính trẻ vẫn giữ chiếc hộp của cô.

Tất nhiên cô không thể nghĩ tới điều gì khác, nhưng cô không muốn tỏ ra quá quan tâm vào chiếc hộp, một đồ vật không mấy quan trọng. Thực tế, chiếc hộp đó là quan trọng nhất. Người lính trẻ vẫn cầm chiếc hộp. Cô phải nói hay chìa tay ra lấy lại cái hộp. Cô sợ rằng những cử chỉ này làm hỏng kế hoạch của cô. Tuy nhiên tàu đã chuyển bánh. Cô đã tìm ra giải pháp. Cô hắt hơi. Người lính trẻ như thoát ra khỏi giấc mơ nhận ra rằng mình vẫn cầm chiếc hộp, anh ta chạy theo để đưa cho cô:

— Cô Cohen! Cô quên chiếc hộp Kleenex! Nếu cô hỉ chiếc mũi bé nhỏ tội nghiệp của mình, cô sẽ làm thế nào?

Bằng một cử chỉ dịu dàng, Leslie cầm lấy chiếc hộp khi tàu đang chuyển bánh chậm chậm. Cô nhìn hai người lính đang lùi xa dần. Người lính già ngạc nhiên về màn kịch của người phụ nữ hay hốt hoảng này, còn người lính trẻ tự nói một cách hài lòng rằng, cô ấy đã không nhớ tàu, không ai trong số họ lại nghĩ rằng bằng một cử chỉ tốt bụng, họ đã giúp đỡ việc đánh cắp bản kế hoạch về bom nguyên tử.

# ĐIỀU GÌ TỐT SẼ KẾT THÚC TỐT ĐẸP

**T**rong khi nhận từ Nouveau-Mexique bức thông điệp của Leslie: “Harry không tới chữa bệnh” - Trung tâm tình báo ở New York rất lo lắng. Khi Leslie đang tự hỏi vì lý do gì mà Mlad không có mặt ở điểm hẹn cả hai chủ nhật thì họ, Kvasnikov và Yatskov cũng đưa ra những giả thiết: Mlad có thể đã quyết định cắt đứt với NKVD, có thể ông ta đang bị FBI theo dõi hoặc có thể ông ta đang bị thu hút bởi những việc khác. Vì vậy họ chỉ biết chờ đợi.

Nhưng chủ nhật tuần thứ ba, không thấy tin tức từ Leslie, họ bắt đầu lo sợ điều bất hạnh đã tới với ông ta. Hàng sáng, Yatskov chờ đợi thông báo về sự quay về của Leslie ở New York. Ông ta không thấy gì. Tối giữa tuần cũng không thấy, họ quyết định gửi bức điện thứ hai cho Leslie, và cử một người tới Nouveau-Mexique.

Kế hoạch sử dụng điệp viên Raymond, tức Harry Gold, tức Golodnitzki. Gold có thể so sánh với Morris Cohen. Sinh năm 1910 tại Thụy Sĩ, trong một gia đình lưu vong người Nga. Ông ta qua thời niên thiếu ở Mỹ nơi mà ông ta đã lớn lên trong một khu phố nghèo thuộc vùng ngoại ô phía Nam Philadelphia. Những tư tưởng bài Do Thái, những cuộc gây gỗ và chia rẽ là những chuyện hàng ngày mà ông ta chứng kiến.

Bị lôi cuốn bởi những ý tưởng Xôviết mà bố mẹ đã khắc sâu vào tâm trí, ông ta coi thường chủ nghĩa cộng sản Mỹ nhưng thấy được trong kinh nghiệm của những người Xôviết một người chỉ đạo cả về kinh tế và xã hội. Ông ta đã theo những lớp học buổi tối ở Trường Đại học Pennsylvania và đạt được tấm bằng “Bachelor of Science” ở Trường Đại học Xavier Cincinnati. Công tác trong một phòng thí nghiệm, ông ta đã tham gia vào mạng lưới tình báo công nghiệp và quân đội cho NKVD, ông đã chuyển những công thức hoá học cho NKVD qua một trung gian ở Amtorg.

Yatskov đón tiếp ông khi ông ta thay thế bước Semionov năm 1944.

Để tạo vỏ bọc cho chuyến đi Los Alamos, Yatskov tưởng tượng ra một câu chuyện mà theo đó Gold sẽ gặp lại Mlad, một người bạn cùng lớp cũ để trao đổi với ông ta những thành công đã đạt được trong công việc. Trong cuộc gặp gỡ không chuẩn bị trước có nguy cơ gây chú ý này, Gold cố gắng gặp Mlad ở bất cứ đâu để hỏi lý do huỷ cuộc hẹn ở Albuquerque. Kvasnikov đã yêu cầu Yatskov chuẩn bị một bức điện mã hoá tới Matxcova để yêu cầu bật đèn xanh cho chuyến đi mạo hiểm này.

Nhưng trước khi kế hoạch được thực hiện, Yatskov nhận được tín hiệu của Leslie khi ông ta trở về nhà bằng ô tô buýt để ăn trưa và thấy dấu hiệu ở trên tường. Những dấu hiệu thường nhận theo kiểu này có thể đánh dấu công khai mà ít nguy hiểm. Dấu hiệu thông báo rằng hẹn gặp vào hôm sau.

Ông ta liên lạc ngay với Kvasnikov và nhận được chỉ thị đến ngay căn hộ 07 Leslie vào buổi tối mà không cần chuẩn bị một câu chuyện về sự đến thăm của ông ta trong trường hợp có sự can thiệp không đúng lúc.

Gia đình Cohen sống tại số 71 phố Est trong một căn hộ bình dị. Đồ đạc đầy đủ, những kệ sách chất đầy tường của phòng khách. Leontine ở nhà một mình.

Vui mừng được gặp “Johnny”, cô kể về chuyến du lịch của mình nhưng khi cô kể về chuyện trên sân ga và chiếc hộp Kleenex, Yatskov lắc đầu, ông ta không thể tin được:

— Lona, đây là một sự liều lĩnh không thể chấp nhận.

Tuy nhiên, cuối cùng ông ta phải khẳng định rằng không gì thành công bằng màn kịch này.

— Tất cả điều tốt đẹp sẽ kết thúc tốt đẹp thôi - Ông kết luận.

Điều này cũng không ngăn ông bày tỏ sự không hài lòng:

— Lona, lòng dũng cảm và sự táo bạo của cô thật là phi thường nhưng đôi khi là thiếu suy xét. Nếu cô không dừng lại, cô có thể chắc chắn rằng chúng tôi sẽ làm tất cả buộc cô rút khỏi công việc. Nhưng dễ dàng để làm được điều đó, càng khó khăn càng phải khôn khéo, tránh gây



chú ý.

Sau đó, Yatskov trở lại với vấn đề thực tại.

— Cô đã có tài liệu của Réserve chứ? - Ông ta hỏi với giọng bình thản theo thói quen.

— Vâng - Leslie trả lời một cách hài lòng - Nhưng xin ông hãy kiên nhẫn một chút. Tôi sẽ đi pha cà phê.

Cô ta đi vào trong bếp, để Yatskov chờ đợi sốt ruột. Trở lại đặt những tách cà phê trên bàn, cô đi vào phòng ngủ và trở ra với chiếc hộp Kleenex. Những tài liệu của Mlad vẫn dưới đáy hộp.

— Chúng đây - Cô vừa nói vừa đưa chiếc hộp cho Yatskov - Đây là cái mà vì nó tôi đã tới Réserve và vì nó mà tôi đã mất việc.

— Họ đã cho cô thôi việc?

— Vâng.

— Chúng tôi sẽ tìm cách rút cô ra khỏi công việc. Thôi được tôi rất muốn ở lại, nhưng...

Yatskov đến lãnh sứ quán Xôviết cùng với chiếc hộp. Ngay sau khi xem xong nội dung, ông ta gửi một bức điện khẩn tới Trung tâm ở Matxcova đề nghị gửi ngay “lực sĩ” tới “cơ sở” chịu trách nhiệm “nặng nề”. Từ “lực sĩ” ý chỉ một nhân viên của NKVD hoạt động dưới vỏ bọc của Đại sứ quán Nga ở Washington. “Cơ sở” chính là lãnh sứ quán Xôviết ở New York. Trung tâm trả lời không chậm trễ rằng một “lực sĩ” sẽ đến từ “Freze” (Washington). Vậy là chiếc hộp đã được mang đến Matxcova. Leslie bị mất việc, Trung tâm nhận giúp đỡ tài chính cho cô cho tới khi tìm được công việc khác.

Điều cuối cùng về nhiệm vụ ở Nouveau-Mexique. Chúng tôi phải xem xét khả năng mà Leontine Cohen đã cường điệu hoá câu chuyện ở nhà ga khi kể với Yatskov. Trên hết, cô ấy là nhân chứng duy nhất, ngoại trừ hai viên cảnh sát chỉ có thể biết rằng người ta đã lừa bịp họ. Họ là cảnh sát, nhân viên của FBI hay của cơ quan phản gián quân đội. Đó là những câu hỏi mà chúng tôi không thể trả lời được. Điều đó phù hợp với tính khí khoa trương của Leontine, cô đã thêm nêm cho câu chuyện trở lên ly kỳ. Tôi đã được trò chuyện với bà ta và với Anatoni Yatskov trước khi họ mất năm 1992 và 1993. Chuyện kể của tôi dựa trên hai cách kể chuyện chỉ khác nhau đôi chút. Dù thế nào đi nữa, điều chủ yếu là Leontine Cohen đã mang tài liệu từ Los Alamos tới New York. Từ đó Stalin đã có bản kế hoạch Manhattan trong tay.

# PHẦN V: STALIN SỞ HỮU BOM

# NHỮNG NHÀ BÁC HỌC NGUYÊN TỬ YÊU CẦU HOÀ BÌNH

Hai ngày sau khi Leslie mang những bí mật từ Nouveau-Mexique về, Tổng thống Roosevelt gặp gỡ Thủ tướng Churchill ở Québec để cùng xem xét những triển vọng về việc tiếp tục hay kết thúc chiến tranh.

Vấn đề nguyên tử, chủ đề gây xích mích giữa hai quốc gia, đã dần đi vào trật tự. Người Anh biết rõ rằng những nghiên cứu và những thành tích bước đầu của họ đã bị người Mỹ vượt qua, Mỹ đã có những bước tiến trước họ trong việc chế tạo bom nguyên tử. Việc trao đổi thông tin khoa học của hai đất nước, bắt đầu từ 1941, đã chấm dứt năm 1942 nhất là sau khi Mỹ có được những thoả thuận Cripps-Molotov tháng 5. Mặc dù Anh đã dấu mối liên hệ với Xôviết, báo cáo của Maud Committee, người Mỹ dù không biết gì về điệp viên Liszt và Homère cũng nghi ngờ rằng mối liên hệ gần gũi của họ có những nguy cơ về vấn đề an toàn và họ giữ kết quả của những nghiên cứu. Trong năm nay, Anh luôn nhắc lại yêu cầu về sự hợp tác của họ; Cuối cùng họ cũng đạt được từ Mỹ rằng họ sẽ chia sẻ tất cả mọi việc trừ những kế hoạch về loại vũ khí mới. Mùa hè năm 1943, Roosevelt đã để Churchill giành uy tín về sự trao đổi thông tin về “Tube Alloys”.

Sự hợp tác bí mật về năng lượng nguyên tử, được ký bởi hai nguyên thủ quốc gia ở Québec ngày 19 tháng 8 năm 1943 đặt ra ba điểm chính:

— Điểm thứ nhất, hai nước sẽ không bao giờ gây chiến với nhau.

— Điểm thứ hai, không ai trong số hai nước sử dụng năng lượng nguyên tử chống lại nước thứ ba mà không được sự đồng ý của nước kia.

— Điểm thứ ba, không nước nào được cung cấp thông tin liên quan tới “Tube Alloys” cho nước thứ ba ngoại trừ có sự đồng ý của cả hai bên.

Có thể thấy rõ rằng, bản ký kết tại Québec có xu hướng khai trừ Liên Xô ra khỏi “Sự trao đổi thông tin nguyên vẹn và hiệu quả và những ý tưởng” được hứa hẹn bởi cả hai bên, ngay cả khi do vô ý, nó mở ra cánh cửa cho tình báo Xôviết. Vì những khuynh hướng mới đã được tán thành đồng ý rằng những nhà bác học Anh trong kế hoạch Manhattan, và trong số có Klaus Fuchs, người tạo ra vẻ yên lặng, ôn hoà. Cũng như vậy, Ủy ban chính trị liên kết về sự phát triển nguyên tử, được thành lập để giám sát chương trình, bao gồm những công chức Mỹ, Canada và Anh trong đó có cả Donald Maclean, tức điệp viên tình báo Liên Xô Homère. Có rất ít nghi ngờ rằng bản hiệp ước Québec đã phát hiện con đường từ Matxcova và đã gây ra cho Kremlin những lo lắng nghiêm trọng. Sự tham gia của Canada vào chương trình bị hạn chế chủ yếu ở phòng thí nghiệm của Trường Đại học Montréal và lò phản ứng hạt nhân Chalk River, đã được cài người bí mật bởi GRU.

Về vấn đề những điệp viên Anh, tôi phải nêu thực tế rằng John Cairncross không hoạt động lâu trong lĩnh vực tình báo nguyên tử. Sau khi đã gửi những báo cáo cho ủy ban Hankey năm 1941, ông ta được phân bổ tới trường mật mã vào tháng 3 năm 1942. Lý do là Matxcova cần những thông tin tin cậy hơn là những đầu tư không rõ ràng của Ủy ban khoa học. Cairncross có nhiệm vụ nắm bắt những thông điệp được cung cấp bởi những người Xôviết cũng như Do Thái đã bị Anh chặn lại. Trung tâm đánh giá rất cao những tư liệu mà ông ta đã cung cấp về vấn đề vũ khí của Đức và những hoạt động của quân đội Đức.

Tình báo nguyên tử Xôviết không bị tổn thất nhiều vì sự phân bổ của Cairncross, điều này trùng hợp với việc giảm nhân sự của Anh trong việc nghiên cứu hạt nhân. Bên cạnh đó, Maclean vẫn tiếp tục gửi cho Matxcova nhiều tài liệu của Chính phủ Anh, ông ta không gây một chút nghi ngờ nào là mình liên quan tới những vấn đề về năng lượng nguyên tử. Ngay khi mà mối liên kết giữa Washington và Luân Đôn được thắt chặt trong lĩnh vực hạt nhân, Matxcova đã cài được người đứng vị trí.

Tầm quan trọng của ông ta trong giai đoạn này rất lớn, chúng ta hãy xem xét sự nghiệp của

Donald Maclean trước khi tiếp tục theo dõi câu chuyện của chúng tôi. Trẻ trung, cao ráo, đẹp trai, khoẻ mạnh, Maclean kết thúc năm cuối cùng ở Trường Cambridge và chuẩn bị vào hoạt động trong lĩnh vực ngoại giao Anh năm 1934. Mùa hè năm đó được sự gần gũi bởi một người bạn cùng lớp là Kim Philby, được Arnold Deutsch tuyển chọn, là nhân viên của KGB, ông ta đã được nghe nói rằng: “Nếu ông có ý định bán ‘Daily Worker’ (tờ hàng ngày của đảng cộng sản Anh) ở đây ông sẽ không ở lại bao lâu. Ngược lại, ông có thể làm một việc khác ở đây cho chúng tôi”. Maclean phân vân, ý tưởng cắt đứt với những người bạn trong đảng rất khó khăn. Sau hai ngày suy nghĩ, ông ta nói với Philby rằng ông đã sẵn sàng làm việc cho Liên Xô. Việc tuyển mộ ông ta được Alexandre Orlov thực hiện vào đầu năm sau khi Maclean cắt đứt với những người bạn của mình (là John Costello và Oleg Terev).

Trong kỳ thi vào lĩnh vực dân sự, vào tháng hai, người ta hỏi Maclean về cảm tình cộng sản của ông ta đã được biết đến ở trường đại học. Ông ta trả lời một cách chắc chắn rằng ông ta đã nuôi dưỡng cảm tình này và ông ta không gạt bỏ điều đó hoàn toàn. Câu trả lời đã đạt được những nụ cười tán thành về sự dũng cảm của ông ta. Tháng 10 năm 1935, Foreign Office, ... Whitehall, đối diện với phủ thủ tướng ở phố Downing đã tiếp nhận người thư ký thứ ba cũng là nhân viên tình báo mật của Liên Xô.

Tháng 1 năm 1936, Maclean giao cho Deutsch tập tài liệu đầu tiên của mình về Foreign Office. Chúng đã được chụp trong đêm bởi một “cơ sở” bí mật của Xôviết để có thể bọc trang bìa của chúng bằng những màu mã hoá - xanh lá cây, đỏ và xanh da trời vào hôm sau để đặt chúng vào “tổp những tài liệu mật”. Nhưng ngay sau đó, Orphelin (mật danh của ông ta trong giai đoạn này) bắt đầu cung cấp hàng loạt những tài liệu là những bức ảnh không đầy đủ có hàng trăm những trang tài liệu. Deutsch yêu cầu ông ta mang chúng đến vào ngày thứ sáu để dành ba đêm chụp ảnh. Khoảng cuối năm, người ta đề nghị Maclean cho mượn bản chú ý đặc biệt về ông Maurice Henkey mà ông ta đã có dịp gặp gỡ. Khi thống kê, phòng thư ký cho biết: Tổng số những tài liệu mà Maclean cung cấp cho Xôviết từ tháng 1 năm 1936 đến tháng 6 năm 1940 đủ chứa đầy bốn mươi nhăm hộp giấy của phòng lưu trữ của KGB-SRE, mỗi hộp gồm hơn ba trăm trang.

Suốt thời gian này, Maclean đã thực tập hai năm tại sứ quán Anh ở Paris. Ở đó ông ta gặp và kết hôn với một cô sinh viên xinh đẹp người Mỹ. Tháng 2 năm 1941, ông ta được bổ nhiệm làm thư ký thứ hai, nên có khả năng tiếp xúc với tất cả những tư liệu của chính phủ. Năm 1944, ông ta trở thành thư ký thứ nhất tại Oasinhton, ở đó ông ta đảm bảo được sự liên kết giữa Royaume-Uni và Mỹ trong khuôn khổ của Ủy ban chính trị. Suốt bốn năm tiếp theo, những điểm chủ yếu để chế tạo bom A của Xôviết, tất cả những bí mật về năng lượng nguyên tử mà Mỹ chia sẻ với Anh đều qua tay ông ta, và đã đến được Matxcova.

Chúng tôi nhắc lại, về kế hoạch chế tạo bom nguyên tử có mối lo sợ rằng Đức quốc xã cũng sản xuất mà không để ý tới vấn đề nhân đạo. Chiến tranh càng kéo dài, mối đe dọa ngày càng rõ ràng. Đầu năm 1943, một đội tập kích Anh đã đột nhập vào nhà máy nước nặng Vermorke ở Nauy, làm nó ngừng hoạt động vào cuối năm và lấy đi của những nhà vật lý Đức một phần lớn tài liệu chế tạo bom nguyên tử thời kỳ đó. Cuộc chiến quyết định Stalingrad, phá huỷ sức mạnh mặt trận phía đông của Wehrmacht, báo trước sự thất bại của Đức Quốc xã và tham vọng về nguyên tử của họ mặc dù nhu cầu về một loại siêu vũ khí của họ ngày càng tăng. Tháng 6 năm 1944, binh lực Mỹ, Canada và Anh đổ bộ vào Normandre và bắt đầu hoạt động của họ ở Berlin. Điều chắc chắn rằng không phải bom làm sợ hãi mà Reich sẽ làm nổ tung khi binh lực Xôviết cũng hoạt động ở phía Tây Berlin. Trong thời gian này, đội biệt kích của Mỹ, được gọi là Alosos hoạt động ở Châu Âu, họ tìm kiếm những phòng thí nghiệm của Đức Quốc xã, phát hiện những nơi cất giấu chất uranium và giam giữ các nhà bác học Đức. Phải công nhận rằng, mặc dù có khả năng nhưng việc nghiên cứu nguyên tử của Đức còn kém xa các đối thủ của nó. Đức Quốc xã không tạo nên mối đe dọa về hạt nhân.

Không có lý do chính đáng, tuy vậy những nhà bác học ở Los Alamos có những lý do để tiếp tục công việc của mình. Trên hết, họ là những người say mê khoa học, họ bị chế ngự bởi ham muốn giải quyết những vấn đề khoa học được đặt ra bởi bom nguyên tử. Mặt khác, thế giới luôn ở trong chiến tranh, và thật có lý và đúng lúc phải chế tạo ra một loại siêu vũ khí chống lại sức mạnh của Axe. Sau tất cả, họ đã bị lôi kéo vào một chương trình ở trình độ cao, được chăm

sốc bởi nhà nước, điều này mang lại cho họ nhiều lợi ích cá nhân dưới hình thức uy thế, những thù lao về vật chất và sự tự hài lòng. Tất cả những điều đó đã được ghi nhận, nhiều nhà bác học nguyên tử ngày càng tỏ ra khảng khái khi dự án dần được hoàn thiện. Không phải mục đích cuối cùng là tàn sát nhân loại, càng vì con người mà họ không bao giờ tàn sát nhiều đến vậy trong suốt lịch sử? Và họ tiếp tục cố thể không biết thực tế này.

Bị dẫn dắt bởi những suy nghĩ về bom và những hậu quả có thể đoán được, họ bắt đầu nghi ngờ những lý do của những nhà xuất vốn và những người quản lý - chính phủ và quân đội Mỹ. Joseph Rotblat nhớ lại lời nhận xét của tướng Groves trong một bữa ăn tối năm 1944:

“Groves đã nói với chúng tôi: “Các ông hiểu một cách tự nhiên rằng lý do của kế hoạch là trấn áp người Nga”.

“Tôi nhớ những lời này như thể chúng vừa được nói hôm qua vậy vì chúng đã gây cho tôi một cú sốc, tôi không thể tin vào tai mình nữa. Một cú sốc và trước hết, hoàn toàn không phải mục đích của việc chế tạo bom là được sử dụng chống lại một quốc gia nào đó, thứ hai là giai đoạn này Nga là đồng minh của chúng tôi: chúng tôi có một kẻ thù chung, và họ gánh trách nhiệm nặng nề trong cuộc đấu tranh chống Đức. Và điều mà tôi nghe nói là: “Cái mà chúng ta làm bây giờ là khuất phục những người này”.

Rotblat, người gốc Ba Lan, khi đó ba mươi sáu tuổi, đã bị điếc. Ý tưởng kiểm tra năng lượng nguyên tử cứ ám ảnh ông ta. Sau chiến tranh, ông ta ký bản tuyên ngôn. Einstein-Eussell buộc các chính phủ trên toàn thế giới từ bỏ chạy đua nguyên tử, bãi bỏ chiến tranh và tìm ra những giải pháp hoà bình cho mọi vấn đề. Hai năm sau đó, ông tham gia thành lập phong trào Pugwash, cuộc họp hàng năm của những nhà bác học mong muốn hoà bình cho thế giới. Trong 15 năm đầu hoạt động của phòng trào, ông được cử là tổng thư ký. Ngày nay, ông là giáo sư danh dự của Trường đại học Luân Đôn. Chúng tôi không biết có bao nhiêu nhà bác học khác của Los Alamos nghe được những lời phát biểu của Tướng Groves.

Trong khi những vũ khí thông thường đẩy III Reich đang trong vực thẳm, vũ khí phi thông thường đang trong thái nguyền, đã có một tấm bia mới: Nhật Bản. Sự thay thế được thực hiện êm xuôi và hợp lý đến nỗi những nhà bác học nguyên tử, không thể làm chậm lại kế hoạch này. Nhưng những người quan tâm tới vấn đề này bắt đầu thành lập những nhóm thảo luận và gửi nhiều đơn kiến nghị lên các cấp cao. Một phong trào phản đối được hình thành.

Ở Met Lab de Chicago, những nhà vật lý liên quan thành lập một ủy ban dưới sự lãnh đạo của James Frank, một người Đức lưu vong đã nhận được giải Nobel. Báo cáo của ủy ban có sự ký nhận của Frank, Donald Hughes, James Nickson, Fugen Rabinovitch, Glean Seaborg, Joyce Stearns và Leo Szilard đề trình những kiến nghị lên ông thư ký chiến tranh là Henry Stimson. Vừa làm cho biết rằng bí mật về bom không thể giữ lâu được, bản báo cáo cho rằng thế giới còn nguy hiểm chừng nào một ban kiểm tra quốc tế về năng lượng nguyên tử chưa được lập ra. Mặt khác, một cuộc tấn công bất ngờ chống lại Nhật Bản “phóng thích những phương tiện phá hủy nhân loại mới này” còn lâu mới tạo ra lợi thế của Châu Mỹ, làm tiêu tan sự trợ giúp về ý kiến công chúng trên toàn thế giới, đẩy mạnh cuộc chạy đua vũ trang và làm nguy hại đến khả năng về sự liên kết quốc tế để kiểm tra cuộc tranh đua vũ khí sau này. Vì vậy, những nhà bác học của Met Lab gợi ý rằng sự chứng minh không phải quân đội về bom đã được thực hiện dưới con mắt của những người Nhật Bản để xúi giục họ đầu hàng. Ngày 11 tháng 6 năm 1945, Frank đến Oasinhton với tư cách cá nhân để gửi đơn khiếu nại cho những người cầm quyền.

Cơ quan của Stimson xem xét đơn khiếu nại nhưng không đề cập gì đến. Họ khẳng định, không một minh chứng nào có thể thuyết phục được người Nhật, họ đã được biết đến bởi tính hiếu chiến của họ. Có thể, những người đặt ra kế hoạch chiến tranh không tin rằng một vụ nổ đã được thông báo sẽ đủ khảng khái để làm cho kẻ thù hối cải và từ bỏ. Vì vậy, họ quyết định rằng bom sẽ được mở rộng và sớm nhất nếu có thể.

Tuy nhiên, họ chưa có bom.

# THUYẾT TAM VỊ NHẤT THỂ

Vào giữa tháng 6 năm 1945, Leonid Kvasnikov gửi thông điệp khẩn tới Trung tâm Matxcova thông báo rằng nhóm Los Alamos sẽ cho nổ một thiết bị nguyên tử vào ngày 10 tháng 7. Thông tin của ông ta có từ hai nguồn, Mlad và Charles. Cả hai đều được biết về cuộc tiếp xúc của họ vào ngày 13 tháng 6. Trung tâm đã đệ trình ngày tới cấp trên và tới Kremlin.

Thứ ba ngày 10 tháng 7 tới và đã qua mà New York không khẳng định thực tế về vụ nổ nguyên tử ở Noureau - Mexique. Nguyên nhân là, vụ thử có tên Trinité do Robert Oppenheimer đặt, đã bị huỷ bỏ vì lý do thời tiết xấu trên bờ biển Alamogordo. Nhưng theo nghi ngờ của Trung tâm thì Rezidentoura của Mỹ đã mắc một điều sai lầm lớn. Tư tưởng lắt léo nhất của người lãnh đạo, Lavrenti Beria và đối tượng của những nghi ngờ của ông ta là người bạn khó ưa, Kvasnikov.

Vụ nổ nguyên tử trong lịch sử diễn ra sáu tháng sau đó thứ hai ngày 16 tháng 7 vào lúc rạng đông. Những hòn lửa khổng lồ làm mê hồn những nhà khoa học tập trung trong bóng đêm. Mlad và Charles cũng ở trong số đó. Bình luận của Oppenheimer được đăng trên tờ Bhagavad-Gita, là dòng tít nổi tiếng: “Tôi đã trở thành thần chết, kẻ tiêu diệt thế giới”. Quả bom được thử nghiệm là loại nổ tung, được coi là không chắc chắn trong hai quả. Những nhà bác học không bao giờ nghi ngờ bộ phận khởi động của nó vậy nên không thử nghiệm. Quả bom không thử nghiệm phải tàn phá Hiroshima với sức công phá tương đương 12,5 tấn TNT, quả thứ hai lớn hơn tương đương 20 tấn TNT tại Nagasaki. Quả bom thứ nhất đi vào lịch sử và không làm các nhà khoa học quan tâm, quả thứ hai được cải tiến, dùng làm mẫu ở Labo 2.

Tổng thống Truman, người kế nhiệm Roosevelt, được quyết định ngày 12 tháng 4, ngày hôm sau thông báo cho toàn đất nước những kết quả của chương trình hạt nhân. Ông ta đã nhanh chóng làm kinh ngạc ở bên quân đội và giới chính trị. Vụ thử nghiệm Trinité đã được báo trước vào hôm trước cuộc gặp gỡ của ông ta với Stalin và Churchill vào tháng 7. Việc để lại do thời tiết xấu có nghĩa rằng những cuộc đàm phán đã được bắt đầu mở rộng ở Potsdam thì bức thư đến từ Mỹ, ngày 21 tháng 7, mang theo bản báo cáo của tướng Groves.

Rất nhiều điều đã được nói về sự vắng mặt của Stalin khi Truman thông báo với ông ta rằng Mỹ đang sở hữu “một loại vũ khí huỷ diệt lớn”. Truman và Churchill đoán chừng rằng ngài Thống chế Stalin không nhận được thông điệp và họ thất vọng rằng tin tức này đã không gây cho ông ta bất ngờ. Tuy nhiên Stalin biết nhiều về loại bom A của Mỹ hơn cả Tổng thống Mỹ vì khi Truman là Phó tổng thống đã bị trục xuất ra khỏi khâu đầu tiên của kế hoạch Manhattan, trong khi đó Stalin luôn ở đó. Câu trả lời điềm tĩnh của ông ta, hy vọng Mỹ sử dụng vũ khí hạt nhân để kết thúc chiến tranh chỉ là một động tác giả. Ông ta hiểu rõ sự thành công của cuộc thử hạt nhân có ý nghĩa gì và trong thâm tâm, ông ta không được vui.

Vào dịp đầu tiên, ông ta gọi điện tới Matxcova. Nếu người ta tin vào cuốn tiểu thuyết “Chiến thắng” của nhà văn Xôviết Alexandre Tchakovski, Stalin đã gọi Igor Kourtchatov thẳng tới Loubianka để yêu cầu ông ta phóng hai quả tên lửa của chương trình hạt nhân. Nhưng câu chuyện về cuộc gọi điện này là dối trá. Thực tế, Stalin đã gọi cho Beria, giám đốc thực sự của chương trình. Vì khi ông ta tới, một nhân viên của cơ quan mật cũng tham gia vào cuộc nói chuyện điện thoại này. Và dưới đây là cuộc trò chuyện đó:

Staline hỏi Beria rằng ông ta có biết điều gì về vụ thử hạt nhân của Mỹ không.

— Có, thưa ông Stalin - Beria trả lời - Chúng tôi đã báo cho các ông điều này, họ đã phải thực hiện cuộc thử này cách đây hai tuần nhưng từ đó chúng tôi không nhận được một thông tin nào về vụ nổ cả.

Trước khi để Beria thú nhận sự không biết của mình, Stalin đã nói ông ta thậm tệ. Ông ta nói rằng quả bom đã nổ một tuần trước và Beria đã bị “thông tin sai lệch”. Ông ta đã khiển trách Beria cứ như thể là lỗi của ông ta, rằng Tổng thống Truman đã dẫn dắt những cuộc đàm phán theo ý mình và đã ngược đãi những người Xôviết.

Beria chỉ có thể chịu đựng và cố gắng trả lời theo cách tốt nhất. Cuối cùng, Stalin ra lệnh cho ông ta khích động Kourkchatov và nhóm của ông ta khẩn trương hành động và đồng thời hỏi xem ông giáo sư cần gì để tăng tốc việc thực hiện chương trình.

Khi Stalin nói xong, Beria nói vẻ rụt rè:

— Tôi có thể nói về vấn đề này không, Stalin?

Stalin trả lời ngay rằng không và gác máy khiến Beria thần thờ gác máy.



# ĐỒ VẬT GIÁ TRỊ LỚN

Giảm tình trạng chuột kêu chít chít, người đặc trách cứng đầu, ngồi trong văn phòng của ông ta ở Loubianka nhanh chóng lấy lại tinh thần nhưng để biến thành con sư tử gầm lên. Giận điên lên, ông ta cầm máy điện thoại HF sử dụng nội bộ và bấm số của Fitine.

— Pavel Mikhailovitch! Anh đến đây ngay!

Như những nhà chuyên chế, Beria là người đàn ông độc quyền. Ông ta chấp nhận hay loại trừ một người, đó là toàn quyền của ông ta. Trong trường hợp thứ hai thì không ai có quyền sống. Cũng như tất cả thành viên của Politburo đều chịu nhục hình, mỗi lần mà ông ta phải đứng trước Stalin thì mỗi nhân viên, mỗi công chức của NKVD, không được nói gì về những tù nhân khi có mặt của Beria, đều biết rằng cái nhìn gườm gườm sau cặp kính sẽ quyết định số phận của họ.

Pavel Fitine, đứng đầu phòng ngoại giao, hiểu rằng có điều gì đó không ổn và cho rằng điều đó liên quan tới vấn đề hạt nhân. Và rất ngẫu nhiên, khi rời khỏi phòng làm việc ông ta lại mang theo những tài liệu đánh giá của Kourtchatov về chủ đề của những chất khoa học được đánh cắp của Mỹ.

Beria đón ông ta bằng cái nhìn sắc lạnh, được khuếch đại bởi cặp mắt kính.

Fitine dừng lại chờ đợi.

— Ngồi xuống đi, đừng đứng như trời trồng ở đó.

Fitine ngồi xuống.

— Ngài Kvasnikov của anh không thoát ra khỏi hầm được đâu - Giọng của Beria chua cay.

Ngay cả khi Loubianka không có hầm với những phòng tra tấn dã man, ông ta có thể sử dụng lối nói ẩn dụ này. Fitine đoán được sắp của mình đã nghe được gì.

— Anh đã triệu Kvasnikov từ New York phải không? - Beria tiếp tục.

— Không.

— Tại sao?

— Không có lý do.

— Vậy là ý gì, không có lý do? Có bao nhiêu thủ đoạn đấy. Đồng chí Stalin vừa gọi cho tôi từ Berlin để nói rằng Mỹ đã thử nghiệm bom nguyên tử không phải ngày 10 tháng 7 như Kvasnikov đã đảm bảo với chúng ta mà sau đó một tuần. Anh giải thích điều này thế nào?

— Tôi có thể đảm bảo với ông rằng đồng chí Kvasnikov không bao giờ gian dối. Tôi đã làm việc với ông ta nhiều năm và trong thời gian này ông ta luôn tỏ ra là một người tận tâm hoàn toàn với đất mẹ. Chính nhờ ông ta mà chúng ta có được phòng thông tin khoa học và kỹ thuật. Leonid Romanovitch là người đứng đầu trong khoa học từ giữa năm 1943 và từ đó chúng ta có một nguồn thông tin về lĩnh vực hạt nhân.

Beria nhả mặt tỏ ra hoài nghi. Fitine đưa ra tập hồ sơ mà ông ta mang theo.

— Cho phép tôi giới thiệu với ông những đánh giá của Labo 2 về những chất vừa rồi có xuất xứ từ New York.

Beria cầm tập hồ sơ và mở ra. Ông ta thấy trên cùng là một ghi chép dày ba trang được Kourtchatov viết tay và đề ngày 10 tháng 3 trong năm. Nó được đề gửi ngày 5 tháng 3. Beria chú ý một dòng gạch chân:

“Những dữ liệu là một mối quan tâm lớn: Tất cả như những phương pháp và những sơ đồ mà chúng tôi thực hiện, chúng chỉ là những khả năng mà chúng ta chưa kiểm tra”. Dòng tiếp theo: “Chúng ta hãy lưu ý: 1. Sự sử dụng chất khí uranium 235 thay thế uranium 235 kim loại, để làm chất nổ cho bom; 2. Cam đoan về sự nổ tung nhờ sự tăng tốc của bom”. Đề cập tới điểm thứ nhất, Kourtchatov viết: “Quan trọng là việc xác định hệ thống được vạch đã được nghiên cứu

qua tính toán hay là theo kinh nghiệm". Về điểm thứ hai, ông ta chỉ ra rằng "phương pháp nổ cho phép tăng vận tốc liên quan tới những phân tử tới 10.000m/giây nếu áp lực là đối xứng. Vì thế phương pháp này được sử dụng thích hợp hơn là phương pháp tiếng nổ".

Một tài liệu khác cũng của Kourtchatov, tám trang được soạn thảo cùng ngày nhưng ghi ngày gửi trước là 7 tháng 1. Bắt đầu: "Giá trị của những dữ liệu này ít liên quan hơn những dữ liệu trước, chúng không có ích lợi gì cho công việc của chúng ta nhất là liên quan tới những vấn đề về trình tự nghiên cứu". Ông ta xác định rằng những bản báo cáo cung cấp những chỉ dẫn về sự tinh chất uranium bằng cách loại bỏ những chất phụ ra khỏi oxygen. Tiếp theo ông ta đề cập tới những vấn đề kỹ thuật.

Bản tiếp theo, hoàn thành ngày 7 tháng 4, gồm sáu trang viết tay. Một lần nữa ông giáo sư gạch chân để biểu lộ niềm vui cao độ của ông ta: "Những yếu tố này có giá trị lớn. Chúng gồm những dữ liệu: 1. Về những tinh chất hạt nhân của vụ nổ nguyên tử, 2. Về những chi tiết liên quan tới sử dụng phương pháp chia điện tử những chất đồng vị của uranium. Những đoạn tiếp theo diễn giải tỉ mỉ những điểm đặc biệt".

Tiếp theo là một báo cáo dài của Kourtchatov, được viết bốn ngày sau đó. Đó là bản đánh giá về tài liệu gửi tới ba tháng trước đó tức ngày 25 tháng 12 năm trước. (Ấn tượng mà chúng tôi rút ra rằng nhà bác học làm việc quá sức này không thể lãnh hội một đồng những thông tin đổ dồn đến hoặc là ông ta có ít phương pháp để giải quyết chúng). Bản báo cáo mở ra bằng những từ sau: "tư liệu rất nhiều và có nhiều điểm chú ý. Nó mang lại những ký hiệu lý thuyết có giá trị, những mô tả của tiến trình kỹ thuật và phương pháp phân tích. Nó đưa lại cho chúng ta ý tưởng về nhịp điệu làm việc trong những phòng thí nghiệm, và thời gian cần thiết để thúc đẩy những phân tử hạt nhân". Chín trang giấy tiếp theo nghiên cứu những máy sản xuất năng lượng từ những phản ứng chất uranium nguyên chất và uranium nước nặng.

Một chuyển bay ngắn của những tài liệu này làm xuất hiện mối liên hệ mong manh giữa Labo 2 và Los Alamos. Đó chính là điều khẳng định cho Beria thấy giá trị của Kvasnikov. Nhưng phần tiếp theo của tài liệu như một lời nhắc nhở về điều rủi ro xảy đến bất ngờ với "người đứng đầu". Đó là một ghi chép dài nửa trang dựa trên một báo cáo của Kvasnikov từ New York khẳng định rằng loại bom có chất phitonium sẽ được thử nghiệm ngày 10 tháng 7. Hiển nhiên, nó được đánh máy bởi Vassilevski, cô ta phải đưa địa điểm "cuộc họp ngắn ngủi để nhận chỉ thị" cho Kourtchatov.

Một phần khác gây ngạc nhiên. Đó là một tài liệu được soạn thảo lần này không phải là do Kourtchatov mà do Isaac Kikoin, một nhà vật lý học thực nghiệm của nhóm ông ta. Beria dừng lại. Đây là gì vậy? Điều gì đang xảy ra? Kourtchatov không phải là nhà vật lý duy nhất tham gia vào kiểm tra những vật chất khoa học của Mỹ sao? Trước khi Fitine có thể giải thích, Beria đã buộc tội ông ta là vô kỷ luật, thiếu sự cảnh giác của một người Bôn-sê-vích và lạm dụng quyền lực trong cơ sở của mình. Cuối cùng ông cũng để Fitine trả lời, Fitine bắt đầu giải thích rằng khi Kourtchatov tới Oural để giám sát việc xây dựng những nhà máy giàu chất uranium, ông ta đã đề nghị người đặc trách Gaik Ovakimian cho ông ta quyền lãnh đạo đối với những viện sĩ hàn lâm Kikoin, Khariton và Alikhana để biết được những tư liệu từ nước ngoài.

Fitine biết rằng Beria có nhiều quý mến đối với Ovakimian, nên sau khi bị khai trừ khỏi Châu Mỹ, ông này đã được đề bạt làm trợ lý cho Beria. Vì vậy ông ta đã nhanh chóng đặt tên ông ta lên trước. Beria không nói lời buộc tội mà chỉ lẩm bẩm:

Sau này, tất cả những câu hỏi liên quan tới những thông tin mật sẽ được quy định với cá nhân tôi. Hôm nay, tôi không khiển trách mà tôi hy vọng rằng về sau, anh không mắc lại sai lầm của mình nữa. Đối với những gì liên quan tới Kvasniko - Beria nhớ lại những oán hận của mình - hãy cho ông ta biết rằng ông ta đã bị thông tin sai về thời gian cuộc thử hạt nhân.

— Nhưng, từ lúc vụ thử thực sự diễn ra, Kvasnikov không thể nhầm - Fitine khẳng định - Có thể họ đã hoãn cuộc thử vì lý do chính trị. Họ muốn đề cập đến nó vào cuộc họp ở Đức để chống lại Stalin nhằm tước bỏ của ông ta những nhượng bộ.

— Có thể - Beria đồng ý, nhưng lại thêm - Để không quá nghiêm khắc với Kvasnikov: Điều đó có nghĩa là, Kvasnikov phải sửa chữa lỗi lầm của ông ta. Hãy lệnh cho ông ta gửi ngay một bản

báo cáo về những cuộc thử.  
Cuộc nói chuyện kết thúc.

# SAU HIROSHIMA: SỨ MỆNH Ở COPENHAGUE

Khi “Little Boy” và “Fat Man” đặt dấu chấm hết cho chiến tranh vào tháng 8 năm 1945, Stalin thông báo rằng bom nguyên tử là loại vũ khí huỷ diệt lớn nhất của lịch sử và cũng là chìa khoá của những mối quan hệ quốc tế thời kỳ sau chiến tranh. Sau khi coi chương trình hạt nhân như một thử nghiệm và thứ yếu so với những vũ khí cần thiết khẩn cấp trong quân đội, ông ta coi đó như một ưu tiên hàng đầu. Molotov bị tách ra khỏi ban lãnh đạo của chương trình và thay vào đó là Beria. Một ngành công nghiệp mới - năng lượng nguyên tử - bao gồm những trung tâm nghiên cứu, những văn phòng và những nhà máy, đã được thành lập dưới sự giám sát của Boris Vannikov. Nhiều viện nghiên cứu và phòng thí nghiệm được lập ra, những cuộc thăm dò địa lý được thực hiện để đánh dấu những vỉa quặng uranium. Để khắc phục sự lạc hậu của những thông tin và tập hợp những vật dụng mới, một trình tự mới được thiết lập thu hút một số lượng quan trọng những nhà vật lý trong nhóm tình báo đầu tiên, đã được nói đến ở chương I.

Trong chương trình này, những tin tức được cung cấp bởi gián điệp duy trì địa vị cao hơn của chúng. NKVD, quan sát sự lên cao của hoạt động khoa học ở nước ngoài, tự hỏi phải khai thác điều đó thế nào cho có hiệu quả. Nhà bác học lớn người Đan Mạch Niels Bohr nổi bật trong số những nhà bác học bởi sự tư duy độc lập đặc biệt của ông ta. Trong năm 1944, ông ta đã cố thuyết phục Tổng thống Roosevelt và Thủ tướng Churchill để Thống chế Stalin trao đổi chuyện riêng để báo cho ông ta về kế hoạch bom A và liên kết với ông ta lập ra ban kiểm tra trong giai đoạn sau chiến tranh. Ông ta sợ nếu không đó sẽ là một cuộc chạy đua vũ trang nguy hiểm trên toàn thế giới, và bí mật về bom không thể giữ được lâu trong tầm tay của người Xôviết. Xem xét những kết luận bản báo cáo Frank, Bohr thấy bom như một vũ khí đặc biệt có hai lưỡi. Nó có thể tiêu diệt cả thế giới cũng như có thể đảm bảo cho thế giới một sự hoà bình kéo dài.

Roosevelt bối rối bởi quan điểm của Bohr và nghĩ rằng người ta có thể tin tưởng Stalin vì hành động có trách nhiệm. Còn Churchill bức bối về những thủ đoạn của Bohr khi tham dự vào chính trị và ông ta khẩn khoản để những điều khoản của hiệp định Québec được tôn trọng. Ông ta còn đề cập đến mối quan hệ giữa Bohr và Liên Xô, và nhà bác học lưu vong đã tiết lộ rằng viện sĩ hàn lâm Kaptsa năm trước đã viết thư đề nghị ông làm việc ở Matxcova. Cuối cùng lý tưởng của Bohr đã thất bại, Mỹ và Royaume - Uni giữ bom cho riêng mình và nhà bác học rất uất ức đã trở về Copenhagen tháng 8 năm 1945. Bohr muốn là một nhà giữ gìn hoà bình. Đối với Mỹ và Anh, ông ta là một mối đe dọa cho sự an toàn của họ. Đối với Liên Xô, đó là một cái đích của những cơ quan tình báo.

Tuyệt mật.

1372/6.

28-11-1945

Gửi đồng chí Stalin I.V

Nhà vật lý nổi tiếng Niels Bohr có liên quan tới bom nguyên tử, đã trở về Đan Mạch từ Mỹ và đã bắt đầu công việc trong Viện lý thuyết vật lý của ông ta ở Copenhagen.

Bohr được biết đến là một nhà bác học có tư tưởng tiến bộ và đứng đầu thế giới về những trao đổi quốc tế liên quan tới những thành tựu khoa học. Vì vậy, chúng tôi đã gửi một nhóm đồng nghiệp tới Đan Mạch với lý do kiểm tra những thiết bị bị chiếm bởi Đức trong việc thiết lập Xôviết để tiếp cận với Niels Bohr và thu thập những thông tin về vấn đề bom nguyên tử.

Những đồng chí đã được cử đi - Đại tá Vassilevski, Terletski, thạc sĩ vật lý toán học và kỹ sư kiểm phiên dịch Artiounov - đã tiếp cận với Bohr và tổ chức những cuộc hẹn với ông ta.

Những cuộc họp đã diễn ra ngày 14 và 15 dưới hình thức là chuyến viếng thăm của nhà bác học Xôviết, đồng chí Terletski tới Viện lý thuyết vật lý. Đồng chí Terletski đã nói với Bohr rằng đang ở Copenhagen, và có tâm nguyện đến thăm một nhà bác học nổi danh và nói với ông ta

rằng mình vẫn giữ một kỷ niệm xúc động về những cuộc nói chuyện của Bohr tại Trường Đại học Matxcova tháng 6 năm 1937.

Trong suốt cuộc chuyện trò này, nhiều câu hỏi đã được đặt ra cho Bohr, những câu hỏi đã được Viện sĩ hàn lâm Kourtchatov cùng những nhà bác học khác liên quan tới lĩnh vực nguyên tử chuẩn bị trước ở Matxcova.

Đây là danh sách những câu hỏi, câu trả lời của Bohr cùng đánh giá của Viện sĩ hàn lâm Kourtchatov về những câu trả lời của ông ta.

Danh sách 22 câu hỏi và trả lời đã gây chú ý. Đây là câu đầu tiên.

Câu 1: Chất uranium 235 đã đạt được một số lượng lớn bằng phương pháp nào và hiện nay phương pháp nào được coi là hiệu quả nhất (truyền dẫn, từ tính hay khác)?

Trả lời: Những cơ sở lý thuyết về việc đạt được chất uranium 235 đã được biết đến bởi tất cả những nhà bác học trên toàn thế giới, chúng đã được chiết xuất từ trước chiến tranh và không phải là một bí mật. Chiến tranh không đưa một yếu tố mới chủ yếu nào vào lĩnh vực này... Nếu ông có một số lượng đủ chất uranium, việc chế tạo bom nguyên tử không có khó khăn về lý thuyết. Để tách chất uranium 235 phương pháp được sử dụng đã được biết đến là truyền dẫn, còn cả phương pháp phân tích quang phổ số lượng lớn. Không có phương pháp mới nào được sử dụng. Thành công của Mỹ là nhờ một sự sắp xếp cụ thể những đơn vị, được những nhà vật lý biết đến, được thực hiện với một tỷ lệ không thể tưởng tượng. Hãy biết rằng khi tôi đang ở Châu Mỹ, tôi không tham gia vào quá trình xử lý công nghệ của vấn đề và thực tế tôi không được báo về những yếu tố cấu trúc, kích thước của những hệ thống này và bất cứ yếu tố cấu thành nào. Tôi không tham gia việc xây dựng những máy móc này và tôi chưa bao giờ nhìn thấy cái máy nào. Khi ở Mỹ, tôi cũng không thăm một nhà máy nào. Tôi đã tham dự tất cả các cuộc họp, những buổi thảo luận lý thuyết về chủ đề này. Tôi có thể khẳng định rằng Mỹ cũng sử dụng phương pháp truyền dẫn cũng như phương pháp phân tích quang phổ số lượng lớn.

Chúng tôi thấy tính nước đôi trong những câu trả lời của Bohr. Một mặt ông ta không đồng ý hợp tác với cơ quan tình báo Xôviết, ông ta tìm cách nói ít về những hiểu biết của mình và chỉ đề cập tới những chi tiết đã được biết đến; mặt khác, ông ta không đến giúp đỡ những nhà khoa học, dù họ là ai. Đây là một vài ví dụ:

Câu 3: Có thể thực hiện nồi hơi uranium khi sử dụng hỗn hợp tự nhiên những chất đồng vị, với nước cứng như chất dung hoà không?

Trả lời: Vấn đề sử dụng nước cứng như chất dung hoà đã được đặt ra nhưng không áp dụng vào thực tế. Nồi hơi uranium không được dùng với nước tinh khiết. Tôi nghĩ rằng việc sử dụng nước tinh khiết làm chất dung hoà không thể được, khi đó, chất hydrogène nhẹ hút dễ dàng những neutron và biến đổi thành nước nặng. Ý tưởng đó không phổ biến ở Mỹ. Hồi đầu, Mỹ trừu liệu xây dựng những nồi hơi nước nặng để dung hoà, nhưng sản xuất nước nặng phải chi phí lớn. Trong chiến tranh, Mỹ khám phá rằng cacbon thiên nhiên có thể là chất dung hoà tốt. Ý tưởng được đề xuất và được thực hiện với một tỷ lệ lớn. Tôi không biết về việc xây dựng, sơ đồ và những kích thước của những nồi hơi này.

Câu 4: Người ta sử dụng chất nào để làm lạnh những nhóm uranium?

Trả lời: Nước tinh khiết được sử dụng để làm lạnh những nhóm uranium. Vấn đề đó cực kỳ nan giải, với cách đó phải cần những dòng nước để làm lạnh nồi hơi. Cần phải nói rằng: nước dùng cho việc làm lạnh được mang đến khi sôi.

Câu 6: Có những phương pháp bổ sung việc điều tiết những nồi hơi uranium không?

Trả lời: Người ta đưa vào nồi hơi những chất điều tiết hút những neutron.

Câu 7: Người ta sử dụng chất nào để hút neutron?

Trả lời: Đó là chất cát-ni

Câu 8: Số lượng neutron toả ra từ mỗi nguyên tử phân chia ra uranium 235, uranium 238, plutonium 239 và plutonium 240 là bao nhiêu?

Trả lời: Hơn 2 neutron.

Câu 9: Ông có thể nói rõ số lượng không?

Trả lời: Không, tôi không thể. Quan trọng là biết hơn 2 neutron thoát ra. Đó là lý do không thể không thừa nhận để cho rằng phản ứng dây chuyền chắc chắn đã xảy ra. Số lượng chính xác không quan trọng. Điều quan trọng đó là hơn 2 neutron.

Cuộc nói chuyện vẫn tiếp tục, Bohr đưa ra những câu trả lời ngắn gọn, có thể có ích nhưng đó không phải là những tiết lộ thực sự cho tới khi một câu hỏi về chủ đề mà ông ta lưu ý đã được đặt ra.

Câu 20: Ông có biết phương tiện bảo vệ chống lại bom nguyên tử không? Có khả năng thực sự chống lại bom nguyên tử không?

Trả lời: Tôi khẳng định là không có một phương tiện nào bảo vệ chống bom nguyên tử. Hãy nói cho tôi các ông có thể làm ngừng quá trình phân hạch mỗi khi nó được khởi hành trong một quả bom được ném xuống từ máy bay như thế nào? Đương nhiên, các ông có thể chặn chiếc máy bay và ngăn nó không đạt được mục đích nhưng đó là một giải pháp bấp bênh trong trường hợp máy bay bay cao để thực hiện công việc, mặt khác, khi máy bay phản ứng được chế tạo ông cũng hiểu rằng sự kết hợp giữa hai phát minh này làm cho vấn đề bảo vệ chống bom nguyên tử không thể giải quyết được. Phương pháp duy nhất là thiết lập một ban kiểm tra quốc tế. Toàn nhân loại phải hiểu rằng khi khám phá ra năng lượng nguyên tử, thì số phận của tất cả các quốc gia đã được gắn với nhau. Sự hợp tác quốc tế duy nhất, sự trao đổi những phát minh khoa học, quốc tế hoá những thành tựu khoa học có thể làm ngừng chiến tranh, điều đó có nghĩa là cần phải đặt ra giới hạn việc sử dụng bom nguyên tử. Không có phương pháp bảo vệ nào hữu hiệu hơn.

Bohr kết luận thông điệp của mình trong khi khẳng định rằng tất cả những nhà bác học liên quan tới vấn đề hạt nhân không hạnh phúc khi thấy rằng “những phát minh lớn của họ đã trở thành mối quan tâm của một nhóm chính trị”. Ông ta mừng rằng Tổng thống Truman và Thủ tướng Churchill đã có những cuộc nói chuyện thường xuyên với Liên Xô về đề tài của một ban kiểm tra quốc tế về việc sản xuất và sử dụng bom nguyên tử. Khi chúng tôi hỏi ông ta nghĩ gì về bom hydrogène, ông ta trả lời rằng nó được chào mừng bom là bom A. Vì lý do này nó tạo thành một kích động mạnh cho ban kiểm tra quốc tế.

Tài liệu của KGB hoàn thành trên sự đánh giá ngắn gọn của Igor Kourtchatov về những câu trả lời của Niels Bohr.

# ĐÁNH GIÁ

Những câu trả lời được cung cấp bởi Niels Bohr cho những câu hỏi liên quan tới vấn đề hạt nhân.

Niels Bohr đã trả lời hai nhóm câu hỏi:

1. Liên quan đến những khuynh hướng chủ yếu của công việc.
2. Bao gồm những dữ liệu và những hằng lượng vật lý cụ thể.

Bohr đã trả lời chính xác nhóm câu hỏi thứ nhất.

Bohr đã trả lời dứt khoát câu hỏi liên quan tới những phương pháp được sử dụng ở Mỹ để có được chất uranium 235, đã làm hài lòng giáo sư Kikoine thành viên của Viện hàn lâm khoa học Liên Xô, người đã đặt ra câu hỏi.

Niels Bohr có nhận xét quan trọng liên quan tới sự hiệu quả của việc sử dụng chất uranium trong bom nguyên tử. Nhận xét này sẽ là chủ đề của một phần trích lý thuyết, sẽ có thể được giao cho những giáo sư Landau, Migdal và Pomeutchouk.

Viện sĩ hàn lâm Kourtchatov 12. 1945

Ấn tượng được đặt ra bởi sự đánh giá mà Kourtchatov đã không do dự khi ký tên và ghi ngày tháng, là những câu trả lời của Bohr ít có lợi cho Labo 2 nhưng giáo sư không định hạ thấp nhiệm vụ ở Copenhagen và lấy bằng chứng trong một nhà khoa học lớn; từ đó đèn xanh phù hợp với kỳ hạn ngoại giao ở báo cáo.

Một báo cáo chi tiết về sứ mệnh này đã được đưa cho chúng tôi bởi một trong những người chủ chốt, đó là Yakov Terletski. Được ghi bằng năm 1973, được xem lại bản sao chép năm 1990, ba năm trước khi ông ta chết, bản báo cáo "Thực hiện toàn bộ những câu hỏi của Niels Bohr" kể lại câu chuyện của một tiến sĩ khoa học ở Trường Đại học Matxcova đã được NKVD chọn để tham dự vào cuộc họp của Bohr ngay tại trường này năm 1937, không phải là một chuyên gia giỏi về vật lý nguyên tử, anh ta đã được triệu tập đến Loubianka, ở đó Beria và Soudouplatov thuyết phục anh ta đến Đan Mạch và chất vấn về giải Nobel Hoà bình với chủ đề về vũ khí tuyệt mật. Để làm cho công việc trở ngại hơn, người ta giao cho Terletski một danh sách dài những câu hỏi đặt ra. Ông ta nói tiếng Anh tồi, không biết tiếng Đan Mạch và Bohr không nghe được tiếng Nga đến nỗi mà những câu hỏi phải được dịch sang tiếng Anh bởi Artiounov, người trước đây đã làm việc cho một thành viên của Politburo, ông Anastase Miroyan.

Lời khuyên thực tế của Kapitsa - hãy để Bohr nói về điều làm ông ta quan tâm và các ông sẽ đạt được điều mình muốn - đã không hiệu quả. Thay vì điều đó, ba người Xôviết phải đặt chân vào trung tâm của Bohr và cố gắng hỏi ông ta. Công việc hoàn toàn khác với điều mà Soudouplatov kể trong cuốn sách của ông ta trong đó Bohr là người quyết định.

Bohr đón tiếp tôi với sự dè dặt - Terletski viết - Ông ta chào, và giới thiệu với tôi con trai của ông ta là Aage Bohr, sau này chúng tôi biết anh ta đã học tiếng Nga và nói được chút ít. Ngẫu nhiên, Bohr không để ý sự có mặt của Artiounov nhưng ông ta đã hoàn thành vai trò phiên dịch của mình một cách tế nhị, sự mệt mỏi đều đã tiêu tan. Bohr, người mà tôi đã biết từ trước (vào dịp ông ta nói chuyện ở Trường Đại học Matxcova) cho tôi một ấn tượng về một người giản dị, nói bằng một giọng nhẹ nhàng với trọng âm của người Đan Mạch làm cho giọng tiếng Anh của ông ta trở nên khó nghe. Tôi nhận thấy bàn tay của ông ta hơi run. Đối với Artiounov, điều đó được giải thích đơn giản là do ông ta tuổi cao. Tuy nhiên, Bohr không già đến như vậy, ông ta vừa sáu mươi tuổi.

Terletski thấy rằng Bohr rất thích nói về người học trò cũ của ông ta là Lev Landau, ông ta đã tán dương nồng nhiệt, chắc chắn là với ý định giúp đỡ một người đã bị tổng giam trước chiến tranh. Khi đó, cả Bohr và Kapitsa đã can thiệp với Stalin về Landau và người ta nói rằng sự can thiệp của họ đã cứu anh ta.

Bohr bày tỏ ý kiến của mình: “Bohr đã nói rằng, theo ông ta, tất cả các nước đều phải có bom nguyên tử, đứng đầu là Nga. Sự tăng cường duy nhất về loại vũ khí đặc biệt này trong những nước khác nhau có thể đảm bảo rằng nó sẽ không được sử dụng trong tương lai”. Ông ta nói thêm rằng bí mật về bom nguyên tử không còn nữa, nó đã được khám phá bởi những nhà bác học tài năng ở khắp nơi. Nhờ sự thành công của dự án, người Mỹ đã giảm được thời gian mà những nước khác cần để có được kết quả đó.

Dù thế nào đi nữa, thì vào thời kỳ này, Châu Mỹ là nơi duy nhất có bom nguyên tử, và Bohr do dự cung cấp cho Terletski tất cả những gì ông ta biết về những ý tưởng về hoà bình trên hành tinh. Đúng lúc thuận tiện, Terletski trình bày danh sách những câu hỏi trong khi nói rõ ràng chúng được đưa ra bởi Kápitsa. Người đàn ông đó sẽ không dễ dàng bị lừa gạt.

Bohr đã trả lời một cách điềm tĩnh - Terletski kể - nhưng chung chung, mỗi lần ông ta xin lỗi khi khẳng định rằng ông ta không biết chi tiết của dự án Los Alamos và rằng ông ta không đặt chân tới những phòng thí nghiệm ở phía Tây nước Mỹ.

Trong cuộc gặp thứ hai và cuộc gặp sau cùng, Bohr thoát khỏi bước tồi tệ này. Ông ta đã mang đến một bản mẫu của “năng lượng nguyên tử sử dụng trong quân đội” của Henry Bewolf Smyth, vừa được xuất bản ở Washington bởi sự quan tâm của Printing Office thuộc Chính phủ Mỹ và đưa nó cho Terletski. Bài này gồm tất cả những gì mà những nhà lãnh đạo US tin tưởng có thể bị tiết lộ. Quyển sách được đưa đến Matxcova như một chiến lợi phẩm được dịch và phân phát cho từng nhóm của Labo 2. Bohr kết thúc cuộc gặp gỡ bằng cách gửi tới những sinh viên Xôviết lời mời đến thăm trung tâm của ông ta.

Ý nghĩa của sứ mệnh này là gì? Terletski cho rằng nó không có một giá trị thực sự nào trong giới hạn tình báo. Nó còn làm nặng thêm sự chiếm đoạt của NKVD trên Labo 2.

“Kourtchatov và đồng nghiệp của ông ta không thể khẳng định rằng những cơ quan tình báo đã giấu họ nhiều điều và hoạt động ít hiệu quả: sau tất cả Kourtchatov và những đồng nghiệp thân thiện của ông ta đã nhận được khả năng đặt bất kỳ câu hỏi nào cho Niels Bohr”. Có thể sứ mệnh này tạo cơ hội cho Soudoplatov gây ấn tượng với Beria. Hoặc cho Beria gây ấn tượng với Stalin. Từ khi họ không tin rằng Bohr sẽ thực sự giúp đỡ họ. Bạn đọc sẽ chọn cách kể chuyện có thể chấp nhận được.



# THỜI KỲ BĂNG GIÁ

Cuối năm 1945, Leonid Kvasnikov trở về Matxcova để báo cáo về ba năm làm việc của mình về trọng trách là tình báo nguyên tử tại Mỹ. Ấn tượng bởi những kỳ tích của ông ta; tướng Fitine đã khen thưởng ông ta nhưng Beria luôn oán thù, triệu tập Fitine tới phòng làm việc, bãi bỏ sự thăng cấp của Kvasnikov với sự có mặt ông ta và khẳng định lại rằng ông ta đang là ứng cử viên trong “hầm” chứ không phải ở bàn danh dự. Sự công nhận như vậy được đánh dấu bằng một người khác ở vị trí Enomvoz và được chụp mũ là thực hiện nhiệm vụ chủ yếu của ông ta.

Khi Kvasnikov rời New York, Antoni Yatskov đổi ca. Ông ta được những nhà lãnh đạo Mỹ biết đến dưới cái tên Yakovlev. Bức điện mã hoá đầu tiên của ông ta là báo cáo những hoạt động của Cohen Luis và Leslie. Để nhắc lại cho người đọc bản báo cáo được mật mã hoá: Gorgone là bom, Parthénon tức phòng thí nghiệm Los Alamos, Carthage là kế hoạch Manhattan, Tyr là New York, Pieuvre là FBI và “cơ sở của chúng tôi” là “rezidentoure” của NKVD ở New York. Một tên mật mã mới là Marin, là tên của một bưu vụ đến New York bằng tàu chở khách.

“Luis đến từ mặt trận phía Tây. Cuộc tiếp xúc được nối lại sau ba năm cắt đứt. Ông ta luôn trung thành với chúng tôi và luôn hoàn thành nhiệm vụ. Ông ta đề nghị được sử dụng những nghĩa vụ của ông ta như một cựu chiến binh để được tuyển vào Trường Đại học Columbia. Để tiện cho những năm học tập, chúng tôi chỉ bổ sung cho ông ta một nhân viên duy nhất”. Frank.

Leslie không thường xuyên làm việc, điều này cho phép ông ta hợp tác tích cực với chúng tôi, những tài liệu mà cô ta nhận từ Mlad đã được đưa về trung tâm qua trung gian là Marin.

Theo tin tức của chúng tôi, phong trào của những nhà bác học chống lại việc sử dụng Gorgone đã lan trên toàn lãnh thổ. Một vài người trong số họ đã sẵn sàng rời khỏi Parthénon và quay trở về quê hương. Rất ngạc nhiên, Robert Oppenheimer đã thông báo rằng ông ta vừa từ chức Giám đốc kế hoạch Manhattan. Ông ta có ý định quay về giảng dạy ở Trường Đại học Chicago. Mlad đã diễn đạt những ý định của ông ta theo trật tự. Về điểm này, chúng tôi có dự án gặp gỡ ông ta vào ngày nghỉ để thuyết phục ông ta tiếp tục ở lại Carthage.

Bổ sung phần trên, chúng tôi nhắc lại rằng hoạt động của những cơ quan tình báo đã được tăng cường ở Tyr. Chừng nào chiến tranh kéo dài thì Pieuvre còn sử dụng tất cả sức mạnh đấu tranh chống lại tình báo Đức. Bây giờ chúng được định hướng về “cơ sở của chúng tôi” Aleksei. Tình huống này đã được tính vào công việc của chúng tôi cùng với mạng lưới nhân viên.

Phản ứng của Trung tâm về bức điện từ New York và về những gì xảy ra tiếp theo làm Yatskov ngạc nhiên.

Vì sự đồng lại của những điều kiện hoạt động trong nước ta, chúng tôi đề nghị các ông bảo quản tạm thời cho tới khi có lệnh mới. Các ông chỉ có thể thiết lập mối liên hệ với ông ta khi có sự đồng ý của Trung tâm và điều kiện cần thiết cho nguồn cung cấp thông tin cho chúng ta là quan trọng.

Petrov

Petrov là Vserolod Merkoulou, trợ lý của Beria ở NKVD. Bức thông điệp thực được khốp vào xung quanh từ “conserver - bảo quản” là những từ như “arrêter - dừng lại; suspendre - treo; mettre en veilleuse - giảm công suất”. Tóm lại, quyết định của Matxcova có nghĩa là bắt đầu cho chạy máy đông lạnh hoặc đóng băng - tức ngừng hoạt động.

Điều này được thực hiện dễ dàng. Mạng lưới tình báo hoạt động từ New York đã có những thành tích đặc biệt liên quan tới sự tập trung những dữ liệu ở khu vực tối mật. Từ khi mà FBI, chịu trách nhiệm săn lùng bọn Đức quốc xã đưa ra quan điểm về vấn đề tình báo Xôviết, thời điểm bảo quản đã đến và không được đưa bất cứ điều gì cho Pieuvre.

Nhưng sự thôi thúc đã được đưa ra bởi Gouzenko, người đã đòi hỏi của GRU ở Canada, người ta có thể đảm bảo rằng những cơ quan chuyên gia của Mỹ đã hết sức cố gắng trục xuất những điệp viên Liên Xô ra khỏi lãnh thổ của họ. Và không ai lo lắng phân biệt giữa GRU và

NKVD.

Sự đóng băng (ngưng hoạt động) có cái giá của nó. Đầu tiên, nó phá vỡ nhịp điệu làm việc với những điệp viên Mỹ, đã được dựng lên từ nhiều năm và làm cạn kiệt những thông tin bí mật. Thứ hai, một vài điệp viên thấy sự quan tâm của những cơ quan tình báo là dấu hiệu của sự nghi ngờ, điều này có thể xúi họ có những hành động phi lý. Một vài người có những vật dụng của những cơ quan tình báo nhưng họ sợ để chúng ở nhà và đã phá hủy chúng. Trái lại bây giờ chúng ta biết rằng sự đông lạnh đó đã ngăn chặn FBI lật tẩy những điệp viên tình báo Xôviết chủ chốt: Mlad, Leslie và Luis. Kvasnikov phản đối chiến lược này. Ông ta cho rằng dễ dàng để Mlad, Frank và Morton kéo dài hoạt động trong bóng tối vì họ chỉ gặp gỡ với những nhân viên của NKVD ba tháng một lần. Nhưng Leslie và Luis gặp những liên lạc của họ - người Mỹ hoặc người Liên Xô - hàng tuần nên đối với họ, sự rạn nứt là khó vượt qua. Theo Kvasnikov, sự lãnh đạo của Merkoulov về kế hoạch hành động là điều phi lý.

Những bản khoản đã thúc đẩy Kvasnikov đi tìm ban lãnh đạo của cơ quan tình báo để giải thích với họ sự dè dặt về chiến lược đóng băng của ông. Tướng Fitine đã cho ông biết rằng Beria đã đặt ra một chính sách mới, biết Beria có thù nghịch với Kvasnikov nên ông ta khuyên Kvasnikov hãy giữ lấy sự không đồng tình của mình. Bên cạnh đó ông ta đảm bảo rằng những điệp viên như Leslie và Luis không bị tách khỏi cơ quan tình báo. Điều đó giúp cho Kvasnikov mang đến cho họ một sự đảm bảo về tinh thần, và vật chất trong giai đoạn bất bình này.

Thực tế cặp điệp viên này không bị đóng băng. Vả lại Trung tâm đã nhanh chóng xem xét lại chính sách của mình liên quan đến họ:

New York

Gửi tới Aleksei

Tuyệt mật

Những tin tức được Mlad cung cấp xứng đáng là mối quan tâm tuyệt đối và là một ủng hộ vật chất. Đừng bỏ qua điều gì.

Leslie được chỉ đạo có những cuộc gặp độc lập.

Sau khi trở về từ Đức, Luis đã được đào tạo để làm việc trong cơ quan mật. Hãy xem xét việc thành lập một trạm radio dưới vỏ bọc là một studio ảnh hoặc là một quán ăn nhanh trong khu phố đông dân. Thay thế vỏ bọc, Luis có thể trở thành người hợp tác trong việc thành lập này hoặc giúp bố ông ta trong việc buôn bán. Ông ta có thể vào khoa chế tạo máy ở trường đại học. Nhưng nếu khoa học không làm ông ta quan tâm ông ta có thể chọn đề tài của mình.

Công việc với những nguồn khác có thể được thực hiện cùng với định hướng vừa đưa ra.

Victor.

Khi nhận được bức điện này, Yatskov bối rối bởi câu cuối cùng vì khi đó không có một công việc nào có thể được thực hiện với những nguồn khác. Từ nay ông ta phải điềm tĩnh và hành động cẩn trọng. Thực tế là sự đòi hỏi của Trung tâm tăng cường an toàn đã được thực hiện một cách đầy đủ. Tình trạng tinh thần của Mỹ đã thay đổi. Những người khẳng khẳng bày tỏ cảm tình với Xôviết có nguy cơ bị lưu đày và mất việc, một tình trạng chức trách thuộc quyền quốc gia và công nghiệp chiến tranh.

Độc giả có thể sẽ tự hỏi tại sao vợ chồng Cohen vẫn tiếp tục hợp tác với cơ quan tình báo Liên Xô sau chiến tranh. Trên hết, họ đã làm những gì mà cả hai có thể làm để giúp Liên Xô có được những thông tin khoa học quan trọng quyết định sự an toàn quốc gia của họ. Nga có thể mạnh lớn sau sự thất bại của Đức quốc xã và đã thống trị phần còn lại của thế giới. Từ nay điều gì thúc đẩy vợ chồng Cohen làm việc bí mật cho những người Bôn-sê-vích? Những kỷ niệm của Leontine, được ghi chép những năm 80, có những chỉ dẫn về vấn đề này:

“Điều rõ ràng là ngay sau chiến tranh, chính sách của Mỹ về phía Nga đã chuyển từ thân hữu sang thù địch. Lý do là: Những nhà độc quyền Nga đã có một cuộc sống đầy đủ trong khi chiến tranh diễn ra, nhưng khi chiến tranh kết thúc, họ đã gánh chịu những hậu quả của những việc làm mờ ám trong việc chi tiêu trong quân đội. Điều đó đe dọa sẽ gây nên sự sụp đổ của nền kinh tế. Mặt khác, những nước đồng minh trước đây đã có một sự tính toán tồi: Họ đã tin rằng

Liên Xô sẽ không có khả năng vượt qua những khó khăn trong việc khôi phục sau chiến tranh, lý do vì họ đã mất mát quá nhiều cả vật chất lẫn con người. Nhưng trái với mong đợi của họ, Nga đã bắt đầu khôi phục nền kinh tế đã bị suy sụp bởi chiến tranh bằng một năng lực lớn và đi lên với sự tự tin. Với tư cách một quốc gia chiến thắng, vai trò của họ trên trường quốc tế ngày càng lớn mạnh. Tất cả những điều này, hiển nhiên không thích hợp với những định hướng của Mỹ.

Chủ nghĩa đế quốc càng nhận thấy sự giảm uy thế và ảnh hưởng của Mỹ, họ càng sợ hãi sự đi lên của Nga. Đó là lý do tại sao họ đã reo rắc những câu chuyện về ‘sự đe dọa của Xôviết’ và tạo nên một tâm lý chiến tranh...”.

Chúng tôi để những câu này, mà không nhận xét gì như một bằng chứng về tình trạng tinh thần sau chiến tranh và như một chỉ dẫn về những lý do thôi thúc Leotina tiếp tục hoạt động cho những người Xôviết. Cô tuyên bố rằng vì Mỹ đã quyết định chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh mới, cô sẽ tổ chức lại những cơ quan tình báo của mình.

“Tôi đã biết điều đó từ Berbert, một điệp viên mà trước đây tôi đã biết. Thời đó, những tin tức mà tôi nhận từ ông ta, nghiêm trọng và quan trọng đến nỗi mà chúng có thể đốt cháy tay tôi. Tôi không thể chuyển được cho Johnny: ông ta từ chối gặp tôi ngay cả khi tôi nhắc lại yêu cầu gặp gỡ. Tôi và chồng tôi có cảm giác rằng không ai cần chúng tôi nữa. Đương nhiên điều đó làm chúng tôi thất vọng vì chúng tôi đã gắn số phận và cuộc đời mình với tình báo Xôviết. Mặt khác, rất nguy hiểm khi giữ trong nhà những thông tin “nóng” xuất phát từ một nhân vật của cơ quan tình báo Mỹ.

“Thông tin này sẽ mất đi giá trị của nó, điều đó rất nghiêm trọng.

“Cuối cùng, sự cân nhắc về sự an toàn đã xuống hàng thứ yếu trong mong muốn gặp gỡ người liên hệ của tôi. Vậy nên, tôi đã giả giọng để gọi Johnny ở lãnh sự quán từ một cabin điện thoại... Ông ta nhận ra giọng tôi ngay lập tức và không quanh co ông ta nói một câu để thông báo với tôi cuộc hẹn ở góc phố 12 và Broadway. Nhưng tôi không biết vì lý do gì, ông ta đã không tới...”.

Yatskov nhớ lại thời kỳ này:

“Quả thực, tôi không thể gặp Leslie khi đó. Vấn đề là tôi đã nhận ra có người theo dõi tôi. Khi tôi đi trên hè phố, một chiếc xe con bên trong chở những điệp viên FBI đi dọc theo vỉa hè. Tôi nhìn rõ điều đó qua sự phản chiếu của những cửa kính trong cửa hàng. Vậy nên tôi đã dừng lại trước những tủ kính, ở đó những chiếc xe hơi đã đỗ lại, điều này đã ngăn cản những kẻ theo dõi. Đúng lúc họ đứng lại ở phía sau, tôi tận dụng cơ hội để đi dọc theo đường tàu điện ngầm. Nhưng thời gian cắt đuôi này làm tôi đến chỗ hẹn không đúng giờ.

Dù sao đi nữa, cô ấy cũng đã gặp tôi vào hôm sau. Leslie đã giao cho tôi những tin tức có giá trị lớn được cung cấp từ nhiều điệp viên: Herbert, Frank và Morton.

Tôi nhớ là đã cảm ơn Leslie và Luis, tôi đã giải thích lý do ngừng những cuộc gặp gỡ và nói rõ rằng đó chỉ là vì lý do an toàn.

Cũng vì lý do này, tôi đã khuyên họ rời bỏ Đảng cộng sản Mỹ, mặc dù biết rằng không dễ dàng làm cho họ chống lại ý chí của mình, cả hai đều là những nhà cộng sản lão luyện. Tiếp sau đó, sự cắt đứt đã diễn ra. Nhưng tôi đã khẳng định với họ rằng họ có thể giữ lại trong tâm thức mình lòng trung thành với ý tưởng cộng sản và nếu họ lo lắng về mối quan hệ của mình với đảng cộng sản, họ có thể cho đó là những “lỗi lầm tuổi trẻ”.

Chúng tôi không có nhiệm vụ giao cho Leslie và Luis thời kỳ này. Trách nhiệm duy nhất của họ là giữ mối liên hệ với những thành viên trong nhóm của họ. Tôi nhớ lại rằng Leslie không thể hiểu tại sao họ không thể tiếp tục hoạt động như trước, với sự cảnh giác cao. Hoàn toàn trung thực, chúng tôi, những người ở “rezidentoura” cũng không hiểu tại sao Trung tâm ra lệnh cho chúng tôi cắt đứt với rất nhiều nguồn cung cấp thông tin của chúng tôi. Chúng tôi cũng có những cuộc gặp gỡ với một vài người trong số họ. Chúng tôi nghĩ rằng đó là nghĩa vụ của chúng tôi mặc dù có “sự an toàn nguyên vẹn”.

Cũng như những vị chỉ huy trước, Yatskov bắt đầu chịu đựng những hậu quả của sự căng

thăng trong hoạt động bí mật. Vì “thủ lĩnh” hợp pháp đối với phản gián khoa học dưới vỏ bọc là phụ trách văn phòng ở Lãnh sự quán Xôviết, ông ta lãnh đạo Harry Gold, vợ chồng Cohen và những “người tình nguyện” mà những cuộc tiếp xúc của họ giấu những tài liệu từ Los Alamos, Hanford, CIA và một vài trung tâm chính của những dự án bí mật. Trong khi xem xét số lượng những mất xích trung gian, sự thay đổi người và hoàn cảnh, không bất ngờ sao được khi phải ngừng dây chuyền hoạt động tình báo này.

Dù gì đi nữa, mối lợi là rất lớn. Một thông điệp từ Matxcova thông báo rằng: “Romiches bắt đầu tin tưởng Artémis” điều đó có nghĩa rằng Stalin có ấn tượng tốt về công việc của ban đối ngoại. Mlad và Charles được nêu lên trong đó. Chỉ những năm sau đó Yatskov mới có thể đọc những lời khen ngợi về những kết quả và sự phục vụ tận tụy của ông ta theo như tài liệu sau, được xuất bản đây là lần đầu tiên:

“Tuyệt mật

Cá nhân

Tới đồng chí V.S. Abakoumov

Một vài tài liệu được giao cho tôi hôm nay bởi đồng chí Vassilevski về những điểm sau:

a. Những hoạt động của Mỹ về bom.

b. Một vài tính chất đặc biệt về loại pin nguyên tử ở Hanford cho tôi cảm giác chấp nhận được và có một mối quan tâm lớn trong những thử nghiệm của chúng tôi.

I. Kourtchatov

Ngày 31-11-1946.

Tấm gương duy nhất

Yatskov không bị nặng nề khi nhiệm vụ của ông ở Mỹ đã hết hạn và ông có thể về nước. Cuối 1946, ông ta rời New York về Matxcova, nhưng không ở lại đó lâu. Ông được chuyển tới Paris, đây là lựa chọn đầu tiên một công việc ở nước ngoài của ông ta. Một lần, Trung tâm đã yêu cầu ông ta soạn những chứng nhận mới cho Luis và Leslie. Không ai tỏ ra quan tâm tới họ, ông ta sẽ là vị chỉ huy mới của họ ở Châu Mỹ.

Chính vì vậy ông ta đã biết rằng họ đã đến Paris.

# BỮA TỐI Ở PARIS

Vợ chồng Cohen ngừng hoạt động trong nhiều tháng. Thời kỳ này, họ đã đi du lịch qua Mỹ, gặp gỡ một số liên lạc viên người Mỹ và thắt chặt những mối quan hệ có ích cho Xôviết, mà không có nhiệm vụ cụ thể. Họ biết rằng thế giới đã thay đổi và cuộc sống của họ cũng phải thay đổi. Tuy nhiên họ luôn nhớ đến công việc bí mật của họ và họ sống trong sự suy sụp tinh thần.

Cuối cùng, cuộc tiếp xúc đã được thực hiện bằng một thông điệp gây bất ngờ. Người ta mời họ chuẩn bị một chuyến du lịch mùa hè ở Paris. Trước khi khởi hành họ phải thu thập thông tin về những điều mà Mỹ biết về chủ đề “Thủ công ở Attique” có nghĩa là sự chế tạo bom ở Liên Xô.

Thời đó Paris là khu vực lý tưởng cho những cuộc gặp gỡ bí mật. Đảng cộng sản Pháp là một đảng quan trọng nhất ở Châu Âu. Tháng 10 năm 1946, đảng đã đạt được 183 ghế ở Nghị viện với khoảng 30% phiếu thuận và một liên minh đối lập duy nhất ngăn cản đảng này chiếm đa số. Tháng năm năm sau, đảng này chịu thất bại. Sau khi từ chối sự tin tưởng với chính phủ vào dịp bầu cử đảng đã mất quyền, sau đó những đại biểu của đảng bị trục xuất ra khỏi chính phủ. Họ đã xuống phố, tổ chức biểu tình. Những tấm áp phích, những hiệu sách và những buổi tập trung của những người cộng sản nổ ra ở khắp nơi. Trong xã hội đầy sự cấp tiến này, một nửa số cuộc họp đã bị lật đổ. Vợ chồng Cohen rất muốn có được một chuyến du lịch ra nước ngoài. Tất cả đều mới lạ đối với họ: thành phố, những hình ảnh của cuộc sống hàng ngày, ngôn ngữ. Như một đôi khách du lịch già đi hưởng tuần trăng mật lần hai, họ ở trong khách sạn, mở cửa sổ để đón cơn gió nhẹ, bật nút radio để nghe nhạc. Họ nói chuyện huyền thuyên và thưởng thức trước cảm giác cuộc gặp gỡ được nối lại với những người bạn cũ. Leslie sử dụng lần đầu vào dịp có nhà vệ sinh mới.

Địa điểm cuộc gặp gần nhà hát opera. Leslie vui mừng đến nỗi khi nhìn thấy Johnny và Sam tiến về phía họ. Cô bắt chặp cả những quy định, chạy ủa về phía họ. Sam tức Semionov - đã vắng mặt sáu năm. Bây giờ ông ta làm việc ở Paris cũng như Johnny - tức Yatskov. Như thường lệ, Luis tỏ ra kín đáo hơn vợ mặc dù ông ta cũng rất vui mừng. Cuộc gặp gỡ đầy xúc động giữa trung tâm Paris giống như cuộc gặp lại chính thức của những người bạn cũ, chứ không phải là một sự vi phạm điều lệ của “Konspiratsia”.

Sau những cái ôm hôn, cả bốn người vào trong một quán cà phê ở đại lộ Italia nơi mà họ có thể nói chuyện một cách tự do mà không sợ gây chú ý. Ông chủ là một người có cảm tình cộng sản đã chấp nhận đón tiếp những người khách chính trị của mình tới tận một giờ đêm. Yatskov nói chuyện thân mật với ông ta bằng tiếng Pháp.

Còn giữa bốn người thì họ nói chuyện bằng tiếng Anh.

Để mở đầu, Luis cho biết họ luôn sẵn sàng và hỏi có nhiệm vụ mới nào giao cho họ không. Yatskov khuyên họ hãy kiên nhẫn và hỏi họ về tình hình ở Mỹ. Đây là dịp để Leslie khiển trách lời thề trung thực vừa được tạo nên như một điều kiện cần thiết để đi tới công việc của Chính phủ Liên Xô.

Tháng 6 năm 1947, Tiến sĩ Truman và kế hoạch Marshall đứng hàng đầu trên báo chí trong các cuộc thảo luận về những chương trình này trước một chiến dịch mới chống lại Liên Xô trong chính sách của Mỹ. Từ “chiến tranh lạnh” có trong báo chí phương Tây và “báo động khẩn” bao trùm lên xã hội. Để kết thúc, Yatskov hỏi vợ chồng Cohen rằng họ có khám phá ra điều gì về hiểu biết của Mỹ đối với nghề “Thủ công” của Xôviết không.

— Tất nhiên là có - Leslie trả lời - Nhà bác học của Los Alamos đã làm tôi mất việc vừa mới đến thăm gia đình tôi ở New York. Ông ta nói với chúng tôi rằng Tổng thống Truman đã hỏi Oppenheimer rằng khi nào người Nga có thể chế tạo bom nguyên tử của mình. Oppenheimer trả lời rằng ông ta không biết, Truman đã nói với ông ta rằng chính mình đã biết điều đó.

Leslie ngừng một chút để nhắm nháp hiệu quả nhỏ bé của mình và tiếp tục:

— Oppenheimer rất ngạc nhiên, đã hỏi Tổng thống là khi nào. “Không bao giờ” Truman kêu

lên. Điều này cho thấy cả những nhà khoa học giỏi và những nhà lãnh đạo chính trị của Mỹ đều không có một chút ý tưởng về trình độ chế tạo bom A của đất nước các ông.

Hai người Nga rất hài lòng. Câu chuyện được Leslie kể, có thể chỉ là một câu chuyện mà Mlad đã mót nhặt trong giới nghiên cứu nguyên tử, tuy nhiên, nó có vẻ như một kim loại quý là vàng. Vậy nên nó được truyền tới Matxcova và được nói trực tiếp tới ông chủ.

Semionov bắt buộc thêm vào:

— Truman đã nhầm to. Chúng ta sẽ có bom nguyên tử. Cần phải nhớ rõ rằng không phải chúng ta đã đưa ra máy móc. Chúng ta phải chế tạo bom phản công lại vũ khí mà Truman sử dụng để khủng bố toàn thể giới trong đó có cả những đồng minh của họ trong cuộc chiến tranh chống lại Hitler.

Leslie và Luis tỏ ra rất hào hứng và Semionov đề nghị chạm cốc chúc mừng những người đã giúp Nga giải quyết vấn đề nguyên tử. Sâm panh bật lên, vợ chồng Cohen rất bất ngờ. Leslie có vài điều kể về Mlad, người mà cô đã gặp trước khi đi Paris. Ông ta cho cô biết rằng ông ta đã gia nhập một phong trào vì hoà bình và ông ta muốn rằng bom bị cấm. Ông ta còn nói rằng ông ta có thể nêu tên của những nhà bác học khác sẽ có thể muốn làm việc cho những người Xôviết.

— Điều gì làm cho ông ta tin rằng chúng ta có thể tin tưởng họ? - Semionov hỏi.

— Họ đang làm việc ở Hanford và đã giao cho ông ta những tài liệu - Leslie giải thích.

Yatskov vẫn im lặng.

— Còn đây - Leslie tiếp tục - Ông ta đã nói điều gì đó kỳ cục: “Mỗi người phải có Waterloo của mình”.

Vì chúng tôi đã hỏi điều nhận xét này có thể muốn nói gì, Leslie nói rằng Mlad có thể đã sẵn sàng đấu tranh vì lý tưởng của ông ta - họ có thể dẫn dắt để chính ông ta lật tẩy mình là một điệp viên Xôviết.

Chúng tôi thay đổi chủ đề để nói về thời gian dài “ngoài lề” mà vợ chồng Cohen mà không chỉ có họ đã sống, những người khác, trong số những “người tình nguyện” đã bị cho vào “tủ lạnh” và với những kết quả thảm hại. Ray đã mất việc trong một công ty mà ở đó ông ta đã thu thập được những thông tin về kỹ thuật radar và những bộ định vị bằng sóng âm. Frank đã tích được mười chín ống phim về những tên lửa đã được hướng dẫn, nhưng thời gian trôi qua và những cuộc tiếp xúc không được nối lại, ông ta đã muốn huỷ chúng hơn là để ở nhà những đồ vật nguy hại. Và bây giờ, Leslie đả kích, người ta yêu cầu họ kiên nhẫn: Cô phàn nàn rất to, còn Luis cố giữ trấn tĩnh.

— Chúng tôi không có lựa chọn - Yatskov điềm tĩnh trả lời như mọi khi - Mệnh lệnh đến từ trung tâm yêu cầu các bạn giảm hoạt động. Matxcova quan tâm tới sự an toàn của các bạn. Nhưng các bạn cũng phải luôn sẵn sàng hành động, hãy nói về người liên lạc mới của các bạn đi. Đối với các bạn, anh ta là Claude.

Đó là biệt danh của Youri Sokolov, một trong những nhân viên của “rezidentoura” của NKVD ở New York. Một số lượng lớn nhân viên của các cơ quan bí mật đã được đào tạo nghề thứ hai, Sokolov đã được cấp chứng chỉ của Trung tâm hàng không Matxcova. Năm 1945, ở Hội nghị Yalta, thuộc Crimée, anh ta đã được bổ dụng bảo vệ cho ba nhân vật lớn - Roosevelt, Churchill và Stalin.

— Hãy nhớ cái tên này - Yatskov nói với Leslie - Anh ta sẽ liên lạc với các bạn mỗi tháng một lần. Một nhân viên khác sẽ gặp Morris. Chúng tôi sẽ thông tin cho các bạn khi anh ta tới New York. Điều đó có nghĩa là, nếu Trung tâm cần tiếp xúc với Morris, Claude sẽ có thể chịu trách nhiệm điều đó qua các bạn.

Trước khi Leslie hỏi về “những người tình nguyện” Yatskov đã quyết định “phục hoạt” cho cô ấy. Nếu cô không thích những trách nhiệm, cô sẽ không giỏi trong ngành tình báo - dù lý do thế nào ngay cả khi có thể trung tâm sẽ huỷ quyết định nếu ông ta làm cô thất vọng. Vậy nên Yatskov lệnh cho Leslie làm cho nhóm hoạt động lại vào tháng 7, cứ như là ông ta đã có đèn xanh từ Matxcova.

Thời gian này, Semionov chịu trách nhiệm những tin tức liên quan tới Mlad. Trong bầu

không khí mới của cuộc chiến tranh lạnh, ông ta nghĩ, bác học lý tưởng có rất ít may mắn thành công. Có thể chống lại chính sách chống Xôviết của Truman khi tiếp tục như trong quá khứ là luôn giữ bí mật và gửi những thông tin tình báo về NKVD. Cần phải báo những suy nghĩ của ông ta cho hội đồng, không thể không thêm rằng đây sẽ là một mất mát lớn cho tổ chức chịu hy sinh một người cung cấp thông tin quý giá như vậy.

— Tại sao chúng ta hy sinh điều đó? - Leslie xen vào.

— Với tư cách là người đứng đầu - Semionov trả lời - Các bạn phải thuyết phục ông ta không tham gia vào những tổ chức tiến bộ quá khoa trương và tránh những người dễ bị rơi vào tầm ngắm của FBI. Ông ta phải rút ra một cách nhanh nhất có thể khỏi phong trào chống bom nguyên tử này.

— Các bạn gặp lại ông ta khi nào? - Yatskov hỏi.

— Tôi không biết - Cô ta trả lời - Tôi không đi gặp ông ta. Hiện giờ ông ta ngày càng nguy hiểm. Chúng tôi đã gặp nhau ở New York. Ông ta gửi cho tôi một tấm bưu thiếp có một ký hiệu.

— Được rồi - Semionov nói - Và để thay thế ông ta?

— Mọi việc đều tốt đẹp, ông ta nói rằng ông ta có những người đáng tin cậy.

— Hãy điều tra họ tên, nghề nghiệp, chữ ký - Semionov nói.

— Điều đó sẽ kết thúc tốt đẹp thôi.

Đó là công việc của buổi tối này. Bây giờ họ có thể thưởng thức bữa tối Paris của họ, buổi tối mùa hè thật đẹp, tình bạn của họ đã được thắt chặt bởi chung ý tưởng. Họ hẹn gặp lại nhau vào tối hôm sau tại quán cà phê này.

Matxcova chấp nhận đề nghị gây dựng lại hoạt động của những người tình nguyện nhưng với một điều kiện: “chỉ duy nhất bởi những phương tiện không phải cá nhân”.

Điều này có nghĩa sự liên lạc phải được thực hiện qua những dấu hiệu sóng điện đài hoặc hộp thư chứ không được gặp mặt nhau. Điều này chỉ rõ những khu vực trong thành phố, ở đó những giấy tờ, những chiếc hộp nhỏ có thể được giấu đặc biệt cho một người khác.

Trong cuộc gặp tiếp theo, Yatskov lấy trong vali ra một túi đựng giấy tờ và rút ra một cuộn giấy rồi đặt nó lên bàn. Đó là bản đồ của Thành phố New York.

Leslie rất thích thú. Tất cả những địa điểm quen thuộc hiện trên đó thật rõ ràng.

— Hãy xem này? Đây là ga tàu điện ngầm Independent Line và kia là Downtown.

— Và không xa đây kia, Yatskov nói - sẽ là điểm đến đầu tiên của cô. Đây chính là Fordham Road. Điểm thứ hai là Đại lộ Roosevelt, thuộc Queens, giữa phố 90 và 91. Điểm thứ ba (chiếc bút chì của ông ta hướng tới Brooklyn) là ở Jackson Avenue. Cô đi tàu tới Queens-Crosstown. Cô sẽ có tất cả những chỉ dẫn trước khi rời Paris.

Leslie bắt đầu ghi danh sách, nhưng Yatskov ngăn lại. Không một danh sách nào được phép cả. Cô phải nhớ tất cả và không được mang gì tới New York, điều đó có thể gây nguy hiểm cho cô.

— Nhưng làm sao nhớ được tất cả?

— Cô không đủ tự tin vào trí nhớ của mình sao - Kinh nghiệm cho tôi thấy rằng cô có một trí nhớ tuyệt vời. Tôi chắc chắn rằng cô sẽ không gặp vấn đề gì với những chi tiết này, sau này chính cô sẽ chọn những địa điểm gặp gỡ mới. Để bắt đầu, trong vòng một vài ngày, chúng ta sẽ thực hành cứ như thể chúng ta đang ở New York. Các bạn sẽ bắt tay vào việc chứ.

— Cuối cùng, tôi bắt đầu tin rằng các ông thực sự cần chúng tôi - Leslie nói một cách đầy hạnh phúc.

— Các bạn nghi ngờ điều đó sao? - Semionov vừa cười vừa hỏi.

Tiếp theo, Yatskov giải thích rằng họ phải bố trí địa điểm thích hợp cho việc chuyển những thông điệp và những chiếc hộp. Một quán hàng bất kỳ là giải pháp tốt nhất vì nó tạo điều kiện cho mọi người ra vào một cách tốt nhất. Vỏ bọc lý tưởng là một hiệu ảnh, đó là nơi thường có kích thước nhỏ, ít người qua lại, người đến thường mang theo phim, những ông chủ có thể

vắng mặt để đi mua thiết bị. Nói tóm lại, mọi việc ở đây đều hợp lý.

Luis từ này vẫn im lặng, cảm thấy hạnh phúc. Ông ta thấy rằng mình biết một người, ở khu trung tâm, có một hiệu ảnh và ông ta có thể hy vọng trở thành người cộng tác của mình.

— Điều đó có thể làm được - ông ta nói ngắn gọn.

— Không hoàn toàn như vậy đâu - Yatskov tiếp tục - Các bạn phải tìm được người liên lạc, có phương tiện đi lại riêng hoặc ít nhất, có một chiếc xe hoạt động để có thể đi tới Rochester, Ealtimore và Hartford.

Yatskov là người mang chỉ thị cho Ray và Frank và hai người “tình nguyện” luôn ở đằng xa. Ông ta muốn rằng họ làm hết sức mình để thu hồi những tin tức mà họ sẽ bỏ rơi hoặc phá hủy. Ray đã mất việc - Leslie nói - nhưng ông ta biết nơi cung cấp quyển sách về nghiên cứu trong lĩnh vực radar và những bộ định vị bằng sóng âm.

Điểm cuối cùng, Yatskov báo rằng vợ chồng Cohen phải học nghệ thuật chụp ảnh để có thể chụp được tất cả những tài liệu nhận được từ người liên lạc trước khi giao lại nó bằng phương pháp “phi con người”. Sau đó những cuộn phim có thể được giao cho Claude. Trong trường hợp nguy hiểm, những cuộn phim không được in tráng có thể được trình bày trong chốc lát. Claude sẽ cung cấp cho họ những thiết bị thích hợp.

Leslie và Luis vào cuộc chiến mới.



# NHỮNG ÂM MƯU

Claude tới New York cuối tháng 7 năm 1947. Ông ta có đủ thời gian để nghiên cứu tấm bản đồ của thành phố khi ông nhận được bức điện dài của Trung tâm ra lệnh cho ông gặp Leslie ngày 18 tháng 8 vào lúc năm giờ chiều. Cuộc gặp được ấn định ở giữa góc phố Metropolitan Avenue và Lefert Boulevard, trong khu phố Kew Gardens Queens. Câu hỏi bắt liên lạc là: “Johnny đến khách sạn nào ở Paris, mùa hè này?” và câu trả lời “Johnny đã tới Rocherter”. Bức điện đó được ký bởi Koltsov, mật danh của Serguei Savtchenko, Phó Chủ tịch Ủy ban thông tin, dưới lệnh của Andrei Vychinski.

Claude có nhiều việc phải làm, tất cả chỉ trong vòng năm phút. Ông ta phải biết vợ chồng Cohan như thế nào, họ có làm việc hoặc có cần tiền không? Họ đã liên lạc được với một trong những người “tình nguyện” chưa? Họ đã làm gì để đặt máy phát sóng không bí mật? Sau đó ông ta phải nhắc Leslie hẹn gặp với Frank và thu thập những dữ liệu về sự dẫn đường của những tên lửa. Ông ta sẽ đưa cho cô một máy quay phim để chụp lại những tài liệu tại nhà. Vì ông ta không gặp riêng Luis, ông ta phải chuyển những mệnh lệnh cho Luis qua vợ ông ta.

Những thông điệp liên quan chính tới Mlad: ông ta luôn có việc ở Chicago chứ? Ông ta có định tiếp tục công việc của mình đối với những người Xôviết không? Ông ta sẽ bỏ phong trào hoà bình phải không? Ông ta có cần “thiết bị bảo quản không”? Trong khoảng năm phút Claude cũng phải đưa vào đầu của Leslie rằng Trung tâm có ý định tuyệt đối giữa Mlad và yêu cầu cô ta giữ liên lạc với những nguồn của ông ta.

Cuộc hẹn đã diễn ra như dự định. Leslie cho biết rằng cô và chồng không làm nhưng họ đã liên lạc lại với những người “tình nguyện”. Cô ấy đã nhận từ Frank một hộp nhét đầy những tin tức mới về sóng chỉ dẫn đường bay của tên lửa, về phần Luis ông ta đã liên hệ với một người bạn để mở một hiệu ảnh. Claude đưa cho họ chiếc máy quay phim và 500 USD và có vẻ như tất cả đều tốt đẹp. Nhưng việc mở một hiệu ảnh không phải có vấn đề. Trung tâm sau khi cân nhắc, đã quyết định rằng Leslie, chứ không phải Luis phải điều hành việc thiết lập vì họ có dự định khác cho ông ta. Tuy nhiên, ý tưởng này không thích hợp với người bạn của Luis. Ông ta đã được tuyển vào để hợp tác với Luis, và trước khi bắt đầu, Luis đã nói với ông ta về vợ mình. Bạn của Luis không muốn có một phụ nữ cùng cộng tác trong công việc. Những thời gian và năng lực đã bị phung phí trước khi dự án bị chìm trong nước.

Tuy nhiên, Luis đã mang lại thành công. Claude mang tới Đại sứ quán Nga ở Washington bức thông điệp từ Matxcova. Sau đây là nội dung của nó:

Tuyệt mật.

Luis đã gặp Mlad, ông ta đã thuyết phục Mlad rời bỏ tổ chức tiến bộ và chuyên tâm vào khoa học. Đã đạt được những thông tin quan trọng về hai cuộc tiếp xúc của Mlad. Họ tuyên bố muốn chuyển những tin tức cho Enormoz nhưng với hai điều kiện: Mlad phải là người liên lạc duy nhất và tên của họ không được để cho những nhân viên Artémis biết.

Tôi mong ông coi rằng Claude hiện giờ là đại diện duy nhất của Artémis ở Tyr. Ông ta thiếu kinh nghiệm làm việc ở nước ngoài và cần được kiểm soát, hướng đi của một mạng lưới cũng quan trọng như những người “tình nguyện” là một nhiệm vụ phức tạp.

Tôi muốn xin phép trả chi phí du lịch cho Mlad và trả công cho ông ta về những thông tin được giao cho Enormoz.

Theo đề nghị của ông, Luis thuyết phục Mlad gặp Claude vào dịp Noel.

Antonov

2-8-1948

Người ký bức điện này chính là Piotre Fedotov, một phó chủ tịch khác của Ủy ban thông tin. Chính ông ta đưa ra ý kiến về sự thiếu kinh nghiệm của Claude.

Ngày tháng của bức điện là ngày của một thời kỳ tồi tệ đối với Lãnh sự quán Liên Xô ở New

York. Cuối tháng 7, năm học đã hoàn thành, hai giảng viên thuộc phòng nhân sự của Lãnh sự quán không có mặt khi khởi hành để trở về nước. Oxana Kassenkina và Mikhail Samarine mong muốn ở lại Châu Mỹ, và cả hai đã yêu cầu sự giúp đỡ của Fondation Tolstoi ở New York. Samarine đưa vợ và con tới Washington, ở đó Thượng nghị sĩ Karl Mundt đã tìm cho họ chỗ ẩn náu chính trị. Kassenkina vì không thoả mái tại trang trại của Fondation Tolstoi thuộc phía ngoại ô New York, nên đã quay trở lại Lãnh sự quán. Ở đó bà ta còn bất hạnh hơn, bị bắt buộc thừa nhận trong một cuộc họp báo giả là đã bị nghiện ma túy và đã bị bắt cóc. Sau đó, cô ta bị giam giữ trái phép ở Lãnh sự quán. Trong khi đó những tờ báo Mỹ đã đăng tải với dòng tít lớn về câu chuyện những người đào ngũ Xôviết. Ở Nga, ngài Bộ trưởng Ngoại giao Nga đã đưa ra kháng nghị chính thức chống lại “những tổ chức của những Gardes Blancs” ở Mỹ, “đã bắt cóc những người có quốc tịch Xôviết ngay trên phố”. Ông ta khẳng định, những kẻ bắt cóc đã thực hiện với sự giúp đỡ của Chính phủ US đồng thời đe dọa những đòn trả đũa. Tuy nhiên, Kassenkina, vì quá chán nản, đã nhảy từ cửa sổ tầng ba của Đại sứ quán xuống đường phố. Được đưa tới bệnh viện Roosevelt, cô ta đã được cứu và yêu cầu sự ẩn náu chính trị và Tổng thống Truman đã đồng ý. Ngài Tổng lãnh sự Lomakine bị trục xuất và trong phong trào trả đũa và chống lại những kẻ trả đũa, những ủy ban và những Lãnh sự quán Xôviết và Mỹ bị đóng cửa tại khắp nơi trên thế giới. Ở New York cũng vậy, Lãnh sự quán Xôviết bị tạm đóng cửa.

Sự ngờ vực của Mỹ đối với Liên Xô đã lên đến đỉnh điểm. Những cuộc tiếp xúc giữa Mỹ - Nga diễn ra thường xuyên trong chiến tranh nay không chỉ trở nên hiếm hoi mà còn đầy ngờ vực. Trong điều kiện này, Claude - sĩ quan Xôviết không thể gặp gỡ Leslie và Luis. Trung tâm khẩn trương điện cho hai “người phi pháp” tới New York chịu trách nhiệm về mạng lưới những “người tình nguyện”, được bảo trợ bởi Claude và áp dụng những phương pháp liên lạc “pin con người” đó là “Bob” và “Mark”.

Người đầu tiên là Boroukh Krechine, nhà ngoại giao, sau đó là chủ nhiệm khoa trung tâm ngoại ngữ ở Matxcova. Ông ta bắt đầu hợp tác với NKVD năm 1939 và từ năm 1945-1947, ông ta có tư cách là “người đại diện” ở Anh. Ông ta có mái tóc dày đen và đôi mắt điềm tĩnh, ông ta không cho nói về mình trong những câu chuyện phản gián.

Người thứ hai là William Ficher, một trong những người hùng của lịch sử tình báo, đặc biệt được biết đến bởi biệt danh người cuối cùng trong số những biệt danh là Martin Collins, Emil Goldfus và Rudolf Abel. Để tiếp tục câu chuyện, chúng tôi gọi ông ta là Mark, đó là một người gầy gò tầm thước, lưng gù, đầu hói, đôi mắt sâu hoắm, chiếc mũi cong và chiếc cằm nhô ra, đó là bức chân dung của ông ta.

Mark và Semionov là bạn của nhau. Họ đã nói chuyện nhiều với nhau ở Matxcova. Vậy nên Mark biết tất cả về Leslie và nghe nói rằng họ sẽ giúp ông ta hoạt động ở Châu Mỹ. Trước khi thực hiện quyết định, ông ta đã nghiên cứu kỹ lưỡng về họ và yêu cầu Yatskov cho biết những phiếu điều tra cá nhân hoàn hảo về độ tin cậy của họ. Ông ta còn tham khảo hồ sơ số 13676 và đã thêm tên mình vào danh sách những người được nhận, tôi đã tìm thấy cái tên này ngay từ đầu.

Ở New York, nhiệm vụ đầu tiên của “Mark” là gặp Claude ở điểm giao nhau của phố 180 và đường Bronx Park. Để nhận biết, ông ta cầm trên tay trái tờ tạp chí Better Homes and Gardens được cuộn lại. Bên trong đó, những chiếc hộp nhỏ mà Luis sẽ sử dụng để cho vào hộp thư. Mark còn làm như vậy trong hai cuộc hẹn với vợ chồng Cohen, lần gặp thứ nhất là để làm quen, lần gặp thứ hai để giao nhiệm vụ. Claude sẽ phải hỏi Mark là có biết ở đâu có thuốc lá loại Clan. Mark sẽ trả lời: “Trong tiền sảnh của rạp chiếu bóng Elmwood”.

Trong khi ở New York, Mark lập ra những kênh liên lạc của riêng mình với Matxcova. Thông tin đầu tiên, ngay từ đầu tháng gồm hai dòng:

“Đã ngoại giao một cách thành công. Sẵn sàng đảm bảo tất cả nhiệm vụ. Mark”. Điều đó có nghĩa là ông ta đã quen với thành phố, ông ta cảm thấy dễ chịu và sẵn sàng bắt tay vào việc. Hôm sau, câu trả lời đã đến với ông ta:

“Cho phép bắt đầu công việc với những người tình nguyện”. Họ sẽ tìm thấy ở ông một người chỉ huy đầy năng lực và một nhà giáo dục chính trị. Chúng tôi chắc chắn rằng ông sẽ hoàn thành sứ mệnh một cách xuất sắc.

Mark gặp Claude và đưa cho ông ta chiếc hộp. Vài ngày sau, Claude gặp Leslie tại Bloomingdale (một cửa hàng lớn ở New York). Và thông báo với cô rằng cô sẽ làm việc với một vị chỉ huy mới tên là Mark và đưa cho cô bản đồ thành phố trong đó chứa đựng những chỉ dẫn yêu cầu cô bắt buộc phải đi tản bộ qua thành phố, bắt đầu từ Elmwood Theater, đi về phía góc phố giữa đại lộ Lexington và phố 112, sau đó qua đại lộ thứ ba, từ xa nữa là tới Gorton Park, và cuối cùng là tới vườn thú Bronx. Hành trình này nhằm phá bỏ âm mưu theo dõi, đồng thời cho phép người liên lạc quan sát từ xa dưới những góc khác nhau. Điểm cuối cùng là chuồng khỉ, Mark đợi cô ở đó. Cô tới muộn, mệt lả sau một chặng đường dài.

Không báo hiệu về sự có mặt của mình, cô im lặng một lát gần chuồng khỉ để lấy lại hơi thở. Những con khỉ nhìn cô chăm chú. Cuối cùng cô nói:

— Chúng ta có thể đi đâu đó không? Tôi không muốn bị nhìn soi mói như vậy.

Mark cười nhưng trả lời:

— Rất tiếc, chúng ta không có cách nào khác. Về phần tôi, tôi thấy thích ở vườn thú hơn. Có nhiều trẻ con, chúng nô đùa và điều đó cho phép chúng ta nói chuyện bình thường mà không sợ bị nghe thấy. Cũng có những người lớn, như vậy cô không bị tách khỏi đám đông. Nhưng đặc biệt, cô sẽ nhận ra ngay kẻ bám đuôi. Vì nếu có người nào quan sát người thay vì xem những con vật, điều đó chẳng rõ ràng sao.

Leslie phải công nhận những lý lẽ này là đúng.

Mark tiếp tục:

— Tuy nhiên để cho chắc chắn chúng ta biết mình là ai, tôi sẽ nói mật hiệu. Tình báo không cho phép một sự bất quy tắc nào vậy nên tôi phải nói: “Một phụ nữ xinh đẹp mà tức giận như vậy phải đang chờ đợi John”.

Leslie trả lời:

— Đúng, tôi đang đợi ông ấy.

— Tôi là em trai ông ta. Hôm nay ông ấy không thể đến được và ông ta bảo tôi đến báo cho cô.

— Trời ơi John - Cô ấy kêu lên - ông ta bảo tôi đừng tới cuộc hẹn!

— Điều đó không được báo trước - ông ta nói.

— Thật khủng khiếp! - Cô nói giọng tức giận thực sự.

Cô rút chiếc khăn tay trong túi ra và lau mồ hôi đang chảy như suối ở trên trán.

— Hôm nay trời nóng khủng khiếp - ông nói và kéo chiếc mũ rơm - Cô muốn biết tôi theo dõi cô thế nào trong khi cô chạy một đoạn đường dài tới tận cái chuồng này, theo hành trình mà tôi đã lập ra không?

Cuối cùng cô phải bật cười.

— Tôi không biết có chạy hay không - ông ta tiếp - Chỉ biết rằng tôi không thể làm tốt hơn là bấm giờ cho cô. Và tôi nhắc rằng cô đừng quên cuộc hẹn của chúng ta tại chuồng khỉ.

Phải công nhận rằng Mark nói tiếng Anh tốt hơn Sam, Johnny và Claude. Ông ta nói như một người Mỹ chính gốc và có vẻ giống như một ông chủ trang trại Mỹ với chiếc mũ rơm, áo sơ mi thể thao, chiếc quần nhàu nát và đôi tay rám nắng.

Từ Sam tới Johnny, từ Claude tới Mark, tất cả đều như là nguồn động viên khuyến khích cô gắn bó với Xôviết.

Cuộc gặp tiếp theo diễn ra trước một chuồng chim. Lần này, cả Leslie và Luis đều có mặt. Mark có việc cho cả hai. Trong tiếng huýt, tiếng chít chít và tiếng qua kêu, ông ta yêu cầu Luis tìm cho ông ta một chỗ ở trong khu nhà báo và nhà văn là tốt nhất. Ông ta cần những hộ chiếu Mỹ dưới tên là Emil Goldfus và Martin Collins. Về phía Leslie, ông ta cần cô chuyển những tài liệu cho Trung tâm.

Sau cuộc gặp gỡ này, Mark cho Trung tâm biết qua radio sự chấp thuận của ông ta với gia đình Cohen. Ông ta chỉ thấy rằng Leslie thiếu kiên nhẫn và cần phải khắc sâu vào tâm trí cô ấy

việc tôn trọng những thủ tục. Ông ta hứa sẽ dạy cô bài học này trong một vài ngày tới. Những thiết bị mà ông ta thu thập phải được chuyển tới Matxcova “qua Polysésie” có nghĩa là Pháp. Về phần mình, vợ chồng Cohen đã làm nảy sinh một ý kiến thích hợp về Mark. Họ tôn trọng ông ta vì cái vẻ ngoài rất dễ gần và phục thái độ thực tế rất người Mỹ của ông ta. Họ nhanh chóng trở thành những người bạn, và họ gọi ông bằng cái tên trêu mếu “Milk”.

# SỰ PHÂN HẠCH “50-50”

Mùa hè năm 1949, những phòng thí nghiệm di động của US bắt sóng phía trên Thái Bình Dương được những dấu hiệu có tính phóng xạ đặc biệt trong khí quyển. Phân tích về những đám mây và những tàn tro ở trên cao phía trên nhà máy điện Châu Á của Xôviết khẳng định rằng đó là những cái rơi xuống từ một vụ nổ hạt nhân. Tổng thống đã được cho biết. Tháng 9, ông ta thông báo tin tức cho quốc gia. Mỹ rất bất ngờ. Trên báo, những dòng tít lớn tuyên bố:

Hồng quân cho nổ bom A

Stalin có bom nguyên tử!

Tình báo và vụ nổ nguyên tử.

Sự phát hiện bất ngờ về bom nguyên tử của Stalin làm kinh ngạc Chính phủ Anh và Mỹ đến nỗi mà Tổng thống Truman và Thủ tướng Atlee cho triệu tập chính phủ để bàn về hậu quả không thể tránh khỏi của sự kiện này. Trong số những hậu quả, cần phải xem xét sự hiển nhiên về một thoáng hung hăng của Liên Xô ở Châu Âu, bây giờ Liên Xô có thể tin tưởng vào chỗ trú cho những đòn trả đũa. Điều này đồng nghĩa với chiến tranh. Khi thấy sự an ninh quốc gia bỗng nhiên có vấn đề, những nhà chính trị muốn biết điều gì có thể xảy ra, Liên Xô làm thế nào mà sau khi bị tàn phá và kiệt quệ bởi cuộc chiến tranh chống Đức, lại có thể chế tạo bom nguyên tử của riêng mình trong một thời gian rất ngắn, và cuối cùng, tại sao tình báo Anh và Mỹ không có một chút thông tin gì về dự án này.

Trong khi đó, ở Matxcova, Stalin gọi cho Lavrenti Beria và yêu cầu ông này cho danh sách những người tham gia lỗi lạc nhất trong dự án bom nguyên tử. Ông ta có hướng trao cho họ giải thưởng Stalin và những khen thưởng khác. Beria cho biết danh sách đã được lập từ lâu rồi.

Stalin dừng lại một chút như để suy ngẫm, sau đó ông ta hỏi:

— Tại sao lại từ lâu rồi?

— Do sự ngẫu nhiên thôi, thưa đồng chí. Nếu bom không nổ, chúng tôi sẽ trừng trị những người trong danh sách này. Ông muốn nói rằng, hoặc là sao trên đầu hoặc là ba mươi sáu cây nến phải không?

— Đúng như vậy thưa đồng chí Stalin.

— Tôi nghĩ rằng ông cũng trong danh sách này.

— Tôi không tin tưởng theo đồng chí.

— Thôi được rồi, ông cũng có trách nhiệm về kết quả. Hãy nhắc lại cho tôi điều mà Kapitsa đã nói: “Sự yếu kém lớn nhất của đồng chí Beria, đó là một người nhạc trưởng không chỉ biết điều khiển chiếc đĩa mà còn biết đọc tấu. Thực tế, Beria không mạnh mẽ”.

Beria ngạc nhiên thấy Stalin nêu ra con người nổi tiếng Petv Kapitsa, chính người này năm 1945 đã yêu cầu được tách khỏi chương trình hạt nhân, lấy lý do là ông ta không muốn tham dự vào “những tộc trưởng” và ông ta thích miệt mài vào “khoa học trong lành” cùng với những “tu sĩ”. Ông chủ không bao giờ nói điều gì mà không có một ý định rõ ràng. Nhưng Beria chỉ nghe thấy “Tạm biệt, Lavrenti”, rồi tiếng lạch cạch gác máy và sau đó là âm thanh kéo dài. Bực tức, ông ta gác máy.

Ngay sau đó, Avraam Zaveniaguine gọi cho Đại tá Kvasnikov để mời ông ta đến phòng làm việc nói chuyện với giáo sư Kourtchatov, người vừa trở về từ vụ thử bom nguyên tử. Zaveniaguine là phụ tá của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng, tên mới của hội đồng lâm thời nhân dân. Chúng ta nhớ lại rằng Kvasnikov là phụ tá của cả người đứng đầu RST (phòng khoa học và kỹ thuật).

Cuộc họp này đã được chính Kvasnikov kể cho tôi.

Kourtchatov chào ông ta một cách nồng nhiệt sau đó quay sang phía Zaveniaguine, tuyên bố:

— Về danh dự, ông Avraam Pavlovich, hôm nay chúng tôi phải nói lời cảm ơn rất nhiều tới cơ quan tình báo của chúng ta. Ngay cả khi tôi là người duy nhất có khả năng với thiết bị của họ, tôi phải công bố chính thức rằng những điệp viên đã góp phần không nhỏ vào việc chế tạo bom nguyên tử của Xôviết, tôi có thể khẳng định sự đóng góp của họ tới 60%, 40% còn lại là của chúng ta.

— Tôi cho rằng ông quá phóng đại tài năng của họ, ông Igor Vassilievich a - Zaveniaguine vừa nói vừa nháy mắt với Kvasnikov. Các ông giao cho họ một kinh phí khổng lồ 50-50 là chính xác hơn. Và điều quan trọng hơn là đồng nghiệp của các ông không bị phạt ý.

— Đồng ý - Kourtchatov, chúng ta hãy nói 50-50.

— Nhưng những điệp viên sẽ không phạt ý sao, Leonid Romanovitch?

— Chắc chắn là không - Kvasnikov kêu lên - Chúng ta luôn biết rằng chính những nhà bác học và những chuyên gia đã tạo ra bom, chứ không phải những cơ quan đặc biệt.

Ở đó Kvasnikov tỏ lòng kính mến với những cố gắng anh hùng của những nhà vật lý học Xôviết trong điều kiện khắc nghiệt của thời chiến tranh, sau đó, để kết luận, ông nói:

— Chúng tôi không bao giờ khuyến khích sự giao tranh. Chúng tôi chỉ làm công việc của mình. Như người ta thường nói, hãy trả lại hoàng đế cái gì là của hoàng đế, trả lại trời cái gì là của trời.

Trong khi lời nói của Christ vang lên trong phòng làm việc của Kremlin, Kvasnikov chợt có một ý tưởng khác và thêm vào:

— Ông Igor Vassilievitch, tôi có thể báo cho cấp trên của tôi sự đánh giá của ông về công việc của chúng tôi không?

— Tại sao không? - Kourtchatov trả lời - Hãy nói với họ rằng trong tâm trí của tôi, công việc của NKVD là cực kỳ quan trọng. Và nhất là đừng quên chuyển lời cảm ơn của chúng tôi tới những nhà bác học nước ngoài, những người đã cống hiến cả sự nghiệp thậm chí cả cuộc sống để cung cấp cho chúng ta những dữ liệu liên quan tới vấn đề hạt nhân. Những thông tin của họ không chỉ giúp chúng ta thu ngắn được thời gian chế tạo bom nguyên tử mà còn tiết kiệm được hàng triệu rúp.

Kourtchatov cho biết rằng đối với tất cả những nhân viên của cơ quan tình báo đã tham gia vào chiến lược Enormoz sẽ được trao phần thưởng của nhà nước. Nhưng không phải ông ta là người quyết định việc này mà do Beria. Còn Beria đã luôn nghi ngờ Kvasnikov. Ông ta đã có lời gửi gắm với Tướng Fitine có lợi cho ông ta vào năm 1945 và đã làm thụt lùi Fitine ở Sverolovsk năm sau. Trong khi người bảo vệ vắng mặt, Kvasnikov được biết đến trong sự chú ý. Nhưng làm việc cùng với những người bên cạnh Beria để thấy kết quả tốt đẹp của dự án, ông ta tìm cách bày tỏ giá trị của mình và làm giảm bớt sự trả thù của Beria. Nhờ sự tán dương của Kourtchatov và sự bảo trợ của Zaveniaguine, cuối cùng ông ta đã đạt được huân chương Lenine sau một thời gian trong cùng năm đó.

# NHIỆM VỤ CUỐI CÙNG

Cuộc gặp gỡ tiếp theo của Mark và Leslie ở vườn thú đã diễn ra trước chuồng vẹt. Đầu tiên ông ta không nhận ra vì cô đến trước và mặc chiếc áo khoác lông lầy, đứng đối diện với những con chim. Thấy sự ngạc nhiên của ông ta, cô vênh vang trong chiếc áo bằng lông thú và nói với ông ta rằng cô đã mua nó bằng số tiền nhận được từ ông.

— Thật đáng khen, nhưng tôi sợ rằng Mlad, cũng như tôi không thể nhận ra cô đâu.

— Tại sao ông nói với tôi về ông ta hả Milk?

— Vì Trung tâm muốn ông ta chịu trách nhiệm một nhiệm vụ mới. Và để khuyến khích, Trung tâm trao cho ông ta khoản tiền thưởng 5.000 USD vì những đóng góp trước đây của ông ấy. Vì tôi không phải là người gần gũi ông ta, cô là người duy nhất có thể gặp ông ấy. Tôi sẽ quan sát từ xa, khi nào chúng ta có thể làm được điều đó.

— Sẽ phải ở nơi ông ta làm việc.

— Nghĩa là sao?

— Ở Chicago. Chúng tôi đã lập ra một màn kịch. Tôi phải gọi điện cho ông ta ở nơi làm việc của ông ấy; và ông ta sẽ xuất hiện ở cổng trường đại học, chính xác là một tuần sau lúc bảy giờ tối.

— Tuyệt vời! Tôi sẽ mua vé cho hai người. Chúng ta sẽ gặp lại nhau ở nhà ga và chúng ta có nhiều cơ hội để cắt đuôi.

Mark và Leslie bắt đầu bàn tỉ mỉ từng chi tiết. Những con vẹt quan sát họ nhưng không nhận thấy niềm phấn khởi của họ. Khi hai người chia tay, những người đến gần chuồng vẹt chỉ nghe thấy những hơi thở hoặc có thể là “anh đã ăn trưa chưa, Jacquot?”.

Sau cuộc gặp của Leslie với Mlad, mà Mark theo dõi từ xa. Ông ta quyết định cần trong tay một điệp viên Xôviết là Herbert khác thế vào, người này hiện làm việc cho CIA, là nguồn cung cấp của Leslie giữa OSS. Cảm phục về tính khí và tin tưởng vào ông ta, ông ta có thiên hướng làm giảm đi những khó khăn cũng như nói lời xin lỗi trong trường hợp thất bại không hoàn thành nhiệm vụ.

Vì chỉ gặp người liên lạc ba, bốn tháng một lần, ông ta có cảm giác rằng người Nga không giành cho ông ta sự tin tưởng tuyệt đối. Vậy nên, trong hai năm cuối, ông ta đã hoàn thành nhiệm vụ qua thư, ông ta giữ một cách chặt chẽ sự chính xác của từng chi tiết. Ông ta thực sự tận tụy với công việc.

Đối với Mark, vấn đề là gặp hay không gặp Herbert khi biết rằng chỉ một sơ suất nhỏ cũng có nguy cơ làm hại ông ta. Ông nghĩ, tốt nhất là hỏi ý kiến Matxcova bằng cách gửi một yêu cầu tin tức qua radio. Trung tâm trả lời ngay và khuyên ông giao cho Leslie gặp gỡ Herbert, trước đây Leslie đã sắp xếp những tin tức của ông này trong hộp thư của White Plains theo ý định của Claude.

Trung tâm cũng lệnh cho ông rằng cuộc gặp gỡ với Leslie của ông là cuối cùng và ông cũng ngừng hoàn toàn những cuộc hẹn với Luis. Tại New York, tình hình đối với hai vợ chồng bắt đầu thấy trầm và cần phải chuyển họ.

Khi ông ta giao cho Leslie nhiệm vụ, ông ta quên không báo cho cô biết cần phải rời khỏi đất nước. Thật vô ích khi lại gặp gỡ với những khó khăn phát sinh. Cô ấy nhận từ Herbert những giấy tờ “trong tệp bí mật” của Hội đồng an ninh quốc gia và trình bày chi tiết mục đích và đối tượng của Mỹ liên quan tới Liên Xô. Những tác giả của những kế hoạch này đưa ra một chiến lược nguyên tử, nhưng nghĩ rằng nó không đủ để chế ngự những người bônsevitich và trong tương lai có nguy cơ trải dài tới tận Ferasie. Hội đồng an ninh quốc gia huy động những phương tiện chính trị, kinh tế và tâm lý để làm thay đổi chính sách đối nội của Xôviết, trong đó bao gồm sự bảo trợ cho những nhóm ly khai trong mỗi nước Đông Âu. Leslie để những tài liệu của CIA trong hộp thư. Đây là nhiệm vụ cuối cùng của cô đối với Fisher tức Mark, hoặc Rudolf

Abel.

Bốn mươi năm trôi qua, nhưng Leslie luôn giữ một kỷ niệm khó quên về vị chỉ huy:

“Làm việc với Rudolf Ivanovitch thật dễ dàng cho chúng tôi và mang đến cho chúng tôi niềm vui. Chúng tôi có cảm giác chiến thắng hàng ngày trong công việc của mình. Với ông ấy, chúng tôi có những viễn cảnh tuyệt vời về sự hợp tác tình báo.

Công việc tình báo, ông ấy thích nói thế, là một môn nghệ thuật lớn. Nó đòi hỏi tài năng, sự sáng tạo và phỏng theo. Đó chính là người đàn ông lý tưởng, Milk của chúng tôi. Chúng tôi gọi ông như vậy ngay cả khi ông có mặt. Đó là một con người giàu tinh thần, trình độ cao, ông ta biết sáu ngoại ngữ và có những tài năng khác nữa. Dù có ý thức hay không, chúng tôi không coi ông như một người bạn và chúng tôi nhận được từ ông sự giúp đỡ, sự tin tưởng. Ông ta không bao giờ giấu chúng tôi tình cảm ái quốc của mình và sự trung thành với Nga. Người Mỹ coi ông là một người Mỹ, người Anh coi ông là một người Anh, những người Brooklyn coi ông là một người dân Brooklyn.

Abel có những năng khiếu tuyệt vời đối với nghề tình báo, cũng như đối với bất cứ hoạt động nào, trong đó có cả thương mại. Để làm vỏ bọc, ở New York ông có một văn phòng danh nghĩa hoạt động tốt và những công việc đã tạo cho ông vẻ ngoài của một người nhà nước. Đây còn là một nghệ sĩ tuyệt vời, điều này cho phép ông mở một phòng nghệ thuật.

Những bức tranh của Rudolf Abel không bao giờ được trưng bày ở bất cứ đâu nhưng bức chân dung của Email Goldfus - một trong những mật danh của Abel đã được treo trong phòng tranh của Viện hàn lâm quốc gia về hội họa (trên đại lộ 5). Bức chân dung này ông vẽ một người bạn thân của ông người Brooklyn tên là Bert Silverman. Điều thú vị là, người nghệ sĩ không nghi ngờ rằng nhà bác học bên cạnh ông biết chụp ảnh, chơi piano chuyên nghiệp, còn là một điệp viên lỗi lạc trong buổi phát sóng qua radio và trong ngành mã hoá. Và nếu Milk không phạm cái điều mà chúng tôi coi như một sai lầm không thể tin được, điều này đã cho phép Vic, phụ tá của ông ta ở trạm thông tin bí mật, xác định được phòng nghệ thuật của ông ta, mọi cái đã có thể quay theo hướng khác. Điều đó có nghĩa là sai lầm này có thể nhận thức được. Có việc với những người quốc tịch Xôviết chứ không phải với người Mỹ trong nhiệm vụ vô cùng nguy hiểm của ông ta, Milk không bao giờ có thể tưởng tượng được rằng người ta lại cử đến cho ông một người phụ tá không đủ khả năng như Vic. Trong cuốn sách “Những người nước ngoài trên cầu” của mình, James Donovan, luật sư người Mỹ đại diện của Abel trong vụ kiện, đã nói về Vic - người dưới quyền Đại tá Reino Hayhanen - rằng ông ta là một điệp viên ngu ngốc nhất, lười biếng nhất, kém hiệu quả nhất, và không bao giờ được giao nhiệm vụ ở nước ngoài. Đúng, người ta có thể luôn nhầm lẫn. Người duy nhất không bao giờ sai lầm là người không làm gì cả”.



# LESLIE VÀ LUIS CHẠY TRỐN

Hai sự kiện xảy ra năm 1949 đã làm tăng gấp bội nỗi sợ hãi mà Liên Xô và chế độ cộng sản thế giới gây ra đối với Mỹ: Vụ thử hạt nhân đã thành công ở Kazakhstan và sự thành lập quyền lực của hồng quân ở Trung Quốc. Năm 1950 làm tăng lên những chủ đề báo động. Bị tố cáo, điệp viên Xôviết Alger Hiss đứng chứng giải được những bằng chứng sai phạm. Thượng nghị sĩ Joseph Mc Carthy tuyên bố rằng chính quyền Truman đã bị nhồi nhét chế độ cộng sản, Trung Quốc xâm lược Tibet, Bắc Triều Tiên vượt qua biên giới của Nam Triều Tiên. Ở trong nước cũng như ở nước ngoài, Mỹ đang gây chiến chống chế độ cộng sản.

Năm 1950 cũng là năm mà tình báo Xôviết đã bị phát hiện. Người đầu tiên, Klaus Fuchs (điệp viên Charles) bị xét xử ở Luân Đôn và bị nhận ra là thủ phạm trong cuộc bạo động của Official Secrets Act; sau đó là Harry Gol (điệp viên Raymond), David Greenglass (điệp viên Calibre) trong khi đó Ethel và Julius Rosenber bị bắt và bị xét xử ở Mỹ. Những điều này đã thúc đẩy FBI lùng bắt gắt gao những tình báo Xôviết trong số những người cộng sản Mỹ, những nhà thông thái Do Thái, những thành viên cũ của Brigades quốc tế, đến nỗi mà NKVD ở Matxcova ngày càng quan tâm tới sự an toàn của những người “tình nguyện”.

Tình hình nguy ngập hơn khi có những thông tin cho biết những thành viên của tổ chức “tình nguyện” vì sợ bị bắt nên đã tập hợp lại xung quanh Luis, làm cho chiến lược rất nguy hiểm. Nếu thiết bị của FBI theo dõi họ nhờ dấu vết, từ người này tới người kia đó là tất cả chuỗi, từng mất xích một, và qua đó sẽ phát hiện ra Mark.

Để cứu mạng lưới đang bị thất bại, Trung tâm quyết định tuyển chọn nòng cốt Trung tâm, nhóm Leslie-Luis, Leontine và Morris Cohen. Đây là một bức điện được mã hoá, số 123639, từ Matxcova tới New York, đề ngày 16-5:

Tuyệt mật

Gửi tới Bob, cơ mật.

Vì tình hình hiện nay rất khó khăn cho Luis và Leslie, tôi đề nghị ông thông báo cho họ qua Claude rằng Trung tâm rất lo lắng về sự trấn áp chính trị đối với những tư tưởng độc lập và những người gắn bó với đảng cộng sản và với đội hiến binh quốc tế. Abraham-Lincoln làm cho Luis và Leslie hiểu rằng việc này tạo thuận lợi cho việc bắt họ. Chính vì vậy họ phải rời khỏi Mỹ. Nơi đến của họ sẽ được thông báo sau trừ phi họ có những đề nghị.

— Hãy bàn luận về những hành trình và trình tự của chuyến đi, đi hợp pháp hay bất hợp pháp. Hãy xem xét việc sử dụng những giấy tờ được làm trong chuyến đi Tyr ở Polynésie của họ.

— Cung cấp cho họ tiền của chuyến đi.

— Báo cho họ không được nói với gia đình về chuyến đi tới.

— Trả trước hai hoặc ba tháng tiền thuê nhà.

— Chuẩn bị ngay chừng nào có thể.

— Thông báo cho những thành viên “tình nguyện” đang ở lại không được sử dụng những địa chỉ của Leslie và Luis và không được đến căn hộ của họ.

Koltsov

Ngay sau khi gửi bức điện này, Leslie đi mua sắm từ thành phố Koltsov về, thấy Claude ở tiền sảnh căn hộ của họ ở góc phố 71 và đại lộ Lexington. Ông ta đi giày pantúp và vẻ mặt của ông ta có vẻ kỳ lạ. Claude không nói một câu, đưa ngón tay lên môi ra hiệu im lặng. Sau đó ông ta tới gần và viết mấy câu bằng bút chì lên mảnh giấy.

— Chúng ta phải nói trao đổi bằng cách viết thôi. Leslie phải đốt lần lượt những giấy tờ trong khi tôi có mặt.

Sau đó ông ta giải thích rằng ông ta muốn vô hiệu hoá hệ thống nghe trộm trong phòng. Bức

thông điệp làm Leslie kêu lên:

— Không được! Chúng tôi sẽ không đi đâu!

Bức điện báo cho cô rằng cô và chồng phải rời khỏi Mỹ vào cuối tháng.

Claude thở dài:

— Nhưng tại sao?

Leslie cầm tờ giấy và bút chì rồi viết rằng bố mẹ già của Luis còn ở thành phố và ông ta không thể rời xa họ. Chính ông ta đang dạy lịch sử trong một trường ở thành phố và không thể rời bỏ học sinh trước khi kết thúc năm học vào tháng 6. Sự biến mất bất ngờ của họ báo động cho sở giáo dục, và người ta phải tìm kiếm họ, tra hỏi bố mẹ họ và cung cấp cho FBI những dấu vết của họ. Tóm lại Leslie phản đối việc ra đi và hỏi ai là người đề xuất việc này.

Claude trả lời:

— Trung tâm lo lắng về sự an toàn của cô.

Leslie hỏi tại sao Claude làm cho họ có nguy cơ như vậy khi có mặt tại nhà họ. Không dễ dàng gì, ông ta khẳng định với cô rằng ông ta chắc chắn tuyệt đối rằng không bị theo dõi.

— Mark biết kế hoạch chứ.

— Đúng.

Leslie cố gắng thoả thuận:

— Hãy cử chúng tôi sang nước khác, nhưng hãy để chúng tôi sống ở Châu Mỹ. Nếu chúng tôi rời khỏi Mỹ, chúng tôi sẽ không bao giờ có thể trở lại.

Luis chứng kiến cuộc nói chuyện, đã cầm giấy và bút chì để nói thêm rằng ông ta và vợ sẵn sàng với bất cứ bằng chứng nào, bất cứ sự tra hỏi nào, bất cứ điều gì xảy ra họ sẽ không bao giờ phản bội một người nào đã liên lạc với họ. Dù thế nào, họ đều muốn ở lại.

Claude trả lời rằng nếu họ bị bắt, sự nghi ngờ sẽ đến với tất cả những người mà họ quen biết.

Trong khi cuộc nói chuyện bằng giấy này diễn ra, Leslie ngồi đốt giấy tờ. Cô nguyên rửa trời và đất. Claude chỉ cho cô phải làm thế nào: cuộn những tờ giấy lại để chúng vào một cái đĩa và đặt đốt từ phía trên. Tờ giấy cháy hết, những tàn tro lại rơi vào đĩa.

Cuối cùng Luis đặt câu hỏi ấn định: “Đây là một mệnh lệnh?”. Câu trả lời là “đúng”.

Cả hai coi tờ giấy như thể nó đã mang đến một bản án chung thân. Họ im lặng một lát và chìm vào suy nghĩ, sau đó Leslie lại nói:

— Không, tôi sẽ không làm điều đó! Tôi không muốn!

Luis tới bên cô và nói bằng giọng trầm tĩnh:

— Bình tĩnh đi, Lona. Hãy lý trí lên. Đừng làm mọi chuyện rắc rối.

— Vâng, vâng, tất nhiên rồi - Cô trả lời - Nhưng nguồn gốc của chúng ta, gốc rễ của chúng ta ở đây...

Luis cầm tờ giấy để viết “Chúng tôi phải nhổ gốc rễ một cách đơn giản”.

Một lần nữa, vấn đề đã được giải quyết, cả ba người bàn kế hoạch hành động. Tất cả những điều họ viết đã được đốt bỏ ngay nhưng những năm sau, ở Matxcova, vợ chồng Cohen vẫn còn nhớ, cả Sokolov cũng vậy.

Để đảm bảo an toàn cho việc thực hiện, mật danh của vợ chồng Cohen được đổi từ Leslie và Luis thành Drugaries. Ngay hôm sau, cơ sở ở New York gửi một bức điện khẩn tới Trung tâm:

“Sau một cuộc thảo luận dài, vợ chồng Drugaries đồng ý rời khỏi đất nước. Họ đã đưa ra một câu chuyện về chuyến đi Tyr của họ. Họ sẽ nói với bố mẹ và bất cứ ai rằng họ đến Canada một thời gian không xác định vì công việc của đảng cộng sản.

Để không gây nghi ngờ từ những người giảng dạy và cấp lãnh đạo về sự biến mất đột ngột ở trường, Drugary đề nghị gửi một lá thư cho phòng giáo dục để giải thích rằng ông ta đã tìm được một nơi thuận lợi hơn ở Idaho.

Theo định hướng của tôi: Vợ chồng Drugaries sẽ đến nước nào, bằng cách gì và dưới vỏ bọc nào?”

Bob

19-5-1950

Một tuần sau mới có câu trả lời của Trung tâm:

Tuyệt mật.

New York, gửi Bob

Pha đầu tiên trong hành trình của vợ chồng Drugaries đã được bắt đầu. Họ sẽ đi từ Tyr ở Mésopotamie, ở đó một chỗ ở chắc chắn sẽ được cấp cho họ để đảm bảo chỗ ở. Những giấy tờ của họ đã sẵn sàng và sẽ được hoàn thành ngay.

Theo câu chuyện chính xác, Durgary là một người bán sách còn vợ là nội trợ. Tôi đề nghị chính họ phải chuẩn bị những quyển catalô, bảng giá và thiết bị quảng cáo cần thiết để tạo vỏ bọc.

Trước khi đi họ phải tuân theo những việc sau:

— Trả trước hai tháng tiền thuê nhà và làm thế nào để bố mẹ họ thu hồi lại toàn bộ của cải của họ trong thời kỳ này, để không lấy lại cho họ hợp đồng thuê căn hộ.

— Không được nói với người xung quanh về chuyến đi vĩnh viễn của mình.

— Đảm bảo những phương tiện liên lạc trong thời gian sống bất hợp pháp ở Mésopotamie.

Koltsov

27-5-1950

Vỏ bọc được tạo ra cho Luis, là một người biết rõ về văn học. Còn về phần Leslie là một phụ nữ nội trợ, nên cần phải là một người gây cảm tình. Bức điện đến từ Matxcova yêu cầu họ không được đi ra ngoài khi họ ở Mésopotamie, tên mật danh của Mexique. Trước khi rời Tyr (tức New York) Luis lập một sự ủy quyền cho ông bố, Harry Cohen để hàng tháng ông ta có thể lĩnh tiền trợ cấp của quân đội nước Mỹ, để tránh gây chú ý về sự vắng mặt của Luis.

Trước hôm khởi hành, Claude đã gặp Leslie lần cuối để giao cho cô những hộ chiếu Mêxicô dưới những tên là Pedro Alvarez Sanchez và Maria Teresa Sanchez. Hôm sau là ngày cuối cùng của tháng sáu và cũng là ngày cuối cùng của năm học, khi Luis kết thúc giờ học của mình, ông ta xoá bảng đen và mang tất cả giấy tờ tới văn phòng hiệu trưởng. Sau đó ông ta đến nhà bố mình để chào tạm biệt. Ông già, vốn là người thích tuyên ngôn, đã cho ông ta một lời khuyên; “Morris, nếu mọi thứ trở nên quá khó khăn với con, hãy véo vào mình, điều đó tránh cho con khỏi bật khóc”. Ông ta còn nói mong một ngày nhìn thấy những đường ranh giới được xoá bỏ trên toàn thế giới để Morris không bị chia cắt khỏi đất nước quê hương mình. Morris nói mình không thể đưa cho bố địa chỉ nhưng thỉnh thoảng sẽ có người mang đến cho ông những lá thư và cho biết tình hình của mình. Từ đó, Morris qua thành phố bằng tàu tới tận bến tàu ở đó Leontine đang đợi ông ta trên chiếc tàu chạy bằng hơi nước sắp đi Veracruz. Con tàu nhổ neo một cách suôn sẻ, nó đi qua bức tượng thần tự do.

Leontine nhớ lại những ngày cuối cùng này:

“Trước cuộc hẹn cuối cùng với Claude, tôi phải gặp Mlad, đó là yêu cầu của Trung tâm. Ông ta tới từ Chicago và thông báo cho tôi một tin báo động, những tướng lĩnh của Peutagone, cùng với những nhà bác học nguyên tử, đã ghim những lá cờ nhỏ trên bản đồ Liên Xô để đánh dấu những trung tâm công nghiệp, mục tiêu tấn công nguyên tử trong tương lai.

Tôi nhớ rằng Mad đã chuyển tất cả những gì tôi giao cho tới những nhà bác học Xôviết để sử dụng những tư liệu của Los Alamos để chế tạo bom nguyên tử của riêng mình trong một thời gian ngắn nhất. Tuân theo những chỉ dẫn của Abel, tôi cho ông ta biết sự đánh giá cao về những thông tin được cung cấp bởi ông ta mà Nga đã nhận được. Tôi đã muốn giao cho ông ta 5.000 USD tiền thưởng mà tôi đã lấy trong hộp thư. Ông ta từ chối không nhận và tuyên bố rằng ông ta làm việc không phải là vì tiền công, mà là để thông báo một thảm họa của thế giới để ngăn chặn quả bom duy nhất sẽ được ném xuống ở Liên Xô.

Tôi nói với ông ta rằng không làm mất danh dự khi nhận những số tiền này, Nga đều khen thưởng những người có công như vậy.

Bỗng nhiên ông ta hỏi tôi:

— Tôi có thể sử dụng số tiền này theo ý mình chứ?

— Tất nhiên - tôi trả lời.

— Trong trường hợp này, chúng ta sẽ chia đều - ông ta nói - Tôi biết rằng cô cũng có những nguy hiểm như tôi, vậy nên tôi không muốn dùng hơn một nửa.

Nhưng tôi đã nhận được phần của tôi rồi.

Cuối cùng chúng tôi thống nhất rằng một nửa sẽ gửi ở 'nhà băng' để ông ta có thể rút ra trong trường hợp cần thiết và không mang lại lợi nhuận. Sau đó sử dụng nửa này cho phép một điệp viên khác nối lại liên lạc với Mlad. Câu nói 'khoản tiền ở nhà băng không được trả công' đã trở thành một mật hiệu của ông ta.

Sau đó, ngay trong ngày hôm ấy, tôi đã báo cho Abel một thông điệp chỉ rằng cuộc gặp gỡ diễn ra suôn sẻ.

Khi chúng tôi tới Mêxicô, họ để chúng tôi sống trong một ngôi nhà mà không phải trả tiền, không xa biên giới. Chúng tôi chỉ nhìn thấy ánh nắng qua những cửa sổ, và chỉ biết những sự kiện xảy ra bên ngoài qua người quản lý. Ông ta đối xử với chúng tôi rất kín đáo và ít nồng nhiệt. Nhất là khi ông ta cho chúng tôi biết rằng những nhân viên của FBI đã đến Mêxicô để tìm những giáo viên đã biến mất từ New York. "Những tin này làm cho Morris choáng váng, tới khi đó ông ta vẫn khẳng định rằng mình là một người tự do, được miễn tất cả sự bắt buộc và không vướng mắc với ai. Sự thanh thản này bây giờ đã bị xáo trộn, ông ta rơi vào tình trạng trầm uất, và tiếc đã hành động không suy nghĩ, khi rời khỏi đất nước và cha mẹ già.

Nói thực, chúng tôi không bao giờ cảm thấy cần rút về sự đơn độc như vậy cho tới khi có những ngày này ở Mêxicô. Có những lúc chúng tôi nghĩ rằng chúng tôi không thể chịu đựng bị giam hãm trong cái căn hộ mà đối với chúng tôi như một nhà tù. Chúng tôi có cảm giác rằng những bức tường bao quanh chúng tôi sẽ đè bẹp chúng tôi.

Để chiến thắng sự thất vọng này, Morris thường xuyên uống rượu hơn, ông ta thường nói với tôi cũng như với chính mình rằng: Tôi sẽ uống một cốc và có thể căn phòng mà chúng ta đang bị giam hãm này sẽ không chật hẹp như vậy. Một lúc sau, ông ta lại mở chai và nói: 'Lại một cốc nữa. Vì không có ai đến'.

Tôi hiểu ông ta. Ông cũng muốn chìm sự đau khổ của mình trong whisky. Trong hai tháng, ông ấy trông già đi đến mười tuổi. Mái tóc ông bạc trắng đi.

Đây thực sự là một thời kỳ khủng khiếp, khi sự tồi tệ không chỉ vây hãm chúng tôi trong nơi ở của mình mà trên khắp Mêxicô nơi mà chúng tôi đang bị tìm kiếm. Điều duy nhất dành cho chúng tôi là hành động ngu ngốc, thậm chí là cái chết đã được ý thức rằng ở Mỹ, tình hình ít tốt đẹp. Sự truy đuổi những người chống đối, những cái bẫy đã được đặt dưới bước chân của bất kỳ ai gần bó với đảng cộng sản hoặc với Xôviết...

Trong một hoàn cảnh mà những người hoảng sợ tự nói với nhau rằng chiến tranh giữa Mỹ và Nga là đúng: chúng tôi thấy rằng mình chọn cách rời khỏi Mỹ là đúng. Đó là điều may mắn cuối cùng của chúng tôi. Chúng tôi sẽ rời khỏi Mêxicô, chúng tôi phải kiên nhẫn và chờ đợi".

Vợ chồng Cohen rời Mêxicô vào tháng 10 trên một chiếc tàu của Ba Lan là Batory. Họ sử dụng những giấy tờ giả khác, được cung cấp bởi "cơ sở" của Xôviết ở Mêxicô dưới sự lãnh đạo của Aleksei Antipov. Họ không còn là Sanchez nữa mà là những người Mỹ có tên là Benjamin và Emily Briggs. Tới Amsterdam vào cuối tháng, họ đi tiếp tới Thụy Sĩ, họ định dùng máy bay theo hành trình Zurich-Prague. Nhưng một người ở Lãnh sự quán Nga khuyên họ nên đi tàu, vì thời tiết ẩm thấp. Tàu chạy qua Tây Đức và đặc biệt hơn là qua vùng Mỹ chiếm đóng. Những khách du lịch sẽ bị yêu cầu kiểm tra visa bởi những quan chức Mỹ, nhưng vợ chồng Cohen không biết điều đó nên đã hài lòng cầm vé của mình và lên tàu.

Vào bốn giờ sáng, ở cửa kiểm tra của Mỹ đối diện với thành phố vùng biên của Tiệp Khắc, người ta yêu cầu họ xuất trình visa. Vì không có nên họ bị đề nghị xuống tàu và được dẫn vào

một căn phòng mà ở phía cuối có một chiếc bàn lớn và hai chục chiếc ghế xếp dọc theo tường. Ở đó họ phải chịu đựng một sự kiểm tra nhằm chán nhưng đầy đe dọa. Một nhân viên người Đức có thứ hạng Obestleutnant, cầm giấy tờ của họ, dò xét khuôn mặt họ, viết vào một quyển sổ, nhìn xoi mói họ một lần nữa, cuối cùng khi trả lại giấy tờ đã hỏi họ tại sao không xin visa.

Morris đã yêu cầu Leontine để ông ta xoay sở tình hình, tỏ ra rất phần nộ. Ông ta không phải là một thương gia lớn tới Prague vì một vụ làm ăn, ông ta có cần visa không? Họ chẳng phải là những người Mỹ đang đi du lịch trong khu vực của Mỹ sao? tại sao họ lại bị xét hỏi bởi những người Đức chứ?... Trong khi người viên chức đang tự hỏi dùng phần nào, họ đưa ra những giấy tờ khác và đưa ra sự đe dọa của những đòn trả đũa khủng khiếp nếu họ bị chậm chuyện du lịch. Còn Leontine, rầm rập theo vai trò của mình, cố vênh vang trong bộ quần áo da thú và những đồ trang sức.

Cuối cùng, nhân viên người Đức gợi ý một giải pháp: Họ sẽ ở lại khách sạn vào ngày chủ nhật (họ đang ở thời điểm bình minh của ngày chủ nhật) sau đó đội tuần tra biên phòng sẽ hộ tống họ tới Lãnh sự quán Mỹ để xin cấp visa vào Tiệp Khắc. Đây là điều cuối cùng mà vợ chồng Cohen mong muốn. Họ không còn cách nào ra khỏi cuộc chơi bằng cách đưa ra những lời đe dọa khủng khiếp. Leontine vẫn bảo đảm tính liên tục, viên Obestleutnant đã gọi điện cho những quan chức Mỹ, một viên trung sĩ đang lấy lại sức sau cuộc ẩu đả tối thứ 7. Ông này nói rằng ông ta đang có vấn đề với một cặp vợ chồng giàu có người Mỹ. Viên trung sĩ hứa sẽ tới ngay. Họ chờ đợi.

Quả thực, đã diễn ra một cuộc kiểm tra hộ chiếu và nhận thấy thiếu con dấu cho phép vào một nước xã hội chủ nghĩa. Morris chỉ có thể đưa ra lý do về sự khẩn cấp của công việc và việc mất một món tiền ketch xù sẽ xảy ra với ông nếu chỉ muộn một giây. Viên trung sĩ tỏ vẻ thông cảm, anh ta ca ngợi ý nghĩa thực tế của những người Mỹ trái với sự quan liêu của nước Đức cổ điển. Anh ta gợi ý rằng vợ chồng Briggs cứ đến khách sạn và uống cà phê trong khi anh ta đi giải quyết vấn đề. Dù ý thức được sự nguy hiểm, Morris thấy rằng có những tiến bộ và đây là giải pháp duy nhất có thể có được. Vậy nên ông ta chấp nhận.

Đã qua mười hai giờ trưa thì viên trung sĩ xuất hiện với những tấm hộ chiếu đã được đóng dấu. Anh ta đưa ra những lý lẽ không thể kể lên mà anh ta đã vượt qua được khi thuyết phục những người lãnh đạo Đức bằng cách của người Mỹ, bằng một chai rượu gin. Morris hiểu rằng viên trung sĩ coi họ là những người giàu có và anh ta sẽ không từ chối nhận công. Vậy là ông ta rút từ trong túi tờ 100 USD, điều này diễn ra đúng với màn kịch của ông. Không cần phải thuyết phục lâu viên trung sĩ. Hai giờ sau, người thương gia giàu có cùng vợ đã lên tàu, vượt qua biên giới tới Cheb và đặt chân tới Prague.

Khi tới thủ đô, vợ chồng Briggs phải tự xoay sở tất cả, những người liên lạc Xôviết đợi họ ở sân bay chứ không phải ở ga. Vậy nên họ phải tiếp tục đóng vai như vậy khi đăng ký vào sổ khách sạn. Họ phải đợi hai ngày thì những lãnh đạo Xôviết mới xác định được họ. Khi đó đang là những ngày hội của tháng 10, những người đến thăm nước ngoài đổ bộ vào thành phố, ông ta đề nghị vợ chồng Cohen kiên nhẫn vài ngày. Một tuần sau, những nhà lãnh đạo Xôviết đảm bảo cho họ tới Matxcova.

Vợ chồng họ lên máy bay mà không có ai đi cùng. Ở sân bay Vnoukovo, không có ai ra đón họ, họ không gặp khó khăn gì về thủ tục. Sử dụng giấy tờ mà họ có, họ đã qua cửa hải quan và ra khỏi sân bay. Một chiếc "Pobeda" màu xanh tới, người lái xe hỏi họ bằng thứ tiếng Anh hoàn hảo rằng họ có muốn tới Đại sứ quán Mỹ không. Họ khước từ sự giúp đỡ của ông ta.

Đi thêm một đoạn trên phố, họ bắt một chiếc xe ca Intouriste và hỏi người lái xe có thể đưa họ tới khách sạn National không. Người đàn ông tin là làm điều tốt cho họ nên đề nghị đưa họ tới Đại sứ quán Mỹ. Vợ chồng Cohen không tin vào mắt và tai mình nữa. Họ đã đi một chặng đường dài lại để đối diện với FBI sao?

— Không, không! - Họ kêu lên - Chúng tôi muốn thăm Matxcova.

— Được thôi - Người lái xe đồng ý, anh ta có thói quen sử dụng sai nhiều ngoại ngữ - Tôi sẽ đưa ông bà tới National.

Vậy là vợ chồng Cohen, sau khi sử dụng một loạt những giấy tờ giả, đã có được chỗ ẩn náu an

toàn mà ở đó họ không có một chút khó khăn nào để liên lạc với những người Xôviết. Hành trình của họ từ New York tới Matxcova, qua cả đường hàng không đã không theo lý thuyết của toán học, đường thẳng là con đường ngắn nhất từ điểm này tới điểm kia. Công việc của tình báo tuân theo những quy luật khác, gần với lý thuyết của thuyết tương đối hơn.

## PHẦN VI: VỢ CHỒNG NHÀ KROGER

Vợ chồng Cohen cảm thấy vô cùng bất tiện khi ở Matxcova do không có được những kinh nghiệm về lối sống Xôviết cũng như những kiến thức về nước Nga. Họ phải chui lủi nhiều tháng ròng trong căn hộ trên phố Mechtchaskaia, không bạn bè, không quan hệ và hầu như cũng chẳng nhìn thấy bóng dáng kẻ thứ ba, chỉ biết ngồi hàng giờ để ôn lại những quãng thời gian đẹp đẽ đã qua và nghe radio. Một người phụ nữ nói tiếng Anh hàng ngày tới giúp họ chợ búa và việc nhà, song dù sao thì cô ta cũng thích đến thăm bạn trai hơn là phải phục dịch hai vợ chồng Cohen. Duy chỉ có một điều an ủi duy nhất là viên sĩ quan điền tịch thuộc NKVD tên Alexandre Korechkov (cũng “xài” tiếng Anh) - thỉnh thoảng ghé qua. Đường như đã vượt quá ngưỡng chịu đựng, họ luôn “quấy rầy” viên sĩ quan bởi câu hỏi: Vậy thì khi nào Trung tâm quyết định giao việc cho họ? Nhưng bản thân Korechkov cũng chẳng có được tin gì mới để thông báo, chỉ biết trả lời: “Sớm thôi!...”.

Sau một thời gian dài xả hơi đủ để FBI ngưng tìm kiếm hai nhân vật này để tập trung săn lùng con mồi quan trọng nhất, Trung tâm ra quyết định vợ chồng Cohen có thể trở lại công tác. Họ đã đủ độ chín chắn mà chưa kịp già: vẫn tràn đầy sinh lực và kinh nghiệm nhưng trên hết, trong họ ngùn ngụt lửa nhiệt tình. Đại úy Korechkov chịu trách nhiệm truyền đạt cho họ nội dung của một phi vụ tình báo mới. Để làm việc ở nước ngoài họ bắt buộc phải thay đổi danh tính. Và như vậy sẽ không bao giờ còn được nghe nhắc tới Leonline và Morris Cohen.

Korechkov quyết định thẩm vấn Luis về nội dung cuốn sách mà ông ta đang bắt tay viết. Ông ta trả lời:

— Tôi muốn chỉ ra rằng ở Châu Mỹ có một số người đã mất phương hướng như thế nào trước những thăng trầm và gian truân của cuộc đời, tự nguyện từ bỏ lý tưởng và biến mình thành kẻ phản động, phản bội lại giai cấp công nhân. Trong khi đó thì lại có một bộ phận khác bất chấp mọi khó khăn luôn tỏ lòng trung kiên với đồng chí và càng vững tâm hơn vào niềm tin của mình. Ở chương cuối cùng, tôi sẽ tập trung làm sáng tỏ những nguyên nhân sâu xa của chiến tranh thế giới thứ hai. Nhưng tôi có thể từ bỏ công việc này nếu như anh có công vụ nào nghiêm túc cho tôi.

Korechkov chớp thời cơ:

— Thật vậy, tôi có một đề nghị rất hấp dẫn dành cho ông bà.

— Gì vậy?

— Làm việc lại cho quân đội Xôviết, và cũng là cho quyền lợi của dân tộc Mỹ.

— Vậy là chúng tôi sẽ trở về Mỹ?

Một tia hy vọng bùng lên trong ánh mắt Luis.

— Không, không hẳn là như vậy. Chính xác hơn là một số nước ở Châu Phi. Vì lý do an toàn, chúng tôi sẽ thay đổi tên và giấy tờ của ông bà.

— Chúng tôi đồng ý - Leslie trả lời không chút do dự, và bà ta nói thêm - cũng như lời của Sait-Just, “nếu bạn là một nhà cách mạng, bạn không được phép dừng lại, bạn phải đi tới cùng”.

Luis hưởng ứng:

— Nhằm nhò gì chuyện người ta gọi bạn bằng tên thật hay bất cứ cái tên nào khác. Một nhà cách mạng luôn phải tự soi mình trong gương. Anh luôn ở bên em, Lona.

— Chúng tôi sẽ làm bất cứ điều gì. Leslie định ninh. Tình báo đối với chúng tôi như là ma túy vậy. Chẳng khác gì người hùng. Chúng tôi sẵn sàng chịu phẫu thuật thẩm mỹ, nếu cần.

Trở về Trung tâm, Korechkov soạn một bản báo cáo. Ở đó viên sĩ quan này viết rằng vợ chồng nhà Cohen tựa như những nghệ sĩ tài năng chưa kiếm được vở kịch xứng tầm. Họ không thôi khát khao được trở lại sân khấu, được hoá thân vào những vai diễn mới và đắm mình trong những tính cách mới. Korechkov cũng nhắc lại cuộc đàm thoại với vợ chồng Cohen, qua

đó, họ bày tỏ ý muốn được đóng vai những tay trùm kinh doanh giống như họ đã từng thực hiện khi rời khỏi Mỹ. Cuối cùng, anh ta nhắc lại lời hứa thiết kế một vỏ bọc mới cho vợ chồng Cohen. Bản báo cáo của Korechkov được lưu trong hồ sơ số 13676.

Trước yêu cầu về một vỏ bọc mới cho Luis và Leslie, Trung tâm phải cân nhắc hai tình huống. Thứ nhất, phải xác định xem liệu FBI đã tính đến chuyện khoanh vùng định vị cặp điệp viên này chưa. Thứ hai, phải lựa chọn một chuyên gia giả mạo để hướng dẫn họ sống và làm việc ở nước ngoài.

Câu hỏi thứ nhất được gửi về đầu mối ở New York, quê hương của vợ chồng Cohen. Và câu trả lời nằm trong một bức điện được mã hoá:

“Tuyệt mật.

Bản duy nhất.

Số 287/34 ngày 29/11/1952.

Nhiều kẻ lạ mặt đã nhiều lần tra hỏi bố mẹ và bạn bè của Luis về tin tức của vợ chồng Drugaries. Chúng lấy cớ là Sở giáo dục muốn triệu hồi Luis. Bố của Drugary đã trả lời chúng rằng: cách đây hai năm, Luis và Leslie đã sang Canada và từng hứa sẽ trở về nhà sau hai tháng, nhưng không hiểu vì lý do gì mà đến bây giờ họ vẫn chẳng thấy tăm hơi, và rằng ông ta rất lo lắng cho họ.

Mark”

Một nhân vật nào đó ở Trung tâm đã ghi chú phía dưới bức điện rằng: “Có thể thấy FBI và CIA vẫn đang tiếp tục tìm kiếm vợ chồng nhà Cohen. Cần lưu ý điều này và nhanh chóng xây dựng vỏ bọc cho họ”.

Vấn đề còn lại được giải quyết bằng việc lựa chọn một thiếu tá trẻ với biệt danh là “Ben”. Tiếp xúc với vợ chồng nhà Cohen, viên thiếu tá cảm thấy thoải mái như bạn bè bởi họ không hề tỏ ra tự phụ, luôn sẵn sàng chỉ ra những điều họ chưa biết, mặc dù đã là những điệp viên tương đối hoàn hảo. Ben cũng nhìn thấy ở Luis một chút gì đó thông thái rôm và một trí óc ít nhiều chậm chạp, song lại đánh giá cao ở nhân vật này tính kỷ luật và sự tin tưởng. Hai tác phẩm văn học của Cohen, một tiểu thuyết mang tên

Chuyến tàu lịch sử chuyển hướng và một truyện ngắn lấy tựa là Tuyến hai đã giúp Ben khẳng định ý chí tấn công của tác giả đối với lý tưởng cộng sản. Trong khi đó, Leslie lại không chỉ gây ấn tượng cho Ben bởi sự hài hước và sinh động cùng dáng vẻ dễ chinh phục mà còn về khả năng sử dụng tiếng Anh nhuần nhuyễn, nhất là tiếng lóng. Ben nghĩ quả thật sẽ rất ướng phĩ nếu không nhanh chóng trưng dụng đôi vợ chồng này vào công việc trước khi họ trở nên lỗi thời...

Sau khi nghiên cứu kỹ hồ sơ, Trung tâm quyết định giao việc cho vợ chồng Cohen. Korechkov tới thông báo rằng họ sẽ qua Nam Phi công tác. Rõ ràng là bị kích thích bởi yêu cầu của trên, hai vợ chồng mất hẳn vẻ uể oải và yêu cầu được tiếp tế tất cả các tác phẩm viết bằng tiếng Anh có liên quan đến đất nước này ở các thư viện tại Thủ đô Matxcova. Sách được chuyển tới căn hộ và họ say sưa nghiên cứu về lịch sử, kinh tế, khí hậu của Nam Phi. Họ thuộc nằm lòng những kiến thức còn nóng hổi vừa thu nhận được, và tập tành đóng vai. Tầm mắt, trái tim và suy nghĩ, tất cả đều hướng về Nam Phi.

Nhưng khi đề cập tới căn cước cho vỏ bọc mới thì họ lúng túng bởi vẫn chưa biết gì về đời sống dân cư của Nam Phi. Cuối cùng thì Luis tóm được tên của một quan chức nhà nước Nam Phi, Stephanus Kruger. Chuyển u thành o, Luis và vợ đã mang họ Kroger với tên mới là Peter John và Helen Joyce. Cũng như khi chạy khỏi Mỹ, họ tiếp tục đóng vai những lái buôn sách giàu có. Rồi họ báo cho Korechkov biết là đã sẵn sàng.

Để tranh luận về vỏ bọc mới, NKVD triệu tập họ tới một “căn phòng bí mật” tại Matxcova. Korechkov và Ben có mặt ở đó. Korechkov bắt đầu bằng việc thông báo rằng Trung tâm đã đổi ý và sẽ không phái họ tới Nam Phi nữa. Tức thì, vợ chồng Cohen ngồi thụp xuống phôtô, ngao ngán trước viễn cảnh sẽ phải kết thúc quãng đời còn lại ở Matxcova, rúm rỏ trong những xà lim giam lúc nhúc các cựu điệp viên. Nhưng thông báo thứ hai từ Korechkov đã giúp họ lấy lại



sinh khí: Trung tâm quyết định sẽ cử họ tới Anh quốc.

Nhưng dù sao thì Leslie vẫn không giấu nổi vẻ bức bối.

— Thế là bao nhiêu công sức nghiên cứu về Nam Phi thành công cốc!

— Các anh không thể nói với chúng tôi sớm hơn sao? - Luis lẩm bẩm, chắc hẳn đang nghĩ tới những cuốn sách dày cộp chờ sẵn trên bàn làm việc và cả trên giường.

Korechkov nhún vai.

— Đó là mệnh lệnh.

Quyết định này vừa có lợi, lại vừa là thử thách đối với vợ chồng Cohen. Theo họ giá trị to lớn của Nam Phi chính là sự thù ghét Mỹ quốc và Tây Âu. Là một quốc gia “đang phát triển”, nước này không lạ gì cuộc xung đột về hệ tư tưởng đối với hai siêu cường này. Ngược lại, nó nằm ở tâm điểm xung đột lúc này đã trở nên vô cùng căng thẳng khi hai bên đều sở hữu bom và đang đứng trước thế bí về quân sự vào thời mà các vệ tinh, máy tính và (telescopieur) vẫn chưa đủ sức kết nối ngay lập tức các quốc gia với nhau thì Châu Phi vẫn còn cách xa tâm điểm lợi ích của Mỹ cũng như tư duy lôgic của nước này; và như thế, đây sẽ là mảnh đất thuận lợi cho hoạt động của các điệp viên Xôviết. Tuy nhiên, ở Nam Phi, vợ chồng Cohen có thể sẽ bị cô lập với tầng lớp da trắng thống trị, ấy là chưa kể đến giới lao động da đen, trong khi ở Anh họ không gặp khó khăn với những doanh nhân và cả người lao động. Tóm lại, ở Nam Phi họ có thể bị xa cách, thậm chí là cô lập. Ở Anh, họ sẽ dễ dàng trà trộn vào dân cư hơn là ở Châu Phi. Song họ lại rơi vào “cánh đồng” lợi ích của Mỹ và rất dễ bị nhiễu thông tin.

Quyết định này tỏ ra khá khó khăn. Ben thì lại thuyết phục vợ chồng Cohen rằng Anh quốc là một lựa chọn tốt, rằng ở đó họ sẽ hạnh phúc hơn và công tác hiệu quả hơn. Chúng tôi cũng giả định rằng bản thân Ben rất muốn tới Anh. Song tựu chung lại thì với vợ chồng Cohen, đây sẽ là một nhiệm vụ nguy hiểm.

— Thôi được rồi. Chúa sẽ phù hộ chúng ta! - Leslie vỗ tay tỏ ý chấp thuận.

Luis thì đưa ra một nhận xét khô khốc rằng việc mượn vỏ bọc ở Anh sẽ dễ dàng hơn ở Châu Phi.

— Về phía vỏ bọc, Korechkov, tại sao ông bà lại lựa chọn như vậy?

Leslie giải thích rằng chồng mình hiểu biết về sách, và rằng ông ta cũng đã từng kinh doanh với người cha cũng như với Amtorg hồi trước chiến tranh. Korechkov tranh luận với họ về việc kinh doanh. Sau rốt thì buôn bán sách không những sẽ phục vụ cho việc đội lốt mà còn mang lại lợi nhuận. Song trong trường hợp ngược lại thì việc này có nguy cơ gây nghi ngờ, và khi đó mục đích đặt ra sẽ không thực hiện được. Luis phản bác lại rằng ông ta hiểu rõ nghề và có thể triển khai tốt công việc kinh doanh sách cũ. Nhưng trong tiềm thức của ông ta, lợi nhuận nhờ kinh doanh không phải là mục tiêu gì lớn lao. Việc buôn bán sẽ là phương tiện giúp họ có thể đi lại công khai tại nước ngoài và họ cũng không cần một mặt tiền và kho bãi rộng lớn. Luis chỉ yêu cầu một cửa hiệu nhỏ và một căn hộ liền kề đủ chỗ cho hai vợ chồng sinh hoạt. Hai người, và có thể thuê thêm hai công nhân nữa, sẽ không kinh doanh mùa vụ mà mở hàng cả năm. Vốn đầu tư ban đầu để mua sách vào khoảng năm tới sáu ngàn bảng Anh.

Một câu trả lời cuối cùng đủ để thuyết phục Korechkov là Luis biết rõ những việc mình làm.

Phát triển ý tưởng của mình, Luis thêm rằng việc kinh doanh sách sẽ cho phép ông ta và Leslie tiếp xúc và quan hệ với nhiều người, kể cả người bán lẫn khách mua một cách thường xuyên. Đồng thời nó cũng tạo điều kiện cho họ đi lại tự do khắp nước Anh, từ đó sẽ có cơ hội cho các cuộc tiếp xúc bí mật...

— Kinh doanh là một cái gì đó rất tinh tế - Ben nhận định - Ông bà sẽ quản lý một khoản trong nhà băng và một số vốn lưu động có thể chấp nhận được, miễn là đừng phô trương quá. Ông bà cần phải cung cấp các tài liệu giải trình hợp lý về nguồn tài chính của mình với ngân hàng cũng như với các đối tác làm ăn để tránh chuyện xâm xì.

— Thì tôi vẫn nói là được thừa hưởng máu kinh doanh từ “ông già” tôi. Ông ấy có một cửa hàng đồ khô ở New York - Luis thuyết phục.

— Không phải thế! - Ben phản bác - Ông đâu còn là một người Mỹ nữa.

— Đúng vậy - Korechkov cắt ngang - Ông bà là người New Zealand. Điều này có nghĩa là chúng tôi đã chấp nhận việc mạo tên của ông bà. Kể từ thời điểm này, ông Luis, ông là Peter John Kroger. Và bà, Leslie, bà là Helen Joyce Kroger. Hãy sử dụng tên mới của ông bà từ bây giờ. Về phía mình, chúng tôi cũng bắt đầu gọi ông bà là vợ chồng nhà Kroger (tác giả cũng gọi như vậy trong tác phẩm này).

— Việc một thời điểm nhất định, ông là người này, nhưng vào lúc khác, ông lại vào vai một người mới, một người New Zealand tên là Peter Kroger.

— Mọi chuyện cứ thế mà tiến hành - Ben kết luận.

Tiếp theo đó cả nhóm chụm đầu lại nghiên cứu vỏ bọc của Peter mà Trung tâm chuẩn bị từ trước.

Peter John Kroger sinh tại New Zealand, mẹ và cha của ông này hành nghề kinh doanh có gốc ở Wellington. Năm 1930, hai ông bà rời khỏi Tổ quốc sang Mỹ và mở một hiệu sách ở Thành phố Seattle, tiểu bang Washington. Sau khi tốt nghiệp trung học ở tuổi 17, Peter làm việc tại cửa hàng của gia đình. Năm 1937, anh ta gặp Helen Hale, một cô gái trẻ mới tới Seattle cùng người bạn gái. Trước đó, cô sinh hoạt tại một trường dòng ở New York. Họ bắt đầu qua lại và trao đổi thư từ cho nhau. Hai năm sau, họ cưới nhau và ở nhà của bố mẹ Peter. Mẹ của Peter mất năm 1914, năm năm sau đến lượt người cha qua đời. Peter thừa hưởng cửa hàng sách, nhưng một năm rưỡi sau đã sang tên cho người khác rồi cùng vợ chuyển tới New York; ở đó anh ta kết hợp cùng với một đối tác và gây dựng lại công việc kinh doanh sách tại khu phố Bronx. Năm 1948, mẹ kế của Helen đang sống ở Canada lâm bệnh nặng và hai vợ chồng Kroger qua thăm. Năm 1954 (thời điểm sắp tới) hai đầu gối của Peter bắt đầu có vấn đề. Anh ta buộc phải bán cổ phần kinh doanh và cùng Helen sang Italia, sau đó tới Áo. Sau một thời gian chữa bệnh tại một căn nhà nhỏ ở miền núi Alpes, hai vợ chồng Kroger quyết định trở về Luân Đôn và bắt đầu lại công việc kinh doanh sách. Đó là toàn bộ quá khứ của họ.

Trong khi nghe Korechkov thuật lại “lịch sử” của mình, Helen chăm chú ghi chép, song Korechkov bảo rằng bà ta sẽ nhận được một bản sơ yếu lý lịch cụ thể và bà ta có đủ thời gian để nhập tâm cũng như thêm thắt vào đó những chi tiết cá nhân.

Peter nhận xét rằng ông ta thấy chi tiết đầu đầu gối rất thú vị, bởi vì trên thực tế ông ta cũng từng bị như vậy. Korechkov trả lời: “Một câu chuyện hay bao giờ cũng phải xây dựng trên nhiều chi tiết thật, có như thế mới thuyết phục được người khác”. Những năm sống ở khu phố Bronx của Peter Kroger đủ sức để lý giải cho giọng nói không thể thay đổi được của ông ta.

Peter suy nghĩ hồi lâu, cái nhìn chăm chú và dăm chiêu cố hữu rồi hỏi:

— Tôi có một câu hỏi khá tế nhị, song cần thiết. Chúng tôi sẽ phải nói thế nào nếu như bị các chức sắc ở Anh quốc giữ lại và khẳng định họ của chúng tôi không phải là Kroger, rằng Kroger không tồn tại?

— Trong trường hợp đó. Ông phải chuyển ngay sang một câu chuyện mới - Ben giải thích - Tốt nhất là hãy dùng một số dữ liệu thật.

— Có nghĩa là sao?

— Ông hãy khai tên thật và giải thích rằng ông rời khỏi Mỹ là do lo sợ bị truy sát với tư cách là thành viên Đảng Cộng sản (PC) Mỹ. Nếu sử dụng hộ chiếu Mỹ để chạy trốn thì sẽ rất nguy hiểm, vì vậy ông đã phải mua hai cuốn hộ chiếu Mexicô với giá 1.000 USD từ một thủy thủ nước ngoài ở New York. Sau đó, ông bà đã tới Châu Âu nhờ chuyến tàu của Ba Lan tên là Batory. Rồi ông bà tạm trú tại gia đình bà Maria Patke, phố Wawelska. thủ đô Varsava.

— Là ai vậy? - Helen hỏi - Lại một cái tên giả nữa ư?

— Không: đó thực sự là một trong số người quen của ông bà. Nhưng nếu như ông bà bị bắt, chúng tôi sẽ cử người tới. Rồi tôi nói tiếp nhé: ông bà nói với những nhà chức trách rằng hai người đã xin được quốc tịch Ba Lan. Năm 1984, ông bà bán hết tài sản ở Mỹ rồi mua hai cuốn hộ chiếu lấy họ Kroger từ một người Ba Lan Do Thái nào đó, cuối cùng, ông bà tới nước Anh.

Helen gọi Peter bằng tên thân mật. Tốt rồi, Bobsy. Có vẻ như chúng ta đã có một vỏ bọc khá

hoàn hảo. Song anh thì cụ thể như thế, còn em thì sao? “Câu chuyện” của tôi sẽ như thế nào?

— Đây rồi! - Korechkov mỉm cười rồi rút ra một tờ giấy còn mới nguyên với những dòng chữ còn tươi màu mực.

Anh ta đọc to:

Helen Joyce Hale sinh tại vùng Alberta, Canada. Bố là một nhà kinh doanh nhỏ, còn mẹ làm nội trợ. Được bảy tuổi thì mẹ cô mất. Một năm sau, bố cô tục huyền và đưa cả gia đình tới New York. Ở đây, ông ta mở một cửa hàng bán cá. Bà mẹ kế vốn không có tình cảm với đứa con chồng đã tìm mọi cách đẩy cô vào một trường dòng. Helen gặp Peter ở New York, họ cưới nhau rồi hai vợ chồng về sống ở Seatle. Sau đó là sang Ý, Áo, rồi cuối cùng là Anh quốc. Cha và mẹ kế của Helen trở về quê hương Canada, sau đó ông bố chết năm 1948. Bà mẹ kế ở một mình.

— Tam thời như thế thôi nhé - Korechkov nói - Nếu ông bà vẫn còn thắc mắc gì thì cứ hỏi Ben. Vậy thôi, giờ thì tôi thêm một cốc café nữa rồi.

Nói rồi anh ta rời khỏi phòng.

Helen quay sang Thiếu tá Ben.

— Tôi thấy có một điểm yếu trong câu chuyện này.

— Ở đâu? - Ben chăm chú, như thể anh ta là tác giả chính của “công trình” này vậy.

— Đó là khi chúng tôi rời khỏi ngôi nhà trên triền núi Alpes. Tại sao chúng tôi lại đi khỏi đó tới Luân Đôn? Động cơ của chúng tôi là gì? Ben suy nghĩ hồi lâu, rồi cuối cùng cũng tìm ra lời giải thích:

— Động cơ hết sức đơn giản, tự nhiên và dễ chấp nhận. Trong hoàn cảnh cả hai vợ chồng ông bà đều không biết tiếng Đức, mà việc làm ăn buôn bán ở Áo sẽ rất khó khăn nếu không hợp tác với khách hàng nói tiếng Đức. Do vậy ông bà tới Luân Đôn, nơi có thể sử dụng vốn tiếng Anh đã được hoàn thiện ở New Zealand và Canada.

Korechkov trở lại và tóm tắt những công việc trước mắt. Theo đó, hai vợ chồng Krogh sẽ phải qua New Zealand một thời gian để học hỏi về lối sống và bắt chước một vài đặc điểm riêng biệt của người dân bản xứ. Từ New Zealand, hai người sẽ được đưa tới Áo để hoàn thành nốt chương cuối cùng trong câu chuyện nguy trang của họ.

Có tiếng gõ cửa bên ngoài và sau khi được phép, một người phục vụ bước vào với chiếc khay đựng cả phê và bánh ngọt kiểu Ba Lan, cả nhóm im lặng cho đến khi người phục vụ rời khỏi phòng. Sau đó, họ cùng nhấm nháp cafe và tiếp tục tranh luận về những chi tiết cụ thể trong kế hoạch.

Từ Semmering, Peter sẽ gọi tới lãnh sự quán New Zealand tại Paris để yêu cầu cấp hộ chiếu mới. Ông ta sẽ phải trình bày rằng hộ chiếu (giả mạo) của mình đã hết hạn và xin cấp mới, tiện thể xin luôn giấy xác nhận cho vợ mình. Peter được thuyết phục rằng Lãnh sự quán sẽ không giữ giấy tờ giả mạo của ông ta và sẽ xác nhận tính hợp pháp của chúng, và họ cũng sẽ có thể sử dụng hộ chiếu thật tới nước Anh, nơi mà họ sẽ chẳng gặp bất cứ trở ngại nào để trở thành công dân Anh quốc. Korechkov trình bày tỉ mỉ mọi chi tiết trong kế hoạch mới.

Ngoài hộ chiếu thật, vợ chồng Kroger còn mang tới nước Anh hai cuốn hộ chiếu giả do Canada cấp để có thể tiến hành các quan hệ mật ở nước ngoài hoặc bỏ trốn khỏi nước Anh trong trường hợp nguy hiểm khi các nhà chức trách phát hiện vấn đề gì đó trong hồ sơ của Kroger.

Đối với những kẻ phi pháp, thì ngoài những giấy tờ thật, lúc nào cũng phải giắt trong người một số đồ giả mạo.

# ĐIỆP VỤ LUÂN ĐÔN (I)

Ngày 5 tháng 3 năm 1953, một sự kiện chấn động thế giới đã xảy ra. Thống soái Stalin, nhà cố vấn, vị lãnh tụ thiên tài của nhân dân Xôviết, từ trần sau một phần tư thế kỷ nắm quyền ở Liên Xô, cuộc sống dường như ngưng lại. Trên trang nhất các báo đều tuyên bố rằng nhân dân Xôviết và người lao động trên toàn thế giới từ nay đã trở thành mồ côi. Đài phát thanh liên tục phát đi những bản nhạc trầm hùng và bi thương. Tại các địa phương, đám đông diễu hành tập trung trước cửa trụ sở Đảng để tỏ lòng tiếc thương lãnh tụ, và ở Matxcova, dân chúng cũng tập trung đông đảo ở trung tâm thủ đô để tham gia lễ tưởng niệm và nhìn lại lần cuối nhà lãnh tụ tối cao của mình.

Cảnh tượng y hệt như đám tang Lênin hồi năm 1924, các đảng viên ưu tú của Đảng Cộng sản vừa tham gia lễ tang với muôn vàn đau khổ, vừa rắp tâm chiếm quyền lãnh đạo nhà nước. Trong trận chiến quyền lực này, Lavrenti Ben, thủ lĩnh của NKVD, nhân vật đáng gờm nhất ở Grodno ở Vladivostok, đã vấp phải những kẻ sùng sỏ hơn, chấp nhận bị bắt và xử tử. Một vài phần tử cuồng tín thuộc phe Beria, nhưng không phải tất cả, cùng chịu chung số phận. Chẳng hạn như trường hợp của Vsevolod Merkoulou. Quyền lực rơi vào tay chính thể tay ba Malenkov - Boulganine - Khrouchtchev. Sau vài năm, nhân vật thứ ba này đã khẳng định vị thế của mình, kiêm nhiệm cả hai chức vụ: Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô và Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

Sau khi Beria chết, Malenkov và Khrouchtchev ủy nhiệm tướng Serguei Krouglov, một nhân vật vốn rất tận tụy với Stalin, và bây giờ là với Đảng Cộng sản, quyền tổ chức lại các cơ quan mật vụ. Krouglov đã cơ cấu lại và đặt lại tên cho nhiều bộ phận khác nhau của tổ chức và kể từ năm 1954, cảnh sát mật vụ bắt đầu được gọi bằng một cái tên rất nổi tiếng sau này - KGB (Komitet Gossoudarstvennoi Bezopasnosti: Cơ quan An ninh Quốc gia) mà chỉ huy đầu tiên là Tướng Iran Serov. Nhân vật này trở nên nổi bật trong chiến tranh nhờ sự thảm sát Katyn và việc lưu đày hàng trăm ngàn người gốc Đông Âu sang Siberi. Khi Krouglov ốm nặng năm 1954, Iran Serov tiếp quản công việc giám sát toàn bộ mạng lưới an ninh, còn công việc của KGB giao cho Alexandre Panouchkine. Lúc này, chẳng còn lý do gì để trì hoãn điệp vụ của vợ chồng Kroger, và mọi chuyện cứ theo kế hoạch đã định mà triển khai.

Những tài liệu liên quan tới chuyến đi của vợ chồng Kroger tới Anh quốc nằm trong phần đầu của cuốn XI tập Hồ sơ số 13676, đặt tên là "Datchsiki" ("những người đi nghỉ mát"). Ở một số trang sau đó có một bức điện được mã hoá gửi từ Paris. Người gửi là một "chủ tịch", tổng tham mưu Aleksei Krokhine. Nội dung bức điện đề cập tới hai vợ chồng Kroger dưới mật danh cũ, "những người tình nguyện":

"Chúng tôi xác nhận là mọi giấy tờ tùy thân và chứng minh thư đã được chuyển tới Lãnh sự quán New Zealand để xin cấp hộ chiếu mới "Những người tình nguyện" không cần xuất hiện ở Lãnh sự quán để lấy hộ chiếu. Họ có thể chuyển các tài liệu liên quan qua đường thư tín, trong đó giải thích cả nguyên nhân tại sao phải xin đổi thị thực và tại sao lại không thể có mặt ở Paris.

Ogniev

16/11/1953"

Đường tới Luân Đôn dường như đã rộng mở trước mặt vợ chồng Kroger. Họ có thể nhận được hộ chiếu New Zealand mới chuyển qua đường bưu điện mà không hề phải xuất đầu lộ diện cũng như chẳng lo ngại bị buộc tội giả mạo giấy tờ.

Những mục tiêu bước đầu trong lộ trình hoạt động ở Anh của hai điệp viên nhà Kroger được chia theo 5 bước sau:

1. Tậu một căn nhà ở ngoại ô Luân Đôn, trong đó có một phòng dùng để đặt thiết bị truyền thông.
2. Mở các tài khoản ngân hàng tại Thụy Sĩ và Anh quốc.
3. Móc nối các quan hệ buôn bán với các hiệu sách để ngụy trang, tránh gây nghi ngờ về nhân

thân và chuyên môn.

4. Thực hiện lối sinh hoạt thanh đạm và bí mật ở Luân Đôn.

5. Giữ liên lạc với Trung tâm thông qua các thư tay viết bằng mực hoá học, gửi theo đường bưu điện.

Trong trường hợp cực kỳ khẩn cấp, vợ chồng nhà Kroger được phép liên lạc với tổ chức công khai hợp pháp hoạt động bên trong Đại sứ quán Liên Xô ở Luân Đôn. Cách thức liên lạc: hai điệp viên phải để dấu hiệu nhận biết ở phía bên trái cửa ra vào Quen' Hall, sau đó sẽ được gặp người móc nối vào ngày hôm sau, vào lúc mười bảy giờ tại địa điểm đó Peter phải đi qua đi lại trước cổng, miệng ngâm tấu với một tờ tạp chí Figaro cuộn lại nhét vào túi trái áo măng tô. Còn người liên lạc cầm một tờ tạp chí Life trên tay trái. Mật khẩu sẽ là:

— Tôi nghĩ rằng chúng ta đã từng gặp nhau hồi tháng năm vừa rồi ở Pari.

— Không, anh bạn, tôi không có mặt ở Pari thời điểm này. Tháng năm vừa rồi tôi còn đang ở Roma.

Trước khi tới Luân Đôn vào cuối năm 1954, hai vợ chồng Kroger phải tham gia một khoá học rất căng về cách sử dụng radio sóng ngắn, về ký tự đánh móc, về hệ thống làm nhiễu, cách viết thư bằng mực hoá học và kỹ thuật chụp ảnh kể cả kỹ thuật về in ảnh). Tất cả như là một chương trình bổ túc và hoàn thiện nghệ thuật tình báo: làm thế nào để tổ chức một cuộc hẹn kín, làm sao để cắt đuôi theo dõi hay cách thức giám sát từ xa, làm sao để hoãn một cuộc hẹn, cách xác định cuộc hẹn, cách hẹn thêm, làm sao để lấy thư từ hộp thư chết, cách để lại dấu hiệu trong thành phố. Đọc giả hẳn chẳng thể nào biết được những kỹ thuật đó.

Bước đầu triển khai kế hoạch, vợ chồng Kroger được ghé tới Ba Lan. Họ ở lại đây một thời gian khá dài. Sau đó, đúng như chương trình, họ tới New Zealand, quá cảnh qua Nhật Bản và Úc. Từ đây họ bắt đầu tới Châu Âu, mà điểm dừng chân đầu tiên là Áo, nơi họ tiến hành gửi đơn xin hộ chiếu tới Lãnh sự quán New Zealand tại Paris. Trong thời gian chờ giấy tờ mới, họ qua Thụy Sĩ, chủ yếu là đi du lịch, song cũng không quên kết hợp mở một tài khoản ngân hàng và nhận được một số thư bảo đảm từ các cá nhân có liên quan mà họ hy vọng sẽ có thể được giúp đỡ trong công việc kinh doanh những năm tháng sau này. Rồi họ qua Paris và cuối cùng là cập bến Luân Đôn đúng vào cuối năm 1954. Họ thuê một phòng tại một khách sạn ở Quảng trường Piccadilly và ăn bữa tối ở nhà hàng Lyon's Corner House.

Sau một tháng tập cho quen phong thổ, Helen bắt đầu cảm thấy dân Anh luôn luôn ra vẻ đoan trang và cầu kỳ một cách kỳ cục, trong khi Peter chẳng thấy phàn nàn gì. Họ liên hệ với một hàng buôn bán bất động sản và tìm được một ngôi nhà ở số 18 đường Penderry Rise, khu Catford, ngoại ô phía Đông Nam Luân Đôn. Chủ nhân của ngôi nhà là một bà giáo sư Leslie Fowden nào đó hiện vắng mặt khoảng một năm vì lý do đi giảng tại Trường Đại học Cornell cùng cả gia đình. Được thuê nhà trong một năm thì quả là lý tưởng. Vợ chồng Kroger cũng không phải tính chuyện mua đồ nội thất mới.

Nhiệm vụ thứ hai - chọn một cửa hàng để kinh doanh - xem ra lại khó khăn hơn. Hai người đã phải đi quanh khu thương mại của thủ đô. Sau vài tháng tìm kiếm, họ đã thuê được một địa điểm lý tưởng: một văn phòng nằm ở tầng hai, phía dưới là một cửa hàng thuốc lá quay mặt ra đường Strand, đối diện là Tòa án tối cao.

Peter bắt đầu mua sách, chạy đôn chạy đáo tìm cách bắt quen với giới kinh doanh, tóm lại là làm mọi việc cần thiết hợp pháp hoá hoạt động buôn bán của mình. Dĩ nhiên là ông ta không cần quản lý việc chuyển tiền vào tài khoản, bởi vì mọi thanh toán đều sử dụng thẻ rút từ ngân hàng Thụy Sĩ. Trong khi Peter chuyên tâm vào việc khởi động công việc làm ăn thì Helen ở lại nhà ở Catford, xây dựng hình ảnh một bà nội trợ hoàn hảo, một phụ nữ sôi nổi và một người lảng giềng thân thiện. Về tự nhiên khoáng đạt, cách bày tỏ ý kiến một cách trắng trợn, cách trang điểm khác thường cùng với nhiều người hàng xóm Anh quốc khó tính. Chưa có bất kỳ một liên lạc tình báo nào được triển khai mãi cho đến một ngày Peter cuối cùng cũng nhận được một thông điệp gồm những chỉ thị bất thường, song dễ hiểu.

Buổi tối hôm ấy, Peter lên một chiếc xe buýt hạng sang tới Quảng trường Leicester, trung tâm Luân Đôn. Sau khi chậm rãi bước trên những con phố sạch bóng vì nước mưa hồi chiều, mắt

chăm chú nhìn vào các ô cửa kính hai bên đường để dò xét xem có kẻ nào theo dõi hay không, ông ta tiến thẳng tới nhà hát Odoen, mua một vé vào trong rạp. Lúc ở nhà, Peter phát hiện ra tại địa điểm đã thoả thuận trước xuất hiện một chiếc đinh nhỏ màu đỏ cắm trên tường. Và ông biết là tuyến Matxcova - Luân Đôn đã khởi động. Peter bước vào phòng chiếu phim, ngồi xuống ghế và chăm chú xem phim chừng hai mươi phút, sau đó đứng dậy vào nhà vệ sinh nam. Ông ta định vị một lỗ thông gió rồi không mấy khó khăn, nhấc lưới sắt lên và thò tay vào bên trong. Ông lôi ra một gói được phủ bằng hoá chất xenlophan và giấu vào bên trong áo vest. Sau đó, Peter dây chiếc lưới sắt lại như cũ và rời khỏi nhà vệ sinh, không quên giặt nước bồn cầu cho giống. Khi đã ra ngoài đường, ông ta khéo léo để lại một dấu hiệu báo rằng thư đã được lấy khỏi hộp thư chết và lên xe buýt trở về Catford.

Dưới cặp mắt hấp háy vì tò mò của Helen, Peter gỡ bỏ phong bì phủ xenlophan, để lộ một túi da lớn. Không tìm thấy gì trong các ngăn, ông ta lấy một con dao nhỏ dọc theo đường may. Cuối cùng, ông ta lôi ra một cặp hộ chiếu do chính phủ Canada cấp còn mới nguyên. Một chiếc đề tên Thomas Janes Wilson có dán ảnh của Peter, chiếc còn lại đề tên Mary Jane Smith với ảnh của Helen. Hai người không quên ký tên lên tài liệu.

Đi kèm với hai tấm hộ chiếu là một chỉ thị, theo đó là một cuộc hẹn vào ngày 10 tháng 4. Vợ chồng Kroger, hay nói đúng hơn là ông Wilson bà cô Smith sẽ phải đi tàu hoả tới Ostende, rồi từ đó tiếp tục lên tàu hoả tới Paris. Ở Paris họ sẽ tới trạm xe điện ngầm Pyramide vào lúc mười bảy giờ để bắt nối với sĩ quan chỉ huy mới của họ. Mọi phương thức liên lạc sẽ diễn ra như ở Luân Đôn, Peter ngậm tẩu và nhét cuốn tạp chí Le Figaro cuộn tròn trong túi áo phải, còn người liên lạc cũng sẽ nguy trang như đã định, trừ một điểm là trong mặt khẩu nhận dạng, từ "Paris" sẽ được thay bằng từ Varsava.

Trước khi tới thời điểm hẹn, vợ chồng Kroger ráo riết làm việc để thu được những kết quả để báo cáo trong buổi gặp đầu tiên. Helen kết thân được với gia đình một Mục sư Đạo Tin lành. Mục sư St.Clement đã gửi giúp họ một thư bảo đảm, nhờ đó họ nhận được sự tin cậy từ phía Ngân hàng, vợ chồng Kroger mở được một tài khoản tại chi nhánh ở Strand. Vị giám đốc này cũng giúp họ chọn một luật sư giỏi và một cố vấn về thuế.

Vợ chồng Kroger không cảm thấy ngạc nhiên chút nào khi gặp lại Ben tại cuộc hẹn ở Paris. Dẫu có thể là việc chạm trán với Ben ở trạm tàu điện ngầm này chỉ là ngẫu nhiên, song lý do để khẳng định Ben là người họ cần gặp chính là tờ tạp chí Life ở tay trái. Đúng theo chỉ thị, Peter đưa ra câu mật khẩu: "Tôi tin là chúng ta đã từng gặp nhau ở Varsava tháng năm vừa rồi" và nghe Ben trả lời: "... ở Roma".

Cả Peter và Helene đều tự hỏi nhau rằng tại sao Ben không báo trước là anh ta sẽ gặp họ ở Luân Đôn, song những câu trả lời đã hiển nhiên trước mắt. Thứ nhất, về lý do an ninh họ không được phép biết đó là Ben, cũng như việc họ không thể nào xác định được tên thật của anh ta. Thứ hai, để nâng cao tinh thần cảnh giác, họ không bao giờ được có cảm giác bình yên và được bảo vệ khi đang làm nhiệm vụ ở nước ngoài. Thứ ba, lúc nào cũng có thể có những thay đổi vào phút chót, và trong trường hợp đó, họ chỉ còn biết chung hững khi gặp người thay thế.

Cũng giống như mọi nhân viên tình báo mà chúng ta từng gặp, Ben hoạt động với nhiều căn cước giả. Tên thật của anh ta là Konon Trofinovitch Molody, song trong bộ hồ sơ số 13676, anh ta lại lấy tên là Perfilier. Võ bọc của Ben ở Anh quốc là Gordon Arnold Lonsdale. Chúng ta thì biết anh ta với tư cách là Ben, trong khi Ben lại làm việc với vợ chồng Kroger bằng biệt hiệu Arnie.

Molody là con trai một giáo sư người Nga, nhưng suốt thời thơ ấu anh ta ở với một người họ hàng tại California, nơi anh ta học tiếng Anh với một năng khiếu bẩm sinh. Trở về nước Nga ngay trước khi chế độ độc tài Hitler sụp đổ Molody tham gia vào hàng ngũ Hồng quân rồi sau đó được luân chuyển vào Cơ quan tình báo.

Đối với vợ chồng Kroger, câu hỏi số một lúc này là muốn biết những cố gắng du nhập vào lối sống tại địa bàn Luân Đôn của mình như thế nào, nhưng Peter cũng có mối bận tâm riêng. Mẹ ông ta, Herschel vừa mới qua đời, và Peter muốn được liên lạc với bố. Ben đảm bảo rằng thư của Peter sẽ được gửi tới New York qua Mark (Rudoly Abel). Đối với công việc kinh doanh, Ben cũng hứa với vợ chồng Kroger rằng sẽ hạn chế các khoản chi phí của họ xuống mức tối thiểu.

Anh ta còn đưa cho họ các địa chỉ tại Paris và Viesne để họ có thể gửi các tài liệu viết bằng mực bí mật.

Bắt chắp những nhu cầu cá nhân đậm bạc, chi phí cho công tác của vợ chồng Kroger vẫn đội lên hàng tháng. Tránh tình trạng viết quá nhiều séc, Trung tâm quyết định cung cấp tiền mặt cho họ. Helen nhận được một bức điện vô tuyến đề nghị đi máy bay tới Berne để nhận một bưu phẩm gửi từ Matxcova. Song bà ta bị ốm và Peter phải đi thay. Lần này, thay vì lấy thư ông ta phải đưa ra dấu hiệu nhận dạng để nhận bưu phẩm trao tay. Người liên lạc có nói rằng bưu phẩm có chứa tiền và họ đã nguy trang, việc qua mặt hải quan sẽ chẳng khó khăn gì.

Trở về khách sạn ở Berne, Peter mở gói bưu phẩm. Vật “nguy trang” khiến ông ta bật cười. Đó là một chiếc nịt bụng của phụ nữ, cỡ nhỏ, màu hồng. Tiền giấy được giấu khéo léo vào đường may bên trong. Dĩ nhiên là với Helen, bà ta chỉ cần mặc chiếc nịt này vào người và để dàng qua mặt hải quan. Nhưng Peter thì phải làm sao bây giờ?

Nếu để mở toang chiếc nịt bụng ra ngoài thì ai cũng nhìn thấy tiền được giấu bên trong. Xếp vào vai cũng không ổn vì nếu khai là quà cho vợ sẽ bị hải quan nghi ngờ, vì trên sản phẩm chẳng có hàng hoá cũng như nhãn ghi giá. Hơn nữa nếu đây là quà của chồng tặng vợ thì quả là nực cười, vì chẳng ai lại tặng thứ đồ đó cả. Peter rốt cuộc cũng chẳng tìm được giải pháp nào hơn là... mặc nó vào người.

Không chần chừ, Peter cởi quần dài ra và cầm chiếc nịt bụng lên, kéo căng ra hết cỡ, ông ta tròng qua tay trái, kéo qua khuỷu tay rồi tròng luôn tay phải vào. Uốn éo vặn vẹo y hệt một vũ công nhảy điệu rung vai (simi), ông ta cố gắng kéo chiếc nịt bụng qua đầu. Nhưng chất vải chun rất chặt khiến cho Peter không thể nào tròng chiếc nịt bụng qua đầu được. Peter cố dùng sức, ép sái chiếc nịt bụng qua mặt đến mức suýt nữa thì ngộp thở. Kéo ra khỏi mặt, Peter loay hoay cách khác. Ông ta tròng hai chân vào trong chiếc nịt bụng rồi cố gắng kéo lên trên bụng từng chút một. Song dầu có hì hục cách nào thì chiếc nịt cũng không thể vượt qua đầu gối. Cực chẳng đã, Peter lại phải tháo ra.

Cuối cùng, Peter nghĩ ra một cách. Ông ta cắt một bên nịt, rồi tròng vào bụng. Sau đó, ông ta quay chỗ cắt ra phía sau lưng và cột lại bằng một sợi dây. Tiếp theo, Peter mặc lại quần dài, khoác áo sơ mi vào kéo chặt thắt lưng lại. Nhìn vào gương Peter không thấy có gì bất ổn, duy chỉ có thứ phục trang kỳ cục bên trong khiến ông ta cảm thấy hết sức khó chịu vì nó cứ thít chặt vào người. Sau khi mọi việc xong xuôi, Peter lên đường trở về nhà.

Tiền được dùng để trang trải cho những chi tiêu cá nhân và các hoạt động kinh doanh: Họ phải mua sách, trả tiền quảng cáo và thông báo, và cuối cùng một catalogue mang thương hiệu Peter J.Kroger đã được gửi đi hầu khắp thế giới. Đơn đặt hàng tới tấp. Một mình Peter thương thảo, soạn hoá đơn rồi đóng kiện sách, và cũng tự tay mang tới bưu điện để gửi đi. Công việc có vẻ rất tiến triển. Dù chưa đủ bù đắp các chi phí đã bỏ ra, song cửa hàng đã trở nên có tiếng và được nhiều người tin cậy. Peter còn hy vọng có thể một ngày nào đó mình có chân trong Hiệp hội Sách cũ bán chạy nhất. Trong cái xã hội quân chủ vốn mê đắm bởi những nghi thức và thứ bậc này thì một vinh dự như vậy thật là đáng giá.

Còn một nhiệm vụ quan trọng nữa: mua nhà. Cũng đã đến lúc nghĩ tới chuyện bà giáo sư trở về nhà mình ở Catford. Sau một thời gian tích cực tìm kiếm, vợ chồng Kroger cũng phát hiện ra một địa điểm rất lý tưởng cho hoạt động tình báo. Đó là một ngôi nhà nông thôn sơn màu trắng rất đẹp, tọa lạc trên một con phố yên tĩnh mang tên Ruislip thuộc vùng Middlesex, khu ngoại ô trung lưu với cảnh trí tráng lệ, cách Luân Đôn chừng mười kilômét. Ở đó tập trung phần lớn là người nước ngoài. Nhà số 45 ở cuối con hẻm Cranley Drive; có một gác xép với các cửa sổ hình tròn, mở ra trước mặt là không gian thoáng đãng, còn phía sau nhà là một khoảng đất nhỏ để nghỉ ngơi. Cranley Drive là một ngõ cụt, có các hàng rào gỗ bao quanh. Lối vào này trở nên hết sức kín đáo.

Vẫn còn một tiện ích nữa. Ngôi nhà nằm kề bên căn cứ không quân số 3 của Mỹ. Quả là một nơi lý tưởng để nhận và phát các tin qua radio, bởi vì âm thanh sẽ bị chìm lấp vào tiếng máy bay mỗi khi hạ cánh hoặc cất cánh.

Vợ chồng Kroger quyết định mua lại ngôi nhà này với mức giá là 4.200 bảng Anh dưới dạng

trả góp để tránh những nghi ngờ không cần thiết về tình hình tài chính của họ. Rồi hai người bắt tay vào tân trang nhà cửa theo sở thích của mình mà không cần để ý đến những phí tổn. Họ mua đồ nội thất, chạy lại đường dây điện, gia cố thêm các cửa chính đằng trước và sau nhà bằng gỗ sồi và lắp thêm chốt cửa. Kể cả các cửa sổ cũng được bố trí thêm chốt, chuyển sách từ cửa hàng về thư viện nhà và đóng thêm chiếc thang lên gác xép.

Họ giải thích với hàng xóm rằng cần phải cẩn thận như vậy để bảo vệ các cuốn sách cũ quý hiếm.

Vậy là giai đoạn đầu tiên của điệp vụ Luân Đôn đã hoàn tất - giai đoạn làm quen phong thổ và hợp pháp hoá công tác. Mùa xuân năm 1956, thời khắc bắt đầu giai đoạn 2 đã điểm.



## ĐIỆP VỤ LUÂN ĐÔN (II)

**T**rong khi cuộc sống của vợ chồng Kroger đang dần ổn định ở Luân Đôn thì Ben, sĩ quan chỉ huy trực tiếp của họ, cũng tới thủ đô, nhưng bằng một cách riêng.

Tháng 3 năm 1955, sau vài tháng ở Canada, anh ta sang New York ở gần hạm đội America, hướng đi Southampton. Ben sử dụng một hộ chiếu giả do Canada cấp dưới tên Gordon Lonsdale. Sau khi tới thủ đô Anh quốc Ben tham trú vài ngày ở khách sạn, giống như vợ chồng Kroger rồi mới tới Luân Đôn. Tiếp đó, anh ta dọn tới một toà nhà ở khu phố Albany (Albany Street), gần Công viên Regent's. Toà biệt thự mang tên Nhà Trắng thuộc quyền sở hữu của Hiệp hội thể thao Hải ngoại Canada, một tổ chức mà Ben đã từng liên lạc từ lúc còn ở Toronto để hợp thức hoá những bước cuối cùng vỏ bọc của mình. Ý tưởng này thật tiện lợi, bởi vì tổ chức nói trên vô hình chung đã là một đảm bảo đầy sức thuyết phục cho quốc tịch Canada của Ben trong khi tiếp xúc với các tổ chức và cá nhân ở Anh, đồng thời còn tạo điều kiện cho anh ta đến tham dự miễn phí các bản hoà nhạc hay các giải đấu thể thao. Ben hay bây giờ là Lonsdale cũng liên lạc với tổ chức YMCA ở Toronto và đăng ký học một lớp tiếng Trung ở một trường đại học ở Luân Đôn với hy vọng sẽ gặp được các nhà ngoại giao tương lai của Anh quốc ở đó. Vậy là Ben tới Luân Đôn với hành lý, các mối quan hệ và những viễn cảnh vô cùng hấp dẫn.

Tuy nhiên, trong những ngày đầu ở Luân Đôn, Lonsdale không vội vàng triển khai công tác. Y đi du ngoạn khắp Luân Đôn tới thăm điện Buckingham, thăm Albert Hall, Tamise, rồi ghé vào các nhà hàng, tán tỉnh phụ nữ. Nói tóm lại là dành trọn thời gian để tiêu khiển và khám phá mảnh đất mới này.

Mặt tròn, tóc xoăn đen, mắt đen quyến rũ, vốn tiếng Anh hoàn hảo như được sinh ra ở nước Anh, giọng nói nhẹ nhàng, thuyết phục, Lonsdale dễ dàng chiếm lòng tin ở những người bạn mới. Sau cuộc gặp gỡ với vợ chồng Kroger ở Luân Đôn, y không bỏ lỡ cơ hội du lịch Châu Âu một chuyến rồi mới quay lại Luân Đôn vào cuối năm 1955. Mùa thu năm đó, Lonsdale bắt đầu tới lớp học tiếng Trung, đồng thời nhấn nhá triển khai các hoạt động vỏ bọc của mình. Y phát hiện ra là có thể mua hoặc thuê với giá rẻ các máy hát tự động cũ. Từ đó y nảy ra ý định bước vào địa hạt kinh doanh loại hình phân phối hàng hoá tự động. Lonsdale chẳng mấy khó khăn khi tạo sự tin tưởng ở một nhân vật mang tên Peter Ayres và người này đã giới thiệu y với các doanh nhân khác. Chưa đầy một năm sau, họ đã nhất trí bầu Gordon Lonsdale là Giám đốc của công ty phân phối hàng hoá tự động do họ góp vốn. Công ty này nằm ở Broadstairs, một thành phố nằm ở bờ phía Đông hạt Kent. Công ty này chuyên sản xuất và cung cấp gồm tấy.

Thời điểm này khi mà vợ chồng Kroger đã dần ổn định cuộc sống và sẵn sàng hành động các cuộc hẹn cũng được bắt đầu. Cả ba sẵn sàng hành động, các cuộc hẹn cũng được bắt đầu. Cả ba gặp nhau tại nhà hàng, Lyon's Corner House, nơi mà vợ chồng Kroger đã từng ăn tối hôm đầu tiên tới Luân Đôn. Thái độ của Lonsdale khá cởi mở, thậm chí còn có vẻ nồng nhiệt. Y giải thích với hai đồng sự rằng cách thức tiếp cận tại một địa điểm đông người như thế này rất có lợi cho yêu cầu nguy trang. Nhưng buổi họp cũng không đạt nhiều kết quả, Peter chỉ lo lắng hỏi thăm sức khoẻ của cha mình. Biết được tình trạng ông già ngày càng sa sút, Peter hoài công xin được trở lại New York để thăm cha. Và mặc dù Lonsdale từ chối, Peter cứ khẳng khẳng được trở về, dầu có phải hoá trang kỹ lưỡng, thậm chí là phẫu thuật thẩm mỹ cũng được. Lonsdale buộc phải giải thích với ông ta rằng con đường trở về Mỹ đã khép lại với Peter, và dù ông ta có thay hình đổi dạng thế nào chẳng nữa thì FBI vẫn phát hiện ra. Rốt cuộc, Peter đành bằng lòng với lời hứa rằng Mark sẽ chuyển thư của ông ta tới cha mình. Song Harry Cohen cũng từ giã cõi đời vào tháng 12 của năm 1955 ấy.

Một vụ trao đổi chớp nhoáng diễn ra trong cuộc gặp đó. Peter nhận một chiếc túi có chứa một máy phôtô thu nhỏ, và đổi lại Lonsdale cũng được một cái túi y hệt, bên trong là một cái bánh gatô được bọc bởi một lớp giấy da. Nội dung trên tờ giấy này là một bản đánh giá cá nhân viết bằng mực bí mật liên quan tới một nhân vật mà Peter tin rằng có khả năng sẽ trở thành một hội viên mới.

— Ông ta cũng kinh doanh sách giống tôi - Peter giải thích.

— Vậy sao, có vẻ đây là một tay chuyên nghiệp. Và cũng không loại trừ khả năng y đang dò la về ông cũng như ông thăm dò y vậy.

— Cũng có thể - Peter cất giọng rề rà - Chỉ có điều ông ta bảo tôi là cựu nhân viên của MI6 và có rất nhiều bạn ở tổ chức này cũng như ở MI5.

— Tốt thôi - Lonsdale kết luận rồi đưa mắt nhìn quanh. Tôi sẽ xem xét trường hợp này. Song trong lúc chờ đợi ông hãy cố gắng làm tốt công việc của mình.

Cuộc đàm thoại chuyển sang chủ đề về ngôi nhà mới Cranley Drive. Vợ chồng Kroger đã hoàn tất việc sửa sang nhà cửa và bắt đầu qua lại với cộng đồng nhỏ bé ở xung quanh. Trong mắt những người hàng xóm, Peter là một người thân thiện, dễ gần với dáng vẻ mô phạm, mái tóc bạc, chiếc tẩu và áo choàng thường trực và suốt ngày chúm đầu vào đồng sách cũ; còn Helen lại quyến rũ những người láng giềng với những chiếc quần sọc đỏ chói với cốc rượu gin không rời khỏi tay và những lời châm chọc sâu cay với chất giọng khàn khàn đặc trưng. Lũ trẻ gọi bà ta là “bác Helen”. Đã đến lúc phải can thiệp tới những nhân vật có thật thay vì những con người tưởng tượng, và cũng đến lúc bắt đầu công việc. Lonsdale báo trước là y sẽ tới thăm nhà vợ chồng Kroger.

Lonsdale chọn thời điểm nửa đêm. Y đậu xe ở con phố bên cạnh rồi thận trọng đi vào trong ngõ, nhẹ nhàng gõ cửa trong bóng tối. Chủ nhà mở then cài, mở khoá và thanh chắn bảo hiểm rồi mời khách vào. Sau khi hạ bức rèm xuống, chủ nhà bật đèn và đưa khách đi thăm các phòng. Tiếp đó, chủ và khách dừng lại ở bếp để uống cà phê và bàn chuyện. Việc kiểm tra các phòng cũng giống như mục đích của chuyến viếng thăm này, đó là làm sao tìm được một địa điểm thích hợp nhất để lắp một chiếc máy phát thanh. Helen đề xuất để trên gác xép, song Lonsdale từ chối vì sợ lộ. Sau một hồi suy nghĩ, ánh mắt y dừng lại ở sau bếp.

— Tại sao không phải chỗ này?

— Chỗ nào cơ? - Helen hỏi lại.

— Tại đây. Vâng, chính là căn bếp này - Lonsdale trả lời - Chúng ta có thể đào móng lên, đổ đất ra sau vườn rồi trát xi măng xung quanh, vậy là có một lỗ hổng để đặt đài phát thanh.

— Nhưng làm sao chúng tôi có thể chui xuống đó được. Người ngoài nhìn vào sẽ biết ngay. Tôi thấy chẳng hợp lý chút nào.

— Không hẳn - Lonsdale trả lời - Chúng ta có thể lắp một cánh cửa ở đó.

— Vậy thì trông nó chẳng khác gì một căn phòng, mà làm sao nguy trang được cánh cửa này chứ?

— Khi đã lắp xong cánh cửa, chúng ta sẽ trải một tấm nhựa lát sàn nhà lên trên và như thế, cánh cửa ở phía dưới sẽ không bị phát hiện.

— Tôi nghĩ là có vẻ ổn đấy - Peter nhận xét.

Lonsdale tiếp tục:

— Và chúng ta sẽ đặt chiếc tủ lạnh lên phía trên và nó sẽ bảo vệ cánh cửa phía dưới phần lớn thời gian.

Peter vẫn còn băn khoăn một điều:

— Thế ăngten thì sao? Phải lắp phía trên tủ lạnh à?

— Không hề, chúng tôi có trong tay một loại ăngten hiện đại. Nó có khả năng đàn hồi. Ông đặt nó vào trong một cuộn giấy và sau khi đã sử dụng xong, chỉ cần bấm nút một cái. Thế là... hấp! Nó sẽ tự động cuộn lại.

— Anh đúng là một kẻ xảo quyệt tinh ranh, Helen cười.

Công việc lắp đặt được tiến hành ngay sau đó với nhiều dụng cụ có trong nhà: một cái nhô đinh, một cái rìu để nạy sàn bếp, một chiếc xẻng để xúc đất vụn ra ngoài vườn. Tinh mơ, công việc mới kết thúc và cũng là lúc Lonsdale phải đi. Nhưng các buổi tối sau đó, y tiếp tục ghé qua cho đến khi công trình hoàn tất. Công việc được thực hiện với tốc độ chóng mặt vì chủ nhà lo

ngại những cuộc viếng thăm bất chợt của hàng xóm. Chẳng bao lâu, vợ chồng Kroger đã có một căn hầm thực sự trong bếp kèm theo đó là một đồng đất lớn để trồng hoa ngoài vườn.

Sau đó, Peter vội vã tới Bruxelles để giao sách cho “đối tác”. Người này tên là Gueorgui Mikailovich Sokolov (không phải là Youri Sokolov, thường được biết tới với mật danh Claude). Họ gặp nhau ở Trung tâm triển lãm vào năm 1957, thời điểm mà quan hệ giữa Mỹ và Nga đã bớt căng thẳng. Peter và Sokolov chào hỏi nhau rồi mỗi người một đường đi thăm các phòng trong nhà triển lãm. Một giờ sau, họ lại gặp nhau tại một con phố gần Nhà ga. Trong khi cùng hút thuốc và tán gẫu, họ kín đáo trao đổi hai chiếc vali giống hệt nhau đặt trên vỉa hè.

Trong cuộc gặp gỡ này, Sokolov phải thông báo với Peter rằng Mark (Abel) đã bị bắt ở New York. Chính đối tác của anh ta, Reino Hayhanen là thủ phạm. Reino Hayhanen tới New York năm 1952 với một hộ chiếu giả, nhiệm vụ là thay thế vị trí mà vợ chồng Cohen bỏ lại. Nhưng kể từ khi Reino bắt liên lạc với Mark thì cũng là thời điểm mà y xuống dốc. Suốt ngày ngập trong rượu, gây gỗ với vợ, không còn khả năng xây dựng một vỏ bọc hợp lý, không còn khả năng sử dụng chuẩn tiếng Anh. Hơn thế còn tiêu xài hoang phí và thường xuyên vướng phải tai nạn xe cộ - quả là thảm kịch. Matxcova gọi y về, lấy cớ là thăng chức và cho đi nghỉ dưỡng, song y đã đoán được số phận của mình. Tìm đường về nước, y đã bắt liên lạc với những nhân viên người Nga ở Paris, như thế là đã nhận được lệnh. Song ngay sau đó, y đến thẳng Đại sứ quán Mỹ và khai hết mọi chuyện. Được trở lại New York, y đã chỉ cho FBI địa chỉ studio nơi Mark làm việc ở Brooklyn Heights. Tháng 5 năm 1957, FBI phát hiện ra Mark, theo sát nhưng rồi để sống con mèo. Lần thứ hai, tức là vào tháng 6 cùng năm, FBI đã thành công. Mark bị bắt trước cửa khách sạn Lathal trong khu Manhattan.

Vô cùng sùng sốt Peter tuyên bố rằng có biết vài người ở New York, và họ biết cách xử lý trường hợp của Hayhanen. Song Sokolov cảnh báo rằng chưa nên tính chuyện trả thù kẻ phản bội vội vì hắn đang được FBI bảo vệ kỹ càng. Nhưng định mệnh cũng không buông tha tên phản trắc: hắn chết vì tai nạn giao thông ít lâu sau. Có một điều mà Sokolov không biết, đó là FBI đã thu được chứng cứ về hoạt động tình báo của ông ta qua vụ Mark. Trong số đó có hai tờ khai lý lịch lấy tên Emil Goldfus và Martin Collins, một tập tiền giấy mệnh giá 20 và 50 USD, những đồng xu 5 cent, một cây bút chì rỗng, những thước phim thu nhỏ, các tín hiệu mật mã và cả một con dấu.

Ngoài ra còn có ba tờ tài liệu vô cùng quan trọng mà người chỉ huy tình báo chưa kịp thu tiêu. Một tờ ghi rõ ngày giờ, địa điểm và mật khẩu cho một cuộc gặp bí mật. “Balamora, Avenida Oberon, mười lăm giờ, cửa kính bên trái lối vào. “Bộ phim này hay chứ hả?” L: “Vâng, ông có hứng thú coi không, ông Brand?”. L ngậm tẩu và cầm một cuốn sách bìa đỏ bên tay trái.

Một tờ tài liệu khác lại chỉ rõ địa điểm, nơi để lại dấu hiệu như một cách thức thông tin thay cho gặp gỡ cá nhân:

“Ở Mex. Chữ “T” trên chiếc cột đối diện nhà số 191 Đại lộ Chihnaavha (Fonolia Roma), cạnh của cột quay hướng xuống mặt đường. Thứ bảy. Hoặc chủ nhật. Thứ ba. Thứ năm. Trả lời vào thứ hai. Thứ 4. Lúc mười lăm giờ. Balmora”.

Tờ tài liệu thứ ba ghi rõ địa chỉ của hai nhân vật ở Matxcova: ông Vladinec và W.Merkulow.

Chỉ cần 3 tờ tài liệu này là đủ chứng cứ để lập giả thuyết rằng Mark là một điệp viên Xôviết. Ngoài ra còn có những dữ liệu khác thuyết phục hơn nữa: Một phong bì chứa 15.000 USD loại giấy 20 USD và hai bức ảnh đều được phát hiện trong ngăn kéo cá nhân ở Brooklyn. Một trong hai bức ảnh là hình đàn ông có đề ở mặt sau chữ “Morris”. Bức ảnh còn lại là hình phụ nữ cũng ghi “Shirhy” đằng sau. FBI không mất nhiều thời gian có thể nhận ra ngay đó là Morris và Leontine Cohen. Ảnh và vân tay của họ vốn được lưu trữ trong thời gian chiến tranh, nay lại được gửi tới các cơ quan mật vụ ở khắp thế giới.

Trong khi nói chuyện, Sokolov và Peter trao đổi với nhau hai chiếc vali. Vali của Peter không đựng vật gì quý, ngoại trừ vài cuốn sách. Ngược lại, vali của Sokolov chứa một chiếc máy phát thanh hiệu Astra kèm theo bản hướng dẫn sử dụng. Trong khi hầu hết các máy phát thanh thời đó đều cồng kềnh và nặng nề vì sử dụng ống chân không thì chiếc máy hiệu Astra sử dụng động cơ, hình dáng nhỏ gọn và có thể mang vác dễ dàng.

Peter mang chiếc vali trở về phòng ở khách sạn, chẳng cần thiết suy tính gì và lên giường đi ngủ. Lúc nửa đêm, ông ta bị đánh thức dậy bởi một cuộc đổ bộ của cảnh sát: họ đang truy lùng một tội phạm bỏ trốn. Hết sức ôn hòa, Peter trình chứng minh thư và giấy tờ tùy thân rồi trả lời các câu hỏi của cảnh sát. Chẳng mấy khó khăn, Peter giải trình rằng ông ta luôn chấp hành đúng luật và có mặt ở thủ đô Paris vì lý do kinh doanh. Nhưng linh tính mách bảo cho Peter biết rằng vụ lục xét này của cảnh sát chẳng qua là mảnh khoé của cơ quan An ninh Pháp. Peter ra tiền sảnh của khách sạn, ngồi xuống tràng kỷ để quan sát xem liệu cảnh sát có tới các phòng khác không. Đúng là họ có đảo qua các phòng còn lại. Tuy nhiên, Peter cũng nhanh chóng rời khỏi khách sạn ngay từ tảng sáng và bắt chuyến bay đầu tiên trở về Luân Đôn.

Trở về nhà, Peter gọi cho Lonsdale và nói vài điều về sách vở, nhưng thực chất là cho chỉ huy của mình biết nhiệm vụ đã hoàn thành. Mỗi quan hệ giữa vợ chồng Kroger và Lonsdale càng ngày rộng mở và thường xuyên được lý giải trên cơ sở lợi ích tương hỗ trong hoạt động xuất bản sách.

Tuy nhiên, với kiểu vỏ bọc công khai này, mối quan hệ bè bạn giữa họ càng lúc càng khăng khít, và đó cũng chính là nguy cơ cho điệp vụ đang triển khai

# “NHỮNG NGƯỜI ĐI NGHỈ MÁT”

“Taroussa... Đây là Irbit... Taroussa... Đây là Irbit... Taroussa...”

Một buổi sáng tinh mơ, Matxcova gọi cho vợ chồng Kroger tại ngôi nhà ở ngoại ô Luân Đôn bằng tín hiệu như thế qua radio. Helen đeo tai nghe, tay cầm một chiếc bút chì và một tờ giấy để sẵn trước mặt, sẵn sàng nhận lệnh. Nhưng bà ta sẽ không nghe thấy giọng nói, mà chỉ có những âm thanh mật mã. Thông điệp gửi đến là: “Hãy nhận bức điện vô tuyến này. Số 37, nhóm 6-8” Sau đó là một dãy số. Tiếp theo, tín hiệu lại phát về lần nữa: “Đây là Irbit... Đây là Irbit...”.

Lần truyền tin thứ nhất kết thúc. Hai mươi phút sau, những thông tin đó lại được gửi tới một tần số khác. Helen ghi lại những con số một cách hết sức cẩn thận, vì chỉ cần một sai sót nhỏ là có nguy cơ làm sai lệch toàn bộ quá trình dịch mật mã. Thông điệp kết thúc bằng một yêu cầu phía người thu khẳng định đã nhận đủ tin. Helen trả lời cho phía bên kia biết và nhanh chóng mã hoá toàn bộ thông tin để phòng chúng có thể bị thu lại từ một máy thu vi tính.

Vào thời đó, chiếc máy phát Astra đúng là một kiệt tác về công nghệ, một thiết bị truyền tin tối tân. Helen bắt đầu gõ thông tin vừa nhận lên một dải băng từ tính. Sau đó, chỉ cần nhấn nút, dải băng sẽ tự động mã hoá thông tin với nhịp độ ba trăm từ/phút, tốc độ cho phép vô hiệu hoá mọi khả năng chặn đứng quá trình thu tin. Hệ thống này thu lại tin chuyển từ Matxcova và nhập tin lên băng từ tính vì thông tin thu được không thể nghe bằng tai. Vợ chồng Kroger có một chiếc nồi đựng oxit sắt từ tính để sẵn trong bếp, dùng trong kỹ thuật ghi âm. Đây là một phương pháp tương tự như những thí nghiệm đã từng học trong các giờ vật lý hồi phổ thông một khi ta muốn làm xuất hiện một vùng từ tính bằng một lớp bụi từ tính.

Mật mã thay đổi liên tục qua mỗi lần truyền tin. Helen sử dụng một khối giấy poluya, loại giấy rất dễ cháy. Cách trình bày lên giấy cũng thường xuyên thay đổi, có thể là tên một dòng sông hay tên một loài hoa. Khi máy phát Astra đã hoàn thành sứ mệnh của mình, Matxcova lại cung cấp cho vợ chồng Kroger một chiếc khác với tên gọi “Murphy”. Astra được chôn cẩn thận trong khu vườn sau nhà.

Sau mỗi lần hoàn thành công việc nhận tin, Helen ngắt máy thu, đút nó vào một chiếc túi bằng nhựa rồi giấu nó vào một khoang hổng gần căn hầm đựng đài phát thanh. Khoang hổng này được ngụy trang bằng một tấm ván và một lớp xi măng mỏng. Helen kiểm tra xung quanh, sắp xếp lại mọi thứ và bít khoang hổng. Cánh cửa gỗ che hầm cũng được kéo xuống, chiếc tủ lạnh được đẩy trở về chỗ cũ. Mọi việc hoàn tất, vậy mà sương mù vẫn còn giăng đầy bên ngoài, và nếp sinh hoạt hàng ngày của gia đình lại bắt đầu.

Nhưng Helen vẫn còn việc phải làm. Sau khi đã so sánh hai văn bản thu được và khẳng định chúng giống hệt nhau, bà ta bắt đầu dịch mật mã. Đó quả là một công việc chán ngắt nhưng rất cuộc, một bức điện vô tuyến hoàn chỉnh đã ở trước mặt Lonsdale:

“Mối quan tâm hàng đầu của chúng tôi bây giờ là trung tâm Porton, bởi nó liên quan tới cuộc chiến sinh học. Theo những nguồn tin mà chúng tôi nhận được, một số nhà bác học và chuyên gia người Đức đã trốn khỏi nước Đức năm 1945 và sang Anh cư trú đang kiên trì các hoạt động khủng khiếp của mình: Chuẩn bị cơ sở vật chất cho cuộc chiến tranh sinh - hoá.

Nếu một lúc nào đó các anh có thể đột nhập được vào phòng thí nghiệm của trung tâm Porton, tôi thiết tha mong rằng các anh hãy dành sự chú ý đặc biệt tới một loại vật chất chết người mà họ đang thử nghiệm, mà có lẽ chỉ khoảng hai trăm gam là có thể đầu độc dân cư cả hành tinh này.

Aleksiev”

Helen và Peter ngồi trên ban công tranh luận với nhau về nội dung của bức điện trước khi Peter phải chuyển cho chỉ huy. Thông tin được đánh lại trên một tờ giấy rồi nhét vào bao diêm, sau đó Peter sẽ đem đến một công viên định trước trong thành phố và dán vào một chiếc ghế băng... Ngoài trời mưa bụi, vì thế ông ta bỏ bao diêm vào một chiếc hộp sắt tây trước khi đặt nó vào hộp thư chết.

Sau đó Peter đi xe buýt tới đường Waterloo để lấy tài liệu tại một hộp thư khác. Ở đó chỉ có một mẫu gỗ đã bị mục.

Trở về nhà, ông ta dùng tuốc-nơ-vít cây mẫu gỗ ra. Bên trong rất sạch và không hề bị ẩm nước mưa. Peter lôi ra một tờ giấy khô nguyên. Đó là tài liệu liên quan tới vụ khủng hoảng kênh đào Suez do một cộng tác viên người Anh tên là Baron cung cấp. Vợ chồng Kroger chỉ việc truyền nội dung tài liệu đó qua máy phát thanh tới máy thu Classique của NKVD ở Matxcova. Tài liệu thứ hai lại đề cập tới căn cứ Hải quân Anh ở Portland, nơi mà các nhà nghiên cứu đang tìm kiếm phương pháp do thám các loại tàu ngầm, mìn và ngư lôi. Tài liệu này cũng có được nhờ vào một cộng tác viên người Anh khác, mật danh là Shah. Vì nội dung rất dài, hai vợ chồng Kroger phải thu nhỏ lại và dán vào bên trong một cuốn sách, sau đó gửi tới địa chỉ đã được thoả thuận để cuối cùng tới được Matxcova. Nhiệm vụ mà Helen nhớ nhất trong tất cả các công việc được tổ chức giao thời gian này chính là yêu cầu đặt một chiếc phích tại một điểm cất giấu (căn hầm) ở nghĩa địa Highgate. Bề ngoài, đó là một chiếc bình giữ nhiệt hoàn toàn bình thường dùng để đựng café nóng, nhưng thực chất nó đã được gia cố lại và có thể đặt ở bên trong một chiếc ống nghiệm đựng một loại vi khuẩn lấy được từ phòng thí nghiệm ở Portland. Rất có thể đây là một loại vi khuẩn cực độc. Sau khi được Lonsdale giao cho chiếc bình giữ nhiệt, Helen phải mang tới đặt tại một cái hang nằm gần Highgate, ở đó, một nhân viên mật vụ hoạt động hợp pháp trong Đại sứ quán Nga ở Luân Đôn có thể lấy được và chuyển về Matxcova. Tuy nhiên, khi Helen lái chiếc Ford tới điểm hẹn, bà ta bất chợt nhìn thấy một toán lính đang đi tuần tra ở gần đó cùng với hai chiếc xe cam nhông Studebaker của quân đội đậu bên cạnh. Đây không phải là lần đầu tiên Helen gặp phải trở ngại, và mỗi lần như vậy, bà ta luôn tự hỏi liệu có một nhóm người nào đó đang theo dõi mình hay không. Helen đã từng rơi vào một hoàn cảnh rất tồi tệ lần tới lấy tài liệu tại hộp thư chết ở nghĩa trang Highgate. Đối với nhiều người cộng sản, đây là một địa điểm rất có ý nghĩa, bởi vì Các-Mác được an táng tại nơi này.

Helen dừng xe lại và quan sát hồi lâu toán lính đang đi qua đi lại. Có lẽ chẳng tên nào chú ý tới bà ta. Helen tính toán phải mất chừng một phút để xuống xe, chạy khoảng ba mươi mét tới địa điểm đã định rồi vòng ngược lại. Bà ta định đặt cái túi đựng phích vào đó, song suy đi tính lại, bà quyết định bỏ đi. Biết đâu đó là cái bẫy đang chờ sẵn con mồi hành động là sập ngay xuống.

Hai ngày sau, Helen trở lại chỗ cũ và phát hiện toán lính đã bỏ đi. Sự cảnh giác vốn luôn túc trực trong suy nghĩ của một người điệp viên cứ khôi lại nhắc nhở bà ta về khả năng một họng súng vô hình đang rình rập ở đâu đó. Song Helen vẫn quả quyết xuống xe. Chẳng mấy chốc, bà ta tìm thấy cái hầm, nhanh chóng đặt cái túi vào trong rồi ngụy trang lại bằng một chiếc nắp hầm bằng gỗ. Sau đó, Helen trở lại Luân Đôn và đánh dấu ám hiệu bằng phấn tại một địa điểm đã thoả thuận trước trong thành phố. Để chắc chắn hơn, bà ta gọi điện cho Lonsdale, báo cáo nhiệm vụ đã hoàn thành.

Không thể thống kê hết tất cả các nhiệm vụ mà vợ chồng Kroger đã thực hiện. Chỉ cần nhìn vào thực tế là yêu cầu ngụy trang cho hai trong số các nhiệm vụ của họ - viết mật mã và chụp ảnh - cũng đòi hỏi rất nhiều thời gian và công sức. Nói cụ thể hơn là họ phải luôn đảm bảo cho hoạt động ngụy trang, tức là công việc kinh doanh sách phải suôn sẻ.

Năm 1958, để tiết kiệm tiền thuê nhà, vợ chồng Kroger quyết định đóng cửa văn phòng ở Strand và chuyển toàn bộ sổ sách dự trữ ở đó, chừng hai nghìn quyển về nhà. Qua đường bưu điện, họ phát đi một tờ quảng cáo mới:

Peter J. Kroger

Chuyên mua bán sách cũ. “Đặc sản Mỹ quốc”

Từ Bắc chí Nam.

Các đơn đặt hàng lại được gửi tới. Peter tiếp tục quản lý phân loại và giao sách qua bưu điện. Ông ta thường xuyên giao tiếp với những người bán hàng, qua lại các tiệm sách cũ và trao đổi với các chủ kinh doanh cùng ngành. Peter thực sự thấy hứng thú vì dẫu sao, công việc ngụy trang cũng là công việc đam mê thực sự của ông: Hai nhiệm vụ, hai cuộc đời và hai tính cách.

Trong tài liệu số 13676 mà tôi lấy được có ghi lại những lời đánh giá đầu tiên của Lonsdale

đối với hai vợ chồng Kroger:

“Những người đi nghỉ mát” đã tự giác triển khai nhiều hành động khác nhau để thu thập các tin tức từ Porton và Portland.

“Những người đi nghỉ mát” cũng bỏ nhiều công sức để chọn lựa và tuyển mộ các ứng cử viên. Họ đã bắt liên lạc rất hiệu quả với “Chamber”, một nhân viên làm việc trong quân đội Hoàng gia Anh, cũng như với “Elliot” và “Baron”, cả hai đều là cựu sĩ quan của MI5...

“Những người đi nghỉ mát” không hề phạm bất cứ một sai lầm nào, dù nhỏ nhất, trong suốt quá trình hoạt động tại Anh quốc. Họ cũng không bỏ lỡ một nhiệm vụ nào. Họ cẩn thận với các dụng cụ kỹ thuật để thu tin và biết cách bảo đảm cho các máy móc bí mật dùng trong việc liên lạc với trung tâm.

Ben

13/8/1958”

Bản báo cáo này lập tức nhận được phản hồi từ phía Trung tâm KGB. Tài liệu do đích thân cục trưởng ký:

“Với những thành tích trong công tác ở nước ngoài và với nhiệm vụ đặc biệt vì Tổ quốc Xôviết, tôi yêu cầu hoàn thành các tài liệu cần thiết trước ngày 5/9/1958 để tặng thưởng Huy hiệu Cờ đỏ cho “Những người nghỉ mát”.

A.M.Sakharovsky

17/8/1958”

# SHAH

Khi tung lực lượng bất hợp pháp tới Luân Đôn, Trung tâm tình báo ở Matxcova theo đuổi những mục tiêu vừa chung vừa riêng biệt.

Mục tiêu chung là triển khai một phương thức tình báo không trùng lặp với hoạt động của lực lượng hợp pháp. Không rõ rệt như các sĩ quan quân đội Xôviết, bề ngoài cũng không có sự gắn kết nào với các tổ chức của Nga, không lộ diện trên các mặt trận chính trị. Nói tóm lại là không có gì dính dáng đến nước Nga. Các cán bộ tình báo bất hợp pháp được tuyển lựa để hoàn thành những nhiệm vụ bí mật nhất, có thể là gặp gỡ một “nguồn nhạy cảm” tại một góc phố nào đó, đặt một tài liệu hay một chiếc bình giữ nhiệt nguy hiểm vào hộp thư chết, thu các thông tin qua sóng phát thanh từ Matxcova gửi qua. Họ phải nhanh chóng hoà nhập vào dòng chảy của xã hội nước Anh, phải biết nói thứ tiếng bản xứ giỏi hơn bất kỳ một nhân viên nào trong Đại sứ quán Liên Xô, họ có thể phải “dán chặt tai xuống đất” để thu các tin tức đặc biệt mà các sĩ quan tình báo hợp pháp có khi bỏ qua do phương thức hoạt động hạn chế và lại thường xuyên bị giám sát bởi các lực lượng phản gián. Họ cũng có nhiệm vụ thăm dò các ứng cử viên để tuyển chọn vào lực lượng. Cuối cùng, họ có thể đột nhập như những công binh vào các lĩnh vực và địa hạt không mang tính nhà nước, giống như trường hợp Lonsdale đã theo học một lớp tiếng Trung ở trường Đại học, nơi mà y có thể xây dựng quan hệ với những cán bộ ngoại giao tương lai. Có thể khẳng định rằng những tình báo viên bất hợp pháp chính là mảng tối của các cán bộ hợp pháp.

Về mục tiêu chuyên biệt, họ được phân công hai địa điểm rõ rệt: Phòng thí nghiệm chuyên nghiên cứu các vi sinh vật của Bộ Quốc Phòng, trụ sở đặt tại Porton Downs và căn cứ của Hải quân Hoàng gia ở Portland. Địa điểm đầu tiên nằm trong ngọn đồi của bình nguyên Salisbury, ngay phía dưới là Thành phố Salisbury. Bình nguyên này vốn rất nổi tiếng bởi địa danh Stonehenge. Chúng tôi đã có trong tay chứng cứ về việc đột nhập thành công của nhân viên Liên Xô vào địa điểm này. Mục tiêu thứ hai nằm ở khu Dorset, phía tây nam Luân Đôn, trên bán đảo Portand hướng về Channel. Trong số các cơ quan tại căn cứ Hải quân này cần đặc biệt chú ý tới (AUWE), cơ sở của Bộ tư lệnh Hải quân Hoàng gia, phụ trách nghiên cứu về các loại thiết bị tàu ngầm, một trong các phòng thí nghiệm bí mật nhất của Anh quốc. Các tình báo viên cũng từng đột nhập được vào địa điểm này.

Trung tâm đã nhắm được một nhân viên của AUWE, một người đàn ông bé nhỏ, hói đầu, hai má phính phính, có một giọng nói khá hay và một niềm đam mê thái quá đối với các loại đồ uống mạnh, tên là Harry Houghton. Khoảng thời gian năm 1956, anh ta được chú ý đến như là đại diện của những nguy cơ chết người trong lĩnh vực an ninh. Sau khi đã cống hiến hơn hai mươi năm công tác tận tụy trong lực lượng Hải quân Hoàng gia, anh ta đã trở thành công chức bình thường từ năm 1950 và bắt đầu cuộc sống suy đồi trong thế giới của các điệp viên. Hoạt động ở Varsava với tư cách là thư ký cho tùy viên Hải quân Anh, anh ta thường xuyên uống rượu và theo đuổi các bóng hồng, giống hệt những người nước ngoài đang chết dần vì buồn chán ở đó. Nhưng khác với những kẻ bê tha ấy cuộc sống của anh ta lại có vẻ sung túc hơn hẳn. Herry tham gia vào các phi vụ buôn lậu cà phê và thuốc penicilin tại chợ đen và đàn đúm với một nhân vật bí hiểm nào đó luôn quan tâm tới công việc cụ thể của anh ta.

Tiếng Anh của người này khá chuẩn, song không giống với cách phát âm của người Anh chính hiệu. Vì vậy Harry mới đầu lầm tưởng rằng y là nhân viên của CIA. Thực chất, y hoạt động cho các tổ chức tình báo Ba Lan. Rất nhanh chóng, Harry cung cấp cho y những tài liệu mật với điều kiện là có tiền thưởng. Năm 1952, sáu tháng trước khi hết hạn hợp đồng, Harry bị trả về Luân Đôn cùng với bà vợ bị bệnh tâm thần. Sau đó, không hiểu sao anh ta lại xin được làm nhân viên trong văn phòng của (AUWE) với những công việc thuộc hàng “tối mật”. Tại đây, hai năm sau, Harry gặp Ethel Gee, một nữ nhân viên trẻ tuổi với mái tóc xoăn đen và cặp mắt ẩn chứa nhiều bí ẩn. Tên thân mật của nhân vật này là “Bunty”. Cô ta làm việc tại một căn phòng lớn, ngay cạnh một chiếc tủ đựng các loại tài liệu - đó là các bản báo cáo thực nghiệm của lực lượng Hải quân cũng như sơ đồ bản vẽ của rất nhiều phát minh và dụng cụ của AUWE.



Những thói quen của Harry vẫn không hề thay đổi: tạp chí Playboy chuyên chụp ảnh các cô gái khoả thân tuổi mười lăm và mối quan hệ với cô con gái bốn mươi tuổi của một ông thợ rèn. Mục đích của Harry là moi tiền từ song thân đã già yếu của cô này. Chẳng khác gì một que diêm cháy ở gần một đồng bụi nhùi rơm, Harry và Bunty ngập chìm trong các cuộc truy hoan vô độ, tiêu xài phung phí để thoả mãn thú vui của cả hai. Mối tình của họ không những đẩy người vợ đã chung sống từ mười lăm năm nay của Harry, Peggy đến quyết định ly dị chồng, mà còn là nguyên nhân đẩy hai kẻ sa đọa đến với cơ quan tình báo Xôviết.

Mệnh lệnh đặt ra cho Lonsdale là thiết lập quan hệ với nhân vật này. Mặc dù vào đầu năm 1957, Harry đã bị cách chức khỏi vị trí ở AUWE do thiếu năng lực và thuyên chuyển tới ủy ban phụ trợ ở vịnh Weymouth cách không xa Portland, song y vẫn là miếng mồi hấp dẫn đối với cơ quan tình báo Xôviết. Công việc của y lúc này gần giống với Bunty, có trách nhiệm lưu trữ tất cả các văn bản và tài liệu của ủy ban. Trong khi đó, vị trí của Bunty lại quan trọng hơn khi cô ta trở thành trưởng phòng ở AUWE, nhưng vẫn hoàn toàn lệ thuộc vào Harry. Một cách hết sức khéo léo, họ kết hợp với nhau và qua đó có thể cung cấp cho KGB tất cả các tài liệu liên quan tới công nghệ tàu ngầm của Anh.

Phương pháp được lựa chọn có tên là “Điệp vụ cò giả”. Harry luôn bị sự câu thúc về tiền bạc ám ảnh, và có thể làm mọi việc để có tiền, thói nghiện rượu đã ngốn phần lớn tiền lương của y, và y còn phải thanh toán cho các buổi dạ tiệc, các trò tiêu khiển và mua sắm đồ. Nhưng đằng sau tất cả những tật xấu đó, y vẫn luôn ý thức mình là người yêu nước đã từng chạm trán với những cuộc đụng độ khốc liệt trên biển, đã từng tham gia trong các binh đoàn ở Bắc cực hay Địa trung hải thời chiến tranh, từng chịu bom đạn và ngư lôi để bảo vệ Hoàng gia. Vì vậy, tốt nhất là nên tiếp cận với y trong vỏ bọc của một đồng minh, một người bạn Mỹ rất có hứng thú tìm hiểu về chế độ quân chủ quan liêu ở Anh. Giao các bí mật của quốc gia cho một trong số những người bạn vốn là thuộc địa cũ có lẽ cũng chẳng hại đến ai. Thế là Lonsdale gọi điện cho Harry, tự giới thiệu là chỉ huy Alexander Johnson, làm việc tại văn phòng của tùy viên Hải quân Mỹ tại Luân Đôn. Lonsdale quả quyết rằng một người bạn của cả hai vốn là tùy viên thuộc Đại sứ quán Mỹ tại Ba Lan biết y tới Luân Đôn đã nhắc y tìm gặp Houghton. Mọi việc còn lại dễ dàng chẳng khác gì “Bò với một thằng đàn”. “Viên chỉ huy Johnson” tới gặp Harry tại điểm hẹn, vào đề và ngay sau đó, một vụ giao dịch đã được dàn xếp. Kể từ đó, mỗi tháng một lần Harry tới Luân Đôn, mang theo một tập tài liệu bí mật của AUWE (Có khi lên tới ba trăm trang). Đó chính là các bản báo cáo, các bản mật mã của Hải quân Hoàng gia, các bản đánh giá tiềm lực quân sự của Liên Xô và các nước Đông Âu. Nhờ có một khối lượng thông tin khổng lồ như vậy, KGB đã có thể tái hiện lại một bảng số liệu hoàn chỉnh về các trang thiết bị của Hải quân Anh, các cơ quan bí mật cũng như khối quân sự chính trị NATO. Thêm nữa, Harry còn chuyển cho người bạn mới “Alex” của mình rất nhiều các bản kế hoạch và sơ đồ các loại vũ khí được bảo quản chặt chẽ tại chiếc tủ trong văn phòng nơi Bunty đang công tác.

Những tài liệu “nóng” này buộc phải có mặt trở lại chỗ cũ ngay buổi sáng hôm sau. Chính vì vậy, mỗi khi nhận được, Lonsdale để Harry ngồi lại trong tiệm ăn rồi nhanh chóng chạy một mạch tới cuối phố Cranley Drive, nơi đó, vợ chồng Kroger đang đợi y. Chẳng có thời gian để đọc và chọn lựa, họ chụp lại từng trang. Sau đó Lonsdale mang bản gốc về trả lại Harry.

Có lẽ chẳng cần thiết phải nói rằng phương pháp thu thập tin tức bí mật kiểu này là cực kỳ nguy hiểm. Lonsdale luôn lo sợ nguy cơ bị phát hiện và đã nhiều lần thuyết phục Harry chụp ngay tại văn phòng. Y tính toán rằng nếu rời văn phòng với một hoặc hai cuộn phim trong người sẽ ít có nguy cơ hơn là cầm cả một tập giấy. Nếu trong trường hợp bị kiểm tra hay bắt bớ gì thì cũng dễ dàng giải thích hơn. Hoặc giả, nếu Harry muốn, anh ta có thể mang một vài bản về nhà chụp mỗi ngày, như thế sẽ có điều kiện chụp cẩn thận trong suốt một tháng, thay vì vợ chồng Kroger phải chụp qua quýt chỉ trong một đêm. Ngoài ra, việc giao một vài cuộn phim cho viên sĩ quan chỉ cần một cuộc gặp trong khoảnh khắc, trong khi họ phải ngồi với nhau, rồi đợi chờ trong một đêm, rồi lại phải móc nối với người thứ ba trong khi cứ phải ôm khư khư cái túi nặng trĩu.

Song dầu có thuyết phục thế nào thì Harry cũng không chấp nhận kỹ thuật tình báo này. Anh ta không thích chụp ảnh, lấy cớ là không biết sử dụng và từ chối, ngay cả khi Lonsdale đưa cho anh ta một chiếc máy ảnh thu nhỏ hiệu Minox tối tân. Rõ ràng là Harry có lý do của mình: Anh

ta nghĩ rằng việc mang một chiếc máy ảnh như thế vào văn phòng, sẽ không tránh khỏi sự nghi ngờ của nhân viên an ninh. Trên thực tế, việc trà trộn vào để đánh cắp các bí mật nhà nước không đến nỗi nguy hiểm lắm.

Mỗi khi Lonsdale mang bản gốc về trả Harry thì công việc còn lại thuộc về vợ chồng Kroger. Họ đóng kín cửa chính và các cửa sổ, kéo rèm để ngụy trang với hàng xóm rằng không có ai ở nhà. Rồi trong nhiều ngày và đêm liên tiếp, họ tráng phim trong nhà tắm, in ra để sau đó chụp lại bằng cách thu lại thành những chấm rất nhỏ.

Những tiêu điểm tích tụ được chứa đựng toàn bộ những gì mà Harry đã ăn cắp, được giấu trong các cuốn sách, dán vào các trang đã định sẵn hoặc dính vào bên trong bìa sách, thậm chí có thể dấu dưới con tem dán trên phong bì. Kỹ thuật này vốn chưa được biết đến một cách rộng rãi vào thời đó, nhưng cũng kể từ đó nó đã trở thành một yếu tố bắt buộc trong các tiểu thuyết và phim về điệp viên. Đó là một công việc nhàm chán đến khủng khiếp: làm đi làm lại cùng một công việc, giờ này qua giờ khác, ngày này qua ngày khác, kiểm tra đi kiểm tra lại mỗi một công đoạn. Phim vi điểm là một loại phim rất mỏng được phủ một lớp bromua bạc; nó rất bóng và nhẵn, và ở trên đó giao thoa các tiêu điểm chứa những hình ảnh vô cùng nhỏ. Tuy nhiên, chỉ cần một hạt bụi nhỏ lọt vào thấu kính của máy ảnh trong quá trình thu nhỏ, hoặc trên phim lúc tráng và định hình là có thể che khuất hình ảnh và làm sai lệch toàn bộ tiến trình thực hiện. Peter sử dụng một chiếc kính hiển vi lớn để đọc các hình ảnh đã tráng trên phim, kiểm tra tỉ mỉ từng chiếc một để bảo đảm rằng khi chúng được in ra sau khi chụp lại lần thứ hai thì các bản tài liệu, báo cáo hoặc bản vẽ phải hiện lên rất rõ.

Nhưng Matxcova tỏ ra rất hài lòng với các vi điểm. Một phần lớn các thông tin gửi về từ Luân Đôn đã có giá trị tức thì đối với Bộ Quốc phòng. Họ nhanh chóng biết được các hoạt động trên bộ và trên biển của NATO, đồng thời theo sát các bước tiến về lĩnh vực khí tài của Hải quân Hoàng gia. Nhiều sơ đồ và bản vẽ đánh cắp được đã góp phần quan trọng trong việc kiện toàn lực lượng Hải quân Xôviết, việc thiết kế các loại vũ khí và nghiên cứu khoa học.

Những tài liệu đó cũng đóng góp vào chương trình nghiên cứu và sản xuất bom A của Xôviết, đóng góp vào các lĩnh vực khoa học và công nghệ, giúp rút ngắn thời gian nghiên cứu cũng như giảm đáng kể các khoản chi phí trong quá trình chạy đua vũ trang của Liên bang Xôviết.

Trung tâm đặt cho đối tượng cung cấp thông tin từ AUWE một mật danh là Shah. Đây là một kiểu đặt mật danh giúp che giấu hoàn toàn thân phận của điệp viên, bởi vì phải có trí tưởng tượng vô cùng phong phú mới có thể tìm được những điểm chung giữa Harry Houghton với một bạo chúa phương Đông (Sa Hoàng). Nhưng nếu tìm hiểu một chút sẽ thấy từ Shah trong tiếng Nga dùng để chỉ “nước cờ chiếu tướng” trong chơi cờ, và ta có thể tưởng tượng ra rằng trung tâm coi Houghton là một con bài làm thất bại hệ thống an ninh của Hải quân Anh. Còn Buntty được đặt biệt hiệu là Assia, đó là cách nói tắt trong tiếng Nga của rất nhiều họ nổi tiếng trên thế giới như Alexandra, Anastassia, Anna. Cái tên này chẳng ẩn chứa bí mật gì hết. Đó chỉ đơn giản là một cái tên đẹp. Chấm hết.

Lúc đầu, Harry cũng nghi ngờ Alex, như đã từng ngờ vực người đàn ông nói tiếng Anh ở Varsava hồi trước, là một nhân viên CIA. Một ngày nọ, ông ta hỏi Alex. Viên chỉ huy Johnson nhanh chóng phản bác lại, trấn an “đối tác”. Không, y không làm việc cho CIA, mà là một nhân viên của một công ty chuyên ngành của Mỹ về công nghệ tàu ngầm. Sự “thú nhận” này đã làm Harry yên lòng, và lập tức ông ta đề cập tới một cam kết thẳng thắn và rõ ràng: một hợp đồng thuần túy về tiền bạc chứ không dính dáng chút gì chính trị ở đây.

— Thế còn người bạn của anh, Ethel ấy? - Alex hỏi - Cô ta cũng tin là tôi làm việc cho CIA sao?

— Tôi không nghĩ thế - Harry trả lời - Nhưng cũng có thể lắm chứ?

— Sao vậy?

Harry cười lớn:

— Bởi vì tôi không bảo cô ta đưa cho mình cả rame giấy trắng, mà là những tài liệu tuyệt mật của cơ quan.

— Và cô ta đã hỏi anh?

— Tất nhiên.

Lonsdale đánh hơi thấy nguy hiểm. Sự an toàn trong điệp vụ Portland phụ thuộc phần lớn vào mối quan hệ tình ái giữa Harry và Bunty. Nếu Harry ngược đãi người tình hoặc tự Bunty thấy chán ngấy mối tình này, rất có thể cô ta sẽ lật tẩy âm mưu của Harry, mặc dù cô ta cũng sẽ bị kết tội nếu hành động như vậy. Vì thế, sách lược mới bây giờ là phải trấn an mối lo sợ và bảo đảm về vật chất cho đôi tình nhân. Càng được trả nhiều tiền, anh ta sẽ càng có điều kiện chi cho bồ. Lonsdale cũng yêu cầu Harry tiết lộ thẳng thắn cho Ethel biết rằng anh ta chỉ giao tài liệu mật cho một công ty công nghệ tàu ngầm của Mỹ mà thôi.

Nếu như sự tiết lộ này càng làm tăng thêm sự lo âu của Bunty thì Lonsdale vẫn còn thừa thời gian để tuyên bố một sự thật phũ phàng cho Harry biết. Y sẽ nói thẳng rằng mình làm việc cho cơ quan tình báo Xôviết, đó chính là tổ chức KGB đáng sợ, và không quên thêm rằng những hậu quả trầm trọng sẽ xảy ra một khi chính phủ biết được hành động của Harry. Kiểu thuyết phục này được xem là một trong những tiện ích của điệp vụ “cờ giả”.

Nhưng cũng chẳng khác gì Harry, Bunty cũng nhanh chóng chấp nhận việc đánh cắp tài liệu cho một doanh nhân người Mỹ, miễn là y trả hậu hĩnh. Đây hoàn toàn không giống với hoạt động của một người điệp viên. Và cũng chẳng hề phương hại gì đối với an ninh quốc gia hết. Từ đó, cô ta bắt đầu cung cấp những tài liệu còn quý hơn trước nhiều, tìm được một trong những chiếc bình đựng đầy đủ các bản mật mã và các tờ tài liệu viết nguệch ngoạc. Các thông tin viên trong văn phòng được lệnh là tất cả các giấy tờ, sổ má sau khi xử lý xong trong ngày thì phải bỏ vào một chiếc bình để đến tối thì đem đốt tại lò huỷ tài liệu. Bunty đã nghĩ ra cách mang chiếc bình tới lò để đốt nhưng trước khi vứt hết tài liệu vào lò, cô ta giữ lại một số nhét vào túi sách. ưu điểm lớn nhất của chiến thuật này là các giấy tờ ăn cắp được không phải mang trả lại cho AUWE. Và nhờ vào những giấy tờ đó, KGB đã nắm rất chắc phương thức viết thông tin bằng mật mã của Anh.

Điệp vụ Portland đã phát triển tới mức mà Peter và Helen, dù nhiệt tình đến mấy cũng không đủ sức hoàn thành nhiệm vụ. Họ phải bỏ ra ít nhất từ hai đến ba tuần mỗi tháng để xử lý tài liệu do Shah và Assia cung cấp. Việc kinh doanh sách bắt đầu bị ảnh hưởng, quan hệ bạn bè với hàng xóm bị rối loạn, các quy tắc hoạt động cũng bị đảo lộn. Các cuộc viếng thăm của Lonsdale trở nên thường xuyên tới mức hàng xóm không khỏi xầm xì. Helen giới thiệu với họ rằng y là một người bạn Canada, một trong số khách hàng của chồng mình. Hàng xóm cũng chẳng còn lý do gì để nghi ngờ nên mặc nhiên chấp nhận. Để khôi phục lại các mối quan hệ xã hội có nguy cơ bị tổn thương, vợ Chồng Kroger tổ chức nhiều buổi dạ tiệc và họp mặt thân mật sau những ngày làm việc đến kiệt sức trong phòng tối; Peter bảo với khách mời rằng không nên bận tâm đến các chất hoá học để trong nhà tắm, vì chẳng phải vợ ông ta vốn rất say mê chụp ảnh đó sao? Đúng là một cặp vợ chồng dễ thương, hàng xóm nhận xét như vậy.

Nhưng thần kinh của vợ chồng Kroger vẫn tiếp tục bị thử thách ghê gớm, đặc biệt là Peter. Ông ta không những bị suy nhược vì những cố gắng quá sức trong công việc, mà còn vì nỗi buồn khôn nguôi trước cái chết của cha mẹ mình. Điều làm tăng thêm nỗi oán giận của Peter là ông ta biết Lonsdale thì được ưu tiên về nhà, trong khi bản thân ông ta lại bị từ chối, dù chỉ là giây lát đứng ở đầu giường trước khi cha mình mất. Giống như tất cả các công nhân viên chức ở Anh, Lonsdale được công ty cung cấp hàng hoá tự động cho hưởng phép hai tuần, và y không bỏ lỡ cơ hội để ra biển Bắc chơi thuyền buồm cùng với một người bạn của mình. Vào một thời điểm và ở một địa điểm đã định, một chiếc tàu ngầm sẽ nổi lên mặt nước đón y ở bờ rồi đưa y tới Mourmansk. Ở đây y có thể đi thẳng về Matxcova mà chẳng cần thiết phải giấu giếm ý đồ. Sự ưu tiên này là để thưởng cho những thành công rực rỡ mà y mang về từ Anh, trong đó, thật trớ trêu có phần công sức rất lớn của vợ chồng Kroger.

Nhưng hai người họ cũng chưa quên quãng thời gian bốn năm ủ ê dằng dằng chờ việc trước khi được giao nhiệm vụ này, bởi vậy, họ cũng không dám cự lại. Nhưng rốt cuộc thì gánh nặng công việc cũng khiến họ không chịu nổi và buộc phải nói thẳng với chỉ huy. Lonsdale chăm chú lắng nghe, bắt đầu đưa ra các giả thuyết này nọ để cuối cùng nhận ra rằng quả thật hai vợ chồng họ không thể tiếp tục cáng đáng một khối lượng công việc lớn như vậy. Mặc dù vẫn

muốn để việc chụp ảnh và rửa ảnh cùng với các hoạt động tình báo khác tập trung một chỗ tại nhà ở của vợ chồng Kroger ở Cranley Drive, nhưng cuối cùng y cũng phải chịu trách nhiệm một phần công việc. Lonsdale đề nghị y sẽ phụ trách việc chụp ảnh các tài liệu do Shah mang tới, còn các cuộn phim chưa tráng sẽ vẫn chuyển cho vợ chồng Kroger. Việc sắp xếp này giúp họ bớt được việc phải làm đêm mỗi tháng một lần, nhưng thế là tốt rồi. Họ vẫn khẳng định sẽ hoàn tất mọi công việc được giao, song chỉ một chút an ủi dù nhỏ cũng đủ khiến họ thoải mái, vậy là họ đồng ý.

Cũng như thế, Shah, “Vũ khí” bí mật của KGB tiếp tục cung cấp cho Alex các thông tin bí mật liên quan tới AUWE và ủy ban hỗ trợ nơi anh ta làm việc: các bản mật mã, các thông điệp, các dữ liệu do thám tàu ngầm, những bản vẽ cụ thể về các loại khí tài được trang bị cho các tàu chiến của Anh, lịch hoạt động của Hải quân Hoàng gia và các mưu đồ của NATO. Cùng trong thời gian đó, Harry Houghton, một viên chức nhỏ với mức lương còm mười lăm bảng một tuần đã tậu được một chiếc Renault Dauphine cáu cạnh, trang bị đồ nội thất tối tân cho ngôi nhà gỗ ở Vịnh Weymouth và đưa cô bồ Bunty tới các khách sạn xa xỉ như New Inn ở Longmoor, Elm Trê ở Langton hay khách sạn Cumberland ở Luân Đôn để vui chơi, hát hò và tiệc tùng chè chén.

Đó là một mẫu điệp viên mới của Liên Xô. Không còn nhân danh những lý tưởng cao quý nữa, mà đơn giản chỉ vì tiền.

### ^bĐIỆP VIÊN CHỐNG ĐIỆP VIÊN\$

Hoạt động tình báo là một hình thức của phép biện chứng. Trong khi bạn tìm cách đánh cắp bí mật của đối phương thì phía bên kia cũng xoay sở để lấy được các thông tin của bạn. Bạn đánh giá, thăm dò các cơ quan bí mật của họ thì họ cũng làm y như thế với bạn. Bạn gài mật mã, họ phá giải, bạn giải mật mã, họ lại gài tiếp. Khi bạn tìm kiếm, họ che giấu, khi bạn che giấu họ lại tìm kiếm. Chẳng khác gì đèn cù vậy, nhưng một khi có mạng lưới nào đó ngưng hoạt động, tất cả sẽ biến mất. Vòng quay cứ thế xoay chuyển đến chóng mặt. Đến mức mà bạn muốn thoát ra khỏi cuộc đua, muốn dừng lại để nghỉ ngơi đôi chút vì quá mất thăng bằng. Nhưng lực quán tính cứ tiếp tục đẩy bạn đi xa hơn.

Vợ chồng Kroger và Gordon Lonsdale hoạt động suôn sẻ được chừng năm năm, trước khi mọi chuyện trở nên xấu đi. Ban đầu là Lonsdale. Ý sử dụng việc kinh doanh của mình như là một phương tiện qua lại các nước ở Châu Âu để bán hoặc cho thuê máy bán kẹo cao su tự động. Song việc buôn bán chẳng mấy dễ dàng. Các đơn đặt hàng chỉ nhỏ giọt và công ty phải chịu những tổn thất lớn. Bi quan trước thực trạng kinh doanh, Lonsdale đã đưa ra các dự án và viễn cảnh mới. Ông Ayres và các cổ đông khác đồng ý với sáng kiến tiếp tục sản xuất nhiều hơn nữa các máy bán hàng tự động và mua hàng tấn kẹo cao su để mở rộng hơn nữa hoạt động kinh doanh. Một lô hàng lớn chuẩn bị được đánh sang Ý qua đường biển tới các khách hàng. Song chỉ có điều là chẳng ai có nhu cầu mua, hay thuê loại hàng hoá này. Công ty kinh doanh hàng hoá tự động Broastairs chết yểu vào đầu năm 1960.

Nhưng Lonsdale, một con người đầy nhiệt huyết, lại xoay sở từ đầu. Khi mà các loại máy hát tự động hay máy bán kẹo cao su đã đi vào dĩ vãng, y chuyển sang kinh doanh các loại khoá và hệ thống bảo vệ với Công ty Master Switch tại Luân Đôn. Những rủi ro với Broast-Stairs hoá ra vẫn có lợi cho y, bằng chứng là trong suốt thời gian chuẩn bị chuyển sang công việc mới, y vẫn không phải đụng đến tiền của KGB để trang trải các khoản thu nhập bị tổn thất.

Y rời khỏi “Nhà trắng” và thuê một căn hộ nhỏ hơn, sau đó tính chuyện vay tiền bạn bè. Khi Allo Switch, một tập đoàn chuyên cung cấp hệ thống bảo vệ tự động nhận y vào làm việc, y lại quay trở về “Nhà trắng”, căn hộ số 634, trang trải một phần nợ và đổi chiếc Cam nhông cũ lấy một chiếc Studerbaker trắng mới cáu cạnh. Như vậy, nếu nhìn bề ngoài, mọi sinh hoạt cũng như đời sống tinh thần của y vẫn không có gì thay đổi.

Sự cố thứ hai có vẻ nguy hiểm hơn. Các nguồn thông tin từ Mỹ báo cho trung tâm biết rằng FBI đã phát hiện ra một bức ảnh của Leontine và Morris Cohen qua vụ Mark. Điều đó có nghĩa là việc tìm kiếm đôi vợ chồng này đang đi theo chiều hướng tốt. Mọi chuyện có khả năng còn xấu hơn. Trong khi đó, Peter vừa mới thoả được ước mong lấy làm thêm muốn, một niềm vinh dự không chỉ có lợi thêm cho vỏ bọc của ông ta, mà còn đem lại sự kính trọng trong mắt những người xung quanh. Hiệp hội sách cổ đã chính thức nhận ông ta làm thành viên. Tại trung tâm,

Đại tá Dmitri Tarassovs người phụ trách an ninh cho các nhân viên hoạt động bất hợp pháp của KGB, đã yêu cầu rằng tất cả các “Khoảng trống” trong vỏ bọc của vợ chồng Kroger, chẳng hạn như thời gian từ năm 1950 đến năm 1953 lúc họ ở Ba Lan, phải được điền đầy đủ các chi tiết cụ thể để phòng trường hợp họ phải giải thích với nhà chức trách; đồng thời phải thiết lập thêm các vỏ bọc mới để đối phó với khả năng bị bắt bất cứ lúc nào. Hai ngày sau, vào khoảng tháng 10, Trung tướng Sakharovski đã phê chuẩn đề nghị này và ra lệnh xây dựng thêm một kế hoạch cụ thể trong trường hợp vợ chồng Kroger buộc phải hồi hương khi gặp tình huống khẩn cấp. Trước một loạt những hướng dẫn, nào là “Bổ sung tiểu sử”; các vỏ bọc mới và cả một chương trình trốn chạy, vợ chồng Kroger không tránh khỏi áp lực vì mối nguy hiểm đang cận kề.

Linh cảm về khả năng phải chấm dứt hoạt động, họ tự hỏi rằng một khi công việc kết thúc, họ sẽ làm gì đây? Có thể các cơ quan đặc biệt của Liên Xô vẫn tiếp tục cuu mang họ, nhưng cũng không thể tin chắc nào điều này. Họ chẳng hề có một bản hợp đồng hay một lời đảm bảo nào hết. Họ hoàn toàn mù tịt về các loại luật lệ của Liên Bang Xôviết, cũng chẳng biết chính phủ đối xử như thế nào với các cựu nhân viên trước đó. Họ chỉ biết một điều rằng cả hai đang ở vào thời kỳ sung sức nhất, và họ có rất ít cơ hội tìm được công việc có giá ở Matxcova nếu không biết tiếng Nga. Trong suốt quãng thời gian vừa qua, họ chỉ có điều kiện học được vài chữ ở dạng vỡ lòng. Nói tóm lại, họ đã tính đến chuyện phải về hưu.

Hai vợ chồng bày tỏ mối ưu tư với Lonsdale.

— Tổ quốc của chúng ta sẽ không để ông bà chẳng có lấy một mẩu bánh mà ăn đâu - Y trấn an họ.

— Tôi không nói đến chuyện đó - Helen ngắt lời - Điều mà chúng tôi băn khoăn là chẳng có gì chắc chắn trước mặt cả. Chúng tôi chẳng biết mình đang ở đâu.

— Bởi vậy - Peter lên tiếng - Chúng tôi muốn đề nghị với Chính phủ của anh chấp nhận cho chúng tôi là công dân Xôviết. Có cảm giác là với tư cách công dân, chúng tôi sẽ vững tin hơn mà bước tới.

— Họ vẫn cần chúng tôi nữa chứ, Ben? - Helen hỏi.

— Tại sao không? - Lonsdale trả lời - Tôi sẽ chuyển yêu cầu của ông bà tới các đồng chí ở Đại sứ quán ngay hôm nay. Và tôi tin là ông bà sẽ có được câu trả lời hợp lý.

— Vậy thì tốt quá - Peter nói.

— Thế nhé, nhưng đầu sao thì chúng ta cứ phải thận trọng. Ông bà chắc chắn là mọi chuyện ổn cả chứ, không bỏ sót điều gì chứ?... Tôi có mang tới cho ông bà một số kế hoạch mới đây!

Lonsdale đặt lên bàn một chiếc bật lửa hiệu Ronson và một chiếc đèn flash. Vợ chồng Kroger chẳng buồn nghe giải thích: Họ biết rằng bên trong những vật này sẽ là các bản mật mã và các cuộn phim. Trong căn nhà nhỏ của họ đã có cả một bộ sưu tập các hộp thiếc hai ngăn và vô số pin.

Với tư cách là sếp của Cục Tình báo nước ngoài, Sakharovski phê chuẩn lời thỉnh cầu của vợ chồng Kroger. Trong báo cáo trích từ tập hồ sơ số 13676, Sakharovski vẫn sử dụng mật danh mà vợ chồng Kroger đã từng sử dụng khi làm việc tại văn phòng Loubianka:

“Tuyệt mật

Nơi nhận: Chỉ tịch KGB

Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô

Đồng chí Chelepine A.N

Báo cáo

Hai công dân lưu vong quốc tịch Mỹ Luis và Leslie hiện đang làm việc tại Anh quốc với tư cách là nhân viên bất hợp pháp dưới sự chỉ huy của Ben, nhận nhiệm vụ chuyển tin qua Radio. Ngoài các chức năng chính, họ còn thường xuyên giúp đỡ Ben trong việc tuyển chọn mạng lưới tình báo và các công việc khác liên quan tới thu thập và xử lý thông tin bí mật.

Năm 1950, trước nguy cơ bị lộ, họ đã rời khỏi nơi cư trú, bỏ lại gia sản ở New York (Mỹ) và

trốn sang Liên Xô.

Kể từ thời gian đó, Luis và Leslie đã dành trọn cuộc sống của mình cho việc hợp tác với các cơ quan bí mật Xôviết. Mới đây, họ đã gửi tới Ủy ban an ninh quốc gia lời đề nghị được nhập quốc tịch Liên Xô.

Do những khó khăn về tài chính, đề nghị cấp cho họ mức lương 800 rúp/tháng và chuyển đề nghị của họ tới chủ tịch Đoàn chủ tịch Xôviết tối cao Liên Xô.

Kính báo cáo và cho ý kiến chỉ đạo

25/10/1960

A.M.Sakharovski”

Hai ngày sau, Alexandre Chelepine, nhân vật thay thế Ivan Serov làm Chủ tịch KGB từ năm 1958, phê chuẩn bằng bút mực xanh vào bản báo cáo. Tài liệu mật về vợ chồng Kroger lập tức được chuyển lên văn phòng Trung ương Đảng cộng sản Liên Xô, nó lại bị trả về trung tâm sau đó với thông báo như sau:

“Đề nghị của hai nhân viên Cohen là quá sớm. Họ vẫn có thể tiếp tục nguy trang. Khi trở về Liên Xô, chúng tôi sẽ xem xét lại có nên cho nhập quốc tịch hay không

Souslov

2/11/60”.

Mikhail Souslov, thư ký văn phòng Trung ương Đảng, chuyên gia về đối ngoại, đồng thời là Tổng biên tập tờ Pravda vốn là một nhân vật rất cứng rắn.

Trước những linh cảm về lực lượng phản gián rình rập sau gáy, vợ chồng Kroger bắt đầu nghe ngóng các mạng lưới khác. Một trong các bức điện vô tuyến điện mà Helen giải mã được chỉ ra rằng SIS (Cơ quan tình báo đặc biệt của Anh) và CIA (Cục tình báo Trung ương Mỹ) đang cùng nhau thảo ra một tập câu hỏi đặc biệt được gọi là “danh sách giám sát” xung quanh các thông tin về Liên Xô và các nước Đông Âu. Thông điệp được gửi tới cho Lonsdale, người đã từng nhận được một “danh sách” của SIS(!).

Tập câu hỏi được chia làm ba phần. Phần thứ nhất gồm những chủ đề quan trọng: Kinh tế, quân sự, và chiến lược. Sĩ quan tình báo nước ngoài của Anh có thể nghiên cứu những thông tin về mức tăng trưởng kinh tế của Liên Xô về ngành công nghiệp chiến tranh của quốc gia này, về vũ khí, về kế hoạch di chuyển và đóng quân của lực lượng Quân đội Xôviết. Thông tin về các địa điểm phóng tên lửa được đặc biệt yêu cầu. Phần thứ hai gồm các “chủ đề quan trọng”, bao gồm những thay đổi trong cơ cấu và chính sách của chính quyền Xôviết, về những yếu kém trong lĩnh vực công - nông nghiệp của Liên Xô cũng như cuộc sống riêng tư và công việc hàng ngày của các nhà bác học lỗi lạc nhất ở nước Nga. Phần cuối cùng là phần “để phát hiện nếu có thể” và yêu cầu về những thông tin về tên họ, cấp bậc và cá tính của các sĩ quan quân đội nói chung và lực lượng commando hải quân nói riêng. Đối với Lonsdale cũng như với vợ chồng Kroger, những câu hỏi này rõ ràng là dấu hiệu hiển nhiên của một âm mưu thù địch đối với Liên Xô, thậm chí có thể là giai đoạn đầu tiên của quá trình chuẩn bị chiến tranh. Lonsdale gửi tập tài liệu này về Matxcova. Lonsdale và vợ chồng Kroger sử dụng Shah và Assia cùng một số nhân viên khác không rõ tên để theo dõi sát sao lực lượng phản gián Anh. Nhưng lực lượng này còn kiểm soát họ chặt chẽ hơn. Một ngày nọ, Helen thu được một bản thông điệp mà bà ta không thể nào dịch mật mã nổi. Bà ta điện về trung tâm yêu cầu nhắc lại, song nhân viên ở đây trả lời bà ta rằng họ không hề gửi bất cứ thông điệp nào vào thời điểm đó. Nhưng nếu không phải là Trung tâm thì là kẻ nào mà có thể sử dụng tần số đã quy định vào thời điểm đã chọn trước?

# HÀNH ĐỘNG CUỐI CÙNG

Có tiếng gõ cửa trước căn nhà số 45 hẻm Cranley Drive. Lúc ấy là năm giờ ba mươi chiều chủ nhật ngày 7 tháng 1 năm 1961.

Peter Kroger ra mở cửa. Trước mặt ông ta là một người đàn ông béo lùn, mặt đỏ, đầu đội mũ, đáng vẻ thân thiện trong bộ ba đồ xuy.

— Xin lỗi, thưa ông, tôi là sĩ quan cảnh sát đang điều tra một vài vụ trộm vừa mới xảy ra tại nhà hàng xóm của ông. Tôi có thể vào nhà hỏi ông vài điều không?

Peter vẫn luôn là một người lịch sự, đặc biệt là với cảnh sát. Không một lời, cũng chẳng yêu cầu người khách lạ trình thẻ ngành, ông ta nép người lại với vẻ tôn kính, mở bốn lần xích sắt để viên sĩ quan vào nhà. Hai người khác kèm theo một phụ nữ cũng nhanh chóng theo chân y.

Mọi người đi vào phòng khách.

— Em yêu, đến đây một lát được không - Peter gọi - Có ai đó muốn nói chuyện với chúng ta.

Helen xuất hiện, không khỏi lo lắng vì sự việc trước mắt. Vị khách không mời tự giới thiệu:

— Tôi tên là Smith, quản lý của chi nhánh đặc biệt thuộc cảnh sát thành phố. Tôi muốn ông cung cấp cho tôi tên họ và địa chỉ của quý ngài thường xuyên đến thăm ông bà, đặc biệt hơn nữa là luôn đến vào lúc bảy giờ mười lăm phút tối ngày chủ nhật đầu tiên mỗi tháng.

Vợ chồng Kroger im lặng trong khoảnh khắc, một khoảnh khắc dài đằng đẳng. Và rồi bằng vẻ bối rối, họ bắt đầu liệt kê tên họ của các vị hàng xóm và khách hàng, trong đó không hề nhắc tới Gordon Lonsdale. Họ không biết rằng một sĩ quan của chi nhánh đặc biệt thuộc cảnh sát thành phố (nổi tiếng hơn với tên gọi Scotland Yard) một khi đi nhận dạng tội phạm là có quyền bắt những ai từ chối không cung cấp thông tin về đối tượng nghi vấn. Đặc quyền này được giao cho Scotland Yard dựa trên cơ sở luật hoạt động bí mật được soạn thảo từ năm 1889 và sửa đổi hai lần vào những năm 1911 và 1939. Tác giả Arthur Tietjen đã từng mô tả tất cả các chi tiết về vụ bắt giữ dựa theo báo chí thời gian đó.

Quản lý Smith còn được gọi là “Moonraker” đã lựa chọn một mưu mẹo rất đơn giản để vào đề. Y là người rất có kinh nghiệm trong lĩnh vực điệp viên, đã từng đóng vai trò không nhỏ trong các vụ Allan Nunn và Klans Fuchs. Y lắng lẽ ngồi nghe vợ chồng Kroger “tụng kinh”, biết thừa rằng những gì họ đang nói chẳng có gì quan trọng hết. Y đã có sẵn một lệnh bắt giữ gấp cần thận trong túi áo và có thể dễ dàng trưng ra một khi hai vợ chồng nhà kia có ý đồ kháng cự.

Cuối cùng, y tuyên bố rằng họ phải theo y về trụ sở để tiếp tục thẩm vấn. Vậy là vợ chồng Kroger đã bị bắt. Căn nhà gỗ của họ bị lục soát. Mọi thứ đã giấu hết đi chưa? Liệu còn dấu vết nào còn sót lại trong lần tráng phim cuối cùng không? Máy thu đã được giấu trong hầm, các bản mật mã đã đốt còn ôxít sắt để trong nồi. Một cuộn phim vi ảnh cũng đã giấu kỹ trong bếp. Nói tóm lại, ngôi nhà có vẻ hoàn toàn bình thường. Những dòng suy nghĩ này nhảy nhót trong đầu Peter và Helen. Nhưng Helen cũng nghĩ tới một vật khác, đó là chiếc ví của bà ta. Trong đó chỉ có các đồ lễ linh tinh của phụ nữ, song còn có một chiếc phong bì kèm theo một mẫu giấy, một lọ thủy tinh nhỏ và một bức thư bằng tiếng Nga. Trên mảnh giấy đó là danh sách tám con đường, nơi có đặt các hộp thư chết. Trong lọ thủy tinh giấu những tấm phim vi điểm và những bức thư thu nhỏ do vợ của Lonsdale gửi cho bà từ nước Nga. Còn bức thư chính là câu trả lời của Lonsdale mà Peter vẫn chưa kịp thu nhỏ lại để gửi về Matxcova.

Trong đầu Helen lóe ra một sáng kiến. Bà ta hỏi viên sĩ quan về mặt rất ngây thơ:

— Tôi có thể vắng mặt một lúc được không, tôi muốn vào nhà bếp xem cái nồi áp suất có vấn đề gì không.

— Tại sao lại không được nhỉ, bà Kroger - Moonknaker gật đầu đồng ý, về hết sức nhã nhặn - Nhưng trước hết bà có thể cho tôi kiểm tra chiếc sắc tay hay không?

Helen định cầm lấy chiếc sắc, song viên sĩ quan nhanh tay hơn. Y mở nắp chiếc ví và lôi cái phong bì ra. Quên bằng chiếc nồi áp suất, Helen theo người nữ sĩ quan đi vào phòng ngủ để lấy



áo choàng, rồi hai người phụ nữ cùng ra phòng khách. Quản lý Smith đón họ với nụ cười thường trực. Vậy là chẳng còn gì để nói nữa. Vợ chồng Kroger đã đi đến chặng cuối cùng. Điệp vụ huy hoàng của họ ở Anh quốc đã chấm dứt.

Nhưng vợ chồng Kroger lại là những thành viên cuối cùng trong mạng lưới điệp viên ở Portland - như báo chí đã nhanh chóng đặt tên cho nhóm năm người này - bị bắt. Một giờ trước đó, tại Luân Đôn, Moonraker Smith đã chạm trán với Gordon Lonsdale, Harry Houghton và Bunty Gee, khi ba người này gặp nhau trên đường Waterloo để tới điểm hẹn là quán Bar Elephant and Castle. Y chặn đường họ lại và tuyên bố: “Tôi là quản lý Smith của chuyên ngành đặc biệt thuộc cảnh sát thành phố. Các người đã bị bắt”. Ba chiếc xe cảnh sát lập tức có mặt trước quán Bar, mỗi chiếc dành cho một điệp viên. Moonraker ra lệnh: “Giải chúng về trụ sở Scotland”.

Trước đó, những nhóm nhân viên của Scotland Yard vận thường phục đã theo sát Houghton và Bunty Gee khi hai người này lái chiếc xe Renault Dauphine từ Portland tới nhà ga Salisbury, sau đó đi tàu hỏa tới Luân Đôn. Họ tiếp tục đi xe buýt tới ngoại vi nhà hát Old Vic nơi đã hẹn gặp với Lonsdale vào ngày chủ nhật. Những nhóm mật vụ khác lại theo dõi Lonsdale khi y rời khỏi “Nhà Trắng” trên chiếc xe Studebaker trắng quá khổ, đi về hướng Nam để tới cuộc hẹn. Các nhóm theo dõi liên lạc với nhau bằng máy bộ đàm. Có khoảng bốn mươi nhân viên tập trung tại nhà ga Waterloo và phố Lower Marsh để quan sát ba điệp viên nhắc lại một “vở kịch” quen thuộc của những người bạn cũ tình cờ gặp nhau trên phố. Trong lúc ôm hôn Bunty, Lonsdale lấy từ tay cô ta một chiếc túi. Đúng lúc đó, Moonraker phát lệnh tóm gọn cả ba.

Trong cái túi có các bản phôtô của hai trăm ba mươi trang tài liệu về một công trình bí mật, đặc điểm của các loại tàu chiến, trong đó miêu tả cụ thể chiếc Dreadnought, chiếc tàu ngầm đầu tiên của Anh sử dụng lực đẩy hạt nhân. Trong túi còn có ba trăm mười tám phim về những quy chế của Bộ tư lệnh Hải quân, trong đó có nhắc tới những thay đổi về vũ khí của hải quân. Bunty còn mang theo bốn cuốn sách mỏng mô tả các vụ thử nghiệm do thám dưới biển. Trong chiếc túi mà Lonsdale định đưa cho Bunty nhét đầy những ngân phiếu của Anh và Mỹ, bao gồm hai trăm mười lăm bảng và ba trăm USD, chắc chắn là dùng để mua thông tin. Tất cả đều bị Scotland Yard tịch thu và cũng như những vật dụng trong ví Helen, chúng được dùng để làm vật chứng trong vụ xử án vào tháng 3 tại tòa án Old Bailey.

Làm thế nào mà Scotland Yard lại thành công trong việc phá vỡ mạng lưới Porlan? Ai đã “dao động”? Harry, Bunty, Gordon, Peter hay Helen? Thực tế thì chẳng phải ai hết. Tất cả là do một gã người Ba Lan; kẻ muốn tặng cho cơ quan đặc biệt của Mỹ một món quà trước khi gia nhập đội ngũ này. Không phải là Harry với những trận rượu và những cuộc phiêu lưu tình ái tốn kém, cũng không phải là Gordale với các cuộc viếng thăm thường xuyên gia đình Kroger, mà chính là gã - kẻ đã làm sụp đổ cả một mạng lưới.

Nổi tiếng trong hàng ngũ CIA với biệt hiệu là “Heckerschiitze” (Tiếng Đức có nghĩa là “tay bắn tỉa”), gã điệp viên gốc Ba Lan này đã gửi các bức thư chứa đựng những thông tin hết sức hữu hiệu nhằm xác định vị trí của các nhân viên tình báo Xôviết. Tháng 4 năm 1959, gã đã chỉ đích danh một công dân người Anh, nhân viên của Hải quân Hoàng gia Anh, người này đã từng sống ở Ba Lan từ năm 1952, nơi y được tuyển vào cơ quan bí mật Ba lan. MI5 (Cục An ninh nội địa Anh) và MI6 (Cục Tình báo nước ngoài) đã cùng xử lý thông tin này, song cũng xác định chính xác đó là ai. Chúng ta có thể tưởng tượng ở thời nay, nhờ vào máy tính, chỉ cần mất vài phút là có thể giải quyết được vấn đề. Dầu sao thì tháng 3 năm 1960, “Tay bắn tỉa” lại cung cấp thêm các thông tin bổ trợ: người đàn ông đó tên là Huiton, hay là một tên nào đó gần như thế, và tình báo Ba Lan đã “nhượng” y cho KGB. Sau đó, MI5 đã không mấy khó khăn xác định được đó là Harry Houghton hiện đang sống tại Weymouth.

Trong khi kiểm tra lại dữ liệu trong tầng thư, MI5 không khỏi bối rối khi nhận ra rằng vài năm trước đó, vợ của Harry, Pegge đã tiết lộ những thủ đoạn gian ác của chồng mình đối với mạng lưới an ninh Hải quân Porland và khẳng định rằng y đã đánh cắp các tài liệu, thường xuyên gặp một người nước ngoài ở Luân Đôn, hơn thế y còn tiêu xài quá mức, trong khi lương của y không thể đáp ứng nổi một phần số đó - tất cả những dữ liệu này đã được đón nhận như là sản phẩm của một kẻ tâm thần, một người vợ kiệt quệ vì thất vọng. Tất cả bị tổng vào một



cặp hồ sơ, và Harry có thể tiếp tục thủ đoạn của mình. MI5 liên hệ với Scotland Yard và hai cơ quan này đã xây dựng một kế hoạch giám sát hai mươi tư trên hai mươi tư giờ. Houghton đã vô tình dẫn họ tới Bunty Gee. Tháng 7, cả hai cùng tới Luân Đôn. Để Bunty lại khách sạn, Houghton thông thả tới điểm hẹn gặp Lonsdale. Khi cả hai đã yên vị tại một bàn ăn trong nhà hàng Steve's tọa lạc ở số 30 phố Lower Marsh, gần nhà ga Watelloo, một cặp nhân viên mật vụ mặc thường phục cũng uể oải ngồi vào chiếc bàn bên cạnh. Họ gọi hai cốc trà, nói chuyện tầm phào trong khi không quên bật chiếc máy ghi âm mini và họ đã ghi lại toàn bộ cuộc đàm thoại giữa hai điệp viên Xôviết.

Lonsdale: Người ta nói rằng anh có rất nhiều thứ trong túi, đúng không?

Houghton: Vâng, ngoài vài đồ dùng cá nhân và bộ pyjama là những thứ anh rất quan tâm.

Lonsdale: Chúng ta có thể thảo luận về thời gian gặp mặt, ông có muốn ghi vào sổ tay không?

Houghton: Đồng ý, miễn là đừng để mất thôi.

Lonsdale: Chúng ta sẽ gặp nhau vào chủ nhật đầu tiên mỗi tháng, đặc biệt là chủ nhật đầu tiên của tháng 10 và tháng 11 sẽ gặp nhau ở Éuton. Lái xe sẽ ngồi chờ sẵn trên vô lăng. Tôi bảo đảm 90% là sẽ tới hẹn. Chúng ta sẽ sử dụng hai người phiên dịch. Anh hãy tìm lấy một người.

(Vô thức, Houghton phác một cử chỉ tán thành)

Lonsdale: Cái túi có vẻ dày lắm nhỉ. Tôi được biết là sẽ phải làm việc suốt đêm nay đây.

Houghton: Rất lớn, và phòng khách sạn thì lại rất đắt.

Lonsdale: Ông không phải lo chuyện đó

Houghton: Tôi cũng chẳng muốn trả tiền nữa.

Khi hai người rời khỏi nhà hàng, hai nhân viên mật vụ vẫn tiếp tục ngồi lại bàn của mình vì họ biết rằng một tốp khác sẽ thay họ giám sát tiếp. Lonsdale và Houghton vẫn đi theo lối cũ như khi tới, đường Watelloo; có một chi tiết đáng chú ý là Lonsdale chìa một tờ báo cho Houghton, trong đó có giấu một gói giấy nhỏ lấy ra từ chiếc cặp của y. Sau đó, làm ra vẻ muốn bước vào một cabin điện thoại, Houghton trả lại Lonsdale tờ báo. Scotland Yard đã linh cảm được đây là cơ hội hiếm có, quyết tâm rình và chờ đợi.

Sau những hành động kỳ quặc đó, các nhân viên mật vụ theo dấu Lonsdale tới “Nhà trắng”, và kể từ đó thường xuyên có nhân viên quanh quẩn tại khu vực này. Tiếp tục theo dõi lộ trình của Lonsdale, các nhân viên được dẫn tới một văn phòng ở phố Wardour, rồi tới nhà băng Midland nằm trên phố Great Portland. Tại đây, Lonsdale để lại một gói và một chiếc hòm nhỏ. Khi y bỏ đi, nhân viên cảnh sát cho mở ngăn tủ của y, trong đó có những chiếc Camera mini dùng cho hoạt động điệp báo, một bản hướng dẫn cách viết các thông điệp bằng mực bí mật, một chiếc bật lửa hiệu Ronson chứa bên trong bản mật mã và một danh sách hướng dẫn các địa chỉ ở Luân Đôn. Tất cả được mang về phân tích tại phòng thí nghiệm của MI5, sau đó đem trả lại kết sắt ở nhà băng.

“Sau những cố gắng vô ích, một sĩ quan của MI5 tỏ vẻ vui mừng sau đó, vậy là chúng ta đã ngẫu nhiên có được một hồ sơ toàn cảnh về điệp viên chuyên nghiệp”

Cuối cùng, mọi việc đã hầu như hoàn tất. Trong quá trình điều tra, họ còn phát hiện ra nhiều điều nữa. Họ kiểm tra căn cước của Lonsdale và cả những giấy tờ mà y đã sử dụng trước kia. Họ đặt các máy thu âm tại nhà ở và văn phòng của y. Họ sử dụng radio sóng ngắn để thu lại các cuộc nói chuyện. Họ giám sát chặt chẽ các cuộc gặp của y với Houghton. Theo dõi cả ngày lẫn đêm, tuy nhiên rất thận trọng và thường xuyên đổi kíp trực. Họ thừa hiểu rằng Lonsdale là kẻ khôn ngoan và luôn đề phòng. Một mật danh mới dành cho y “Hành động cuối cùng”.

Cuối tháng tám, “Hành động cuối cùng” trở về Mỹ. Một cuộc đàm thoại với Houghton do MI5 thu được cho biết rằng y sẽ trở về để kịp cuộc hẹn đã định vào ngày chủ nhật đầu tiên của tháng 10. Hoặc, có thể y sẽ không quay về. Thậm chí phải đến tháng 11 y mới có mặt ở nhà. Mật thám Anh bắt đầu lo lắng, song giữa tháng 10 họ thấy y đã trở về, tới văn phòng ở phố Wardour. Cuộc bao vây lại tiếp tục. Ban ngày Lonsdale ở lì tại văn phòng, nhưng tối nào y cũng tới một địa điểm nào đó không rõ. Để biết đích xác địa điểm đó, một nhóm mật vụ được đặt tên là “những kẻ rình mò” đã theo dõi y sát sao, cứ một đoạn đường là một nhóm khác nhau

phụ trách. Đến ngày thứ 15 một nhóm người đã phát hiện ra địa điểm đó là Ruislip. Y đi bộ tới ngôi nhà số 45 hẻm Cranley Drive, đó chính là nhà của vợ chồng Kroger, và cũng là nơi y có mặt hàng đêm. Một trạm theo dõi đã được dựng lên tại một căn nhà ở mặt phố đối diện kể từ đó.

Scotland Yard và MI5 tạm bằng lòng với việc giám sát và chờ đợi với lòng hy vọng sẽ phát hiện được những mối liên lạc mới và các hoạt động bí mật khác. Trong hơn hai tháng triển khai, họ thường xuyên theo dõi ngôi nhà gỗ nhỏ màu trắng, ghi lại lịch trình của những kẻ đến và đi của những kẻ liên quan. Sang năm mới, họ quyết định tiếp tục kế hoạch trong vòng ba tháng nữa. Song chính gã đàn ông từng cung cấp những thông tin đầu tiên lại buộc họ phải tiến hành bắt người khẩn cấp.

Ngày 4 tháng 1, “Tay bắn tỉa” đã báo cho người của CIA biết rằng ngày hôm sau, tức là thứ tư, gã sẽ chính thức chuyển sang hoạt động cho Cục Tình báo Trung ương Mỹ. Biết được sự phản bội của gã, tình báo Ba Lan đã gấp rút kiểm tra hồ sơ và đánh giá những tổn thất có thể có đối với các lực lượng bí mật một khi gã rời bỏ hàng ngũ. Mặt khác họ báo cho KGB biết, yêu cầu phía Liên Xô xem xét những đường dây điệp viên nào có khả năng bị lộ do “kẻ phản bội” đang nắm thông tin. Chẳng bao lâu, Trung tâm nhanh chóng xác định được mối liên lạc với Houghton và khẳng định điệp vụ Portland đang gặp nguy hiểm. Tình hình trước mắt đòi hỏi sự can thiệp khẩn cấp. Nhận được tin từ phía CIA về dự định chuyển của tình báo Trung ương Nga, MI5 quyết định bắt người. Biết rằng Harry và Bunty sẽ gặp Lonsdale vào chủ nhật tới tại Luân Đôn, MI5 dự tính sẽ bắt ba người này trước trên phố Watelloo, sau đó đến lượt hai điệp viên còn lại tại căn nhà gỗ.

“Hành động cuối cùng đã chấm dứt”, cơ quan chuyên ngành đặc biệt thuộc MI5 đã tuyên bố như vậy khi bắt gọn cả 5 điệp viên.

“Tay bắn tỉa” là một trong số các nhân viên Mỹ, một trong những “đặc công” hiệu quả nhất khi xâm nhập vào trong nội bộ khối Xôviết. Gã được tin nhiệm vì đã chỉ điểm được nửa tá điệp viên tầm cỡ, hơn cả Lonsdale và vợ chồng Kroger. Tên thật của gã là Michal Golenievski, giữ chức Phó giám đốc của Z-2, Cơ quan Tình báo Quân đội Ba Lan. Sau khi rời khỏi hàng ngũ trở về với CIA, gã đã không khỏi ngạc nhiên trước những thông tin mà cơ quan này cung cấp rằng gã là đứa con trai may mắn thoát chết của vị Sa Hoàng cuối cùng của Nga Nicolas Đệ Nhị, người đã bị hành quyết cùng với vợ và các con tại Ekaterinbourg năm 1919. Cũng để hợp lý hoá lý do trở về của Golenievski, CIA đã quả quyết rằng gã mắc chứng “tâm thần phân liệt”. Có thể gã đang nuôi ý đồ nhắm vào các tài khoản của Sa Hoàng tại các ngân hàng nước ngoài. Gã lấy tên là Aleksei Romanov, định cư tại New York, nơi đó hằn mốc nổi với một số ít nhân vật để tiếp tục lại công việc của mình.

Mạng lưới Portland đã bị phá vỡ, và người ta bắt đầu chuyển sang khám phá nơi hoạt động của các điệp viên. Căn nhà gỗ màu trắng ở Cranley Drive là nơi phát hiện ra vô số các máy móc sử dụng trong hoạt động điệp báo. Tất cả đều được công tố viên liệt kê trước toà:

— Đó là một căn nhà nhỏ ở ngoại ô với vẻ ngoài hoàn toàn vô hại. Đây là nơi vợ chồng bị cáo Kroger sống từ năm 1956, và hiển nhiên đó cũng là một trạm thu phát tin cực kỳ hiệu quả, có khả năng thu và phát trực tiếp thông tin với Matxcova. Trong nhà còn có các máy phát và chụp ảnh cùng với các trang thiết bị cần thiết dùng cho việc chế và giải mật mã các phim vi điểm, đó là chưa kể đến các bìa lưới mật mã để mật mã hoá các thông tin và tài liệu Tôi tin rằng đó chính là trung tâm đầu não của một mạng lưới điệp báo, và cùng với một khoản tiền lớn tìm được ở đây có thể khẳng định đó cũng là ngân hàng cung cấp tài chính cho mạng lưới này.

Sự miêu tả căn nhà gỗ màu trắng trên các tờ báo thời đó tỉ mỉ và hấp dẫn đến mức rất nhiều người dân hiếu kỳ đã kéo tới hẻm Cranley Drive để được tận mắt nhìn thấy. “Pháo đài của các điệp viên” đã trở thành một địa điểm thu hút khách du lịch. Hơn thế, người ta còn lấy nó làm cảm hứng để dựng nên một vở kịch hai hồi, tập trung chủ yếu vào mối quan hệ cá nhân giữa vợ chồng Kroger với những người hàng xóm, trong đó có một nhân vật tên thật ngoài đời là Search. Vở kịch còn gài vấn đề đạo đức học khi nhắc tới tình tiết Scotland Yard đã sử dụng căn nhà của người này làm trạm theo dõi. Tác giả Hugh Whitmore đặt tên cho vở kịch là “Mối quan hệ của những kẻ dối trá”. Vở kịch gặt hái thành công khi được trình diễn liên tục ở hai nhà hát và còn được kênh truyền hình BBC thu hình để phát trong tiết mục “Kịch truyền hình

hàng tháng” (Năm 1983). Căn nhà sau đó được bán lại cho một sĩ quan người Anh. Ông ta sẵn sàng cho mọi người vào thăm nhà bếp và kể lại câu chuyện về vợ chồng Kroger cho những kẻ hiếu kì thời đó không ngừng kéo tới mỗi ngày.

Chúng ta đã hình dung được một số vật dụng quan trọng có trong căn nhà gỗ ở Ruislip, song đây mới là danh sách tương đối đầy đủ những gì mà Mooraker và kíp của y phát hiện được. Những thanh sắt chốt cửa, những vòng xích, dây xích nhỏ, vô số các loại vòng xích hiệu Yale, Chubb, một chiếc kính hiển vi, các ống thủy tinh, rất nhiều phim dạng mảnh loại 35 ly, một đường dây cáp dài năm mươi mét có gắn bóng điện, các bó tiền giấy mệnh giá từ năm bảng đến 200 bảng, hai hộ chiếu New-Zealand, hai hộ chiếu Canada, hai hộ chiếu Mỹ, một hộ chiếu Anh, 2.563 bảng tiền giấy, 6.000 USD, mệnh giá 20 USD, các loại giấy đặc dụng in phim vi điểm, một chiếc hộp bỏ túi có hai ngăn, một chiếc bật lửa hiệu Ronson chứa các điện cực dùng để truyền tin qua radio, một ăngten dài trên nóc tầng thượng, một máy quay hiệu Minox, một máy quay hiệu Praktina, các bìa lưới mật mã, chất axit crom, bột ôxit sắt và các sản phẩm hoá học khác cùng dụng cụ chụp ảnh, một máy ghi âm từ tính, một máy chữ và nhiều đồ dùng và dụng cụ nhà bếp khác...

Khi Scotland Yard kết thúc việc lục soát, MI5 tiếp quản căn nhà gỗ và tiếp tục tìm kiếm trong chín ngày liên tiếp. Ngày cuối cùng, họ phát hiện ra một máy thu có hệ thống số hoá được giấu trong một cái hố bên dưới lớp nền xi măng. Nhiều năm sau nữa, chủ nhân mới của ngôi nhà trong khi cuốc đất trồng vườn lại khám phá ra chiếc máy thu hiệu Astra đã được chôn ở đó từ lâu.

Căn hộ mà Gordon Lonsdale ở tại “Nhà trắng” cũng bị cày xới kỹ lưỡng. Ở đó người ta phát hiện ra các máy móc và dụng cụ dùng trong hoạt động bí mật, song không mấy quan trọng: cũng có các máy quay, các máy đọc phim vi điểm, những tập ngân phiếu, các cuộn dây điện và một chiếc bật lửa hiệu Ronson. Thứ được chú ý nhất là các con lãn hàng Tàu đã được cải tiến mà người ta tìm được 1.800 USD giấu trong đó. Các nhân viên cũng thu hồi hộ chiếu giả cùng với những giấy tờ ngụy trang nguồn gốc Canada của tội phạm.

Tại ngôi nhà mới của Harry Houghton ở Vịnh Weymouth lại tìm được những vật chứng hết sức nguy hiểm: lịch hoạt động của AUWE, các con sổ ghi nhớ lịch vận hành ở cảng Portland, một bao diêm có hai ngăn trong đó tìm được một tờ giấy ghi phương thức hẹn gặp bí mật, 500 bảng loại ngân phiếu, 650 tiền giấy giấu trong một hộp màu. Trong khi đó Bunty Gee lại thân trọng hơn. Người ta chỉ tìm thấy trong chiếc sắc tay ở nhà cô ta một danh sách gồm 12 chủ đề liên quan tới AUWE bằng tiếng Nga, ngoài ra còn có 4.747 bảng ngân phiếu, một con số đáng kể so với mức lương 10 bảng một tuần của cô ta.

Trong quá trình xử án, đúng như sự chờ đợi của nhiều người, rất nhiều câu hỏi được đặt ra xung quanh những nguy cơ đối với nền an ninh của nước Anh. Tuy nhiên các luật sư cũng chỉ ra rằng những tài liệu mà Houghton cung cấp cho Lonsdale không có khả năng gây ra những tổn thất lớn, rằng những bức ảnh về con tàu Dreadnought không rõ ràng, đặc biệt là trong đó không có ảnh về hệ thống phóng hạt nhân. Để bảo vệ mình, Houghton đã khai thác yếu tố này và khẳng định rằng anh ta đã tính toán chỉ chọn những tài liệu vô hại, chất lượng những tấm ảnh cũng rất kém, mục đích vẫn là để bảo vệ lợi ích của nước Anh. Những tài liệu mà anh ta đã bán cho đối phương chỉ có tầm quan trọng trong lý thuyết, còn thì chẳng có ý nghĩa gì trong thực tế cả. Quan toà tỏ ra dửng dưng trước những lời biện bạch này, còn báo chí thì ra sức khai thác về nội dung những bí mật bị đánh cắp.

Cũng giống như vụ Fuchs một vài năm trước, Chính phủ vì quá lo sợ đã làm toáng lên và yêu cầu khẩn cấp những phương thức an ninh mới. Nhưng khi mà cơn sóng thần đã qua đi, thủy triều cũng rút xuống, thì bình tâm nghĩ lại, họ cũng chấp nhận lý lẽ mà Harry đưa ra. Nếu như chiếc túi mà Bunty Gee mang theo ngày hôm đó tới đường Wateloo được coi là tang chứng thì hai điệp viên người Anh có thể yên tâm rằng mọi chuyện chẳng đến nỗi tồi tệ lắm.

Người ta nhìn nhận rằng những tài liệu trong cái túi của Bunty là không có giá trị mấy. Trên thực tế, Harry Houghton không chụp ảnh các tập tài liệu, song những gì mà Lonsdale thu được và gửi cho trung tâm trong nhiều năm cũng không phải hoàn toàn là đồ bỏ. Lý lẽ mà Houghton đưa ra có vẻ như là những lời giễu cợt đối với Trung tâm, nhưng cũng chẳng làm cơ quan này

phạt lòng, bởi vì họ có mục đích riêng. Thực chất, kết luận chính xác nhất phải như thế này:

“Phạm vi thực sự của mạng lưới tình báo Xôviết có lẽ sẽ không bao giờ bị phát hiện ra, nếu như Cơ quan tình báo Anh quốc không lần được dấu vết của các điệp viên từ tháng 7 năm 1960; ngoài ra nó đã được vận hành đều đặn trong rất nhiều năm trời với sự trợ giúp đặc lực của vợ chồng Kroger với tư cách là trung tâm thông tin chính”.

Giờ đây khi mà hai vợ chồng Kroger đang phải đối mặt với toà án và đứng trước một bản án khó bề tránh khỏi thì rõ ràng việc giảm nhẹ vai trò thực chất của họ trong mạng lưới là một điều vô cùng hợp lý.

PHẦN VII:  
NHÀ Ở MAXCƠVA

# PHÁN QUYẾT

Vụ Portland không mấy thành công ở Scotland Yard, không MI5 cũng không có tòa Đại hình. Ba chính thể chớp bu có đủ lý do để bất bình. Thứ nhất là thất bại trong việc lấy lời khai của Gordon và vợ chồng Kroger, những nhân vật này không chịu thừa nhận việc làm gián điệp, thậm chí chỉ là những thú nhận về nhân khẩu xác thực, quốc tịch và người tuyển dụng họ cũng không. Thứ hai là không thể xác lập được rõ ràng an ninh ở Anh quốc đã được thỏa hiệp như thế nào. Cuối cùng là sự bất lực, không thể xác minh được chính xác là bí mật nào đã bị đánh cắp. Tóm lại, không thể giải thích được vì sao hai vợ chồng Kroger được FBI biết đến qua Cohen, lại biến mất khỏi New York năm 1950 và năm năm sau tái xuất ở Luân Đôn trong vai những người bán sách ngay trước cửa Tòa Thượng thẩm - chỉ cần băng qua phố là đến - và sáu năm trời chuyển các thông tin bí mật đi ngay trước mũi Cơ quan mật vụ. Nhà cầm quyền Anh thực sự không còn gì để mà tự hào về cơ quan này.

Trong vụ này, tổng hợp các dự đoán hé ra một vụ gián điệp khá phức tạp và cao thủ, nhưng trong hồ sơ ở Waterloo Road không có chứng cứ phạm tội. Bản danh sách tìm thấy ở nhà Buntty Gee chỉ liệt kê những giấy tờ cần lấy chứ không phải giấy tờ đã bị đánh cắp. Máy điện đàm tìm thấy ở nhà Kroger, có những giấy tờ nước ngoài không rõ nguồn gốc nhưng không có biểu hiện bất hợp pháp và không thể khai thác được các tin nhắn đã được gửi đi. Máy chụp trong túi Helen lưu những bức thư của vợ Lonsdale. Theo bản dịch tiếng Anh, những bức thư đó đại ý rằng anh ta là một người chồng tốt chứ không phải một tên đồ tể. Số tiền mặt tìm thấy ở nhà năm người này là bằng chứng rõ ràng về công việc của họ, nhưng chỉ là theo suy đoán chứ không làm sáng tỏ được trước tòa án.

Theo những vi ảnh thu được từ chiếc bật lửa tìm thấy trong căn nhà ở miền quê, MI5 nắm được giờ phát sóng các chương trình radio của Helen từ Matxcova. Đó là khoảng thời gian từ 14 tháng tư năm 1960 đến 26 tháng một năm 1961. Vì việc giám sát dừng lại vào ngày 7 tháng một, ngày bị bắt, nên thời điểm phạm tội được xác định từ 14 tháng tư năm 1960 đến ngày 7 tháng một năm 1961. Tóm lại, tòa án xử các hoạt động của năm người liên quan đến vụ Portland chỉ trong tám tháng cuối, trong khi thực tế là bốn năm đối với Houghton và sáu năm đối với Lonsdale và nhà Kroger.

Các tấm hộ chiếu với nhiều tên khác nhau tìm thấy ở nhà Lonsdale và Kroger cho thấy họ sống dưới các bí danh. Thực chất thì họ là ai? Trong phiên sơ thẩm ở tòa Bow Street, ba người đã từ chối hợp tác và khai báo nhân thân thật sự. Cảnh sát Anh chỉ có trong tay ba kẻ lạ hoắc.

Cộng với ngữ điệu khá đặc biệt, cô vợ của Lonsdale gượng gạo giả thiết rằng anh ta gốc gác là người Matxcova. Chỉ có thể, cô ta không bao giờ gọi tên chồng, chỉ nói “anh thân yêu”. Khi ký tên trong bức thư gửi cho vợ anh ta cũng chỉ ký một chữ “K”, (nghĩa là Konon). Anh ta tuyên bố sẽ không trả lời bất kỳ câu hỏi nào, và người ta chỉ còn biết để anh ta ở yên chờ đợi trong nhà tù ở Brixton. FBI chỉ có thể xác định được nhân thân của anh ta vào cuối năm, khi anh ta chịu án.

Trong hai ngày, vợ chồng Kroger không chịu cho lấy dấu vân tay. “Tại sao chúng tôi lại phải đồng ý? - Helen cất vấn - Chúng tôi đâu phải là tội phạm”. Cuối cùng họ cũng bị khuất phục, thì dấu vân tay của họ giống hệt dấu vân tay của Leontine và Morris Cohen mà FBI đã có ở Scotland Yard năm 1957. Ngay cả khi không có các chứng cứ chống lại họ ở Mỹ, rõ ràng vợ chồng Kroger - Cohen là những người cộng sản Mỹ, viên chức của Liên Xô, chuyên gia dính líu vào các vụ gián điệp quốc tế. Nhận định này càng được khẳng định vì các visa được cấp trong các hộ chiếu giả chứng tỏ việc họ đi lại Châu Âu thường xuyên. Hơn nữa, do Heckenschytze Goleniewski đến từ “vùng lạnh” nên những cơ quan Anh quốc thu thập được quá ít bằng chứng so với yêu cầu.

Chứng cứ buộc tội các bị cáo không phải là đã xâm phạm Cơ quan mật vụ mà đúng hơn là “chúng đã cùng nhau mưu phản và đồng lõa với những kẻ lạ mặt khác” để ăn cắp. Thuận lợi trong phiên tòa hình sự là chứng cứ kia chỉ là những bằng chứng trạng huống chứ không thể

kết vào mức án cao nhất. Như vậy, nếu các bị cáo bị kết án là có tội họ có thể phải chịu án tù mười bốn năm là mức án tối đa vì tội ăn trộm bản báo cáo. Có vẻ như Bộ Công cộng muốn họ được canh giữ thật lâu.

Phiên tòa diễn ra ngày 13 tháng 3 năm 1961, tại phòng nhất ở Old Bailey, chính xác là Tòa hình sự trung ương. Chủ tọa phiên tòa là luật sư Parker, Chủ tịch thứ nhất Tòa án tối cao nước Anh. Vào thời kỳ này, không được quay hình tại các phiên tòa nhưng có buổi mở rộng cho một số người có vé vào cửa và cho rất đông báo giới. Ngài Reginald Manningham Butler, Tổng kiểm sát trưởng của Hoàng gia, danh thếp đọc bản luận tội. Trong phiên tòa, ông cho những tên gián điệp xem các bức ảnh lấy được từ ngôi nhà ở quê, đọc các bức thư gửi từ Nga của một người vợ bao dung. Các chuyên gia đưa ra các phân tích về các buổi phát thanh trên làn sóng ngắn, các tấm vi ảnh, ảnh và các mã số. Các nhân viên cảnh sát, những người theo dõi vợ chồng Kroger từ hồi còn ở gác thượng nhà Search (người hàng xóm ở đối diện), trong đó có cả một nhân viên tình báo đáng ngờ Smith và một “cô K” bí ẩn nào đó, tới phiên tòa để kể lại những thời điểm quan trọng trong quá trình theo dõi khi họ quan sát thấy những hình bóng lạ gặp gỡ và trao đổi với nhau các gói hàng. Suốt thời gian đó, các bị cáo ngồi trước vành móng ngựa: Lonsdale bình thản, vợ chồng Kroger điềm tĩnh, Harry và Bunty vững vàng.

Kết luận của Bộ Công cộng: mạng lưới gián điệp Portland đã âm mưu đánh cắp các bí mật về vũ khí dưới biển của l'Établissement chuyển về nước Nga. Tóm lại, tinh thần chung của vụ việc là các nhân viên nội gián, Houghton và Gee, không tiếp cận được các tài liệu nguyên tử như vậy thì không thể cung cấp cho Lonsdale được. Tội trạng rất nghiêm trọng, nhưng có thể bào chữa được.

Tất cả các bị cáo đều biện hộ không có tội. Cô Gee lên nói đầu tiên. Trước tang chứng, cô tỏ ra hoàn toàn vô tội mà khai trước tòa rằng cô lấy các báo cáo về các cuộc thử nghiệm và các tài liệu khác ở AUWE theo lời của Houghton để ông ta nghiên cứu và chụp ảnh, và cô ta thấy chuyện đó là hoàn toàn hợp lý. Khi tòa hỏi ngược lại, cô ta thừa nhận việc Houghton trao tài liệu cho Lonsdale, rằng bây giờ thì cô ta hiểu là ông ta đã “nhầm to”, nhưng vẫn khẩn khoản, “lúc đó tôi không nghĩ việc đó lại gây ra tội”. Các báo sau đó thuật lại không hiểu đầu óc cô ta có bình thường không.

Tiếp theo đến lượt Harry Houghton đứng trước vành móng ngựa. Lời khai của cô Gee đã được ghi nhận: “Tôi đã đưa cô ấy vào thế khó xử”. Và ông ta kể lại câu chuyện đáng sợ vì sao ông ta bắt buộc phải trao các bí mật hải quân cho những người ám muội mà ông ta cho là người Ba Lan. Chúng khiến ông ta sợ hãi, cho đám gangster đánh đập ông ta, nhưng ông ta chỉ cung cấp các tài liệu không có giá trị. Tháng sáu năm 1960, ông ta được tiếp xúc với Alexander Johnson, ông này đã giúp cho ông ta thoát khỏi bọn Ba Lan kia. Houghton thừa nhận đúng là ông ta đã vi phạm luật pháp nhưng mong tòa chiếu cố đến hoàn cảnh bấy giờ: ông ta bị hành hung, cô Gee bị đe dọa, ông ta không biết Johnson là ai và cũng chưa bao giờ gặp vợ chồng Kroger.

Gordon Lonsdale và vợ chồng Kroger được phép ngồi tại ngăn bị cáo, không phải tuyên thệ trước tòa. Lonsdale không hề có ý định chối tội mà ngược lại, còn đứng ra nhận trách nhiệm về “tội gián điệp”. Những giải thích về các vấn đề nghe rất hợp lý, sáng tạo: Là bạn của vợ chồng Kroger, anh ta cất giữ những đồ đạc có giá trị tại nhà họ vì mọi người có thể vào được phòng của anh ta trong nhà trắng. Những cộc sách lậu, những sơ đồ ám hiệu, v.v.. tất cả đều là của Lonsdale. Chính anh ta đã dùng phòng tắm nhà Kroger làm phòng tối, lắp điện đài trong bếp nhà họ. Anh ta làm hộ chiếu giả để phòng trường hợp việc cất giữ có trục trặc. Anh ta kết luận: “Điều tối thiểu mà tôi có thể làm được là xin nhận trách nhiệm về các hành động của mình”. Vậy là anh ta đã vào vai rất tốt.

Peter Kroger tiếp mạch khai báo của Lonsdale: “Điều tôi biết là những gì Lonsdale nói đều là sự thật”. Kroger nhắc lại rằng ông ta chỉ là người bán sách và phải làm việc vất vả với sự trợ giúp của vợ. Để chứng minh, bằng giọng nói chậm rãi và mạnh mẽ, ông mô tả chi tiết những công việc nghề nghiệp, không quên nhắc nhở rằng ông là hội viên của Hiệp hội sách Antiquarian. Ông không hề biết gì về những thứ bạn mình để trong nhà ông. “Cả tôi và vợ tôi đều không mang tội làm gián điệp, ông nhắc lại, cũng không làm gì vi phạm luật pháp cả”.

Helen trả lời cùng một kiểu cách. “Tôi chăm nom nhà cửa và giúp chồng làm ăn. Tôi không biết gì hết, cũng chưa bao giờ nghe nói đến những chuyện gián điệp như thế này”.

Dù ý chí của họ gây được cảm tình nơi dư luận, nhưng cả ba người đều không có cơ hội nào thuyết phục bồi thẩm đoàn. Thứ tư, ngày 22 tháng 3, sau một tiếng rưỡi luận thảo, bồi thẩm đoàn tuyên án năm người có tội. Tình báo viên Smith đưa thêm thông tin: nên biết rằng không hề thấy một báo cáo nào liên quan đến Lonsdale nhưng vợ chồng Kroger chắc chắn là Cohen. Về Lonsdale, Smith nói: “Không xác định được nhân thân của anh ta nhưng tôi chắc chắn không phải như anh ta khai báo. Theo tôi, anh ta là người Nga, nhân viên mật vụ Nga”.

Hôm nay Lonsdale mặc một chiếc áo vải len rủ. Nghe vậy anh mỉm cười.

Sau đó, vụng về trong chiếc áo choàng cao quý, Chủ tọa phiên tòa công bố bản án. Hai mươi lăm năm đối với Lonsdale, đầu não mạng lưới gián điệp; Hai mươi năm đối với vợ chồng Kroger vì họ là cấp dưới, lại nhiều tuổi hơn; Mười lăm năm đối với Houghton với ghi nhận là “tên tội phạm nguy hiểm” nhưng là người già nhất, không thể để ông ta chết trong tù; Mười lăm năm đối với Gee dù cô này cứ nhất mực với ngài nghị sĩ Parker rằng mình vô tội. Vụ xử án gián điệp đình đám khép lại sau tám ngày xét xử.

Vợ chồng nhà Kroger đón nhận hình phạt nặng nề với vẻ bình tâm. Houghton và Gee có vẻ sốc. Lonsdale mỉm cười tin tưởng. Đó là thái độ bất chấp hay anh ta biết có điều gì sẽ xảy ra?

Ra khỏi nhà tù như thế nào?

Có lẽ Lonsdale biết rằng, là công dân Xôviết bấy lâu, Trung tâm sẽ không để anh ngồi hết hai mươi lăm năm sau song sắt. Tất nhiên KGB không thể cướp tù hay giúp anh trốn tù, nhưng có thể có phương án theo con đường ngoại giao. Có lẽ Lonsdale nhớ đến Gaik Ovakimian, “viên công sứ” của NKVD ở New York bị FBI bắt giữ nhưng được trả lại cho Matxcova bằng việc đổi lấy năm người Mỹ bị giam ở Matxcova hồi chiến tranh. Cũng có thể làm như vậy đối với trường hợp của anh: người Mỹ và Anh vẫn hay gây ra những chuyện phiền toái trên đất Nga.

Tuy thế cần phải biết kiên nhẫn. Năm 1957, khi Rudolf Abel, ở New York, bị buộc tội gián điệp và một số tội danh khác nữa, luật sư của anh ta là James B. Donovan không chịu chấp nhận án tử hình với biện luận là để Abel sống sẽ có lợi hơn trong tương lai đối với Mỹ. Điều gì sẽ xảy ra ư, anh ta hỏi thăm, nếu một người Mỹ ở bên kia bức màn sắt cũng gặp tình huống tương tự? Abel đã thừa nhận quốc tịch Liên Xô, có thể là dùng tiền để mua chuộc. Bồi thẩm đoàn đã im đi bộ hồ sơ bốn mươi năm làm gián điệp mà thực tế phải là năm mươi tư năm. Abel thụ án năm năm trong nhà tù Atlanta trong khi luật sư của anh ta tìm cách thỏa hiệp. Thực ra Abel được đổi bằng Gary Powers, phi công máy bay do thám U2 bị bắn hạ gần Sverdlovsk hai năm trước đó, một nghìn hai trăm dặm trong lãnh thổ Liên Xô.

Một khi đòi lại được Abel, Trung tâm có thể đổi người trong trường hợp của Lonsdale. Vấn đề là phải tìm được đối tượng tương hợp để tiến hành với phía Anh. Người Mỹ cần Gary Powers vì cần biết những người nào trong ê kíp tình báo đã bị bắt giữ do máy bay bị bắn rơi. (Đã có tin xác nhận là số lượng này khá lớn). Vì vậy phải tìm được một gián điệp át chủ, như Abel, để đổi lấy Gary Powers. Chỉ có điều Liên Xô không nắm trong tay tù nhân Anh nào tương đương Lonsdale, cho đến năm 1962, mà Matxcova chỉ có bắt giữ thương gia Greville Wynne, nhân vật đầu mối liên lạc của MI6 với Oleg Penkovski, viên đại tá của GRU đã chuyển cho phương Tây các thông tin bí mật về lắp đặt tên lửa Xôviết. Winne bị kết án tám năm trong khi Penkovski bị xử bắn. Người Anh thừa nhận Wynne không phải là viên tình báo già dặn tương xứng với Lonsdale nhưng thiện cảm và cả mong muốn làm thay đổi lịch sử là những cân nhắc có tính quyết định tương đối. Và họ đã trao đổi Lonsdale lấy Wynne vào tháng tư năm 1964.

Kể từ đó, thấy mình có trách nhiệm đối với vợ chồng Kroger, Lonsdale tìm cách nói cho họ ở Loubianka. Anh nhắc nhở các sếp lớn rằng vợ chồng họ quan trọng đến nhường nào, họ đang nắm giữ những bí mật gì, họ đã hoàn thành những nhiệm vụ như thế nào. Có điều, hoàn cảnh của đôi vợ chồng này khá phức tạp. Họ không phải công dân Xôviết cũng không phải người Anh. Họ là người Mỹ, bị FBI truy tìm. Tuy nhiên, có thể lấy vỏ bọc công dân Ba Lan mà không bị dẫn độ. Từ đây, ai có thể thương thuyết với nhà cầm quyền Anh để thả vợ chồng Kroger về cho Nga?



Lonsdale không ngồi yên chờ đợi mà bắt tay vào hành động. Năm 1965, ông xuất bản cuốn hồi ký bằng tiếng Anh lấy nhan đề Một gián điệp: hai mươi năm trong cơ quan mật vụ Xôviết, trong đó phân tích những lời khai của mình ở tòa và khẳng định lại sự vô tội của vợ chồng Kroger trong vụ Portland. Nếu là nhằm tìm kiếm sự ủng hộ của nhà cầm quyền Anh đối với hai vợ chồng thì ý định của Lonsdale đã thất bại.

Bởi trong ý thức của người Anh, vợ chồng Kroger được liệt vào danh sách những gián điệp đầu sỏ. Còn lại, trong cuốn sách của mình, Lonsdale chỉ trích nặng nề xã hội Anh. Anh cũng nhắc đến phòng thí nghiệm Porton và dọa sẽ cho cả thế giới biết.

Tháng tư cùng năm 1965, một thầy giáo trẻ người Anh dạy tiếng Nga ở Trường cao đẳng Holbom tại Luân Đôn tên là Gerald Brooke đã bị bắt và bị kết án năm năm vì tội phân phát truyền đơn cho một tổ chức chống Liên Xô khi dẫn một đoàn khách du lịch nước ngoài thăm quan Maxcova. Dư luận Anh xao động nhưng có thể làm gì đây? Anh ta phạm tội và vào tù là đương nhiên.

Trong thời gian này, vợ chồng Kroger đang chịu án. Helen ở nhà tù nữ Stile ở Cheshire. Peter ở nhà tù Strangeway ở Manchester. Điều kiện sống đối với cả hai người tương đối khắc nghiệt. Bị coi là những người phải được canh giữ đặc biệt, hai người bị giám sát hai mươi tư trên hai mươi tư giờ. Họ phát ốm và bất bình kháng nghị yêu cầu cải thiện cuộc sống. Peter bị lên đing nhọt có lẽ do lạnh và do nơi ở không được đảm bảo vệ sinh. Ông được đưa về chữa trị ở nhà tù Wormwood Scrubs của Luân Đôn rồi chuyển sang Parkhurst trên đảo Wight. Tại đây, ít ra thì ông còn có thể trồng được một vườn rau. Ông viết đơn kiến nghị cho vợ gửi lên Margaret Thatcher, khi đó là thành viên Nghị viện. Ông có nhận được một hồi âm xã giao nhưng không có bất kỳ cải thiện nào.

Vợ chồng Kroger viết nhật ký, trao đổi thư từ, tự chăm lo cho mình trong mức độ có thể. Từ mùa xuân năm 1964, Peter bắt đầu nhận được thư của “Arnie Perfiliev” từ Ba Lan - Lonsdale cũng đã lấy vỏ bọc Ba Lan. Các bức thư do Lonsdale viết, tất nhiên, nhưng ban kiểm duyệt không giữ lại. Kiên trì khẳng định mối quan hệ của họ như anh đã bày tỏ trong phiên tòa, Lonsdale cam đoan với Peter rằng anh sẽ giúp họ thoát khỏi tình trạng hiện nay. Anh gửi lời chào của vợ mình tới Peter, lời chào của “em Arnie”, xuất hiện khi Lonsdale bị vào tù. Peter là người đỡ đầu.

Ba năm sau, Helen bắt đầu nhận được thư của người “chị họ” Maria sống ở Wawelska, Varsovie. Thực ra là Youri Permogorov, nhân viên phòng đối ngoại của Trung tâm đã viết các bức thư này. Thư là những nhân vật và sự kiện tưởng tượng và phải dịch lại như thể truyện ngụ ngôn của Ésope.

Tới đầu năm 1969, Helen nhận được một bức điện tẻ ngắt của bà chị họ không có thật viết: “Năm nay, chúng ta uống rượu vang với cậu Nicolas, rượu làm từ loại nho cậu trồng trên đất Lublin”. Vợ chồng Kroger hiểu ý nghĩa của bức điện đó. Ngày nào họ cũng đọc đi đọc lại câu ấy, tưởng tượng đến ngày có tin vui và biết rằng Trung tâm đang xúc tiến việc giải thoát họ.

Tháng bảy, báo chí Anh đưa tin rung rờ. Gerald Brooke bị kết tội âm mưu trốn tù cùng với một tù nhân khác và giờ đây hình phạt sẽ tăng thêm bảy đến mười lăm năm. Dư luận Anh như sôi lên. Các chương trình truyền hình đưa tin về Brooke đến mọi góc ngách, sự đời chờ dằng dặc của cô vợ Brooke trở thành niềm đau dai dẳng đối với cả dân tộc. Các chính trị gia không mong cứu được anh ta ra khỏi tù. Đến lúc này, người ta nhớ tới vợ chồng Kroger.

Trong quá trình đàm phán, ngoài Brooke, phía Liên Xô còn đồng ý trả lại hai thanh niên Anh bị kết tội buôn bán ma túy trên đất Nga. Để đảm bảo thỏa hiệp, bốn công dân quốc tịch Anh, đến lúc đó bị dồn nén về sinh lý, được vào Liên Xô kết hôn với công dân Xôviết. Các chính trị gia của Luân Đôn bắn lên nhưng không có phương án nào khác. “Đó là cái giá phải trả cho chính sách nhân đạo của chúng ta”, họ rên lên.

Vậy là ngày chủ nhật, 25 tháng mười năm 1969, độc giả của tờ Times được đọc trên trang nhất bản tin sau:

#### VỢ CHỒNG NHÀ KROGER HẠ CẢNH AN TOÀN.

Varsovie, 24 tháng mười. Hôm nay, hai gián điệp Xôviết là Peter và Helen Kroger đã được

trả tự do, họ liên hoan ăn mừng và đùa vui về những năm đã qua trong nhà tù nước Anh.

“Thật tuyệt vời được gặp lại xã hội loài người”, bà Kroger nói khi nhìn quanh toa hạng nhất trên chiếc “Trident” của hãng British European Airways sáng nay sẽ chở họ từ Luân Đôn về Varsovie.

Bước tiếp theo của bản giao kèo ký kết với Liên Xô, vợ chồng Kroger nhân vật chính trong mạng lưới tình báo ở Portland đã được thả sau tám năm thực hiện bản án hai mươi năm tù, thông qua việc đổi Gerald Brooke, một giáo viên bị tù ở Nga vì tội tuyên truyền chống Liên Xô.

Khi chiếc “Trident” cất cánh từ sân bay Luân Đôn hướng đến Ba Lan, vợ chồng Kroger vui vẻ chuyện trò với phi hành đoàn.

“Hôm đó là ngày 24 tháng bảy, chúng tôi được biết mình sắp được tự do”. Kroger kể (lúc đó ông sáu mươi ba tuổi) “nhưng trước khi được thả, chúng tôi được phép đột xuất gặp nhau”. Bà Kroger, năm mươi năm tuổi, nói thêm: “Lần nào gặp nhau, ông ấy không bao giờ nói được lời yêu tôi...”

Ông chồng nhìn vợ mỉm cười và trìu mến nói: “Hay lắm, bây giờ tôi yêu mình...”.

Khi đến sân bay Varsovie, người ta đề nghị các nhà báo không được chụp ảnh. Họ được cảnh sát hộ tống ra về bằng minibús.

Trước khi ra khỏi máy bay, Peter Kroger hướng về các nhà báo sẽ quay lại Luân Đôn vẫy tay nói: “Nhờ các anh chuyển lời chào của tôi tới tất cả các bạn ở Parkhurst”.

Ông đã có bữa cơm thân mật chào tạm biệt các bạn tù. Không ai nghĩ rằng vợ chồng họ sẽ đi Matxcova.

Ngày sáng hôm sau, họ lên máy bay bay đến sân bay Cheremetievo của Matxcova. Tại đây họ gặp lại Alexandre Korechkov, lớn hơn mười sáu tuổi, một người khá gần gũi, còn có một người không quen, cao lớn và lịch thiệp là Youri Permogorov. Có một người vốn đã giới thiệu bằng tiếng Anh là em họ của Helen đã bị mất tích lâu. Mọi người rất vui, ô tô đã đợi sẵn. Họ đến một ngôi nhà kín đáo, nghi lễ đón tiếp dành cho những người anh hùng. Peter và Helen bước vào, bạn bè vui mừng chào đón: Mark, Ben, Johnny và Anton. Vì nguyên tắc, Fisher, Molody (Lonsdale), Yatskov và Kvasnikov không muốn xuất hiện ở sân bay do ngại các nhà báo phương Tây săn đuổi. Kế hoạch được thực hiện nghiêm khắc từ đầu đến cuối.

Một năm sau, vào tháng năm, hai người cuối cùng trong mạng lưới Portland, Harry Houghton và Elizabeth Gee, được trả tự do. Họ cưới nhau vào năm sau đó. Năm 1972, Houghton xuất bản cuốn tự bạch nhan đề Portland – Tự truyện của một tình báo viên. Theo đó, câu chuyện của ông bắt đầu ở Ba Lan, khi ông “theo đuổi một cô nhân tình ở bên kia bức màn sắt”.

# “CÔNG NHẬN”

Công trạng của vợ chồng Kroger cuối cùng cũng được công nhận. Dưới đây là bản trích lục hồ sơ 13676:

Quyết định

Do đã hoàn thành những nhiệm vụ đặc biệt của Ủy ban an ninh Quốc gia trong điều kiện hết sức khó khăn ở các nước tư bản, vì lòng dũng cảm và ý chí kiên cường trong công việc, trao tặng Huân chương cờ đỏ cho những người có tên sau đây:

Cohen, Morris

Cohen, Leontine

Ký tên: Podgorny, Chỉ tịch đoàn Xôviết tối cao Liên Xô

M. Gueorgadze, thư ký điện Kremlin

17 tháng 11 năm 1969

Ngay sau quyết định này, các thủ tục để nhập quốc tịch Liên Xô cho vợ chồng Kroger Cohen bắt đầu được tiến hành. Một lần nữa Mikhail Souslov phản đối nhưng Youri Andropov, Giám đốc mới của KGB cho qua phản ứng này. Vậy là vợ chồng Kroger thực sự đã ở nhà mình ở Matxcova.

Họ bắt đầu đi du lịch khắp đất nước. Sau đó, họ ôn lại và chia sẻ kinh nghiệm, hiểu biết với các thực tập viên trẻ tuổi của KGB. Nhưng cuối cùng họ về hưu và sống ẩn dật dưới tên khác, không phải Kroger cũng không là Briggs hay bất kỳ bí danh nào trước đây. Peter không có ý định học tiếng Nga đủ để giao tiếp với người Matxcova gốc, những người góp phần không nhỏ trong việc tách ông khỏi cuộc sống bên ngoài. Còn Helen, mặc dù đã nói được kha khá tiếng Nga vẫn ở nhà để chăm sóc cho chồng.

Trong những năm 80, sức khỏe của hai người bắt đầu suy giảm, nhất là Peter. Tóc đã bạc, ủ ê và im lặng, ông ngồi đó, hai đầu gối đau mỗi trằm chân, muốn đi đâu thì có hai chiếc gậy chống bên cạnh. Trong nhà có một chị tạp vụ quét dọn nhà cửa, đi chợ và làm các việc nhà cửa khác.

Họ sống ở phố Arbat trong khu nhà rất đẹp dành cho các nhà du hành vũ trụ, các nghệ sĩ và các nhân vật nổi tiếng. Vì trước họ chưa có ai có hoàn cảnh tương tự, hai vợ chồng ít kết bạn. Khách thăm nhà họ chủ yếu là người của KGB, và hàng xóm không khó gì nhận biết điều này. Mỗi khi có khách, nhà như có hội. Helen pha trà, dọn đĩa, nói bằng cả tiếng Nga và tiếng Anh. Vậy là hai vợ chồng thấy mình ở nhà của mình ở Matxcova, họ biết rằng mình không phải là người nước ngoài xa lạ ở đây. Các nhân viên mật vụ rất coi trọng hai vợ chồng.

Căn hộ của họ có ba phòng lớn - sảnh trước với các kệ sách tiếng Anh, phòng khách cũng được xếp đầy sách tiếng Anh từ sàn đến tận trần nhà, rồi phòng làm việc của Peter. Là chưa kể nhà bếp, phòng ngủ và phòng tắm. Tuy ngôi nhà không bày biện nhiều đồ Liên Xô song vẫn khá giản dị. Tường và ri-đô treo ảnh của hai vợ chồng trong suốt năm mươi năm cưới nhau, ảnh Youri Andropov, Gordon Lonsdale và ở vị trí danh dự là ảnh của Rudolf Abel.

Như đã dẫn trong phần giới thiệu cuốn sách, tôi bắt đầu tìm hiểu về vợ chồng Kroger, mở đầu bằng việc nghiên cứu hồ sơ số 13676. Lúc đầu, khi được hỏi, cả Anatoli Yatskov, Vladimir Barkovski, Youri Sokolov và những quân nhân khác của KGB đều ngạc nhiên: “Liệu chúng ta có thể viết về những thông tin mật như vậy được không? Không được đâu”. Nhưng khi tôi trình bày là mình đã được phép của Vladimir Krioutchkov, Giám đốc KGB, mọi việc trở nên thuận lợi hơn nhiều. Vì biết là tôi đã được bật đèn xanh, từ chỗ e dè ban đầu, họ đã hứng thú trả lời các câu hỏi, và bằng kinh nghiệm, họ đã giúp tôi bắt vào được những vấn đề chưa được ai nói đến trong vụ Enormoz.

Tuy nhiên, vợ chồng Kroger giữ ý một cách đáng ngạc nhiên. Họ trầm tĩnh và bình thản, cứ như thể một cuốn sách viết về những chiến công của họ chỉ là một giai đoạn mới trong cuộc đời sóng gió kỳ lạ của họ. Dù vậy, mỗi lần đến thăm họ tôi lại thấy chút hài hước mới, sự vui vẻ

tăng thêm. Vào thời điểm đó, Peter đang nghiên cứu một tác phẩm lịch sử, thay vì đôi kính, ông tỉ mỉ với cuốn sách dày cộp bằng một chiếc kính lúp. Cuốn sách ấy cũng như bao cuốn khác nằm trên giá có thể không bao giờ được xuất bản. Theo nghĩa nào đó, ông đang chờ đợi giờ khắc của mình. Từ nay, với sự giúp sức của tôi, ít nhất là ông có thể nói với thế giới về những gì hai vợ chồng ông đã hoàn thành vì chính nghĩa của những người Xôviết, và những nguyên do khiến họ làm như vậy.

Khi trả lời các câu hỏi của tôi, hai người lần lượt nhớ lại New York, Paris, Luân Đôn. Peter ghim lên tường tấm bản đồ New York lớn, không hiểu ông lấy ở đâu ra. Bằng chiếc que chỉ dài, ông đánh dấu những lộ trình mà Helen và ông vẫn đi ở Manhattan.

Ông không che giấu được niềm nhớ thương Châu Mỹ sâu sắc và lúc nào cũng đau đáu nỗi buồn vì bố mẹ ông đã mất. Helen vẫn vợ vẫn thấy đôi bờ Hudson với những xúc cảm không dễ kiếm chỗ.

Nhờ vào bước mở đầu của tôi, các nhà báo khác bắt đầu công khai những chiến công của vợ chồng Kroger. Trong những năm sau đó, họ được phỏng vấn nhiều lần, chủ yếu trên kênh truyền hình. Lần đầu tiên là cuộc gặp gỡ bằng tiếng Anh, ghi âm ngày 25 tháng 10 năm 1989. Sau một buổi phỏng vấn liên miên, do những vấn đề kỹ thuật chồng chéo, băng video không xem được nữa nhưng băng ghi âm vẫn còn nguyên, chỉ bị vấp hai ba chỗ. Băng ghi âm đó ngày nay rất có giá trị, là chuyện kể rõ ràng nhất của vợ chồng Kroger về sự nghiệp chung của họ.

Trong cuộc phỏng vấn này, hai vợ chồng Kroger nói chuyện liên miên hết chuyện này chuyện khác, như vốn dĩ những người sống có nhiều kinh nghiệm vẫn hay như vậy. Khi đó, họ không rõ mình đang nói đến đâu, thậm chí cứ chuyện nọ xọ chuyện kia. Nhưng sau khi sắp xếp lại, kịch bản được hoàn chỉnh rất chặt chẽ. Những chỗ thiếu đã được bổ sung, chỉnh lược và sắp xếp các phần của câu chuyện theo trình tự thời gian. Đây là tư liệu xác thực nhất, và đặc biệt sống động về cuộc đời của hai siêu điệp viên.

Tôi xin dành chương cuối cùng này để nói một cách cụ thể hơn về câu chuyện mà chúng ta đã biết. Đây là câu chuyện về vợ chồng Kroger, do chính họ kể lại:

- Phần mở đầu. 1931-1936

Helen. Tôi là một người cách mạng. Ngay từ khi còn trẻ tôi đã là người cách mạng. Mười lăm tuổi tôi được kết nạp vào Đảng xã hội. Nhưng tôi đã từ già Đảng đó vì ở đó là những người luống tuổi chỉ muốn lợi dụng tôi. Khi đó tôi rất xinh đẹp. Tôi tự nhủ: “Đảng viên xã hội gì những kẻ đó chứ?” Và tôi ra đi. Sau đó tôi được kết nạp vào Đảng cộng sản. Đảng muốn gửi tôi đến trường trung học. Ô, đó là cả một câu chuyện dài. Đảng đã tiến cử tôi thật cẩn thận...

Peter. Tôi lấy bằng tú tài ở Mississippi, nơi suốt bốn năm trời tôi đi đi về về. Mùa hè năm đó, tôi trở lại New York làm việc. Tôi là nhân viên phục vụ ở bãi tắm, hay như các bạn gọi là trại hè. Ở đó ta gặp những người công nhân, những người thuộc tầng lớp bình dân như giáo viên, trí thức. Vào thời điểm đó, tất cả mọi người đều nói đến chính trị. Nạn thất nghiệp ảnh hưởng trực tiếp đến hai mươi triệu người. Các chủ trang trại đổ sữa đi. Họ không chịu bán hai trăm một gallon sữa hay bán năm trăm một livơ dưa hấu. Thế là họ đổ cả xuống sông. Họ tự tay mang đồ ra sông để đổ, chủ các nhà máy bị phá sản hoàn toàn trắng tay. Đó là... thời kỳ đó đúng là như thế.

Helen. Phải nhắc đến khủng hoảng năm 1929.

Peter. Đúng thế, do đó, từ đó... Chúng ta đang nói đến vấn đề đó. Với riêng tôi, họ đọc báo xã hội ở Mỹ và nhìn chung họ theo chủ nghĩa xã hội. Chỉ có điều họ không đào sâu vấn đề như tôi hay Helen.

Và tôi được kết nạp vào Hội thanh niên cộng sản của Trường Đại học Illinois vì tôi dự định học ở Illinois mà. Tôi muốn học hệ cao cấp nhưng thực sự tôi đâu có làm được đến nơi đến chốn. Vì sao ấy à? Tôi tham gia các hoạt động quân sự của Hội thanh niên cộng sản, ở trong ban tổ chức của hội. Khi đó người ta không nói “bí thư” mà là “người tổ chức”. Có cả một tổ chức bí mật của Đảng bao gồm giáo giới. Có một sinh viên là thành viên của tổ chức. Sau một vài tháng, người ta đề nghị tôi gia nhập tổ chức.

Khi đó, chúng tôi định xây dựng một nhà... một quán cà phê. Ở Illinois có một quán nhưng đã đóng cửa vì bị phá sản. Ăn ở đó là người lao động da đen. Ngày xưa chúng tôi nói là “người da đen” chứ không nói “người Mỹ gốc Phi” như bây giờ.

Helen. Không, bây giờ người ta gọi họ là “da đen”. “Nègre” là một từ dành riêng để chỉ người da đen.

Peter . Phải rồi. Và chúng tôi tiếp xúc thân thiện với họ. Anh biết đấy, tình bằng hữu rất quen thuộc trong các trường đại học của Mỹ. Sinh viên thân nhau sống cùng trong một tòa nhà mang những cái tên thể hiện tình cảm ấy của họ.

Vậy là quán cà phê bị phá sản. Chúng tôi đến, sửa mới lại tất cả, các thầy cô giáo và các bạn sinh viên giúp chúng tôi nhiều. Sau đó, dọn rửa và chuẩn bị kinh doanh. Tuyệt nhiên không phải vì tiền. Không có gì khác ngoài các bữa ăn, và chỉ cần ăn để sống, không cần gì khác. Tôi đã sống như thế.

Helen. Sống bên lề sự trầm uất.

Peter . Sao cơ?

Helen. Sống bên lề sự trầm uất.

Peter . Phải... chúng tôi, những người cộng sản trẻ tuổi đã bắt được với tình đồng chí. Chúng tôi chiến đấu cho đến mùa hè. Các lãnh tụ không chính thức công nhận chúng tôi, ý là chủ tịch của Liên minh đại học. Trường Đại học Illinois có chi nhánh ở Champaign, Urbana và Chicagô.

Một lần, chúng tôi làm việc suốt đêm với máy dập, máy dán để in truyền đơn. Thế đấy, suốt cả đêm... Cuối cùng, chúng tôi cũng thành công với hàng trăm truyền đơn. Từ sáu giờ sáng, tôi đi ghim, đi dán truyền đơn. Còn bảo vệ của trường theo sau để bóc. Tôi cứ dán, rồi truyền đơn lại bị bóc.

Cho tới một ngày tôi nhận được giấy gọi của chủ tịch trường. Có một cậu bạn cùng họ với tôi nhưng tên là Milt. Cả hai chúng tôi, anh có tướng tượng được không, cả hai đều bị coi là ong trong tay áo. Chúng tôi đến nơi. Và kìa, trong văn phòng ông chủ tịch có mặt ban lãnh đạo của trường. Bầu đoàn là đại diện của những phòng ban quan trọng nhất Illinois. Ông chủ tịch nói thẳng với chúng tôi... Có cả người đứng đầu hội bằng hữu là sinh viên. Họ đều xuất thân từ những gia đình giàu có. Ông chủ lịch bảo: “nếu các anh không dừng hoạt động, chúng tôi sẽ đuổi học”.

Nhưng chúng tôi không dừng lại. Mà tiếp tục cho đến khi ra đi vào tháng sáu. Các trường đại học bắt đầu đóng cửa vào khoảng cuối tháng sáu.

Helen. Để nghỉ hè.

Peter . Chúng tôi trở về nhà. Tôi tiếp tục làm việc trong mùa hè. Vậy tôi đồng thời là thành viên của Đảng và của Komsomol, Liên hiệp thanh niên cộng sản.

Ở New York, tôi đến với Đảng. Helen cũng là người của Đảng. Cả hai chúng tôi được kết nạp vào năm 1935. Nếu anh tính từ 1935 đến 1989, anh sẽ thấy thâm niên của chúng tôi trong phong trào.

- Tây Ban Nha, 1937

Peter . Năm 1937, diễn ra cuộc mít tinh ở Madison Square Garden được sự ủng hộ của Cộng hòa Tây Ban Nha. Trước cuộc mít tinh, tôi và một vài người bạn vào một quán cà phê. Ở đây, một người bạn đã giới thiệu tôi với Helen. Đây là lần đầu tiên tôi được gặp cô ấy. Tôi còn nhớ cô ấy mặc một bộ quần áo đồng màu, đội một cái mũ trông khá ngộ nghĩnh...

Hai tháng sau, tôi ở Tây Ban Nha. Có lẽ phải kể cho anh nghe chuyện này. Chúng tôi đi từ Pháp vượt qua dãy Pyrénées. Đảng Cộng sản Pháp đã chuẩn bị tất cả chuyến đi. Một cô bé mười hai tuổi chịu trách nhiệm dẫn đường suốt chặng đường sắt từ Paris đến chân dãy Pyrénées. Chúng tôi dừng chân ở một trang trại. Nhiệm vụ của cô bé rút lại là hướng dẫn bằng mắt những gì cần làm và nơi nào cần đi. Cứ như vậy mọi việc được sắp xếp đầu vào đấy. Đêm xuống, chúng tôi đi ngang qua núi, cho đến khi gặp các đồng chí trốn trong rừng cây. Chúng tôi mang loại giày vải để cói đan của Tây Ban Nha để qua núi. Chúng tôi leo núi suốt một đêm. Cứ trèo lên,

trèo lên mãi. Chỉ thấy mịt mù xung quanh. Có đám người trông giữ những đàn gia súc và cả quân lính nên phải hết sức thận trọng. Không thấy một tia sáng nào, rồi cuối cùng chúng tôi cũng đến được một cao nguyên, một cao nguyên như một chiếc bàn, từ đây chúng tôi bất ngờ nhìn thấy ánh mặt trời rơi trên Địa Trung Hải. Choáng người... Chúng tôi ngẩng nhìn rồi tất cả cất lời hát Quốc tế ca, như một sự bùng nổ. Không ai ra lệnh, không gì cả. Rất tự nhiên, tự mỗi người cất tiếng hát Quốc tế ca.

Helen. Bình tĩnh nhé mình, Bobsy.

Peter . Sau đó... có một đồn lũy mà tôi quên mất tên. Đồn này rất nổi tiếng, nằm ngay biên giới. Chúng tôi ở lại đó cho đến khi có thể đi được đến trại tập huấn, phải qua một thành phố tên là Venezuela, rồi từ đó mới đi đến trại. Anh biết đấy, mỗi nhóm theo ngôn ngữ sử dụng có một trại huấn luyện riêng, ví dụ tiếng Pháp và tiếng Bỉ, hay tiếng Anh có người Anh và người Mỹ. Mỗi nhóm có một trại riêng.

Chúng tôi được huấn luyện đầu như một tháng rưỡi sau đó đi vào mặt trận. Chúng tôi là quân dự bị. Sau đó diễn ra trận Fuentes de Ebro. Bước vào cuộc chiến đấu, tôi bị một loạt đạn súng máy vào cả hai chân và được chuyển đến bệnh viện.

Tôi nằm ở bệnh viện cho đến tháng hai, tháng ba năm 1938. Sau đó đi học ở một trường chính trị.

Lúc này, quân phát xít đang cố mở mặt trận, chúng cách biển, cách Địa Trung Hải không xa. Đây là thời điểm khó khăn. Vậy là các đồng chí cùng thời chúng tôi, những đồng chí Xôviết cho rằng nếu chúng tôi ra trận sẽ thúc đẩy hơn công cuộc chống phát xít.

Đó cũng là những tình cảm trong tôi, vâng, đó là điều mà ta hằng tin tưởng. Vì ngày xưa, những năm 1936, 37, 38, khắp nơi trên thế giới đều dậy lên làn sóng chống phát xít và chúng tôi nhận thức rất rõ điều đó. Kèm theo đó là nạn thất nghiệp trầm trọng. Chúng tôi thấy việc đó đúng như niềm tin của mình. Đó là sự tin tưởng chắc chắn của chúng tôi, không phải là thứ gì vụt đến. Chúng tôi tin chắc và biết là đúng đắn, vì như vậy sẽ thúc đẩy cuộc đấu tranh vì nền dân chủ ở Tây Ban Nha.

Khi đó không đặt ra xã hội chủ nghĩa. Xuất phát điểm là dân chủ, là Cộng hòa Tây Ban Nha, là những đồng chí của Lữ đoàn quốc tế. Rồi những đồng chí Tây Ban Nha và đồng đội rất tin tưởng và quyết theo đuổi lý tưởng chủ nghĩa xã hội. Niềm tin của chúng tôi rất mãnh liệt. Vậy là tôi nói đồng ý với những đồng chí Xôviết.

Vậy là chúng tôi đến ngôi nhà ở Barcelone. Giờ thì ngôi nhà ấy không còn. Có điều gì về ngôi nhà ấy à? Năm 1960, Helen và tôi đi du lịch qua rất nhiều nước. Và đã đến đúng nơi ngày xưa có ngôi nhà khi ấy là của một nhà quý tộc Tây Ban Nha, mang phong cách kiến trúc Tây Ban Nha, rất xinh xắn, mà các anh nói là một "datcha". Ngôi nhà ở trên một quả đồi nối liền với những dãy núi của Barcelone. Năm 1960, ở đó là một ngôi nhà khác. Chúng tôi hiểu rằng mái nhà xưa đã không còn. Nhưng ngôi nhà vẫn luôn trong ký ức của chúng tôi.

Trở lại Tây Ban Nha. Tháng mười một năm 1938, chúng tôi trở về nhà mình. Còn tôi về New York.

Và một người bạn đến tìm. Chúng tôi bắt đầu làm việc. Trong thời gian đầu, chúng tôi thực hiện các nhiệm vụ thứ yếu...

Helen. Xin lỗi vì phải ngắt lời. Bobsy. Vấn đề chính là tình trạng tinh thần của chúng ta. Nếu chúng ta thành công ở Tây Ban Nha, nếu nền cộng hòa thực sự chiến thắng ở Tây Ban Nha, ta không nghĩ là chiến tranh thế giới thứ hai lại xảy ra. Chúng ta đã rất tin vào điều đó nhưng lịch sử lại vận hành ngược lại.

#### • Câu chuyện tình yêu

Peter . Ở góc đường của đại lộ số 6 và phố số 41, có một rạp chiếu phim chiếu các phim Liên Xô. Tôi đã hẹn gặp cô ấy ở đây. Tôi nghĩ cô ấy sẽ đến lúc khoảng tám, chín giờ. Cô ấy không đến. Tám giờ, rồi chín giờ. Tôi liên tục gọi điện cho cô ấy và nhận được câu trả lời: "Vâng, em đến ngay, đến ngay". Cuối cùng cô ấy đến lúc mười giờ. Tôi đang kể đến đoạn nào nhỉ?

Nhưng đến khi đó chúng tôi không còn được ở cùng nhau hoàn toàn. Nhưng khi việc đến,

khoảng tháng hai năm 1941, tôi biết là với tôi đám cưới có hai ý nghĩa: không chỉ làm đám cưới ở nhà mà còn ở cả nơi làm việc. Và tôi phải chắc được là Helen sẽ cùng bên tôi. Tôi không dám nghĩ là chúng tôi đồng ý được với nhau dù chỉ một chi tiết. Chúng tôi vẫn thỉnh thoảng tranh luận với nhau. Nhưng trong cuộc đời, chúng tôi cùng nhau tin tưởng vào đường lối mình đã chọn. Thời gian trôi đi, tôi nhận thấy... vâng, tôi lại cảm nhận được ở cô ấy sự tự tin mà tôi không có được ngay như khi ngồi bên nhau trong rạp chiếu phim. Tôi có thể cảm nhận được điều đó trong tim mình. Và tôi hiểu rằng cô ấy chính là người tôi sẽ cưới làm vợ.

Helen. Được rồi, Bobsy. Anh cứ từ từ nhé.

Peter. Em yên tâm, anh không khiến em phải lo lắng đâu. Vậy là chúng tôi cưới nhau như anh đã biết đấy...

Helen. Tôi không thể quyết định được. Tôi có một người bạn trai. Anh ấy là luật sư, kiếm được rất nhiều tiền và tôi biết Đảng luôn cần tiền. Thế là tôi đến hỏi một trong những người đứng đầu của Đảng: "Hãy nói cho tôi biết tôi phải làm gì bây giờ. Đã đến lúc tôi phải lấy chồng. Mà có không ít người tôi có thể cưới được".

Tôi nói: "Có một người nghèo và một người giàu có".

Ông ấy nhìn tôi và bảo: "Cô đang nói chuyện gì thế Helen?".

Tôi trả lời: "Đảng luôn luôn cần tiền".

Suốt thời gian đó tôi thường đi tìm cách gây quỹ.

Và tôi nói: "Tôi có thể cưới người này, và có thể kiếm được khối tiền mà không cần biết gì cả. Tôi tự biết phải xử sự ra sao trong những trường hợp này".

Ông ấy nhìn tôi và bảo: "Nghe này Helen. Cô sẽ cưới chồng, một anh chồng giàu có, trong nhà có người làm. Cô sẽ có tất cả những gì cô muốn. Và sẽ nhanh chóng quên đi chủ nghĩa cộng sản".

Tôi nói: "Không!" Và: "Không bao giờ".

Vậy là ông ấy nói: "Vậy hãy cưới chàng trai nghèo và các bạn sẽ cùng nhau đấu tranh".

Tôi suy nghĩ, suy nghĩ mãi. Và cuối cùng chọn anh ấy (Peter). Tôi biết rằng suốt đời anh ấy trung thành với lý tưởng của tôi, và anh ấy đã làm đúng như vậy.

- Hiệp ước Molotov - Ribbentrop, 1939

Peter. Khi Tây Ban Nha thất thủ... Rất nhiều người thấy sốc vì sự thất bại của Tây Ban Nha cộng hòa. Nhưng hoàn cảnh thế giới khi ấy rất phức tạp. Anh cũng biết điều gì sẽ đến rồi đấy. Hiệp ước giữa Liên Xô và nước Đức. Các chiến sĩ của Lữ đoàn Quốc tế tỏ thái độ phản đối hiệp ước này. Nói khác đi, điều này thật kỳ lạ. Tại sao hiệp ước này lại được ký kết khi mà từ bao năm nay người ta không ngừng nói về nó, bỏ bao công sức tuyên truyền cho một mặt trận duy nhất, một mặt trận bình dân? Chúng tôi cảm thấy điều gì đó rất mâu thuẫn trong chuyện này.

Helen. Xin lỗi. Đó không chỉ đơn giản là một hiệp ước khi người ta nói đến "sự giao hảo giữa Đức và Liên Xô" là nói đến một điều khó nghe. Thật là kinh khủng. Tất cả chúng tôi, những người ủng hộ Liên bang Xôviết, thấy suy sụp. Đó là cách người ta khiến chúng tôi thấy thất vọng... Người ta đối xử với chúng tôi như các chiến sĩ công xã Paris, cổ giải thích. Chúng tôi nói: "Cần phải như vậy để có thời gian, tập hợp lực lượng để tiêu diệt bọn Đức". Và lịch sử đã diễn ra đúng như vậy.

- Khởi đầu công việc chung, 1941-1942

Peter. Khoảng năm 1940, trước thời kỳ Helen và tôi thật sự cùng sát cánh bên nhau trong cuộc đời, chúng tôi ý thức được sự nguy hiểm của Đức quốc xã trên đất Mỹ, ở New York. Vậy là cố gắng tìm ra ai và nhiệm vụ đầu tiên tôi được giao phó là gì. Công việc cứ như vậy tiếp tục.

Nhiệm vụ quan trọng thứ hai là tập hợp đồng đội, những người có thể giúp đỡ chúng tôi trong hoạt động. Công việc tiếp tục cho đến khi chiến tranh diễn ra.

Tôi có thể nói với anh là trước khi đứng trong hàng ngũ, chúng tôi có khả năng tập hợp lực lượng trong các nhà máy hợp tác với mình.

Helen. Cuối cùng...

Peter . Lực lượng ấy sau này là đồng chí của chúng tôi. Helen liếp tục nhiệm vụ khi tôi vào quân đội. Cô ấy tiếp xúc với nhiều người sau đó họ giúp đỡ, đóng góp tiền của và cung cấp thông tin cho chúng tôi.

Helen. Thông tin cuối cùng.

Peter . Và bây giờ, nói về thời gian em gặp người thủy thủ.

Helen. Không. Một thủy thủ phục vụ trên một chiếc tàu buôn trong chiến tranh. Anh cũng biết là nghề đó nguy hiểm như thế nào. Tôi đi dọc bờ biển trong đêm đen. Theo quần áo và vật làm tin, anh ấy biết rằng tôi là người liên lạc với anh ấy. Tôi còn nhớ, một người đàn ông coi cảng đã nói với tôi: “Nghe này, cô bé, không phải chỗ của cô ở đây”

Tôi trả lời: “Nhưng tôi muốn gặp một người bạn, anh ấy sắp phải đi rồi”.

Ông ta nói: “Ở đây có lệnh cấm”.

Tôi nói: “Xin ông cho tôi vào gặp anh ấy năm phút thôi. Sau này tôi sẽ hẹn gặp anh ấy ở bên ngoài”.

“Ôi trời, mấy cái cô này, tôi cũng phát ốm vì mấy cô”. Rồi ông nói tiếp: “Thôi được rồi, nhưng chỉ hai phút thôi nhé, vì nếu không tôi sẽ gặp phiền toái đấy”.

Người thủy thủ gặp tôi, đi rồi lại đến... như anh biết đấy Anh ấy đến, đưa cho tôi một cuộn tròn, mà các anh gọi là cái gì nhỉ? “Lạy chúa!”

Người phỏng vấn. Một cuộn phim?

Helen. Anh ấy đưa cho tôi một cuộn phim, đúng rồi. Tôi chuyển nó cho người liên lạc với mình là nhân viên ở Amtorg. Anh ấy rất hài lòng, nói: “Rất tuyệt”.

Nhưng anh biết đấy, tôi luôn theo dõi báo chí để biết khi nào thì có tàu đến, để ước chừng khi nào thì tàu cập bến. Khoảng một năm sau, tôi quay trở lại đó, gặp người thủy thủ lần thứ hai. Anh ấy đang câu diên người, nói là tàu của anh ấy bị khám xét, anh ấy hoảng sợ nên đã rút hết đi rồi. Tôi nói với người liên lạc với mình: “Chúng ta phải làm gì bây giờ?” Tất cả thế là hỏng bét... Tôi cứ thấy như là mình có lỗi...

Peter . Năm 1945, khi chiến tranh kết thúc, chúng tôi lại được bên nhau.

Helen. Xin chờ một phút. Còn một chuyện thú vị nữa. Trong chiến tranh chưa có CIA. Người ta gọi nó là gì nhỉ? Là đồ của Donovan phải không nhỉ?

Người phỏng vấn. (bằng tiếng Nga). Văn phòng cục chiến lược.

Peter . Em nhớ chưa, Văn phòng cục chiến lược OSS.

Helen. Khi đó viên sĩ quan William J. Donovan đứng đầu cơ quan này. Chúng tôi có một đồng chí rất tuyệt làm việc ở đây Nhưng chưa bao giờ tôi gặp anh ấy mà chỉ nhận thư mật mã, mà lại gặp em trai của đồng chí ấy. Cậu em trai đó bảo tôi: “Nhưng chị là ai thế? Sao anh tôi không viết thư trực tiếp cho chị? Chuyện này là thế nào?”

Tôi nói: “Anh thấy đấy, tôi đã đổi địa chỉ. Tôi đã nói với anh ấy tốt hơn là viết thư cho anh rồi để anh chuyển thư đó cho tôi”.

Cậu ta nói: “Nhưng chuyện đó chẳng có ý nghĩa gì cả. Tôi còn việc khác phải làm. Sao tôi lại có một ông anh trai nhỉ?”

“Anh không muốn giúp anh trai của mình sao?”

“Có phải anh chị định cưới nhau không?”

“Ai bảo vậy chứ?”

Thế rồi anh ấy tiếp tục chuyển thư cho tôi, những bức thư mật mã. Còn tôi lại chuyển cho đồng đội mình. Đó là chuyện khác. Thật tuyệt vời vì chúng tôi thu thập được vô vàn thông tin. Tôi không biết sau đó nó có rơi vào tay CIA không, tôi không biết gì hết vì sau đó người ta nói tôi không gặp người anh trai kia nữa.

• Trong chiến tranh, 1942-1945



Peter . Tất cả đều được đăng ký. Khi sinh ra, tôi làm thủ tục khai sinh ở New York. Tôi biết điều ấy khi đi làm visa. Để có được hộ chiếu, một tấm thị thực phải có giấy khai sinh. Đó chỉ là một trong số vô vàn các lần đăng ký. Kết hôn chẳng hạn. Và chúng tôi cưới nhau ở ngoài New York, không ở New York mà ở một làng trong thành phố Connecticut. Chúng tôi nghĩ như vậy sẽ tốt hơn. Ở đó chúng tôi tổ chức lễ cưới một cách yên ả, thân mật, không sang trọng cầu kỳ. Chúng tôi cảm thấy như vậy thì có ý nghĩa hơn.

Năm sau, tôi lại nhập ngũ còn Helen tiếp tục công việc. Chúng tôi đã tạo được một nhóm khoảng bảy người. Cô ấy lại tiếp tục hoạt động.

Tôi ở trong quân đội cho đến hết chiến tranh. Chúng tôi đến tận Weimar, ngày nay là nước Đức xã hội chủ nghĩa. Trong năm tháng cuối, tôi là nhân viên của quân đội chính phủ. Anh cũng biết là có một khu vực của quân Mỹ ở Đức, một khu của quân Pháp, một khu của quân Anh. Chỗ chúng tôi đóng quân trong khu vực của Mỹ, đã xảy ra những việc mà tôi nghĩ là không cần kể ra ở đây.

Chúng tôi phải lấy lại một bản danh sách về những người làm việc trong các trang trại, các kho trạm hàng hóa. Họ là ai ấy à? Họ là những công dân Xôviết, điểm đặc biệt là họ là người Carpates, người xứ Ban tích... Khi biết được điều đó tôi đã tự nhủ là sẽ thật tốt nếu tập hợp họ lại, để họ ở cùng nhau rồi cho họ lên cùng một chuyến xe. Thế là đi đến rất nhiều trang trại. Và chúng tôi đến thành phố có một đại tá Xôviết với những khu phố của ông. Chúng tôi trả cho ông tất cả những người kia, trong hai chuyến đi, ba mươi tám người tất cả. Chúng tôi đã trả lại hết, công việc làm chỉ trong vài ngày. Tất cả. Với tôi đây là một ví dụ cụ thể về thiện chí hợp tác trong thời kỳ đó[16].

Năm 1945, tôi trở về Buchenwald, cách Weimar mười kilômét. Điều đầu tiên tôi nhìn thấy trong sân là một bức chân dung khổng lồ, khoảng chừng như chỗ này, của Staline, cao như một ngôi nhà bốn tầng. Trông ông như một ngôi sao màn ảnh vậy. Tôi nhìn ông ấy, thấy kỳ lạ. Tôi không biết giải thích với anh thế nào, anh có hiểu tôi định nói gì chứ? Tôi thấy mọi việc diễn ra ở đó, những cái lò hàng đồng xác chết, hàng núi tử thi. Tôi chứng kiến tất cả những cái đó ở Buchenwald.

Từ đó, tôi nói chuyện với một thủ lĩnh cộng sản kháng chiến, một người Đức. Một người gày gò, hốc hác. Nhưng anh ta toát lên vẻ khôn ngoan vốn sẵn có của người Đức.

Tôi nói: “Làm thế nào mà các anh dựng được bức chân dung này của Stalin?”

Helen. Chiều cao đến bốn tầng nhà, thủ tướng tượng xem, bốn tầng?

Peter . Bức chân dung đó rất ấn tượng. Stalin mặc một chiếc áo chùng màu trắng, đeo huân huy chương, hàng ria mép nổi bật, trông ông ấy thật sự rất đẹp, như một tài tử xi nê. Và anh người Đức đó nói với tôi: “Mỗi nhóm ngôn ngữ đều có ngôi nhà riêng của mình. Nghĩa là họ cùng chung sống, người Đức, người Pháp, người Bỉ, người Nam Tư, người Ba Lan, người Do Thái, người Di-gan. Mỗi nhóm lại có trật tự riêng để làm nổi bật ngôi nhà dành cho mình”.

Và mỗi nhóm đều biết họ có gì để thực hiện việc đó. Họ tự tạo ra các bột phát thanh, ngày nào cũng nghe đài để biết thông tin. Tháng tư, bọn Đức bắt đầu rút gần hết quân khỏi Buchenwald. Thế là họ thấy tình hình thay đổi theo chiều hướng tích cực.

Sau đó diễn ra trận chiến giữa quyền lực chung và các chính trị gia. Những người chống phát xít đã giành phần thắng. Vậy là họ biết rằng Chính phủ Đức sẽ phải trả lại ghế cho một ai đó. Họ không thể tự mình di dời các doanh trại.

Helen. Như vậy thật đáng sợ lắm sao?

Peter . Và họ lấy một số người đã tham gia kháng chiến đến giúp họ, điều đó có nghĩa là... vâng, là đưa ra danh sách những người phải chết ngày hôm đó. Cần phải có quyết định ngay, một quyết định thật khó khăn nhưng cần thiết để giải quyết vấn đề. Anh ấy nói: “Phải như vậy thôi mới dựng được bức chân dung Stalin”.

Vì sao tôi lại nói với anh chuyện đó? Vì tình cảm của mọi người coi Liên Xô đã cứu thế giới khỏi thảm họa phát xít. Họ đã cứu thế giới như thế đấy, đã cảm nhận được điều đó. Họ không nói suông, hay tôi không biết giải thích thế nào. Họ không hỏi Stalin đã làm gì và làm như thế

nào để vận hành bộ máy chính trị. Khi đó, người ta chẳng có đầu óc nào mà nghĩ đến điều đó.

Năm 1945, tôi trở về. Trở về nhà, ấn tượng với tôi là sự khác biệt, khác biệt giữa Châu Âu và nước Mỹ. Ở Đức chẳng hạn, nếu anh được gọi vào quân đội chính phủ, anh có hai người phục vụ, hai cô gái chăm lo mọi việc trong nhà. Váy áo của họ, tạp dề của họ rất khác với các cô gái của chúng ta ở Mỹ, cô nào (ở Châu Mỹ) cũng như một ngôi sao điện ảnh vậy.

Helen. Đủ rồi Bobsy. Không cần thiết phải đi vào chi tiết như vậy.

Peter. Tất nhiên rồi. Tôi chỉ muốn nêu lên sự khác biệt giữa mọi người sống trong cùng một thời đại. Thực tế cũng như vậy ở Pháp, ở Bỉ, ở Hà Lan, vì chúng tôi đã biết đến tất cả những nước này.

Helen. Vâng, vì nước Mỹ giàu lên trong chiến tranh. Tôi còn nhớ, một hôm tôi đi từ chỗ làm về nhà, không hẳn là nơi làm việc mà là một hội liên hiệp vì tôi tiến hành đấu tranh từ các công đoàn, tôi là đại diện về nhân sự ở nhà máy nơi tôi làm việc trong thời kỳ chiến tranh. Khoảng hai tiếng gì đó, trên tàu điện ngầm, có hai phụ nữ mặc áo lông, áo măng tô bằng lông cáo.

Một cô nói: “Này, cậu biết không, chồng mình đang kiếm được rất nhiều tiền và mình mong sao cho chiến tranh kéo dài thêm một thời gian nữa”.

Tôi ngồi bên cạnh cô ta, nổi giận, mắt tóe lửa... “Sao cô đáng ghê sợ thế? Biết bao người đang bị giết, đàn ông của chúng ta bị giết, còn cô lại muốn chiến tranh tiếp tục!”

Có ba người nữa ngồi gần đó. Họ kêu lên: “Cô giỏi lắm! Cô nói rất có lý!”

Các anh có tin không chứ! Chồng cô ta kiếm bộn tiền, vì thế nên chiến tranh cần kéo dài thêm!

Phóng viên (bằng tiếng Nga). Thừa bà Helen, khi ông Peter gia nhập quân đội, chỉ còn mình bà. Nhóm bảy người vẫn còn hoạt động chứ ạ?

Helen. Vâng.

Phóng viên (bằng tiếng Nga). Peter nói “bảy đồng chí”. Vậy có nghĩa là họ đều là thành viên của Đảng?

Helen. (bằng tiếng Nga). Không, không hề.

Phóng viên. (bằng tiếng Nga). Vậy chỉ là đồng đội cùng chiến đấu?

Helen. Tình cảm của họ là phải làm gì đó cho nền cộng hòa của người công nhân. Vậy họ không nhất thiết cứ phải là đồng chí, rằng tất cả họ đều là chiến sĩ cộng sản. Không nhất thiết như vậy. Anh đừng quên là trong chiến tranh, người Mỹ bình dân, người lang thang trên phố không hề biết gì về chủ nghĩa xã hội. Thái độ của họ là Liên Xô đã cứu Châu Âu. Anh cũng hiểu đó là chuyện hoàn toàn khác. Và mỗi người đều cố gắng góp phần mình vào đó. Tôi cũng vậy...

Có một đồng chí làm việc ở Amtorg. Tôi là người liên lạc trực tiếp liên tục đi đến Baltimore, Rochester, đến nhiều thành phố nơi các đồng chí ấy làm việc. Họ làm việc trong các nhà máy chiến tranh. Chúng tôi thu thập được một số thông tin và tôi trao đổi lại với các đồng chí.

Phóng viên (bằng tiếng Nga). Theo bà, trong những năm đó bà có khả năng...

Helen (bằng tiếng Nga). Tôi nghĩ là tôi có thể. Tôi nghĩ là mình đã làm được một số việc tương đối.

Phóng viên (bằng tiếng Nga). Còn một câu hỏi nhỏ về đám cưới của ông bà. Tôi muốn biết ông bà mang tên gì khi ấy.

Helen. Lona.

Phóng viên. Lona?

Helen. Lona.

Phóng viên (bằng tiếng Nga). Thế Peter?

Helen. Morris.

• Sau chiến tranh

Peter . 1946, 1947, 1948. Nhóm được mở rộng hơn, có các thành viên mới. Điều đó mang lại cho chúng tôi... Lát nữa Helen sẽ nói với anh... Chúng tôi có thêm những nhiệm vụ mới. Những người giúp đỡ chúng tôi đều là thanh niên, họ nghĩ rằng... Tôi nói với anh như vậy vì vào những năm này, mọi người bắt đầu xa rời phong trào chống phát xít. Chiến tranh đã kết thúc. Thái độ của họ là từ nay trở đi, việc phải làm là sống và làm giàu. Những người lính trở về nhà, thành lập các xí nghiệp nhỏ, gom góp tiền, cả vợ họ cũng thu vén gom tiền. Họ mở những cơ sở như kiểu salon thẩm mỹ. Công việc giờ là nền thương mại lớn. Họ mở...

Helen. Máy giặt!

Peter . Công ty Boeing chuyên sản xuất máy bay đã quyết định sản xuất máy giặt, mô hình giống như những chiếc máy để trong máy bay. Họ đã rất thành công với chiếc máy này, vậy là trong các tòa nhà ở, nhất là khu dành cho công nhân và tầng lớp bình dân, có loại máy này để ở dưới tầng hầm. Anh bỏ 25 xen vào, chỉ có 1/4 đô la thôi là có thể cho quần áo vào giặt, đặc biệt là quần áo trắng, quần áo lót... Anh cho quần áo vào và chỉ mất vài phút giặt.

Helen. Chỉ mất có 1/4 đô la.

Peter . Sau đó, mọi người bắt đầu mở cửa hàng, đúng hơn là các trung tâm thẩm mỹ. Họ mở một cửa hàng có thể lớn gấp hai lần căn phòng này và trang bị máy móc. Quần chúng kéo đến, bỏ ra 1/4 đô la, anh nắm được vấn đề chứ? Đó là cách phát triển nền thương mại vào thời kỳ đó.

Thái độ của mọi người đối với Liên Xô như thế nào? Ngay cả chúng tôi cũng thấy mọi việc đã thay đổi. Chiến tranh lạnh đã bắt đầu. Đây là yếu tố vô cùng quan trọng...

Helen. Xin lỗi một phút. Ai cũng biết điều gì diễn ra sau chiến tranh. Kế hoạch Marshall là đem tiền đi giúp các nước khác nhưng không một xu được chuyển cho Liên Xô, đất nước đã mất bao nhiêu người. Tôi muốn nói Liên Xô là nước phải gánh chịu tất cả hậu quả trong khi nước Mỹ thì thu lợi từ chiến tranh[\[17\]](#).

- Du lịch Paris, 1947

Helen. Năm 1947 chúng tôi đến Paris. Chúng tôi cần gặp John, anh nhớ chứ? Đó là năm 1947. Mọi người đều nói với chúng tôi: “Chuyến du lịch ở Paris của anh chị hẳn là rất thú vị. Trở về trông hai người gầy gò xương ra vậy!”

Peter . Theo một nghĩa nào đó, đã có chuyện xảy ra. Ai cũng biết Paris là thành phố cách mạng.

Helen. Anh kể lại chuyện người cảnh sát đi.

Peter . Ngày 14 tháng 7 là ngày chiếm ngục Bastille. Helen và tôi đi đến đó vì muốn xem điều binh, nếu vậy phải có chỗ trên khán đài, chỗ có nhiều ghế ngồi. Nhưng đường vào đã bị chặn lại bằng các thanh ba-ri-e. Anh cũng biết đấy, cảnh sát Paris trông rất ưa nhìn, mái tóc gọn gàng và hồi đó họ mặc bộ quân phục màu xanh. Hồi đó, Cảnh sát trưởng Thành phố Paris là một người cộng sản. Có bốn bộ trưởng cộng sản trong chính phủ của De Gaulle. Tôi đã ở Paris hồi chiến tranh, khi thành phố được giải phóng, được chứng kiến cuộc kháng chiến và không khí bao trùm Paris lúc đó. Những người cộng sản đóng vai trò chính yếu trong việc giải phóng Paris[\[18\]](#).

Vào năm 1947, tư tưởng cộng sản vẫn còn nguyên vẹn. Chúng tôi muốn đi qua phố nhưng bị một người cảnh sát giữ lại.

“Các vị đi đâu?”

Chúng tôi trả lời bằng tiếng Pháp, tất nhiên là không chuẩn rồi nhưng dù sao cũng vẫn là tiếng Pháp, giải thích là chúng tôi muốn được ngồi trên khán đài. Tôi không hiểu vì sao anh cảnh sát lại nói đến báo chí. Vâng, anh ta hỏi chúng tôi đọc báo gì.

Chúng tôi đọc tờ Nhân đạo, nhưng không nhất thiết phải nói vậy và tôi bảo mình đọc nhiều loại báo khác nhau.

Anh ta nhắc đến báo Nhân đạo .

Thế là tôi bảo chúng tôi có nói dối.

Nhưng anh ta lại nói, có thể như thế lại tốt vì đó là lời nói dối vì tầng lớp công nhân. Anh ta nói như vậy đấy. Điều đó khiến chúng tôi phì cười. Và anh ta bảo:

“Được rồi, mời các vị đi”.

Vậy là chúng tôi được xem cuộc duyệt binh.

Phải nói là sau hôm đó, chúng tôi thấy xáo trộn. Vì mọi người... Không khí thân thiện, tình cảm nồng nhiệt. Thorez, Tổng bí thư Đảng ngồi ở hàng đầu bên cạnh Jacques Duclos. Họ đều là lãnh đạo Đảng. Đám đông hô vang: “Maurice! Maurice!”

Buổi tối, vũ hội diễn ra trên phố, nhất là trong các quán bar. Bây giờ, anh biết đấy, những nơi cho phép uống rượu ở Pháp gọi là bistro. Đó là một từ gốc Nga đấy chứ, được dùng từ 1815 trong chiến tranh chống Napoléon.

Helen. Trong khi chờ phục vụ đồ uống, các sĩ quan Nga nói “bystro, bystro” nghĩa là “nhanh lên”. Từ đấy bistro trở thành một từ để gọi tên quán rượu.

Peter . Mọi người nhảy múa trên phố, trong quán, chúng tôi cũng nhảy. Bàn ghế xếp cả trên các vỉa hè. Chúng tôi cùng ngồi, cùng uống...

Helen. Năm 1947, chúng tôi gặp được một đồng chí ở Pháp. Tình hình xấu đi một cách trầm trọng. Tất nhiên chúng tôi không muốn tiêu tiền của chung, vì thế chỉ mua đồ rẻ thôi, song nguyên tắc là không bao giờ đến chợ đen.

Sau ba tuần không gặp nhau, anh ấy nói: “Trời đất, anh chị làm sao vậy?”

Tôi bảo: “Sao cơ?”

“Hai anh chị gầy quá”.

“Vì đâu có gì ăn đâu”.

“Anh chị không nhận được tiền à?”

“Có chúng tôi vẫn nhận được tiền”.

“Vậy sao anh chị không đến chợ đen mua đồ?”

“Vì như thế không phải là nguyên tắc sống của chúng tôi”

“Hãy nhìn lại mình mà xem. Anh chị đến kiệt sức vì đói đấy”.

Sau đấy, chúng tôi đến một nhà hàng trong khu chợ giời và được thưởng thức một bữa ăn rất ngon, mà rất rẻ<sup>[19]</sup>.

Tôi nói: “Đây là tiền công. Chúng ta làm vậy là đã lãng phí rồi”.

Nhưng cuộc đời là vậy.

• Chiến tranh lạnh

Peter . Đương nhiên, như tôi đã nói, các hoạt động... Chiến tranh lạnh bắt đầu, có đủ loại ban bộ, đặc biệt là đơn vị của Nghị sĩ Joe McCarthy. McCarthy đã phát biểu mà không nhận được phản hồi của Eisenhower, Tổng thống thời đó hay của Truman, người thân cận của Tổng thống. Mà sự việc diễn ra trên đất Mỹ, một đất nước dân chủ. Anh sẽ đặt câu hỏi: “vì sao họ lại không trả lời?”

Helen. Dân chủ ở đâu?

Peter . Họ không trả lời mà cứ tiến hành làm. Tôi nghĩ là anh hiểu tôi muốn nói gì. McCarthy rõ ràng là một người say, say thành cố tật rồi.

Helen. Một người nghiện rượu.

Peter . Tôi muốn nói là những người cầm quyền toàn tự ý hành động mà không cần hỏi ý kiến ai. Họ có thể gọi bất kỳ ai ra thẩm vấn... Tôi biết vậy vì chúng tôi từng có tổ chức các cựu chiến binh của Lữ đoàn quốc tế. Người ta bắt bớ, thẩm tra cả các nhà văn, các tác giả như Dashiell Hammett chuyên viết truyện trinh thám và nhiều người khác. Tất cả đều bị hỏi: “Các ông đưa tiền cho ai?”. Bởi vì họ quyên tiền để giúp đỡ các tù nhân ở rải rác khắp nơi trên thế giới. Lại có những người khác muốn biết tiền ở đâu ra...

Ngay cả Charlie Chaplin cũng phải sang Thụy Sĩ vì không sống nổi ở Mỹ. Người ta cứ hạch sách ông về chuyện thuế má. Nước Mỹ thời kỳ đó là như vậy.

Helen. Vì họ biết Charlie Chaplin là một người bạn của Liên Xô.

- Trốn chạy

Helen. Lần cuối cùng gặp Abel, chúng tôi đưa cho anh ấy địa chỉ của hai người liên lạc ở Californie. Anh còn nhớ không?

Peter . Hai người ở Californie và một ở New York.

Helen. Vâng, tôi nghĩ chủ yếu vẫn là người ở Californie. Abel sẽ liên lạc với người này vì chúng tôi được lệnh không tiết lộ gì về anh ấy.

Peter . Chúng tôi đã được thông báo là có thể sẽ phải chuyển đi và gặp một đồng chí khác. Không lâu sau, chỉ vài tháng sau khi được thông báo chuẩn bị là chúng tôi đi.

Anh biết đấy, chuẩn bị cho chuyến đi của chúng tôi không phải là việc đơn giản. Ngay cả việc gặp nhau và báo ám hiệu cũng đã vô cùng phức tạp. Nhưng mọi việc rồi cũng được sắp xếp đầu vào đấy. Chỉ cần vẽ một nét phấn trên ghế băng. Một đồng chí đi xe buýt qua, hiểu ngay là chúng tôi đã hoàn tất những việc cần làm. Hay đóng một cái đinh to đầu trên gỗ hay lên hàng rào.

Vào thời kỳ đó có đường sắt chạy qua đại lộ số 3. Bây giờ ở nước Mỹ không còn đường sắt kiểu đó nữa. Việc đóng đinh lên hàng rào sao cho có thể lộ rõ là có đinh là dấu hiệu của một cuộc gặp vào đêm hay tối hôm đó tại một địa điểm thích hợp.

Chúng tôi đã làm từng bước một. Có vấn đề về hộ chiếu, không phải là hộ chiếu giả. Và chuẩn bị tất cả những điều cần phải nói. Vào thời đó, bố mẹ...

Helen vẫn còn bố mẹ. Đồng đội đã rất chu đáo, luôn nghĩ đến cả bố mẹ của chúng tôi nữa. Thỉnh thoảng, qua đồng đội, chúng tôi còn gửi lời hỏi thăm thậm chí gửi được cả thư cho bố mẹ. Chúng tôi thật yên tâm, ít ra thì cũng không phải lo lắng quá về cha mẹ. Với tầm tuổi của hai ông bà, việc rời xa họ không hề dễ dàng chút nào nhưng vì hoàn cảnh, việc đó là không thể tránh được, nếu ở lại, mọi việc còn tệ hại hơn. Anh cũng biết tình hình nước Mỹ vào thời điểm đó. Tình hình trở nên rất xấu đối với gia đình chúng tôi. Chỉ còn cách là phải ra đi.

Như vậy là đi nửa vòng trái đất. Cho đến khi chúng tôi tới Đức như tôi đã nói với anh, Tây Đức. Ở bên này biên giới là bức tường sắt. Bên kia là Cheb. Nếu anh có một tấm bản đồ Tiệp Khắc, anh sẽ thấy ngay thành phố Cheb. Chúng tôi thấy một con tàu có ngôi sao đỏ đỏ ở phía bên kia. Rất gần nhưng không cách nào vào được.

Chúng tôi nghe thấy tiếng gõ cửa. Cửa mở, là nhân viên hải quan... Cách đi của họ cho thấy chắc chắn là họ đã phục vụ cho Đức quốc xã. Họ hỏi chúng tôi giấy tờ. Chúng tôi trình giấy tờ. Họ sầm soi. Tôi thấy rõ là Helen đã ở tư thế sẵn sàng giao chiến. Nhân viên hải quan nói: “Đi theo chúng tôi”.

Họ mặc đồng phục xanh trắng, và anh biết đấy, họ cư xử rất cứng nhắc. Họ đưa chúng tôi đến một căn phòng trong nhà ga xe lửa, tổng hành dinh của họ. Xem xét lại một lần nữa giấy tờ, họ nói: “Ông bà phải ở lại đây”

Phải mất một lúc. Helen đã tranh cãi với họ, tranh cãi thật sự ấy...

Helen. Xin chờ cho một phút!

Peter . Được rồi, em kể đi.

Helen. Vấn đề là ở chỗ này. Tôi đã tranh cãi với họ. “Nghe này, trong chiến tranh ai là người chiến thắng? Là người Mỹ chúng tôi hay là người Đức các anh?”

Họ nhìn tôi.

“Hãy để chúng tôi đi. Tôi xin biếu các anh ít thuốc lá Mỹ”.

Mấy anh hải quan nhìn nhau. Một người rất muốn nhưng người kia thì không.

Thế là chúng tôi làm già, đòi gặp người có trách nhiệm của thành phố.



Một người trả lời: “Được rồi, để tôi đi tìm”.

Đó là một trung sĩ người Mỹ. Đến nơi anh ta hỏi: “Có chuyện gì thế?”

Tôi nói: “Thế này nghĩa là thế nào? Tại sao chúng tôi lại phải xuống tàu? Chúng tôi là người Mỹ, những người chiến thắng trong chiến tranh, hay họ mới là...”

Anh ta tiếp: “Mong ông bà bình tĩnh. Mọi việc sẽ được dàn xếp. Ông bà không có visa trong hộ chiếu”.

Tôi trả lời: “Sao tôi lại phải có visa? Tôi là người Mỹ. Sao tôi lại cần có visa”.

“Ông bà thông cảm. Đây là quy định hải quan. Ông bà cứ ở yên đây. Tôi sẽ gọi cho đại tướng”.

Phóng viên. Ở đâu cơ? Ở Weimar ấy à?

Peter . Ở Munich.

Helen. Ở Munich.

Peter . Viên đại tướng ở Munich.

Helen. Ơn trời, hôm đó là chủ nhật. Và viên tướng ấy đang say sưa.

Peter . Tối hôm ấy là đêm được phép ngủ.

Helen. Thế là viên trung sĩ nói: “Ông bà ở yên đây nhé”. Rồi “Họ là người Mỹ, hãy để họ đi”. Thế là xong. Nhưng thời gian trôi qua thật là lâu. Sau đó chúng tôi qua đêm tại một căn nhà nhỏ của người Đức.

Peter . Chúng tôi đến Tiệp Khắc vào tháng mười năm 1950. Đứng vào dịp lễ hội, lễ kỷ niệm cách mạng tháng Mười. Một đồng chí nói với chúng tôi: “Anh chị nên ở lại Praha trong thời gian diễn ra lễ hội vì sẽ có rất nhiều người đến dự. Họ cũng là khách thăm quan”.

Helen. Là người nước ngoài.

Peter . Đúng thế, và họ khuyên: “Anh chị ở lại đây, nghỉ ở khách sạn, như vậy là tốt nhất”. Vậy là chúng tôi ở lại. Helen kết bạn với một số người thích chơi bài. Cô ấy chơi và còn thắng nữa. Và...

Helen. Tôi thắng hết cả tiền của họ và bảo: Các vị có thể lấy lại.

— Không, họ trả lời. Vì chị đã mất quá nhiều thứ, giờ chị chỉ kiếm được một ít tiền thôi. Tôi cứ nhớ họ mãi vì vậy.

Peter . Cái hay là chuyện ông giám đốc với cái khách sạn đó. Khách sạn tên là Bristol thì phải.

Helen. Không, khách sạn Esplanade.

Peter . Khách sạn Esplanade. Ông giám đốc là người Anh nhưng ông ta không có vai trò gì trong ban lãnh đạo cả. Anh biết là vào thời kỳ đó, Đảng đã lớn mạnh, do vậy tổ chức công đoàn phát triển. Một đồng chí đứng đầu đội ngũ nhân viên là các đầu bếp, người phục vụ... Tóm lại, chúng tôi ở Praha đến khoảng 17 tháng 11, rồi đi Liên Xô. Tất nhiên, bạn bè đồng chí tổ chức giã biệt rất cảm động.

Helen. Anh yêu, anh có nhớ khi chúng ta ra sân bay, chúng ta đi rất vội. Mới đầu là đi ô tô sau đó chuyển sang xe ba gác của một anh nông dân. Người đánh xe luôn miệng: “Hãy biến khỏi đây, tên trộm xki, đi đi!”. Anh nhớ không? Anh ấy làm chúng ta cười chết đi được.

Peter . Từ khách sạn ra sân bay, chúng tôi đi bằng taxi. Bây giờ không có kiểu taxi như thế nữa, kiểu xe cổ lỗ. Sau đó, sau năm 1950, không còn gì nữa. Cả anh nông dân lái xe ngựa và chiếc xe ba gác của anh ấy nữa.

• Đến Matxcova

Helen. Trên đường đến Matxcova, trong máy bay toàn là người Liên Xô, chỉ có hai vợ chồng tôi lạ lẫm. Chúng tôi đứng đợi vì được báo trước là sẽ có người đến đón ở sân bay. Tất cả hành khách người Xôviết đã ra ngoài hết, chỉ còn có hai chúng tôi đứng nhìn quanh như những kẻ ngu đần ở giữa sân bay. Mọi người ở đâu cả, ai đón chúng tôi và chúng tôi sẽ làm gì tới đây? Chúng tôi không có lấy một rúp, không có gì. Tôi thấy đói. Cứ tưởng là được ăn trên máy bay nhưng không ai đưa gì cho ăn cả. Xung quanh cũng chẳng có gì ăn được. Cả ngày chúng tôi chưa

được cái gì vào bụng. Sau đó, người cuối cùng bước xuống và hỏi: “Ông bà chờ gì vậy?”

Tôi có hiểu một ít tiếng Ba Lan và hiểu được anh ấy nói gì. Tôi trả lời: “Có người đón và chúng tôi được dặn là chờ ở đây. Nhưng không thấy ai đến cả”.

Anh ta nói: “Hay thật”.

Anh ta đi khỏi. Một người khác đến, nói: “Ông bà có muốn tôi đưa đến Đại sứ quán Mỹ không?”

“Không, cảm ơn anh. Chúng tôi chỉ có hai người. Phải có ai đó đến đón chúng tôi nhưng chưa có ai”.

“Thôi được, tôi sẽ đưa ông bà đến khách sạn”.

“Rất cảm ơn anh”.

Peter . Anh ấy đưa chúng tôi đi ăn.

Helen. Nhưng cũng không có gì ăn cả.

Peter . Anh ấy mua bánh rán cho chúng tôi.

Helen. Còn nữa...

Peter . Đó là tất cả những gì chúng tôi có được. Nhưng không sao, chúng tôi quen rồi. Sau đó, anh ấy đưa chúng tôi đến khách sạn.

Chúng tôi băng qua Quảng trường Đỏ, đồng hồ ngân chuông mười hai giờ. A, có điều đặc biệt! Chính là đồng hồ của chúng tôi ngân reo. Thật mừng biết nhường nào! Không bao giờ tôi quên được cảm giác đó.

Chúng tôi ăn tối với bạn bè. Mọi người đã có ý tổ chức kỷ niệm sự kiện này. Liên tục, cứ mười lăm phút lại có điện thoại gọi cho chúng tôi. Thời kỳ này, Stalin làm việc suốt đêm. Thế nên mọi người không đến được trước bốn giờ sáng và như vậy chúng tôi có thể tổ chức buổi liên hoan.

#### • Những ngày ở Varsava, 1953 - 1954

Peter . Chúng tôi phải làm hộ chiếu. Đã một năm rưỡi sống ở Ba Lan, chúng tôi đã học được nhiều điều về đất nước này. Chúng tôi biết được một điều, ví như Nguyên soái Rokossovski lẽ ra là không được đứng đầu Quân đội Ba Lan. Chúng tôi biết người Ba Lan nói gì về chuyện này. Đó là một sai lầm nghiêm trọng.

Helen. Tôi hiểu được tiếng Ba Lan. Mọi người nghĩ tôi là người Schlachs. Chắc tại tiếng Ba Lan pha tiếng Mỹ của tôi nghe như là người vùng Schlachs.

Peter . Chúng tôi gặp một nhân viên mật vụ người Ba Lan. Anh ta tổ chức đám cưới ở nhà thờ. Tất cả hàng xóm láng giềng đều đến dự. Những sự việc như vậy chúng tôi vẫn gặp ở Varsava.

Helen. Tôi cứ tự hỏi: Họ là cộng sản kiểu gì thế nhỉ? Họ đến nhà thờ và tổ chức đám cưới ở nhà thờ?

Peter . Cả việc đó nữa đã giúp chúng tôi mở rộng hiểu biết của mình. Có thể ngay lúc đó phản ứng của chúng tôi như anh nói. Nhưng qua thời gian, chúng tôi đã học hỏi được nhiều điều. Tình cảm của người Ba Lan thế nào ấy à? Tất nhiên là có giai cấp công nhân Ba Lan và Đảng Ba Lan. Nhưng vào thời kỳ đó, hầu như mọi người đều vừa từ mặt trận trở về, vừa ra khỏi chiến tranh. Ở Varsava đã diễn ra cuộc đảo chính. Anh cũng biết các sự kiện đó có ảnh hưởng rất lớn đến đời sống của nhân dân, mà chúng tôi may mắn được trải qua.

Khi từ Matxcova đến Varsava, ngày lễ Phục sinh đang đến gần mà chúng tôi không có thịt. Có thể mua cái gì đây? Một người bạn gợi ý mua kolbassa, bên trong có thịt ngựa. Thời ấy ở Varsava có những cửa hàng thịt bán thịt ngựa, có treo một cái đầu ngựa như là biển báo. Để mua được thịt ngựa, phải xếp hàng từ bốn giờ sáng. Tôi đi đến cửa hàng, đứng xếp hàng ở đó để có được thịt ngựa mà ăn.

Helen. Mọi người có ý muốn chuyển lương thực thực phẩm qua Đại sứ quán nhưng chúng tôi từ chối. Chúng tôi không muốn một đặc ân nào cả.

Peter . Chúng tôi đã học hiểu Varsava, hiểu cuộc sống Ba Lan. Chúng tôi đi thăm ngôi nhà của Chopin, đi xem phim Xôviết, phim Ba Lan, đi xem kịch. Và thỉnh thoảng chúng tôi cũng làm việc với các đồng chí còn trẻ tuổi.

- Đến Luân Đôn

Peter . Đầu tiên chúng tôi ở trong khách sạn, gần Piccadilly. Cần tìm một căn hộ và cả nơi làm việc nữa. Chúng tôi đi khắp nơi, đến một hôm thì đọc được một thông báo dán trên cửa kính về việc mua bán cho thuê nhà đất. Chúng tôi lựa được một địa chỉ ở trung tâm thành phố và đã chọn được một căn hộ và ở đó được bốn hay năm tuần gì đó. Trong thời gian ấy, chúng tôi lại đi tìm nhà, và cả địa điểm để làm cửa hàng bán sách. Helen đã tìm được một ngôi nhà trên cả tuyệt vời.

Helen. Nhưng trước đó là ở Catford. Chúng tôi đã ở đó gần một năm. Vị giáo sư chủ hộ đi công tác ở Trường Đại học Cornell ở Châu Mỹ và muốn cho thuê lại ngôi nhà trong một năm.

Peter . Chúng tôi hiểu là phải đến tận nơi xem sao. Catford là một khu phố của Luân Đôn. Chúng tôi đã ngồi nói chuyện mãi với hai vợ chồng vị giáo sư và thỏa thuận được với nhau về các điều kiện thuê mướn. Như kiểu là năm quyển sách một tuần. Ở Mỹ, tiền nhà trả theo tháng nhưng ở Anh tính theo tuần. Việc chúng tôi không có con lại khiến họ rất động lòng. Đồ đạc trong nhà không hề suy suyển. Họ giới thiệu chúng tôi với em gái của bà vợ, để sau này nếu có việc gì thì thỉnh thoảng chúng tôi cứ gặp cô ấy. Chúng tôi sống một thời gian trong ngôi nhà ở Catford. Trong khi tìm chỗ để mở cửa hàng, chúng tôi đến một công ty cho thuê nhà đất trên phố Strand. “Strand” là từ gọi nhắc đến bờ biển. Phố ở ngay trung tâm Luân Đôn, hướng ra con phố có các tòa soạn báo.

Phóng viên. Có lẽ chúng ta nên nghỉ một chút?

Peter . Kết thúc đây. Vậy là chúng tôi tìm được một cửa hàng hai phòng như thế này. Một chỗ hết ý. Bên kia đường là trường kinh tế Luân Đôn nổi tiếng và tòa án dân sự. Chúng tôi đã làm ăn ở đó.

- Hiệu sách

Peter . Hai năm đầu thực là vất vả nhất trong việc tìm kiếm khách hàng. Bán sách là thứ nghề cha truyền con nối, từ thế hệ này sang thế hệ khác. Những đối tượng nào có thể tìm đến cửa hàng chúng tôi? Các hiệu sách có tập quán phân phát ca-ta-lô. Lúc đầu chúng tôi in hoặc đánh máy danh sách sách và đã gửi đi khoảng hai trăm ca-ta-lô kiểu này.

Cuối cùng chúng tôi cũng cho ra được một ca-ta-lô đặc biệt của riêng mình. Ca-ta-lô này được in ở Hà Lan. Một người bạn bán sách bảo tôi rằng nhanh và tốt nhất là thị trường Luân Đôn. Thực chất anh ấy là một sĩ quan của cơ quan tình báo Anh trong thời kỳ chiến tranh. Chúng tôi đã phát ra một triệu bản ca-ta-lô. Nếu anh có được 15% người mua trên tám trăm đến một nghìn ca-ta-lô nghĩa là anh có thể sống và có lãi. Chính vì thế mà tôi đã rất lo lắng.

“Konspiratsia”

Peter . Có hai kênh thông tin (đài phát thanh thông thường và làn sóng ngắn) và cả những bức thư viết bằng mực không màu. Vậy là ba kênh. Có kiểu thứ tư là để lại các ám hiệu. Chắc anh biết nơi chôn cất Karl Marx ở nghĩa trang Highgate. Ở đó, trên mỗi bức tường, mỗi thân cây đều có vết phấn. Cả hồi ở Mỹ, chúng tôi cũng dùng ám hiệu để liên lạc với Abel và đồng đội. Một dấu hiệu trên ghế đá ở đại lộ số 5. Một đồng chí đến bằng xe buýt qua đại lộ ấy, không cần xuống xe, chỉ từ trên xe nhìn qua cửa kính, nhận ra dấu phấn trên ghế băng. Chúng tôi lại tiếp tục dùng ám hiệu để liên lạc, báo tin.

Helen. Bobsy, từ từ đã. Chủ yếu là thời kỳ chúng ta chụp ảnh các sự việc. Anh có còn nhớ là ta định làm một con lặn nhưng như thế thì phải có một hộp thư. Việc đó không hề đơn giản.

Một hôm, chúng tôi có một gói lớn khoảng chừng này. Gói to như thế thì rất khó tìm được chỗ cất giấu an toàn. Rồi cũng tìm được một nơi rất ưng ý ở một con phố yên tĩnh. Một cabin điện thoại, phía sau có bãi cỏ và đủ các thứ trên đời, có thể đào một cái hố và giấu đồ xuống đấy. Sau đó chúng tôi giải thích qua radio cách lấy gói đồ.

Một hôm, tôi phải tự lái xe đi, anh ấy đi vắng và bảo “Em phải tự làm việc đó”. Vậy là tôi tự lái



xe. Khi đến nơi, tôi thấy nhiều người đang dọn dẹp khu vực đó. Trước đó hai ngày còn không có một ai. Tôi tự nhủ: “Lạ quá! Mình phải làm gì bây giờ?” Tôi biết là sẽ có người đến lấy gói đồ trong vòng một tiếng nữa. Phải làm sao đây? Mặc kệ, tôi tự trấn an, đành phải trông chờ vào may rủi vậy.

Người tôi như muốn nổ tung. Tôi lấy chiếc hộp cho vào hố và lấp đi. Làm xong người tôi mệt bã ra. Mọi người vẫn tiếp tục làm việc. Chẳng ai để ý đến tôi. Tôi lên ô tô lái xe đi, vừa đi vừa lo lắng: “Không biết họ có nhìn thấy mình không?”

Suốt cả ngày tôi bồn chồn căng thẳng. Cuối cùng tôi nhận được thư của trung tâm báo mọi việc đều tốt đẹp. Không biết phải diễn tả cảm giác của tôi khi đó như thế nào nữa!

Peter. Có một chuyện nữa. Chúng tôi có những hộp thư dự trữ ở nhiều nơi khác nhau cho các trường hợp bất trắc. Tôi nhớ lần ấy có một cậu bé dắt một con bò sữa, có cả quân đội đang tập luyện. Người ta gọi đây là quân đội dự bị lớn tuổi. Hiểu là sự việc không có gì nghiêm trọng, chúng tôi bỏ đi ăn và một tiếng sau quay lại, bỏ đồ vào hộp thư, kết quả là đồng đội có được thứ họ cần. Mỗi lần lại có một chỗ dự trữ. Một hộp thư thường xuyên và một hộp thư cấp cứu.

- Ngôi nhà điệp báo

Peter. Ngôi nhà có một chức năng chiến lược. Tôi nghĩ là Helen sẽ kể lại việc cô ấy tìm thấy ngôi nhà như thế nào, còn tôi sẽ nói tiếp chuyện bán sách.

Helen. Tôi đi đến một công ty nhà đất, mô tả cho họ về ngôi nhà chúng tôi muốn tìm. Tôi đã tìm khắp Luân Đôn suốt ba bốn tháng trời. Họ đã thu tiền hoa hồng. Và rồi chúng tôi cũng thấy được ngôi nhà. Có một bờ tường bằng gạch bao quanh và một khu vườn. Tôi chụp ảnh lại. Trong lòng nghĩ rằng đây là địa điểm lý tưởng vì cách đó hai dặm là căn cứ quân sự Mỹ và Anh.

Phóng viên (bằng tiếng Nga). Ông bà đã đặc biệt chú trọng việc tìm địa điểm?

Helen. Vâng. Tôi tìm đúng kiểu nhà như thế ở đúng địa điểm đó. Đó là ngõ cụt. Nhưng có một lối đi ở phía sau để vòng lại. Ben đã đi bằng lối này để chuyển trang thiết bị làm ảnh đến cho chúng tôi. Tất cả đều rất kín đáo. Không ai có thể nghi ngờ. Trong ngôi nhà ấy, chúng tôi đã làm ảnh bằng thiết bị mà Ben mang đến.

Phóng viên (bằng tiếng Nga). Thế mọi người mang dụng cụ đến nhà hay đến cửa hàng sách cũ?

Helen (bằng tiếng Nga). Không, như thế thì rất nguy hiểm. Chỉ ở nhà thôi. Ben mang dụng cụ đến còn Peter và tôi chụp lại.

Phóng viên (bằng tiếng Nga). Ben đến nhà ông bà hay ông bà gặp Ben trong thành phố?

Helen (bằng tiếng Nga). Không, ban đêm anh ấy mang đồ đến nhà. (bằng tiếng Anh) Chúng tôi chế vi ảnh. Công việc này thực không dễ.

Peter. Vi ảnh có thể đem giấu trong sách được.

Helen. Hay dưới một con tem bưu điện.

Peter. Hoặc bằng mực không màu. Đồng đội biết là có thư ở trang nào. Họ gửi sách về Matxcova. Có một địa chỉ, chúng tôi không biết là của ai nhưng biết là sẽ đến được với đồng đội của mình. Chúng tôi phải đi qua vài con phố của Luân Đôn, đi tàu điện ngầm, qua hai ga, đi tiếp một tuyến tàu điện ngầm nữa cho đến khi biết chắc chắn là không có ai theo dõi. Đến một hộp thư, có một hộp khác để gửi sách và bọc gói. Chúng tôi để sách vào đó rồi đi. Đó là một phần công việc. Nhưng chúng tôi đang nói về khu bangalow.

Phóng viên (bằng tiếng Nga). Nhưng không chỉ có vi ảnh, không chỉ có sách mà có cả các thông điệp được gửi đi qua sóng radio?

Helen. Vâng, qua sóng radio.

Phóng viên (bằng tiếng Nga). Trong nhà ông bà có máy phát chứ?

Helen. Có, máy được giấu dưới đất. Chúng tôi có... Nhưng đó không hẳn là cái hầm. Nó như một kiểu móng nhà. Ben đến vào dịp cuối tuần và chúng tôi đào một cái hố lớn dưới bangalow, trát lại bằng xi măng vì biết là nếu nó không bị ngập nước thì sẽ để kết và máy phát ở đó, sau

đó phủ một lớp gạch lên tất cả. Mọi thứ đều được ngụy trang.

Phóng viên (bằng tiếng Nga). Và ông bà làm việc như vậy suốt bấy nhiêu năm trời?

Helen. Khoan đã. Phải làm sao cho không ai phát hiện ra. Tôi mua một cái tủ lạnh, kê tủ lên phía trên nơi cất giấu, sau đó trải toàn bộ nền nhà bằng thảm nhựa lino. Chiếc tủ kê ở chỗ tấm thảm bị cắt, vừa khít với lối xuống lòng đất. Tôi cố định các bánh xe dưới tủ lạnh để có thể chuyển đi chuyển lại. Chính tôi phải xuống dưới đó vì người mảnh khảnh. Anh ấy thì không thể.

Peter. Tôi chỉ cho được cái đầu qua đó.

Helen. Bản tin đã sẵn sàng, chúng tôi chỉnh máy. (bằng tiếng Nga) tất cả diễn ra chỉ trong hai ba giây. (bằng tiếng Anh) Sự việc nhanh đến nỗi không ai có thể chặn lại được.

Peter. Việc đó không đến ngay năm đầu tiên. Tôi không nghĩ là họ chú ý từ năm thứ nhất hay năm thứ hai. Phải từ năm thứ ba họ mới bắt đầu bị âm thanh đó quấy nhiễu.

Helen. Anh đang nói đến điều gì thế, Bobsy? Họ không hề biết gì cho đến khi chúng ta bị phát hiện. Chưa bao giờ họ tìm ra chúng ta trên sóng radio. Điều này đã được nói trong phiên tòa đầy thối.

Peter. Trong những tháng cuối năm 1960, em còn nhớ không, có một chiếc xe tải nhỏ của bưu điện đỗ bên hàng xóm. Em còn nhớ chiếc xe màu xanh.

Helen. Nhưng họ không hề tóm được chúng ta.

Peter. Anh đang nói là họ không hề chú ý đến chúng ta trong năm đầu tiên cũng như năm thứ hai, mà có lẽ phải năm thứ ba thậm chí là đến năm thứ tư...

Helen. Anh có biết khi nào thì họ nghi ngờ không? Là lần đầu tiên khi họ cố vào được nhà mình.

Peter. Vậy là năm thứ năm.

Helen. Khi Ben bắt đầu đến thăm chúng ta. Chưa bao giờ họ tóm được ta trên sóng radio. Vì khi bắt chúng ta và tìm thấy các thiết bị, họ cố tìm ra chiếc máy phát nhưng không thấy. Luật sư của chúng ta đã chỉ cho họ thấy là họ không thể (xác định được vị trí của chiếc máy phát). Họ cố chứng minh rằng "chúng tôi, những người Anh, chúng tôi hiểu biết". Nhưng đâu phải vậy. Vì sau đó, có một bài báo đăng trên tờ

Telegraph do một chuyên gia viết khẳng định là hệ mật mã của vợ chồng Kroger là bất khả xâm phạm.

Peter. Ngôi nhà. Ngôi nhà có một tầng áp mái. Có một vắn đề ở chỗ này... Chỗ chúng tôi để các quyển hộ chiếu...

Helen. Vấn đề chính là ở chỗ dây cáp. Họ không phải cho ra ngoài để không ai có thể nhận ra dấu hiệu gì. Vì cái đài.

Peter. Thế là chúng tôi quyết định làm một cái cầu thang. Ở Anh có các công ty xây dựng cầu thang di động, các bậc thang di động. Các bậc thang này dẫn từ sàn đến trần nhà để treo lên dễ dàng và bật điện. Helen để táo ở trên đó. Vì nhà có vườn mà. Vậy là có chỗ để cất quần áo cũ. Chính ở chỗ đó giấu ăng ten. Vậy anh có thể thấy ngôi nhà có một vị trí chiến lược.

Anh nói đến đài phát thanh. Đó là một chiếc đài bình thường, và (cũng là) máy thu để liên lạc với người của ta (ở Matxcova). Thỉnh thoảng chúng tôi vẫn nhận điện qua sóng radio thông thường. Có một mã số đặc trưng liên quan đến Sibérie.

• Ben (Gordon Lonsdale)

Phóng viên (bằng tiếng Nga). Xin ông bà cho khán giả truyền hình biết ông bà đã làm việc bao nhiêu năm ở nước Anh.

Peter (bằng tiếng Nga). Năm năm.

Phóng viên (bằng tiếng Nga). Suốt thời gian đó ông bà làm việc với Ben?

Helen, Peter. Vâng.

Phóng viên (bằng tiếng Nga). Xin ông bà cho biết đó là người như thế nào, quan hệ giữa ông

bà với người này ra sao.

Helen. Ben là một chàng trai tuyệt vời. Trước hết đó là một cá tính tuyệt vời. Anh ấy biết cách hành xử với mọi người và khiến họ cảm thấy họ là người quan trọng. Anh ấy biết lắng nghe. Tư chất của anh ấy vốn như vậy. Tiếp xúc với anh ấy, người ta không có suy nghĩ rằng “ồ, anh ấy ma lạnh hơn mình” hay cái gì đó gần như vậy, mà họ nghĩ ngược lại: “anh ấy cũng có ý hay như mình”. Anh ấy còn rất lịch sự khi tiếp xúc với phụ nữ. Thực sự thì anh ấy không đẹp trai nhưng rất cá tính. Một chàng trai không giống như những người khác. Tôi rất yêu mến anh ấy, một người bạn chân thành.

Khi anh ấy mất (năm 1970), tôi rất sốc. Tôi không thể nào tin nổi điều đó. Cảm giác như người mình bị mất rất nhiều máu. Sự ra đi của anh ấy quá đột ngột... Anh ấy còn đến thăm tôi ở bệnh viện ngày chủ nhật. Chúng tôi còn tìm xem điều gì không hợp với tôi.

Phóng viên. Ở đây sao. Ở Matxcova?

Helen. Vâng. Và anh ấy còn nói: “Tôi sẽ nhặt cho chị những cái nấm ngon nhất”. Vì tôi thích ăn nấm mà. Chúng tôi đã cùng cười với nhau.

Bao nhiêu cô gái trong bệnh viện đã thốt lên: “Anh ấy đẹp trai quá! Ai thế nhỉ?”

Tôi bảo: “Một trong số những người yêu của tôi đấy”.

Và rồi anh ấy đi. Anh ấy bị bệnh cao huyết áp. Lẽ ra không cần phải cúi xuống. Chỉ để hái nấm thôi. Vì thế mà anh ấy bị dồn máu. Chắc chắn là anh ấy bị tăng huyết áp. Hai ngày sau, Yuri đến bệnh viện. Tôi gặp anh ấy trong phòng của bác sĩ. Nhìn anh ấy, tôi nhận thấy anh ấy rất xúc động. Tôi biết là anh ấy phẫu thuật dạ dày nhưng sức khỏe anh ấy đã khá tốt.

Tôi hỏi: “Có chuyện gì thế?”

“Là Ben”

“Sao cơ? Tôi vừa gặp anh ấy hôm qua. Thế anh ấy làm sao?”

“Anh ấy mất rồi”.

“Trời ơi, không thể nào! Làm sao có thể có chuyện đó? Chúng tôi vừa nói chuyện với nhau hôm qua”.

“Hôm chủ nhật anh ấy đi hái nấm, và bị chảy máu não”.

Tôi có thể nói gì về Ben nữa đây? Tôi còn nhớ khi Khrouchtchev tới bàn công việc, tôi nói với Ben: “Anh nói đi Ben, có thể nói cho tôi biết có chuyện gì xảy ra thế. Mọi việc thay đổi quá nhanh...”

Anh ấy nói: “Nghe này, quý sứ biết rõ ai là người canh cửa ở đây đấy. Chúng ta có việc phải làm. Vậy thì làm việc thôi và làm việc chú tâm vào...”

Một giọng bằng tiếng Nga. Xin lỗi. Cắt!

- Ben và Mark (Rudolf Abel)

Phóng viên. Bây giờ chúng ta nói về Abel. Về hai người, Ben và Abel.

Helen. Anh biết đấy, đó là hai tính cách rất khác nhau. Abel lớn tuổi hơn, có nhiều kinh nghiệm hơn vì anh ấy đã làm việc trên khắp đất nước. Anh cũng biết đấy, ở cả Pháp và nơi khác nữa. Anh ấy rất trầm tĩnh, khách quan. Chẳng có gì có thể làm anh ấy tức giận. Chúng tôi vẫn tranh luận với nhau. Khi tôi bị kích động quá mức, anh ấy luôn nói với tôi: “Bình tĩnh nào. Tất cả sẽ ổn thôi”.

Peter. Anh ấy chỉ bị mất máu lạnh khi em làm món thịt cừu rán thôi.

Helen. Chính anh ấy yêu cầu em đấy chứ. Không có món ngỗng om mặn. Mà em vừa mới trang trí xong căn phòng này. Chúng ta mời anh ấy đến ăn cơm tất niên.

Peter. Anh ấy ở một phòng.

Helen. Và anh ấy nói: “Để tôi chặt cho”. Em đưa cho anh ấy con dao chặt. Anh ấy cầm...

Peter. Cái nữa.

Helen. Anh ấy cắm cái nĩa vào con vật. Và con ngỗng bắn lên tường! Náo loạn cả lên!

Em kêu lên: “Nhìn xem! Em vừa mới sửa lại căn phòng này tuần trước! Anh ấy... Đôi mắt anh ấy...”

Anh ấy nói: “Lạy chúa! Tôi làm cái gì thế này!”

Anh ấy lấy một cái khăn ăn rồi bảo: “Không sao. Nhà anh chị luôn luôn sạch sẽ. Gì thì gì vẫn cứ ăn đi”.

Rồi chúng tôi ăn thịt ngỗng, nói chuyện suốt đêm. Anh ấy kể những chuyện hết sức riêng tư, những cảm nhận của anh ấy về nước Mỹ. Trong câu chuyện, tôi nói với anh ấy về chàng trai trẻ. Tôi nghĩ là có nhiều khả năng khác nhau ở đây.

Mọi việc không được suôn sẻ lắm với chàng trai này. Vì khi Abel bị bắt, chàng trai đó nói là tôi đã giới thiệu anh ta với Milk (Abel). Ảnh của tôi lại bị tìm thấy trên người Milk. Thế mới tệ. Nhờ vào đó, người ta mới xác lập được mối quan hệ của chúng tôi. Nếu không, chẳng bao giờ họ có thể biết gì về quan hệ giữa Abel với chúng tôi.

Nhưng Abel rất bình tĩnh. Tôi không nhớ anh ấy đã nói gì về việc này trong phiên tòa. Anh ấy khẳng định là chưa hề nói gì. Anh ấy bảo: Bức ảnh này do một người nào đó đưa cho tôi. Chỉ có điều trong bức ảnh đó tôi lại mặc bộ quần áo khi làm việc. Mà tôi làm việc trong một nhà máy hàng không chuyên sản xuất linh kiện. Tôi làm nhiệm vụ giám sát và chụp ảnh khi đang mặc bộ quần áo lao động đó. Chính điều này đã làm hại chúng tôi. Nói cách khác, bọn họ chưa bao giờ biết có mối liên hệ giữa Abel và chúng tôi. Lẽ ra anh ấy phải cất bức ảnh đi. Vì những lỗi nhỏ như vậy mà anh có thể bị thất bại.

Phóng viên (bằng tiếng Nga). Vậy như bà nói, lỗi tương tự lại xảy ra với Lonsdale khi anh ấy khiến người ta chú ý đến ông bà.

Helen (bằng tiếng Nga). Tôi không hiểu.

Phóng viên (bằng tiếng Nga). Ben đã mắc lỗi tương tự khi anh ấy đưa người (từ Scotland Yard) đến tận nhà ông bà. Nếu không ngôi nhà đã không bị nghi ngờ.

Helen. Phải. Sự việc xảy ra đúng như vậy. Đó không phải là lý do duy nhất nhưng sự việc bắt đầu từ việc đôi Gee và Houghton bị theo dõi, vì tôi giả thiết là có kẻ phản bội người Ba Lan đã chỉ điểm Houghton. Từ Houghton, Ben bị phát hiện và từ Ben...

Phóng viên. Ông bà bị phát hiện.

• Bắt giữ

Helen. Tôi đi Luân Đôn vì Ben muốn mua vài thứ và muốn tham khảo ý kiến của tôi.

Peter . Một ngày thứ bảy.

Helen. Ngày thứ bảy. Anh ấy nói... Tôi có một cái kính hiển vi nhỏ. Anh ấy muốn xem một bức thư nhận được.

Peter . Để giải mã.

Helen. Anh ấy nhận được một bức thư, bằng vi ảnh. Tôi có một chiếc kính hiển vi. Nhỏ thôi. Anh ấy đã dùng nó nhiều lần. Thế là anh ấy muốn đến.

Anh ấy nói: Hôm nay tôi không có thời gian vì có hẹn. Anh chị cầm lấy phong bì này, tôi sẽ qua đọc thư sau một hay hai ngày nữa.

Thế là tôi đút bức thư vào túi và đi, để nó ở Luân Đôn. Khi trở về, tôi bắt đầu ăn tối, và có tiếng chuông cửa. Tôi ra mở cửa. Họ nói: “Chúng tôi có thể vào được không?” Tôi nhìn họ...

Phóng viên. Lúc đó Peter không có nhà?

Helen. Không, Peter đang ở trong phòng khác. Anh nghe tiếp.

Peter . Để tôi kể lại. Đúng một phút. Một phòng nhỏ nơi cất sách phải kiểm tra. Anh cũng biết đấy, mỗi hiệu sách đều có một chỗ như vậy, đó là văn phòng với một bàn làm việc, địa chỉ, điện thoại, ca-ta-lô. Tất cả những thứ ấy đều ở trong phòng này. Tôi ở đó làm việc miệt mài vì hôm đó là thứ bảy, và thứ hai là ngày mở cửa. Tôi xem ca-ta-lô, phải gửi chúng đi cho khách hàng.

Helen cũng tập trung vào những việc đó. Cả hai chỉ nghĩ đến công việc.

Helen. Và họ đến. “Chúng tôi có thể vào được không?”

— Được

Họ bước vào nhà. Họ hỏi: “Ông bà biết gì về Lonsdale?”

Tôi trả lời: “Lonsdale? Lonsdale là ai?”

“Là một người đến đây rất thường xuyên”.

“Có nhiều người thường xuyên đến đây. Các ông muốn nói đến ai?”

“Một người đàn ông tên là Lonsdale”.

“Tôi rất tiếc. Nhưng tôi không có khái niệm gì về cái tên này cả. Có ít người tới đây chỉ để mua sách”. Tôi nói thêm: “Tôi không thấy người nào như các ông nói cả”.

“Xin lỗi, tôi phải bắt giữ bà”.

Phóng viên. Họ có bao nhiêu người?

Helen. Ba người đàn ông và một người đàn bà. Khi người đó nói: “Tôi sẽ bắt bà”, tim tôi như bị bóp chặt, vì tôi biết mình đang kẹp bức thư của Ben trong sổ. Thư của vợ anh ấy. Bằng vì anh.

Peter. Bên ngoài trời mưa. Có khá nhiều ô tô đỗ.

Helen. Suốt dọc con phố.

Perer. Viên chức, cảnh sát. Đầu tiên chúng tôi không hiểu. Lúc Helen nói với họ, chúng tôi không hiểu họ muốn gì ở chúng tôi. Ô, chúng tôi hiểu nhiều thứ nhưng họ ở bên ngoài đông quá... Chờ đợi. Chúng tôi phát hiện ra sự việc một lúc sau đó. Chúng tôi đã thực hiện những việc phải làm.

Ngôi nhà được xây kiểu này, anh thấy không. Tôi đã nói đến cái cầu thang. Phía sau là khu vườn lớn. Khu vườn kéo khá dài cho đến sân chơi bóng, chơi bi, trò chơi bi theo kiểu Anh. Nó có một hàng rào bao quanh. Họ biết tất cả những điều đó và đã chuẩn bị tất cả.

Helen. Tôi hỏi: “Ai đã buộc tội chúng tôi?”

Họ nói: “Cơ quan mật vụ”

Tôi nói: “Tôi không hiểu các ông nói gì. Tôi không quen người nào mà bí mật với mật vụ. Mà tôi có thể biết được ai thuộc cơ quan mật vụ chứ? Tôi cùng chồng buôn bán sách ở đây. Tôi chỉ biết có bấy nhiêu”.

Người đó nói: “Không sao cả, dù gì thì chúng tôi cũng bắt ông bà”.

Tôi nói: “Được lắm”.

Tôi có thể làm gì nữa?

Tôi nói: “Xin lỗi, tôi phải vào bếp tắt lửa đã”. Và nói thêm: “Tôi nghĩ là các ông đã nhầm rồi”.

Nhưng cô gái đi theo tôi và tôi không thể lấy bức thư đốt đi được. Có vậy họ mới biết về bức thư của vợ Ben. Anh đã đọc các bức thư đó trên các báo rồi đấy. Chuyện đã xảy ra như vậy.

• Phiên tòa

Peter. Cảnh sát nhốt chung Ben với tôi trong một chỗ.

Helen. Ở cùng một nơi.

Peter. Helen thì ở một nơi khác. Chúng tôi đã chờ đợi như thế.

Helen. Vâng, ở Old Bailey.

Peter. Khi đó chúng tôi không có luật sư. Chúng tôi biết rằng những người là luật sư của mình trước kia sẽ từ chối tiếp nhận hồ sơ. Chúng tôi hiểu chứ. Làm sao đây? Có một cơ hội để nói chuyện với Ben - để đi uống nước, phải đi qua hành lang. Họ mở cửa xà lim. Đó chính là thời điểm Ben và tôi có thể đi với nhau một mẩu đường và nói về chuyện luật sư, sau đó, chúng tôi bị nhốt chung một phòng giam.

Anh ấy nói: “Tôi đã giao cho luật sư của tôi tìm luật sư cho anh”.

Anh thấy không? Cùng một luật sư không thể nhận bào chữa cho cả hai chúng tôi được. Một luật sư và một cố vấn cho anh ấy, một luật sư và một cố vấn cho tôi.

Phóng viên (bằng tiếng Nga). Tuy nhiên như ông đã nói, người ta biết là hai người quen biết nhau. Lúc đầu Helen phủ nhận tất cả quan hệ với Ben, ông cũng vậy. Ông bà chối là không quen biết Ben.

Helen. Vâng, lúc đầu chúng tôi làm vậy.

Phóng viên (bằng tiếng Nga). Nhưng một khi đã ở trong tù, ông bà bắt buộc phải thừa nhận là có quen biết Ben.

Peter (bằng tiếng Nga). Vậy điều đó có nghĩa gì? (bằng tiếng Anh) Lúc đầu tôi có thể nói thế, tôi không thể khẳng định là không biết anh ấy. Muốn biết điều gì sẽ đến, thế thôi. Chúng tôi đã thay đổi ý kiến. Mới đầu chúng tôi không để ý. Anh có hiểu không nhỉ? Chúng tôi nhìn nhau. Chỉ thế thôi. Chúng tôi không biết Gee và Houghton là ai. Sau đó, mọi người ngồi xuống. Vì là hai người, cô ấy và tôi, mỗi người ngồi vào chỗ của mình.

Helen. Chúng tôi không biết.

Peter. Chúng tôi nhìn thấy một phòng lớn hơn phòng này dành cho cảnh sát...

Helen. Cửa sổ cảnh sát.

Peter. Cảnh sát Old Bailey. Cho đến khi bị giam chung một xà lim. Đến ban đêm, họ đưa chúng tôi đi. Đó chỉ là phòng tạm giam, không phải xà lim để nhốt tù lâu dài. Họ chỉ có thể giam ở đó một hoặc hai ba ngày.

Họ muốn cái gì? Họ muốn đưa chúng tôi ra tòa. Không phải phiên tòa có thẩm phán mà chỉ là phiên do quan tòa xét xử. Vì quan tòa là người xử các vụ thứ yếu. Quan tòa phải cho phép chúng tôi nói. Như thế mới đúng luật. Vậy là chúng tôi ra hầu tòa, phiên tòa diễn ra đầu đó khoảng năm ngày, bốn hay năm ngày gì đó. Cho đến khi họ có được kết quả như ý. Sau đó phải có một phiên tòa của Tòa Thượng thẩm.

Sau đó họ đi tìm chứng cứ. Để biết được chúng tôi là ai. Vị chủ tịch (ngài Parker)... Ông ấy biết rõ chuyện này. Và ông ấy muốn phiên tòa kết thúc trước lễ Phục sinh, vì ông quan tòa nào cũng muốn đi nghỉ kỳ lễ này. Đó là một ngày lễ lớn nên họ muốn hoàn thành công việc vào đêm trước lễ Phục sinh. Vì thế chúng tôi không thể làm gì. Đó là phi vụ của họ. Họ chèo lái vụ việc và phiên tòa kéo dài đúng tám ngày. Năm ngày của tuần này và ba ngày trong tuần tiếp theo. Kỳ nghỉ lễ Phục sinh bắt đầu vào thứ năm...

Khi phiên tòa kết thúc đã diễn ra cuộc tranh cãi ồn ào. Điều đầu tiên mà tôi nghĩ đến là tôi muốn gặp Helen. Đúng lúc cuối phiên tòa. Nhưng hai viên bảo vệ đã tóm chặt lấy tôi, bắt tôi phải đi. Họ bẻ tay tôi ôm lấy đầu. Họ đã làm vậy với tôi đấy.

Tôi nói: “Tôi muốn gặp vợ tôi, tôi muốn gặp vợ tôi”.

Nhưng họ kéo tôi vào buồng giam.

Ở đó tôi gặp Ben. Lúc đó họ giam chung Ben với tôi. Một giờ hoặc hơn gì đó, họ đưa tôi đi gặp Helen. Chúng tôi gặp nhau trong một căn phòng khác. Đó là lần cuối cùng tôi gặp cô ấy cho đến khi...

Helen. Sáu tháng.

Peter. Vâng, sáu tháng sau...

• Nhà tù

Peter. Nhà tù Manchester rất rộng, nhốt được bốn nghìn tù nhân. Tù nhân ngủ ngay ở hành lang. Vì thiếu chỗ mà. Một phần ba số phòng giam có ba tù nhân. Xà lim sạch sẽ, làm bằng đá đẽo rất chắc chắn. Vì bị kết án hai mươi năm, tôi ở một mình một phòng.

Helen cũng vậy, ở một mình một phòng.

Vậy là như tôi đã nói với anh, tôi bị giam ở Manchester đến tận năm 1963. Phải kể ra đây một sự cố. Helen sẽ nói chuyện này sau. Một sự cố khá có ích nhưng xảy ra chóng vánh.

Sau khoảng sáu tháng đầu, phó giám đốc nhà tù gọi tôi lên văn phòng của ông ấy. Hai viên bảo vệ đến tìm tôi. Họ làm gì thế? Họ dùng những bàn tay gầy guộc để làm ghế ngồi. Đó là cách làm đối với những tù nhân đặc biệt. Thế là tôi ngồi lên tay họ và họ mang tôi đến tận văn phòng của viên phó giám đốc. Nhoáng một cái tôi đã ở trước cửa phòng. Tôi phải báo tên và trình sổ đăng ký.

Ông ta nói: “Một nhân viên tình báo Mỹ mong muốn được gặp ông. Ông có thể gặp anh ta được không?”

Những lời ông ta nói chính xác là như vậy. Nguyên văn như vậy.

Tôi suy nghĩ một lúc rồi trả lời: “Không, thưa ông. Tôi không có ý định đó”.

Tôi cảm thấy như có sự thở phào nhẹ nhõm khi nghe tôi nói vậy. Tôi nghĩ như vậy là cơ quan mật vụ Anh đã nghe được và tôi nghĩ cần nói để các bạn nghe về chi tiết này.

Anh ta nói: “Tốt lắm, ông có thể về nghỉ, ông Kroger ạ”.

Quay lại xà lim. Đây là một trong những sự cố xảy ra hồi đó.

Phóng viên. (bằng tiếng Nga với Helen). Xin bà nói cho biết câu chuyện của bà với giám đốc nhà tù.

Helen. Ồ. chuyện đó khá thú vị. Một hôm vị giám đốc nhà tù đến phòng giam của tôi và nói: “Kroger, liệu tôi có thể hỏi bà một câu được không?”

Tôi nói: “Tất nhiên thưa ông”.

“Mong bà giải thích cho tôi biết chuyện gì đã xảy ra. Với bà, tôi có thể hiểu được. Bà thuộc về giai cấp công nhân. Tôi đã đọc hồ sơ của bà đăng trên báo”.

“Tôi biết là ông đã đọc”.

“Nhưng Philby, Maclean, Burgess là những người thuộc tầng lớp thượng lưu. Họ là những nhà quý tộc. Điều gì đã khiến họ gia nhập chủ nghĩa cộng sản?”

“Ông nghe đây. Chắc chắn là ông chưa đọc Karl Marx. Karl Marx đã nói rằng những người con trai con gái ưu tú nhất của đất nước, nếu họ yêu đồng bào mình, họ sẽ làm hết sức để đạt được chủ nghĩa xã hội”.

Ông ta nhìn tôi như thể chưa bao giờ thấy vật lạ và đi mất. Tôi nghĩ như vậy lại tốt.

#### • Vụ kiện

Peter. Khi Gorbachev đến Paris (tháng 5 năm 1988) và gặp Tổng thống Francois Mitterand, Tổng thống đã tặng hai cuốn sách. Các bạn có thể xem sự kiện này trên truyền hình. Hai cuốn sách, một tác phẩm của Montesquieu xuất bản đã từ lâu, cuốn *Từ tinh thần luật* (De l'esprit des lois) nói về quan hệ quốc tế. Đây là cuốn sách đầu tiên nói về vấn đề này một cách có hệ thống. Montesquieu nói về các quyền của con người.

Helen. Anh nên chỉ rõ hơn giá trị của hai cuốn sách đó trong thời điểm bây giờ.

Peter. Phải. Tôi cũng muốn thử đưa ra một nhận xét. Có thể là tôi nhầm, cũng có thể không. Trong một buổi bán đấu giá ở Luân Đôn, hai cuốn đó đã bán được năm mươi nghìn bảng Anh. Tôi rất mừng thấy Metterrand tặng hai cuốn đó cho Gorbachev. Chúng ta đang thật sự cần... biết nói thế nào nhỉ?... một Nhà nước pháp quyền. Đó là yếu tố không thể thiếu đối với sự nghiệp cải tổ xã hội dân chủ, sự trong sáng về chính trị v.v..

Phóng viên (bằng tiếng Nga). Xin vui lòng cho biết, trong giai đoạn các quan hệ đã thay đổi rất nhiều, thái độ của mọi người đối với Liên Xô đã không còn như trước - sau tất cả, chiến tranh lạnh - sự đối đầu khắc nghiệt - không có điều gì thay đổi trong lập trường của ông bà? Thái độ của ông bà đối với Liên Xô ra sao?

Helen (bằng tiếng Nga). Không, làm sao có thể thay đổi chứ! Không, chúng tôi luôn giữ vững niềm tin của mình. (bằng tiếng Anh:) Liên Xô vững mạnh! Liên Xô vững mạnh. Thể chế đó là sự khích lệ lớn lao đối với toàn thế giới, với giai cấp công nhân toàn cầu.

Peter. Trong cùng thời điểm này, (chuyến công du của Gorbachev), người ta giới thiệu bộ phim về một nhà cách mạng trẻ người Pháp, hai mươi năm tuổi, là thư ký của Robespierre.



Robespierre, lãnh đạo của những người cách mạng, đã nói với Saint-Just là muốn từ giã cuộc chiến đấu. Saint-Just, chàng trí thức trẻ hai mươi năm tuổi này đóng vai trò rất lớn trong việc thông qua mười điều đầu tiên về quyền con người trong Hiến pháp nước Pháp, vai trò rất rất lớn. Saint-Just đã nói với Robespierre: “Nếu anh là một người cách mạng, anh sẽ không dừng ở đây, anh sẽ đi đến tận cùng”. Chỉ thế thôi. Tôi không nói là mọi chuyện giống hệt như nhau, nhưng chúng tôi có cùng một logic như vậy. Đó là câu trả lời cho câu hỏi của anh về thái độ của chúng tôi.

Không phải vì chúng ta biết tất cả về chủ nghĩa Mac-xít, không hề. Chẳng hạn như khi ở Tây Ban Nha tôi có đọc tác phẩm Nền tảng của chủ nghĩa Lenin của Stalin. Khi đọc xong, tôi tự nhủ: “Ồ, giờ thì ta đã biết vì sao mình lại là một chiến sĩ mac-xít, một người cách mạng. Ta biết”.

Phóng viên (bằng tiếng Nga). Ông bà quen biết Andropov [\[20\]](#) với tư cách cá nhân?

Helen. Vâng.

Peter. Chúng tôi có được hai phần thưởng cao quý cũng là nhờ công của anh ấy.

Helen. Anh ấy đã nhảy múa mừng cho sự kiện này.

Peter. Anh ấy rất quyết tâm, bảo đảm với chúng tôi rằng sẽ lưu tâm đến việc đó sao cho chúng tôi không bị lãng quên. Có lẽ vị Chủ tịch hiện thời của Ủy ban an ninh (Vladimir Krioutchkov) cũng còn để mắt đến chúng tôi. Nhưng chúng tôi đã gặp Youri Andropov hai lần liên tiếp.

Helen. Theo chúng tôi, anh ấy là một người, như người ta vẫn nói, một người bí thư. Anh ấy gặp gỡ mọi người không... anh biết đấy, đó là hiện thân của sự tự chủ và hiện thân của nhân dân. Bằng cung cách ấy, anh ấy gặp và trò chuyện với chúng tôi. Anh ấy hiểu biết và thực tế. Chúng tôi cùng ăn tối. Anh ấy đưa ra cái nhìn mới về cách mạng Xôviết, vì thực ra hai vợ chồng chúng tôi không nắm được nhiều lắm. Tất nhiên là có đọc sách, tiểu thuyết, văn học, lịch sử, nhiều lắm nhưng tôi nghĩ việc tối quan trọng là phải hiểu biết mọi người. Từ đó, chúng tôi bắt đầu nghiên cứu những sự việc gần đây. Việc đó diễn ra năm 1980.

Năm 1984, tôi bị cơn cấp phát thứ hai. Thực ra, sự việc trầm trọng hơn, và vào giai đoạn đó tôi cảm thấy trong nước có điều gì đó đang diễn ra. Có sự đổi thay trong không khí. Đọc sách báo, tôi có thể nhận thấy rõ ràng sự khác biệt trong báo chí, trong cách người ta diễn đạt mọi việc. Người ta nói nhiều hơn, nghĩ nhiều hơn. Tôi cảm nhận rằng không thể quay trở về quá khứ được nữa. Điều gì xảy đến đã xảy đến. Nhưng sự việc đã diễn ra đó làm nên lịch sử, làm nên cuộc sống. Chúng tôi phải hiểu được điều đó. Chúng tôi vẫn có cảm tưởng rằng chủ nghĩa xã hội, vâng, chủ nghĩa xã hội dân chủ là có thể.

#### • Cuộc phỏng vấn sau cùng

Trong cuộc phỏng vấn trước, vợ chồng Kroger đã nói về công việc của họ trong cơ quan tình báo Xôviết, nhưng vẫn ngập ngừng trước câu hỏi về vai trò của họ trong vụ gián điệp nguyên tử. Độc giả sẽ không khỏi đặt câu hỏi là họ thậm chí không hề đề cập đến Mlad. Những thói quen xưa cũ thường bám sâu gốc rễ, mà các tình báo viên kỳ cựu ngay cả khi thời đại không còn gay go như xưa nữa, thì họ vẫn cứ bo bo giữ các bí mật của mình.

Vụ việc nguyên tử trong sự nghiệp của vợ chồng Kroger đã được dựng thành phim năm 1990, Nửa thế kỷ bí mật, do Igor Preline và Rostislav Andrelev sản xuất và tôi được họ mời làm cố vấn của phim. Người ta quay vợ chồng Kroger ở Matxcova và câu chuyện về họ được minh họa bằng nhiều lớp phim quay ở nhiều nơi trên thế giới - cửa hàng Alexandre ở New York, Los Alamos ở New Mexico, Cranley Drive ở Ruislip. Bộ sưu tập của viên tình báo hoàn hảo này cũng được quay lên phim: chiếc bật lửa đã được tháo ra, để lộ ra phần đáy dúp (hai lớp), chiếc hộp đựng bột tan để giấu các thấu kính camera, chiếc vali nhỏ mở ra để thấy chiếc máy phát radio. Lửa trẻ lớn lên ở Anh quen gọi Helen Kroger là “Auntie” (cô), đã xem bộ phim về vợ chồng Kroger ở Matxcova và bình luận. Đến lượt mình, đôi vợ chồng này trả lời câu hỏi của chúng, Helen khẳng định rằng bà không hề có cảm tưởng là mình đã phản bội chúng khi làm gián điệp mà ngược lại, đã bảo vệ chúng.

Peter nhân dịp này bày tỏ ý kiến mà ông băn khoăn bấy lâu nay. Helen cố gắng khiến ông yên



lặng nhưng ông khẳng khái:

“Tôi đã nghiên cứu và giảng dạy lịch sử, thế giới tiến lên theo quy trình lịch sử. Vậy nên tôi mạn phép nghĩ rằng dù hướng tới tự do nhưng có những khiếm khuyết hiển hiện ở Liên Xô. Nếu như Liên Xô được kêu gọi đi tiên phong, chúng ta phải giải quyết những khiếm khuyết này, những khiếm khuyết liên quan đến vấn đề tự do trong nhiều mặt của cuộc sống...”

Và:

“Tôi muốn nói là trong những năm đầu chúng ta không cảm thấy điều đó có ảnh hưởng lớn đến độ nào, như đang cảm thấy trong những năm tiếp theo này, khi chúng ta đã luống tuổi. Khi chúng tôi đến đây, chúng tôi có quay trở lại vấn đề này... đặc biệt là trong mười năm gần đây. Trong mười năm này, cuộc sống đã khác trước rất nhiều. Mười năm ấy xuất hiện những vấn đề rất lớn mà chúng ta không chịu suy nghĩ một cách nghiêm túc”.

Vợ chồng Kroger chỉ nói rất ít đến Los Alamos, để Yatskov, Kvasnikov và Sokolov kể lại. Bộ phim Nửa thế kỷ bí mật được hãng Channel 4 ở Anh mua và được bổ sung bằng các đoạn phim tư liệu thời sự, các cuộc phỏng vấn mới và các trang bình luận chưa từng xuất hiện trước đây để đến năm 1991 ra đời bộ phim tài liệu Người lảng giềng kỷ quốc. Bộ phim truyền hình, như vốn dĩ phải như vậy, tập trung nói về vụ Portland và tạo ra ảnh hưởng rất lớn đến an ninh trong nước của Anh quốc. Dư luận chung, như tôi đã nhấn mạnh, cho rằng vụ việc đó là một thất bại.

Vợ chồng Kroger sống khá lâu, họ còn chứng kiến cuộc đảo chính thất bại tháng 8 năm 1991 và sự tan rã của Liên bang Xôviết vào cuối năm đó. Không vì thế mà họ đắm chìm trong tuyệt vọng vì họ được biết mình đã đóng góp vai trò tích cực cho lịch sử. Helen Kroger, tên khai sinh là Leontine Teresa Petka, sinh ngày 11 tháng 1 năm 1913 đã qua đời ngày 29 tháng 12 năm 1992 vì căn bệnh ung thư phổi. Peter, từ nay mất đi người bạn đời yêu quý, sức khỏe suy sụp một cách trầm trọng nhưng cuộc đời vẫn níu giữ ông. Các y tá túc trực bên ông suốt ngày đêm. Ông không còn thời gian đón tiếp khách đến thăm vì ốm quá, chỉ trừ những trường hợp cá biệt.

Cuối năm 1993, tác giả hợp biên với tôi, là người Mỹ, đã soạn xong danh sách câu hỏi để hỏi Peter. Chủ yếu tập trung vào các vấn đề đã được nói đến khá nhiều, nhưng có một hai câu hỏi về vai trò của ông với tư cách là người cung cấp các bí mật nguyên tử cho đội quân của Stalin. Mới đầu ông thậm chí còn không muốn nói đến chuyện đó, nhưng sau một thời gian, một phần do thúc bách, ông đã đồng ý trả lời. Đến thời điểm này, cả thế giới biết đến ông qua cái tên gốc gác là Moris Cohen, và chúng tôi xin dùng tên này cho bạn đọc tiện theo dõi.

Cohen bày tỏ suy nghĩ rằng, bằng những việc làm của mình, ông đã giúp Liên Xô chiến thắng phát xít cũng như góp phần gìn giữ hòa bình sau chiến tranh yêu nước vĩ đại. Những bí mật được chuyển từ Los Alamos đến Matxcova tạo điều kiện cho các nhà vật lý Xôviết sản xuất được bom nguyên tử sớm hơn thời hạn dự tính, do đó ngăn chặn được người Mỹ tiến hành đe dọa nguyên tử. Việc có được bom nguyên tử bảo đảm cho Liên Xô chống lại cuộc tấn công hạt nhân đã được lên chương trình trong các bản kế hoạch “Trojan” và “Dropshot”. Cohen nhắc nhở cho phóng viên rằng Liên Xô không hề giết chết một người nào bằng vũ khí nguyên tử, trong khi hàng trăm nghìn người Nhật Bản chết do Mỹ ném bom xuống quê hương họ. Sự cân bằng hạt nhân là một nhân tố quan trọng đối với hòa bình thế giới.

Với vấn đề này, tôi xin mạn phép được thêm vài ý kiến riêng của mình. Nước Mỹ có thể cho rằng một ngày nào đó họ có thể tiến hành cuộc tấn công nguyên tử không tuyên chiến nhằm vào Liên Xô. Nhưng họ cũng dễ dàng hiểu được là Liên Xô - đặc biệt là Stalin - cũng sẽ nghĩ như vậy. Liên Xô kết đồng minh với Mỹ và Anh trong chiến tranh, đã ký với nước Anh một thỏa thuận về chia xẻ các bí mật quân sự. Khi được báo về sự tồn tại của Ủy ban bí mật về phóng xạ ở Luân Đôn, sau đó là cam kết ngầm Anh - Mỹ về các công bố vật lý hạt nhân, và cuối cùng là dự án tối mật Manhattan ở Los Alamos, Liên Xô chỉ có thể cảm nhận được các nguy cơ trầm trọng đang đe dọa mình. Quan điểm cứng rắn của Chủ tịch Truman trong Hội nghị Posdam, ngay sau thành công của vụ thử hạt nhân ở Trinity và tiếp liền là vụ oanh tạc Hiroshima và Nagasaki, khiến sự lo lắng trở nên cao độ đến gần như là sự kinh hoàng. Việc cung cấp bí mật nguyên tử cho Matxcova và các vụ thử bom A thành công ở Kazakhstan đã đẩy bật được nỗi lo sợ đó và góp phần cân bằng quan hệ quốc tế.

Được hỏi ý kiến về các nhà lãnh đạo Xôviết, Cohen nói:

“Tôi chỉ có một ý kiến về các nhà lãnh đạo của chính phủ Xôviết, Khrouchtchev, Brejnev, Gorbachev. Họ không bao giờ nghĩ đến nhân dân và do đó để lại trong lòng dân ấn tượng xấu. Thực tế thì vì những nhà lãnh đạo kém như vậy uy tín của Đảng cộng sản bị ảnh hưởng rất nặng nề”

Vì được hỏi về thông điệp cuối cùng ông muốn nói với người dân Mỹ, ông trả lời:

“Các bạn yêu quý, hãy có ý thức gìn giữ hòa bình, bảo vệ hòa bình, hãy làm tất cả những gì có thể vì hoà bình!”

Năm 1994, Moris Cohen lúc này tám tư tuổi, đã yếu và không còn tinh anh như trước, có cuộc phỏng vấn bốn tiếng đồng hồ với Pravda. Cuối cùng thì ông cũng đồng ý nói về hoạt động với Mlad, ông cho rằng có lẽ nhân thân của nhà bác học này không bao giờ được biết đến.

Tôi nghĩ là có hai, có khi là ba người trong Cục biết tên thật của Mlad. Mọi người vẫn hay dùng tên giả. Mấy tháng gần đây, các đồng chí có cho tôi biết là việc tự biện đang nổi lên. Mlad đã giúp chúng tôi một cách hào hiệp.

Trong cuộc phỏng vấn này, Cohen khẳng định là có nghe John Reed, tác giả nổi tiếng của Mười ngày rung chuyển thế giới diễn thuyết trên tờ Times Square. “Diễn giả vĩ đại nhất mà tôi từng được nghe thuyết trình”. Nhưng gạt bỏ những câu chuyện hấp dẫn kia đi, buổi phỏng vấn vốn dĩ tạo ra nhiều câu hỏi. Cohen phủ nhận việc mình được Alexandre Orlov tuyển dụng, phủ nhận việc thừa nhận bí danh mã số “Tình nguyện” và khẳng định là vợ mình, Lona lẽ ra đã gặp Mlad ở Las Vegas, New Mexico, phía Đông Santa Fe, chứ không phải ở Albuquerque. Còn một vấn đề đáng chú ý nữa, Cohen nhắc nhở rằng Mlad, cũng giống như ông, lẽ ra đã gia nhập Lữ đoàn quốc tế, như vậy họ giả định là sẽ gặp nhau lần đầu tiên khi cùng các chiến hữu ở Tây Ban Nha. Tất cả những lời nói này không khớp với những gì ông đã nói với tôi trong cuộc phỏng vấn trước, hơn nữa là không khớp với những gì vợ ông và cả những người thân cận đáng tin cậy khác đã nói với tôi. Tôi chỉ có thể tự kiểm định sự chuẩn xác trong trí nhớ của ông hoặc sự chính xác được chuyển tải qua những gì ông kể.

Tuy nhiên có một điểm mà tôi rất lấy làm vui mừng được xác nhận. Trong cuộc phỏng vấn của tờ Pravda, Cohen nhấn mạnh vào thực tế là bản thân ông, vợ ông và nhà vật lý trẻ tuổi đã hành động vì những mục đích vĩ đại nhất, vì lý tưởng cao quý nhất chứ không phải vì tiền. Tất cả những nghiên cứu của tôi khẳng định rằng đó là sự thật. Đó là những người con Xôviết của một thời đại tiến bộ, tận tâm vì cuộc chiến chống phát xít, đấu tranh vì một thế giới mới. Họ đã tin tưởng vào sự tự nguyện của mỗi người chứ không phải vào lợi ích cá nhân.

Đánh giá về thành tích của họ, tôi không thể nói hay hơn Phillip Knightley, một chuyên gia trong vấn đề tình báo Xôviết, tác giả cuốn Tình báo và hoạt động gián điệp trong thế kỷ hai mươi.

“Phải thừa nhận một điều rõ ràng rằng vợ chồng Kroger là một trong những ê-kip điệp báo mạnh nhất trong lịch sử tình báo. Chỉ cần điểm qua những công việc họ đã hoàn thành: Peter Kroger đã thu nạp được một nhà bác học nguyên tử quan trọng vào bậc nhất, đã khai thác thông tin khi ông làm việc trong cơ quan bom nguyên tử của Mỹ ở Los Alamos. Helen đã bắt chấp biết bao nguy hiểm chết người để chuyển tin tức do nhà bác học kia cung cấp tới tay Liên Xô, từ Los Alamos, qua một quá trình bảo vệ, bảo mật nghiêm ngặt. Họ không chỉ hoàn thành các nhiệm vụ ấy mà họ đã sống, tiếp tục một sứ mạng mới ở nước Anh, không kém phần quan trọng, và cuối cùng, sau sáu năm chịu án của các cơ quan mật vụ Mỹ và Anh, họ về nghỉ hưu, sống một cuộc sống yên bình sau bức màn sắt. Thật kỳ diệu làm sao!”

#### • Phần kết

Ngày 23 tháng 6 năm 1995, khi chúng tôi đang hoàn thành nốt những khâu cuối cùng để cho ra mắt tác phẩm, Moris Cohen, sinh ngày 2 tháng 7 năm 1910 đã qua đời tại bệnh viện của Cục Tình báo. Từ một năm nay, ông đã không còn nhận thức được thời gian, không gian, sống giam mình trong thế giới nội tâm kín mít của mình. Người vợ yêu quý của ông đã mất được hai năm rồi, ông mong muốn được chôn cất bên cạnh vợ mình trên đất Nga.

Khoảng sáu mươi người tham dự lễ mai táng ông ở nghĩa trang Kountsevo nổi tiếng. Họ chủ yếu là các nhân viên của Cục Tình báo đối ngoại, buổi lễ không được thông báo cho công chúng. Trước cái chết của ông, những người biết ông, với tư cách cá nhân hay chỉ biết tiếng ông, đều bày tỏ lòng ngưỡng mộ. Viên Trung tướng Vadim Kirpitchenko và Đại tá Youri Sokolov đã gọi nhắc lại lòng tận tụy, sự tỉnh táo, cách sống khiêm tốn cũng như sự lịch thiệp của ông. Không chỉ là niềm xúc động, họ nói về ông như một con người đã cống hiến tất cả vì “lý tưởng về một tương lai sán lạn”.

Một ngày hè nóng nực đang dần qua. Những tia nắng cuối cùng rơi qua hàng thông. Bên chân ngôi mộ mới, cạnh ngôi mộ của Leontine, những bông hoa xếp chồng chất. Quan tài được đưa xuống huyệt. Những cành hoa, nắm đất nói lời vĩnh biệt. Hàng quân danh dự bắn một loạt súng tiễn biệt làm đàn chim giạt mình bay toán loạn.

Mọi người bắt đầu nghỉ ngơi. Tôi chậm chạp hơn chút ít. Có lẽ do tiếng hót chim cu cu mà tôi đã nghe: nó đem tin đến cho chúng ta, nếu bạn còn tin vào một tín ngưỡng cổ xưa của người Nga, khi chúng ta còn sống qua năm tháng.

Vậy là hồ sơ số 13676 đã đóng lại, hồ sơ của “những người đi nghỉ hè” mà tôi mạo muội mở ra nghiên cứu.

Vậy là bắt đầu những tiết lộ về cặp vợ chồng Cohen, về những việc đã được hoàn thành. Tôi vui mừng vì trước khi ra đi, ông đã phát biểu trên truyền hình về cuốn sách này và về những động lực sâu xa.

Còn một điểm nhấn cuối cùng, kể ra cũng đáng phải sửng sốt. Một tháng sau, ngày 25 tháng 7 năm 1995, trong một buổi lễ bí mật, Morris Cohen đã được truy tặng danh hiệu “người anh hùng của Liên bang Nga”, ngày ấy là “người anh hùng của Liên bang Xôviết”. Đó là sự trọng vọng lớn lao nhất mà chính quyền Xôviết có thể trao tặng, theo chỉ thị của Tổng thống Boris Eltsine.

Vậy là Cohen là người nước ngoài đầu tiên làm việc cho Cơ quan Tình báo Xôviết xứng đáng được hưởng vinh dự này. Không phải Kim Philby, cũng không phải một trong năm người từ Cambrige có được vinh hạnh đó, trong khi Nikita Khrouchtchev không hề lưỡng lự trao cho Nasser và Phidel Castro danh hiệu “anh hùng của Liên bang Xôviết”.

Việc Tổng thống Eltsine bảo đảm sự ưu đãi này chứng tỏ niềm tin của ông rằng Morris Cohen đã phục vụ vì một nước Nga đi lên từ con đường Xôviết lịch sử: Cohen đã mang lại cho nước Nga phương tiện để tự bảo vệ - bom A. Trang cuối cùng của hồ sơ 13676 khẳng định căn cứ của câu chuyện tôi viết. Nó chứng tỏ sự thực là Cohen, vợ ông và những đồng chí liên lạc của ông ở Los Alamos không phải là ảo ảnh, không phải những thông tin giả mà là có thật.

# BƯU KIẾN CỦA GARY KERN - VẤN ĐỀ NGUYÊN TỬ - ĐẠI TIỆC TÀI LIỆU

Khi Mikhail Gorbachev khởi động chính sách trong sạch chính trị vào cuối những năm 80 bằng cách mở rộng chiến dịch báo chí, người lãnh đạo cuối cùng của cộng hòa Xôviết tin là có thể thổi một luồng không khí mới vào nền báo chí Quốc gia, văn học Quốc gia và lịch sử Quốc gia đang hấp hối. Tất nhiên, ông không hề có ý định bãi bỏ sự kiểm duyệt quốc gia. Tuy nhiên, thời gian qua đi, báo chí ngày càng phát triển, các cơ quan này bắt đầu chuyển động, không chỉ sôi nổi với các chủ đề về cuộc sống mà cả các vấn đề liên quan đến độc lập Quốc gia; họ không còn cho mình là một thiết chế nhà nước, cũng không còn sợ các văn phòng kiểm duyệt. Thế là bùng nổ việc xuất bản sách của các tác giả người Nga trước đây bị cấm, sách văn học nước ngoài và những tài liệu được xếp vào loại “bí mật”. “Glavlit” ( Tổng ban văn học) không thể cưỡng lại được trào lưu và vai trò dần trở nên mờ nhạt. Mùa xuân Praha đến Matxcova muộn hai mươi năm.

Tin giật gân tràn ngập trên báo chí Nga đang hồi sinh. Mọi người hy vọng rằng những “trang trắng” trong lịch sử Xôviết sẽ lấp đầy các phòng lưu trữ khổng lồ của Quốc gia. Những then cửa các tầng hầm mốc xỉ sẽ bật lên và những bí mật của thời Xôviết được cất giấu bao lâu nay sẽ được phơi bày. Người ta nghĩ là mỗi một ẩn số lịch sử đều có một tài liệu giấu kín, có những câu trả lời chính xác, có tên tuổi, ngày tháng và tất cả mọi chi tiết của nó. Chẳng chóng thì chầy, thế giới ngoại giao bí ẩn, các hoạt động bí mật và những kế hoạch bẩn thỉu sẽ được đưa ra ánh sáng. Thời độc tài Stalin, hồ sơ cấm được dán nhãn “bảo tồn vĩnh viễn”, đến tay độc giả sẽ khiến công chúng được thỏa chí tò mò. Câu cửa miệng bây giờ là: “KGB là một kho dữ liệu khổng lồ”.

Trên thực tế, nhiều vụ việc đã được làm sáng tỏ. Hồ sơ nhân sự của nhiều nghệ sĩ, nhà văn, chính trị gia, nạn nhân của các cuộc trấn áp như Isaac Babel, Vsevolod Meyerhold hay Nikolai Boukharine, được KGB công khai và xuất bản trên các số báo định kỳ ở Matxcova và trong sách báo của phương Tây<sup>[21]</sup>. Hồ sơ vụ thảm sát ở cánh rừng Katyn tháng tư năm 1940, hàng nghìn sĩ quan Ba Lan bị tấn công rồi bị chôn trong rừng Smolensk, đã được ban điều tra phanh phui và đưa ra công luận. Công chúng còn được biết Đức quốc xã không hề liên quan trách nhiệm đến cuộc tàn sát này, cho dù từ bấy lâu nay chế độ Xôviết có bao biện thế nào thì lệnh giết là do cá nhân Stalin ban ra và người thực thi là Lavrenti Beria, bây giờ là Giám đốc của NKVD<sup>[22]</sup>. Cuộc nổi dậy ở Cronstadt, chính sách tập thể hóa, hiệp ước hữu nghị giữa Stalin và Hitler, chiến tranh Triều Tiên, số phận của lính Mỹ bị giữ ở Liên Xô, tất cả những vấn đề trong lịch sử Xôviết mà mới đây còn là những điều cấm kỵ, thì nay được đem ra ánh sáng nhờ những tài liệu và dữ liệu tham khảo từ nhiều nguồn khác nhau<sup>[23]</sup>.

Tuy nhiên, còn nhiều chủ đề vẫn nằm trong bóng tối. Lenin đã bị đầu độc? Stalin đã cộng tác với cảnh sát Sa hoàng trước cách mạng 1917? Ông đã ra lệnh ám sát Kirov? Còn Maxime Gorky? Mà chính Stalin cũng bị ám sát? Đây chỉ là một vài vấn đề của thời Stalin chưa được động chạm đến. Từ đó đặt ra không ít những vấn đề khác liên quan đến toàn bộ giai đoạn Xôviết mà chưa hề có một tài liệu gốc nào, một bản khai chính thức nào, hay một biên bản ghi nhận tội phạm quả tang nào từng giải quyết những vấn đề ấy. Ngay cả trong trường hợp những tư liệu trên có xuất hiện thì hồ sơ cũng còn lâu mới được kết thúc. Các tư liệu và những lời tuyên bố đặt ra những vấn đề mới và mỗi sự việc lại đòi hỏi một lời giải đáp.

# NƠI THIÊNG LIÊNG NHẤT, BỘ HỒ SƠ BOM A

**K**hông ai là không muốn được biết về hồ sơ liên quan đến hoạt động tình báo nguyên tử Xôviết. Trong bối cảnh thật giả lẫn lộn thời kỳ nửa đầu của chính sách trong sạch chính trị, vẫn chưa có ai nói bóng nói gió gì về việc có thể sẽ “giải phóng” những hồ sơ này. Phải chăng đó là những điều thiêng liêng của an ninh, quốc phòng quốc gia? Mọi ý kiến về việc khai thác thông tin này ngay tức thì gây ra một loạt lý lẽ phản đối.

Thứ nhất, nó chứa đựng những mô tả kỹ thuật về những tên lửa có khả năng phá trụi hoàn toàn các thành phố và hậu quả là tạo ra một kẻ độc tài thảm hại, đau khổ vì ảo ảnh quyền lực, đe dọa toàn thế giới. Ai có thể khẳng định là những chi tiết kỹ thuật dạng đó không thể biến một nhà vật lý trong phòng thí nghiệm thành một tên độc tài? Thứ hai, những hồ sơ đó có tên của nhiều người, dù còn sống hay đã chết thì thanh danh cũng có thể bị ảnh hưởng. Có thể giấu tên các vị đi nhưng với bối cảnh thực tế thì sự việc sẽ gọi ra những người có liên quan. Thứ ba, có thể tìm thấy những mô tả về các phương pháp nghiệp vụ tình báo, trong đó có một số phương pháp vẫn chưa hề lỗi thời. Rồi những mật mã, những bí danh, các trình tự tổ tụng, tất cả có thể được che giấu trong một tờ tạp chí có những cái tên hay những dữ liệu kỹ thuật nhạy cảm? Nếu đúng, còn những điều gì khác? Cũng có thể có một lý do thứ tư, các bí mật của các Nhà nước ngoại bang có khả năng trái với lịch sử chính thống của họ, có khả năng sẽ làm bắn loạn công luận và gây hại cho không khí quốc tế. Cuối cùng, chúng chứa đựng những bằng chứng về thành công của NKVD - KGB trong lĩnh vực tình báo nguyên tử, mà theo đó phải xét lại một cách nghiêm túc thành tích của khoa học Xôviết và những vinh dự đã được trao tặng cho các anh hùng của Liên Xô.

Như vậy có năm lý do để hồ sơ về bom A Xôviết không bị “xuống hạng”. Chính trong hoàn cảnh đặc thù của giai đoạn cuối trong công cuộc làm trong sạch nền chính trị mà lý do thứ năm, lý do cuối cùng, đưa ra một mô típ mở được hồ sơ này.

Tháng giêng năm 1988, Liên bang Xôviết kỷ niệm tám mươi năm năm ngày sinh của Igor Kourtchatov, vị giám đốc lừng danh của phòng thí nghiệm 2, nơi ra đời của bom A Xôviết. Vào tháng này, trong một buổi phát sóng truyền hình, nhà vật lý vĩ đại Igor Kourtchatov đã được các đồng nghiệp hiện còn sống tôn danh là “cha đẻ của bom A Xôviết”, ông mất năm 1960. Youli Khariton, Gueorgui Fliorov, Anatoli Alexandrov nói trước hàng triệu khán giả rằng: “ông râu xồm” - bạn bè vẫn gọi ông thân mật như vậy, đã vững vàng chỉ đạo chương trình bom A cho đến khi thành công, cho dù phải làm việc ở một đất nước bị chiến tranh tàn phá và hạ tầng kỹ thuật vô cùng hạn chế. Như vậy, với sự sáng suốt đáng kinh ngạc, ông đã giải quyết những vấn đề vô vàn phức tạp trong thời gian ngắn hơn nhiều khoảng thời gian của các nhà khoa học người Mỹ, những người được làm việc trong những điều kiện lý tưởng và được cung cấp những phương tiện tài chính không hạn định.

Cũng vào cuối tháng này, Klaus Fuchs qua đời ở Đông Đức. Ông được chôn cất trong một nghĩa trang dành cho những người theo chủ nghĩa xã hội, tiền biệt ông có khá nhiều bạn bè Đức nhưng không hề có một quan chức Xôviết nào; không một chiếc huân chương Xôviết được gài trên tấm đệm có gắn huân chương Karl-Marx và những phần thưởng danh dự do Cộng hòa dân chủ Đức trao tặng. Mặc dù Fuchs đã phải đi tù vì tội chuyển bí mật cho Matxcova, Liên bang Xôviết vẫn khẳng định trong thông cáo chính thức của hãng thông tin Tass ngày 8 tháng 3 năm 1950 là: “Fuchs không được Chính phủ Xôviết thừa nhận và không có một nhân viên Chính phủ Xôviết nào có liên lạc với anh ta”.

Một đại tá về hưu của KGB, ông Alexandre Feklissov không hề thấy lạ trước cách đối xử trái ngược của chính quyền Xôviết với Kourtchatov và Fuchs. Ông từng là sĩ quan phụ trách Fuchs trong những năm 40. Ông ái ngại: “Sau khi thử thành công bom A Xôviết, nhiều nhà khoa học được tặng danh hiệu anh hùng lao động xã hội chủ nghĩa và giải thưởng Stalin. Một số nhân viên của Cục tình báo cũng được tặng thưởng. Nhưng không may cho Klaus Fuchs chẳng được gì, tất cả là không phải chịt án chết mà chỉ bị phạt tù mười bốn năm” [\[24\]](#).



Phần thưởng dành cho các nhà vật lý không phải là không đáng kể: xe hơi, biệt thự, du lịch miễn phí vòng quanh Liên bang Xôviết, con em họ được tự chọn các trường học, thưởng tiền mặt. Một giải thưởng Stalin hạng nhất là năm trăm nghìn rúp, ít nhất cũng tương đương với hai mươi nghìn đô la. Danh hiệu anh hùng lao động xã hội chủ nghĩa là phần thưởng cao quý nhất của đất nước, có nhà vật lý được trao tặng đến ba lần! Kourtchatov đạt được tất cả những phần thưởng đó, chưa kể năm huân chương Lênin, tên ông được đặt cho các nhà máy điện và nhân tố thứ một trăm linh tư trong bảng tuần hoàn. Nếu so sánh, xin nói rằng trong cơ quan tình báo, chỉ có Lavrenti Beria, Giám đốc của NKVD và quan chức cấp cao của chương trình bom A là được trao giải thưởng Stalin và danh hiệu anh hùng lao động xã hội chủ nghĩa. Tất cả các nhân viên dưới quyền ông hãy biết bằng lòng với một và chỉ một phần thưởng, ít phần cao quý hơn - Huân chương Lênin cho trưởng phòng chuyên gia kỹ thuật (Kvasnikov) và huân chương Cờ đỏ cho toàn bộ kíp, trong đó có cả Feklissov.

Sự khác biệt về vinh dự này không đáng kể gì so với những nguy cơ họ phải đối phó. Người ta nói rằng Beria quyết định xét duyệt phần thưởng theo những căn cứ sau: những người có thể bị xử bắn nếu vụ thử bom A năm 1949 ở Kazakhstan không thành công thì được thưởng danh hiệu anh hùng lao động xã hội chủ nghĩa; Những ai bị xử phạt hai mươi năm ở Goulag thì được thưởng huân chương Lênin, cứ như vậy lần lượt từng người[25]. Không có gì để nghi ngờ, Beria có khả năng đã tính đến mối đe dọa không hạn định đối với các nhà vật lý khi theo đuổi chương trình nguyên tử.

Năm 1946, khi người ta đề nghị trao tặng phần thưởng cho Kourtchatov và kíp của mình, Kourtchatov nói: “Các anh nói chuyện gì thế? Phần thưởng nào thế? Tôi đang định bỏ tù họ vì họ là những kẻ phá hoại, đã làm đất nước phải chi tiêu quá mức. Các anh có biết là chúng ta vẫn chưa có bom nguyên tử?” Ngay sau các vụ thử, Beria nghiên cứu xem vụ nổ có đúng với mô hình của Mỹ hay không. Ông muốn biết chắc chắn là không ai lừa mình, thậm chí mắt ông như có mây đen che phủ[26]. Cuộc sống của mỗi người đều như treo trên sợi tóc, các nhân viên tình báo có khác với các nhà vật lý, luôn có nguy cơ bị phe đối địch bắt giữ.

Nói đến chuyện phần thưởng, vào cuối thập kỷ 80, có những vấn đề hết sức nghiêm trọng được đặt ra. Những cơn chấn động ghê gớm làm lung lay toàn bộ hệ thống Xôviết, các nhân vật chủ chốt mang nặng thử thách trước quyền lợi riêng tư và lợi ích Quốc gia. KGB thừa nhận sự vùi vĩnh tài chính dưới thời Stalin và tổ thái độ hợp tác với các nhà nghiên cứu đang lục tìm quá khứ không mấy rạng rỡ của cơ quan này, nhưng đây cũng là dịp để chứng minh được rằng KGB đã góp phần quan trọng trong sự nghiệp bảo vệ đất nước khỏi sự xâm lược của Đức quốc xã, và sau này là chống lại nguy cơ hạt nhân. Dưới thời sếp mới là Vladimir Krioutchkov, KGB trở nên hữu hình hơn đối với các phương tiện thông tin đại chúng, mở hơn trước sự tò mò của quần chúng, rõ ràng hơn trong việc bảo vệ các giá trị của mình. Feklissov cũng có tên trong tiến trình này.

Trong ý niệm của mình, Fuchs đã hoàn thành một công việc quan trọng, giúp Liên bang Xôviết có được bom nguyên tử, nhờ đó bảo vệ chính quyền Xôviết trước chủ nghĩa quân phiệt Mỹ, và có thể đã ngăn được các vị tướng của Liên Xô sử dụng vũ khí hạt nhân trong chiến tranh Triều Tiên (1950-1953). Đó là lý do mà năm 1964, Feklissov đề nghị Chính phủ Xôviết tôn vinh “nhà khoa học và viên chức lỗi lạc”, người mà vào thời đó, thêm một lần nữa làm việc vì sự nghiệp chủ nghĩa xã hội tại Viện nghiên cứu hạt nhân, gần Dresde. Fuchs cũng đã trở thành thành viên của Ban trung ương Đảng cộng sản Đông Đức. Nhưng đề nghị của vị đại tá bị rơi vào lãng quên. Ông cũng cố gắng thuyết phục Viện hàn lâm khoa học phong cho Fuchs là thành viên danh dự, thì chủ tịch Viện này trả lời: “Điều đó không thể được, vì như vậy sẽ ảnh hưởng đến giá trị của các nhà khoa học Xôviết trong việc sáng tạo ra vũ khí hạt nhân”. [27]

Có thể Fuchs bị tước mất vinh dự vì đã nhấn mạnh vai trò sáng tạo của mình, tức là vi phạm nguyên tắc không thể xâm phạm của tất cả các nhân viên Xôviết: giữ im lặng đến cùng[28]. việc gì cũng có lý do của nó, vai trò của Fuchs với tư cách là điệp viên đã qua được cánh cửa sập. Người Xôviết, hàng thập kỷ qua đã im đi thông tin, chỉ được nghe nói đến ông năm 1998 khi xem một đoạn phim Nguy cơ II trên truyền hình. Sau mọi việc và cũng là lần đầu tiên, vấn đề đặt ra là liệu có phải việc sản xuất bom Xôviết trở nên khả thi là nhờ những tài liệu đánh cắp của người Mỹ. Người ta hỏi ý kiến Anatoli Alexandrov, Giám đốc Viện Kourtchatov, ông này

nói: “Có thể có nhiều vấn đề nhưng không có vai trò quyết định. Không phải Kourtchatov, cũng không phải là những người đã tham gia dự án dựa vào sáng kiến của người khác, mà họ có chính kiến của họ”.[\[29\]](#)

Vậy là huyền thoại cổ xưa được lưu giữ và duy trì là: Kourtchatov và kíp của ông đã tự thân vận động để có một bản mẫu bom A Xôviết mà không hề có sự dự phần của bên ngoài. Feklissov đã quyết định kết thúc vào năm 1990 bằng cách bày tỏ sự cảm phục nhiệt thành đối với Fuchs. Vladimir Tchikov tiếp tục trong những năm tiếp theo với các bài viết về điệp báo viên này mà không xác nhận rõ là Mlad và những người liên lạc với anh ta là vợ chồng Kroger. Sự trong sáng về chính trị khi đó đang sôi nổi, ngày càng nhiều các ấn phẩm (trước đó còn bị cấm) được xuất bản ồ ạt từ nước ngoài, bao gồm hàng tấn tác phẩm văn học về những kẻ phản bội, những tên giết người và các điệp báo viên. Nước Nga như sôi lên vì hứng thú mãnh liệt về thời kỳ Stalin và mỗi ngày đất nước này nhìn lại lịch sử của mình khi đọc sách báo. Thuật ngữ “biệt lập chủ nghĩa” trong lịch sử bom A Xôviết đã lỗi thời.

# CUỘC CHIẾN VÌ CÁC CHƯ THẦN NÚI OLYMPE

## a) Cuộc tấn công của KGB

Xin khắc họa chân dung của một viên chức khác của KGB đã về hưu, Trung tá Yatskov, người chỉ huy của mạng lưới tình báo hạt nhân ở Hoa Kỳ từ năm 1944 đến năm 1946. Vào thời kỳ đó, tên ông là Anatoli Yakovlev, phó lãnh sự Liên Xô tại New York. Chừng hơn ba mươi tuổi một chút, mái tóc đen dày xòa xuống trán, khuôn mặt niên thiếu. “Yakovlev” không có cái vẻ của một điệp báo Xôviết bậc thầy nhưng người của FBI theo dõi lối vào của lãnh sự nhận thấy là “đầu tròn”, người gác cổng dành cho Yakovlev sự kính trọng đặc biệt - ông ra vào mà không phải trình thẻ. Trong tác phẩm Chiến tranh FBI – KGB, Robert Lamphere kể lại một tối tháp tùng vị phó lãnh sự từ Manhattan đến Times Square. Vị quan chức cần trọng này bước vào nhà hát, ngồi vào chỗ, sau đó đổi vị trí. Không có gì khác nữa xảy ra và “Yakovlev” trở về nhà. Phải đến nhiều năm sau khi Lamphere được biết nhiều hơn về kỹ thuật của tình báo Xôviết ông giả định rằng nhân vật của ông đã “lấy rỗng nơi cất giấu”, nghĩa là đã lấy thư gán ở dưới ghế[30].

Yatskov là một nhân viên tình báo lão luyện - trầm tính, tự chủ, thận trọng. Ông theo dõi tất cả các quy định của konspiratsia, thuật ngữ tiếng Nga không có nghĩa là sự mưu phản nhưng là tổng hợp các quy trình phải theo khít trong các hoạt động bí mật. Tuy nhiên, có một lần có sự làm trái nguyên tắc, và lần duy nhất ấy đã gây ra thảm họa. Theo luật của konspiratsia thì một trạm liên lạc chịu trách nhiệm tiếp xúc với chỉ một một nguồn tin mà thôi, không được phép sử dụng để tiếp xúc với một nguồn khác. Lý do vì sao thì thật quá rõ ràng: theo cách này, bưu trạm không thể xác nhận hai nguồn tin. Yatskov đã sử dụng Hann Gold để thu thập tài liệu từ Klaus Fuchs khi ông này làm việc ở Los Alamos. Nhưng có lần, như Gold đã khai trong phiên tòa xử vợ chồng nhà Rosenberg, ngay trước khi tiến hành thử bom A ở Alamogordo, không một bưu trạm nào được rảnh rỗi, thế là “Yakovlev” giao cho Gold liên lạc với David Greenglass, một nhân viên khác được cài vào dự án Manhattan. Sự vi phạm quy định của konspiratsia này là không thể tha thứ được: các hoạt động bí mật của Fuchs bị lộ, Greenglass rời hai vợ chồng Julius và Ethel Rosenberg bị nhận diện, kết quả là xét xử tại tòa và hình phạt đối với Julius và Ethel Rosenberg, rồi đến Gold[31].

Sau một thời gian dài trong bóng tối, Yatskov xuất hiện trở lại vào những năm đầu thập kỷ 90, lấy tên thật của mình và tuyên bố với báo chí là FBI đã đánh giá quá thấp tầm vóc hoạt động của ông trên đất Hoa Kỳ. Ông tuyên bố với cộng tác viên của tờ bưu điện Washington: “Không một cơ quan tình báo nào trên thế giới thành công trong việc thâm thủng bức tường bí mật xung quanh dự án Manhattan. Chúng tôi đã giúp nước Nga tìm được đối trọng chiến lược với Hoa Kỳ chứ không phải một việc vớ vẩn nào khác”. Theo ông, FBI đã để lộ “không chỉ một nửa, có thể không đến một nửa” các nhân viên thực hiện việc chế tạo bom A của mình.

Liên quan đến Fuchs, Yatskov khẳng định sự đóng góp to lớn của Fuchs đối với Chính quyền Xôviết, tuy nhiên ông nói thêm về một nhân viên khác có vai trò tương đương mà có thể lớn hơn cũng làm việc trong phòng thí nghiệm ở Los Alamos. Nhà bác học này chuyển đến từ dự án Manhattan từ năm 1942, ít nhất là một năm rưỡi trước khi Fuchs đến Mỹ, và ngay lập tức bắt đầu cung cấp thông tin cho phía Xôviết. Yatskov đặt tên mật mã của ông là Mlad và không thể xác nhận nhân vật này vì hiện ông còn sống[32].

Giờ đây, một nhân vật tình báo lão luyện thứ ba bước ra từ bóng tối để kể lại câu chuyện của mình. Vladimir Barkovski thực thi nhiệm vụ ở Luân Đôn trong những năm 40, thuộc nhóm tình báo núp bóng Donald Maclean, một trong những “tình báo viên nổi tiếng của Cambridge”. Hiện là giáo sư tại trường đại học sư phạm, ông là chuyên gia về lịch sử các cơ quan tình báo Xôviết. Không kể diễn biến trong hoạt động của bản thân ông, trên mặt trận KGB, Vladimir Barkovski đã góp phần khẳng định một điều: “Có ít nhất mười chuyên gia người Anh đã cung cấp thông tin liên quan đến bom nguyên tử cho Liên Xô”. Một số người hiện vẫn còn sống nhưng chưa bao giờ lộ diện[33].

Hàng loạt phát hiện từ KGB được tiết lộ khiến các nhà khoa học Xôviết bàng hoàng. Họ đã tin



vào huyền thoại về một chế độ tự trị Kourtchatov. Trong việc chế tạo bom nguyên tử, rất nhiều người không hề biết gì về các tư liệu do mạng lưới tình báo cung cấp, những tư liệu đặc biệt chỉ dành riêng cho Kourtchatov và người em trai Boris xem xét, chỉ trong các trường hợp bị chỉ trích và khẩn cấp thì mới được trình lên Youli Khariton, Yakov Zeldovitch và Isaac Kikoine. Thêm nữa, rất nhiều nhà bác học làm việc đơn lẻ trong phòng của mình, không có được cái nhìn khái quát về chương trình trong tổng thể của nó. Điều họ biết về Fuchs là những tóm tắt của báo chí nước ngoài về phiên tòa xử Fuchs, đọc được những bản tin ấy cũng vì họ có đặc quyền của thành viên cấp cao trong cộng đồng khoa học Xôviết. Dù thế nào đi nữa, việc chính phủ chính thức phủ nhận Fuchs khiến các nhà bác học thật sự choáng váng. Để bây giờ báo chí tự do mới đề nghị họ kể lại công việc của họ, nói có sách, mách có chứng rằng họ không ăn trộm, không gian dối.

Trước khi quyết định phương hướng chỉ đạo, trong chiến dịch về công khai quan hệ năm 1991, KGB mời họ vào Trung tâm và cho họ biết thông tin về một số tài liệu, kể cả những đánh giá của Kourtchatov về các tư liệu lấy được từ nước ngoài. Các sĩ quan của cơ quan tình báo và các nhà vật lý nguyên tử cùng chụp chung một bức ảnh ở bảo tàng Gloire tchékiste, tất cả mang tinh thần của tình đồng chí gắn bó, vì lẽ rằng “Tất cả chúng tôi hòa kết với nhau trong công việc”. Nhưng có lẽ các nhà vật lý không được vừa lòng. Vai trò của họ trong lịch sử đã giảm sút một cách trầm trọng.

Quá đổi ngạc nhiên trước diễn biến có thể xảy ra theo chiều hướng như vậy, KGB quyết định mở công khai hồ sơ về tình báo nguyên tử. Thậm chí mở cả tài liệu được lưu trữ dưới đề mục Enomloz, mã hồ sơ của kế hoạch Xôviết đối trọng với dự án Manhattan. Cơ hội đến vào đầu năm 1992, khi Viện khoa học tự nhiên và công nghệ xây dựng chương trình nghiên cứu về dự án bom A ở Liên Xô. Tại một cuộc hội thảo, Yatskov đã đọc một bài báo và đưa ra các tài liệu lưu trữ làm mê mẩn nhân viên của cục tình báo. Thế là một kế hoạch xuất bản các tài liệu lưu trữ trên các tờ báo tháng của Viện được thực hiện. Theo một báo cáo, có đến ba trăm hồ sơ trên bàn biên tập, trong đó có mười bốn bộ đã được xét duyệt. Có hai báo cáo tình báo từ Luân Đôn liên quan đến kế hoạch xây dựng bom nguyên tử của chính quyền Anh, trong đó có giác thư của Beria gửi cho Stalin năm 1942 đề nghị thiết lập một ủy ban về các vấn đề hạt nhân, những đánh giá của Kourtchatov về các tài liệu do cục tình báo cung cấp từ năm 1943 đến năm 1946. Hồ sơ số 13 là “một mô tả chung về bom nguyên tử”. Tất cả những tài liệu liên quan đến vấn đề này đã bị “xuống hạng”, nghĩa là bị loại khỏi tủ “bảo mật”. Các nhà biên tập vô cùng sung sướng với đồng của trời cho, tận hưởng trước một bản tin riêng đặc biệt giật gân. Họ đã dự kiến việc sau này xuất bản các tài liệu liên quan đến bom H của Liên Xô.

Trong một bài giới thiệu, Yatskov giải thích rằng ông không có ý định dùng những tài liệu của KGB để làm lu mờ uy tín của các nhà vật lý vĩ đại của đất nước, ông khẳng định: “Bom được các nhà khoa học và các chuyên gia chế tạo, thông tin từ Cục tình báo không có ý nghĩa gì trong vấn đề này”. Theo Yatskov, các nhà vật lý và các nhà tác chiến của Cục tình báo đã tuân thủ các luật lệ của riêng họ và mỗi người có nhiệm vụ riêng, không có chuyện họ đối đầu với nhau. Nhưng dường như những lời cầu hòa có vẻ ngọt ngào nên không đem lại kết quả mong muốn<sup>[34]</sup>.

Hàng nghìn bản in của tạp chí Vấn đề lịch sử khoa học tự nhiên và công nghệ (số 3, 1992) được in thành báo và đem bán. Những bưu kiện đầu tiên đã được gửi đi. Igor Golovine, người viết tiểu sử của Kourtchatov, phải dụi mắt mãi mới dám tin vào chuyện đó. Không chỉ không được chứng kiến những việc đó khi ông còn làm việc bên cạnh Kourtchatov, mà ông còn không hình dung nổi lý do, dù chuyện xảy ra bất kể là ở nước nào, khiến người ta có thể đem công khai những thông tin tầm cỡ như vậy về bom nguyên tử. Ông liền liên lạc với Khariton, nhân chứng của các vụ việc, đầu tiên là ở phòng Labo 2, và mới đây là ở Loubianka. Nhưng đến cả Khariton cũng không làm sáng tỏ được điều gì, nên Bộ trưởng Bộ năng lượng nguyên tử được triệu đến để nhanh chóng dừng việc phát hành lại. Cuối cùng, SRE (cơ quan tình báo nước ngoài), xuất thân từ KGB, phải ra mặt làm việc với tạp chí và thu hồi tài liệu. Tổng thống Eltsine ký một sắc lệnh quy định rằng mọi công bố về vấn đề nguyên tử ở Nga từ nay phải có xác nhận của Viện hàn lâm khoa học.

Giờ thì mọi người đều bất hạnh. KGB-SRE thì bị cản trở trong việc mở các hồ sơ cũ. Tạp chí

thì bị thiệt hại về tài chính, do không được bán các ấn phẩm đã in trước đó. Còn đối với các nhà vật lý, và ngay cả đối với Bộ công nghiệp nguyên tử, thì tất cả các bản mẫu đã ra đi không bao giờ trở lại. Thực ra, tất cả các nhà nghiên cứu ngoài nước Nga đều có thể có được một bản sao tài liệu này. Ngoài nước Nga, tạp chí vẫn được lưu hành, các tài liệu về hồ sơ Enomloz vẫn được trích dẫn. Trên hết là các tác giả và độc giả đều có thể thỏa mãn theo một góc cạnh nhất định của riêng họ.

Có vẻ như không vì thế mà thế giới thực sự lâm vào nguy hiểm. Một bình luận viên viết: “Các chuyên gia đã được xem bản văn tuyệt mật khẳng định với tôi rằng, với những thông tin trong bản báo cáo này, ngay cả Edward Teller hay Andrei Sakharov cũng không có khả năng chế tạo được bom nguyên tử”. Nên biết rằng lý do của sự cấm đoán này không phải là sự nguy hiểm do tăng sinh hạt nhân mà đúng hơn là cuộc chạm trán giữa các nhân viên tình báo và các nhà vật lý nguyên tử “vì một vị trí trên đỉnh Olympe lịch sử” [\[35\]](#).

b) Phản công của các nhà vật lý nguyên tử.

Nhờ óc sáng kiến táo bạo của mình mà các nhân viên của Cục tình báo đã tiến được đến đỉnh lợi ích chung. Hóa ra là giá trị lớn nhất của việc chế tạo ra bom A lại thuộc về họ. Kể từ nay, những người ra tiền tuyển lại là các nhà khoa học.

Youli Khariton, nhân vật kỳ cựu nhất trong các nhà vật lý nguyên tử quyết định giúp các đồng nghiệp của mình. Đầu tiên ông làm việc với Kourtchatov năm 1925, sau đó được bổ nhiệm đến phòng nghiên cứu nổi tiếng Cavendish ở Cambridge, ở đây ông lấy bằng tiến sĩ dưới sự hướng dẫn của Ernest Rutherford. Trở lại Leningrad, ông nghiên cứu về phản ứng hạt nhân dây chuyền cùng với Yakov Zeldovitch. Cuối cùng, ông gặp lại Kourtchatov khi chương trình bom Xôviết khởi động, trong chương trình này, ông là người chịu trách nhiệm về sản phẩm hoàn thiện - chính là bom nguyên tử. Sau này ông nghiên cứu chế tạo bom khí và lãnh đạo ban kỹ thuật vũ khí của Phòng 2, sau này đổi tên thành Viện Kourtchatov. Ông về hưu năm 1992 sau nửa thế kỷ tận tụy cống hiến. Suốt thời kỳ này, Viện sĩ Viện hàn lâm Khariton là người vô danh với công chúng Xôviết, dù rằng ông được ca tụng là người rất có uy tín trong cộng đồng khoa học quốc tế.

Tám mươi chín tuổi, gầy guộc và cẩu kính, ông phản công lại, tìm đến các tòa soạn báo, đăng trên tờ Izvestia hồi ký về sự nghiệp của mình - điều này hiếm khi xảy ra - và tháng 1 năm 1993, ông tổ chức một buổi hội thảo ở Viện Kourtchatov nhân kỷ niệm lần thứ chín mươi ngày sinh của người sáng lập viện. Cứ mỗi dịp như vậy, ông đều kêu kiện KGB - SRE đặt điều giả mạo.

Buổi hội thảo có tầm quan trọng đáng kể, được coi là “Bản thuyết trình của Khariton” như tờ Tạp chí khoa học nguyên tử đã đăng bài nói rõ. Bài báo là bản thuyết trình đầy đủ nhất về lịch sử bom A Xôviết, đúng như ý niệm của các nhà chế tạo. Xin điểm qua một vài nét chính.

Lúc đầu, Khariton nhắc lại một số lời khai, hồi ký và luận cứ không chính xác được công bố trong những năm gần đây, trong đó có những điều hết sức vô lý, như thể là quả bom nguyên tử thứ ba thả xuống Nhật Bản đã không nổ mà nó được người Nhật đem đến Liên Xô vậy. Khariton phát triển một bảng kê luận chứng theo năm điểm.

Thứ nhất, các nhà vật lý Xôviết đã đạt được những tiến bộ quan trọng trong nghiên cứu sự phân rã hạt nhân ngay từ trước khi chiến tranh nổ ra, và họ vẫn tiếp tục nghiên cứu trong những điều kiện làm việc khắc nghiệt nhất, bị phá hoại và đứt đoạn cho đến tận khi chiến tranh kết thúc. Điều đó là không thể chối cãi.

Thứ hai, các nhà vật lý Xôviết đã đi vào thực hiện dự án bom A, nhưng bị hạn chế vì hoàn cảnh không thuận lợi. Sau khi bom Mỹ đã được sử dụng và chứng tỏ được hiệu quả của nó thì việc có-py mẫu bom đó là một quyết định đúng đắn. Khariton khẳng định “Vào thời điểm khủng khiếp đó, khi mà thảm họa về tấn công nguyên tử đè nặng lên Liên Xô, khi mà cuộc sống của hàng triệu người bị đe dọa, thì đó là giải pháp logic duy nhất. Hơn nữa, để xây dựng được một dự án thực thụ từ sơ đồ của Mỹ thì trước hết phải lập được chiến tích anh hùng đòi hỏi huy động sức mạnh toàn dân tộc, tạo lập được nền công nghiệp nguyên tử với những công nghệ tương xứng, guồng máy sản xuất chất lượng cao và đào tạo được nguồn nhân lực lành nghề. Tất cả diễn ra trên một đất nước đã bị chiến tranh tàn phá”.

Thứ ba, ngay cả khi ăn trộm được các kế hoạch của Mỹ thì cũng phải thử nghiệm, để bảo đảm rằng không bị lỗi, không bị tin giả, để hiểu được nó hoạt động ra sao, và tiến trình đó đòi hỏi một tầm năng lực cao tương xứng.

Thứ tư, một khi bom đã được sản xuất ra, ngay lập tức, các nhà vật lý đã cải tiến bằng cách bùng phát một hệ thống có quy mô nhỏ nhất nhưng mạnh gấp hai lần. Hai loại bom của Liên Xô đã được sửa đổi thành “Joe 1” và “Joe 2” ở Mỹ. Tên thật của loại bom này là RDS-1 và RDS-2, RDS nghĩa là “Реактивный двигатель Сталина” (dịch nguyên nghĩa là “bộ dẫn tiến phản lực Stalin”), hay là “tên lửa Stalin”.

Tóm lại, Khariton khẳng định, những tư liệu do NKVD cung cấp không giữ vai trò gì trong việc chế tạo bom H của Liên Xô. Cho dù Fuchs có thể cung cấp thông tin cho Liên Xô thì cũng không thể có tính trợ giúp cho dự án, mà ngược lại còn đối lập với những cố gắng của các nhà vật lý vì lúc ấy cái gọi là “bom hạng nặng”, khái niệm do Edward Teller đặt ra đã bị giảm giá trị. Các nhà vật lý Xôviết làm việc dựa trên quan điểm chính thống của họ, không liên quan đến bom khí, chứng tỏ sự xuất sắc của họ vì lợi ích cao nhất của đất nước[\[36\]](#).

Việc Khariton bảo vệ và chứng minh cho chương trình bom A không làm khuất bớt được các khoảng tối. Chẳng hạn ông thừa nhận việc sử dụng các nhà khoa học Đức tham gia chương trình sau khi Đức quốc xã bị tiêu diệt, nhưng ông phản đối ý kiến cho rằng họ tạo ra bom vì lợi ích của người Nga. Thực tế người Đức đi sau rất nhiều trong chuyện này và chỉ được huy động vào những việc phụ. Họ cũng không tránh việc nói đến công việc vô cùng khó khăn:

“Chắc chắn là không vui về gì khi chứng kiến những cảnh lao động như khổ sai để xây dựng lên khu căn cứ. Nhưng đó là chuyện sau này, mọi người không lo lắng là bao về những khó khăn trong cuộc sống thường nhật mà cố gắng làm sao hoàn thành nhiệm vụ một cách tốt nhất và nhanh nhất. Họ biết rằng đất nước đang bị nguy hiểm, rằng Chính phủ tin tưởng vào họ, sẽ tạo mọi điều kiện cần thiết cho công việc và cho cuộc sống. Họ đã hoàn thành nhiệm vụ một cách xuất sắc”[\[37\]](#).

Trong bài báo đăng trên tờ Izvestia không lâu trước khi diễn ra hội thảo, Khariton đặc biệt nhấn mạnh: việc quyết định có-py mẫu bom của Mỹ là một quyết định khôn khéo. Liên bang Xôviết cần chỉ cho thế giới thấy rằng họ là một siêu cường, và phương thức tối ưu để đạt được điều đó là đi có-py. Nhưng một khi đã chứng minh được rồi, các nhà vật lý có thể làm việc theo kế hoạch khởi thủy mà ông và Zeldovitch đã soạn thảo. Hai người kết hợp với Kourchatov chính là “cha đẻ của bom A Xôviết”.

Trong khuôn khổ cuộc tranh luận, thông điệp chính trong cuộc hội thảo của Khariton là:

“Trong việc thực hiện chương trình nguyên tử, chúng ta không cần phải đề cao quá mức tầm quan trọng của tình báo Xôviết, những cố gắng và đóng góp của họ đã được khen thưởng rất xứng đáng rồi”[\[38\]](#).

Tuy nhiên, có điều rút ra là Khariton không nhân cơ hội cuộc hội thảo của mình để đề cập một cách kịp thời luận chứng đăng trên tờ Izvestia. Trong bài báo, ông chú ý rằng: khi có những yêu cầu đầu tiên về các tư liệu mà NKVD nhận được từ các nhân viên ở Mỹ, các tư liệu đó chỉ có thể được gọi là giấy tờ của “người mù chữ”. Chỉ sau khi Kourtchatov bắt đầu soạn ra các bản đánh giá thì mới có được các đề nghị hợp lý. Điều đó chứng tỏ thực tế là Kourtchatov đã yêu cầu: những giải pháp cho các vấn đề của ông phải theo như dự án Los Alamos, trong trường hợp như vậy thì đóng góp của tình báo Xôviết không phải chỉ là “đáng được ngợi ca” mà là những đóng góp có tính quyết định[\[39\]](#).

Qua việc xuất bản “Bản thuyết trình của Khariton”, có vẻ như cuộc tranh cãi giữa các nhân vật tình báo và các nhà khoa học đã đi vào hồi kết. Cả hai bên đều đã lộ diện và cuộc chiến bắt đầu biến thành cuộc cãi cọ về thứ tự trên dưới của những người vĩ đại. Ai đã đóng góp, đóng góp bao nhiêu vào chương trình bom A? Nhờ vào những tài liệu do NKVD cung cấp, kịp của Kourtchatov đã rút ngắn được bao nhiêu thời gian? Đã tiết kiệm được bao nhiêu trí lực và tiền của cho đất nước? Nói chung, phải thừa nhận rằng tình báo nguyên tử đã giúp Liên Xô tiết kiệm được rất nhiều thời gian và tiền của, đóng góp của hai lực lượng có thể nói là 50-50. Trên đỉnh Olympe có chỗ cho cả các nhà bác học và các điệp báo viên.

Phải mất đến một năm mới hiểu được nhau, khi có được một người dưới chân núi Olympe đưa ra lời nhận xét khách quan hữu ích.



# BẰNG CHỨNG GIẬT MÌNH

Có một tác phẩm đang thai nghén được giữ bí mật cực kỳ nghiêm ngặt vì tác giả là một bậc thầy điệp báo nữa, Pavel Soudoplatov. Ông được các chuyên gia phương Tây biết đến sau khi làm chứng cho một vụ phản bội của KGB, Nikolai Khokhlov. Là trưởng ban chấp chính các nhiệm vụ đặc biệt của NKVD, Soudoplatov đã chỉ đạo ban tác chiến du kích chống phát xít trong thời kỳ chiến tranh, tổ chức nghi binh, đánh bom, ám sát trong lòng địch. Sau chiến tranh, ông là trưởng phòng đặc nhiệm số 1, chịu trách nhiệm bắt cóc và thi hành án đối với dân Xôviết phản động lưu vong ở Châu Âu. Vì từng là cộng tác viên của Lonid Etingon, ông có vai trò trong vụ ám sát Trotsky ở Mêhicô năm 1940. Sau khi Stalin chết năm 1953, chính ông và Etingon đã bị bắt vì là người của Beria và vì là những nhân vật lịch sử, họ biến mất một cách bí mật. Với dư luận phương Tây cũng như người dân Nga, cái tên Soudoplatov hoàn toàn xa lạ[40].

Được trả tự do năm 1968 sau khi Khroushchev bị lật đổ, nhưng vẫn chưa được phục quyền cho mãi đến năm 1992, sau khi Liên bang Xôviết sụp đổ Soudoplatov quyết định kể lại chuyện của mình. Suốt năm 1993, ông tiếp hai người Mỹ tại nhà riêng, Jenold và Leona Schechter để viết lại "câu chuyện của bảy mươi năm mưu mô và chết chóc". Bao tiếng xì xầm quanh tập hồi ký sắp được xuất bản. Ngay từ bây giờ đã có những truyện tình báo đang say sưa về một bữa tiệc mới. Không ai dự báo được những bí mật nào về trật tự nguyên tử sẽ được tiết lộ. Mới có một chương được đăng trên tạp chí Time ngày 25 tháng 4 năm 1994 đã làm độc giả Mỹ, độc giả châu Âu, thậm chí độc giả toàn thế giới hoàn toàn choáng váng.

Việc Soudoplatov nói về hoạt động của ông từ 1944 đến 1946, lãnh đạo một ủy ban tình báo nguyên tử - phòng S hay nhóm Soudoplatov - gây ngạc nhiên thực sự. Nhưng việc ông khẳng định rằng những thiên tài lừng danh của dự án Manhattan đã hợp tác với cơ quan mật vụ Xôviết đã xóa bỏ tất cả những ý kiến trước đây. Sự kiện này giống như một quả bom đối với giới khoa học Mỹ.

Theo như hồi ký của Soudoplatov, Robert Oppenheimer, Enrico Fermi và Leo Szilard chuyển tin tức về nguyên tử cho các liên lạc viên Xôviết nhưng khác với Fuchs, họ chỉ vô tình và gián tiếp làm việc đó khi gặp các nhân viên tình báo Liên Xô trong phòng thí nghiệm đặc biệt và đã vô tình để cho các tình báo viên có thể sử dụng tài liệu để cốp-py lại. Còn riêng George Gamow thì cộng tác trực tiếp. Do áp lực đe dọa trả thù bố mẹ ông đang sống ở Ukraina, George Gamow đã trao đổi với các nhân viên người Liên Xô những thông tin mà bạn bè của ông ở Los Alamos cung cấp. Ngài Niels Bohr cũng dính dáng. Sau chiến tranh, ông tiếp một đoàn đại biểu Liên Xô tại nhà riêng ở Đan Mạch, nhân cơ hội này giải quyết vấn đề đã làm tắc lại vụ thử phản ứng nguyên tử Xôviết đầu tiên. Vậy là các nhân vật vĩ đại được các sách lịch sử tâng bốc, được các nhà khoa học và công chúng tôn sùng một cách thái quá không chỉ là những người thực tâm có cảm tình với lý tưởng Xôviết và là những người theo chủ nghĩa hòa bình mà họ thực sự đã là những kẻ phản bội rất biết việc.

Cuốn Nhiệm vụ đặc biệt của Soudoplatov đã khơi lên một cơn bão phản đối. Các bài viết đăng trên báo, những cuộc tranh luận trên truyền hình, ban chuyên gia khoa học ra sức bác lại những viện dẫn của quái nhân bất ngờ kia. Người ta tuyên bố, Soudoplatov bị gạt ra ngoài lề vấn đề vì ông là kẻ sát nhân và tung tin đồn nhảm trong công việc mà thôi, nhưng luận đề này không đi đúng hướng vì vô hình chung nó lại giả định rằng người ta tin vào những chuyện ám sát và tin vịt kia của ông. Số khác thì lại kết luận rằng những cáo buộc của ông chống lại các nhà khoa học lấy lòng rất mờ mờ, các chi tiết không đáng tin. Leo Szilard không làm việc ở Los Alamos (ngược lại với sự khẳng định của Soudoplatov). Pontecorvo không thể làm được bản báo cáo về lò phản ứng của Fermi năm 1942, vì không có mặt ở Met. Lab vào thời điểm đó. Oppenheimer không đưa Fuchs tới Los Alamos, các viện dẫn khác cũng vậy, không đáng tin cậy[41].

Vợ chồng nhà Schechter và nhà Xôviết học Robert Conquest đáp lại các chỉ trích bằng cách đăng thư trên tờ Thời báo New York ngày 6 tháng 5. Phần lời tựa Conquest viết cho cuốn sách

của Soudoplatov được coi là luận cứ thuyết phục nhất: trong các đơn vị tình báo của Stalin, cấp độ cao nhất của bí mật là “chỉ cần thông tin truyền tai”. Luận cứ này tuy đưa ra đường mở cho Soudoplatov nhưng chưa giải quyết được triệt để vấn đề. Vợ chồng Schechter thì giải thích rằng cuốn sách của họ thuật lại “chuyện truyền khẩu”, còn tài liệu làm bằng sẽ được ra mắt ở Matxcova.

Thế là nhà xuất bản Roger Donald, de Little, Brown and Co., tái xuất thành phụ lục đề hướng ứng. Năm 1982, Soudoplatov đã gửi yêu cầu phục hồi danh dự tới Youri Andropov, khi ấy là người đứng đầu KGB. Soudoplatov đã viết về những công trạng của mình như sau: “... phòng S đã có những đóng góp đáng kể đối với các nhà khoa học khi cung cấp cho họ những tài liệu mới nhất về nghiên cứu bom nguyên tử, những nguyên mẫu mà chúng ta có được bên cạnh các nguồn thông tin không kém phần quý giá của các nhà vật lý như R. Oppenheimer, E. Fermi, K. Fuchs...”. Donald cho rằng Soudoplatov ít có khả năng bịa ra việc gửi yêu cầu tới Andropov vì hoàn toàn có thể kiểm chứng được tính xác thực của sự việc[\[42\]](#).

Priscilla Johnson Mcmillan không đồng tình với luận điểm trên: từ “nguồn” mà Soudoplatov dùng không nhất thiết là ám chỉ các nhân viên đã được xác nhận, nó trái với từ “bè bạn”. Cô còn cho rằng chúng ta hoàn toàn có thể tưởng tượng ra việc Soudoplatov đã phóng đại cống hiến của mình với Andropov. Nhưng lý lẽ bác bỏ của cô lại không được hoan nghênh vì vấp phải tên tuổi của Fuchs. Danh sách có tên Fuchs lại có cả tên của Oppenheimer và Fermi, tức là đã xác định họ là điệp viên[\[43\]](#).

Tuy nhiên, giới phê bình Mỹ mạt sát thậm tệ cuốn sách của Soudoplatov. Họ đưa ra những lỗi rất lớn trong phần nói đến tình báo nguyên tử và kết luận rằng cuốn sách là một trò lừa bịp. Họ còn bóng gió rằng làm vậy chỉ để bán giấy và để kiếm tiền nuôi miệng; cần phải có những xử phạt thích đáng vì đã sỉ nhục các tác giả và các nhà xuất bản Mỹ. Họ bảo vệ danh tiếng của Oppenheimer và những người khác, không thể không kể đến hồi ký của Joe Mccarthy và những cuộc tấn công vô có chống lại cánh tả trong những năm 50.

Tại Nga, phản ứng của giới phê bình rất khác nhau. KGB - SRE đương nhiên phải đáp trả việc xuất bản của tờ Time , khiển trách Soudoplatov, xử trí ông như là một “nhân chứng không có đủ giá trị”. Với tư cách của một cựu nhân viên thời Stalin, từng ám sát Trotski, đã có mười lăm năm trong tù chịu đủ cực hình và bị cô lập hoàn toàn, ông có một cuộc đời huyền thoại. Xuất bản cuốn sách này mà không có sự trợ giúp, cũng không có cả bảo lãnh của các cơ quan chính thống, ông đã đặt mình vào phía đối đầu với tập thể điệp viên. Lời bình đầu tiên của SRE là: vài ngày trước khi cuốn sách xuất hiện, trao đổi với các đồng nghiệp của mình, ông không nói một lời nào về vụ xì căng đan mà ông đã âm ỉ chuẩn bị. Có nghĩa là ông không tuân theo kỷ luật.

Dù không mấy ai trong báo giới phương Tây để ý nhưng đã xuất hiện những lời xúc phạm nặng nề hơn, lộ liễu hơn. Serguei Leskov, người phát ngôn của SRE đã viết: Soudoplatov làm ảnh hưởng đến việc về hưu của một viên trung tá của KGB, “và điều này không thể coi như việc khai thông những nguyên tắc đạo đức bất thành văn của công tác tình báo. Những nguyên tắc này áp đặt lên người đứng đầu một điều cấm kỵ khắc nghiệt, có hiệu lực suốt nhiều thập kỷ, là không được phép tiết lộ tên tuổi những nhân viên không muốn bị lộ diện”. Soudoplatov đã phạm phải điều cấm kỵ này.

Kết luận lại: Soudoplatov đã vi phạm những nguyên tắc an toàn chứ không phải là ông bịa chuyện. Phải nói vậy vì phần ghi chú này không có lợi cho ông khi Soudoplatov bị KGB khiển trách. Bản kiểm điểm do SRE soạn có rất nhiều thiếu sót, ví dụ như Soudoplatov không hề nói đến Kvasnikov hay mật danh Enonnoz của phòng nghiên cứu Los Alamos. Mà điều này đã được ông nêu rất rõ ràng trong cuốn sách của mình. Ý đồ làm mất thanh danh ai đó đã quá rõ ràng[\[44\]](#).

Vladimir Tchikov, tác giả của cuốn sách này rất lấy làm thú vị được trình bày những phê phán thật nghiêm túc đối với Soudoplatov, ông đề cập ngay từ lời dẫn và đi vào phân tích sâu hơn ở chương 4 và chương 5: các tài liệu của KGB không xác nhận những luận điểm của Soudoplatov. Bản báo cáo của Kheifetz năm 1944 đã bác bỏ thẳng thừng những chi tiết trong cuốn sách kia. Các điệp viên trong cuộc cũng không đồng tình. Các mật danh ông đưa ra đều không chuẩn xác. Câu chuyện về phái bộ Xôviết bên cạnh Niels Bohr khác hoàn toàn với văn

bản tường thuật của một người trực tiếp tham gia. Với tất cả những căn cứ trên và nhiều cơ sở khác, Tchikov tán đồng một quyết định khai trừ: “Dựa trên những tài liệu SRE có được, cuốn Nhiệm vụ đặc biệt của Pavel và Anatoli Soudoptatov là sự cóp nhặt tạp nham những sự việc có thật, nửa thực nửa hư cấu”.

# CHÚNG TA BIẾT GÌ VỀ GIÁN ĐIỆP HẠT NHÂN CỦA STALIN?

Chúng ta biết rằng chương trình bom A của Liên Xô là kế hoạch của NKVD, các nhân viên tình báo của Liên Xô dần dần xâm nhập vào Los Alamos cũng như các cơ sở hạt nhân khác ở Mỹ và Canada. Tuy chưa đủ nhưng cũng có nghĩa là chúng ta có thể biết thêm rất nhiều về vụ Enormoz.

Có năm nguồn thông tin chính về các hoạt động tình báo của Liên Xô:

1. Vụ Gouzenko xảy ra ở Canada.
2. Hồ sơ vụ Fuchs.
3. Hồ sơ vụ Rosenberg.
4. Các luận chứng của Soudoplatov trái với Oppenheimer và những người khác.
5. Hồ sơ Mlad - Persée.

## • 1. Vụ Gouzenko

Hồ sơ Gouzenko là “Báo cáo của ủy ban Hoàng gia” năm 1946, kết quả của một cuộc điều tra chính thức, là một tư liệu rất phong phú. Bảy trăm trang tài liệu này là bằng chứng liên quan đến ít nhất mười hai người, bao gồm các nhà khoa học, chính trị gia và các viên chức nhà nước đồng thời là nhân viên của GRU, Cục tình báo quân sự của Liên Xô. Nhân vật nổi bật nhất trong số họ là nhà khoa học người Anh Allan Nunn May. Là hội viên của Phòng nghiên cứu Montreal, ông thường xuyên đến nhà máy sản xuất nước nặng ở Chalk River và được ưu tiên tiếp cận với các dữ liệu của Dự án năng lượng nguyên tử. Có cảm tình với chủ nghĩa cộng sản, ông trao cho Matxcova tất cả những gì biết được về nghiên cứu hạt nhân của Hoa Kỳ và Canada, trong đó có cả dự án Manhattan, rồi trao cho Pavel Angelov, nhân viên Cục tình báo quân sự Liên Xô, mẫu uranium 233 và uranium được làm giàu. Sau khi bị bắt, ông có viết tờ khai nhưng từ chối không nêu tên bạn bè cũng như những người có liên lạc với ông.

May và mười người nữa bị bắt giam. Mạng lưới tan rã. Về nước, những nhân viên của Cục tình báo quân sự Liên Xô ở Canada bị thất sủng. Lần giở sách vở và báo chí về vụ việc này, các điều tra viên tìm thấy nhiều thông tin mới mẻ và rất thú vị, hơn nữa các thông tin ấy phủ nhận nhiều luồng nghiên cứu trước đây và không chỉ ra được các điệp viên trong Chính phủ Hoa Kỳ và Anh quốc. Suốt từ năm 1945, không có tài liệu chính thống nào ghi chép về vụ Gouzenko, mà nhân viên mật mã đã rời lãnh sự Liên Xô tại Ottawa, mang theo chín trăm tấm phim tư liệu<sup>[45]</sup>.

## • 2. Hồ sơ Fuchs

Không khá gì hơn, dù vụ án đã đưa ra xử tại tòa Đại hình, mặc cho các nhà nghiên cứu đã sẫm soi từng chi tiết, hồ sơ vụ Fuchs cũng chỉ đưa ra rất ít tình tiết. Tầm quan trọng của những bí mật tiết lộ cho đối phương đã khiến điệp viên được coi là lừng lẫy nhất lịch sử thế giới phải ra tòa. Nhưng tòa án Anh đã cho phép ông được khai nhận ngắn gọn, bỏ qua thời gian làm việc ở Los Alamos, người hỏi cung là William Skardon. Sau đó, ông khai rất tóm tắt với Micheal Perrin những dữ kiện khoa học nhưng không một từ nào nhắc đến một tên người, một địa chỉ, một nghiệp vụ điệp báo. Bản khai của Harry Gold, liên lạc viên của ông, có bổ sung một vài chỗ hổng. Nhưng nhìn chung, người ta chỉ có được hình ảnh một con người cô đơn, hướng ngả<sup>[46]</sup>.

Vậy thì đa số những người từng quen biết và làm việc với Fuchs không có mấy kỷ niệm về ông. Điều này có vẻ kỳ lạ. Người ta dành trông chờ vào khoảng thời gian hai năm ông sống ẩn dật, làm bạn với các nhà khoa học và gia đình của họ, mong rằng những tài liệu thám thính, thư tín và các giai thoại sẽ mở ra những tình tiết mới song vô ích. Có thể việc ông bị bắt khiến các nhà khoa học thấy bối rối vì lo ngại bị tố cáo trở lại, nhưng Soudoplatov buộc chúng ta phải đặt câu hỏi: họ sợ phải giở lại những trang kỷ niệm về Fuchs và sợ gây ra sự nghi ngờ về những nhân vật khác trong đó có chính họ?



### • 3. Vụ án Rosenberg

Diễn ra ngay sau phiên xử Fuchs, phiên tòa xử Julius và Ethel Rosenberg là cách mà người Mỹ, vốn quen với việc các điệp viên phải thú tội, có thêm lý do để bảo vệ sự trong sạch của mình. Khác với Fuchs, vợ chồng Rosenberg không thừa nhận tội trạng. Khi lên ghế điện rồi họ vẫn một mực rằng mình vô tội. Vì thế, vụ việc của họ đã làm chuyển biến các cuộc đối đầu về hệ tư tưởng và chính trị của chiến tranh lạnh; hàng thập kỷ sau, câu chuyện về họ vẫn là chủ đề của các cuộc tranh luận.

Cánh tả năm 1953 cho rằng việc Chính phủ kết tội vợ chồng Rosenberg là việc làm hết sức phi lý. Còn cánh hữu kết luận rằng đôi vợ chồng này là cộng sản, họ đã dối trá đến tận hơi thở cuối cùng. Ba mươi năm sau, năm 1983, vấn đề được lật lại trong cuốn Hồ sơ vụ Rosenberg: công cuộc kiểm tìm sự thật. Ronald Radosh và Joyce Milton, các tác giả của cuốn sách chưa bao giờ tin rằng vợ chồng Rosenberg vô tội, đã tìm được những bằng chứng để đi đến kết luận phạm tội. Song những người con của đôi vợ chồng này sẽ tiếp tục đấu tranh để khôi phục danh dự cho cha mẹ họ.

Có thể kể đến lời giới thiệu của Micheal Meerpol trong cuốn Những bức thư của Rosenberg xuất bản năm 1994. Người con trai có hiếu, mang tên họ của bố mẹ nuôi, đã lấy luận cứ từ cuộc phỏng vấn của Yatskov trên tờ Bru điện Washington (1992) để bảo vệ cha mẹ mình. Yatskov đã nói đến Mlad và những điệp viên chưa bị lộ, Meerpol đưa ra giả thiết là Robert Lamphere, có trách nhiệm trong vụ Fuchs và Rosenberg, đã nghĩ ra những bằng chứng chống lại vợ chồng Rosenberg để che lấp sự vô dụng của FBI chứ cơ quan này còn khuya mới có khả năng chạm được tới Mlad. Nhưng Yatskov không hài lòng vì có ý kiến phản kháng thông tin của ông về Mlad nên đã nhắc đến nhân viên của mình là Harry Gold, người giữ liên lạc với Fuchs và là người có thể nhận diện được kẻ đã tố cáo vợ chồng Rosenberg là David Greenglass. Cuộc phỏng vấn của Yatskov không thuyết phục được Meerpol. Cùng với Walter và Miriam Schneir, tác giả của Cửa mở cho điều tra, anh khẳng định rằng: Gold còn lâu mới là nhân viên của Liên Xô, mà chỉ là một con rối trong tay Chính phủ Mỹ. Anh mô tả: “Do lỗi tư liệu, không thể khẳng định rằng những hồi ức của Yatskov hay của các cựu nhân viên Cục tình báo là đầy đủ và xác thực”. Khẳng định như vậy là có cơ sở nhưng chưa đủ. Meerpol muốn có những thông tin thật chuẩn xác, hãy xem lại Yatskov hay ném ông ta vào thùng rác[\[47\]](#).

Nhiều năm sau, những thông tin về vợ chồng Resenberg từ nước Nga cứ bị xáo trộn nhằm tung hỏa mù. Trong khi chính phủ chính thức phủ nhận quan hệ với họ thì cựu Tổng bí thư Khrouchtchev lại tuyên bố là họ đã có những cống hiến lớn lao cho Liên Xô, sau chiến tranh rất sợ bị người Mỹ tấn công bằng vũ khí hạt nhân:

“Họ không phải là nhân viên, cũng không là điệp báo viên của Liên Xô. Họ là những người có chung lý tưởng với chúng ta. Họ hành động theo niềm tin của chính mình”.

“Tôi từng được chứng kiến Stalin rất nhiệt tình khi nhắc đến vợ chồng Rosenberg. Tự chính tôi không thể khẳng định là họ có công lao như thế nào đối với chúng ta nhưng nghe nói đây là Stalin và Molotov, khi đó là Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, đã nói rằng vợ chồng Rosenberg góp phần quyết định vào công việc chế tạo bom nguyên tử của chúng ta”[\[48\]](#).

Bình luận về lời phát biểu trên, Meerpol cho rằng Khrouchtchev đã nhằm hoàn toàn khi khẳng định rằng vợ chồng Rosenberg không phải là cộng sản. Meerpol giả định rằng có thể Khrouchtchev đã nghe sếp của mình nói đến Cohen chứ không phải Rosenberg. Mà cả hai đôi vợ chồng đó đều là cộng sản đặc sệt[\[49\]](#). Cùng thời điểm đó, tờ Thời báo New York ra xã luận phân tích: mặc dù những câu chuyện của Khrouchtchev chỉ là: “những tin tức nghe phong thanh từ một nhân chứng đã qua đời... nhưng ông có những thuận lợi để có thể tiếp cận được với những nguồn tin như vậy và thời điểm đó, không có lý do gì phải bịa chuyện, những tuyên bố của Khrouchtchev khiến cho việc kết luận xem vợ chồng Rosenberg có phải là nạn nhân vô tội của cơn cuồng phong chiến tranh lạnh hay không trở nên khó khăn hơn”[\[50\]](#).

### • 4. Các luận chứng của Soudoplatov

Mới đây nhất, Soudoplatov đã thừa nhận rằng vợ chồng Rosenberg là các điệp viên nguyên tử, nhưng lại hạ thấp giá trị của họ khi nói rằng họ chỉ là các nhân viên hạng hai, không quan

trọng, nhất là đem so sánh họ với Oppenheimer. Về phần mình, SRE không đồng ý kiến với Soudoplatov, vẫn cho rằng Cục tình báo chưa bao giờ có liên lạc với vợ chồng Rosenberg, tức là họ vẫn kiên trì chính sách phủ nhận hoàn toàn đã được áp dụng suốt bốn mươi năm nay.

Cục tình báo Hoa Kỳ đã quyết định sắp xếp lại hồ sơ.

Tháng 7 năm 1995, trong một buổi lễ tại đại bản doanh của CIA ở Langley, CIA đã để lộ bốn mươi chín bức điện từ Lãnh sự Xôviết ở New York gửi cho Trung tâm của KGB ở Matxcova trong các năm 1944 - 1945. Những bức mật mã này đã bị Cơ quan tình báo mật mã Hoa Kỳ, tiền thân của Cơ quan an ninh Quốc gia bắt được, và trong chương trình dự án có tên là Venona, những nhân viên phân tích ưu tú nhất, trong đó có Meredith Gardner, giải mã và dịch sang tiếng Anh. Cơ quan an ninh Quốc gia còn hứa, trong tương lai sẽ “mở” thêm hai nghìn bức điện đã bị cơ quan này chặn lại. (Vai trò của CIA trong sự kiện này chỉ là thứ yếu). Bốn mươi tập tài liệu này chỉ xuất hiện khi năm 1953, Chính phủ Mỹ chắc chắn rằng Julius Rosenberg (bí danh là Liberal) và vợ là hai trong số hai trăm nhân viên Xôviết trong mạng lưới tình báo hạt nhân. Vì lo ngại Liên Xô có thể biết rằng các chuyên gia của mình đã tiết lộ mã số nên Chính phủ Hoa Kỳ không đề cập tới vấn đề này trong hồ sơ vụ Rosenberg, do vậy, tang vật kết tội ở tòa chỉ có phần nào. Từ nay, nhờ có các tài liệu trong tay, chúng ta có thể kết luận rằng căn hộ của vợ chồng Rosenberg ở New York là cơ sở bí mật để chuyển tin tức, hội họp và sao chụp tài liệu. Giống như vợ chồng Cohen, vợ chồng Rosenberg cũng huấn luyện được cả một ekip điệp viên Xôviết cực kỳ hiệu quả. Nhưng chúng ta phải có thêm rất nhiều tài liệu mới có thể biết là hai đôi đó có hiệp đồng tác chiến với nhau không. Dù thế nào đi nữa thì cũng đã kết luận được vấn đề: vợ chồng Rosenberg là các điệp viên tình báo hạt nhân của Xôviết.

Một kết luận nữa về việc bắt được các cuộc điện đài của Cơ quan an ninh quốc gia cũng khá thú vị, lại một lần nữa, sự vi phạm của konspiratsia cho phép chúng ta nhận dạng sự việc. Ngày 21 tháng 9 năm 1944, Lãnh sự Liên Xô đã điện cho Matxcova báo rằng Libéral đã hỏi được một căn hộ bí mật qua vợ của người em rể là Ruth Greenglass. Cô ấy hai mươi một tuổi, công dân Mỹ chính gốc, là thành viên của Hội thanh niên cộng sản từ năm 1942, sống trên phố Stanton. Theo vợ chồng Libéral, Ruth Greenglass là một cô gái thông minh và chín chắn. Hai tháng sau, ngày 27 tháng 11, theo báo cáo của Kvasnikov: “liên quan đến vợ của Libéral: Lấy họ của chồng, tên là Ethel, hai mươi chín tuổi. Lập gia đình đã năm năm...” Hiển nhiên, dùng tên thật - Ruth Greenglass và Ethel - sẽ dễ hơn khi nhận diện Libéral, hay ta vẫn gọi là Julius Rosenberg.

Một vi phạm nguyên tắc nghiêm trọng như vậy không thể không khiến ta phải nghi ngờ. Liệu chúng ta có thể tin được các tài liệu của cơ quan an ninh quốc gia? Tôi đã hỏi Robert Lamphere rằng tên thật của các nhân vật của chúng ta có được viết chính xác không, vì Lamphere có tư cách của một liên lạc viên của FBI, đã từng làm việc cùng Meredith Gardner khi bắt sống và nhận được câu trả lời: “Họ tin rằng đã đặt được một hệ thống khép kín. Song lại có sự bất tuân, mà tình thế thì đã khẩn cấp hoặc là họ đã đi sai một bước, hay vì bất kỳ một lý do nào khác, và họ bị lộ”. Đúng ra thì tất cả những dữ kiện khác như tuổi tác, địa chỉ... sẽ được thông tin một khi đã bị nhận diện. (cuộc nói chuyện điện thoại ngày 1 tháng 9 năm 1995).

Một khi tội trạng của vợ chồng Rosenberg đã được cấu thành, các nhà bình luận đã có thể trả lời được các vấn đề khác. Do thiếu bằng chứng về vụ Venona nên hồ sơ kết tội họ không được tập hợp đầy đủ? Chúng ta đều biết là bằng chứng quan trọng được đưa ra trước tòa là lời khai của David Greenglass, em trai của Ethel, là thợ cơ khí ở Los Alamos. David Greenglass khẳng định là đã trao cho Julius Rosenberg bức ký họa mẫu thấu kính hội tụ mới và các bản vẽ bom nén. Gold, bị Yatskov giục giã, đã nhận tin từ chính Greenglass. KGB - SRE đã phủ nhận tất cả mọi quan hệ với vợ chồng Rosenberg nhưng Yatskov đã nhiều lần xác nhận việc mình liên lạc với Gold, nên dù rằng không có vụ Venona, thì cũng đủ để kết luận tội trạng của Greenglass. Hơn nữa, Tchikov cũng khẳng định điều đó trong một tác phẩm mới đây của ông.

Nhưng rồi chúng ta lại tự hỏi liệu vợ chồng Rosenberg có thực đáng phải chịu hình phạt tử hình cho tội danh đó. Sự kém hiểu biết của Greenglass trong lĩnh vực bom nén, thể hiện rõ trong phiên tòa, đã chứng tỏ anh ta không đủ khả năng để có thể cung cấp những thông tin tầm cỡ như Fuchs đã làm. Lại thêm những lưu ý của Philip Monison, một nhà vật lý người Mỹ làm việc trong dự án bom A ở Los Alamos:

“Thật nực cười khi xem kết cấu của mẫu vật đặc thù, không có đủ chi tiết để có thể làm theo, thậm chí khi gặp trục trặc còn không thể hiểu được kết cấu đó. Nhưng quý vị còn đòi hỏi gì hơn ở một người chỉ được đào tạo ở cấp sơ đẳng, mới học hết cấp hai, và khi đó không được tiếp xúc với gì khác ngoài những cấu kiện máy móc cơ bản, anh ta có thể nhìn thấy những kết cấu đó khi anh ta chỉ làm việc ở cửa hàng hay chỉ là người đập khuôn các thấu kính?[\[51\]](#)”.

Vậy là vẫn giẫm chân tại chỗ: vợ chồng Rosenberg có thực sự tiết lộ bí mật, hình phạt họ phải chịu có tương xứng với tội trạng của họ?

Bằng những hiểu biết của chúng ta về các điệp viên nguyên tử của Stalin, đại thể ta có thể kết luận rằng Klaus Fuchs đã xâm nhập vào Los Alamos, đánh cắp những bí mật tối quan trọng trao cho tình báo Xôviết. Bị nghi ngờ, bị bắt và bị hỏi cung, ông đã nhận tội. Sau bốn mươi năm, qua nhân vật trung gian là Feklisov, các cơ quan tình báo Liên Xô đã thừa nhận là có cộng tác với ông. Phải ra tòa, David Greenglass và vợ chồng Rosenberg đã bị định tội, dù sự việc gây ra nhiều dư luận khác nhau nhưng sau hơn bốn mươi năm, các tài liệu của cơ quan an ninh quốc gia Hoa Kỳ đã khẳng định tội danh của họ. Thứ nhất, Cục tình báo không xử lý các tài liệu Venona, nhưng mấy tháng sau, Vladimir Barkovski, người viết sử KGB, đã thừa nhận việc tiếp tay cho vợ chồng Rosenberg. Tuy nhiên, ông ta nhất quyết phủ nhận là mình có dính líu đến hoạt động tình báo hạt nhân, không thừa nhận các hoạt động tình báo quân sự. Soudoplatov đã khẳng định sự phản bội của Oppenheimer, Fermi, Szilard, Gamow và Bohr nhưng các nhà khoa học nguyên tử Mỹ lại phủ nhận hoàn toàn, FBI cũng bác bỏ, điều đó đưa đến một cuộc tranh cãi rộng lớn hơn. Các điệp viên người Canada đã cung cấp cho Liên Xô những nguyên liệu rất giá trị nhưng chưa bao giờ họ đặt chân đến Los Alamos, họ bị bắt giam.

Tất cả lại đưa chúng ta đến với Mlad-persée.

#### • 5. Hồ sơ Mlad-persée

Anatoli Yaskov và Vladimir Tchikov là những nguồn cung cấp tin chủ yếu về Persée, người đầu tiên dựa vào những ký ức của bản thân khi còn đang công tác, người thứ hai lại căn cứ vào Hồ sơ số 13676 của KGB, vào những cuộc phỏng vấn, nói chuyện với các nhân chứng lịch sử và những kết quả nghiên cứu của riêng mình: Sự tồn tại của nhân vật Persée đã được khẳng định bởi Cơ quan mật vụ Nga (SRE, tiền thân của KGB) trong bản cáo trạng tháng tư năm 1994 của Soudoplatov và bởi Morris Cohen thông qua cuộc thẩm vấn tháng 10 năm 1994.

Vào thời điểm mà chúng tôi viết sách (1995), có thể Persée vẫn đang sống tại Mỹ cùng con cái mình, tuy nhiên, có khá nhiều lý do để lý lịch của nhân vật này được giấu kín. Tuy vậy, từ những nguồn tin ở cấp cao hơn, chúng tôi có thể dựng lên được chân dung của ông ta như sau:

1. Nhân vật này đã từng có thời gian làm việc tại Phòng thí nghiệm luyện kim nổi tiếng mang tên “Mét. Lab” thuộc Trường Đại học Chicago trước khi tới Los Alamos hồi mùa xuân năm 1943. Điều đó cho thấy ông ta có thể là thành viên của nhóm Enrico Fermi - nhóm đầu tiên trên thế giới tiến hành thử hạt nhân.

2. Trước đây, Persée từng biết Morris Cohen, cả hai đều đã có thời gian phục vụ Chính phủ Cộng hòa Tây Ban Nha. Không dám chắc là Persée có từng góp mặt trong lũ đoàn Abraham Lincoln hay không, hay đã từng sang Tây Ban Nha chưa: Tchikov, dựa vào các mối dây liên hệ với Cohen hồi cuối những năm 80 thì khẳng định là không; Morris Cohen thì căn vào trí nhớ của mình hồi năm 1994, khẳng định là có.

3. Có lẽ biệt danh của nhân vật này không phải là Persée, mà là Mlad, tên gốc tiếng Nga, dịch ra có nghĩa là “trẻ” hay “chàng trai trẻ”. Trước Leontine Cohen, ông ta đã có quan hệ qua lại và chuyên giao tài liệu với Star, tên gốc Nga, dịch ra là “già”. Mlad và Star đều được Soudoplatov đề cập tới, song nếu theo thông tin của tạp chí Kov thì cả hai nhân vật này đều không xác định được. Căn cứ trên những biệt danh gốc này, chúng ta có thể tưởng tượng ra rằng Persée từng là một nhà vật lý học trẻ tuổi làm việc tại Mét.Lab trong thời gian 1942 - 1943 và thường xuyên có quan hệ với một người trung tuổi. Tên Peesée được nghĩ ra trong một thời điểm nào đó để che giấu đi biệt danh thật, nhưng cũng có thể là do vợ chồng Cohen đã từng sử dụng tại đó.

4. Persée - Mlad làm việc tại Los Alamos từ 1943 - 1946, ông ta đã cung cấp những tin tức về bom cho Leontine Cohen giai đoạn từ tháng 8 năm 1943 đến tháng 8 năm 1945. Cũng như

Fuchs, ông ta đã báo trước cho người Liên Xô về vụ thử bom tại Trinity, và ông ta cũng có mặt tại vụ thử đó.

5. Từ Los Alamos, ông ta trở về Trường Đại học Chicago năm 1946 và tham gia phong trào chống hạt nhân năm 1948. Ở giai đoạn này, Persée đã thôi làm việc cho người Nga, song lại giới thiệu một cặp vợ chồng làm việc tại Hanged Engineer Wortes, tiểu bang Washington để thay thế mình. Cặp vợ chồng này được tuyển chọn. Biệt danh của họ là Anta & ADen, có thể là Anda & ALen (Ailen). Người trực tiếp liên lạc với họ là Star.

6. Persée - Mlad là một người Mỹ gốc, thấp lùn nhưng vạm vỡ. Cuốn sách mô tả ông ta đội một chiếc mũ rơm, đi đôi sandan trắng và mặc một chiếc áo sơ mi thể thao trắng, nhưng chỉ sợ là những lời mô tả này có vẻ văn chương quá. Gia đình ông ta sống ở New York, và nếu như vào năm 1943, Persee trên dưới hai mươi tuổi thì hôm nay đã ở vào tuổi tám mươi.

7. Từ một số nguồn tin đáng tin cậy không muốn nêu tên, song có quan hệ mật thiết với tác giả và bản thân tôi, đã đem lại 2 yếu tố bổ sung: Thứ nhất, Persée - Mlad thường lui tới Amtorg, cơ quan thường vụ Liên Xô tại New York hồi mùa xuân năm 1942 và yêu cầu được lập quan hệ với một nhân viên nào đó thuộc Lãnh sự quán Liên Xô. Cũng giống như Fuchs trước đó và nhiều điệp viên Liên Xô sau này, dạng như John Walker và Aldris Ames, ông ta đã tiếp cận dần dần, và Ghen lúc này đang làm việc tại Amtorg, chính là người tuyển chọn ông ta sau đó. Thứ hai, khi cùng Rudolf Abel tới Chicago năm 1949, Leontine Cohen đã yêu cầu Mlad cung cấp các mẫu Triti và Lithi, thành phần chính sản xuất ra bom khinh khí (bom H). Chúng tôi không biết kết quả của yêu cầu này tới đâu.

Tất cả những hiểu biết của chúng tôi liên quan tới điệp viên mang tên Persée - Mlad đều bắt nguồn từ những chứng cứ liệt kê ở trên cũng như những thông tin được tiết lộ từ các tài liệu của vụ Venona hồi tháng 7 năm 1995. Các tài liệu của Venona đã phản ánh khá rõ nét những thông tin này, và thể hiện ở hai mặt: Thứ nhất, chúng xác định rất nhiều bí danh và các vụ việc liên quan vốn cùng được phản ánh trong tác phẩm của Tchikov: Aleksei (Yatskov), Anton (Kvasnikov), Tyr (New York) v.v... Dù cho Tchikov không bao giờ biết được những tài liệu Venona công bố, thì tính xác thực trong ấn phẩm của tác giả này cũng hết sức thuyết phục. Thứ hai, 49 tài liệu “không phân loại” được tập hợp nhằm tìm ra chứng cứ phạm tội của vợ chồng Rosenberg cũng đề cập rất rõ tới Persée, không dưới bí danh thật là Mlad. Nhân vật này cũng thấp thoáng trong khoảng nửa tá điện có liên quan tới vụ Enormoz. Nghiêm trọng hơn, những tài liệu bổ sung do NSA thực hiện cũng thể hiện rõ ràng lý lịch của nhân vật này. Tóm lại, có thể kết luận là các cơ quan đặc biệt của Mỹ có khả năng đã nhận dạng Mlad - Persée.

Đề cập tới tập hồ sơ của Venona có liên quan tới Mlad, có thể xem một cuốn vở dày tám trang được dính ở cuối. Mặc dù có phần rời rạc và vẫn còn ở tình trạng mã hoá, song ta có thể thấy rõ chân dung một nhà vật lý người Mỹ làm việc tại Los Alamos và có quan hệ với Kvasnikov ở New York. Chìa khoá để mở lý lịch của nhân vật này được tìm thấy trong phần từ điển chú giải đi kèm các tập hồ sơ. Hiển nhiên là những tài liệu này đã được soạn thảo trước khi chúng bị phát hiện vào năm 1995. Dấu “tuyệt mật” đã bị xoá, một vài mã số cũng bị bôi đen, cũng như những chứng cứ nhận dạng đều hết sức mù mờ. Tuy nhiên, khi một điệp viên Xôviết không thể bị nhận dạng, thì bảng từ chú giải lại tố cáo điều này. Những dữ liệu đặc biệt cho phép chúng ta phân tích để tìm ra câu trả lời.

Hãy chú ý các dữ liệu sau (Được tập hợp từ nhiều bảng chú giải khác nhau):

Viktor: Trung tướng P.M.Fitine

Liberal: Bí danh cũ Antenne: Julius Rosenberg

Gus hoặc Goóe: Harry Gold

Kalibr (Calibre): David Greenglass

Kvant: hoặc Quantum, không xác định, xuất hiện tại các số New York 972, 979...

Fogel hay Vogel: không xác định, có xuất hiện.

Ramsay: cùng tình hình (hai dòng bị xoá)

Mlad hoặc Jeune: một dòng bị bôi đen.



Cùng một dữ liệu ở bảng từ chú giải liên quan tới Mlad xuất hiện ở bốn tài liệu đầu tiên. Trong hai tài liệu cuối, hai dòng đánh máy kín chữ đã bị bôi đen cho thấy bí danh. Bằng phép loại trừ, có thể thấy rằng người đã xoá hai dòng này chính là người nắm rõ lý lịch của ông ta. Chúng ta có thể nhận ra rằng Mlad không bị nhận dạng giống như Rosenberg hay Gold. Ông ta cũng không có “vỏ bọc không xác định” giống như Kvan hay Fogel. Rốt cuộc, ông ta cũng không ở dạng: “có thể” hay “tùy tình hình” giống trường hợp Ramsay. Điều khác biệt duy nhất là ông ta có một lý lịch rõ ràng song được giữ kín. Những dòng bôi đen khá dài có thể ghi tên, họ hoặc hơn thế là một chức danh kiểu “nhà vật lý”.

Câu hỏi đầu tiên đặt ra sau khi nghiên cứu các bảng từ chú giải của Hồ sơ Venona có liên quan đến Mlad không phải để biết xem lý lịch của ông ta rõ ràng thế nào, mà để hỏi tại sao nó vẫn là điều bí mật cho đến tận ngày hôm nay. Phải chăng ông ta vẫn còn sống? Hay phải chăng ông ta đang giữ một trọng trách cao mà nếu như lý lịch thật bị tiết lộ sẽ ảnh hưởng tới các nhân vật quan trọng, hoặc giả những bí mật lịch sử sẽ bị phơi bày? Hoặc là ông ta đã chết và thực sự cũng chẳng phải nhân tố quan trọng, nhưng nếu để lộ sự thật sẽ gây nguy hại cho những người thân còn sống trong gia đình ông ta?

Câu hỏi thứ hai là tại sao ông ta lại không bị truy tố như vợ chồng Rosenberg. Ông ta đã ra nước ngoài? Lý lịch của Mlad chỉ bị phát giác vào năm 1975, theo như ngày ghi trong các bảng từ chú giải, thời điểm ra đời chính sách săn đuổi các điệp viên hoạt động trong lĩnh vực nguyên tử hay sau khi ông ta đã chết? Phải chăng ông ta đã có công với đất nước này, vì thế mà được hưởng ân huệ là sự lãng quên nhẹ nhàng. Hay ông ta là điệp viên hai mang?

Tuy vậy, cũng thật khó thuyết phục khi dám quả quyết là có thể đoán được một dòng chữ bị bôi đen. Nhưng kết luận sẽ đập vào mắt bất cứ ai đã đọc các bản tài liệu “không phân loại”: Mlad đã được nhận dạng. Tôi đã gọi điện đến NSA ngày 15 tháng 9 năm 1995 và tiếp chuyện một chuyên gia về Hồ sơ Venona, người này đã khẳng định giả thuyết của tôi rằng lý lịch của Mlad đã bị lộ, rằng nhân vật này có thật và còn là một nhân viên có vị trí quan trọng hơn cả vợ chồng Rosenberg, tuy nhiên, bản lý lịch được lưu trong một cuốn sổ ghi, theo đó nghiêm cấm các cơ quan chức năng truy tố Mlad trước pháp luật.

Điều này nói lên rằng NSA không hề biết Tchikov đã cung cấp tin cho chúng tôi rằng Mlad và Persée rốt cuộc chỉ là một người. Cũng như vậy, Chính quyền Hoa Kỳ cũng không hề biết rằng họ đang cố gắng nhận dạng một điệp viên mà thực chất các phương tiện thông tin của Mỹ và Nga vẫn ra rả dưới cái tên Persée.

Trước khi tác phẩm này được hoàn tất, có tin đồn rằng FBI đã yêu cầu điều tra về trường hợp của Persée. Và, trước khi sự thật được tiết lộ từ các hồ sơ Venona, khả năng lớn là một vài người trong giới khoa học có thể đã xác định được một điệp viên đội lốt nhà vật lý học, đồng thời cũng biết một số cựu binh của kíp Oppenheimer ở Los Alamos. Ngày giờ các chuyến đi của Mlad tới Albuquerque, Chicago và New York được chỉ rõ trong tác phẩm này và được cung cấp bởi các nguồn tin đáng tin cậy. Năm 1995, tôi đã nghe được từ một nguồn tin ở Matxcova rằng: Persée là một nhà vật lý học mà “một khi chết đi, cáo phó của ông ta sẽ được đăng tải trên báo chí khắp thế giới”. Nhưng cũng có quyền nghi ngờ rằng SRE cũng đang thu thập chứng cứ về Mlad tại thời điểm này.

Xung quanh câu hỏi về lý lịch, có thể thấy điều gì? Trước tiên, nó chứng tỏ những biện pháp an ninh do tướng Groves vẽ ra để bảo vệ dự án Manhattan là hoàn toàn không thích đáng? Sau chiến tranh, Groves đã miêu tả khá tỉ mỉ các mục tiêu an ninh của mình:

“Chúng bao gồm ba cánh: Thứ nhất, ngăn cản bằng mọi giá việc người Đức học hỏi công nghệ chiến tranh hoặc những thành tựu khoa học và kỹ thuật của chúng ta; Thứ hai, bằng tất cả khả năng của mình phải đảm bảo cho được một hiệu quả gây kinh ngạc hết thảy khi bom được sử dụng lần đầu tiên; Và cuối cùng, trong khả năng cho phép, không để cho người Nga biết được các phát minh và những nội dung cụ thể các kế hoạch và tiến trình kỹ thuật của chúng ta” [52].

Mục tiêu cuối cùng đã không đạt được. Groves giải thích là do lỗi của Fuchs. Dung nạp một nhà khoa học Anh quốc tiền sử đã có liên hệ với công sản Đức là một sai lầm, song chẳng còn cách nào để quay ngược được vấn đề: “Tôi đã gặp khó khăn khi phải quyết định làm thế nào để

có thể tránh được sai lầm này mà không xúc phạm tới Anh Quốc, đồng minh chủ yếu của chúng ta, đồng thời bảo vệ những thiết bị an ninh của họ” [53].

Giờ đây, dường như là Persée - Mlad, một người Mỹ gốc đã trút gánh nặng cho nước Mỹ. Tướng Groves, theo như mô tả của các nhà bình luận thì không phải là một nhân vật cuồng tín, mặc dù ông ta luôn bị ám ảnh bởi nỗi sợ hãi về một sự xâm nhập của cộng sản - một ý tưởng vốn bị nhiều người chế giễu. Hoặc giả, theo như một giả thuyết khác, tất cả các ý tưởng nhằm đảm bảo an ninh trong lĩnh vực khoa học đều đã bị cấm từ trước.

Thứ hai, theo phát hiện của Tchikov, Persée - Mlad và Cohen đều bỏ qua Greenglass, và do vậy, vợ chồng Rosenberg nghiêm nhiên trở thành những điệp viên nguyên tử hàng đầu ở Mỹ. Nếu Persée - Mlad tới Met.Lab, vị thế của ông ta sẽ cao hơn nhiều so với Greenglass. Còn về phần vợ chồng Cohen - những người phụ trách tuyển chọn và liên lạc - thì dễ dàng đẩy vợ chồng Rosenberg ra vị trí của kẻ nghiệp dư. Tuy vậy, chúng ta cần đợi những phát hiện mới từ Hồ sơ Venona trước khi có thể hoàn chỉnh “bức ghép hình”.

Cuối cùng, cặp Mlad - Fuchs, nhân tố giúp cho hai nhà khoa học nguyên tử làm việc tại Los Alamos cung cấp cho những cộng sự người Xôviết các kết quả nghiên cứu cuối cùng, đồng thời cũng tạo điều kiện để kiểm tra chéo độ xác thực của tin tức, chính là những nhân vật then chốt gây nên vụ Enormoz. Nếu như nguồn tin từ Tchikov là chính xác thì Persée - Mlad còn ở vị trí quan trọng hơn hẳn so với Fuchs, bởi vì tới Los Alamos trước Fuchs, Mlad cũng nhanh chóng rời khỏi nơi này nhưng không quên tuyển hai nhà khoa học để tiếp tục công việc của mình. Những tài liệu mà người Xôviết nhận được từ Pontercovo, Greenglass, Nunn và những điệp viên khác chỉ xếp hạng hai so với những gì mà Mlad thu được. Tóm lại, tất cả câu chuyện của giai đoạn này đã dần dần hé lộ.

Đến đây, độc giả có thể sẽ tự hỏi tại sao mọi người đều thừa nhận vai trò và sự ưu tiên cho Mlad. Cuộc chiến chinh phục đỉnh Olympé cho chúng ta câu trả lời. KGB trong cuộc vật lộn để tiếp tục tồn tại sau khi Liên Xô sụp đổ, có lẽ đã tuyên bố rằng không những họ đã đánh cắp được bí mật bom nguyên tử, mà một trong những điệp viên của họ còn sống ở Mỹ trong một thời gian dài mà đối phương không hề hay biết. Trong khi đó người tuyển dụng, người chuyển tin và cả cấp chỉ huy của điệp viên này cả ba đều được tận hưởng những ngày thanh bình ở Matxcova. Yatskov thì hạnh phúc khi biết được những tin mật sẽ giúp ông ta đánh bóng lại uy tín vốn bị lu mờ đi sau vụ Rosenberg. Tchikov trong vai bình phong nhà nghiên cứu ở vụ báo chí thì vui mừng khi được tiếp cận các nguồn tin mật. Còn sở mật vụ thì bằng lòng với việc “xin cỏ” dưới chân các nhà vật lý học, và như vậy, lịch sử đã vén màn khi mà Liên Xô sụp đổ. KGB đang cố gắng tổ chức lại, thì quả là đã muộn để cứu vãn sự việc. Vả lại cũng chẳng còn cần thiết khi lịch sử đã hoàn thành sứ mệnh và Mlad thì đã có một vỏ bọc mới: Persée.

Một lý do nữa để khai vụ Persée ra còn bởi vì chính vụ này đã tạo những thuận lợi cho phía Liên Xô trong thời kỳ Chiến tranh lạnh. Trong khi khẳng khái chối bỏ những mất mát (do vợ chồng Rosenberg gây ra), Sở mật vụ cố đưa ra những thành quả đạt được (từ Cohen). Vụ Persée đã đưa vụ Rosenberg vào bóng tối, gỡ bí cho cả FBI, CIA và MI5. Ngoài ra, việc tiết lộ sự tồn tại của Persée và những điệp viên không nguy trang hoạt động ở Mỹ đã góp phần tạo nên những phiền phức cho kẻ thù số một của Liên Xô thời điểm này: Hoa Kỳ. Có nghĩa là gây ra những ngò vọc trong giới khoa học Mỹ, khuyến khích việc săn lùng các điệp viên trong số các tay kỳ cựu nổi tiếng nhất, đem tới sự lo lắng về hệ thống bảo đảm an ninh của Mỹ và cản trở việc triển khai các chương trình hạt nhân của họ; khiến cho các cơ quan mật của Mỹ phải tiến hành các hoạt động thẩm tra, nghi vấn, phân tích để tìm manh mối.

Tác phẩm này được xây dựng từ ý tưởng rằng sự tiết lộ về câu chuyện của một điệp viên dạng Persée - Mlad sẽ không tạo nên hậu quả xấu. Cho dù một cựu điệp viên có bị nhận dạng hay không thì điều quan trọng trước hết là vẫn phải cố gắng nắm được những thông tin về nhân thân và hoạt động của ông ta, và thứ hai là phải hiểu rõ được động cơ, tinh thần nào đã dẫn đến việc họ phản bội, hết lòng trung thành với đối phương. Mlad, vợ chồng nhà Cohen, Fuchs và những nhân vật “cấp tiến” khác ở giai đoạn đó đều có chung một điểm: hết lòng tận tụy với lý tưởng cộng sản. Lấy trường hợp của Allan Nunn May làm ví dụ. Ông ta đã lý giải cho hành động của mình là xuất phát từ mong muốn “Làm sao để sự phát triển năng lượng nguyên

tử không chỉ giới hạn trong biên giới nước Mỹ”. Cũng giống như Fuchs và Mlad, ông ta luôn tâm niệm rằng giao những bí mật nguyên tử cho Stalin là “sự đóng góp của bản thân để ủng hộ tính nhân đạo” [54].

Lý tưởng chói lọi mà những nhà “cấp tiến” phát ngôn kỳ thực vô cùng giản đơn, tầm thường và rộng tuếch. Nó đồng nhất với một sức mạnh ngoại bang, song lại không hề có một điểm gì chung với chính sách mà sức mạnh ấy đưa ra. Hơn nữa, đất nước nơi mà các điệp viên sống ở đó mạnh hơn lý tưởng, và luôn chống lại lý tưởng đó. Fuchs đã đánh giá tình trạng tinh thần đó là “một dạng tâm thần phân liệt có kiểm soát”; “sự mù quáng phân liệt” chính là một định nghĩa xác thực.

Câu chuyện của Mlad, Lui, Leslie và tất cả những điệp viên khác hiển nhiên dẫn chúng ta tới những trần trở về mặt đạo đức. Đây là ý kiến không hợp thời của một cựu thành viên KGB, Mikhail Lioubinov.

“Tôi cho rằng câu hỏi: Ai là người có công nhất với Tổ quốc - các điệp viên hay các nhà khoa học? Từ lâu đã phải đặt khác đi rằng: Quốc gia nào và ai có quyền cung cấp cho quốc gia ấy một loại vũ khí khủng khiếp như vậy”. Theo như học thuyết từ xưa tới nay, nếu như chúng tôi không có bom hạt nhân để đối chọi với người Mỹ thì Liên bang Xôviết đã bị tàn phá từ lâu. Quan điểm này cũng giống như một nhận định rằng: đã chẳng có ai chiếm ưu thế. Nhưng ngược lại, nếu không có bom hạt nhân thì Stalin không thể giơ bàn tay thép ra với phương Tây, có thể ông ta cũng sẽ phải chấp nhận kế hoạch Marshall, và hiển nhiên là không thể thủ tiêu được mầm mống đa đảng ở Đông Âu cũng như không thể kiên trì chủ nghĩa bành trướng được. Có lẽ chúng ta cũng không thể chiếm ưu thế ở chiến tranh Triều Tiên hay giành thắng lợi trong cuộc cách mạng Xã hội chủ nghĩa ở Trung Quốc và nhiều điều khác nữa [55].

Eric Sevareid, bình luận viên đài CBS thường nói rằng “lịch sử không buộc chúng ta phải lựa chọn”. Chúng ta không thể biết rằng điều gì sẽ xảy ra nếu như chương trình bom A của Liên Xô không có sự giúp đỡ từ các điệp viên. Nhiều tác giả, trong đó có các nhà khoa học đều quả quyết rằng chỉ mất vài năm các điệp viên nguyên tử của Stalin đã giải quyết xong yêu cầu khó khăn mà Koutchatov và bộ sậu gần như bó tay, nhanh tới mức mà hầu như không cảm nhận được sự hợp tác từ phía họ. Tuy vậy, tất cả mới chỉ là phỏng đoán. Liệu chúng ta có dám chắc là các nhà khoa học Liên Xô có thể sở hữu trong tay hàng ngàn tài liệu đánh cắp được, sở hữu các phương tiện từ dự án Manhattan. Liệu có dám chắc là họ sản xuất bom thành công hay không? Rằng nếu không có Mlad, Fuchs, Pontecorvo, May, Maclean, Cairncross, họ có thể từ bỏ được lẽ lối làm việc cũ kỹ, tránh được những sai lầm trong khoa học để thành công trong việc cho nổ hệ thống nguyên tử trước năm 1953, thời điểm Stalin qua đời? Và nếu như có thể thực hiện được sớm hơn nữa thì là lúc nào? Liệu nhà lãnh đạo mới có tiếp tục phung phí các nguồn lực trong dự án bất khả thi nữa hay không, nhất là khi họ đang chủ trương thi hành những chính sách đi ngược lại ý chí của Stalin? Nếu như không có sự hợp tác của các điệp viên nguyên tử của Stalin, thì có lẽ Liên Xô vẫn chỉ là một quốc gia không bom hạt nhân, không bom khinh khí, để rồi mặc kệ người Mỹ, chỉ chú trọng vào việc mở rộng hợp tác quốc tế và tập trung phát triển kinh tế.

Nhưng đó là những điều không xảy ra trong thực tế và chúng ta vẫn đang đối diện với vấn đề hạt nhân. Những việc mà người Nga đã làm, thực chất là điều không thể tránh khỏi. Bởi vì trên thực tế, các nhà khoa học Đức là những người đầu tiên thành công trong công nghệ phân rã hạt nhân, trong khi đó mối lo phát xít đang hiển hiện khi Đức Quốc xã chiếm quyền. Do đó, không thể tránh khỏi người Anh, người Mỹ và Liên Xô phải nhanh chóng triển khai các chương trình nghiên cứu nhằm trang bị cho mình vũ khí nguyên tử. Và bởi vì người Anh và người Mỹ đã vượt lên trước người Nga trong lĩnh vực này, do vậy hiển nhiên là các nhà lãnh đạo Liên Xô phải tìm con đường đi tắt. Và bởi vì bản chất của chế độ Stalin là như vậy, cho nên cũng không thể tránh khỏi việc họ sử dụng mạng lưới điệp viên làm nhân tố chủ yếu cho kế hoạch hạt nhân của mình. Và cũng vì thế mà hiển nhiên NKVD nhằm vào những người có cảm tình với chế độ cộng sản, những nhà cấp tiến... để tuyển chọn điệp viên của mình. Một chuỗi những điều hiển nhiên ấy đã tạo nên lịch sử.

Những điệp viên của Los Alamos hay ở những nơi khác đều có sự chọn lựa: Bảo vệ các bí mật



an ninh quốc gia hoặc giao nó cho phía đối phương. Và khi đã biết được sự lựa chọn của họ thì chúng ta cần phải nhìn nhận họ dưới khía cạnh đạo đức. Những vợ chồng nhà Cohen hay Mlad phải chăng là những nhà hoạt động vì lý tưởng cao cả hay chỉ đơn thuần là những kẻ xuẩn ngốc đáng thương hại? Họ là “ân nhân” của lòng nhân đạo hay là những kẻ phản bội đáng nguyên rủa? Và tất cả những kẻ tòng phạm, những nhân viên, người trung chuyển tài liệu của họ (không kể trường hợp đặc tình hai mang như trường hợp của Shar với Harry Houghton) chẳng phải là những kẻ móc túi ăn cắp vật tài liệu một cách bẩn thỉu trước khi đánh bài chuồn hay sao? Liệu còn gì xứng đáng với họ hơn là sự nguyên rủa của chúng ta?

Stalin đã ăn cắp bom nguyên tử của người Mỹ như thế nào? Từ Vladimir Tchikov, câu hỏi này được nêu lên khi đề cập đến vấn đề nguyên tử. Mỗi một sự kiện khác nhau lại làm nảy sinh các câu hỏi khác nhau. Chẳng hạn như việc sử dụng bom A chống lại Nhật Bản; các vụ thử chất phóng xạ lên cơ thể con người ở Mỹ cũng như ở Liên bang Xôviết; cuộc chạy đua vũ trang không ngừng nghỉ giữa hai cường quốc; các thảm họa hạt nhân đã xảy ra hoặc sắp xảy đến trong tương lai; sự tàn phá của các loại rác hạt nhân. Vấn đề nguyên tử, vốn không thể tránh khỏi từ bản chất, sẽ ngày càng trở thành một phần không thể tách rời của lịch sử thế giới. Những vấn đề này sẽ tồn tại mãi với thời gian.

Cũng như trường hợp vợ chồng nhà Cohen và Mlad, những người mà tôi từng gọi là bọn phản bội đáng nguyên rủa và lũ ngốc đáng thương, cũng như những đồng sự của họ, tất cả họ đều không tránh khỏi số phận và đều tìm được vị trí của mình trong cái trật tự ấy.

Gay Kern  
Grand Terrace, California  
3/12/1995

*HẾT*

**Chú thích:**

- [1] Khổng lồ, lạ thường (ND).
- [2] Được xuất bản bằng tiếng Nga dưới tít: “Những người thông tin cho dự án bom nguyên tử của Xôviết: vai trò của các Cơ quan tình báo từ năm 1941-1946”. Theo những tài liệu lưu trữ của Cơ quan Tình báo nước ngoài của Nga đăng trên tạp chí Những vấn đề lịch sử khoa học tự nhiên và công nghệ số 3 ở Matxcova. Vladimir Ichika đã tham gia với tư cách là người cố vấn xuất bản. (ND)
- [3] Được thành lập ở Tchêka năm 1917, sau này đổi tên là KGB và NKVD (1934-1954), được gọi là Cục An ninh Quốc gia, Cơ quan mật vụ hay Cảnh sát mật - những cách gọi này được thay đổi liên tục.(ND)
- [4] Youli nhớ rằng bức thư đó đã đề nghị một cách tiên tri hai phương pháp mở bom nguyên tử: phương pháp phóng và phương pháp làm nổ. Kourtchatov đã giữ bức thư này suốt cuộc đời ông. Khi ông qua đời, bức thư đã được phát hiện ở ngăn kéo bàn, trong phòng làm việc của ông.
- Vấn đề quan trọng ở đây là đánh giá sức mạnh của nguyên tử, rất nhiều yếu tố liên quan: bản chất của vụ nổ đã tiến hành, phương pháp sử dụng, số lượng vụ nổ. Trong cuốn The Nuclear Almanac đã chỉ ra rằng: việc phân hạch một kilôgam chất nổ nguyên tử giải phóng một năng lượng tương đương chất nổ hoá học của mười bảy nghìn tấn thuốc nổ TNT. Và việc nung chảy một kilôgam chất nổ nhiệt hạch nguyên tử cũng giải phóng một năng lượng tương đương năm mươi nghìn đến một trăm nghìn tấn thuốc nổ TNT.
- [5] Dịch từ cuốn sách của Mikhail Tcherenk có tên là “Một trăm nghìn tấn thuốc nổ, hoặc tôi muốn sửa lỗi chính tả”. Moskovskie Novosti, số 16, ngày 17 tháng tư năm 1988. Người ta nghĩ rằng Fliorov đã gửi một bức thư và một bức điện cho Staline năm 1941 nhưng những tài liệu này được lưu trữ ở sở lưu trữ của Tổng thống và không thể sử dụng được.
- [6] Bản phác thảo của Igor Golovine trong cuốn “Họ đã chế tạo ra thần linh” trích đăng trên tờ Thời sự Matxcova, số 41, ra ngày 15-22 tháng 10 năm 1989. Serguei đã viết về một cuộc họp của Ủy ban Khoa học năm 1942, trong cuộc họp này, Ioffe đã chọn Kourtchatov làm người chỉ đạo chương trình bom nguyên tử; trừ khi cuộc họp này không diễn ra ở Điện Kremlin trong phòng của Kaftanov.
- [7] Những nhiệm vụ khoa học đầu tiên của phòng thí nghiệm số 2 do David Holloway viết trong cuốn Stalin và bom; Liên bang Xôviết và năng lượng nguyên tử 1939-1956.
- [8] Những cuốn hồi ký khác của Fliorov, Golovine, Kaftanov và Khariton cũng đề cập đến vấn đề này; một số cuốn sách sau đây cũng đáng để tham khảo như: Anatoli Alexandrov “Những năm bên cạnh Kourtchatov” năm 1938 và bài phỏng vấn “Người ta đã chế tạo bom nguyên tử như thế nào” phát hành ngày 23 tháng 7 năm 1988; Lev Altshuller trong cuốn “Chính chúng tôi đã chế tạo ra bom nguyên tử” số ra ngày 6 tháng 6 năm 1990; Youli Khariton trong cuốn “Vũ khí nguyên tử của Xôviết đã đến từ Mỹ hay đã được chế tạo theo cách tự trị?” phát hành ngày 8 tháng 12 năm 1992; Mikhail Pervoukhine “Những năm đầu tiên của dự án bom nguyên tử” phát hành năm 1985.
- [9] Con số chính xác là 239/94. Nguyên tử này là plutonium, được Glenn Seaborg đặt tên năm 1942, nhưng trước đó nhà vật lý Louis Turner, Princeton, đã đặt tên là “Eka-osmium”. Eka là tiền tố cũ được mượn của nguyên tố sanscrit, có nghĩa là “ở trên”, plutonium là nguyên tố sinh ra trong lò phản ứng hạt nhân. Ghi chú của Kourtchatov chỉ rằng, “Eka-osmium”, nguyên tố 94, với 239 nucléon.
- [10] Anatoli Yatskov nhắc lại những gì đã qua trong cuộc gặp gỡ đầu tiên của ông ta với Fitine trong một cuộc phỏng vấn có sự đồng ý của Anatoli Pokrovski.
- [11] Trong một bản câu hỏi được hoàn thành để gởi cho tiểu đoàn “Mackenzie/Papineau”, Altman-Cohen đã nói rằng, anh rất muốn tiếp tục công việc của một chiến binh trong Đảng và anh sẽ đi bất cứ nơi đâu mà người ta yêu cầu. Tài liệu này (bản chụp lại) có trong cuốn sách Những bí mật của Đảng Cộng sản Mỹ của Harvery Klehr, xuất bản năm 1995.
- [12] Độc giả sẽ ghi nhận một vài chi tiết sai ngày tháng trong ký ức của Morris Cohen. Ông ấy không thể có một kiến thức về bom nguyên tử năm 1941, ngày diễn ra đám cưới của ông với Leontine Petka.
- [13] Cohen đã dựa vào một tác phẩm được biết đến với cái tên Nghệ thuật chiến tranh - là một tác phẩm buộc phải đọc trong những kế hoạch của KGB ngay từ đầu những năm sáu mươi, và mới đây nó được biết đến như một tính cách thời thượng, theo những nhà kinh doanh Mỹ. Một cách thức nổi tiếng nhất đó là: “Tất cả chiến tranh đều dựa trên sự đánh lừa.
- [14] Bộ định vị bằng sóng âm.
- [15] Cục công tác chiến lược của Mỹ - tiền thân của CIA.
- [16] Có một điều khoản trong Hiệp định Yanta buộc các lực lượng quân đội Anh và Mỹ ở Châu Âu phải tìm và giữ lại tất cả các công dân Xôviết lưu vong hoặc bỏ trốn, tập trung họ lại trong các trại tạm giữ và trả lại cho nhà cầm quyền Xôviết. Hơn hai triệu người “lưu vong” đã được trao trả từ 1945 đến 1948, trong đó phần đông đến Liên Xô, bị bỏ tù hoặc bị giết.
- [17] Liên Xô cũng có tên trong danh sách của kế hoạch Marshall tháng sáu năm 1947 nhưng nước này đã từ chối vì thấy âm mưu của Mỹ muốn can thiệp vào công việc nội bộ thông qua việc viện trợ đó.
- [18] Những kỷ niệm của Pcter Kroger thực ra không chính xác. Những người cộng sản bị chính phủ săn đuổi tháng 5 năm 1947, cảnh sát trưởng vào thời kỳ đó cũng không phải là cộng sản. Có thể hai vợ chồng họ đến Paris vào tháng bảy năm 1946 chứ không phải 1947. Như thế mới đúng là phe cộng sản có vai trò quan trọng trong các sự kiện diễn ra ở Pháp.

[19] Đây lại là chi tiết chứng tỏ Helen nhằm lẫn về năm tháng.

[20] Giám đốc KGB trở thành Tổng Bí thư Đảng cộng sản Xôviết và Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng.

[21] Xem Vital Chentalinski, Lời người chết đi sống lại. Kho lưu trữ văn học của KGB, Robert Laffont, Paris, 1993.

[22] Tham khảo “Cuối cùng, Xôviết cũng nói lên sự thật về vụ thảm sát tại rừng Katyn”, Insight, Washington DC, ngày 7 tháng 5 năm 1990, tr. 28-29; tờ Tin tức Matxcova , Matxcova số 3,12,16,18.20 năm 1990; 18,44 năm 1991; tờ New times, Matxcova số 17-1991. tr. 28-31; số 44-1992. tr.30-31; Vladimir Abarinov, “Mê đạo Katyn: điều tra đặc biệt về thảm họa Katyn”, Novosti, Matxcova 1991. Một nghiên cứu dày bốn tập do các nhà nghiên cứu Ba Lan và Nga dự tính từ cuối năm 1995.

[23] Một chương trình nghiên cứu tổng hợp có giá trị rất lớn từ trước tới nay được thực hiện ở Walter Laqueur, Stalin: sự thật về chính sách trong sạch chính trị, Chas. Scribner’s Sons, New York 1990. Các công trình của Dimitri Volkogonov về Lênin và Stalin được đào sâu trong các tài liệu lưu trữ. Tham khảo, Stalin: chiến thắng và bi kịch. Và cuốn Sự thật về Lênin, Robert Laffont, Paris 1995. Những vấn đề lịch sử của Đảng cộng sản Liên Xô , các số 1 & 3 1991 (về Boukharine), Izvestia, TSK KPSS, các số 1 & 2 (vụ Beria).

[24] Alexandre Feklissov. “Chiến công của Klaus Fuchs”, tạp chí lịch sử quân đội số 12. 1990, tr. 22-29; số 1, 1991, tr. 34-43.

[25] Youli Khariton và Youli Smirnov, “Bản dịch của Khariton”, tập san khoa học nguyên tử, tháng 5 năm 1993, tr. 20-23; “vụ Beria”, tr.29.

[26] “Họ đã thức tỉnh thiên tài” (phỏng vấn Igor Golovine): tin tức Matxcova. Số 41, tr. 15-22, tháng 10 năm 1989.

[27] Ibid. tr 41.

[28] Serguei Leskov, “Xẻ chia chiến thắng của cha”, Tập san khoa học nguyên tử tháng 5 năm 1993, tr. 37-39.

[29] “Bom đã được sản xuất như thế nào”, Izvestia, số 205, ngày 23 tháng 7 năm 1988, tr. 3, phỏng vấn Anatoli Alexandrov.

[30] . Robert Lamphere và Tom Shachtman, Chiến tranh FBI-KGB, chuyện về nhân viên đặc biệt, tr. 27-31.

[31] Các chi tiết được David Dallin cung cấp, Tình báo Xôviết, New Haven, Yale University Press, 1955, tr. 464-465. Soudoplatov viết là Semion Semionov đã được sử dụng làm kẻ bung xung trong sự tan rã Gold-Greenglass- Rosenberg vì hám lợi. Ông đã bị khiển trách là đào tạo nhân viên không tốt và bị cách chức. Xem Pavel Soudoplatov, Nhiệm vụ đặc biệt.

[32] Micheal Dobbs: “Xôviết đã ăn trộm bí mật nguyên tử của Mỹ như thế nào: một cựu nhân viên điện Kremlin tiết lộ tin tức về dự án bom”, tờ bưu điện Washington , ngày 4 tháng 10 năm 1992. Cùng ngày hôm đó, tờ Moskovskie Novosti đăng trích đoạn hồi ký của Kourtchatov đánh giá các tài liệu đánh cắp ở Mỹ: Leonard Nikichine, “các bí mật của Los Alamos. được khai thác và chuyển về nhờ các cơ quan tình báo Xôviết, là nguồn thông tin vô giá đối với Kourtchatov và kíp của ông”. Tr. 13.

[33] Serguei Leskov, “Chia xẻ niềm vinh quang của cha ông”, tr. 37-38; “Quanh vấn đề bom nguyên tử”, tr. 17-18, 19-20, 21-22; “Săn tìm bí mật nguyên tử”, Moskovskaia Pravda, 6 - 15 tháng 6 năm 1991.

[34] A. Yatskov, “nguyên tử và cơ quan mật vụ”, Vấn đề lịch sử của khoa học tự nhiên và công nghệ , số 3, 1992, tr. 103-107. Vladimir Tchikov là cổ vấn của tài liệu này.

[35] Serguei Leskov “Chia xẻ niềm vinh quang...”, tr. 38.

[36] Hans Bethe đã ghi lại năm 1952 rằng: nếu Liên bang Xôviết bắt chước theo những thông tin mà Fuchs cung cấp, “chúng ta có thể vui mừng vì họ đã lãng phí sức lực ghê gớm cho một dự án không có giá trị quân sự”. Cf. Daniel Hirsch và William Mathews, “Bom H: thực sự thì ai là người đã đưa thông tin ra ngoài?”, theo Tạp chí khoa học nguyên tử. tập 46, số 1, tháng giêng và tháng 2 năm 1990: tr. 23-30.

[37] “Thuyết trình của Khariton”, tr. 20-31. Lời giới thiệu của David Holloway, “Sự thăng thấn của các nhà khoa học Xôviết”. tr. 18-19.

Thomas B. Cochran và Robert S. Norris. tác giả cuốn “Đánh giá ban đầu về bom liên hợp của Liên Xô”, cho rằng phải cần đến bảy mươi nghìn lao động khổ sai mới xây dựng được lò phản ứng Xôviết đầu tiên. Cf Tập san khoa học nguyên tử , tháng 5 năm 1991, tr. 25-31. Jaurès Medvedev viết rằng Stalin đã sử dụng hàng triệu công lao động của tù nhân khổ sai làm việc trong các khu căn cứ nguyên tử, đến nỗi NKVD đã thành lập hẳn một ban đặc trách để quản lý lực lượng này. Ban này từng được gọi là “trạm bố dụng đặc biệt” (LON), ngay cả Soljenitsyne cũng không biết về đơn vị này. Medvedev viết: “Dựa trên việc quản lý, hành chính nguyên tử là trên danh nghĩa các nhà khoa học của dự án, người của ban này là những người đầu tiên bị đẩy vào các sa mạc, thảo nguyên trong những cánh rừng già, tới lãnh nguyên tundra và vào núi sâu, làm việc cực nhọc suốt ngày đêm để làm đường, dựng phòng thí nghiệm, các khu phố dân cư, các câu lạc bộ, và tất cả hạ tầng cơ sở cần thiết phục vụ các hoạt động khoa học, phục vụ các kỹ sư và nhân sự của NKVD”. Jaurès Medvedev, “Trại áp bức nguyên tử”, Novoie Russkoie Slovo, New York, 12 tháng 8 năm 1994, tr. 17-18.

[38] “Thuyết trình của Khariton”, tr. 25.

[39] Youli Khariton, “Vũ khí hạt nhân từ nước Mỹ hay tự chế?” Izvestia, số 265, ngày 8 tháng 12 năm 1992: tr. 3. kèm phỏng vấn Youri Smimov và lời giới thiệu của Serguei Leskov (tr. 1). Khariton nói rằng ông biết việc Berthe khai báo về Fuchs năm 1952. Ông cũng nhấn mạnh việc ông đề nghị khen thưởng Fuchs vào năm 1959 nhưng không có kết quả. Cf. Các cuộc phỏng vấn Khariton đăng trên tờ Pravda, “Vật lý, cuộc đời tôi” , 20 tháng 2 năm 1984 và tờ Moskovskaia Pravda ngày 15 tháng 6 năm 1991, “Những kẻ

săn tìm bí mật nguyên tử”, tr. 3-4.

[40] Nilolai Khokhlov đã ra làm chứng trước ban thượng viện Mỹ và tiểu ban điều tra hành chính của Đạo luật an ninh nội vụ và các luật an ninh nội vụ khác, ngày 21 tháng 5 năm 1954 và các ngày 1 và 16 tháng 10 năm 1957. Ông đã trả lời một loạt các cuộc phỏng vấn của tờ US News and World Report vào tháng 2 và tháng 7 năm 1955, rồi tháng 3 và tháng 6 năm 1956. Người ta có thể tìm thấy những đánh giá đầy đủ về Soudoplatov trong Nhân danh lương tâm, Frederick Muller Ltd. Luân Đôn. 1960.

[41] Các ví dụ không chính xác của Soudopla đã được trích trong bài “Điệp viên nguyên tử hay sự dối trá?” của Richard Rhodes đăng trên tờ Thời báo New York , ngày 3 tháng 5. Guennadi Gorelik viết rằng George Gamow là con trai duy nhất, bố mẹ đã mất từ trước kỷ nguyên nguyên tử, do đó khó có chuyện ông ta là đối tượng bị Liên Xô đe dọa: dù phản bội đi nữa. Ông ta cũng bị loại khỏi dự án Manhattan vì nguồn gốc Xôviết. Xem Novoie Roussskoie Slovo (New York). 30-31 tháng 7, tr. 14. Xem Thời báo New York , 19 tháng 4. A5: 24 tháng 4. E4: Bưu điện Washington , ngày 1 tháng 5. Bookworld: ngày 4 tháng 5. A24; Thời báo phố Wall , 11 tháng A14; Tạp chí khoa học nguyên tử, số tháng 7, tháng 8. tr. 30-36.

[42] Roger Donald, “Bất đồng quan điểm về một cuốn hồi ký của KGB”, Bưu điện Washington, 19 tháng 5 năm 1994.

[43] Priscilla Johnson Mcmillan, “Ký ức của người đánh xe độc mã”. Tạp chí khoa học nguyên tử tháng 7-8 năm 1994, tr. 31.

[44] Serguei Leskov, “Robert Oppenheimer có thể là nhân viên của Liên Xô...”, tr. 7. Leskov đã mô-di-phê câu chuyện trong “một bằng chứng đáng tin cậy”, đăng trên Tạp chí khoa học nguyên tử số tháng 7, tr. 33-36.

[45] Ba tác phẩm quan trọng viết về vấn đề này: Igor Gouzenko, The Tron Curtain. E.P. Dutton. New York, 1948; H. Montgomery Hyde, The Tom Bom Spies, Ballantine. New York. 1980; Peter Wright. Spycatcher, nhà xuất bản của Pháp: Robert Laffont, Paris. 1987. Mới đây có thể kể đến Mikhail Milstein, “Gouzenko rút lui”, Tuyết mặt. số 3, 1995, tr. 24-25.

[46] Các bản khai được xuất bản trong phụ trương của Robert Chadwell Williams, Klaus Fuchs: Tom Spy, trích đoạn tr. 179-220.

[47] . Micheal Meerpol. “Lời giới thiệu” trong những bức thư của Rosenberg: trọn bộ thư tín của các tù nhân Julius là Ethel Rosenberg. Garland, New York, 1994, phần XVII-XLI.

[48] “Khrushchez vén màn bí mật”, Time , số ra ngày 1 tháng 10 năm 1990. tr. 68-78. Lại thêm Ký ức của Khrushchez: sự bất thành của chính sách trong sạch chính trị: NXB Little Brown, Boston. 1993, tr. 193-194.

[49] Michael Meerpol, phần XXX.

[50] “Niềm kinh hoàng và báo động giả”, Thời báo New York , tháng 10 năm 1990.

[51] Morrison cho rằng một bức vẽ các vật kính của Greenglass lẽ ra đã có ích hơn. CF. Alvin H. Goldstein, Cái chết bất ổn của vợ chồng nhà Rosenberg, tr. 64. Những ví dụ về “các lỗi ngớ ngẩn” của Greenglass ở phiên tòa được Ronald Radosh và Joyce Milton viết trong Hồ sơ vụ Rosenberg: đâu là sự thật , Holt, New York, 1983, tr. 437.

[52] Leslie R.Groves, Giờ thì đã lộ: Câu chuyện về dự án Manhattan. Harper & Brothers, New York. 1962, tr 141.

[53] Leslie R.Groves, Sdd, tr.143.

[54] Dẫn theo lời thú nhận đăng trên “The Repost of the Royal Commission Ottawa”. 27/6/1946, Tr 455-456. Alan Moorehead, The Traitors, Sdd: Tr 40-43.

[55] Mikhail Lioubinov, “Tình báo hay khoa học?”, Top Secrel, số 9/1994, tr. 27.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>